NĂM THỨ MƯỜI BA • # 153 & 154 • JAN. & FEB. 2002

THẾ KỶ 21

11022 ACACIA PARKWAY #A GARDEN GROVE CA 92840 • TEL: (714) 839-8746 • E-mail: theky@kicon.com

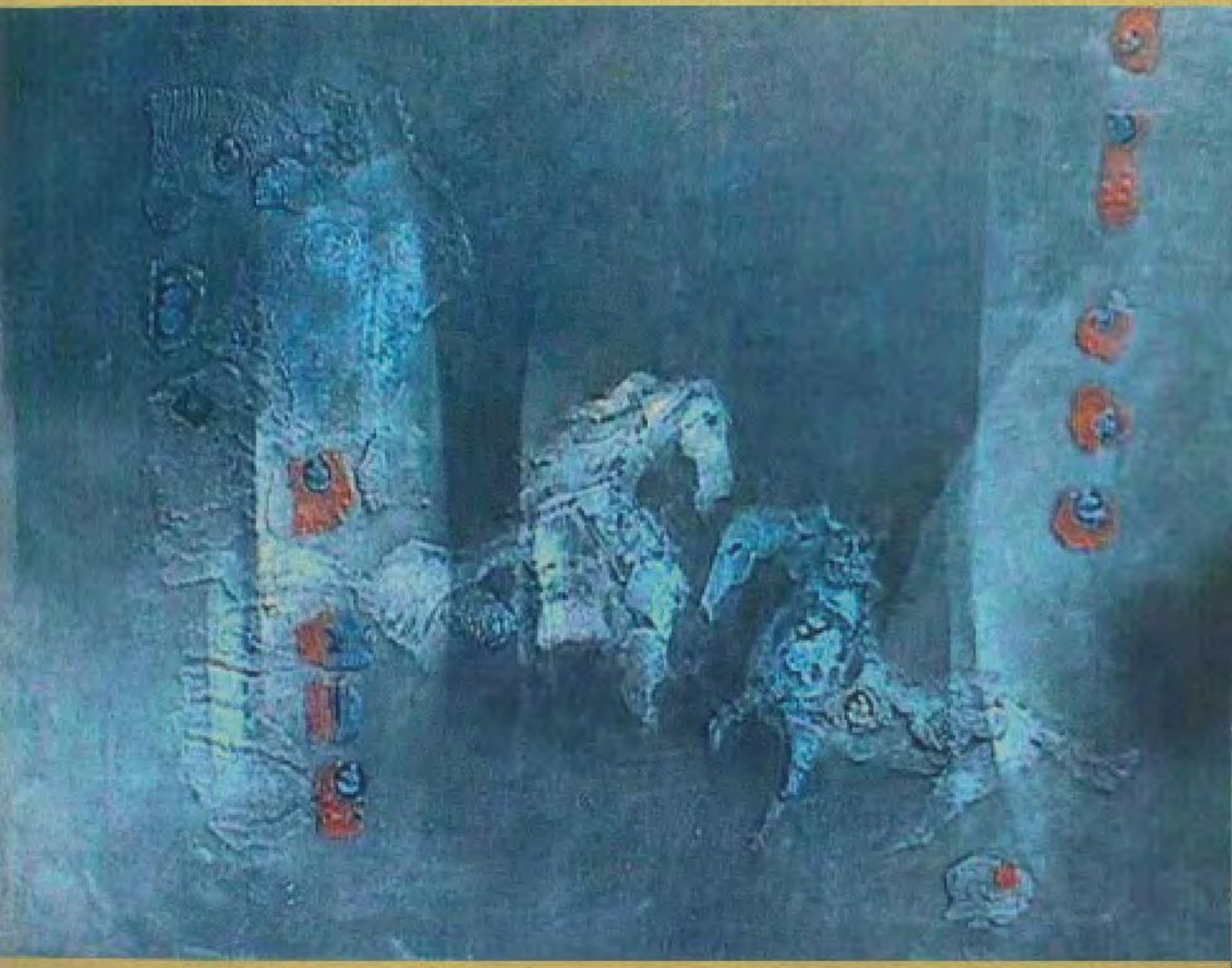

XUÂN NHÂM NGỌ

2002

NHƯ Ý CÁ 8 MÓN

Trước ở: Edinger & Goldenwest

Nay dời về: 9830 Warner Ave., Fountain Valley, CA 92708

(Warner & Euclid) đối diện Mile Square Park

Web: www.nhuycorp.com

(714) 963-1700

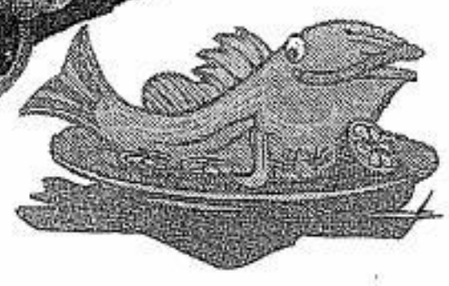

ĐẶC BIỆT: CÁ 8 MÓN

BEER & WINE BAR RƯỢU

- Gỏi Cá
- Cá Chiên Dòn Sốt Mắm Me
- Gỏi Cuốn Cá
- Chả Giò Cá
- Cá Mỡ Chài
- Cá Lá Lốt
- Cá Nướng Vĩ
- Cháo Cá

CÁ ĐÚT LÒ, HẢI SÂM CƠM CHÁY: NGON ĐỘC ĐÁO

ĐẶC BIỆT: BÁNH KHỌT, BÁNH XÈO HỦ TÍU NAM VANG BÁNH MÌ XÍU MẠI CUA

MỘT PHẦN 1 NGƯỜI $12.99

LÒ BÁNH CUỐN NÓNG TRÁNG TAY TẠI CHỖ
10:30AM - 5PM mỗi ngày

NHẬN ĐẶT TIỆC:
- HỌP MẶT
- SINH NHẬT v.v...

Ngoài ra nhà hàng còn có trên 100 món khác: Các loại bún, các loại phở, các loại cơm và cơm tấm, các loại lẩu như lẩu Thái, Lẩu lươn, Lẩu tôm càng...

Các món nhậu độc đáo như:
- *Ngầu Pín tiềm thuốc Bắc*
- *Dê tiềm thuốc Bắc*
- *Lươn xào lăn*
- *Nghêu bằm xúc bánh tráng.*

HAPPY HOUR
Bia nội: $1.50 / chai
Bia ngoại: $2.00 / chai
10 AM - 5 PM
từ Thứ Hai tới thứ Năm

Nhà hàng sang trọng, lịch sự, nằm trên một ngọn đồi cỏ, nhìn qua Mile Square Park rất thơ mộng và tình tứ.

Có nhạc sống mỗi ngày từ 7 giờ chiều đến 12 giờ đêm

Mở cửa 7 ngày: từ 10 AM - 12 GIỜ ĐÊM

NHẬN MỞ CHI NHÁNH TRONG VÀ NGOÀI NƯỚC MỸ
Liên lạc Bà NHƯ Ý

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

Bác Sĩ LÊ VĂN GIAO M.D.

(Nguyên Giáo Sư Đại Học Y Khoa USC)

15550 BROOKHURST ST., STE #A, WESTMINSTER, CA 92683

(Góc McFadden, đối diện Jack In The Box)

(714) 839-4311 * (714) 839-4321

- *Trung Tâm định bệnh và truy tầm các chứng bệnh nội ngoại thương, các loại ung thư Nam Nữ và Trẻ em bằng phương pháp:* ***QUANG TUYẾN, SIÊU ÂM, SPIRAL CAT SCAN và OPEN MRI mới nhất và tối tân nhất hiện nay.***
- ***Trung Tâm Quang Tuyến Bác Sĩ Giao*** *đang hợp tác với các Bác Sĩ gia đình và chuyên khoa phục vụ quý vị tại Quận Cam cùng các nơi xa đến trên 10 năm nay.*
- *Trung Tâm tọa lạc tại một địa điểm khang trang, rộng rãi, lịch sự và đặc biệt được trang bị những máy móc tối tân nhất và duy nhất tại Cộng Đồng người Việt tại hải ngoại.*

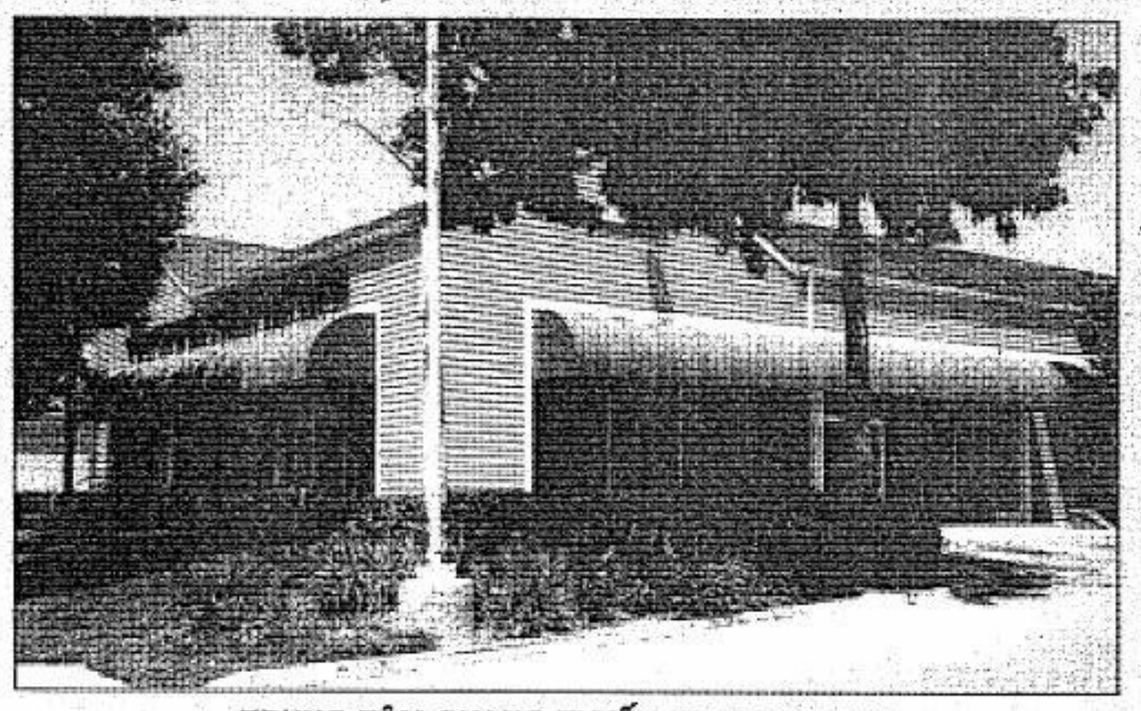

TRUNG TÂM QUANG TUYẾN WESTMINSTER

1- ***MÁY GE-DMR PLUS MAMOGRAPHIC SYSTEM*** - Truy tầm ung thư vú - Đây là loại máy Digital mới nhất hiện nay, giúp định bệnh vô cùng chính xác với số lượng quang tuyến rất thấp, do nữ chuyên viên có bằng cấp thực thụ đảm nhiệm. Trung Tâm đã được sự chỉ định và ban khen của Hội Ung Thư Hoa Kỳ, thêm nữa **Bác Sĩ Giao** luôn có mặt tại chỗ để hướng dẫn giải đáp mọi thắc mắc của quí bà và quí cô.

2- MÁY GE-LUNAR PRODIGY-BONE DENSITOMETER (Máy đo xốp xương): Máy Lunar tối tân và chính xác nhất để truy tầm bệnh xốp xương của mọi lứa tuổi.

3- MÁY SIÊU ÂM MẦU - Để truy tầm các bệnh ung thư nội ngoại thương và đặc biệt bệnh nghẽn mạch máu toàn thân. Máy này cũng do nữ chuyên viên có bằng thực thụ điều khiển.

4- MÁY SPIRAL CAT SCAN HOẶC HELICAL CAT SCAN - Loại mới nhất hiện nay do hãng SIEMENS của Đức chế tạo và chỉ có duy nhất tại Cộng Đồng Việt Nam. Máy này chỉ cần một phút là định được chính xác những bộ phận nào bị hủy hoại, suy yếu trong cơ thể. Quí vị nào dễ bị chứng ngộp ngạt (Claustrophobia) khi phải nằm trên những máy mốc khác quá lâu, nay với máy này sẽ cảm thấy thật thoải mái.

5- MÁY HITACHI OPEN MRI - Mặc dầu không nhanh bằng máy SPIRAL nhưng khi định bệnh những bộ phận mềm thì rất là xuất sắc. Thêm nữa vì là OPEN MRI nên bệnh nhân không bị ngộp thở, gò bó như máy khác. Trung Tâm còn nhiều loại máy tối tân khác để phục vụ quí vị và sẵn sàng đón nhận và giải đáp những thắc mắc của quí vị.

Quê hương lam lũ, dấu yêu!

Người Việt chúng ta nổi tiếng với đức tính cần cù, chịu thương chịu khó để xây dựng một tương lai sáng lạn không chỉ cho mình mà còn cho những thế hệ mai sau. Công ty New York Life hiểu được truyền thống cao quý đó của dân tộc Việt và từng gia đình người Việt. Chính vì vậy, để cung cộng đồng Việt mưu cầu cho đời sống tương lai tốt đẹp, công ty New York Life – một công ty đã được bao thế hệ người Mỹ đặt niềm tin vào hơn 150 năm qua – mong muốn được chia xẻ cùng quý vị trong việc thực hiện niềm mơ ước cao quý và chính đáng đó.

Chúng tôi có những sản phẩm bảo hiểm và dịch vụ tài chánh như:

- Bảo hiểm nhân thọ (Life Insurance)
- Niên kim* (Annuities)
- Bảo hiểm săn sóc tận phế (Long Term Care Insurance)
- Quỹ về hưu (Retirement Funding)
- Quỹ đại học (College Funding)
- Kế hoạch truyền thừa tài sản (Estate Planning)

Tương lai đang nằm trong tay của quý vị. Hãy gọi cho các văn phòng và những đại diện của chúng tôi theo các số điện thoại dưới đây.

NEW YORK LIFE

The Company You Keep™

www.newyorklife.com

NEW YORK LIFE INSURANCE COMPANY

CUNG ỨNG BẢO HIỂM VÀ NHỮNG DỊCH VỤ TÀI CHÁNH KHÁC

IRVINE	2020 S. Main St., Ste. 200	Irvine, CA 92614	(949) 797-2400
LONG BEACH	6700 E. Pacific Coast Hwy, Ste. 180	Long Beach, CA 90803	(562) 493-2571
POMONA:	3201 Temple Ave., Ste. 200	Pomona, CA 91768	(909) 598-2333
BREA:	3230 E. Imperial Hwy, Ste. 100	Brea, CA 92621	(714) 572-2100
LA PALMA:	6 Centerpointe Dr., Ste. 600	La Palma, CA 90623	(714) 228-2779

* Do Công Ty Bảo Hiểm New York Life and Affiliate Corporation (Tổ Hợp Doanh Nghiệp Phát Hành)
©2001 New York Life Insurance Company, 51 Madison Avenue, New York, New York 10010. All rights reserved.

VĂN PHÒNG LUẬT SƯ DANH TIẾNG

NORMAN FEIRSTEIN

ATTORNEY AT LAW

CHI HENSON FEIRSTEIN

TỔNG GIÁM ĐỐC ĐIỀU HÀNH

TAI NẠN XE CỘ

* BỒI THƯỜNG TAI NẠN XE CỘ, GIAO THÔNG
* BỒI THƯỜNG TAI NẠN, TỬ VONG TRONG CƠ SỞ
* BỒI THƯỜNG TAI NẠN, TỬ VONG BỞI MÁY MÓC XE HƠI KHÔNG AN TOÀN
* BẤT CẨN Y TẾ (MEDICAL MALPRACTIC)
* THƯƠNG TÍCH TAI NẠN TẠI CƠ SỞ (WORKERS COMPENSATION, TẠI HUẤN NGHỆ)

ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN PHÒNG

Với tài hùng biện quả quyết, Luật sư Norman Feirstein đã giành nhiều kết quả, thắng nhiều vụ kiện tai nạn lớn nhất cũng như tranh tụng khế ước, nợ nần về thương mại, cũng như cá nhân cho nhiều thân chủ trong cộng đồng Á Đông. Kín đáo và uy tín nhất trong cộng đồng.

THƯƠNG MẠI

* Cố vấn Thương Mại
* Tranh chấp Thương Mại
* Hủy bỏ giao kèo
* Thành lập hoặc hủy bỏ công ty (Corporation / Partnership)

HÌNH LUẬT

* Các tội tiểu hình/đại hình
* Trộm cắp trong siêu thị
* Trộm cướp / Gian lận
* Say rượu lúc lái xe (DUI)
* Vợ chồng xô xát (Domestic violence)
* Ấu đả (Assault & Battery)

LUẬT GIA ĐÌNH

Ly dị / Ly thân, hủy hôn thú	Lập khế ước hôn nhân	Xin đổi cấp dưỡng cho con / vợ / chồng	Xin đổi tên, xin lệnh cách ly

ORANGE COUNTY
8251 Westminster Avenue, Suite # 203
Westminster, California 92683
Tel: **(714) 892-3320**
Tel. 24/24: **(714) 875-5585**
Fax: **(714) 894-5977**

SAN JOSE
2191 Tully Road, San Jose, CA 95122
Tel: **(408) 929-5400**
Fax: **(408) 289-9484**
Tel 24/24 goi cô **CHIEU EDWARDS**
1-800-632-0532

Phương Châm của chúng tôi: "VĂN PHÒNG CHỈ MÃN NGUYỆN KHI THÂN CHỦ HÀI LÒNG"

Văn phòng duy nhất mà quý vị không bị bắt buộc ký Power of Attorney (Giấy Ủy Quyền). Luật sư hãnh diện cùng ký tên trên ngân phiếu của Bảo Hiểm bồi hoàn cho quý vị.

TRUNG TÂM PHỤC HỒI
MAGNOLIA
TOTAL REHAB AND HEALTH CENTER, INC.

Bác sĩ y khoa THÁI DIỆU MY

16401 Magnolia St., Westminster CA 92683

Tel: 714 5964288 Fax: 714 596-2388

Sứ Mạng:

Tôn chỉ hoạt động của Trung Tâm Phục Hồi Magnolia là đem lại những chăm sóc ngoại chẩn ưu hạng về ngành Phục Hồi cho đồng bào người Việt, trong một môi trường đầy cảm thông và dễ dàng về ngôn ngữ và văn hóa.

Trung tâm Phục Hồi Magnolia chúng tôi rất hãnh diện về những đặc điểm và khả năng mà chúng tôi có thể đem đến cho đồng bào Người Việt tại miền Nam Cali trong mọi nhu cầu ngoại chẩn về vật lý trị liệu. Bên cạnh những chăm sóc và theo dõi chuyên biệt, đội ngũ bác sĩ và điều trị viên Việt Nam có thể giúp bệnh nhân tránh được những khó khăn về bất đồng ngôn ngữ.

Tọa lạc ngay tại trung tâm Little Saigon, trung tâm Phục Hồi Magnolia tiện nghi và rộng lớn được điều hành bởi Bác sĩ Thái Diệu My, một bác sĩ chuyên khoa về ngành Phục Hồi và Vật Lý Trị Liệu.

BS Thái Diệu My

Đặc Điểm:

*** Nhiều chuyên viên thông thạo Anh và Việt ngữ**
*** Đa dạng trong các chăm sóc về ngành phục hồi:**
- **Chương trình vật lý trị liệu cấp tính (Acute)**
- **Chương trình trị liệu trong mọi ngành kỹ nghệ**
- **Chương trình trị liệu về phần Chi Trên và Tay (Upper Extremity / Hand)**
- **Chương trình trị liệu để trở lại đi làm**
- **Chương trình chữa trị về lưng**
- **Chương trình về Tai Biến Mạch Máu Não, Thương Tích về Cột Xương và Não Bộ**
- **Chương trình ngăn ngừa tai nạn cho người đi làm, cho trẻ em và người già**

*** Các hình thức và thiết bị điều trị đa dạng**
*** Nhận hầu hết các loại bảo hiểm tư cùng Medicare**

Lấy hẹn:

Bệnh nhân có thể đến thẳng trung tâm Phục Hồi Magnolia để được bác sĩ Thái Diệu My đích thân chẩn bệnh. Các bệnh nhân thuộc các chương trình bảo hiểm tư HMO cần phải có sự giới thiệu của bác sĩ gia đình của mình.

Giờ mở cửa:

Thứ Hai đến thứ Sáu
từ 9:00 giờ sáng tới 6:00 giờ chiều.
Thứ Bảy từ 9:00 sáng tới 3:00 giờ chiều.
Xin lấy hẹn trước.
Có phương tiện chuyên chở
cho những bệnh nhân hội đủ điều kiện.

TAI CHI

10 - 11AM Every Tuesday and Saturday.

Support Group: *Nghe nhau nói, nói cho nhau nghe*. 11:30 AM every Saturday (giúp về tâm thần)

THANH TÙNG

IMMIGRATION - TAX SERVICES

XUÂN HỘI NGỘ 01

Ta về cưới vợ quê nhà
Người yêu năm cũ cách xa đợi chờ
Bạn bè nhắn gởi lời thơ
Bao nhiêu duyên mới ước mơ sum vầy
Thanh Tùng dịch vụ sẵn đây
Công hàm gởi đến đẹp ngày đoàn viên
Em ơi! Trời nở hoa tim
Thanh Tùng dịch vụ kết duyên chúng mình

Thanh Tùng

XUÂN HỘI NGỘ 02

Nhờ em chép lại bài thơ
Gởi người xa cách ước mơ ban đầu
Anh về thăm lại vườn cau
Quê hương tình cũ đợi nhau mỏi mòn
Cali!! ...Anh nhớ bóng hồng
Sài gòn!!...Em đời thiên thần của em
Muốn cho hai đứa tròn duyên
Thanh Tùng dịch vụ kết thiên sứ tình

Thanh Tùng

THANH TÙNG DỊCH VỤ
Chuyên lo về bảo lãnh, đoàn tụ, Kha
thuế cá nhân, Công hàm Độc thân,
Hôn thú nhanh chóng..v..v...

THANH TÙNG
DỊCH VỤ
(714) 554 - 6434

ĐỆ NHẤT NƯỚC MÍA

NƯỚC MÍA VIỄN TÂY

14370 Brookhurst St. (góc Brookhurst & Hazard) Garden Grove, CA. 92843

(Trong chợ Quang Minh & Nam Hoa)

MỞ CỬA
9:00AM 9:00PM
(7 ngày trong tuần)

Tel: (714) 531 9801

Chân thành cảm tạ
quí khách đã ủng hộ
Viễn Tây
trong 7 năm qua.
Kính chúc quí khách và
gia đình năm mới
an khang thịnh vượng.

Đặc biệt có mứt sen Huế và dừa non.

NƯỚC MÍA NGON NHẤT THỦ ĐÔ TỊ NẠN

Chúc Mừng Năm Mới

PAGE TEK

Sales and Service of Pagers & Cellular Phones

"YOUR SMILE ☺ IS OUR SUCCESS!"

MOTOROLA V60t

NOKIA 7690

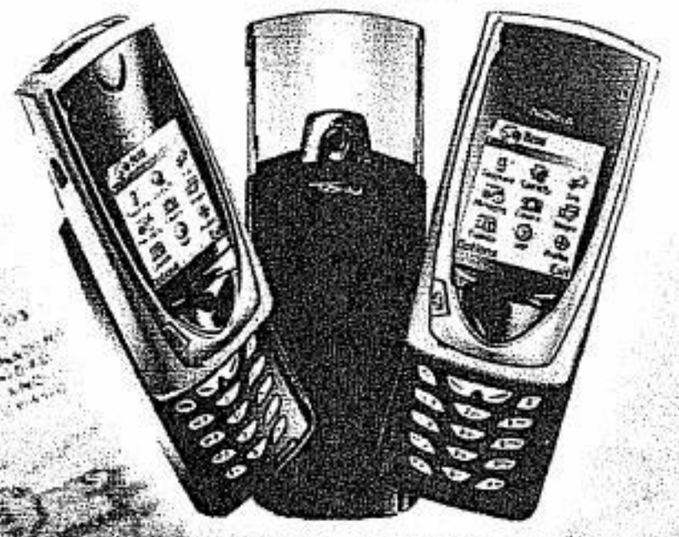

NOKIA 3390

NOKIA 8390

SIEMENS S40

NOKIA 9290

NOKIA 8890

ERICSSON T68

FREE Leather Case **FREE Car Charger**
FREE Headset **FREE Face Plate**

PAGETEK STORE:

GARDEN GROVE
10932 Westminster Ave.
714-530-5900
(Inside Vanco Supermarket)

FOUNTAIN VALLEY
16042 Magnolia Ave.
714-843-0440
(Inside A Chau Supermarket)

WESTMINSTER #1
9822 Bolsa Ave.
714-531-7200
(Inside Little Saigon Supermarket)

WESTMINSTER #2
8892 Bolsa Ave.
714-893-9399

WESTMINSTER #3
9551 Bolsa Ave. Suite E
714-531-4140
(Inside Giang Ngoc)

WESTMINSTER #4
9062 Bolsa Ave.
714-934-4503

IRVINE
4255 Campus Dr. Ste A-120
949-856-4353

RIVERSIDE
9496 Magnolia Ave.
909-359-8878

SAN DIEGO
9326 Mira Mess Blvd.
858-530-8688

cingular SM WIRELESS

AT&T

verizon

Sprint

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP

Kim Phú

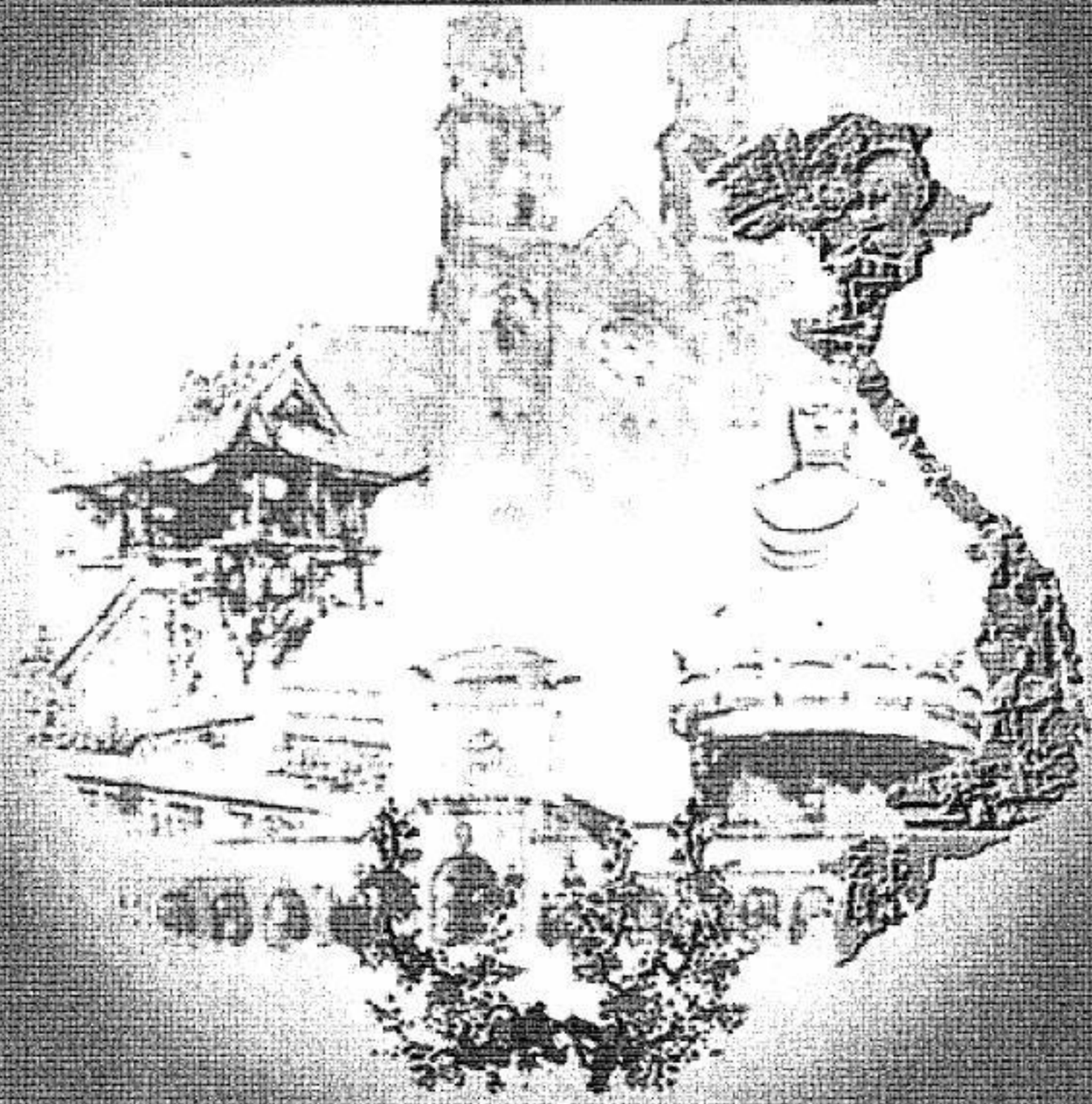

2020

Chúc Mừng Năm Mới

Bình An Phát Tài

1-888-546-7489

www.kimphu.com

A.V. TRAVEL & NETWORK

TEL: (714) 537-2200 / TOLL FREE: 1(877) 288-6877

2002 DELUXE & ESCORTED TOURS

NGA (RUSSIA)
(tours mùa hè 9 ngày)
Jul. 07~Jul. 15, 02 & Jul. 26 ~Aug. 03, 02
Moscow ~ St. Petersburg

NHẬT BẢN (tours 10 ngày)
Mar. 28 ~ Apr. 07, 02 Tour Hoa Anh Đào.
Nov. 01 ~ 10, 02 Tour Thu vàng.
Tokyo – Kamakura – Phú Sĩ Sơn – Ise – Nara - Kyoto – Kobe - Osaka

TRUNG QUỐC~VIỆT NAM
(13 ngày)
Mar. 26 ~ Apr. 07 & Apr. 24~ May 5, 02
Jul. 02 ~ Jul. 14 & Aug. 20 ~Sep. 1, 02
Bắc Kinh– Tây An– Hàng Châu – Tô Châu– Thượng Hải–Quảng Châu–Sài Gòn

TRUNG QUỐC Deluxe (tours 13, 16 ngày)
Apr. 19 ~ May. 04, 02 & May 17 ~ 30, 02
Sep. 20 ~ Oct. 03, 02 & Oct. 18 ~ 31, 02
Bắc Kinh – Thiếu Lâm Tự – Lạc Dương – Tây An –Hàng Châu – Tô Châu – Thượng Hải – Quế Lâm.

TÂY ÂU #1 (tours 13 ngày)
May 24~ June 05 & June 22~ July 04 & July 12~ 24 & Aug. 17~29, 02
London - Paris - Geneva - Nice - Monaco - Pisa - Florence - Rome.

TÂY ÂU #2 (tours 13 ngày)
May 04 ~ 16 & June 22~ July 04, 02.
& Aug. 17 ~ 29 & Sep. 06 ~ 18, 02.
Paris - Amsterdam - Geneva - Milan - Venice - Florence - Rome.

Các TOURS ngắn ngày (4 ngày)
- **Hawaii** Feb. 14, 02
- **New York- D.C** July 04 & Aug. 30, 02
- **Toronto-Ottawa** July 04 & Aug. 30,02
- **Vancouver – Victoria.** July 04, 02 & Aug. 02 & Aug. 30, 02

ĐÔNG ÂU (tours Blue Danube 12 ngày)
Jun. 29~Jul. 10 & August 04~15, 2002
Đức (Munich) – Tiệp (Prague, Brno) – Hung (Budapest) – Áo (Vienna, Salzburg, Innsbruck)

Hướng dẫn viên tại Âu Châu và Á Châu chuyên nghiệp, kinh nghiệm, hiểu biết về văn hóa lịch sử, nói tiếng Việt và Anh.
Nhân viên A.V. Travel đi tháp tùng trong suốt chuyến tours.
Xin hỏi văn phòng để biết thêm chi tiết.

THÁI LAN ~ VIỆT NAM (tours 18 ngày)
Tour Jan. 19, 02. Tour tết Feb. 16, 02.
Tour Mar. 17, 02 và **có tours mỗi tháng.**
Bangkok – Hà Nội – Hạ Long – Huế – Dà Nẵng – Hội An – Qui Nhơn – Nha Trang- Đà Lạt – Sài Gòn.

TOURS PHẨM CHẤT CAO – UY TÍN – CHU ĐÁO – AN TOÀN

Fax: (714) 741-2900 - E-Mail: AVTRAVEL@AOL.COM - WebSite: AVTRAVEL.COM

ĐỊA CHỈ: 10900 WESTMINSTER Ave. Ste.9. GARDEN GROVE, CA 92843. (trong khu chợ VANCO, góc Euclid & Westminster)

NORTH COUNTY TOYOTA

1331 N. EUCLID ST., ANAHEIM, CA 92801

(714) 879-6300

1-888-201-0251

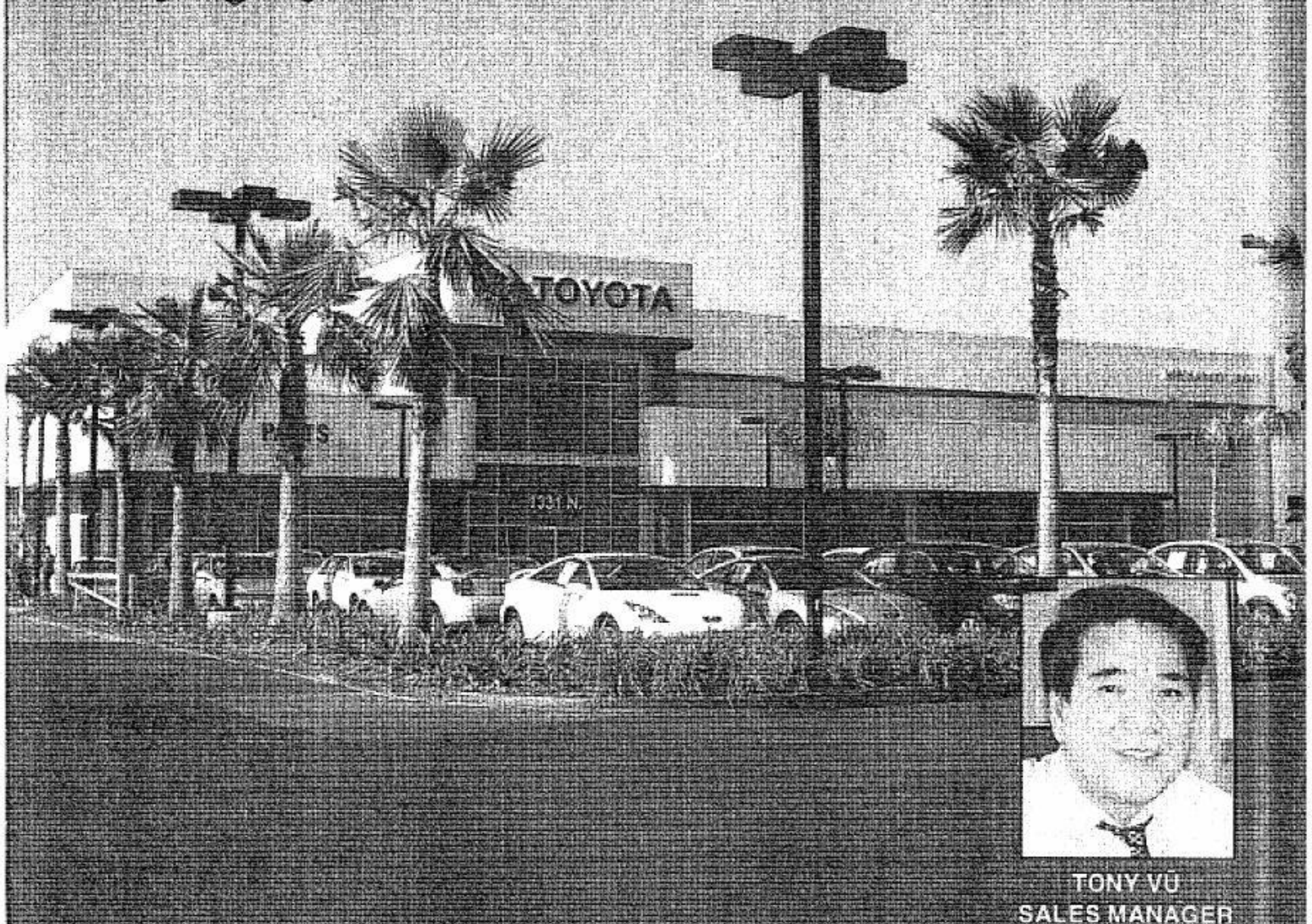

TONY VŨ
SALES MANAGER

TONY VŨ - người bạn thân tín của quý đồng hương tại NORTH COUNTY TOYOTA số 1331 N. Euclid St., Anaheim

*** Dealer tin cậy và uy tín bậc nhất về sự phục vụ đồng hương.**

*** Dealer tập trung tất cả các kiểu xe mới và cũ.**

*** TÀI TRỢ cho tất cả khách hàng dù bị BANKRUPTCY**

LÊ VĂN BA

CHUYÊN TAI NẠN & SSI

9361 Bolsa Ave. #201 - Westminster, CA 92683

(714) 531-2934 - (714) 775-6436

CHUYÊN XIN VÀ KHIẾU NẠI SSI

- Lập hồ sơ mới.
- Kiếu nại hồ sơ bị từ chối.
- Lập hồ sơ y khoa.
- Đại diện ra tòa
  (Hàng ngàn hồ sơ có kết quả mỹ mãn).
- Xin gia hạn SSI khi bị cúp.
- Xin mọi thứ trợ cấp xã hội.

LÊ VĂN BA

CHUYÊN LO BỒI THƯỜNG TAI NẠN

- Luật sư phí thấp nhất.
- Tiền bồi thường cao nhất.
- Không bảo hiểm cũng trực tiếp với văn phòng gấp.
- Sẵn sàng tranh tụng tại tòa.
- Nhanh tróng và thành tín.

DỊCH VỤ PHÁP LÝ

- Kết hôn nhanh khỏi thử máu.
- Ly dị gấp, khỏi ra tòa.
- Du lịch Hoa Kỳ.
- Notary Public và tất cả dịch vụ pháp lý khác.

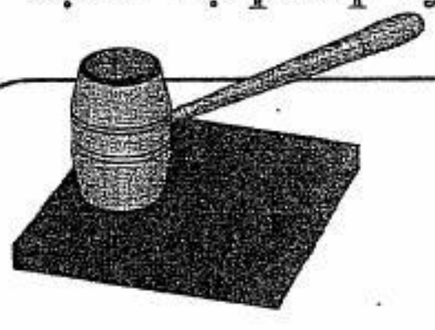

TIN ĐẶC BIỆT

BẢO LÃNH SANG MỸ

- Kết hôn
- Đoàn tụ
- Học trung học - Đại học
- Tham quan, nghề nghiệp
- Du lịch, chữa bệnh
- Đầu tư

KẾT QUẢ TỪ 3 ĐẾN 6 THÁNG

Với Sự Hợp Tác của Luật Sư Joseph M. Hoats và các Luật Sư Việt Mỹ khác chuyên tranh tụng.

(Có giá giúp cho những người gặp khó khăn)

NHỮNG LOẠI THUỐC DƯỢC THẢO ĐƯỢC BÀO CHẾ TẠI HOA KỲ CỦA

Bác Sĩ

PHẠM HOÀNG TRUNG

#3
THUỐC PHỐI HỢP NHÀU & BẠCH QUẢ
(Doctor's Hawaiian Noni & Ginkgo)
Hiệu nghiệm cho các chứng can nhàu, tiểu đường, dị ứng, sưng viêm, mất ngủ, giúp bổ bổ trí óc.

#8
THUỐC BỔ PHONG THẤP
(Doctor's Flexodin)
Bổ hồ và tái tạo chất sụn, chất nhớn ở dần khớp xương hầu làm bớt tối đa những cơn đau khớp.

#9
THUỐC SIÊU GAN
(Doctor's Super Liver)
Giúp gan lọc máu khử độc và chống lại vi khuẩn viêm gan.

#6
THUỐC SIÊU DIỆT CHOLESTEROL
(Doctor's Cholestro-Busters)
Làm giảm cholesterol trong máu hoàn toàn tự nhiên.

#7
(Doctor's Super Manpower Energizer)
Làm tăng sức khỏe và bồi bổ sinh lý.

#7X
THUỐC SIÊU SINH LỰC
(Doctor's Super Manpower Energizer Plus)
Làm tăng sức khỏe và bồi bổ sinh lý.

#2
(Doctor's Noni Juice 32oz.)

#1
DOCTOR'S HAWAIIAN NONI
Thuốc viên 100% nguyên chất trái Noni (Nhàu) dùng để ngăn ngừa và chống lại các bệnh tật.

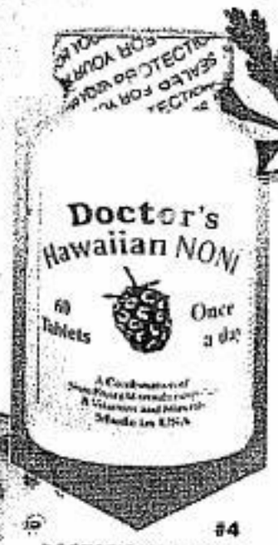

#4
DOCTOR'S HAWAIIAN NONI ONCE A DAY
Thuốc viên dùng cho người lớn gồm có Noni (nhàu) và các loại vitamins khoáng chất cần thiết cho cơ thể. Rất hiệu nghiệm cho những người bị chứng mệt mỏi, choáng váng do thiếu máu hoặc những người dễ bị cảm cúm. Tăng cường sức khỏe cho người làm việc nhiều.

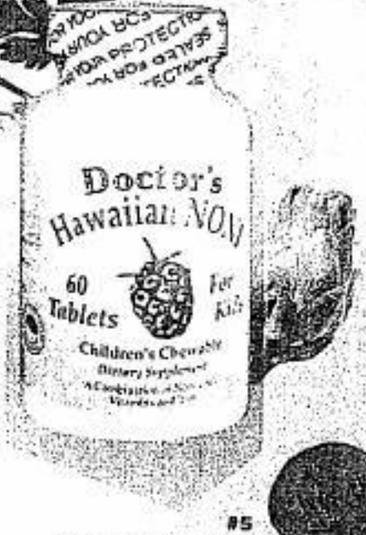

#5
DOCTOR'S HAWAIIAN NONI FOR KIDS
Kẹo Noni và vitamins dùng cho trẻ em, giúp các em ăn ngon, khỏe mạnh, chóng lớn. Loại này rất hiệu nghiệm cho con nít biếng ăn hay bệnh tật ốm yếu.

#10
(Doctor's Maraton)

Mọi thắc mắc xin liên lạc:

Bác sĩ PHẠM HOÀNG TRUNG

15432 Brookhurst St. Westminster, CA 92683 (USA)

Điện thoại miễn phí: **1(800) 328-6482** hoặc **(714) 775-2026**

THUỐC CÓ BÁN TẠI ĐÂY

Chúc Mừng Năm Mới

TRUNG TÂM Thúy HÂN HẠNH GIỚI THIỆU

Những tác phẩm Audio Book (băng đọc truyện) của

Nhà văn Nguyễn Ngọc Ngạn

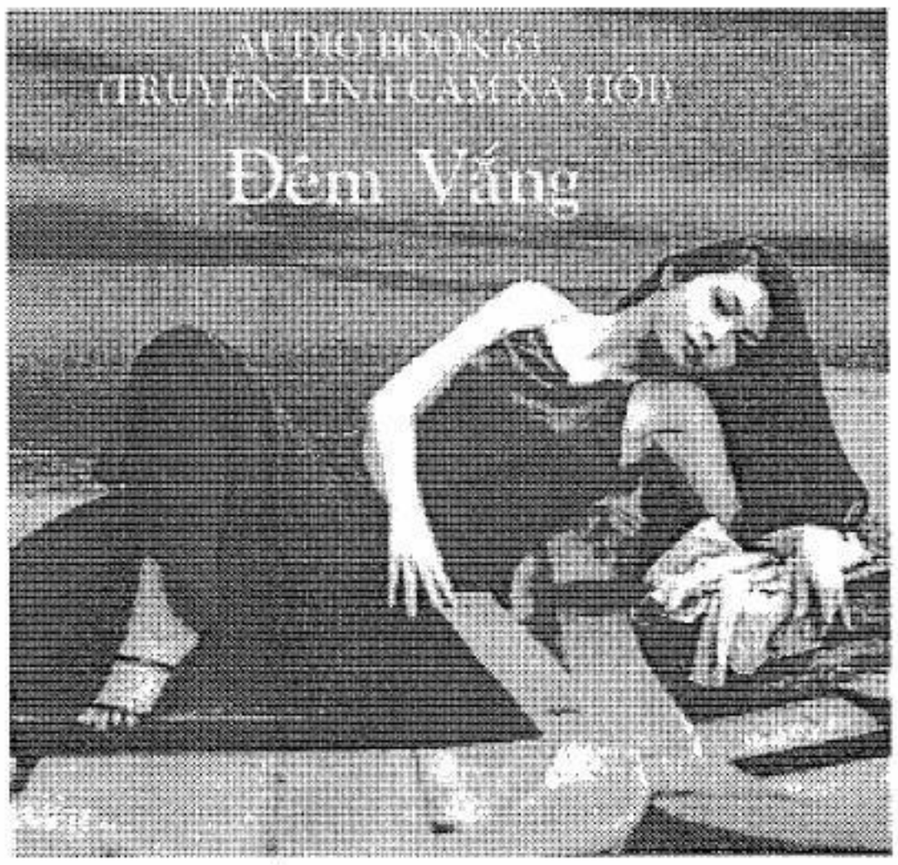

đã và đang phát hành

TRUYỆN TÌNH CẢM XÃ HỘI

1. Ai Cũng Cần Có Một Bà Mẹ
2. Lạ Giường
3. Người Đàn Bà Đi Bên Tôi
4. Một Lần Rồi Thôi
5. Dấu Chân Xưa
6. Tấm Vé Số - Thầy Thanh
7. Ven Rừng
8. Chung Quanh Tôi
9. Bước Chân Người Tình
10. Qua Đường
11. Vách Tường Cũ
12. Phòng Mạch
13. Ánh Mắt Vô Tình
14. Biển Vẫn Đợi Chờ
15. Tâm Bệnh
16. Tình Muộn
17. Dấu Vết Ân Tình
18. Dốc Cao Vời Vợi
19. Phòng Tắm
20. Rồi Đến Một Ngày
21. Cây Trứng Cá
22. Nhịp Cầu
23. Đi Thêm Một Bước

AUDIO CASSETTE & CD

24. Kể Một Chuyện Tình
25. Một Lần Hạnh Phúc
26. Ngoại Tình
27. Cõi Đêm
(Truyện 6 cassettes)
28. Người Đàn Bà Đi Trước
29. Dòng Đời Lặng Lẽ
30. Chốn Kỷ Niệm Xưa
31. Đếm Những Mảnh Tình
(Truyện 6 cassettes)
32. Mưa Trong Bóng Đêm
33. Dốc Đứng
34. Sau Lần Cửa Khép
(Truyện 6 cassettes)
35. Gặp Gỡ Lần Đầu
36. Giã Từ Sân Khấu
37. Tàu Về Miền Xuôi
38. Mây Đen
39. Trong Quan Tài Buồn
(Truyện 6 cassettes)
40. Món Quà Cuối Năm
41. Ngày Trở Lại
42. Thời Vận
43. Bên Hành Lang Tòa Án
44. Mầu Cỏ Úa
(Truyện 6 cassettes)
45. Dòng Sông Hờ Hững
46. Trong Sân Trường Ngày Ấy
47. Khu Phố Chợ Trời

48. Nỗi Mong Đợi Khốn Cùng
49. Ngày Buồn Cũng Qua Mau
(Truyện 6 cassettes)
50. Tiếng Quạ Réo Vong Hồn
(Truyện Ma)
51. Đêm Trong Căn Nhà Ma
(Truyện Ma)
52. Bãi Đất Hoang Sau Nhà
(Truyện Ma)
53. Ngôi Mộ Mới Đắp
(Truyện Ma)
54. Xóm Đạo
(Phần 1 - Truyện 6 cassettes)
55. Xóm Đạo
(Phần 2 - Truyện 6 cassettes)
56. Bóng Người Dưới Trăng
(Truyện Ma)
57. Mái Ấm
(Truyện Tình Cảm)
58. Nhìn Quanh Một Mình
(Truyện 6 cassettes)
59. Nước Đục
(Truyện 6 cassettes)
60. Cõi Âm
(Truyện 2 cassettes)
61. Đa Thê
(Truyện 2 cassettes)
62. Quay Trong Cơn Lốc
(Truyện 6 cassettes)
63. Đêm Vắng
(Truyện 2 cassettes)
64. Hồn Về Trong Gió

TRUYỆN MA

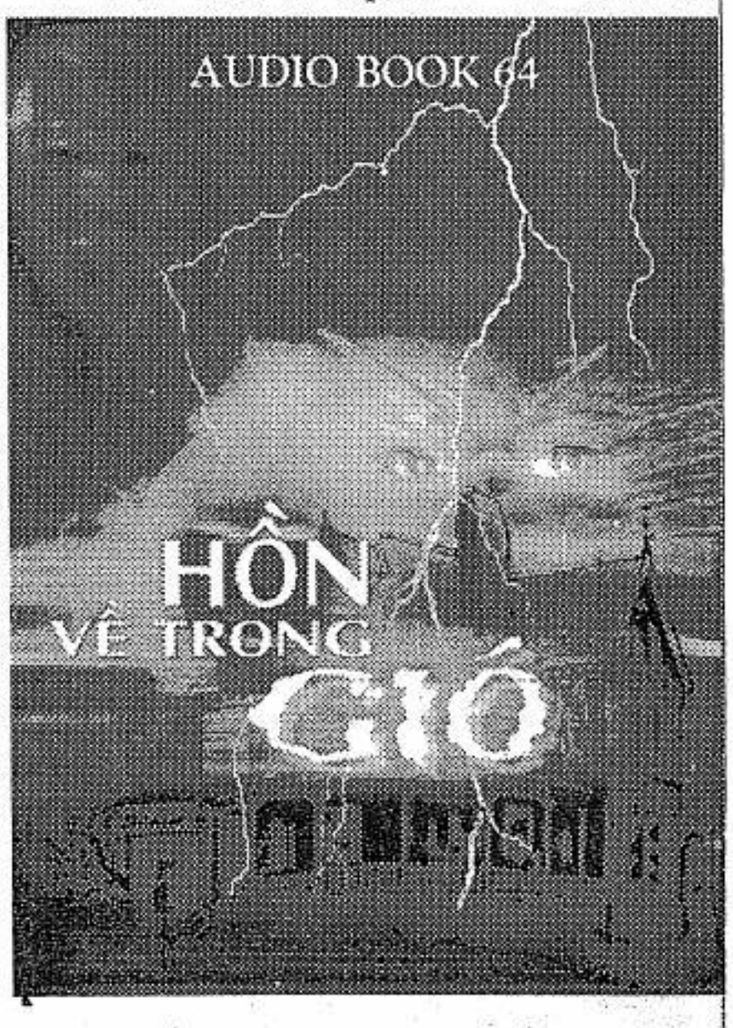

Độc Quyền Sản Xuất và Phát Hành
THUY NGA
9295 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683.
Tel: (714) 893-2860 Fax: (714) 891-9673

Phiếu mua Tạp Chí Thế Kỷ 21

Giá áp dụng từ 1- tháng 1- 2002

Quà tặng đầy ý nghĩa

Ngày..... Tháng..... Năm.....

Họ Tên Độc giả:(người nhận tạp chí).:.....
Địa Chỉ:.....
Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....
Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )..... Sở Làm:( )*.....
ĐẶT MUA THẾ KỶ 21 :

☐ 6 tháng ☐1 năm ☐ 2 năm bắt đầu số ---------

	6 Tháng		12 Tháng		24 Tháng		
	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Bulk Rate Ground	1st Class Air mail	Tên Quốc Gia
Giá	*US$ 25.00*	*US$32.00*	*US$ 50.00*	*US$68.00*	*US$ 90.00*	*US$120.00*	Hoa kỳ & Canada
Giá		*US$48.00*		*US$90.00 100 Euro*		*US$170.00 189 Euro*	Pháp Đức Bỉ Hòa-Lan..Tây âu
Giá		*US$35.00*		*US$65.00*		*US$112.00*	Nga, Tiệp, Ba lan.. Đông âu
Giá		*US$55.00*		*US$100.00*		*US$194.00*	*Á châu, Úcchâu, Việt nam*

Qúi Vị có thể trả bằng chi phiếu, ngân phiếu hoặc bằng thẻ tín dụng để mua báo Tạp Chí ***Thế Kỷ 21*** *theo ba cách:*

. BƯU ĐIỆN: Chi phiếu, ngân phiếu (money order) **xin ghi trả cho Tạp Chí Thế Kỷ 21** và gửi vế địa chỉ : 11022 ACACIA PKWY #A, GARDEN GROVE, CA.92840. USA.
Liên lạc Ban trị sự: / Phát hành, gửi báo, báo thất lạc,trả tiền bằng Visa, Master Card.. Phone: (714) 534-9432 (12am-7pm PCT) Fax=714-534-9433 (24/24) Liên Lạc đăng quảng cáo : (714)775-6301 .
Liên Lạc về bài vở tòa soạn: (714) 839-8746 (Chủ bút)
. ĐIỆN THƯ: Xin điền đầy đủ vào các chi tiết trong phiếu và FAX về số (714) 534-9433.
. ĐIỆN THOẠI: Gọi Điện Thoại số (714) 839 - 8746 để cung cấp đầy đủ chi tiết ghi trong phiếu.

Họ Tên Người Mua /trả tiền: (như trên -----check vào đây)
Địa Chỉ:.....
Thành Phố:..... Tỉnh:..... Zip:..... Quốc Gia:.....
Điện Thoại: *Nhà Riêng:( )*.....
Sở Làm:().....
Sáng kiến đề nghị cùng tạp chí: (714) 585-4666

Báo cũ : Để bổ túc các bộ tạp chí lưu trữ, Tòa soạn cần mua lại một số ấn bản Tạp Chí Thế Kỷ 21 sau đây:
Các số 7, 10, 33&34, 42, 48, 94, và 118&119.
Quí vị nào có dư những số tạp chí nói trên, xin liên lạc về tòa soạn, chúng tôi xin bồi hoàn tiền, hoặc đổi báo mới.

Thường xuyên **giảm giá 15% khi mua để tặng bạn hữu.**

Tạp chí đang mở rộng mạng phát hành, **cần thêm nhiều đại lý. Huê hồng cao.**

Như thường lệ: Quí vị nào giới thiệu 3 độc giả, xin tặng 9 tháng báo; giới thiệu 5 độc giả mua báo, xin tăng nguyên năm 1st class

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE

Mua nhà là việc đầu tư lớn lao nhất trong đời
đối với đa số chúng ta.
Từ lúc tìm được căn nhà đúng giá
cho đến khi mượn được tiền mua nhà đúng ý
là cả một tiến trình phức tạp,
ảnh hưởng nhiều đến tình trạng tài chính
và tình cảm của mọi người trong gia đình.
Việc bán nhà cũng phức tạp không kém.
Vì vậy khi có ý định mua nhà, bán nhà
việc **Chọn Người Đại Diện,** giàu kinh nghiệm,
tận tâm và khả tín có thể nói là điều **Quan Trọng Nhất.**

Thanh Thảo (Tawni Nguyễn)
Real Estate Broker

Thanh Thảo đã được quý vị đồng hương tín nhiệm
trong lãnh vực địa ốc và tài trợ địa ốc trên 10 năm qua.
Nay Thanh Thảo đã về phục vụ quý vị tại:

Alpha Funding & Real Estate

Tel: (714) 896-9000

8231 Westminster Blvd, Westminster, CA 92683

(Góc đường Westminster và Monroe, đối diện Westminster Civic Center)

Hãy đến với
Thanh Thảo tại **Alpha Funding & Real Estate**
để có được kinh nghiệm tốt đẹp trong việc chọn mua, bán nhà
với hồ sơ tài trợ hoặc tái tài trợ nhà, khu thương mại
hoàn tất đúng theo ý quý vị.

Hãy gọi Thanh Thảo
tại (714) 896-9000
hoặc số pager: (714) 592-7456

ALPHA FUNDING & REAL ESTATE
Sẽ Giúp Đưa Quý Vị Về Căn Nhà Của Ước Mơ!

NỮ BÁC SĨ NHA KHOA
NGUYỄN THỊ NGỌC SƯƠNG

(714) 531-2773

GIỜ LÀM VIỆC:
Thứ Hai - Thứ Bảy:
10 AM - 7 PM
Chủ Nhật: nghỉ

*** CHUYÊN MÔN CHỮA RĂNG TRẺ EM TỪ 2 TUỔI TRỞ LÊN.**
*** HƯỚNG DẪN ĐÁNH RĂNG ĐÚNG CÁCH ĐỂ CHỮA BỆNH CHẢY MÁU NƯỚU RĂNG VÀ HÔI MIỆNG.**

** Tất cả dịch vụ nha khoa đều được thực hiện tỉ mỉ, thận trọng nên kết quả rất tốt đẹp.*

** Phòng Nha Khoa luôn luôn cố gắng chăm sóc chu đáo cho quý thân chủ được thực hiện tối đa những dịch vụ cho phép của Bảo Hiểm & Medi-Cal.*

NHA KHOA TỔNG QUÁT
** TRỊ BỆNH NƯỚU RĂNG*
** LÀM RĂNG GIẢ CÁC LOẠI*
*** NHA KHOA THẨM MỸ**
*** NHA KHOA NHI ĐỒNG**

SỬ DỤNG PHƯƠNG PHÁP SÁT TRÙNG HỮU HIỆU ĐỂ NGĂN NGỪA TRUYỀN NHIỄM

14265 BROOKHURST ST., GARDEN GROVE, CA 92843
(Giữa Westminster & Hazard, bên cạnh nhà hàng Viễn Đông)

Highland Real Estate Co.

8051 Westminster Blvd., Westminster, CA 92683

VICTOR HÙNG VŨ
Tel: (7140 898-2828
Pager: (714) 592-0506

Chân thành cảm tạ quý thân chủ
đã ủng hộ chúng tôi trong nhiều năm qua
A Special Thank You

Nhân Dịp Xuân Về Xin Kính Chúc
Quý Thân Chủ, Quý Đồng Hương và Bằng Hữu
Năm Mới Thật Nhiều Sức Khỏe
Tràn Đầy Hạnh Phúc và An Cư Thịnh Vượng

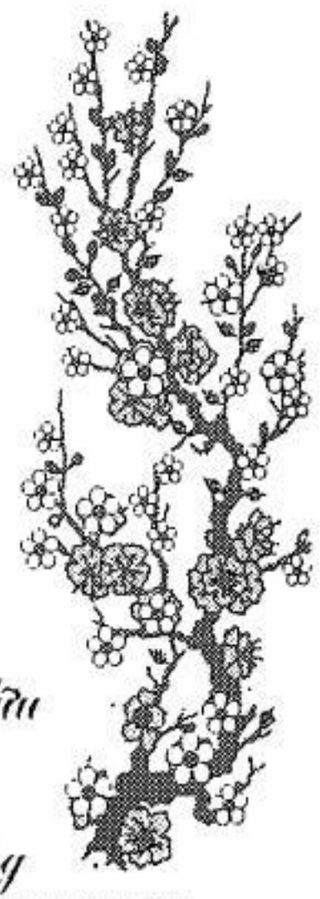

* Muốn Bán Nhà hay Cơ sở thương mại được nhanh chóng và cao giá.
* Đang có ý định tìm mua 1 căn nhà để gia đình cùng được hài lòng.
* Cần chọn 1 chương trình thích hợp để mượn tiền mua nhà hay Refinance.

ĐẾN VỚI CHÚNG TÔI QUÝ VỊ SẼ TIẾT KIỆM ĐƯỢC THỜI GIAN VÀ TIỀN BẠC

CHUYÊN NGHIỆP - THÀNH TÍN - TẬN TÂM - NHANH CHÓNG

Sau hai năm thu thập, tuyển chọn, sắp xếp, đã in xong:

TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU

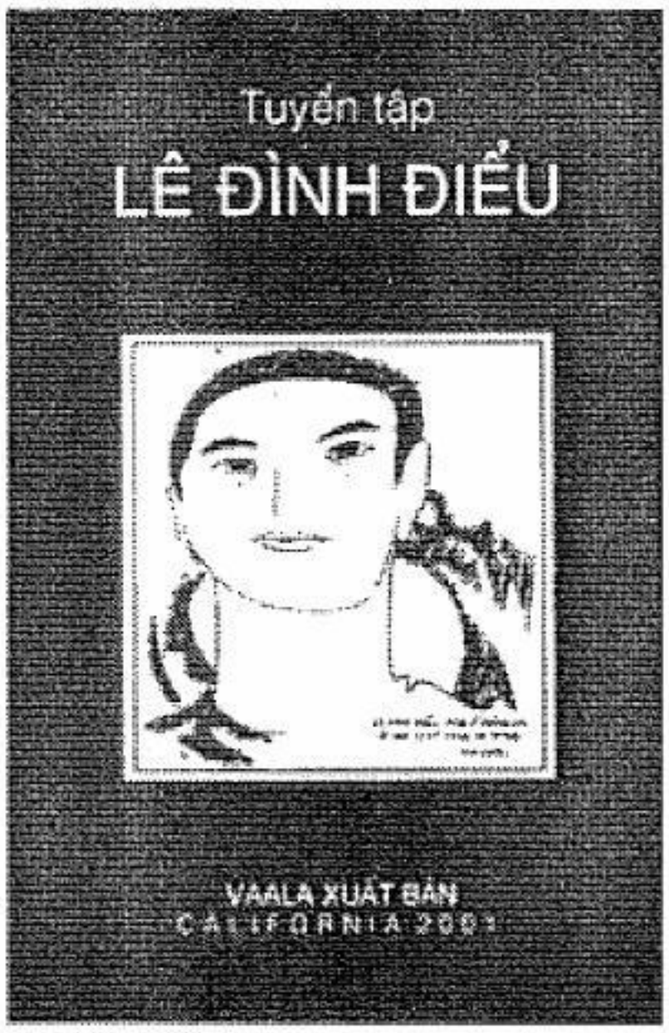

Gồm:

* Thơ Y Dịch (bút hiệu của Lê Đình Điểu)
  Tuyển chọn các bài viết trong suốt cuộc đời làm báo của ông
* Viết về Lê Đình Điểu:
  Lê Tất Điều, Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến, Bùi Bích Hà, Nhã Ca, Trần Mộng Tú, Thụy Khuê, Vũ Ánh, Phạm Đức Khoan, Thụy Lữ, Phạm Phú Minh, Đinh Quang Anh Thái, Hoàng Trọng Thụy, Y-Sa...
* *Bìa:* tranh Mai Chửng, Trịnh Cung trình bày
* *Bốn phụ bản màu* với các họa phẩm của Thái Tuấn, Hồ Hữu Thủ, Đỗ Quang Em và Trịnh Cung
  Nhạc phẩm của Vũ Thành An, Phạm Anh Dũng, Thụy Lữ, Diễm Ly
* Hình ảnh kỷ niệm

Sách dày gần 500 trang, giá $25, phát hành vào trung tuần tháng 11 năm 2001.

Liên lạc:
cô Phan Mỹ Sương
11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove, CA 92840
USA
Tel: (714) 537-7686

Ra mắt vào lúc 3 giờ chiều ngày 17 tháng 11, 2001 tại phòng Sinh Hoạt báo Người Việt.
Tiền bán sách sẽ sung vào quỹ VAALA để hỗ trợ các hoạt động văn học nghệ thuật.

PHIẾU ĐẶT MUA "TUYỂN TẬP LÊ ĐÌNH ĐIỂU"

Yêu cầu gửi cho tôi: .....cuốn với giá US $25.00 một cuốn.
Cước phí: US $3.00 cho mỗi cuốn (trong nước Mỹ); US $7.00 cho mỗi cuốn (ngoài nước Mỹ).
Tôi gửi kèm theo đây chi/lệnh phiếu mang số tiền: US $ .....
Chi/lệnh phiếu USD đề VAALA và gửi về Hội: VAALA, 11022 Acacia Parkway #A, Garden Grove, CA 92840.

Họ tên: .....
Địa chỉ: .....
Điện thoại: .....
Fax: .....
E-mail: .....

Toàn bộ số tiền bán sách, sau khi trừ chi phí, sẽ được sung vào quỹ của VAALA cho các sinh hoạt văn học nghệ thuật.

Nhà sách TỰ LỰC hân hạnh giới thiệu:

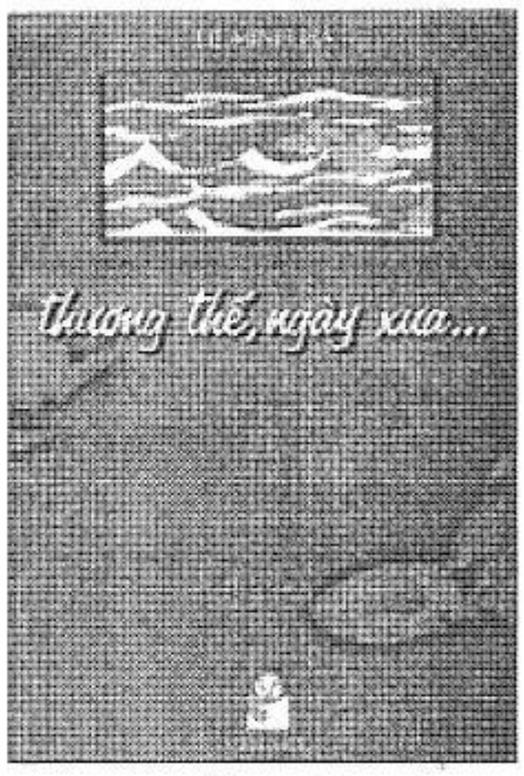

THƯƠNG THẾ, NGÀY XƯA...

Tập truyện, tùy bút của **LÊ MINH HÀ**
Sách gồm hai phần: 1. *Cổ tích cho ngày mới*, tác giả đã viết lại với một mô tả mới lạ các truyện cổ tích như Lưu Bình Dương Lễ, Tấm Cám, Trương Chi...; 2. *Miếng ngon, thời khó nhọc*, gợi lại các món ăn dân gian truyền thống Việt Nam. Bạn đọc sẽ gặp một Lê Minh Hà rất đáng yêu, đồng thời mới mẻ hơn, thâm trầm hơn.
Văn Mới xuất bản. Giá 10 mỹ kim.

THÀNH NGỮ TIẾNG VIỆT VIETNAMESE IDIOMS

Sách dạy tiếng Việt của
TRẦN NGỌC DỤNG
Gồm khoảng 200 thành ngữ thông dụng của tiếng Việt được dịch nghĩa đen sang Anh ngữ, rồi có một thành ngữ tiếng Anh tương đương, tiếp theo là phần giải thích ý nghĩa. Rất ích lợi cho người học tiếng Việt lẫn tiếng Anh.
Hồn Việt xuất bản. Giá 9 mỹ kim.

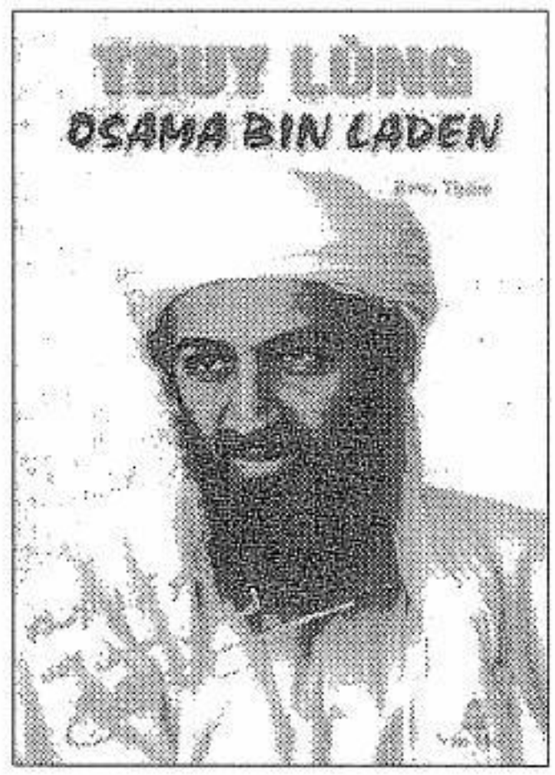

TRUY LÙNG OSAMA BIN LADEN

Biên khảo của **KIÊM THÊM**
Cuốn sách tiếng Việt đầy đủ nhất cho đến nay về thân thế và hành trạng của Bin Laden và tổ chức Al Qaeda, cùng cuộc truy lùng khủng bố đang diễn tiến của Hoa Kỳ và thế giới.
Văn Mới xuất bản. Giá 12 mỹ kim.

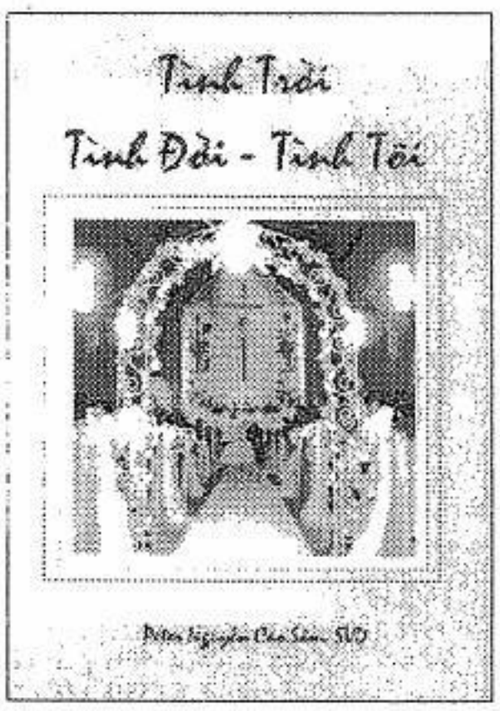

TÌNH TRỜI TÌNH ĐỜI TÌNH TÔI

Sách giảng về hôn nhân của
Linh Mục **PETER NGUYỄN CAO SÂM**
Gồm 16 bài giảng trong các lễ cưới, trình bày tình yêu và hôn nhân theo nhãn quan Thiên Chúa giáo.
Giá 10 mỹ kim.

ĐỜI MỘT PHÓNG VIÊN và NHỮNG NGÀY CHUNG SỐNG VỚI CHÍ SĨ NGÔ ĐÌNH DIỆM

Hồi ký của **VĂN BIA**
Tác giả là cựu ký giả các nhật báo *Thần Chung, Tiếng Chuông, Tiếng Dội* từ năm 1948, kể lại cuộc đời làm báo của mình, và đặc biệt những hoạt động gần gũi với ông Ngô Đình Diệm từ thủa "hàn vi".
Lê Hồng xuất bản. Giá 15 mỹ kim.

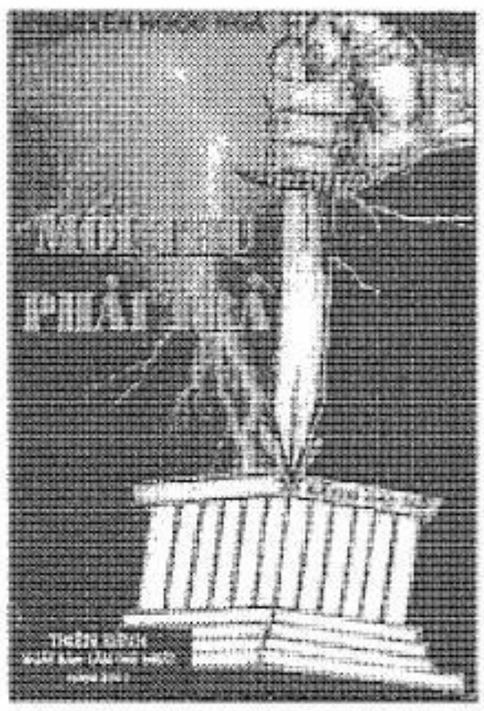

MỐI THÙ PHẢI TRẢ

Tập truyện của **NGUYỄN NGỌC NGA**
Là người biết rõ chế độ Cộng sản Việt Nam, tất cả các truyện ngắn trong cuốn sách này đều mô tả rất sống động vô số tội ác của những con người trong chế độ này.
Thiên Đình xuất bản. Giá 18 mỹ kim.

Nhà sách TỰ LỰC, 14318 Brookhurst St.
Garden Grove CA 92843 - USA. Tel: (714) 531-5290
E-mail: BuyBooks@TuLuc.com * www.tuluc.com * WWW.TULUC.NET

Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do
Association Des Médecins Vietnamiens Du Monde Libre
Vietnamese Medical Association of The Free World
Home Office: 6338 Victoria Avenue Suite 6 Montreal, Quebec. Canada H3W 2S5

Ngày 10 tháng 01, 2002

Thông Cáo Mời
Dự Tranh Giải Thưởng Văn Học

Nhằm góp phần phát triển sinh hoạt van hóa trong Cộng Đồng Người Việt Hải Ngoại, Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do dự trao một giải thưởng vinh danh tác giả của các tác phẩm hoặc công trình văn học (sáng tác, biên khảo hay dịch thuật bằng Việt ngữ thực hiện kể từ đầu năm 1975 tới nay, và với các điều kiện chi tiết sau đây:

Ứng Viên: Tác giả không can dự các chế độ từng hạn chế quyền sống hay đàn áp Con Người. Tác giả trực tiếp gửi tác phẩm dự tranh; và những người thuộc y-giới hay ngoài y-giới cũng có thể đề nghị tác phẩm dự tuyển.
Tác Phẩm: đã hoặc chưa xuất bản, chủ yếu Việt ngữ.
Thời Hạn: Từ khi đăng thông cáo tới hết ngày 30 tháng 4 năm 2002.
Công Bố và Trao Giải: Ngày Đại Hội Y Giới (9/8/2002) tại thành phố Anaheim, California, Hoa Kỳ.
Trị Giá Giải Thưởng: US $5,000 (năm ngàn Mỹ kim).
Tác Quyền: Tác giả giữ bản quyền. Ngoài ra Hội Quốc Tế Y Sĩ có thể tiếp tay xuất bản và quảng bá tác phẩm trúng giải.
Hội Đồng Giám Khảo: Những học giả uyên bác trong các bộ môn văn hóa trên các quốc gia tự do được mời đảm trách việc tuyển lựa.

Trân trọng kính mời quý vị trực tiếp ghi tên hoặc giới thiệu tác phẩm dự tuyển tới Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do (VMAFW) qua một trong các địa chỉ liên lạc sau đây:

Á và Úc châu: Rear 51 John Street, Cabramatta, NSW 2166 AUSTRALIA
Âu và Phi châu: 27 rue du Faubourg St Jacques Paris, FRANCE 75014
Canada: C.P. 101 Succ. "Jean-Talon", St Leonard, CANADA. H1S 2Z1
Huê Kỳ: P.O. Box 29528 Atlanta, GA 30359. USA

Bác sĩ Đinh Xuân Anh Tuấn
Chủ-tịch Hội Quốc Tế Y Sĩ Việt Nam Tự Do

Bìa: tranh *Ngựa* của họa sĩ **Lê Bá Đảng**
Trình bày bìa: **Nguyễn Đồng và Nguyễn Thị Hợp**
Minh họa: **Nguyễn Thị Hợp, Ngọc Dũng, Thái Tuấn, Vũ Thái Hòa, Đinh Cường**
Hí họa: **Babui, Etcetera**
Ảnh: **Đoàn Viết Hoạt, Trần Văn Ngô**, tư liệu.

MỤC LỤC

Số 153 & 154 – Tháng Giêng & Hai 2002

THỜI SỰ – CHÍNH TRỊ – KINH TẾ

13. Vụ phá sản lớn nhất: Enron – **Vũ Nhất Sắc**
19. Những thay đổi trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ và cục diện thế giới sau biến cố 9/11 – **Nguyễn Mạnh Hùng**
26. Tình hình kinh tế thế giới vào cuối năm 2001 và các triển vọng năm 2002 – **Phạm Đỗ Chí**
30. Ba tháng chiến tranh chống khủng bố ở Afghanistan – **Hà Tường Cát**
36. Yếu tố con người trong phát triển – LS. **Nguyễn Hữu Liêm**, TS. **Phạm Đỗ Chí**

LỊCH SỬ – KHẢO CỔ

48. Họ Mạc về phương Nam – **Trần Gia Phụng**
63. Nguồn gốc loài người – **Nguyễn Quang Trọng**
109. Hình ảnh con ngựa vẽ trên gốm cổ vớt tại ngoài khơi Hội An – **Kiều Quang Chẩn**

VĂN HÓA – NGHỆ THUẬT

40. Không gian liên mạng Lê Bá Đảng – **Thụy Khuê**
60. Một năm với hí họa Etcetera – **Etcetera**
70. Nói chuyện năm ngựa – **Trần Quán Niệm**
75. Dòng thơ Việt Nam mang dấu Chúa – **Lê Văn Lân**
86. Vài dáng ngựa trong nền mỹ thuật cổ truyền Việt Nam – **Huỳnh Hữu Ủy**
90. Triết lý tranh con lợn – **Lưu Văn Vịnh**
138. Nhân năm Nhâm Ngọ, tản mạn về ngựa – **Nguyễn Văn Tuấn**

VĂN

93. Mùi hương trên đồi – **Hồ Đình Nghiêm**
97. Truyện tình – **Trần Mộng Tú**
102. Nhâm Ngọ – **Lê Đình Thông**
107. Người chạy bộ – **Võ Đình**
113. Tiếng chim – **Nguyễn Hữu Chung**
119. Ải Nam Quan – **Nguyễn Văn Thà**
127. Thư tình lỡ gửi chuyến đò thời gian – **Nguyễn Tuyển**
130. Mái chùa – **Hoàng Khởi Phong**
143. Bùi Hàng – ***Bùi Hình***, **Phạm Xuân Hy** dịch
147. Lỗ hổng – ***Mauro Senesi***, **Trần Doãn Nho** dịch
151. Di ngôn lạ – **Tâm Thanh**
156. Tiếu Hoa - **Miêng**
158. Tưởng nhớ Như Phong Lê Văn Tiến – **Đoàn Viết Hoạt**
166. Ăn năn – **Nguyễn Đức Tường**
172. Những con dê không bay được – ***Tahar Ben Jelloun***, **Phan Thị Trọng Tuyến** dịch
176. Nụ cười – **Vĩnh Hảo**

THƠ

51. Mùa xuân – **Trần Mộng Tú**. 69. Xuân đấy – **Dương Kiền**. 81. Xuân đầu tiên – **Hàn Mạc Tử**. 95. Nụ cười vu vơ – **Khánh Hà**. 99. Florence, Mùa Xuân và Y – **Nguyên Dũng**. 115. Xuân về – **Nguyễn Hữu Chi**. 121. Xuân yên – **Cổ Ngư**. 129. Có hề chi! – **Ngô Tịnh Yên**. 133. La dernière rose de l'été – **Nguyễn Tường Giang**. 141. Chiều cuối năm – **Đạm Thạch**. 145. Bạch Mai – **Cao Tiêu**. 149. Cùng Xuân làm... thơ – **Luân Hoán**. 153. Nhớ xa xưa nhỏ – **Nguyễn Nam An**. 169. Sáng xuân viễn xứ – **Trần Vấn Lệ**. 175. Một lần nữa – **Tạ Tỵ**. 179. Nhớ quê – **Phạm Cây Trâm**. 189. Bốn mùa nhớ vợ – **Nguyễn Văn Thực**

MỤC THƯỜNG LỆ

9. Thư Chủ nhiệm – **Hoàng Ngọc Tuệ**
10. Bạn đọc viết
11. Tòa soạn và Bạn đọc – **Phạm Phú Minh**
12. Thư trị sự – **Ngô Trúc Linh**
55. Sổ tay
186. Sách báo: Đọc lại những bài báo xưa của Vũ Trọng Phụng – **Phạm Xuân Đài**

TẠP CHÍ
THẾ KỶ 21
CHÍNH TRỊ • VĂN HỌC • LỊCH SỬ

Tạp chí ra hàng tháng
Cty Người Việt sáng lập (1989)
Hội VAALA bảo trợ

11022 Acacia Parkway #A
Garden Grove CA 92840 USA
Tel: (714) 839-8746
E-mail: **theky21@kicon.com**
Web: **http://kicon.com/theky21**

Hội Đồng Quản Trị:
Đỗ Quý Toàn, Đỗ Ngọc Yến,
Hà Tường Cát, Hoàng Ngọc Tuệ,
Lý Văn Chương, Ngô Mạnh Thu,
Nguyễn Phước Quan,
Phạm Phú Minh, Phạm Quốc Bảo,
Tống Hoằng, Trần Văn Ngô.

Chủ nhiệm:
Đỗ Ngọc Yến (1989-91)
Lê Đình Điểu (1991-96)
Phạm Phú Minh (1997-2001)
Hoàng Ngọc Tuệ (2001-)

Chủ bút:
Vương Hữu Bột (1989-2001)
Phạm Phú Minh (2001-)

Bài cho Thế Kỷ 21, xin gửi bằng e-mail, bằng đĩa (có kèm bản in), hoặc bài viết trên một mặt giấy. Bài gửi cho nhiều báo xin ghi rõ để tòa soạn tùy nghi giải quyết. Bài không đăng, không trả lại bản thảo. Tòa soạn nhuận sắc, nếu cần. Bài đăng trên Thế Kỷ 21 không nhất thiết phản ảnh quan điểm của nhóm Chủ trương. Trích đăng bài của Thế Kỷ 21 phải có sự đồng ý của tòa soạn, và ghi rõ ở đầu hoặc cuối bài: Trích Thế Kỷ 21.

Trị sự:
Phan Mỹ Sương
Ngân phiếu đề: THE KY 21

Đại diện phát hành:
Bắc Cali: *Bùi Duy Thuyết*
(408) 225-2199
Đông HK: *Nguyễn Văn Khanh*
(703) 379-8976
Pháp: *Lê Tất Luyện:* 01 45 83 19 12
Ph. Thu Hương: 01 39 84 00 84
Hòa Lan: *Nguyễn Quyết Thắng*
0229 231 666
Đức: *Nguyễn Phi Hùng*
02371 43 9238
Canada: *Hoàng Chiều Nhân*
(450) 466-0895
Western Australia: *Bình Anson*
(61-8) 9448-0637

ISSN 1056-4640

Thư Chủ Nhiệm:
Năm Mới, một năm đòi hỏi nhiều nỗ lực.

Bạn đọc thân mến,

Đến đầu Xuân là Thế kỷ 21 lại có ấn bản đặc biệt, năm nay chúng tôi cho ấn hành hai số thành một, với bài vở nhiều và màu sắc hơn.

Sau 13 năm có mặt, năm nay Nhóm chủ trương tờ tạp chí muốn kiểm điểm lại những chặng đường đã trải qua. Cũng như hằng ngàn tờ tạp chí có mặt trên trái đất, Thế Kỷ 21 không thể tiếp tục chỉ để tồn tại. Nhưng tồn tại được là vì còn nhiều bạn đọc quan tâm ủng hộ tìm đọc. Nói cách khác, tạp chí sống và thăng tiến là nhờ có người đọc và thích đọc; đọc và thích đọc vì tìm thấy trong tờ tạp chí những bài viết có chút nào giá trị đối với mình. Vì thế cách phát triển tờ tạp chí hay nhất chính là đi tìm để hòa hợp các đề tài, người viết, người đọc, cùng với việc quảng bá, phát hành.

Cái may mắn đầu tiên mà tạp chí Thế kỷ 21 có được là số độc giả mỗi ngày một gia tăng. Nhưng ở đây mọi chuyện lại phải tính ra tiền và phần lớn tiền là do các thân chủ quảng cáo. Chúng tôi rất biết ơn sự ủng hộ bền bỉ của các thân chủ quảng cáo vì thế xin các độc giả hãy tiếp tục ủng hộ các sản phẩm và dịch vụ được đăng trên tạp chí.

Sau đợt giảm giá để "khuyến mãi" vừa qua tạp chí nay đã có thêm một số độc giả mới. Số độc giả mới sẽ là nguồn lực thúc đẩy sự cố gắng nhiều hơn nữa của Nhóm chủ trương.

Độc giả trong nước, bao nhiêu năm qua vẫn đọc chui, hay đọc các bản sao lem nhem, chụp lại nhiều lần của Thế Kỷ 21. Năm mới, chúng tôi hy vọng sẽ chuyển vào trong nước một số lượng nhiều hơn. Để thực hiện điều này, ngoài cách thức đã làm như từ trước, chúng tôi sẽ thử nghiệm một phương thức mới hầu đạt được mục tiêu là 150 số cho mỗi kỳ.

Kể từ ngày ra đời, tạp chí Thế kỷ 21 đã được sự tiếp tay của rất nhiều người. Ngoài những vị có tên thường trực in trên trang đầu chúng tôi còn có một danh sách thật dài những văn hữu đã đóng góp bài vở, đã chia sẻ ý kiến, kiến thức qua các bài phỏng vấn, qua các thư liên lạc cùng tòa soạn, và rất nhiều ủng hộ viên vô danh, ở khắp đó đây. Nhân dịp Xuân về chúng tôi xin được đại diện tất cả anh chị em để cám ơn và cầu chúc tất cả Quí Vị Độc giả, Thân Chủ và Thân Hữu một năm an lành, hạnh phúc và thịnh vượng.

Đối với các Văn hữu đã quá vãng và hai anh Lê Đình Điểu và Trần Đại Lộc nay đã khuất bóng, chúng tôi xin đốt nén hương lòng tưởng nhớ.

Năm mới đối với Thế Kỷ 21 là một năm đòi hỏi nhiều nỗ lực. Cầu mong mọi dự tính sẽ được thực hiện thành công trong năm mới.

Thân ái kính chào tất cả Quí Vị.
Hoàng Ngọc Tuệ

Lữ Bằng, Lưu Nguyễn, Nguyễn Thị Chân Quỳnh, Dương Kiền, Nguyễn Tiến Cảnh, Miên Du, Chu Vương Miện, Hoài Cẩm Lê Văn Hưng, Lê Văn Lân, Trần Huy Sao, Phạm Cây Trâm, Tâm Thanh, Miên Thụy, Dạ Đàm Trần Chương Lương, Nguyễn Văn Cường, Hải Vân, Cao Tiêu, Nguyễn Trọng Đạt, Hoàng Huy Khánh, Đinh Văn Triển, Trần Huy Sao, Cung Vĩnh Viễn, Vũ Ký.

Kính thưa quý độc giả,

Trước hết Tòa soạn thành thật xin lỗi quý vị vì ra số tháng Giêng năm 2002 rất trễ mà không kịp thông báo cho quý vị biết trước. Thoạt đầu chúng tôi định làm số báo Xuân nhằm vào tháng Hai, nhưng sau thấy như vậy thì báo ra sẽ gần ngày Tết quá, độc giả ở xa có thể không nhận kịp để "đọc Tết," nên dời qua tháng Giêng, và làm một số báo đôi cho hai tháng Giêng và Hai luôn.

Trong thời gian qua, đồng Euro đã bắt đầu dùng ở Âu châu. Đối với những nước dùng đồng tiền mới này (Đức, Pháp, Hòa Lan, Bỉ, Lục Xâm Bảo, Tây Ban Nha, Bồ Đào Nha, Hy Lạp, Áo, Phần Lan, Ái Nhĩ Lan và Ý) chúng tôi tạm thời quy định giá báo là **100 Euro cho một năm (12 số báo), và 189 Euro cho hai năm (24 số báo).** Quý độc giả có thể chuyển thẳng tiền mua báo bằng đồng Euro cho đại diện của Thế Kỷ 21 tại nước quý vị cư ngụ. Có gì thay đổi chúng ta sẽ điều chỉnh lại trong tương lai.

Độc giả mới:

Pham Quoc Phu (Oklahoma City OK), Ai Tran (San Diego CA), Tran Bien (San Diego CA), Tan Pham (Monclair CA), Duong Thi Kim Huong (France), Pham Ngoc Dung (Liburn GA), Vivian Nguyen (Elmonte CA), Philip Phu Van Bui (Pinole CA), Vuong Minh Lieu (Houston TX), Le Yen Tran (Terrace WA), Xuong Xoi (Petersburg FL), Do Cam Vy (Anaheim CA), Hoang Tho Cach (Fair Fax VA), Duong Cong Liem (Los Angeles CA), Marie Ngo (Midway City CA), Le Thai Lam (CANADA), La Thach Ha (AUSTRALIA), Nguyen Binh (Brooklyn MN), Nguyen Ngoc Thanh (Simi Valley CA), Le Minh Duong (CANADA), Buu Uy (Portland OR), Tran Duc Han (Anaheim CA), Chi Trinh (CANADA), Phan Long Yen (Baldwin Park CA), Diana Nguyen (Rosemead CA), Nguyen Ba Lieu (Daly City CA), Le Khac Vinh (Lincoln NE).

Độc giả gia hạn:

Le Van Tu (Garden Grove CA), Hoang Xuan Thieu (Elk Grove CA), Pham De (Dayton OH), Chu Vuong Mien (Ranchocucamonga CA), Nguyen Ai Van (Cupertino CA), Hoang Tan (San Jose CA), Tuan Tran Kathy (Midway City CA), Tran Thi Trinh (Brookline MA), Duc Van Nguyen (Arcadia CA), Lib: San Francisco (San Francisco CA), Phuong quoc Phi (JAPAN), Pham Huan (Agoura CA), Hoang Tam Hilton Mclean VA), Nguyen The Vien (Sseatle WA), Ho Tan Mot (Seatle WA), Luu Nguyen (Hawthorne CA), Nguyen Tan Phat (Hampton VA), Nguyen Huu Viet (Tulsa Ok), Nguyen Van Ngoc (Bridgeport CT), Nguyen Luong Dien (San Jose CA), Huynh Hong Mai (Tarpon Spring FL), Pham Nguyen Hong (el Paso TX), Tan Van Hong (Santa Ana CA), Dieu Q. Thieu (La Fayette IN), Tran Thi Hang (Lake Forest CA), Nguyen Van Kim (FRANCE), Nguyen Thi Ty (FRANCE), Loi& Nguyet Vuong (Winter Haven FL), Trinh Long Viet (Malvern PA), Vu Quoc Lien (La Mesa CA), Ly Huynh Ba (GERMANY), Giang V. Hoang (Chicago IL), Nguyen Xuan Hoang (Metuchen NJ), Doan The Hoang (Lincoln NE), Thuan Hua (Florissant MO), Lai Huu Loi (Glendale CA), Vu Vinh Thinh (Reading PA), Tran Thi Ngoc Dung (Oakland CA), Vuong Minh Lieu (Houston TX), Le Yen Tran (Tlk Terrace WA), Dam The Lu (San Jose CA), Nguyen Huu Dien (Bayou La Batre AL), Tran Vu Huyen (Monclair CA), Dan Dinh Can (Winnetka CA), Nguyen Tam Tu (Pennssauken NJ), Pham Van Dong (Santa Claria CA), Mc. Gregor Fr (Oregon IL), Do Anh Tai (Rancho Cucamonga CA), Robert P. Neathery(Renton WA), Nguyen Du Khiem (Hooksetts NH), Thien Hy (Carrollton TX), Ta Xuan Tac (Eden Prairie MN), Tran Van Phe (Richfield MN), Do Van Khanh (San Gabriel CA), Le Khac Ngoc Tuy (San Jose CA), Pham Ngoc Khoi (CANADA), Tuong D Nguyen (CANADA), Lib: Calpoly (Pomona CA), Do Van Khanh (San Gabriel CA), Manh Truong (Alexandria VA), Ha Nguyen (Honolulu HI), Tran Thuy Myers (Florissant MO), Lib: St Seventrees (San Jose CA), Evergreen Branch (San Jose CA), Lib: San Jose (San Jose CA), Lib: West Valley (San Jose CA), Vo Doan Nhan (Santee CA), Nguyen Huu Phuoc (Manville CA), Nguyen Ba Lieu (Daly City CA), Nguyen Van Can (Lawrenceville GA).

SỰ KIÊN KINH TẾ

VỤ PHÁ SẢN LỚN NHẤT 2001: ENRON

VŨ NHẤT SẮC

Một vấn đề trong hệ thống kế toán là tổng kết tình trạng tài chánh của các chi nhánh một công ty vào sổ sách của công ty mẹ. Hiện nay các tiêu chuẩn mà Hội đồng Tiêu chuẩn Kế toán (FASB) đưa ra còn nhiều lỗ hổng. Công ty Enron đã áp dụng lối kế toán "đầy tính sáng tạo" cho nhiều tổ hợp mà họ bầy ra, với mục đích tăng con số tiền lời được công bố, trong khi giảm số nợ trên sổ sách của Enron. Giá cổ phần Enron đã lên vùn vụt trong mấy năm, cho đến khi các tin tức thật được tiết lộ thì giá xuống nhanh chóng, đưa tới tình trạng phá sản vào tháng 12 năm 2001. Không những các cổ đông của Enron mất tiền, hàng chục ngàn nhân viên bị mất tiền, các ngân hàng cho họ vay cũng mất tiền. Công ty kiểm tra kế toán (auditing) cho Enron là Arthur Anderson, với thù lao 100 triệu một năm, cũng bị liên lụy mất hết uy tín. Các ủy ban của Quốc hội Mỹ, Bộ Tư pháp, và Ủy ban Chứng khoán (SEC) đang mở cuộc điều tra. Đó là vụ phá sản lớn nhất trong năm qua, làm xao động thị trường, và sẽ gây nhiều ảnh hưởng chính trị liên can đến tổng thống Bush và đảng Cộng Hòa trong các năm tới.

Tài sản lớn nhất của một công ty thương mại là lòng tin. Khi lòng tin bị vỡ thì mất hết, như vụ công ty Enron phá sản. Bắt đầu là một xí nghiệp quản trị ống dẫn hơi đốt, sau Enron biến thành một công ty chuyên mua, bán điện, mua điện từ các nhà sản xuất, bán sỉ cho các công ty điện lực, mà khách hàng ở California rất đông. Nhưng sau khi ký các hợp đồng mua điện rồi bán lại các hợp đồng đó, công ty Enron thấy họ đã mở ra một thứ "chợ" mới, bèn khai thác cơ hội "làm chợ." Cho nên ngành hoạt động quan trọng nhất của Enron gần đây là hệ thống mua bán các hợp đồng về điện, khí đốt (và nhiều thứ khác) trên mạng lưới, với tên EnronOnline. Chợ EnronOnline đứng đầu thế giới trong hoạt động mua bán này. Nhưng khi cái tên Enron trở thành khả nghi vì sổ sách kế toán lờ mờ, và các viên chức cao cấp bị nghi là che dấu các khoản nợ lớn bằng thủ thuật pháp lý, kế toán, và có thể đã lợi dụng địa vị của họ để kiếm lợi riêng, thì uy tín sụp đổ. Cả hệ thống Online của Enron sụp trước hết. Mặc dù tài sản vẫn được ghi trị giá 63 tỷ mỹ kim, Enron phải xin tòa án tuyên bố phá sản để tránh bị các chủ nợ xâu xé.

Lên nhanh, xuống cũng nhanh

Hàng năm tạp chí *Fortune* xếp hạng 500 công ty lớn nhất nước Mỹ, trong năm 2000 tên Enron đứng hàng thứ bảy. Số thu nhập của Enron lên đến 101 tỷ Mỹ kim, cao hơn số bán của các đại công ty IBM hay AT&T. Vào cuối năm 2000 tổng cộng trị giá "vốn nhà" (equity) của công ty là 63 tỷ Mỹ kim, có lúc giá cổ phần lên cao 90 đô la. Vào ngày Thứ Sáu 30 tháng Mười Một năm qua giá mỗi cổ phần chỉ còn 24 cents, xu Mỹ. Khi tuyên bố phá sản, Enron còn tài sản trị giá 62 tỷ Mỹ kim trên giấy tờ, đây là một con số kỷ lục. Kỷ lục trước là công ty Texaco, trước khi phá sản năm 1987 còn có tài sản trị giá 51 tỷ Mỹ kim. Từ đầu năm 2001 Enron bắt đầu bị các viên chức chính quyền California công kích vì thủ lợi quá nhiều trong việc mua điện từ các nhà sản xuất rồi bán sỉ với giá cắt cổ. Trong tháng Hai, cổ phần Enron bắt đầu xuống, dần dần mất hai phần ba giá trị. Đến ngày 23 tháng Mười có tin công ty này bị SEC, Cơ quan kiểm soát thị trường chứng khoán của chính phủ liên bang Mỹ, mở cuộc điều tra phi chính thức. Một tuần sau, SEC chính thức mở hồ sơ điều tra về hệ thống kế toán của công ty và việc công ty lập ra các tổ hợp bên ngoài để đi vay, ngõ hầu tránh không ghi nợ vào bảng kê

tài sản.

Một biến cố gây ra các chấn động là ngày 17 tháng Mười công ty Enron tuyên bố phải xóa đi hơn một tỷ mỹ kim (trừ trong tiền vốn), vì các tổ hợp của họ bị lỗ lã. Ngày hôm sau, có tin các viên chức cao cấp của công ty kiếm lợi lớn nhờ các tổ hợp đó. Những tai tiếng đó khiến uy tín của Enron tan nhanh. Ngày 25 tháng 10 Enron còn đi vay được 3 tỷ mỹ kim, nhưng ngày 29 mức tín nhiệm của công ty (credit rating) chính thức bị hạ thấp. Đầu tháng Mười Một Enron còn vay thêm một tỷ mỹ kim. Vẫn có ngân hàng cho vay, nhưng phải dùng hệ thống ống dẫn khí là tài sản cụ thể có giá trị nhất làm bảo đảm. Tình trạng sa sút khiến Enron phải mặc cả với đối thủ Dynegy để kết hợp vào ngày 9 tháng 11, nhưng 19 ngày sau Enegy tuyên bố rút lui. Đó cũng là tiếng chuông báo tử, đẩy giá cổ phần xuống tới mức mấy chục xu, gần như vô giá trị.

Không phải chỉ có các cổ đông của Enron bị mất tiền. Các người làm chủ trái khoán (bonds) của Enron, tức là các chủ nợ sẽ bị mất tiền vì những giấy nợ trị giá 3.5 tỷ sẽ không được hoàn vốn đầy đủ. Giá trị các trái khoán này đã mất hơn một phần ba. Các ngân hàng lỡ cho Enron vay bị tai họa nặng nhất, tổng cộng mất chừng 15 tỷ, trong đó hai ngân hàng lớn của Citicorp và J.P. Morgan sẽ mất hơn tỷ rưỡi. Những công ty đã ký hợp đồng giao dịch với Enron sẽ mất khoảng 4 tỷ vì các hợp đồng không thể thi hành. Có từ 800 đến 1000 công ty sẽ bị liên lụy, từ Mỹ đến Canada, Đức, Argentina, Phi Luật Tân, Ấn Độ, Ba Lan, v.v. Những người tiêu thụ điện, hơi đốt và nhiều thứ khác mà công ty Enron mua bán cũng bị vạ lây vì thị trường điện, khí đốt bị xáo trộn.

Nhiều tiểu bang trong đó có California đang lo lắng rằng vụ này sẽ khiến không ai muốn đầu tư vào nhà máy sản xuất điện. Công ty Calpine ở California đang chuẩn bị bán máy turbine đủ cho 35, 40 nhà máy điện, tổng cộng có công suất 70,000 megawatt. Vào cuối năm ngoái Calpine cho biết sẽ chỉ cung cấp máy cho khoảng 11,000 megawatt mà thôi. Nếu nay mai kinh tế Mỹ hồi phục, nhu cầu điện gia tăng e rằng nhiều nơi, đặc biệt là California sẽ thiếu điện!

Cởi trói thị trường điện

Từ lâu, ngành điện, nước được đặt dưới sự kiểm soát giá cả của chính phủ vì một tình trạng gọi là "độc quyền tự nhiên." Muốn đầu tư vào một nhà máy điện phải có vốn rất lớn, xí nghiệp mới muốn nhẩy vào cạnh tranh đều gặp khó khăn, mà trong một thị trường thường không đủ chỗ cho hai, ba công ty sống. Cho nên đa số các công ty điện ở khắp nơi đều chiếm độc quyền. Để bảo vệ người tiêu thụ, chính phủ ấn định giá bán lẻ, chỉ cho phép các xí nghiệp điện một mức lời phải chăng để đền bù cho người bỏ vốn, tức các cổ đông. Đó cũng là lý do khiến các ngành tiện ích công cộng khác như viễn thông, điện thoại, xe lửa, v.v. ở các nước đều được chính phủ kiểm soát.

California là một tiểu bang cởi trói cho thị trường điện sớm nhất, nhưng ngay từ đầu đã phạm những sai lầm. Thống đốc Wilson để cho các nhà buôn sỉ tự do mua, bán điện theo giá thị trường, nhưng vẫn kiểm soát giá điện bán lẻ để bảo vệ người tiêu thụ, gây ra cuộc khủng hoảng điện trong năm nay. Khi nhiều tiểu bang khác cũng cởi trói cho ngành điện thì những công ty chuyên mua, bán điện như Enron, trụ sở ở Houston, Texas kiếm lợi lớn. Enron đã bành trướng, từ một công ty quản trị đường ống dẫn hơi đốt chuyển sang nghề buôn bán điện, và lập ra EnronOnline.com cho các nhà đầu tư mua và bán trên internet các hợp đồng về điện, với tham vọng biến thành một thứ "thị trường điện tử" cho tất cả các vụ mua bán hợp đồng, đủ mọi ngành. Công ty còn mở rộng hoạt động khắp thế giới. Tạp chí *The Economist* mô tả Enron như một hedge fund chuyên mua, bán các hợp đồng tài chánh. Giá cổ phần của công ty tăng gấp 30, 40 lần trong khi Enron xa dần dần ngành hoạt động chính của họ là điện và khí đốt.

Chiến lược bành trướng quá nhanh của Enron gây mầm cho tai họa về sau. Trong lúc phát triển, Enron vay nợ quá nhiều, và che giấu những món nợ lớn bằng cách để cho các tổ hợp bên cạnh đứng tên vay. Nợ nhiều là nguy hiểm, vì khi giá điện trên thị trường xuống vì kinh tế trì trệ khiến nhu cầu điện khí cũng giảm, thì thị trường thấy rõ Enron không thể trả được các món nợ đã vay.

Kinh tế trì trệ gây tai họa cho Enron vì giá điện lên xuống quá nhanh. Giá điện trên toàn nước Mỹ năm 2000 có lúc lên cao 216 đô la, cuối năm 2001 xuống chỉ còn 23 đô la một megawatt. Trong thời gian California bị mất điện và giá điện tăng cao, mọi người đổ tội cho những nhà buôn sỉ điện như Enron. Giá điện bán sỉ ở California tăng từ 32 đô la vào tháng Tư năm 2000 lên 317 đô la một megawatt vào cuối năm. Bộ trưởng Tư Pháp tiểu bang California có lúc nói rằng ông mong có

thể đích thân dắt tay ông Kenneth Lay, chủ tịch Enron, vào nhà tù.

Chắc chắn ông Lay, cùng với cựu Tổng giám đốc Skilling và Giám đốc tài chánh (CFO) Andrew Fastow (CFO) sẽ bị pháp luật hỏi thăm.

Ngoài những tội về sổ sách kế toán có thể khám phá là không hợp lệ, họ còn có thể bị hỏi tội về những tổ hợp mà họ lập ra kiếm lợi riêng, làm hại cho chính công ty mà họ điều khiển. Ông Skilling sẽ được hỏi thăm về thời gian sáu tháng ông làm CEO của công ty rồi đột ngột từ chức, sau khi đã tuyển ông Fastow làm CFO. Từ đầu năm 2001 ông Skilling đã dần dần bán các cổ phần của Enron mà ông làm chủ, trị giá 17.5 tỷ Mỹ kim, trong lúc giá cổ phần công ty bắt đầu xuống. Nếu bị truy tố về sử dụng "tin mật" để kiếm lợi riêng, ông sẽ phải trả lại số tiền lời và còn bị phạt nữa. Ông Fastow đã kiếm lời 30 triệu trong một tổ hợp mà ông lập ra để mua bán với công ty Enron. Các cổ đông sẽ đặt câu hỏi về quyền lợi riêng xung khắc với quyền lợi chung.

Dùng đòn bẩy tài chánh đầy may rủi

Ai cũng biết "nguyên tắc đòn bẩy." Đặt cây đòn lên một điểm tựa, nhấn một đầu xuống chúng ta có thể bẩy cả một khối đá nặng ở đầu kia. Cái cán đòn ở phía mình càng dài thì sức bẩy càng được nhân lên nhiều lần.Trong môn quản trị tài chánh, "nguyên tắc đòn bẩy" được dùng trong khi vay nợ, vấn đề gọi là quản lý cơ cấu tiền vốn (capital structure management), tức là quyết định bao nhiêu phần vốn, bao nhiêu phần là nợ dài hạn. Dùng tiền vay để tăng suất lời cho tiền vốn gọi là dùng đòn bẩy tài chánh, financial leverage.

Nếu chúng ta đi vay phải trả lãi 8%, mà tiền vay về đem đầu tư được lợi hơn 8% là tốt rồi. Thí dụ một công ty làm ăn lời rất cao, tiền đầu tư sinh lợi 10%. Nếu không vay nợ, bỏ ra đồng vốn nào sẽ chỉ hưởng lợi đúng 10% mà thôi. Nếu bỏ ra một đồng vốn, chỉ vay thêm một đồng nữa thôi, 2 đồng sinh ra 20 xu, trả 8 xu tiền lãi vẫn còn 12 xu. Một đồng vay thêm làm tăng tỷ lệ lời cho vốn nhà, tại sao không đi vay nữa? Vay thêm một đồng, "lợi suất trên vốn nhà" (return on equity) tăng từ 10% lên 12% thì vay thêm đồng nữa, lợi suất sẽ lên 14%, rồi thành 16%, v.v.. Càng vay nhiều càng tốt, như dùng "đòn bẩy" với cái cán ngày càng dài hơn.

Nhưng kinh doanh thì phải chịu có may có rủi, gọi chung là risk. Nếu chẳng may vì một lý do nào đó mỗi đồng tiền đầu tư chỉ có lời 6% thôi chứ không phải 10% nữa, hai đồng sinh ra 12 xu, trong khi đồng bạc nợ vẫn phải trả lãi 8 xu. Như vậy là đồng vốn nhà chỉ còn lại 4 xu lời, tức 4% thôi. Nếu chẳng may kinh tế bết bát, mỗi đồng bạc đầu tư chỉ sinh lợi 2%, hai đồng sinh lợi 4 xu trong khi vẫn phải trả 8% tiền lãi, thì công ty lỗ 4 xu, và đồng tiền vốn lỗ 4%, lợi suất (return on equity) chuyển từ dương sang âm. Nếu công ty nợ nhiều hơn, 2 đồng chẳng hạn, thì khi mức lời đầu tư xuống 5%, 3 đồng sinh ra 15 xu, đã không đủ trả 16 xu tiền lãi, bắt đầu lỗ vốn rồi. Cho nên khi không may mắn, càng vay nợ nhiều càng lỗ sớm.

Vì vay nợ là thêm rủi ro, cho nên khi thấy một công ty có quá nhiều nợ trong cơ cấu vốn, capital structure, thị trường sẽ lo ngại và đánh giá cổ phần thấp xuống, các ngân hàng cũng ngần ngại không muốn cho vay thêm.

Enron nhiều sáng kiến

Trong vụ công ty Enron sập tiệm, nguyên nhân chính có thể rất nhiều: thị trường giá điện và hơi đốt xuống, đầu tư ở nước ngoài gặp khó khăn (Anh quốc, Brazil, Ấn Độ), mất tín nhiệm khi bị Cơ quan Chứng khoán SEC điều tra về kế toán, khiến các ngân hàng và khách hàng bỏ đi, v.v. Nhưng lý do khiến công ty Enron sập nhanh chóng là vì họ dùng đòn bẩy tài chánh một cách liều lĩnh. Nếu không nợ nhiều thì không đến nỗi sập nhanh như vậy. Không những thế, họ sáng chế ra những cách che giấu số nợ của công ty, để thị trường tưởng rằng họ nợ ít, nghĩa là rủi ro cũng thấp, trong khi đó họ nợ như chúa Chổm. Đến lúc người ta khám phá ra thì thị trường phản ứng rất nhanh. Khi Enron khai phá sản để được bảo vệ không bị các chủ nợ xâu xé, công ty khai số nợ là 13.1 tỷ đô la, các chi nhánh nợ thêm 18.1 tỷ, nhưng còn có những món nợ khác nằm ngoài sổ sách khoảng 20 tỷ nữa. Chính những món nợ nằm ngoài sổ sách này khiến thị trường mất tin tưởng.

Ông Kenneth Lay đã nhìn thấy cơ hội lớn khi các tiểu bang ở Mỹ bắt đầu cởi trói cho thị trường điện và năng lượng, biến Enron thành một công ty thương mại, môi giới. Năm 1997 Lay mời Jeffrey Skilling về làm Tổng quản trị (COO). Skilling đã mở rộng các hoạt động của Enron thành một thứ tổng công ty quốc tế. Enron Online là một trung tâm mạng lưới mua bán các hợp đồng về năng lượng, rồi mở sang các lãnh vực khác, từ viễn thông, kim loại, đến quảng cáo, giải trí, và

các hợp đồng tài chánh khác. Một thí dụ cho thấy sáng kiến của họ, đó là những đề-ri-va-ti (derivatives) về thời tiết. Nếu quý vị sống ở miền lạnh, với ngân sách ước định cho tiền sưởi mùa đông, quý vị chắc sẽ lo lắng không biết năm nay giá xăng dầu lên hoặc thời tiết lạnh quá, liệu mình có tiền trả hay không. Enron sẽ đề nghị có người bán cho quý vị một hợp đồng đề-ri-va-ti theo đó nếu nhiệt độ xuống thấp dưới một mức nào đó thì có người sẽ trả tiền bù cho quý vị. Tất nhiên có những người sẵn sàng bán thứ đê-ri-va-ti này, vì họ đánh cá rằng thời tiết sẽ không tệ lắm. Nếu sự thực đúng như vậy thì họ có lời. Còn quý vị mua đê-ri-va-ti thời tiết cũng giống như mua thêm bảo hiểm. Phải công nhận đó là một sáng kiến táo bạo, giúp mọi người chia sẻ rủi ro với nhau, ai cũng có lợi.

Nghĩ ra nhiều cách vay nợ

Nhưng các sáng kiến về vay nợ mới tài tình, và nguy hiểm. Làm cách nào để công đi vay thêm nợ mà người ngoài không để ý? Họ lập ra những tổ hợp, partnership bên ngoài công ty, để các tổ hợp đó đi vay nợ. Vì các tổ hợp này không phụ thuộc công ty, cho nên bảng kê khai tài chánh của họ tách riêng, các món nợ đó không nằm trong bản khai tài sản và vốn (balance sheet) của công ty.

Người phụ trách việc này là ông Andrew Fastow, giám đốc tài chánh (CFO). Năm 1999 ông này đã được tạp chí *CFO Magazine* tặng giải giám đốc tài chánh xuất sắc, hai năm sau thì tòa lâu đài do ông tạo ra sụp đổ. Ông Fastow đã lập ra nhiều tổ hợp, trong đó ông có góp vốn vào một số, như LJM, lấy tên tắt của vợ, con ông, rồi đến LJM 2.

Cách tổ chức các tổ hợp rất phức tạp, đến nỗi báo *Business week* nói rằng chính ông chủ tịch Enron là Ken Lay cũng không hiểu rõ nó vận hành thế nào. Một thí dụ có thể cho thấy sáng kiến tài chánh của ông Fastow. Chẳng hạn một tổ hợp đi vay nợ rất nhiều rồi bỏ tiền ra mua các "tài sản" của Enron. Trong số tài sản đó có những cổ phần của Enron, được định giá do hai bên thỏa thuận. Trong lúc thị trường đang ngưỡng mộ Enron, giá cổ phần có thể tính rất cao. Lúc giá lên 80 đô la, ông Fastow đã tuyên bố với các nhà phân tích chứng khoán rằng giá trị đúng của Enron phải tới 126 đô la mỗi cổ phần. Riêng việc bán các "tài sản" cho các tổ hợp bên ngoài đó cũng làm tăng tiền lời mà công ty Enron có thể đem ra trình làng, khiến thị trường càng tin tưởng. Dùng các tổ hợp bên ngoài đi vay nợ cho mình, Enron có một bảng khai tài sản rất đẹp: tỷ trọng nợ rất nhẹ.

Nhưng trong các hợp đồng bán tài sản này có những điều khoản để bảo đảm cho các người góp vốn vào những tổ hợp đó an tâm. Thí dụ, hợp đồng bán ghi rằng nếu các cổ phần của Enron xuống giá đến một mức nào đó thì Enron sẽ lãnh hết các món nợ mà tổ hợp mua đã đi vay! Có hợp đồng thì ghi là nếu các công ty thẩm định tín dụng (credit rating) hạ thấp mức độ tín nhiệm của Enron xuống thì Enron cũng phải nhận về các món nợ mà tổ hợp đã đi vay. Vì các điều khoản bảo đảm đó nên những công ty đầu tư lớn như Marlin Water Trust cũng góp vốn với Enron trong tổ hợp Atlantic Water Trust, trong đó Enron góp 50%. Riêng trong tổ hợp này, nếu giá cổ phần của Enron xuống là công ty phải gánh lấy 915 triệu mỹ kim bạc nợ. Khi tổ hợp Atlantic Water thất bại, ở Anh quốc, Ấn Độ thì không những giá cổ phần của Enron đã xuống mà công ty còn mang nợ nhiều hơn!

Với các thứ hợp đồng như vậy, người bên trong có thể thấy một mối nguy: Nếu giá cổ phần Enron xuống, hay mức tín nhiệm xuống thì bỗng nhiên công ty này phải gánh rất nhiều nợ thay cho các tổ hợp! Và đó là một đầu mối khiến công tụt dốc thê thảm.

Nhưng tại sao các nhà quản trị tài ba của Enron lại bầy ra những trò liều lĩnh như vậy? Nói rằng họ cố ý gian lận thì có vẻ dễ dàng quá. Thực ra họ có kiếm thêm được, như ông Fastow được lợi 30 triệu trong một vài tổ hợp ông tham dự, thì con số đó cũng quá nhỏ đối với số bán hàng trăm tỷ một năm của Enron. Khi công ty bán hàng trăm tỷ bạc, và giá cổ phần lên cao liên tục, thì một giám đốc tài chánh cũng có ngày được tưởng thưởng hàng chục triệu mà không cần gian lận. Số thâu nhập của Enron tăng từ hơn 9 tỷ mỹ kim năm 1995 lên gần 101 tỷ năm 2000. Cổ phần của Enron tăng 55% trong năm 1999, tăng 87% trong năm 2000, tăng 500% từ 1995 đến 2000.

Có lẽ động cơ khiến họ liều lĩnh dùng đòn bẩy tài chánh quá dài, và quá rắc rối, là vì họ lạc quan quá đáng. Và đó là một căn bệnh của những người thành công!

Triệu chứng Enron

Vụ công ty Enron phá sản chứng tỏ hệ thống kinh tế tài chánh Mỹ có thể tự thanh lọc những xí nghiệp nào đã quyết định sai lầm và làm ăn thất bại. Enron đã góp 5.8 triệu mỹ kim cho các nhà chính trị trong 12 năm qua, ba phần tư cho đảng Cộng Hòa. Riêng tổng thống Bush đã nhận được hơn 600 ngàn mỹ kim. Nhưng chính phủ Mỹ đã từ chối không cứu Enron khi ông Ken Lay điện thoại cho hai ông Bộ trưởng Thương mại, Tài chánh.

Hiện tượng đó cho thấy những ưu điểm của hệ thống kinh tế tư bản tại xứ này. Tuy nhiên, người ta phải nhìn về quá khứ, phân tích những lý do đưa công ty Enron phát triển nhanh chóng rồi suy sụp nhanh hơn. Từ đó sẽ thấy Enron chỉ là một triệu chứng báo hiệu những căn bệnh trong hệ thống kinh tế Mỹ cần chữa trị. Cần xét lại cách thi hành việc xóa bớt luật lệ, deregulation, đã bắt đầu từ hai chục năm qua. Cần điều chỉnh mối liên hệ giữa các công ty kiểm toán (auditing) và các xí nghiệp bị kiểm tra, giữa các công việc nghiên cứu chứng khoán và các ngân hàng tài trợ cho những công ty là đề tài nghiên cứu. Và vụ Enron cũng cho thấy việc cải tổ cách gây quỹ tranh cử như Nghị sĩ John McCain chủ trương là cần thiết. Dự luật cải tổ của ông đã bị đảng Cộng Hòa ở Hạ viện ngâm tôm, mặc dù đa số dân chúng ủng hộ.

Một người mới xuất hiện như một nữ anh hùng trong đám cháy Enron là bà Sherron S. Watkins. Bà Watkins được coi như một anh hùng vì đã can đảm viết thư báo động Chủ tịch công ty Ken Lay về những phương pháp kế toán khả nghi, có thể đưa công ty đến tình trạng lừa gạt giới đầu tư, trái với đạo lý kinh doanh.

Kinh tế thị trường cần những nền tảng là tính chất minh bạch (clarity), công khai (transparency), công bằng (fairness), và không che đậy, không khép kín (openness). Những luật lệ và quy tắc trong hệ thống kế toán và kiểm tra, được trao phần lớn cho tổ chức nghề nghiệp của các nhà kiểm toán tự quy định và thanh lý, đều nhắm bảo vệ các đặc tính trên. Bà Sherron Watkins đã nêu ra một vấn đề đạo lý khi đặt câu hỏi về phương pháp kế toán của công ty Enron. Nhưng sâu xa hơn, đó là vấn đề của tất cả những người làm nghề kiểm toán. Từ năm 1997 đến nay đã có 723 công ty lớn ở Mỹ bị bắt buộc phải khai rút lợi nhuận đã công bố.

Tại sao sổ sách kế toán trung thực lại quan trọng cho hệ thống kinh tế tư bản? Vì một nền tảng của kinh tế tư bản là thị trường chứng khoán. Hơn một trăm triệu người Mỹ hiện đang làm chủ các cổ phần, trực tiếp hoặc gián tiếp qua các quỹ đầu tư. Người đầu tư quyết định mua, bán chứng khoán căn cứ vào tình trạng tài chánh.

Nếu những bản kê khai tài chánh của các công ty không đáng tin cậy thì thị trường sẽ là một sòng bài với những tay đánh bạc bịp.

Vì thế, nghề kiểm toán là một cột trụ của kinh tế tư bản. Luật lệ ràng buộc các nhà kiểm toán, nhưng bất cứ lãnh vực nào trong xã hội luật lệ vẫn chưa đủ, cần cả đạo lý nữa. Bà Watkins đã báo động ông Chủ tịch Lay về cách dùng các tổ hợp bên ngoài để thổi phồng lợi nhuận, đánh lừa các nhà đầu tư, khiến giá cổ phần của Enron tăng lên, có lúc gần 90 đô la, cho đến khi sắp phá sản chỉ còn mấy chục xu. Bà Watkins viết, "Giống như năm nay đi cướp ngân hàng rồi năm sau đem trả lại." Gần 5000 nhân viên bị sa thải, và họ mất hết phần hưu bổng bị đem mua cổ phần của Enron.

Gần ba chục cấp chỉ huy của Enron đã bán các cổ phần mà họ được công ty tưởng thưởng khi giá cổ phần lên cao. Trong khi đó, các nhân viên trong một thời gian bị ngăn cấm không được bán những cổ phần mà họ phải mua trong chương trình tiết kiệm hưu bổng! Nhưng hệ thống kế toán của Enron còn khôn khéo giúp cho họ tránh không phải trả thuế chính phủ Mỹ, ngược lại, chính phủ còn phải bồi hoàn thuế cho họ. Theo báo *Wall Street Journal* thì trong năm năm, từ 1996 đến 2000, công ty Enron chỉ trả thuế trong một năm 1997, nộp cho Chú Sam 17 triệu đô la. Còn trong bốn năm kia họ đã buộc được chính phủ Mỹ bồi hoàn tổng cộng hơn 380 triệu Mỹ kim. Một trong những phương pháp để đòi lại tiền thuế là khai lỗ lã vì tưởng thưởng các nhà quản đốc bằng hứa phiếu mua cổ phần (stock option). Đó là chưa kể khai lỗ vì chuyển lợi nhuận của công ty cho những "chi nhánh" đặt trụ sở tại các "hòn đảo quốc gia" trong Đại Tây Dương, nơi chính phủ không đánh thuế để lôi cuốn các công ty liên quốc đặt trụ sở. Enron có 881 chi nhánh ở đảo Cayman, 119 ở đảo Turks, and Caicos, 42 ở đảo Mauritius, v.v..

Nhưng Enron không phải là công ty duy nhất không phải đóng thuế. Một cuộc nghiên cứu 250 công ty trong số 500 công ty mà báo *Fortune* xếp hàng lớn nhất, cho thấy năm 1996 có 16 công ty không phải đóng thuế, năm 1997 có 13, và năm

1998 có 24 công ty chẳng phải đóng đồng thuế nào cả! Từ thập niên 1970, Quốc hội Mỹ đã làm luật "Thuế tối thiểu" để buộc các công ty khôn ngoan tìm ra đủ cách hợp pháp tránh không đóng thuế, vẫn phải đóng một số tối thiểu. Tổng thống Bush và các đại biểu Quốc hội đảng Cộng Hòa vẫn còn đang vận động xóa bỏ luật Thuế Tối thiểu này. Không những thế, họ còn muốn cho luật có hiệu lực hồi tố, bắt chính phủ Mỹ trả lại thuế cho các công ty đã đóng từ năm 1986 đến nay.

Một ngành hoạt động giúp cho Enron thành công nhanh chóng là mở thị trường mua bán các chứng khoán đê ri va ti về năng lượng. Trong thập niên 1970 khi công ty Enron bắt đầu vào ngành này, họ đã vận động một Ủy ban kiểm tra việc Mậu dịch các hợp đồng có hạn kỳ (Commodity Futures Trading Commission) cho phép hoạt động trong khi chưa có đủ luật lệ, thủ tục về ngành hoạt động mới này. Quốc hội Mỹ cũng chấp thuận tình trạng đó. Người đứng đầu Ủy ban CFTC trên là Wendy Gramm, vợ của Nghị sĩ Cộng Hòa Phil Gramm, người đã được Enron tặng cho quỹ tranh cử hơn 50 ngàn Mỹ kim năm 2000. Còn bà Wendy khi thôi làm việc nước đã được mời vào Hội đồng Quản trị của Enron. Công ty Enron cũng đóng góp 25% trong tổng số tiền góp quỹ tranh cử cho đảng Dân Chủ.

Năm 1996, sau khi chính phủ Clinton giúp Enron giải quyết xong cuộc tranh chấp với một tiểu bang ở Ấn Độ, Enron đã góp cho Quỹ đảng Dân Chủ 100,000 Mỹ kim. Trong 12 năm qua, công ty này đã đóng góp tổng cộng 5.8 triệu Mỹ kim cho các nhà chính trị. Trong đó có 71 vị Nghị sĩ đương nhiệm và 188 vị Dân biểu. Việc các ủy ban Quốc hội mời ông Ken Lay và các người cộng sự ra điều trần có thể giúp mấy người này. Vì khi họ phải ra tòa, công tố viên sẽ gặp khó khăn khi kết tội họ dựa trên lời khai mà họ đã nói trước Quốc hội. Các ủy ban Quốc hội thường phải cho nhân chứng được miễn tội trước khi lấy lời khai. Vụ này đã xẩy ra đối với Đại tá Oliver North, trong vụ bán vũ khí cho Iran, thời tổng thống Reagan.

Phải cải tổ cách gây quỹ tranh cử tại nước Mỹ, ít nhất để tránh mối nghi ngờ liên hệ giữa tiền và quyền. Một thứ đóng góp nên cấm là "Quỹ Tiền Mềm," không có giới hạn khi góp cho các đảng chính trị chứ không giúp cho đích danh các ứng cử viên. Đó cũng là một điểm cơ bản trong dự luật cải tổ của Nghị sĩ John McCain.

Chuyện Enron sẽ còn dài

Phó Tổng thống Dick Cheney được Tổng thống Bush ủy nhiệm đứng đầu ủy ban soạn thảo chính sách năng lượng của quốc gia trong tương lai. Năm ngoái, trong một cuộc phỏng vấn ông cho biết người duy nhất trong số các nhà kinh doanh được ông tham khảo ý kiến để soạn thảo chính sách là ông Ken Lay. Ủy ban năng lượng của Phó Tổng thống Dick Cheney đã tham khảo ý kiến của các nhân vật lãnh đạo công ty Enron tất cả sáu lần, trong đó ông Ken Lay được gặp Phó Tổng thống lâu 30 phút. Bản kế hoạch năng lượng quốc gia được ông Dick Cheney đưa ra đã theo chủ trương giải tỏa bớt luật lệ mà công ty Enron đã cổ động, và đã hưởng lợi. Ông Marc Racicot là bạn của Tổng thống Bush, hiện được ông Bush cử làm chủ tịch đảng Cộng Hòa, đã chính thức đóng vai vận động viên cho Enron (Theo luật ở Mỹ, các người đi vận động hành lang Quốc hội và chính phủ phải ghi tên và khai báo). Ông Racicot đã tuyên bố không làm nghề vận động hành lang nữa.

Bây giờ lại đến những tin tức về cựu Tổng thống Bush I. Các báo và đài đã loan tin những liên hệ giữa ông và tổ hợp Carlyle, một công ty từng mua lại các nhà thầu quân sự đang gặp khó khăn, lúc kinh doanh khá giả thì bán lại kiếm lời. Nhóm Carlyle này đã thuê ông Bush I như là đại diện của họ đi du thuyết, đặc biệt là trong thị trường quốc tế.

Gần đây, Bộ trưởng Quốc phòng Donald Rumfsfeld đã cho phép tiếp tục mua hệ thống trọng pháo Crusader mặc dù đã bị nhiều người chỉ trích. Quyết định này mang lại mối lợi khổng lồ cho nhà thầu bán vũ khí, mà nhà thầu này lại là một phân bộ của công ty Carlyle. Chủ tịch Carlyle cũng là một người bạn thời đại học của ông Rumsfeld.

Một điều đáng nói nữa là gia đình bin Laden ở Á rập Sau đi là một nhóm đầu tư lớn trong công ty Carlyle, mà cựu Tổng thống Bush I đã từng đến thăm gia đình này - sau khi họ đã từ bỏ "đứa con bất hiếu" Osama, thủ lãnh tổ chức khủng bố Al Qaeda.

Tất cả các chuyện đó hiện nay chưa bị đảng Dân Chủ đem ra khai thác từ nay cho đến mùa tranh cử năm 2004, giống như đảng Cộng Hòa đã khai thác vụ đầu tư tại Whitewater của ông bà Clinton trong suốt tám năm từ 1992 đến khi ông mãn nhiệm./.

NHỮNG THAY ĐỔI TRONG CHÍNH SÁCH NGOẠI GIAO CỦA HOA KỲ VÀ CỤC DIỆN THẾ GIỚI SAU BIẾN CỐ 9/11

NGUYỄN MẠNH HÙNG

Có thể nói cuộc tấn công đồng loạt ngày 11 tháng 9 năm vừa qua của quân khủng bố vào trung tâm tài chính ở Nữu Ước và trung tâm quân sự ở Hoa Thịnh Đốn của siêu cường số một trên thế giới đánh dấu một biến cố quan trọng nhất trong năm đầu của thế kỷ 21. Biến cố này buộc Hoa Kỳ phải điều chỉnh sách ngoại giao đồng thời gây ra những thay đổi trong tương quan giữa các cường quốc và cục diện thế giới.

Chính sách ngoại giao của chính quyền Bush: Ý định ban đầu

Trong suốt thời gian vận động tranh cử cho đến những ngày đầu tiên sau khi nhậm chức tổng thống, ứng cử viên George W. Bush và các cố vấn của ông đã đưa ra những lời tuyên bố tỏ ý muốn thi hành một chính sách ngoại giao mới, khác hẳn chính sách ngoại giao của chính quyền Clinton.

Chính sách ngoại giao của chính quyền Clinton, nhất là trong nhiệm kỳ đầu, chịu ảnh hưởng rất nhiều của trường phái chính trị "tân lý tưởng" (neo-Wilsonianism hay neo-idealism) nhấn mạnh đến nhân quyền, dân chủ hóa, hợp tác quốc tế, và hành động đa phương dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc (multilateralism). Khuynh hướng hành động đa phương này được thể hiện rõ rệt trong chính sách của Hoa Kỳ từ Somalia đến Haiti, và Iraq. Ngược lại, tổng thống Bush và đa số những người làm chính sách trong chính quyền Bush lại theo trường phái chính trị "thực tiễn" (realism) chú trọng đến tương quan quyền lực, đến quyền lợi quốc gia chứ không phải quyền lợi thế giới hay lý do nhân đạo, đến quyền lợi chiến lược hơn là quyền lợi kinh tế, và thích hành động đơn phương (unilateralism). Trong chiều hướng này, chính quyền Bush đã bất chấp dư luận, đơn phương rút ra khỏi nghị định thư Kyoto liên quan đến cam kết giảm tiến trình làm nóng địa cầu và hiệp ước hạn chế hỏa tiễn phòng thủ, chống hiệp ước thành lập Tòa Án Hình Sự Thế Giới, và tẩy chay không tham dự Hội nghị quốc tế chống kỳ thị chủng tộc.

Mục tiêu ngoại giao quan trọng nhất của chính quyền Clinton là "an ninh kinh tế," đặt trọng tâm hoạt động ngoại giao của Hoa Kỳ vào việc phát triển thương mại thế giới, thiết lập các khu mậu dịch tự do, và ký kết các hiệp định hợp tác thương mại song phương với các quốc gia khác. Mục tiêu hàng đầu của chính quyền Bush là "một nền quốc phòng vững mạnh" đặt trọng tâm vào việc thiết lập hệ thống hỏa tiễn phòng thủ chống lại các võ khí có sức tiêu hủy hàng loạt (weapons of mass destruction). Trong diễn văn nhậm chức, tổng thống Bush cam kết sẽ xây dựng một "lực lượng quân sự vô địch" có khả năng đối phó với những đe dọa mới.[1]

Trong khi chính quyền Clinton chú trọng đến "địa lý kinh tế" (geoeconomics) thì chính quyền Bush lại quan tâm đến "địa lý chính trị" (geo-politics). Chính quyền Bush không muốn can thiệp vào các khủng hoảng trên thế giới vì lý do nhân đạo, hay gửi quân ra ngoại quốc làm công tác "xây dựng định chế quốc gia" (nation-building) tại những vùng không có tầm chiến lược quan trọng, như Somalia, Bosnia, và Kosovo. Ở Á châu, chính quyền Bush coi Trung Quốc là một kẻ "cạnh tranh chiến lược" chứ không phải là một "cộng sự viên chiến lược" như dưới thời Clinton. Đối với Nga, chính quyền Bush quan niệm rằng Hoa Kỳ không thể làm gì nhiều để giúp Nga về phương diện kinh tế,[2] tốt nhất là cứ để cho cơ chế thị trường tự do hoạt động, khác hẳn với quan điểm của chính quyền Clinton coi việc viện trợ giúp Nga phát triển kinh tế và dân chủ là "thử thách lớn nhất của thời đại chúng ta."[3] Ở Trung Đông, thay vì có những nỗ lực tích cực như thời Clinton, chính quyền mới tuyên bố sẽ giữ thái độ chờ đợi, chỉ giúp vào tiến trình thương thuyết khi nào chính Do Thái và chính quyền Palestine thực sự muốn

giải quyết tranh chấp giữa họ với nhau.

Biến cố 9/11 và những thay đổi trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ

Biến cố 9/11 làm đảo lộn tính toán và dự định của chính quyền Bush. Trong những tháng đầu sau ngày 9/11, việc chống và tiêu diệt khủng bố trở thành ưu tiên số một trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ, chứ không phải là việc xây dựng hệ thống phòng thủ hỏa tiễn hay chuẩn bị đối phó với thế lực ngày càng lớn của Trung Quốc. Nhu cầu cấp thời là phát động một cuộc chiến nhằm triệt hạ chính quyền Taliban và tổ chức al Qaeda mà Hoa Kỳ lên án là đã chủ mưu vụ khủng bố 9/11. Mọi chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ sau ngày 9/11 đều bị chi phối bởi nhu cầu này.

Để tránh luận thuyết của phe khủng bố tố cáo Hoa Kỳ phát động một cuộc thánh chiến chống Hồi Giáo, hay một cuộc chiến tranh giữa văn minh Tây phương và văn minh Hồi Giáo, Hoa Kỳ đã cố gắng thiết lập một liên minh toàn cầu chống khủng bố để bảo vệ nền "văn minh chung của nhân loại," và do đó phải gạt bỏ khuynh hướng hành động đơn phương. Mặc dù quân đội Hoa Kỳ đóng vai trò quan trọng nhất trong chiến tranh triệt hạ chế độ Taliban, chính quyền Bush đã vận động để cuộc chiến được thực hiện trong khuôn khổ các quyết nghị của Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Cuộc thương thuyết để thành lập một chính quyền tạm thời của A Phú Hãn thay thế cho chế độ Taliban, và việc gửi "lực lượng bảo an quốc tế" (International Security Assistance Force) đến duy trì trật tự ở A Phú Hãn cũng đều được thực hiện dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Lực lượng này không những chỉ gồm quân đội của các quốc gia thuộc khối Minh Ước Phòng Thủ Đại Tây Dương (NATO) mà còn có sự hiện của một số các quốc gia Hồi giáo và các quốc gia trước kia thuộc liên minh quân sự Warsaw. Vì biến cố 9/11, chính quyền Bush đã đổi từ thái độ lạnh nhạt sang thái độ cộng tác chặt chẽ với Liên Hiệp Quốc. Quốc Hội Hoa Kỳ đã biểu quyết ngân khoản trả cho Liên Hiệp Quốc phần đóng góp còn thiếu mà nhiều năm qua Hoa Kỳ lừng khừng không chịu thanh toán vì bất mãn với tổ chức quốc tế này.

Để cô lập hóa chính quyền Taliban và các tổ chức khủng bố, đặc biệt là al-Qaeda, với các quốc gia Hồi Giáo, Hoa Kỳ áp dụng chính sách "cây gậy và củ cà rốt." Cây gậy là "chủ thuyết Bush" (Bush doctrine). Chủ thuyết này chủ trương phải tiêu diệt không những chỉ các phần tử khủng bố và tổ chức khủng bố, mà còn phải tiêu diệt cả *các nhóm, các tổ chức, và các quốc gia dung dưỡng khủng bố*. Củ cà rốt là cải thiện bang giao với các quốc gia Hồi giáo sẵn sàng cộng tác với Hoa Kỳ chống khủng bố, kể cả các quốc gia trước kia bị liệt vào danh sách các quốc gia dung dưỡng khủng bố, như Sudan, Yemen, Syria, và Libya. Điển hình là Hoa Kỳ đã bỏ chính sách cấm vận đối với Sudan và không phản đối, để Syria được bàu vào Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc.

Ngoài ra, vì biết rằng các quốc gia Á Rập rất quan tâm đến cuộc tranh chấp ở Palestine và bất mãn đối với thái độ hiếu chiến của thủ tướng Do Thái Ariel Sharon, mà họ cho là một nguyên do chính tạo ra các phong trào Hồi giáo quá khích (Muslim fundamentalism), chính quyền Bush đã phải bỏ chính sách bất can thiệp lúc đầu để làm áp lực thúc đẩy hai phe ngưng bắn và điều đình với nhau. Để lấy lòng phe Á Rập và chứng tỏ Hoa Kỳ không thiên vị Do Thái, lần đầu tiên, tổng thống Bush đã lên tiếng nói đến nhu cầu phải có một "quốc gia Palestine." Ngoại trưởng Powell phải cử phụ tá đặc biệt, tướng Anthony Zinni, sang Trung Đông để làm xúc tác cho cuộc điều đình giữa Do Thái và chính quyền Palestine.

Ở Nam Á, thay đổi rõ rệt nhất là chính sách của Hoa Kỳ đối với chính quyền quân nhân Hồi Quốc, một chính quyền bị Hoa Kỳ cấm vận vì đã thử võ khí nguyên tử và chiếm quyền qua hình thức đảo chính. Vì Hồi Quốc thân thiện với Taliban và ở vào vị trí quan trọng cho cuộc tấn công của Hoa Kỳ vào A Phú Hãn, Hoa Kỳ đã đổi thái độ, từ thái độ thù nghịch chuyển sang chính sách hợp tác thân thiện, bỏ cấm vận và viện trợ kinh tế cho Hồi Quốc để đổi lấy sự hợp tác của quốc gia này chống lại chính quyền Taliban.

Ở Viễn Đông, bang giao giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc được cải thiện rõ rệt khi Trung Quốc, vì quyền lợi riêng, lên án hành động khủng bố ngày 11/9 và ủng hộ hành động trả đũa của Hoa Kỳ đối với chính quyền Taliban. Người ta dường như quên hẳn tình trạng căng thẳng trong bang giao hai nước vì vụ đụng độ trên không hồi tháng 4 vừa qua và việc Hoa Kỳ bán vũ khí tối tân cho Đài Loan, và cũng không còn nhắc đến Trung Quốc như một kẻ cạnh tranh chiến lược của Hoa Kỳ nữa.

Cải thiện rõ rệt nhất là bang giao Nga-Mỹ. Lần đầu tiên, Nga không chống đối việc quân đội Mỹ dùng căn cứ ở Uzbekistan và Tajikistan,

những quốc gia vốn thuộc vùng ảnh hưởng truyền thống của Nga, để hành quân sang A Phú Hãn. Đối với Mỹ, vai trò của Nga trong chiến dịch chống khủng bố rất quan trọng không những bởi vì Mỹ cần sử dụng lãnh thổ của các quốc gia vốn thuộc vùng ảnh hưởng của Nga mà còn vì Mỹ không muốn các võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt của Nga lọt vào tay các tổ chức khủng bố. Vì thế, thay vì cắt viện trợ cho Nga như dự tính, tổng thống Bush lại tuyên bố sẽ tăng viện trợ trong chương trình Nunn-Lugar, giúp Nga phế bỏ các võ khí nguyên tử dư thừa và các võ khí hóa học. Ngoài ra, khối NATO cũng rục rịch bàn đến việc cải tổ Hội Đồng Liên Hợp Thường Trực giữa NATO và Nga, để dành cho Nga một vai trò quan trọng hơn trong việc thảo luận và quyết định về các vấn đề an ninh ở Âu Châu.[4]

Tất cả những thay đổi kể trên trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ để đáp ứng với nhu cầu triệt hạ nạn khủng bố tuy là những thay đổi quan trọng, nhưng không phải là thay đổi căn bản trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ.

Từ khi chiến tranh lạnh chấm dứt và hiểm họa chiến tranh tận diệt giữa hai khối Nga và Mỹ lùi xa, các chiến lược gia Hoa Kỳ đã bắt đầu nghĩ đến cách đối phó với những mối đe dọa mới. Ngay từ thời Clinton, Hoa Kỳ đã nói đến hiểm họa của việc phổ biến võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt (weapons of mass destruction) đến tay các "quốc gia đáng quan ngại" (states of concern), của nạn khủng bố quốc tế, xung đột chủng tộc, và nguy cơ rối loạn ở Nga. Chỉ một tháng sau khi nhậm chức, tháng 2/2001, tổng thống Bush ra lệnh cho Bộ Quốc Phòng tổng duyệt lại hệ thống quốc phòng của Hoa Kỳ. Dưới sự điều khiển trực tiếp của Andrew W. Marshall, giám đốc Sở Ước Tính Chiến Lược thuộc Bộ Quốc Phòng, các chiến lược gia Hoa Kỳ đã đề xướng quan niệm "cách mạng quân sự" (Revolution in Military Affairs). Theo quan niệm này, các nguy cơ chính cho Hoa Kỳ trong vài thập niên tới sẽ xuất phát từ các "quốc gia đáng quan ngại" có hỏa tiễn chứa đầu đạn nguyên tử, hóa học, hay vi trùng, và có khả năng phá hoại bằng máy vi tính. Do đó, quân đội Hoa Kỳ phải được cải tổ để có khả năng đối phó tức thời với những kẻ địch có thể tấn công vào Hoa Kỳ "từ mọi phía, và không báo trước." Tổng Trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld nói đến các đe dọa không tương xứng (asymetrical threats), như hành động khủng bố, tấn công bằng hỏa tiễn, tấn công vào hệ thống vi tính của Hoa Kỳ.[5] Viễn tượng của những đe dọa không tương xứng này là một trong nhiều lý do khiến chính quyền Bush cương quyết muốn thiết lập hệ thống phòng thủ hỏa tiễn, trước nhất là để chống lại sự mối đe dọa của các "quốc gia đáng quan ngại."

Nhu cầu điều chỉnh chính sách ngoại giao và vận động sự cộng tác quốc tế để triệt hạ chính quyền Taliban và tổ chức Al Qaeda không hề làm thay đổi sách lược quốc phòng căn bản này. Hoa Kỳ chỉ tạm hoãn việc thử hỏa tiễn phòng thủ khi tổng thống Nga Vladimir Putin gặp tổng thống George W. Bush ở trang trại Crawford, Texas. Sau khi Taliban bị đánh bại, Hoa Kỳ đã thông báo cho Nga biết quyết định của Hoa Kỳ rút khỏi hiệp ước hạn chế hỏa tiễn phòng thủ (ABM Treaty) ký với Nga từ năm 1972 để được rảnh tay thử và thiết lập hệ thống phòng thủ hỏa tiễn. Hoa Kỳ cũng không bỏ ý định bành trướng NATO để thu nhận các quốc gia trước kia vốn nằm trong phạm vi ảnh hưởng của Nga sô. Tuy bang giao giữa Hoa Kỳ

và Trung Quốc được cải thiện sau biến cố 9/11, nhưng các vấn đề có thể gây mâu thuẫn giữa Hoa Kỳ và Trung Quốc – Đài Loan, vi phạm nhân quyền, việc Trung Quốc bán vũ khí chiến lược cho các "quốc gia đáng quan ngại"— vẫn còn đó, chưa có điều gì cho thấy chính quyền Bush thay đổi chính sách, coi Trung Quốc như một "cộng sự viên chiến lược."

Thay đổi trong cục diện thế giới

Biến cố 9/11 không những đã đưa đến một số thay đổi trong chính sách ngoại giao của Hoa Kỳ mà còn ảnh hưởng đến tương quan giữa các cường quốc và cục diện thế giới.

Sự xuất hiện của chiến tranh du kích toàn cầu

Cuộc tấn công của quân khủng bố ở Nữu Ước và Hoa Thịnh Đốn ngày 9/11 đưa vào thế kỷ 21 một hình thức chiến tranh mới, sự toàn cầu hóa của chiến tranh du kích sử dụng các phương tiện của nền văn minh hậu kỹ nghệ "chống lại quyền lợi của Do Thái và Hoa Kỳ không những tại các quốc gia Hồi giáo mà còn tại khắp nơi trên thế giới."[6] Biến cố 9/11 là cao điểm của chiến dịch khủng bố chống Hoa Kỳ bắt đầu từ vụ phá nổ Khobar Towers ở Saudi Arabia năm 1996, vụ đánh bom sứ quán Hoa Kỳ ở Nairobi, Kenya và Dar Es Salaam, Tanzania năm 1998, rồi đến vụ tấn công vào chiến hạm USS Cole ở Aden, Yemen năm 2000. Nhưng đây là lần đầu tiên chính lãnh thổ trong nội địa Hoa Kỳ bị tấn công, không phải bởi một cường quốc mà bởi một tổ chức phi quốc gia (non-state actor), trong một trận chiến "không có chiến trường, không có bãi đổ bộ." Trong loại chiến tranh du kích mới này, căn cứ địa an toàn (sacred sanctuary) của quân khủng bố sẽ không còn ở trong các quốc gia ổn định mà ở trong các quốc gia thiếu ổn định hay đang tan rã (failed states), như A Phú Hãn, Somalia, và Nam Dương.

Ngoài tổn thất nhân mạng, biến cố 9/11 còn tạo ra những thiệt hại lớn lao không những chỉ cho nền kinh tế Hoa Kỳ mà còn cho kinh tế của nhiều quốc gia khác, từ Âu sang Á. Về phương diện quân sự, biến cố 9/11 cho thấy bất cứ một quốc gia nào, một chế độ nào, và thường dân vô tội bất kể thuộc quốc tịch, chủng tộc, tôn giáo, chính kiến nào, ở bất cứ nơi nào trên thế giới cũng có thể trở thành nạn nhân của khủng bố được tổ chức trên căn bản toàn cầu. Biến cố 9/11 đưa thế giới vào một giai đoạn mới, đầy bất trắc nó phơi bày tính cách dễ tổn thương của những nền kinh tế hậu kỹ nghệ, nói riêng, và nền kinh tế toàn cầu hóa, nói chung, cũng như của các chế độ dân chủ trước đe dọa của khủng bố quốc tế. Trong một khía cạnh nào đó, có thể nói nạn khủng bố là "mặt trái" (dark side) của hiện tượng toàn cầu hóa.

Vụ khủng bố 9/11 tuy được tổ chức tinh vi dựa vào các kỹ thuật tân tiến của kỷ nguyên tin học và gây ra những tác động tai hại lớn lao, nhưng nó mới chỉ sử dụng tới các phương tiện tấn công quy ước. Nó là hồi chuông báo động cho một viễn tượng kinh khiếp hơn nếu các tổ chức khủng bố nắm được trong tay võ khí có khả năng tiêu hủy hàng loạt. Đó là lý do tại sao, khi thế kỷ mới bắt đầu, khủng bố quốc tế đã trở thành mối quan tâm chung của nhiều quốc gia trên thế giới. Vì thế, ngay từ ngày đầu tiên khi Hoa kỳ phát động chiến dịch tấn công vào sào huyệt của quân khủng bố ở A Phú Hãn, hành động này đã được sự ủng hộ của 40 quốc gia từ Trung Đông qua Phi Châu tới Âu Châu và Á Châu. Ngoài ra, Hoa Kỳ cũng đã vận động được 55 quốc gia đồng ý phối hợp các hoạt động cảnh sát chống khủng bố và 142 quốc gia đồng ý phong tỏa nguồn tài trợ của các tổ chức khủng bố.

Sự thay đổi trong thái độ của thế giới đối với khủng bố

Tính cách quá khích của biến cố 9/11 và những tai hại nó gây ra còn đưa đến những thay đổi lớn trong thái độ và chính sách của nhiều quốc gia. Tại nhiều nơi trên thế giới, khủng bố không còn được gắn liền với hình ảnh của những chiến sĩ tranh đấu cho tự do và độc lập, mà bị coi như những phần tử quá khích nguy hiểm. Thủ tướng Pháp Lionel Jospin tuyên bố "Quân khủng bố không đại diện cho một nền văn minh nào cả, lòng họ chỉ chứa đầy thù hận," và "cuộc tranh đấu chống khủng bố là nhiệm vụ cấp bách của các quốc gia dân chủ và sẽ phải trở thành nhiệm vụ cấp bách của tất cả mọi quốc gia."[7] Một số quốc gia hay chế độ trước kia, vì lý do này hay lý do khác, đã làm ngơ nếu không nói là dung túng các nhóm khủng bố đặt căn cứ trong lãnh thổ của mình để hoạt động chống các quốc gia khác (như Hồi quốc, Sudan, Yemen, và chính quyền Palestine), nay đã quay ra đàn áp khủng bố. Khi quyết định dẹp các nhóm khủng bố Kashmir sau vụ nổ ở tòa nhà Quốc Hội Ấn Độ gây ra tình trạng căng thẳng giữa Ấn và Hồi, tổng thống Hồi quốc, tướng Pervez Musharraf, tuyên bố "Tôi muốn tiệt trừ

sự hiếu chiến, quá khích, và bất dung khỏi xã hội Hồi quốc, và tôi . . . muốn loại bỏ mọi hình thức khủng bố ra khỏi lãnh thổ Hồi quốc." [8] Nhiều quốc gia trước kia thù nghịch với Hoa Kỳ và từng bị liệt kê trong danh sách các quốc gia "dung dưỡng khủng bố," hay các quốc gia "đáng quan ngại," như Syria, Lybia, Cuba, Bắc Triều Tiên, và Ba Tư, cũng có những hành động hoặc lên tiếng kết án hành động khủng bố.

Với chủ thuyết Bush, khái niệm "chủ quyền quốc gia" không còn có tính cách tuyệt đối nữa. Không một quốc gia nào có thể viện dẫn nguyên tắc chủ quyền quốc gia để tránh một cuộc tấn công từ bên ngoài, nếu quốc gia ấy dung dưỡng hoặc cho phép các tổ chức khủng bố đặt căn cứ hoạt động ở trong lãnh thổ của mình.

Biến cố 9/11 làm tăng cường sự đoàn kết giữa các quốc gia Tây phương chống hiểm họa khủng bố. Lần đầu tiên kể từ khi thành lập, các thành viên NATO đã viện dẫn điều 5 của Hiệp Ước Phòng Thủ coi cuộc tấn công của khủng bố vào Hoa Kỳ như cuộc tấn công vào chính nước họ, và sốt sắng tham gia liên minh chống Taliban và al Qaeda. Từ bao năm nay, chỉ có chuyện Hoa Kỳ gửi quân sang giữ an ninh cho Âu Châu. Đây là lần đầu tiên các quốc gia Âu Châu gửi máy bay sang giúp tuần tiễu và bảo vệ vùng biển Hoa Kỳ.

Thụy Điển, một quốc gia có truyền thống khuynh tả và thường chỉ trích chính sách can thiệp của Hoa Kỳ, lần này lại ủng hộ chính sách trả đũa của Hoa Kỳ "một cách vô điều kiện." Thủ tướng Thụy Điển, ông Goran Peterson lên án hành động khủng bố ngày 9/11, coi nó như "cuộc tấn công vào tất cả chúng ta." Các lãnh tụ đối lập Thụy Điển cho rằng hiểm họa khủng bố, nhất là hiểm họa khủng bố có võ khí tiêu hủy hàng loạt, đã làm "thay đổi hoàn toàn" nhu cầu quốc phòng của Thụy Điển.[9]

Hai quốc gia Nhật và Đức, vì kinh nghiệm lịch sử đặc biệt và dư luận thế giới, vốn hết sức dè dặt trong vai trò quân sự của mình dù họ là các siêu cường kinh tế. Biến cố 9/11 đã tạo cơ hội cho Nhật và Đức tăng cường vai trò quân sự của họ bên ngoài khu vực địa dư giới hạn. Quốc Hội Nhật cho phép chính phủ gửi hải quân Nhật đến Ấn Độ Dương để làm công tác tiếp vận và cứu trợ trong chiến dịch chống Taliban. Đây là lần đầu tiên quân đội Nhật được gửi ra bên ngoài eo biển Nhật Bản để hỗ trợ chiến tranh chứ không phải là để đóng vai bảo vệ an ninh (peacekeeping) dưới sự bảo trợ của Liên Hiệp Quốc. Còn ở Đức, ngày 1/10, Thủ Tướng Đức Gerhard Schroeder tuyên bố trước Hạ Viện rằng thái độ dè dặt về vai trò quân sự của Đức trên thế giới từ khi Đệ Nhị Thế Chiến chấm dứt đã được "thay đổi một cách rứt khoát," và Đức sẵn sàng gửi quân đội ra ngoại quốc để "bảo vệ tự do và nhân quyền."[10] Trong chiều hướng đó, Đức gửi 5 phi cơ thám thính AWACs sang giúp phòng vệ miền duyên hải Hoa Kỳ. Những thay đổi này trong chính sách của Nhật và Đức có thể là những chỉ dấu báo hiệu một sự thay đổi trong tương quan lực lượng trên thế giới và vai trò quân sự gia tăng của hai siêu cường kinh tế này.

Thế nhất siêu của Hoa Kỳ được củng cố và tăng cường

Sự xụp đổ của Liên Bang Sô Viết hồi đầu thập niên 90 kéo theo sự xụp đổ của thế lưỡng cực trên trường chính trị quốc tế. Trong thời hậu chiến tranh lạnh, Hoa Kỳ trở thành siêu cường trội yếu. Để hạn chế ảnh hưởng áp đảo này, một số cường quốc tìm cách tạo đối lực với Hoa Kỳ để chuyển thế nhất siêu thành thế đa cực. Ngay từ năm 1996, Nga và Trung Quốc đã cổ tạo ra thế "hợp tác chiến lược" (strategic partnership) chống sự bành trướng của NATO,[11] cổ võ việc thiết lập một thế giới đa cực, [12] và chống kế hoạch thiết lập hệ thống hỏa tiễn phòng thủ của Hoa Kỳ.[13] Pháp gọi Hoa Kỳ là một siêu cường hiếu động (hyperpower) và muốn biến Liên Hiệp Âu Châu thành một đối lực của Hoa Kỳ. Những gì xảy ra từ sau biến cố 9/11 cho thấy thế nhất siêu (siêu cường vô địch) của Hoa Kỳ đã được củng cố và tăng cường, không một quốc gia hay một khối quốc gia nào có khả năng làm đối lực với Hoa Kỳ.[14]

Trong cuộc chiến đấu chống khủng bố, một đe dọa chung của nhiều quốc gia và nhiều chế độ trong thế kỷ mới, vai trò lãnh đạo của Hoa Kỳ là một vai trò không thể chối cãi. Chủ thuyết Bush, căn bản của chính sách chống khủng bố của Hoa Kỳ, được chấp nhận như sách lược chung chống khủng bố.

Đại đa số quốc gia trên thế giới, kể cả các quốc gia Hồi Giáo quan trọng và các quốc gia từng có tên trong danh sách các quốc gia dung dưỡng khủng bố, như Syria, Libya, và Iran, đều lên tiếng phản đối hành động khủng bố ngày 11/9 và ủng hộ hành động trả đũa của Hoa Kỳ. Cuộc chiến tranh ở A Phú Hãn tạo cơ hội cho Hoa Kỳ, lần đầu tiên, nới rộng tầm với tới Trung Á, thiết

lập sự hiện diện quân sự của mình tại những quốc gia có nhiều tài nguyên thiên nhiên và tầm chiến lược đặc biệt nhưng từ trước không thuộc khu vực ảnh hưởng của Hoa Kỳ, như Uzbekistan, Tajikistan, và A Phú Hãn.

Trong cuộc chiến tranh ở A Phú Hãn, Hoa Kỳ đã sử dụng những võ khí tối tân vượt xa các quốc gia khác. Những võ khí mới này làm sai lạc các tính toán cũ về khả năng để kháng và đánh bại Hoa Kỳ của quân du kích Taliban. Khác với dự đoán của nhiều người, chỉ trong vòng hai tháng Hoa Kỳ đã đè bẹp lực lượng Taliban mà chỉ gây những tổn thất sinh mạng tối thiểu cho quân đội Hoa Kỳ cũng như cho các thường dân A Phú Hãn. Chiến thắng nhanh chóng và rõ rệt này xác định sức mạnh vô địch của Hoa Kỳ, làm suy yếu huyền thoại chiến tranh du kích, và xóa tan hình ảnh "bất lực và hèn yếu" của Hoa Kỳ trước các phong trào quá khích mà Osama Bin Laden gán cho quốc gia này.

Thế ưu việt quân sự của Hoa Kỳ mà người ta đã chớm thấy trong cuộc chiến ở Kosovo năm 1999 lần này được minh chứng một cách rõ rệt hơn. Khi Nga sô chỉ phản đối nhẹ nhàng quyết định rút khỏi hiệp ước hạn chế hỏa tiễn phòng thủ chiến lược của Hoa Kỳ, không chống đối việc NATO bành trướng về phía đông, và bỏ cuộc thi đua võ trang, Hoa Kỳ không có đối thủ nữa, ít nhất là trong một thời gian mà người ta có thể tiên đoán được.

Âu Châu đoạt lại vai trò trung tâm chính trị quốc tế

Trong những năm 80 và đầu 90 của thế kỷ trước, sự thành công kinh tế vượt bực của những "con rồng," "con hổ" Á Châu đã khiến nhiều người vội vã tiên đoán thế kỷ 21 sẽ là kỷ nguyên Thái Bình Dương (Pacific Century). Cuộc khủng hoảng tài chính Á Châu năm 1997-1998, suy trầm kinh tế kéo dài của Nhật Bản, và sự bất lực của Hiệp Hội các Quốc Gia Đông Nam Á (ASEAN) trong việc tìm giải pháp cho những vấn đề an ninh khu vực, nhất là tranh chấp chủ quyền trên các quần đảo Hoàng Sa và Trường Sa làm người ta bớt tin tưởng vào tương lai chói lọi của Á Châu. Cùng lúc đó, Âu Châu dần dần đi ra khỏi suy trầm kinh tế, và nền kinh tế Hoa Kỳ tăng trưởng không ngừng trong thập niên cuối của thế kỷ 20. Người ta nói nhiều đến một nền "kinh tế mới" (new economy) toàn cầu hóa dựa vào trí tuệ và tin học dẫn đầu bởi các quốc gia Tây phương.

Trong khi nền an ninh Á Châu bị đe dọa bởi hiểm họa chiến tranh nguyên tử giữa Ấn Độ và Hồi Quốc, và các quốc gia Á Châu còn đang lo ngại thế lực quân sự càng ngày càng lớn của Trung Quốc thì có nhiều triệu chứng cho thấy Âu Châu đang đi vào một kỷ nguyên hòa bình và thịnh vượng. Biến cố 9/11 củng cố thêm cho khuynh hướng ấy.

Phản ứng của Nga đối với biến cố 9/11 đã đem Nga lại gần với Hoa Kỳ và NATO. Khi không chống sự hiện diện quân sự của Hoa Kỳ ở Uzbekistan cho rằng "quan niệm phân vùng ảnh hưởng đã lỗi thời rồi," và khi chỉ phản ứng nhẹ nhàng trước quyết định rút khỏi hiệp ước hạn chế hỏa tiễn phòng thủ của Hoa Kỳ, Nga đã bỏ cuộc thi đua võ trang và mặc nhiên chấp nhận thế nhất siêu của Hoa Kỳ. Có nhiều chỉ dấu cho thấy Nga muốn nhân dịp này tìm cách cộng tác mật thiết hơn với NATO và phe Tây phương. Sau vụ khủng bố 9/11 Vladimir Putin là vị tổng thống Nga đầu tiên được đón tiếp ở Tổng Hành Dinh của NATO ở Brussels, ở đó hai bên đã đưa ra những hứa hẹn hợp tác. Putin tuyên bố nếu NATO thay đổi và trở thành một tổ chức chính trị thì Nga sẽ "xét lại lập trường của chúng tôi liên quan đến việc bành trướng NATO, nếu chúng tôi cảm thấy được tham dự vào tiến trình ấy." Thủ Tướng Bỉ Guy Verhofstadt, đại diện cho quốc gia đang giữ chức chủ tịch luân phiên của Liên Hiệp Âu Châu, đáp lời cho rằng cam kết hợp tác chống khủng bố của Nga là "một bước tiến lớn" đưa đến sự "cộng tác chiến lược" giữa Nga và Liên Hiệp Âu Châu.[15] NATO cũng chuẩn bị sửa đổi cơ cấu để Nga có một vai trò đáng kể hơn trong minh ước đó.

Bước vào năm 2002, một mặt sự phát hành đồng Euro như bản vị tiền tệ chung của nhiều quốc gia Âu Châu, cố gắng phối hợp để đi tới một chính sách đối ngoại chung, và dự án viết một hiến pháp mới cho Liên Hiệp Âu Châu nâng mức độ hội nhập của Âu Châu lên một bình diện cao hơn. Mặt khác, chính sách mới của Nga và sự đáp ứng thích hợp của Tây phương có thể đưa đến sự hợp tác ngày một mật thiết hơn, làm dễ dàng tiến trình bành trướng NATO sang phía Đông với triển vọng trong tương lai Nga sẽ không còn là kẻ đứng ngoài mà còn là một thành phần khắng khít của Liên Hiệp Âu Châu. Trong trường hợp đó, "vị thế của Nga đối với Âu Châu," một vấn đề nhức nhối của các chiến lược gia từ nhiều thế kỷ qua, coi như được giải quyết. Giao dịch hòa bình càng ngày càng gia tăng giữa Hoa Kỳ, Nga,

và Liên Hiệp Âu Châu sẽ biến một nửa thế giới gồm những quốc gia giàu có và tân tiến nhất thành một vùng hòa bình, ổn định và thịnh vượng. Lúc ấy, thế giới Tây phương sẽ bỏ lại đằng sau quá khứ đầy tranh chấp thể hiện qua hai cuộc Thế Chiến gây bao nhiêu thảm hại và chiến tranh lạnh với viễn tượng tận diệt qua chiến tranh nguyên tử, và lần đầu tiên thực hiện được giấc mơ tạo lập được một khu vực Đại Tây Dương an ninh và ổn định. Nỗ lực đi đến mục tiêu này cho phép người ta tiên đoán, dù thế giới Hồi giáo sẽ là một thử thách cho chính sách ngoại giao Hoa Kỳ và chính trị quốc tế trong những năm tới, những phát triển ngoạn mục và quan trọng sẽ xảy ra ở Âu Châu, và Âu Châu sẽ tái lập được địa vị của mình như trung tâm của chính trị quốc tế.

Sự lo ngại của Trung Quốc

Các nhà nghiên cứu chính trị quốc tế chia các cường quốc trên thế giới thành hai loại: các cường quốc nguyên trạng (*status quo* powers) và các cường quốc chống nguyên trạng (revisionist powers); nếu không được thỏa mãn hay bị kiềm chế, các cường quốc chống nguyên trạng thường là mầm mống gây ra chiến tranh và những thay đổi lớn trong tương quan quyền lực thế giới. Trong tiến trình cộng tác và xích lại gần nhau giữa các cường quốc qua biến cố 9/11, Trung Quốc là quốc gia đứng ngoài. Trong khi tất cả các cường quốc Âu Châu kể cả Nga sốt sắng ủng hộ Hoa Kỳ, Trung Quốc tuy cũng lên tiếng chỉ trích hành động khủng bố ngày 9/11 và ủng hộ hành động trả đũa của Hoa Kỳ, nhưng đây chỉ là một sự ủng hộ dè dặt.[16] Trong khi tổng thống Nga quan niệm rằng nguy cơ khủng bố buộc Nga phải xích gần lại khối Tây phương và "xét lại" chính sách chống sự bành trướng của NATO sang các quốc gia vốn thuộc vùng ảnh hưởng của Nga, các chuyên viên quân sự Trung Quốc lại cho rằng không nên chỉ chú tâm đến việc chống khủng bố mà còn phải cảnh giác trước "chiến lược độc bá thế giới của Hoa Kỳ," và sự "thâm nhập quân sự sâu vào Trung Á" của Mỹ và NATO "phá vỡ hơn nữa sự cân bằng quân sự toàn cầu."[17] Mối quan tâm này có thể khiến Trung Quốc phải tìm cách tăng cường sức mạnh quân sự và thế lực của mình để giữ vững sự cân bằng quân sự toàn cầu. Trong khung cảnh ấy, nếu các quốc gia Tây phương vì thấy khó khăn hay không cần thiết mà chỉ dồn nỗ lực vào việc xây dựng cho riêng mình một khu vực an ninh ở vùng Đại Tây Dương, và lơ là trước những biến động ở các nơi khác, thì đó không phải là điều đáng mừng cho các quốc gia nhỏ ở Đông Nam Á.

09/01/02

1. Trong bài diễn văn nhận chức, tổng thống George W. Bush tuyên bố "We will build our defense beyond challenge, lest weakness invites challenge. We will confront weapons of mass destruction, so that a new century is spared new horrors."
2. Trả lời phỏng vấn của cố vấn an ninh Condoleeza Rice, *The Washington Post*, February 20, 2001
3. Lời tuyên bố của ngoại trưởng Warren Christopher ngày 25/3/ 1993
4. Nga phàn nàn rằng Hội Đồng Liên Hợp Thường Trực để phối hợp hành động giữa 19 thành viên NATO và Nga, được gọi là hội đồng "19 cộng 1," trên thực tế đã hoạt động như hội đồng "19 chống 1" làm Nga luôn luôn cảm thấy bị gạt ra ngoài. Muốn có sự hợp tác chân thành và đóng góp thực sự của Nga thì cần cải tổ để cơ cấu đó trở thành cơ cấu chung của toàn thể 20 quốc gia trong đó có Nga.
5. Hồi tháng 7/2001, hai tháng trước biến cố 9/11, tổng trưởng Quốc Phòng Hoa Kỳ Donald Rumsfeld đã tuyên bố với báo chí rằng "Rất ít có triển vọng là chúng ta bị tấn công trên biển vì sức mạnh của hải quân ta, và ... chẳng có nước nào qua mặt được chúng ta ở trên không. Vì thế, nguy cơ của chúng ta là những đe dọa không tương xứng, như hành động khủng bố, tấn công bằng hỏa tiễn, và tấn công vào hệ thống máy vi tính điện tử của chúng ta." (*The Washington Post*, July 25, 2001)
6. Lời tuyên bố của Ahmad Ibrahim al-Naggar, lãnh tụ tổ chức Thánh Chiến Hồi Giáo ở Ai Cập, năm 1999, trước khi bị kết án tử hình (*The Washington Post*, October 7, 2001)
7. *Libération*, 4 Octobre, 2001
8 *The Washington Post*, January 1,2002
9, *The Economist*, October 13, 2001
10 *The Washington Post*, October 11, 2001
11 Tuyên cáo chung Nga-Hoa, tháng 4, 1996
12 Tuyên cáo chung Nga-Hoa, tháng 4, 1997
13 Tuyên ngôn Dushanbe, tháng 7, 2000 của năm quốc gia thuộc Diễn Đàn Thượng Hải (Shanghai Forum or Shanghai Five). Diễn Đàn Thượng Hải được thành lập năm 1966 qua hiệp ước Thượng Hải giữa Nga, Trung Quốc, Kazakhstan, Kyrgyzstan, và Tajikistan, nhằm mục đích chính là tăng cường an ninh biên giới giữa các quốc gia kết ước.
14 Theo Paul Kennedy (*The Age of Terror: America and the World After September 11*. Edited by Strobe Talbott and Nayan Chanda, Basic Books, 2001), ngân sách quốc phòng năm 2000 của Hoa Kỳ lớn bằng ngân sách quốc phòng của tất cả 9 cường quốc kế tiếp cộng lại.
15 *The Washington Post*, October 4, 2001
16 Ngoại trưởng Trung Quốc tuyên bố Trung Quốc chống khủng bố nhưng cuộc tấn công Hoa Kỳ tại A Phú Hãn phải được thực hiện một cách cẩn thận, tránh gây tổn hại cho thường dân." (*The Washington Post*, October 9, 2001)
17 "An Ninh Quốc Tế Đứng Trước Nhiều Thử Thách," Tạp chí *Liễu Vọng*, số 49/ 2001

TÌNH HÌNH KINH TẾ THẾ GIỚI VÀO CUỐI NĂM 2001 VÀ CÁC TRIỂN VỌNG NĂM 2002

GS PHẠM ĐỖ CHÍ
The American University (Washington, D.C.)

Bài viết này bàn đến một cách tóm lược tình hình của những nền kinh tế và thị trường tài chính lớn trên thế giới và các nền kinh tế châu Á vào cuối năm 2001 và đề nghị một chiến lược điều chỉnh cần thiết cho những nước châu Á này (và nhất là Việt Nam) nhằm giảm bớt tác động do sự tăng trưởng chậm lại của kinh tế phương Tây gây ra.

Kinh tế thế giới

* Các quan sát viên kinh tế thế giới đã nhìn thấy những dấu hiệu từ cuối năm 2000 về tăng trưởng chậm lại trên toàn cầu, mà chủ yếu là do kinh tế Mỹ tăng chậm lại đáng kể, những quan ngại về sự phục hồi trong kinh tế Nhật Bản, viễn cảnh tăng trưởng ở mức vừa phải của Châu Âu, và khả năng suy giảm tăng trưởng ở một số nền kinh tế mới nổi, đặc biệt là những nền kinh tế có mối liên hệ mật thiết với công nghệ và viễn thông toàn cầu, sau cuộc sụp giá nặng nề của các cổ phiếu trong ngành công nghệ thông tin và viễn thông từ tháng 3 năm 2001 kéo dài đến cuối tháng 9 năm 2001, nhất là sau biến cố khủng bố tại Mỹ vào ngày 11/9/01.

Do đó, mức tăng trưởng cho nền kinh tế thế giới năm 2001 đã liên tục được dự kiến thấp đi, từ 3,4% (theo như dự tính từ tháng 4 năm 2001 bởi IMF) xuống chỉ còn 2,4% vì ảnh hưởng của khủng bố, theo tính toán hiện nay của IMF, so với mức tăng của năm 2000 là 5%, năm 1999 là 3,4%, và năm 1998 với khủng hoảng tài chính á Châu là 6%. Cho năm mới 2002, con số tăng trưởng dự đoán của cả thế giới cũng sẽ chỉ ở mức yếu kém của năm 2001 là 2,4 %.

Kinh tế Mỹ

Bất trắc về kinh tế là một mối quan ngại lớn, nhất là từ biến cố tang thương tháng 9. Tuy nhiên, điều phải nhận rõ là kinh tế Mỹ đã trên đà suy yếu từ trước khủng bố. Và tình trạng suy thoái này đã có ảnh hưởng lan tràn đến các vùng kinh tế quan trọng khác như khối Cộng Đồng Âu Châu, Nhật Bản, và ngay cả các nước "mới nổi" ở Á Châu và Châu Mỹ La tinh. Dựa trên các số thống kê mới ra từ vài tháng nay, Mỹ đã đi vào suy thoái kinh tế từ tháng 4/2001, cũng như được định nghĩa bởi các nhà kinh tế là do có độ tăng trưởng GDP âm trong hai quí liên tiếp III và IV của năm 2001. Tuy nhiên cho cả năm, độ tăng trưởng vẫn được ước đoán ở số dương +1,1% do sức mạnh của hai quí đầu năm.

Các dấu hiệu và chỉ số kinh tế Mỹ gần đây nhất cho thấy:

* Thứ nhất, ngành công nghiệp chế tạo bị tác động suy giảm mạnh nhất.

Việc làm trong ngành công nghiệp chế tạo đã giảm sút mạnh, thống nhất với việc GDP suy giảm. Trong ngành công nghiệp chế tạo, hoạt động ngành ô-tô đã bị thu hẹp nhiều nhất.

Công nghệ cao cũng đang sụt giảm đáng kể tính theo tỷ lệ tăng trưởng hàng năm của hầu hết các chủng loại sản phẩm - so với mức tăng trưởng rất cao cách đây hai năm. Tuy nhiên, hầu hết các ngành khác trong nền kinh tế, nhất là xây dựng và năng lượng, tiếp tục tăng trưởng sản lượng dương, mặc dù có chậm hơn so với năm ngoái.

* Thứ hai, các chỉ số của thị trường lao động đã sút giảm rõ rệt. Tỷ lệ thất nghiệp, sau khi giảm xuống mức thấp nhất (3.9%) trong hàng thập kỷ nay, lại bắt đầu tăng lên nhanh chóng ở mức 5.7% vào tháng 11/2001.

* Thứ ba, tuy ảnh hưởng trực tiếp của cuộc khủng bố 11/9/01 là sự mất mát tài sản và bồi thường bảo hiểm ước định tổng cộng lên đến 22 tỉ USD (theo ước lượng của hãng Macroeconomic Advisors, LLC), ảnh hưởng gián tiếp là niềm tin

của người tiêu dùng đã suy giảm mạnh trong vài tháng qua nhất là ở thời hậu khủng bố, theo báo cáo dựa trên thước đo của Conference Board ở Mỹ về lòng tin của giới tiêu thụ.

* Thứ tư, doanh số bán lẻ vẫn ở mức khiêm tốn, nhưng còn tăng ở mức vừa phải từ lễ Tạ ơn của Mỹ vừa rồi. Ngược lại, trong những cuộc suy thoái trước đây, doanh số bán lẻ đã giảm xuống trong suốt những thời kỳ dài. Chỉ số tiêu dùng cá nhân cũng tăng chậm, nhưng mức độ tăng vẫn cao hơn so với trong những cuộc suy thoái trước đây. Mọi người đã chờ đợi mức gia tăng mua sắm tăng nhanh hơn vào mùa Giáng sinh vừa qua sau khi tình hình quân sự chống khủng bố ở Afghanistan tạm ổn định, nhưng các con số đầu tiên chỉ rõ mức bán lẻ đã không đạt được kỳ vọng.

* Thứ năm, cơ cấu hàng tồn kho gần đây xuống thấp khiến độ tăng trưởng GDP của hai quý cuối năm phải tiếp tục được duyệt lại theo chiều giảm xuống, cũng là yếu tố cho phép kinh tế sẽ phục hồi nhanh chóng vào giữa năm tới 2002 nếu các hãng lớn phải tăng lại cho đầy độ trữ hàng tồn kho theo mức bình thường để đáp ứng nhu cầu khu vực tiêu thụ tư nhân sẽ phục hồi như dự đoán.

Tác động của các chính sách kinh tế: mặc dù những tác dụng có thể gây ra đối với lòng tin kinh tế thương mại và đến giá trị tài sản, các chính sách tiền tệ và tài chính ngân sách ít có khả nặng tác động nhanh đến kết quả kinh tế (lên GDP) trong nửa năm đầu, nhưng có thể bắt đầu có tác dụng đáng kể hơn vào nửa cuối năm 2002 và nhất là sẽ làm GDP tăng trưởng mạnh mẽ vào năm 2003.

Đối với chính sách tiền tệ, trong năm 2001 Ngân hàng Dự trữ Liên bang cắt giảm lãi suất đến 11 lần xuống mức thấp nhất từ 40 năm nay. Việc xử lý chính sách tiền tệ tỏ ra kịp thời và nhất là cương quyết hơn so với thời kỳ suy thoái 1991 mười năm trước đây. Ngân hàng Dự trữ Liên bang đã nhanh chóng nới lỏng chính sách, và có lẽ sẽ còn tiếp tục nới lỏng trong vài tháng nữa. Với phản ứng cấp thời này của chính sách tiền tệ, có khả năng dễ tránh khỏi được một cuộc suy thoái nghiêm trọng hơn so với cách đây một thập niên (1990-91).

Về chính sách tài chính công, tình hình hiện nay cũng rất khác so với cách đây một thập niên. Khi đó, ngân sách của chính phủ Mỹ bị thâm hụt cả thực tế lẫn theo cơ cấu, và công nợ chưa trả đã chiếm trên 60% GDP lại còn gia tăng. Còn hiện nay, ngân sách có thặng dư cả thực tế lẫn cơ cấu, tỷ lệ công nợ giảm xuống còn 40%. Từ sau cuộc khủng bố đã có chính sách cấp thời tăng chi ngân sách thêm 110 tỉ, và hiện nay quốc hội Mỹ sẽ chấp thuận thêm một ngân sách kích cầu quan trọng thứ hai, đồng thời với ảnh hưởng của việc cắt giảm thuế mạnh gần như chắc chắn sẽ được thực hiện trong khoảng đầu năm tới. Do đó, chính sách tài chính ngân sách dự kiến sẽ giúp ngăn chặn được một cuộc suy thoái lớn trong nền kinh tế Mỹ.

Giá dầu và khí đốt: Giá dầu quốc tế vẫn biến động nhưng theo chiều hướng thuận lợi hơn cho giới tiêu thụ và được dự đoán có thể xuống chỉ còn 16-18 USD/1 thùng và sẽ giúp kinh tế Mỹ và thế giới phục hồi dễ dàng hơn nữa.

Kết cục có khả năng nhiều nhất là kinh tế Mỹ sẽ bắt đầu phục hồi trong nửa sau của năm 2002. Dự báo trung bình về tăng trưởng GDP cho cả năm mới có thể ở mức 0,7-1,0%, tức là hơi thấp hơn năm 2001, nhưng sẽ tăng rất mạnh có thể trên 3% vào năm 2003; điều chủ yếu là sự phục hồi nhanh chóng của lòng tin tưởng trong giới tiêu thụ vào nền kinh tế Mỹ nói chung và tình trạng công ăn việc làm nói riêng. Ngoài ra, việc giá dầu hỏa xuống thấp, nhu cầu tái quân bình hàng dự trữ tồn kho, và các can thiệp đồng lúc và ăn khớp về kinh tế vĩ mô của các cấp lãnh đạo kinh tế Mỹ và Châu Âu sẽ giúp không ít cho việc phục hồi kinh tế dự đoán này.

Châu Âu

Trong khu vực đồng euro, tăng trưởng cũng tỏ ra yếu kém, dự ước về tăng trưởng của năm 2001 chỉ ở mức 1.7 %tức là chỉ bằng nửa mức tăng trưởng của năm 2000, và việc cân nhắc giữa lạm phát cao hơn và tăng trưởng chậm hơn đang có chuyển biến do môi trường bên ngoài đang tệ hại đi. Niềm tin của các doanh nghiệp và của người tiêu dùng cũng giảm sút và chi tiêu cho tiêu dùng ở mức khiêm tốn. Sản xuất công nghiệp có phất lên, đặc biệt là ở Đức, Pháp, và ý. Mức giảm về tình trạng thất nghiệp trong khu vực đồng euro bắt đầu chững lại. Điều này cho thấy rằng dự báo về tăng trưởng GDP cho năm 2002 có lẽ sẽ chỉ ở mức vừa phải là 1.4 %, mức tăng chậm lại còn tuỳ thuộc vào những diễn biến ở Mỹ, và vào tác động của những suy thoái này đến lòng tin của người tiêu dùng và của giới doanh nghiệp ở Châu Âu. Yếu tố quan trọng ảnh hưởng sâu rộng tới viễn tượng phát triển của khu vực này là những hạn chế có tính cách định chế: chính sách ngăn

ngừa tăng giá / lạm phát của Ngân hàng Trung ương Âu châu; các nước hội viên liên hiệp Âu châu không áp dụng được các chính sách tài chính chống chu kỳ vì đã cam kết là phải duy trì chặt chẽ các mức tối đa về ngân sách thiếu hụt cũng như trái khoán lưu hành, theo Công ước Ổn định và Tăng trưởng (Stability and Growth Pact) của khu vực.

động chậm chạp trong việc cởi trói nền kinh tế. Việc giá cổ phiếu tiếp tục giảm đã gây áp lực nặng nề đối với các ngân hàng, và hoạt động cho vay của các ngân hàng cũng tiếp tục giảm. Cho năm 2002 kinh tế Nhật Bản cũng sẽ không khá hơn vì theo dự đoán, GDP sẽ tiếp tục độ tăng trưởng âm là 1.3%.

* Trái lại tại *Trung Quốc*, GDP đã tăng với

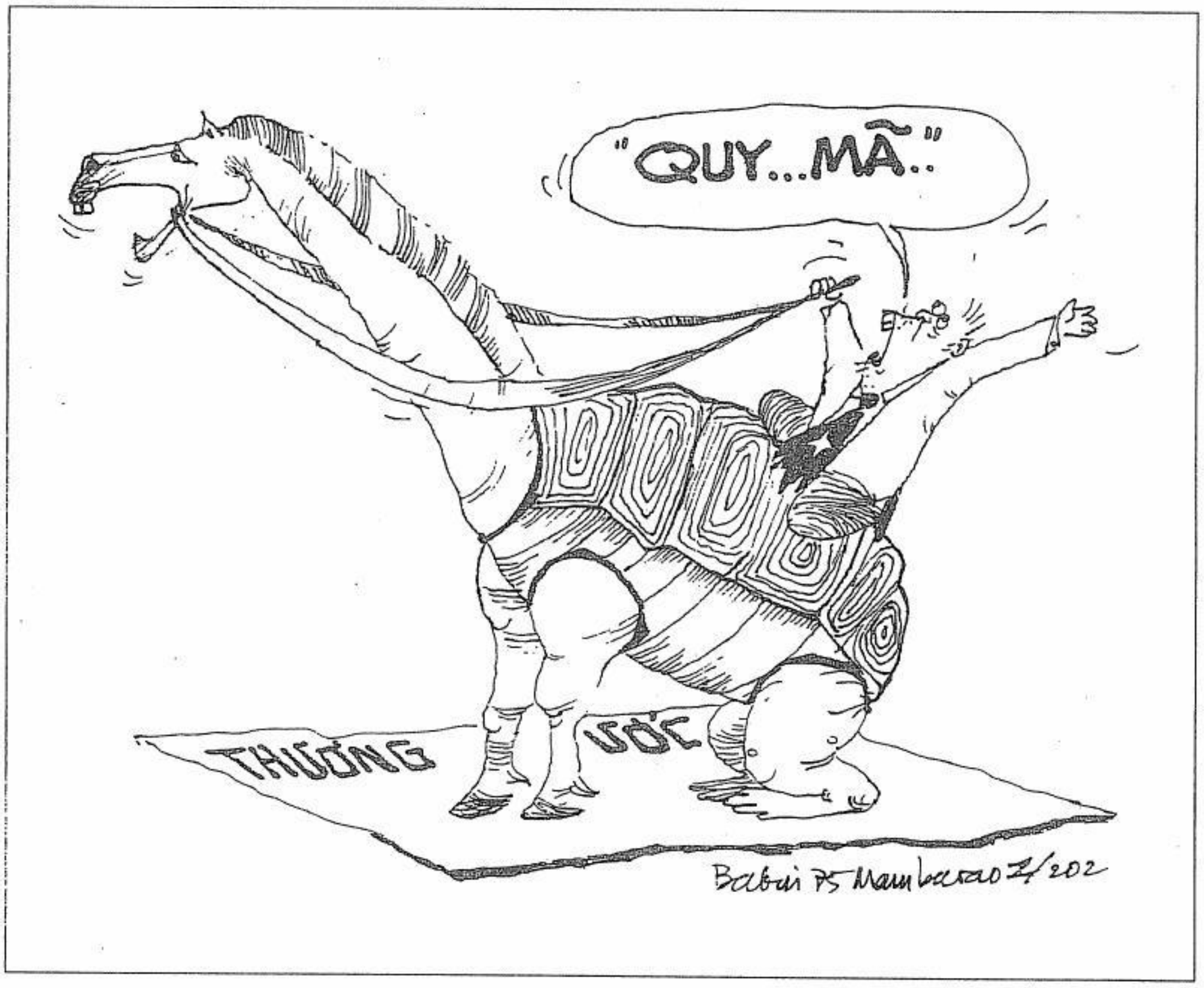

Á Châu

* *Nhật Bản*: Chuyển sang những diễn biến ở những nước công nghiệp khác, đà tăng trưởng ở Nhật Bản trong cả năm 2001 đã không ngóc đầu phục hồi được theo dự đoán (tăng trưởng âm 0,9%) và tình trạng kinh tế đã kéo dài trì trệ hai năm liền với những áp lực giảm phát mạnh mẽ từ 1999-2000 tỏ ra lại trỗi dậy mới đây và sẽ kéo dài sang năm 2002. Bầu không khí kinh doanh lại bắt đầu lắng xuống, hoạt động công nghiệp tỏ ra chững lại, và tiêu dùng của cá nhân còn yếu kém. Các cải tổ cơ cấu vẫn không tiến triển được do các bàn cãi chính trị và truyền thống hành

mức dự đoán đáng kể là 7.3% trong năm 2001 và sẽ tăng ở mức 7% trong năm 2002, vì hai lý do: (1) chính phủ cam kết bành trướng chi tiêu, và (2) cơ cấu xuất cảng thuận lợi nhằm khai thác một nền kinh tế toàn cầu đang giảm phát hiện nay-phí tổn sản xuất tại TQ tương đối rất thấp so với các nước xuất cảng khác trên thế giới.

Về phần các nước Á Châu khác, nhất là cho các "con cọp" Châu Á như Korea, Singapore, Taiwan, Hongkong và Malaysia, ảnh hưởng kinh tế của cuộc khủng bố 11/9/01 sẽ nặng nề hơn do nhiều yếu tố: suy thoái kinh tế của các nước Âu Mỹ và hậu quả lan tràn tác động lên lòng tin và

mậu dịch; nhất là ảnh hưởng đáng kể lên hai khu vực công nghệ thông tin và du lịch; ảnh hưởng về tài chính nhất là nguồn tài trợ cho thương mại và đầu tư ngoại quốc; và áp lực giảm phát của giá dầu lên thị trường các món hàng hóa khác (commodity markets) xuất khẩu bởi các nước Á Châu. Để đối phó với tình trạng đe dọa suy thoái kinh tế và xuất khẩu, các nước này cần áp dụng những biện pháp kích cầu hiệu quả do sự thả lỏng bớt các chính sách thuế khóa và tiền tệ. Điều may mắn là sau khủng hoảng Châu Á vào các năm 1997-98, các nước này đã áp dụng nhiều chính sách cải tổ cơ cấu để đáp ứng và nhữ ng kết quả lợi ích bắt đầu xuất hiện.

Các "Thị Trường Khác Đang Nổi Lên"

* Các "thị trường khác đang nổi lên" (other emerging markets): Các thị trường này cần nhiều tài chính bên ngoài, như Argentina, Brazil và Turkey, sẽ bị nền kinh tế kém tăng trưởng hơn vì khó vay được tiền thêm, lý do chính là tình hình tài chính toàn cầu bất ổn đã đòi hỏi lãi suất cao hơn đối với khoản nợ của các nước này vốn bị xếp vào loại "nhiều rủi ro". Ngoài ra, giống như kinh nghiệm với Nam Hàn trước đây vào năm 1997, Hoa Kỳ và các nước kỹ nghệ có nền tài chính mạnh sẽ có thể giảm bớt những khoản cho vay ngắn hạn tới các nước mới phát triển. Cơn khủng hoảng tài chính trầm trọng mới đây của Argentine đã là bằng chứng cho lo ngại đó.

Kinh tế của các nước mới nổi ở Đông Âu như Nga, Poland, và Hungary tương đối ít bị ảnh hưởng của cuộc khủng bố nhờ có thị trường nội địa khá mạnh với các biện pháp kích cầu và nhu cầu trong nước đang phục hồi sau kỳ suy thoái của các năm trước.

Ảnh hưởng đến Kinh tế Việt Nam?

VN đã bị ảnh hưởng kinh tế suy thoái thế giới như các nước Á châu khác, nhất là trong khu vực xuất khẩu và du lịch từ sau biến cố khủng bố ở Mỹ. Nhưng tác động tương đối nhẹ hơn vì xuất khẩu của VN không dựa nhiều trên công nghệ thông tin hay ca´c linh kiện điện tử như trường hợp các nước Đông Á khác. Tin trong nước cho biết là vài tuần sau ngày 11/9, giá vàng tăng vọt và dân chúng lại thích đổi từ đồng đô la Mỹ ra giữ vàng, tiền Việt hay các ngoại tệ khác. Tuy nhiên "hiện tượng" bỏ đô la Mỹ (giá tạm thời thụt xuống dưới mức 15,000 đồng/ 1 đô la) để giữ tiền Việt đã khó kéo dài được lâu vì với tình trạng tỷ giá thực quá cao của đồng bạc VN so với tiền các nước láng giềng đã phá giá mạnh so với tiền đô la Mỹ từ sau kỳ khủng hoảng 1997-98, tiền Mỹ đã nhanh chóng lên giá trở lại từ tháng 10/01 và có thể còn lên nhiều hơn mức trước ngày 11/9/01. Việc này sẽ xảy ra với tình trạng yếu kém dự đoán của mức tăng trưởng GDP và cán cân chi phó quốc tế của VN do kim ngạch xuất khẩu sẽ tăng chậm trong năm tới 2002, vì giá dầu thô xuất khẩu sẽ xuống nhiều (xem dự đoán ở trên) và các giá hàng nông sản tiếp tục tình trạng yếu kém như năm rồi. Đặc biệt VN có thể phải đối phó với các căng thẳng kinh tế giữa hai khu vực nông thôn và thành thị sẽ xảy ra với mức độ trầm trọng: việc giá dầu lọc nhập cảng xuống thấp có thể làm giảm bớt áp lực giá cả và đời sống kinh tế ở thành thị, nhưng giá hàng nông sản thấp sẽ tiếp tục gây thêm thất nghiệp và đời sống khó khăn của các vùng quê vốn đã nghèo khó lại sẽ thêm cơ cực.

Những biện pháp kích cầu tuy có giúp kinh tế VN phục hồi tăng trưởng trên mức 6% trong hai năm qua 2000-01 sẽ bớt hiệu quả hơn trong năm 2002 vì chính sách nới lỏng tài chính và tiền tệ vốn dành để nâng đỡ khu vực doanh nghiệp nhà nước (DNNN) đã đến mức giới hạn: khu vực này tiếp tục tình trạng thua lỗ kém hiệu quả và hệ thống ngân hàng quá yếu kém có thể đi đến phá sản trầm trọng. Từ năm 2002, VN có lẽ phải chú ý nhiều hơn đến chính sách tăng gia và đa diện hóa xuất khẩu như chiến lược phát triển mới, nhất là sau khi đạt được thỏa hiệp thương mại với Hoa Kỳ vào tháng 12 vừa qua. Để thực hiện việc này, sẽ cần đẩy mạnh các cải tổ cơ cấu đã bị đình trệ nhiều năm, nhất là trong khu vực DNNN và ngân hàng, và cần nhất là áp dụng một chính sách tỷ giá thực tế và mạnh dạn hơn để tăng sức cạnh tranh của hàng VN. Ngoài ra để giảm bớt nạn thất nghiệp trầm trọng tại các thành thị lớn do sự di dân từ các vùng nông thôn bị áp lực mạnh của giá hàng nông sản bị xuống giá liên tiếp từ hai năm nay, cần một chính sách phát triển mới cho 5 đặc khu kinh tế như Sài Gòn, Cần Thơ, Đà Nẵng, Hà Nội và Hải Phòng để làm thí điểm cải tổ hành chính và thi đua áp dụng các luật lệ kinh doanh mới ban hành từ năm 2000 hầu cạnh tranh thu hút trở lại đầu tư ngoại quốc và cả trong nước. Đây có lẽ cũng là biện pháp thích ứng nhất mà VN phải áp dụng để làm giảm bớt các khác biệt trong đời sống kinh tế nông thôn-thành thị nêu trên./.

BA THÁNG CHIẾN TRANH CHỐNC KHỦNG BỐ Ở AFGHANISTAN

HÀ TƯỜNG CÁT

Vào tháng 10 năm 2001, Erik Sorenson, Chủ tịch hãng tin MSNBC khi được hỏi ông có nghĩ rằng truyền thông Hoa Kỳ sẽ có thể tường trình chính xác về cuộc chiến ở Afghanistan hay không, đã trả lời: "Phải năm hay mười năm nữa chúng ta mới có thể hiểu rõ sự thật." Tới cuối tháng 12 khi chế độ Taliban đã sụp đổ và các lực lượng al-Qaeda tháo chạy tan tác, một độc giả thảo luận qua lưới điện toán với nhật báo *The Washington Post*, nhận xét: "Tôi có cảm tưởng rằng truyền thông ít thâu thập được những sự kiện trong hoạt động của chúng ta ở Afghanistan hơn bất cứ một cuộc chiến nào khác mà Hoa Kỳ đã tham dự kể từ Thế Chiến II." Và Leonard Downie Jr., chủ bút tờ báo này tỏ ra đồng ý kiến: "Thời gian sẽ trả lời là có những thông tin nào mà chính quyền đã che đậy dân chúng."

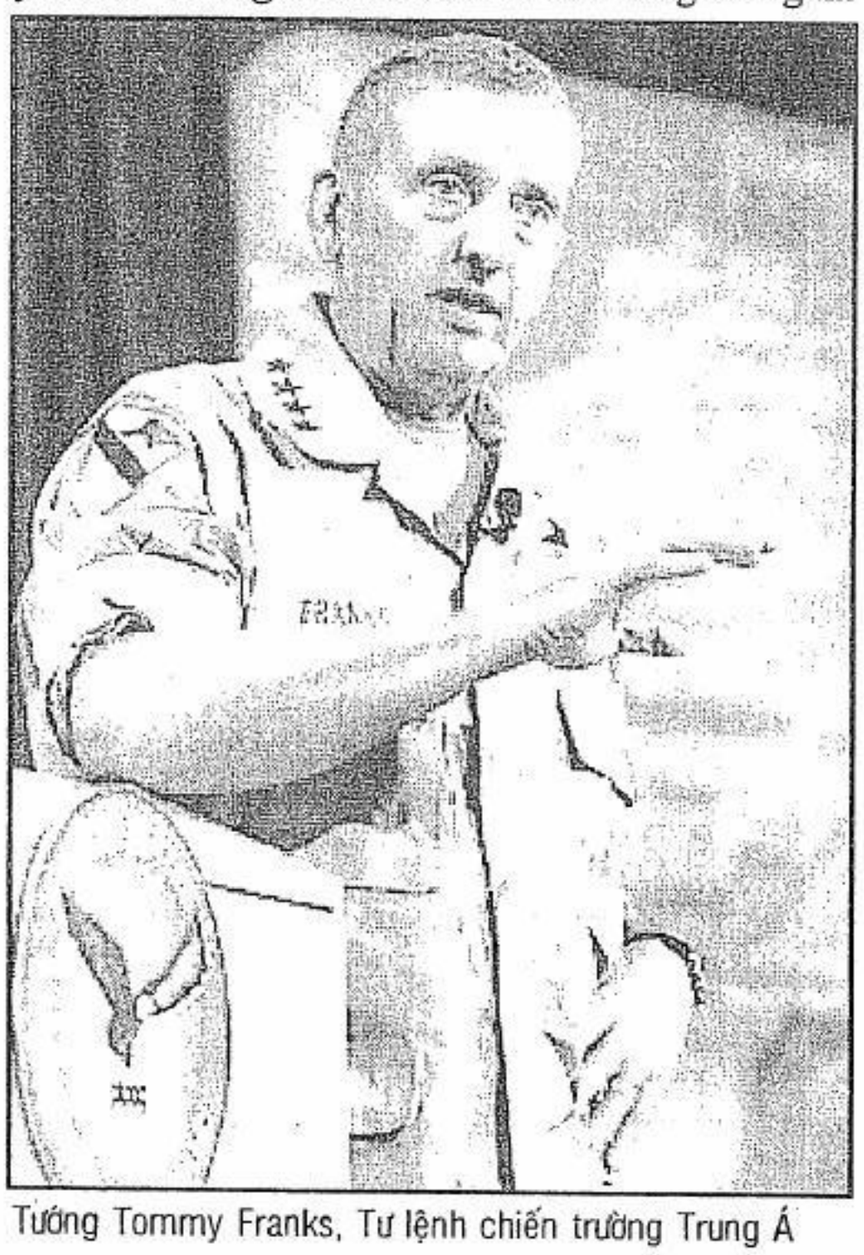

Tướng Tommy Franks, Tư lệnh chiến trường Trung Á

Như vậy nếu đến nay, khi bài này được viết vào ngày thứ 100 của chiến dịch Afghanistan, rất nhiều nhận định sẽ mới chỉ căn cứ qua một số những ghi nhận do hàng trăm thông tín viên có khả năng thâu thập được trên bề mặt, và chắc chắn rằng còn nhiều thiếu sót phiến diện nếu không phải là đôi khi có thể sai lệch. Từ Tổng thống George W. Bush cho đến những viên chức cao cấp và giới quân sự Hoa Kỳ đều từng nhiều lần giải thích là cuộc chiến tranh chống khủng bố không giống bất cứ một cuộc chiến tranh quy ước nào khác từ trước đến nay. Điều ấy có thể hiểu theo nhiều cách, nhưng riêng về mặt truyền thông thì việc Ngũ Giác Đài luôn luôn cố gắng giới hạn phổ biến tin tức không phải là mới lạ, và như báo chí Hoa Kỳ vẫn thường phàn nàn, kỹ thuật bóp nghẹt thông tin đã tới trình độ tinh vi hơn nhiều kể từ thời chiến tranh Việt Nam.

Trên chiến trường Afghanistan, Lực lượng Đặc biệt đóng một vai trò quan trọng như mọi người đều rõ nhưng hầu như không phóng viên nào có điều kiện để theo sát họ. Một vài kết quả chỉ có thể biết rất chậm sau khi sự việc kết thúc hay qua tiết lộ có giới hạn của những quân nhân dự chiến, chẳng hạn như lời thuật lại của mấy quân nhân bị thương vì hỏa lực bạn trong vụ trái bom ném lạc mục tiêu gần Kandahar đầu tháng 12 đã được đưa về Đức điều trị. Tại Tora Bora, những phóng viên đến được gần tiền tuyến nhất cũng chỉ ghi nhận có sự hoạt động của Lực lượng Đặc biệt Anh, Mỹ, Úc cùng với dân quân địa phương với rất ít chi tiết. Không chỉ thiếu mặt nơi tiền tuyến, ở bộ phận chỉ huy cao cấp các phóng viên cũng không có khả năng tìm hiểu được gì nhiều hơn là qua những cuộc thuyết trình của phát ngôn viên tại bộ tư lệnh hay Ngũ Giác Đài. Một số ít phóng viên được có mặt trên chiến hạm hay căn cứ tiền phương thì với điều kiện phải chịu sự hạn chế chặt chẽ trong những tin tức gởi đi.

Thủy Quân Lục Chiến ở Kandaha

Dầu vậy, ai cũng có thể nhìn thấy những thành công và chưa thành công qua ba tháng đầu tiên của chiến dịch Afghanistan, tuy hãy còn tiếp diễn nhưng chắc chắn không còn những biến chuyển bất ngờ ngoạn mục. Thành công lớn nhất của chiến dịch là sự loại trừ chế độ Taliban trong một thời gian ngắn hơn nhiều so với những hoài nghi ban đầu do từ ảnh hưởng bởi định kiến, trong dư luận quốc nội cũng như quốc tế. Đạo quân Taliban, và nhất là những phần tử al-Qaeda mà người ta vẫn lo ngại về khả năng chiến đấu không ngại hy sinh, đã hoàn toàn bất lực trước hỏa lực khủng khiếp của máy bay oanh tạc. Suốt ba tháng trời không có một trận giao tranh nào thật sự đáng kể, và quân Taliban chỉ có những cuộc tháo chạy liên tiếp kể từ khi Liên Minh Phương Bắc tiến chiếm được thành phố miền bắc Mazar-e-Sharif. Những căn cứ al-Qaeda và các hang động hầm hố được du kích Hồi Giáo coi là bất khả xâm phạm từ thời chiến tranh chống Liên Xô, cuối cùng đều chỉ là huyền thoại dưới mưa bom.

Chiến thuật "lẩn tránh chờ thời" của Taliban và al-Qaeda chứng tỏ hoàn toàn thất bại. Chiến thuật này xuất phát từ kinh nghiệm chiến đấu chống Liên Xô và giả thuyết tin rằng Hoa Kỳ không thể chịu đựng nổi một trận chiến lâu dài và hao tổn nhân mạng. Do đó trong những tuần lễ đầu của chiến dịch oanh tạc, quân đội Taliban áp dụng phương cách tránh né và phân tán mỏng để bảo toàn lực lượng với hy vọng khi Hoa Kỳ đưa bộ binh đến sẽ đánh trả bằng du kích chiến và chiến tranh tiêu hao. Nhưng chiến trường Afghanistan lại có những tính chất khác, đặc biệt là sự hiện hữu của những lực lượng đối kháng tại địa phương đủ sức mạnh như Liên Minh Phương Bắc, cộng thêm với những phe phái bộ tộc mà sự trung thành nhiều khi có thể được mua chuộc bằng tiền bạc, vũ khí, quyền hành. Do đó Hoa Kỳ đã tiến hành hình thức mà giới truyền thông gọi là "cuộc chiến ủy nhiệm," dành phần giao đấu trên bộ cho các lực lượng Afghanistan được yểm trợ bởi phi pháo với sự hướng dẫn của những toán quân Lực lượng Đặc biệt. Kết quả là khi Taliban tập trung lực lượng thì trở thành mồi ngon cho máy bay oanh tạc mà phân tán thì không còn đủ sức bảo vệ phòng tuyến.

Nhưng chiến tranh ủy nhiệm thì kết quả tất nhiên không thể hoàn toàn như ý muốn. Một bình luận gia người Anh đã nói rằng không hao tổn nhiều xương máu thì không thể đạt tất cả mục tiêu như ý định. Người ta vẫn hiểu rằng Afghanistan là một xứ sở mà quyền lợi cá nhân và bộ tộc là chủ yếu, ý thức về quốc gia là một điều còn quá xa vời. Tình trạng này khiến Hoa Kỳ dễ dàng trong sự mua chuộc, bằng tiền, vũ khí, lương thực và quyền lực và có thể chờ đợi sự chuyển đổi mau chóng từ thù thành bạn hay ngược lại của các phe phái như qua suốt cuộc nội chiến kéo dài hai thập kỷ gần đây. Nhưng các thủ lãnh và dân quân Afghanistan sẽ không thể có ý chí chiến

đấu hơn nữa khi họ có thể giành được khá đủ những gì mong muốn. Trong cuộc tấn công vào Kandahar cũng như nhiều nơi khác, các phe phái kháng chiến sẵn sàng thương thuyết để cho địch đầu hàng có điều kiện và đó là lý do rất nhiều thủ lãnh có thể trốn chạy thoát dù đã lọt giữa vòng vây.

Dù sao sự tan rã nhanh chóng của Taliban và al-Qaeda có một hậu quả rất quan trọng là đánh tan được nguy cơ Thánh Chiến Hồi Giáo như người ta thường lo ngại. Những cuộc biểu tình ủng hộ Taliban ở Pakistan và một số nước Hồi Giáo xẹp dần và những cuộc biểu tình phản chiến ở nhiều nơi khác cũng không còn điều kiện để phát triển thành một phong trào rộng lớn.

Vướng mắc đáng kể nhất còn lại là hai cá nhân được coi làm mục tiêu truy tầm chính – Osama bin Laden và Mullah Mohammed Omar – đến nay vẫn biệt tích, nhưng tàn dư quân Taliban và al-Qaeda nếu có khả năng tập trung lại để kéo dài chiến tranh du kích thì cũng chẳng thể làm biến đổi cục diện.

Gọi là vướng mắc, đúng hơn là thất bại, bởi lẽ trong lịch sử cận và hiện đại, ít khi có trường hợp phát động một cuộc chiến tranh với mục tiêu là một vài cá nhân. Có nhận xét cho rằng sự kiện cá nhân hóa quá mức nhắm vào Osama bin Laden là do lối giải thích của chính quyền Hoa Kỳ sau vụ khủng bố tấn công ngày 11 tháng 9 năm 2001, cộng thêm với cách trình bày của truyền thông báo chí theo kiểu phim ảnh Hollywood. Lập luận ấy chỉ đúng một phần nào, vì thật ra Hoa Kỳ đã tiến hành cuộc chiến âm thầm nhằm bắt hay diệt bin Laden từ hơn ba năm trước.

Khoảng năm 1996 và trước đó nữa, Hoa Kỳ đã bắt đầu "để mắt" tới Osama bin Laden. Ngay từ đầu thập kỷ 1990 chính quyền Clinton hiểu rằng khủng bố là một vấn đề nghiêm trọng, đặc biệt sau vụ nổ bom dưới tầng hầm tòa nhà Trung tâm Thương mại Quốc tế New York làm hàng ngàn người bị thương. Tuy nhiên, Hoa Kỳ hãy còn biết rất ít về liên hệ của bin Laden trong những hành động này. Cho tới khi xảy ra vụ đặt bom hai tòa đại sứ ở Kenya và Zambia ngày 7 tháng 8 năm 1998 thì bin Laden mới chính thức trở thành kẻ bị săn lùng ráo riết. Ngày 20/8/1998 Tổng thống Clinton cho lệnh oanh kích bằng hỏa tiễn bình phi Tomahawk vào Afghanistan và Sudan. Mục tiêu ở Afghanistan là một căn cứ của khủng bố al-Qaeda mà theo tin tình báo, bin Laden đang có mặt tại đó. Thời điểm tấn công được chọn là ban đêm với giả định đang là giờ

Quân Liên Minh miền Đông vây Tora Bora

ngủ, tuy nhiên tin tức về sau cho biết hành động chậm mất ít tiếng đồng hồ vì bin Laden đã rời khỏi địa điểm trước đó.

Trong những năm kế tiếp ít nhất có ba lần Hoa Kỳ chuẩn bị phóng hỏa tiễn Tomahawk nhưng đến phút chót ý định bị hủy bỏ. Theo tờ *Washington Post* số ra ngày 19/12, một lần CIA được mật báo và thêm không ảnh cho thấy một toán người có hộ tống xuất hiện tại miền nam Afghanistan. Cố vấn an ninh Quốc gia Sandy Berger cấp tốc họp với bộ tham mưu chống khủng bố và được Tổng thống Clinton cho lệnh hành động. Nhưng sau đó Giám đốc CIA George J. Tenet điện thoại xác định lại rằng toán người kia không phải có bin Laden mà chỉ là của một ông hoàng Ả Rập đi săn, và lệnh tấn công được hủy bỏ.

Trong suốt nhiệm kỳ thứ nhì của Tổng thống Clinton, biện pháp hành động của CIA và quân đội đã lần lần được gia tăng, như việc bí mật cho phép từ bắt giữ đi đến hạ sát Osama bin Laden và các tay chân của trùm khủng bố này, kể cả bằng cách bắn hạ máy bay dân sự riêng mà bọn khủng bố dùng. Tuy nhiên sự sử dụng vũ lực vẫn bị hạn chế trong hai điểm (1) chỉ được dùng vũ khí đánh từ xa (2) kẻ địch được định nghĩa là cá nhân khủng bố chứ không phải những kẻ chứa chấp khủng bố. Hai giới hạn này được duy trì suốt thời kỳ Tổng thống Clinton và cho tới 8 tháng đầu nhiệm kỳ Tổng thống Bush. Nếu không có vụ tấn công khủng bố ngày 11/9, Hoa Kỳ không thể có hoàn cảnh để trực tiếp tấn công chế độ Taliban mà không đưa đến rất nhiều rủi ro khó lượng định về mặt chính trị ngoại giao.

Nhằm sẵn sàng hành động ở bất cứ thời điểm nào, hai tiềm thủy đĩnh nguyên tử được lệnh thường trực ngoài biển Ả Rập để có thể phóng hỏa tiễn Tomahawk trong vòng không quá sáu giờ sau khi nhận lệnh. CIA cũng tuyển dụng, huấn luyện, trả tiền và trang bị cho những nhân sự địa phương ở Pakistan và Uzbekistan cùng các bộ tộc trên đất Afghanistan. Chính các nhân viên CIA cũng đã ít nhất một lần xâm nhập vào Afghanistan năm 1999 và phối hợp hành động với quân kháng chiến chống Taliban. Tổng thống Clinton nhiều lần tham khảo ý kiến của tướng Henry H. Shelton, lúc đó là Tổng Tham Mưu Trưởng Liên Quân, về việc dùng Lực lượng Đặc biệt đột kích al-Qaeda. Tuy nhiên, Tổng thống không chấp thuận cho mở một trận chiến quy mô lớn, mà ngược lại theo Shelton thì một hành động giới hạn sẽ không đem lại kết quả.

Về mặt ngoại giao, chính quyền Clinton ngoài việc vận động Liên Hiệp Quốc cấm vận Taliban, đã hai lần gởi đặc sứ đến Afghanistan đặt điều kiện với áp lực rất mạnh, tuy vậy bị giới hạn ở việc không thể nào công khai tấn công quân sự, mọi nỗ lực đều không có kết quả. Cho đến khi xảy ra vụ khủng bố 11/ 9/2001 và Hoa Kỳ mở chiến dịch Afghanistan, Lực lượng Đặc biệt Hoa Kỳ đã hiện diện từ lâu trên các quốc gia láng giềng Afghanistan như Uzbekistan và Tajikistan với nhiệm vụ huấn luyện, cũng như có liên hệ chặt chẽ ngay trong hàng ngũ quân Liên Minh Phương Bắc. Và như vậy chiến dịch Enduring Freedom chỉ là sự mở rộng và công khai hóa một cuộc chiến bí mật bắt đầu từ nhiều năm trước.

Trên bình diện quân sự, sở trường của Hoa Kỳ là không lực nên khi nói đến chiến trận Afghanistan không thể bỏ qua nhận xét về khả năng ấy. Trong ba trận chiến tranh lớn gần đây của quân lực Hoa Kỳ từ Chiến tranh vùng Vịnh qua Kosovo, tính cách này đã thể hiện rõ. Sau nhiều ngày oanh tạc tiêu diệt phần lớn tiềm lực đối phương, chiến trường vùng Vịnh kết thúc với trận tấn công chớp nhoáng bằng chiến xa trên sa mạc Kuwait. Tại Kosovo, chỉ bằng những cuộc oanh kích cũng đã đủ để chính quyền Nam Tư của Tổng thống Slobodan Milosevic phải quy phục. Còn tại Afghanistan đến nay Hoa Kỳ rõ ràng không có ý định đưa vào những đơn vị bộ chiến lớn.

Về vũ khí, mỗi cuộc chiến tranh đều được đánh dấu bằng sự phát triển và chế ngự của một số phương tiện mới. Trên biển, pháo hạm đã là bá chủ trong thế chiến Thế Chiến 1 nhưng đến Thế Chiến 2 thì ngôi vị ấy chuyển sang hàng không mẫu hạm. Không quân tiến lên thành chủ lực từ Thế Chiến 2 mà kết thúc là sự xuất hiện bom nguyên tử. Chiến tranh Việt Nam phát triển vai trò của trực thăng và chiến tranh vùng Vịnh mở đầu bằng kỹ thuật tránh phát hiện bởi radar của máy bay tàng hình. Từ lâu nay sức mạnh quân sự chính yếu của Hoa Kỳ vẫn là không lực, nhưng chiến tranh Afghanistan có thể đánh dấu với sự chế ngự của "bom tinh khôn."

Phi đạn được hướng dẫn đánh trúng mục tiêu, gồm nhiều loại khác nhau đã dùng từ chiến tranh Việt Nam và được phát triển nhanh chóng với kỹ thuật tinh vi gấp bội trong thời đại vệ tinh và cách mạng thông tin. Trên chiến trường Afghanistan, lần đầu tiên máy bay không người lái Predator được dùng để phóng hỏa tiễn Hellfire khi phát hiện ra mục tiêu. Trong chiến tranh vùng Vịnh,

bom và phi đạn có hướng dẫn chỉ bằng 10%, đến nay loại vũ khí này chiếm 60% trong số khoảng 14,000 đã được ném xuống Afghanistan.

"Bom ngu," rơi tự do từ máy bay xuống và trúng đích nhiều ít do tài năng hay sự can đảm của phi công dám cho máy bay xuống rất thấp, đã được cải tiến thành "bom khôn" bằng cách gắn thêm một bộ phận hướng dẫn đến mục tiêu.

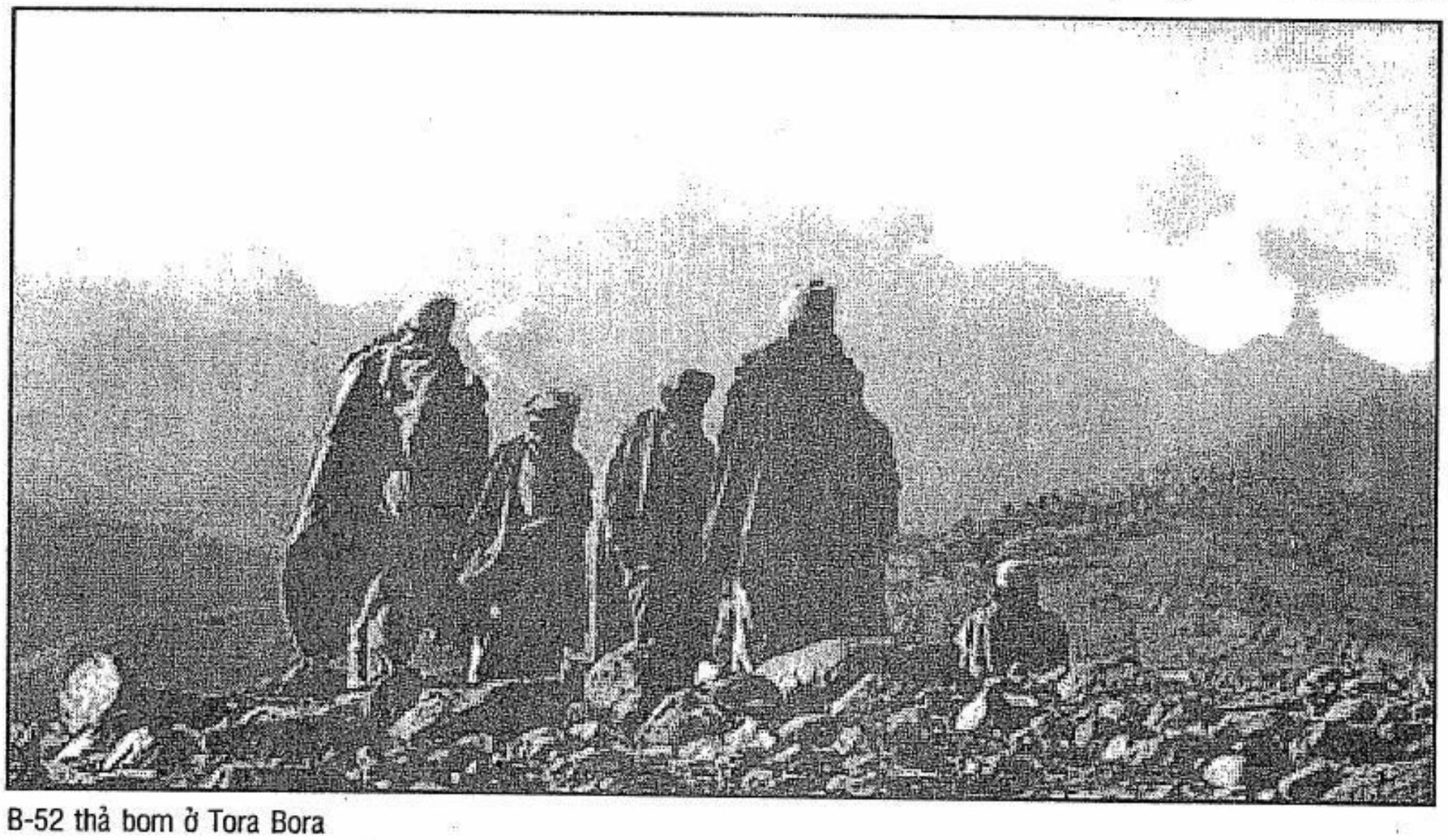

B-52 thả bom ở Tora Bora

Loại bom khôn có ký hiệu JDAM (Joint Direct Attack Munition) vì hướng dẫn hỗn hợp vừa bằng tọa độ GPS (hệ định vị toàn cầu) vừa bằng một hệ thống quán tính điện tử. Nhưng khác với phi đạn có động cơ hỏa tiễn thúc đẩy, bom khôn khi rơi xuống chỉ có khả năng chuyển hướng bằng những cánh gió gắn ở đuôi trong một phạm vi giới hạn, không quá 15 dặm. Để có một hình ảnh rõ nét hơn, có thể so sánh bom ngu giống như nhảy dù không điều khiển trong khi JDAM giống như loại dù mà người nhảy có thể lái tới trúng mục tiêu dưới đất.

Phi công chiến đấu hay phi hành đoàn máy bay oanh tạc có thể "nạp" (download) vào bom các mệnh lệnh qua computer ngay khi đang bay, theo sự chỉ dẫn mục tiêu từ dưới đất. Do vậy, so với thời chiến tranh Việt Nam, một máy bay B-52 chỉ có thể thả tất cả các trái bom (ngu) xuống cùng một mục tiêu theo kiểu "trải thảm," còn bây giờ B-52 có thể cho mỗi trái bom (khôn) nhắm tới một mục tiêu khác nhau định sẵn. Thêm nữa JDAM thả từ độ cao càng lớn càng có hiệu quả vì không sợ lạc, phi công sẽ không cần phải cho máy bay bổ nhào xuống thấp để nhắm mục tiêu nên sẽ tránh khỏi nguy hiểm từ hỏa lực phòng không.

JDAM được phát triển từ chiến tranh vùng Vịnh, còn có ưu điểm hơn vũ khí hướng dẫn bằng tia laser ở chỗ không bị tác động bởi mây hay các đám bụi làm đi trật mục tiêu. Tuy nhiên mức độ chính xác của JDAM (trung bình có thể đi trật mục tiêu khoảng 7 đến 13 mét) không bằng phi đạn hướng dẫn bởi tia laser và không hiệu quả với các mục tiêu di động. Nhưng lợi điểm của bom này là rẻ tiền, nhờ sử dụng lại các bom loại cũ giá trung bình khoảng dưới $1.000 mỗi trái, thêm bộ hướng dẫn chừng $20,000; so với các phi đạn điều khiển trị giá khoảng vài trăm ngàn dollars trở lên.

Bắt đầu được dùng trong chiến dịch oanh tạc Kosovo, Nam Tư, năm 1999, nhưng lúc đó chỉ có oanh tạc cơ tàng hình B-2 có thể thả JDAM. Hiện nay hầu hết máy bay chiến đấu cũng như oanh tạc đều có khả năng sử dụng; và 4,500 trái JDAM, chiếm khoảng 1/3 số bom và phi đạn, đã được ném xuống Afghanistan. Cũng nhờ JDAM mà các loại máy bay oanh tạc nặng nề như B-1 và B-52 tưởng như đã hết thời, lại chứng tỏ rất có hiệu quả, hơn các máy bay chiến thuật nhỏ bay nhanh. Sự kiện ấy sẽ là một yếu tố rất quan trọng cho các chương trình cải tổ quân đội và vũ khí Hoa Kỳ trong tương lai, như Tổng thống George W. Bush cũng như Bộ trưởng Quốc Phòng Donald Rumsfeld đã đề cập nhiều lần.

Trong điều kiện của những vũ khí nói trên, vấn đề xác định mục tiêu trở thành quan trọng nhất. Và thực hiện công tác ấy không gì có thể bằng chính con người. Vì vậy tại Afghanistan, những toán biệt kích đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc hướng dẫn máy bay oanh kích. Trong một vài lần bom thả lạc mục tiêu thường là do lỗi của tin tức cho từ dưới đất. Cũng vì vậy lại có những trường hợp có lẽ vì sự hiềm thù của những phe phái bộ tộc tranh chấp, đã có mục tiêu bị oanh kích lầm và gây tổn thất cho quân bạn cũng như thường dân. Ngoài những biến cố ấy, người ta ghi nhận trong trận chiến không quân ở Afghanistan máy bay đã đánh trúng hơn bao giờ hết từ xưa đến nay. Tại thành phố Kandahar sau nhiều trận oanh tạc dữ dội, nhà cửa dân chúng vẫn còn gần nguyên vẹn trong khi những cơ sở chính quyền và quân sự bị san bằng.

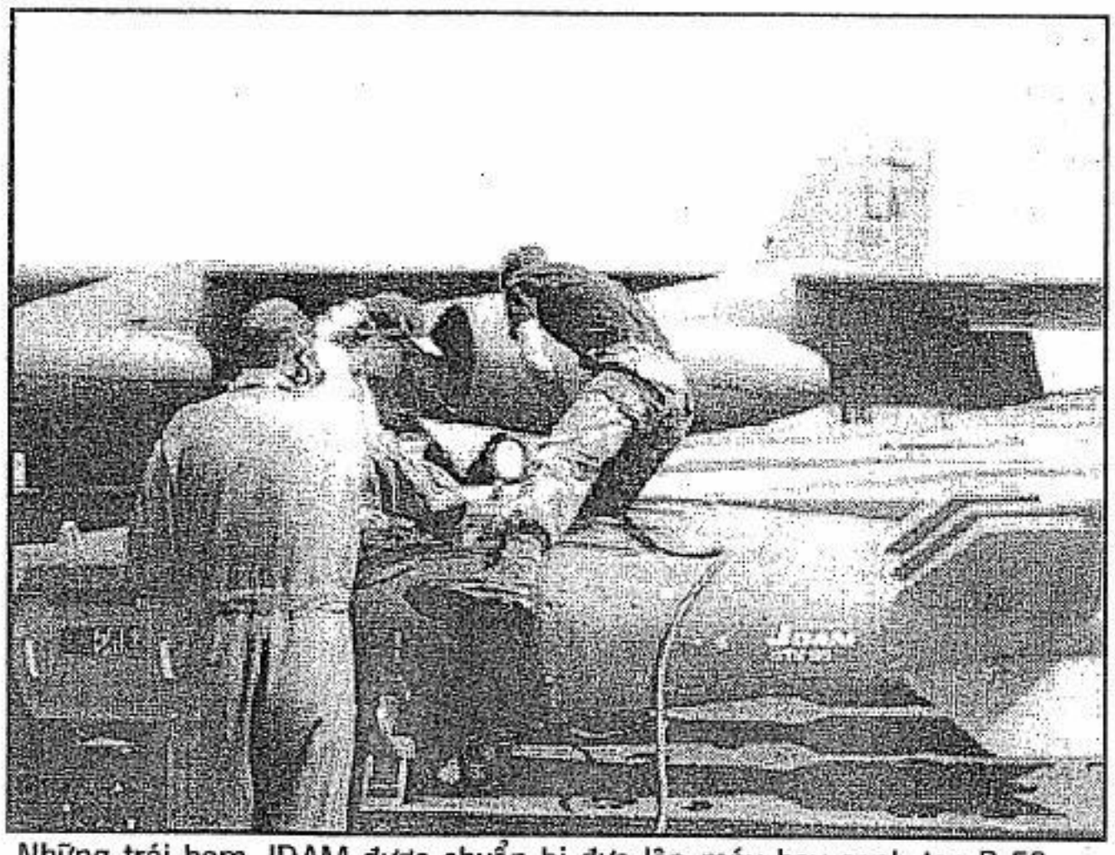
Những trái bom JDAM được chuẩn bị đưa lên máy bay oanh tạc B-52

Nhìn lại chuyện cũ, việc oanh tạc Bắc Việt xưa kia đã không đem lại chuyển biến hiệu quả cho chiến trường Việt Nam cả hai miền Nam Bắc. Các giới quân sự Hoa Kỳ vẫn phàn nàn bị trói tay, một phần là vì với những phương tiện và kỹ thuật thời đó không thể nào Hoa Kỳ có thể sử dụng toàn bộ sức mạnh mà không đưa đến nhiều rủi ro chính trị, ngoại giao. Điều này không xảy ra ở Afghanistan, một chiến trường có nhiều điều kiện thuận lợi hơn từ chính trị, ngoại giao, trận địa cho đến những phương tiện kỹ thuật tân tiến thích ứng. Tuy nhiên nếu sau đây chiến tranh chống khủng bố mở ra ở một nơi khác, chẳng hạn như Iraq, quân lực Hoa Kỳ sẽ khó có thể dễ dàng đi đến thành công như vậy. Iraq có khả năng phòng không mạnh hơn nhiều so với Taliban, trên đất Iraq không có những lực lượng đối kháng địa phương giống như Afghanistan, và kịch bản của chiến dịch sẽ phải hoàn toàn thay đổi.

Như thế có thể dự đoán là ít nhất trong một tương lai gần đây sẽ không có một chiến trường tương tự như Afghanistan và cuộc chiến tranh chống khủng bố của Hoa Kỳ nếu tiếp diễn ở những nơi khác sẽ với một tầm mức giới hạn hơn, với chủ yếu vẫn là sử dụng không lực. Màn nhì của trận chiến, nếu coi như đã bắt đầu xảy ra ở Yemen và Somalia, sẽ có mục tiêu giới hạn vào chỗ tiêu diệt một số căn cứ và không để cho các tổ chức khủng bố có đất dung thân, và phần bộ chiến vẫn do các lực lượng địa phương được Hoa Kỳ yểm trợ một phần hỏa lực, chứ không phải là một trận chiến toàn diện mà quân đội Hoa Kỳ hay ngoại quốc khác đóng vai trò chính.

Chưa bao giờ Hoa Kỳ có sự thuận lợi trong một cuộc chiến tranh ở hải ngoại như hiện nay, từ dư luận quốc nội cho đến ủng hộ quốc tế. Bên cạnh Anh Quốc đã là một đồng minh cố hữu – sau hai thập kỷ xa cách, trở lại sát cánh từ thời bà thủ tướng Margaret Thatcher – Hoa Kỳ có sự ủng hộ mạnh mẽ của các quốc gia Âu Châu, Nhật Bản, đặc biệt là Nga và cả Trung Quốc. Trong thế giới Hồi Giáo, vấn đề phức tạp hơn, tuy nhiên nếu không công khai tán trợ thì cũng không quốc gia nào làm một trở lực. Ngay cả những nước từ trước đến nay vẫn chống đối Hoa Kỳ cho đến nay đã dám công khai bày tỏ thái độ ấy đối với chiến dịch Afghanistan. Nhưng nếu chiến tranh còn tiếp diễn, tại Afghanistan hay qua những nơi khác, những điều kiện thuận lợi ấy sẽ không kéo dài mãi mãi.

Ngoài ra, và là thiết yếu hơn hết, việc thanh toán khủng bố phải được giải quyết từ căn bản: bằng công lý, hòa bình, thịnh vượng cho mọi dân tộc, bằng ổn định, nhân quyền, tự do, dân chủ ở mỗi quốc gia. Thực tế trong chiến tranh hiện nay, vì nhu cầu giai đoạn, vẫn phải bắt buộc chấp nhận không ít thỏa hiệp, chẳng hạn dù muốn dù không Hoa Kỳ đã hợp tác, dung dưỡng một số chính quyền không đáp ứng những đòi hỏi tối thượng ấy. Cho nên, cũng là dù muốn dù không, đến một lúc chiến tranh chống khủng bố sẽ phải ngưng lại hay tạm dừng lại để đừng đi ngược quá xa nguyên tắc căn bản./.

MÓC NỐI CÒN THIẾU: YẾU TỐ CON NGƯỜI TRONG PHÁT TRIỂN

LS NGUYỄN HỮU LIÊM, *Giáo sư, San Jose City College (California)*
TS PHẠM ĐỖ CHÍ, *Giáo sư, American University (Washington, D.C.)*

Vào giữa tháng 7 năm nay (2001) tại Sài Gòn, Thời Báo Kinh Tế Sài Gòn và Trung Tâm Kinh Tế Châu Á Thái Bình Dương (VAPEC) chính thức phát hành cuốn sách *Đánh Thức Con Rồng Ngủ Quên: Kinh Tế Việt Nam Đi Vào Thế Kỷ 21* do Phạm Đỗ Chí và Trần Nam Bình chủ biên. Nhân dịp hai tác giả chủ biên đi công tác ở Việt Nam, VAPEC đã tổ chức một buổi tọa đàm về chính sách kinh tế và giới thiệu sách vào ngày 15 tháng 8 năm 2001.

Chương trình gồm hai bài thuyết trình và một bài giới thiệu sách. Diễn giả đầu tiên là chúng tôi và bài nói chuyện liên quan đến tình hình kinh tế hiện nay tại Việt Nam. Diễn giả thứ hai là Giáo Sư TS Võ Tòng Xuân, một khuôn mặt rất quen thuộc trong ngành nông nghiệp tại Việt Nam và hiện làm ViệnTrưởng Đại Học An Giang. Bài nói chuyện của GS Xuân nhấn mạnh tình trạng nguy ngập của nông nghiệp Việt Nam và đề nghị các biện pháp khẩn cấp để trước mắt thanh toán được ngay các hàng nông sản ứ đọng và nâng cao mức sống của nông dân. Nhân cơ hội này GS Xuân tâm sự rất chân thành là từ ít lâu nay ông đã "**bỏ việc trồng cây để lo sang việc trồng người**". Ông nêu cao nhu cầu khẩn thiết cải tổ giáo dục, lấy thí dụ sự khó khăn trong vấn đề tuyển sinh viên có khả năng tại các Đại Học Cần Thơ và An Giang. Đây là hậu quả của sự yếu kém trong giáo dục bậc trung học, do sự chú trọng về đạt chỉ tiêu hơn là về chất lượng giáo dục.

Phần hội thảo sau hai bài thuyết trình đã diễn ra trong bầu không khí xây dựng và sôi nổi với sự đóng góp của nhiều chuyên gia kinh tế, giáo sư đại học và các nhà doanh nghiệp. Các hội thảo viên rất quan tâm đến các vấn đề kinh tế vĩ mô và tựu chung nhằm tăng mức tổng sản lượng trong nước (GDP) của VN, và nhiều lập luận khác nhau đã được đem ra bàn cãi. Tuy nhiên sau cùng đa số cử tọa viên đồng ý là ngoài các nhân tố căn bản đã làm tốn nhiều giấy mực như công nghệ và tư bản điều kiện hóa việc phát triển kinh tế đất nước, ít ai đã nghiên cứu đầy đủ vai trò cốt lõi của một nhân tố khác: **yếu tố con người,** cái móc nối còn thiếu nhưng quan trọng nhất trong chu trình phát triển ấy. Vài giáo sư khác trong cử tọa cũng tích cực nêu lên thảm trạng của giáo dục VN hiện nay và đồng ý với GS Xuân về quan trọng của việc "trồng người" trong nỗ lực mở mang đất nước hiện tại.

Từ ý kiến nổi bật đó của một kỳ hội thảo về kinh tế VN ngay tại quê hương, chúng tôi xin bàn rộng thêm về yếu tố nhân bản, hay chính xác hơn nữa là vai trò của đạo đức kinh doanh, và các liên hệ cũng như trở ngại cho việc hội nhập kinh tế vùng và thế giới của VN bây giờ và tương lai phát triển trong lâu dài. Phải nói là khoa kinh tế học đã được biết đến ở VN từ gần nửa thế kỷ nay, nhưng có lẽ ít ai đã bàn đến vấn đề đạo đức kinh tế như một nhân tố cho tiến trình phát triển. Nhất là trong bối cảnh của xã hội VN bây giờ với nhiều giá trị tinh thần và đạo đức đã bị băng hoại sau nhiều năm chiến tranh và phân cách. Ai cũng cảm nhận được vấn đề này qua các cuộc giao tiếp hàng ngày giữa người Việt với nhau nhưng đều cảm thấy ngần ngại khi đặt vấn đề bằng giấy bút một cách thẳng thắn và khoa học. Chúng tôi hy vọng sẽ được đặt ra vấn đề một cách tổng quát trong bài đầu này. Sau đó một bài khác sẽ đi vào chi tiết của các đề nghị cải thiện bằng chương trình giáo dục thích ứng và các biện pháp cơ cấu và thuế khoá để giúp thay đổi "con người kinh tế VN". Sau cùng sẽ là một bài nêu lên đề tài chấn chỉnh việc điều hành đất nước (governance), một đề tài mới đang gây nhiều chú ý trong khoa kinh tế phát triển.

Khi nhìn chung về vấn đề phát triển kinh tế VN, vấn đề con người Việt Nam thường chưa được chú trọng hay hiểu rõ đúng mức, mặc dù đấy là yếu tố gần như quyết định cho sự thành bại của mọi chính sách phát triển quốc gia. Yếu tố con người ở đây không những chỉ là cái vế nhân sự trong một phương án phát triển kinh tế thuần

chuyên môn, mà còn là những đặc tính và tinh thần đạo đức căn bản của khối nhân sự đó.

Muốn đánh giá đúng vấn đề này, cần một sự phân tích thẳng thắn về những ưu, khuyết điểm của con người kinh tế Việt Nam trong những tương quan đến các vấn đề phát triển kinh tế. Sau đó cũng cần đưa ra những đề nghị thiết thực trên các phương diện giáo dục, huấn luyện, cải tổ cơ chế và chính sách nhằm chinh phục được những khuyết điểm nhân sự mà nền kinh tế Việt Nam đang gặp phải.

CON NGƯỜI KINH TẾ VIỆT NAM

Yếu tố con người có thể dễ bị bỏ quên trong các hoạch định chính sách kinh tế vì nhiều lý do. Thứ nhất là sự lãng quên từ một giả định chính sách căn bản: con người kinh tế Việt Nam là một biến số mà nhà quy hoạch chính sách vì là người Việt, họ tự nghĩ rằng mình đã hiểu rõ con người kinh tế Việt Nam để rồi họ không cần biến yếu tố này thành một đối tượng phân tích khách quan. Hơn nữa, nếu có được phân tích, thì vấn đề con người kinh tế Việt Nam cũng không được đánh giá đúng mức về phẩm chất đạo đức đặc thù của họ. Từ đó, các chính sách bước tới một tầm mức giả định khác: nếu chính sách này khả thi cho một quốc gia khác – ngoài những biến số chính sách khác giống nhau — thì nó sẽ khả thi cho Việt Nam. **Đây là lúc mà những giả định chính sách này phải được cứu xét lại.**

Nhưng dĩ nhiên là câu hỏi phải được đặt ra ở đây: Thực sự có một con người kinh tế Việt Nam hiện nay – trên phương diện đạo đức kinh tế — khác biệt với những con người kinh tế thế giới không? Câu trả lời, theo chúng tôi nghĩ, là có. Con người Việt Nam mang một mẫu số chung đạo đức kinh tế rất là khác biệt và đặc thù.

Về mặt tích cực, chúng ta ai cũng biết, hay tin, rằng, một trong những khả năng phổ quát của người Việt là hiếu học và lanh lẹ. Trong lãnh vực kinh tế, khả năng này giúp họ linh động và thích ứng nhanh với hoàn cảnh. Đây là một khả năng ưu điểm trong một thời đại mà bản chất kinh tế thay đổi với một tốc độ nhanh và đòi hỏi một mức độ đáp ứng và linh động cao. Nếu phải di cư đến một hoàn cảnh kinh tế hoàn toàn mới lạ thì người Việt là một điển hình cho một cộng đồng di dân có khả năng hội nhập đáng kể. Điều này đã được xác nhận trên thế giới trong vòng mấy thập niên qua. Tính bảo thủ và định kiến chỉ phát sinh khi họ cảm thấy quyền lợi hay quyền hạn của mình bị đe dọa hay xâm phạm. Nói chung, con người kinh tế Việt Nam không sợ đổi thay về hoàn cảnh và quy luật kinh tế. Trong khả năng đáp ứng này, họ học hỏi kỹ năng kinh doanh mới nhanh chóng, không những về lãnh vực thuần chuyên môn, hay quy chế, chiến thuật mà còn có khả năng sáng tạo những ngõ ngách tiếp thị, khai phá những tiềm năng thị trường mới, những phương sách đốt giai đoạn để đạt được chỉ tiêu kinh doanh.

Những khả năng linh động và thông minh này, mặc dù là quan trọng nhưng không phải là chủ yếu và chúng cần phải đặt nền tảng trên những đức tính tích cực cần thiết. Và đối với con người kinh tế Việt Nam, tuy nhiên, đây chính là vấn nạn lớn. Sau nhiều kinh nghiệm, suy tưởng, chúng tôi phải mạnh dạn nói rằng: con người kinh tế Việt Nam, từ cá nhân đến xã hội, chưa có một nền tảng đạo đức kinh tế cần thiết. Đây là một sự thật đau lòng mà chúng ta thường tránh né khi bàn thảo công khai. Nay đã đến lúc mà chúng ta hãy can đảm nhìn kỹ vào những khuyết điểm đạo đức và phẩm chất của con người kinh tế Việt Nam nhằm khách quan hóa chúng thành những đối tượng nghiên cứu, phân tích, suy nghĩ. Như vậy thì những quy hoạch chiến lược phát triển kinh tế quốc gia mới hy vọng thành đạt cao hơn.

Trước hết, con người kinh tế Việt Nam hay bị chao đảo trong chọn lựa các thang giá trị. Trong những xã hội cũ mà nông nghiệp là chính yếu, người dân mà đa số là nông dân luôn luôn phải đối phó sự thiếu ổn định của mùa màng do sự bất trắc của thời tiết khí hậu, chưa kể tới sự bất định trong chính sách của viên chức địa phương. Những thương nhân, tuy chỉ là thiểu số, chia sẻ cái tâm lý trên, chưa kể quan điểm đánh giá thấp vai trò và địa vị của người hoạt động kinh tế (thương nhân) trong xã hội cũ. Hành vi kinh tế của doanh nhân Việt, vì thế, phần lớn phát xuất từ mặc cảm e dè, tâm lý sợ hãi, hơn là đặt nền tảng trên nguyên tắc và lý luận.

Một số đông doanh nhân Việt có thể làm ăn liều lĩnh, bước vào những lãnh vực kinh doanh mà xác suất thành công rất thấp. Cho dầu được thúc đẩy bằng động cơ nào chăng nữa thì việc thiếu thận trọng khi hành động, việc xem nhẹ tinh thần trọng pháp cũng như coi thường nguyên tắc căn bản của sự kết ước mà không ít doanh nhân vấp phải, xét ra còn là hậu quả không tránh được của một thành phần không nhỏ doanh nhân có tham vọng không giới hạn trong việc làm giàu

và tích lũy tư bản.

Cho nên, từ cá nhân đến cơ chế, **phải đau lòng nhận ra là người Việt không tin người Việt**. Nếu có chọn lựa, thì người Việt sẽ làm ăn với các công ty ngoại quốc, nhất là của Âu Mỹ, hơn là Việt Nam. Đây là hiểm họa cho các cơ sở kinh tế Việt Nam về lâu về dài khi mà các hiệp ước kinh tế mở cửa thị trường Việt Nam cho các cơ sở kinh tế Âu Mỹ, như ngân hàng, bảo hiểm, tín dụng, hàng không... ồ ạt vào kinh doanh ở Việt Nam.

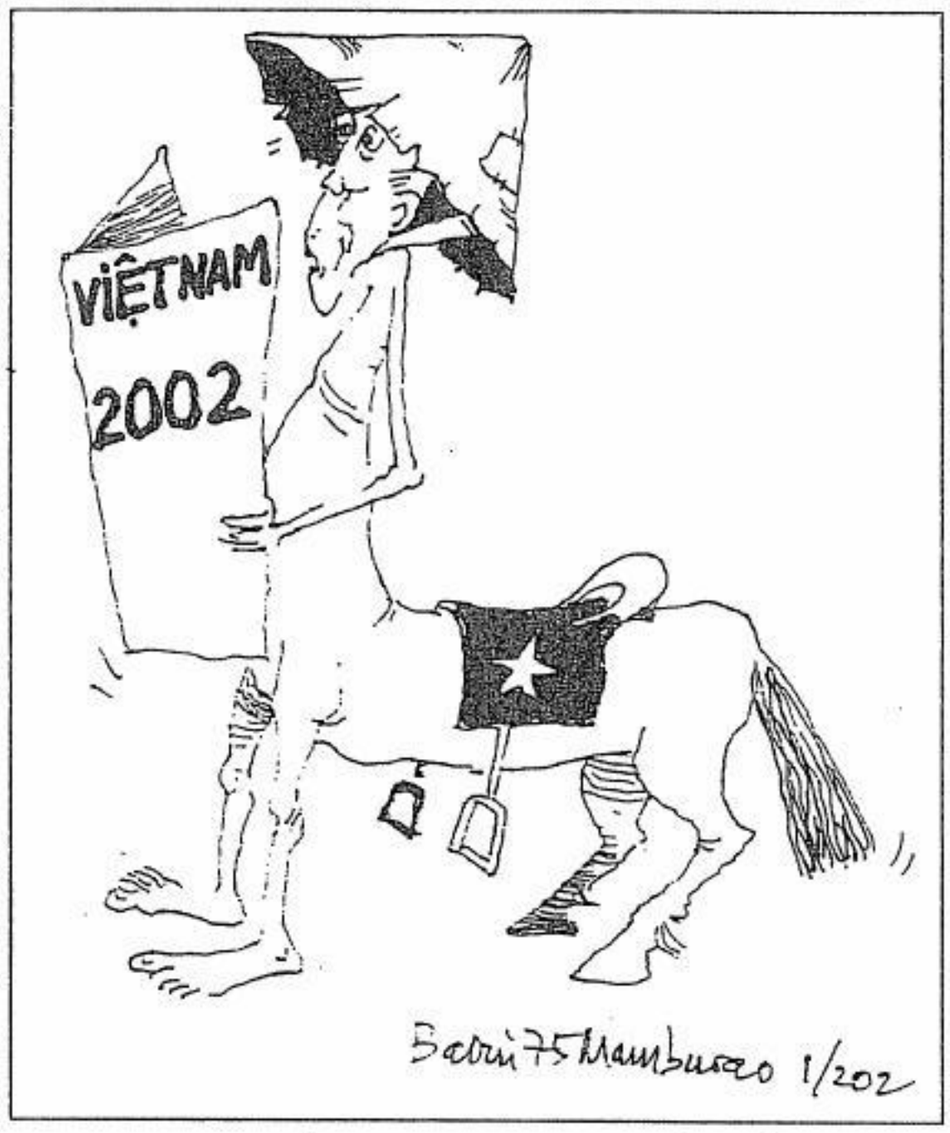

Bên cạnh việc xem nhẹ giá trị và tinh thần của chữ tín, không ít người hoạt động kinh tế còn chưa ý thức được ý nghĩa tinh thần của sự kết ước mà bản hợp đồng họ đặt bút ký là một thí dụ điển hình. Họ cần phải nhớ rằng một khế ước kinh tế không phải chỉ là một phương tiện giải quyết chủ đích doanh thương nhất thời; trái lại, khế ước là nền tảng chữ tín lâu dài giữa các đối tác kinh tế liên hệ.

VẤN ĐỀ CON NGƯỜI VÀ ĐỊNH CHẾ KINH TẾ

Cơ chế kinh tế và môi trường kinh tế Việt Nam phản ảnh vấn nạn này. Khi nhìn về phương diện chính sách ở tầm mức quốc gia, hiện trạng tiêu cực ở Việt Nam ngày nay một phần là hệ quả của những chính sách kinh tế cũ mang nhiều khuyết điểm và sai lầm.

Khi mà thành-tín, một yếu tính của nền đạo đức kinh tế, không được tôn trọng đúng mức cộng thêm khối nhân sự thiếu năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức cần thiết thì nền kinh tế quốc gia không huy động được vốn đầu tư, nhân lực, tài nguyên từ những nguồn trong và ngoài nước. Các định chế căn bản như ngân hàng, bảo hiểm, chứng khoán, thuế khóa, hành chánh công quyền, pháp chế mất đi khả năng thu hút và bảo đảm, từ đó tài nguyên thiên nhiên, nhân lực, trí thức, tài chánh tìm đường thoát ra khỏi quỹ đạo kinh tế quốc gia nhằm đi tìm môi trường ký thác, kinh doanh có khả năng bảo đảm chữ tín cao hơn. **Những đơn vị cũng như cá nhân kinh tế quốc tế có tầm vóc và chiều sâu không muốn đầu tư, kinh doanh trong môi trường kinh tế nước nhà hiện nay. Đây là thảm trạng phải nhận rõ và tìm cách giải quyết trong việc thu hút đầu tư.**

Tuy nhiên, nguyên nhân của vấn đề phần lớn là nằm ở chỗ đạo đức kinh tế của con người Việt Nam. Như trường hợp Trung Quốc, bối cảnh chính trị và cơ cấu định chế cũng như nhiều yếu tố hoàn cảnh khách quan khác cũng gần giống như Việt Nam, nhưng Trung Quốc - hay là ngay cả các cộng đồng Hoa kiều khi so sánh với các cộng đồng Việt hải ngoại - không gặp những khó khăn phát triển kinh tế trầm trọng và căn bản như Việt Nam. Yếu tố chính là con người kinh tế Trung Quốc, tự chính họ đã tạo được một phong hóa chữ tín cao trên thương trường.

Nói như thế không có nghĩa là chúng tôi phủ nhận nguyên nhân và hệ quả của vấn đề từ định chế và cơ cấu kinh tế khách quan. Điều mà chúng tôi muốn nhấn mạnh ở đây: yếu tố đạo đức kinh tế của con người phải được đặt ngang hàng, hay cao hơn, yếu tố định chế trong tiến trình phát triển kinh tế quốc gia.

Về cả hai mặt, định chế và con người, thì kinh tế Việt Nam đang bị khủng hoảng trầm trọng. Cơ chế có thể cải cách nhanh chóng, vấn đề còn lại là con người. Câu hỏi ở đây: Làm thế nào để đạo đức kinh tế của con người Việt Nam có thể được xây dựng, chuyển hóa và nâng cao? **Câu trả lời: Một chiến lược xây dựng đạo đức cho nhân sự kinh tế quốc gia, bắt đầu bằng giáo dục và sau đó các thay đổi cơ chế trên căn bản pháp trị.**

Đây không phải là chuyện đạo đức mơ hồ, hay là lý thuyết trừu tượng không thực tế. Một chiến lược xây dựng và phát huy đạo đức kinh tế cho con người kinh tế Việt Nam là việc có thể làm được và phải bắt đầu ngay. Cải tổ cơ chế kinh tế đòi hỏi cải tổ nguồn nhân lực kinh tế. Cái này không thể thiếu cái kia. Tinh thần con người tiêu cực chỉ có thể kiến tạo cơ chế hư hỏng. Vế con người quyết định sự thành đạt cho vế cơ chế; vế cơ chế hỗ trợ cho sự thành công trong việc giáo dục và huấn luyện con người.

NHỮNG GIẢI PHÁP VÀ CHIỀU HƯỚNG KHẢ THI

Như đã trình bày, phát triển kinh tế Việt Nam đòi hỏi một dự án nâng cấp đạo đức kinh tế cho tầng lớp nhân sự liên hệ. Đây là một giải pháp chiến lược quốc gia mang tính chất cơ bản, lâu dài, có thực chất, mang tính thực tiễn cũng như là toàn diện và nghiêm chỉnh. Đây là chuyện tối cần thiết, có thể làm được và phải làm ngay. Bước vào công trình đầy thử thách này, chúng tôi xin được nêu lên đây hai công việc cần làm:

Thứ nhất: Cải tổ sâu rộng và căn bản về định chế nhằm thực thi một cuộc cách mạng pháp chế.

Thứ hai: Thực thi một tiến trình giáo dục và huấn luyện những thế hệ nhân sự kinh tế mới. Để từ đó, hoán đổi, thay thế toàn diện và sâu rộng tầng lớp nhân sự kinh tế hiện nay.

Ở đây chúng tôi chỉ xin nhấn mạnh nhiều hơn đến yếu tố thứ hai nhắm vào giáo dục và cải thiện hệ thống nhân sự, nhất là cho thế hệ tới. Những năm gần đây, Việt Nam đã có những cải tổ nhân sự hành chánh quan trọng. Tuy nhiên, về phương diện nhân sự kinh tế, Việt Nam cần phải giáo dục và huấn luyện một thế hệ con người kinh tế mới cho Việt Nam. Bước đầu là một chế độ mới về giáo dục kinh tế.

Thứ nhất:: Quy chế giáo dục về kinh tế và thương mãi ở trình độ đại học phải được cải tổ sâu rộng. Giáo trình phải bao gồm các khóa về đạo đức kinh tế và quản trị trên phương diện lương năng chức nghiệp. Các kỳ thi tốt nghiệp phải bao gồm đề tài đạo đức này. Mục tiêu là tạo ý thức và xây dựng kiến thức luân lý thương trường nhằm xây dựng một tập thể con người kinh tế Việt Nam mới.

Thứ hai: Thành phần nhân sự được bổ nhiệm vào các chức năng công quyền về lãnh vực kinh tế đề phải có trình độ đại học hoặc hậu đại học, được huấn luyện về đạo đức kinh tế, có quá trình đạo đức trong sạch; có khả năng chuyên môn thích ứng, và phải là thành phần trẻ, ví dụ dưới bốn mươi tuổi.

Thứ ba: Tất cả những công ty phải được quản chế bằng một chế độ nhân sự thích hợp về trình độ giáo dục cũng như là về khả năng chuyên môn. Đây là vấn đề trí thức hóa, chuyên môn hóa giai tầng lãnh đạo công ty. Ngoài nhu cầu cải cách lớn rộng trên lãnh vực những định chế về công ty, về quy tắc hùn vốn, quản trị tài chánh, về kế toán, vấn đề cần thiết là phải pháp chế hóa cơ cấu và thành phần, quyền hạn của hội đồng quản trị cho đến nhân sự quản lý trên một cơ bản luật pháp thành văn rõ ràng, hợp lý và thống nhất trên cơ bản phẩm chất chuyên môn và đạo đức quản trị.

CHỌN LỰA CHO THẾ KỶ TRƯỚC MẮT?

Nguồn vốn quan trọng và cốt lõi của kinh tế quốc gia bao giờ vẫn là con người. Nhưng năng lực, ý chí và trí tuệ của con người kinh tế Việt Nam cần phải được huy động và tiếp nhận đúng cách. Họ đang đứng trên ngã ba đường của thời đại mới mà cơ hội và hiểm nguy đang chờ họ. Tùy vào bản chất của cơ chế mà họ sẽ nhảy vào hố sâu tiêu cực hay là leo lên đỉnh đồi hướng thượng.

Lực lượng tiên phong trong tiền đồ xây dựng đất nước cho thế kỷ mới là tầng lớp nhân sự kinh tế trong một nền kinh tế thị trường pháp trị. Một nền tảng "đạo đức cách mạng" mới phải được trang bị cho một thế hệ doanh nghiệp mới nhằm kiến tạo một văn hóa kinh tế cần thiết cho Việt Nam trước nhu cầu thời đại. Văn hóa này là của **một nền kinh tế mà giá trị chữ tín được tôn trọng**, mà pháp luật được đặt ưu tiên, mà nhân phẩm con người được thể hiện qua cơ chế kinh tế, xã hội cũng như là những sinh hoạt doanh nghiệp hằng ngày.

Việt Nam đang đứng trước một chọn lựa chiến lược nhân sự có tính chất quyết định cho vận mệnh đất nước và dân tộc cho suốt cả thế kỷ trước mặt. Dĩ nhiên là vấn đề không phải là dễ dàng vì phần lớn tầng lớp con người kinh tế Việt Nam ngày nay vẫn còn thiếu ý thức và hoạch định lớn, hay thích dùng mẹo vặt mà muốn làm ăn to. Tuy nhiên, dù khó khăn thế nào đi nữa, hành trình vạn dặm cũng phải được bắt đầu. Việt Nam có thể làm được. Con người kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn có thể và sẵn sàng được đổi thay và chuyển hóa cho một vận hội mới của quốc gia./.

KHÔNG GIAN LIÊN MẠNG LÊ BÁ ĐẢNG

THỤY KHUÊ

Họa sĩ Lê Bá Đảng

Mỗi khi có dịp trình bày quan niệm nghệ thuật của mình, họa sĩ Lê Bá Đảng thường nhấn mạnh ba điểm sau đây:

- Nghệ thuật của một dân tộc chỉ có thể tồn tại được nếu nó bám rễ vào đời sống và mang cá tính độc đáo của dân tộc ấy;

- Lê Bá Đảng đưa ra một phong cách tạo hình mới thoát khỏi truyền thống hội họa điêu khắc Tây phương, ông muốn trình bày một nghệ thuật tạo hình, không tượng, không tranh, dựa trên những nguyên liệu vật chất hoặc hư không do chính người nghệ sĩ tạo ra;

- Nghệ thuật không chỉ dành riêng cho một số người may mắn có khả năng mua tranh, mua tượng, hoặc chỉ nằm khô trong viện bảo tàng, mà phải hòa hợp với thiên nhiên, đi vào đời sống, để tất cả mọi người dù ở tầng lớp nào, cũng có thể thưởng ngoạn.

Như để thực hiện quan điểm bình dân hóa và phổ biến hóa nghệ thuật, Lê Bá Đảng luôn luôn tìm cách bội phân những tác phẩm của mình thành nhiều phiên bản, giá bán rẻ đi, nhiều người có thể mua được, nhưng chất sắc và giá trị vẫn là nguyên bản. Những năm 70, để sáng tạo *Lebadangraphy*, ông đã tìm chất giấy riêng in tranh, từ những bản khắc trên đá, khiến cho tranh in của ông không còn là một sản phẩm phiên bản (reproduction) tầm thường mà nó giữ trọn vẹn những chiều sâu, những nét gồ, nét trũng của bức tranh thật.

Rồi ở thời kỳ *Tấn Tuồng Nhân Loại* (La comédie humaine) những năm 80, một loại chất liệu giấy khác ra đời, tạo cho những vi nhân, vĩ nhân của Lê Bá Đảng có một không gian nhân vị, tự do, có chất khinh khoát của lời, có cái dị hợm của cá tính và thể xác, miêu tả những trạng thái và tình thế của con người trong cái bể khôn lường của *Tánh*.

Ở *Không Gian Lê Bá Đảng* giữa thập niên 80-90, ông không vẽ trên giấy nữa mà cắt dán và tạo ra một chất liệu mới mang chiều dầy của vật thể, có thể gói trọn khí quyển và tạo vật trong cùng một "không gian"; chính ở đây, ông đã bắt đầu đường lối tạo hình mới: không tượng, không tranh mà tổng hợp cả tượng lẫn tranh.

Trong khoảng năm, sáu năm gần đây, nghệ thuật của Lê Bá Đảng càng ngày càng đi sâu vào đời sống hơn nữa. Năm 1997, ông thực hiện *Động Lê Bá Đảng*, một công trình kiến tạo nghệ thuật ở miền Baux de Provence, một thắng cảnh miền Trung Nam nước Pháp, với những chủ đề Âu Cơ, Âu Lạc, như muốn tái tạo một "nguồn gốc Việt, một lịch sử Việt" trong hang động bên trời Tây. Đồng thời ông phác họa nhiều sơ đồ kiến tạo nghệ thuật trong thiên nhiên, để thực hiện trên đất nước Việt Nam với chủ đích đem tác phẩm nghệ thuật vào Trường Sơn, vào núi đồi Phù Đổng... tạo ra những bảo tàng viện thiên nhiên vô hạn mà tất cả đều được mời tham dự hoặc thưởng lãm: từ cánh chim, ngọn cỏ đến con người. Để xây bảo tàng viện thiên nhiên, ông sáng tạo nghệ thuật *Sắc Không* (Le Vide et le Plein), tiếp nối *Không Gian Lê Bá Đảng*. Cũng trong thời gian này, ông sáng tạo *Tranh Hai Mặt* (Double face), một loại tranh khắc mà hai mặt đều là tác phẩm nghệ thuật. Rồi ông lại trở về với sơn dầu, mầu nước qua loạt tranh mắt.

Sau thời kỳ *Mắt*, Lê Bá Đảng bước vào thời kỳ *Thiền*, như không dứt, không ngừng... Hỏa diệm Lê Bá Đảng đầy ắp phún thạch chồng chất lên nhau, sẵn sàng tung ra hết lớp này đến lớp khác...

ở tuổi 80.

Khoa học, với kỹ thuật liên mạng giúp Lê Bá Đảng phổ biến những sáng tác mới nhất của mình trong chiều hướng rộng nhất: trên không gian liên mạng Lê Bá Đảng, và đó là món quà mà khoa học và nghệ thuật kết hợp để đưa cái đẹp đến với con người ở khắp mọi nơi, không kể giàu nghèo và cũng là niềm tâm nguyện của người nghệ sĩ, Lê Bá Đảng.

Ngựa

Ngựa và người trong tiếng Việt, vô tình hay hữu ý, có cách phát âm gần giống nhau. Những âm hao tương đương ấy, chiếu vào sáng tác của Lê Bá Đảng, trở thành một mã quan nghệ thuật độc đáo.

Đối với Lê Bá Đảng, ngựa là một nhân vật. Đây không phải là điều mới. Từ thời cổ Hy La, ngựa đã là người, đã có những con centaure ngựa-người (ngựa đầu người). Ngựa còn biểu dương cường lực, sức mạnh dẻo dai, bền bỉ, ngựa mang ấn tượng ra đi, tự do vùng vẫy, ngựa là biểu tượng của chinh nhân, chinh phục, của dục vọng, chiến tranh, tính dục... trong con người. Nhưng người luôn luôn coi ngựa như loài súc vật, tuy khôn ngoan, thông minh, nhưng vẫn là thú. Với Lê Bá Đảng, ngựa thực thụ là người, thế giới ngựa của ông là thế giới tự do, quần tụ những vũ bão, mơn trớn, phong ba, dục tình và tha thiết, là thế giới của chinh phục. Ở ông, ngựa chinh phục người.

Thế giới ngựa Lê Bá Đảng là thế giới bất kham, hỗn tạp giữa ảo và thực. Tất cả những biến chuyển tâm linh và hình thức của con người hiện hình trong chân dung ngựa. Với ngựa, nét bút của ông linh động, vùng vẫy, dường như cái mà họa sĩ muốn bộc lộ trong tranh là cái nhân tính nơi con ngựa. Ông đạt. Ngựa của ông có sức quyến rũ mê hoặc của những nhân vật ảo huyền, kỳ bí. Khi đã bắt được vùng nội tại thâm trầm và u uẩn chung giữa người và thú, người nghệ sĩ có thể giải mã được những khó khăn ngăn cách giữa vật và nhân. Ngựa hóa thân thành họa sĩ: *Chị Mã* trong một truyện ngắn của Lê Bá Đảng. Sức sáng tạo của *Chị Mã* cũng ảo huyền, huyễn mộng và sinh động như trần thế con người. Nếu so sánh thế giới ngựa của Lê Bá Đảng với thế giới kịch người của ông, người xem không khỏi ví thú tính nơi con người với nhân tính nơi con vật. Dường như chính ngọn bút của các *Chị Mã* đã vẽ nên những sinh vật li ti, hoạt náo, triền miên, trong vòng: ăn, ngủ, đụ, ị, đi, đứng, đánh, đấm, khóc cười, gian manh đạo đức, tội ác và nhân ái... cuồng quay trong địa ngục trầm luân, hay thiên đường tục lụy được gọi là thế giới loài người. Sự lựa chọn hài hòa người-ngựa, dường như không phải vô tình mà vô hình định trước: Bằng âm thanh

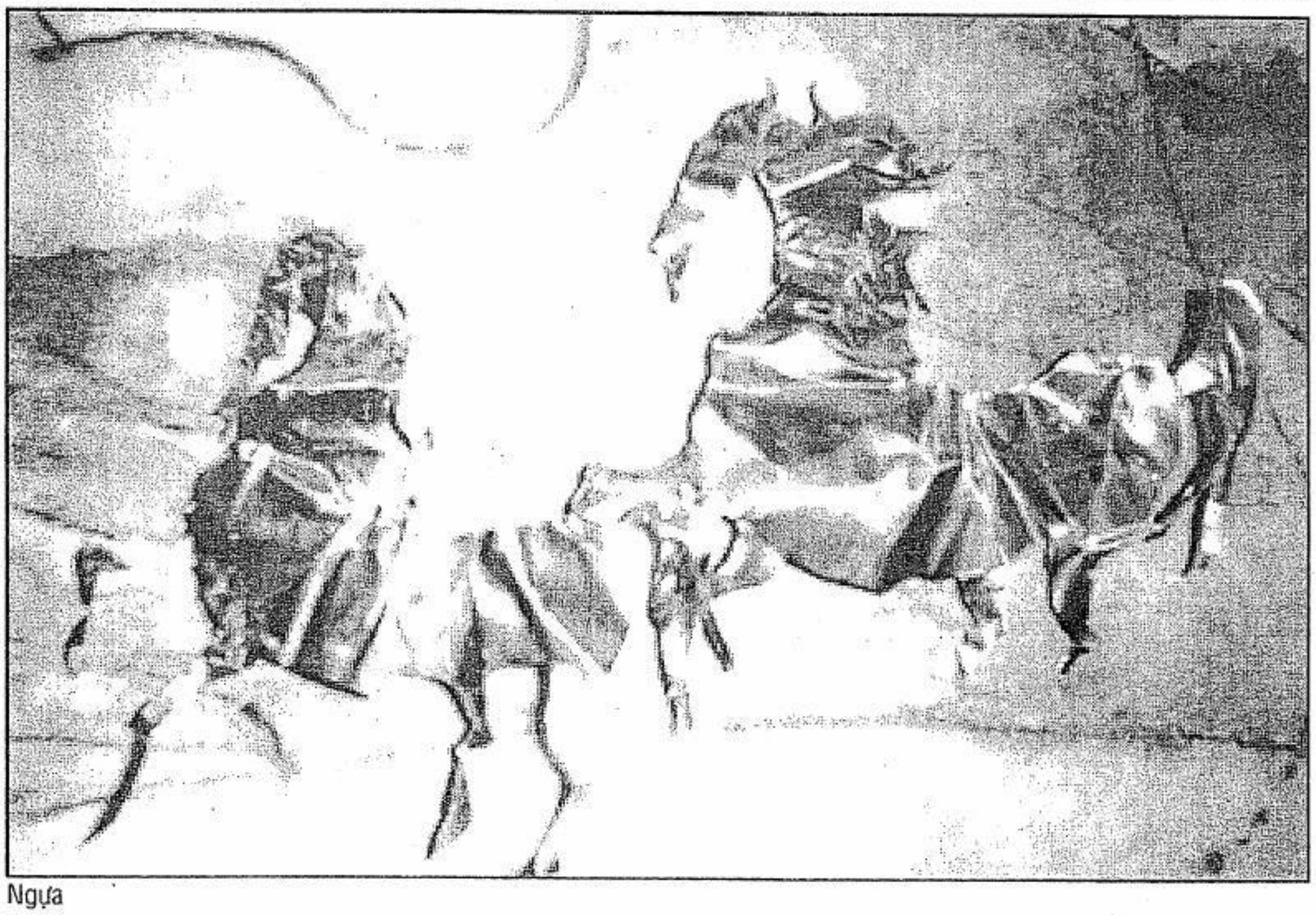

Ngựa

gần gụi ngựa-người, bằng sự uyển chuyển thân thể giống nhau, trong tác hợp nòi tình, bằng động tác thiên di, bằng lòng yêu tự do, bằng mãnh lực quật khởi... Ở Lê Bá Đảng, có sự nhập thần giữa người và ngựa, có sự phân thân giữa người và ngựa, và người xem tranh không phân biệt được chính người vẽ ngựa hay ngựa vẽ người. Họa sĩ đã xóa nhòa biên giới giữa nhân và vật để tác thành một thế giới tạo vật huyền đồng trong nghĩa Lão Trang. Ông tạo thế giới ngựa bằng những dessin cực kỳ giàu có về nét, uyển chuyển và có ma lực, mã lực và hỏa lực biến những quang cảnh thông thường trở nên ngoạn mục và mộng tưởng.

Ngựa của Lê Bá Đảng không chỉ là những sinh vật hình thức mà tự chúng thoát ra đời sống tâm linh trong ánh mắt, trong nụ cười, trong mọi tác động thể xác và thú tính: Ngựa buồn, ngựa vui, ngựa trầm ngâm, ngựa đắng cay, đau khổ, ngựa lồng, ngựa phóng, ngựa đá, ngựa ăn, ngựa ngủ, ngựa dằn dữ, phong ba, ngựa yêu, ngựa ghét, ngựa nằm, ngựa đứng, ngựa ngồi... Tất cả những tư thế, những ngậm ngùi của ngựa đều được khai triển, trong những chiều kích khác nhau, bằng những chất liệu khác nhau. Mỗi khi có một nồng độ nào đó dâng lên trong huyết quản của người nghệ sĩ, thì lại có... Ngựa, và có thể nói mỗi con ngựa là sự giao thoa giữa một cảm xúc bất kỳ, với một làn sóng không tên dấy lên từ trực giác sáng tạo, cái mà Francis Bacon gọi là accident, tôi xin gọi là tia chớp lóe lên từ một cõi không, biến không thành có, biến ngựa thành người.

Hạt Gạo Trường Sơn

Vật thể hóa một hiện tượng tâm linh, đem những yếu tố hữu hình, vật chất, của thực nghiệm ra để phân tích một hiện tượng thần bí, đó là công việc của khoa học. Sinh hóa một vật thể, thần hóa một hiện tượng vật chất, thuộc địa hạt nghệ sĩ.

Hạt gạo trong lòng một dân tộc bẩy mươi phần trăm làm nghề nông, trở thành hạt đời, hạt reo mầm sống và hạt hạ mầm chết. Có gạo có sinh, không gạo không sống. Người ta sống nhờ gạo, với gạo, nhưng không coi gạo như một ảo vật huyền bí tạo sinh khi hột gạo đầy, không nhìn gạo như một biến hình khai tử khi hột gạo rỗng. Tất cả những cái nhìn vừa tâm linh, vừa tâm vật ấy thể hiện trong *Hạt Gạo Lê Bá Đảng*: Điêu khắc và hội họa hòa hợp để kiến tạo nên một sinh thể gạo, mà tâm sinh vật, vật sinh tâm. *Hạt gạo bá đảng* tức là hạt gạo của trăm làng, reo rắc truyền bá lời nói thẳng, hạt gạo có bệ phóng như cái loa. Hạt gạo trực ngôn mang bản chất của người nghệ sĩ có tên Bá Đảng. *Bá* như trăm, *bá* như cái loa, *bá* cứng như gỗ trắc, *bá* mềm và uyển chuyển như dây cương ngựa bằng da; *đảng* như

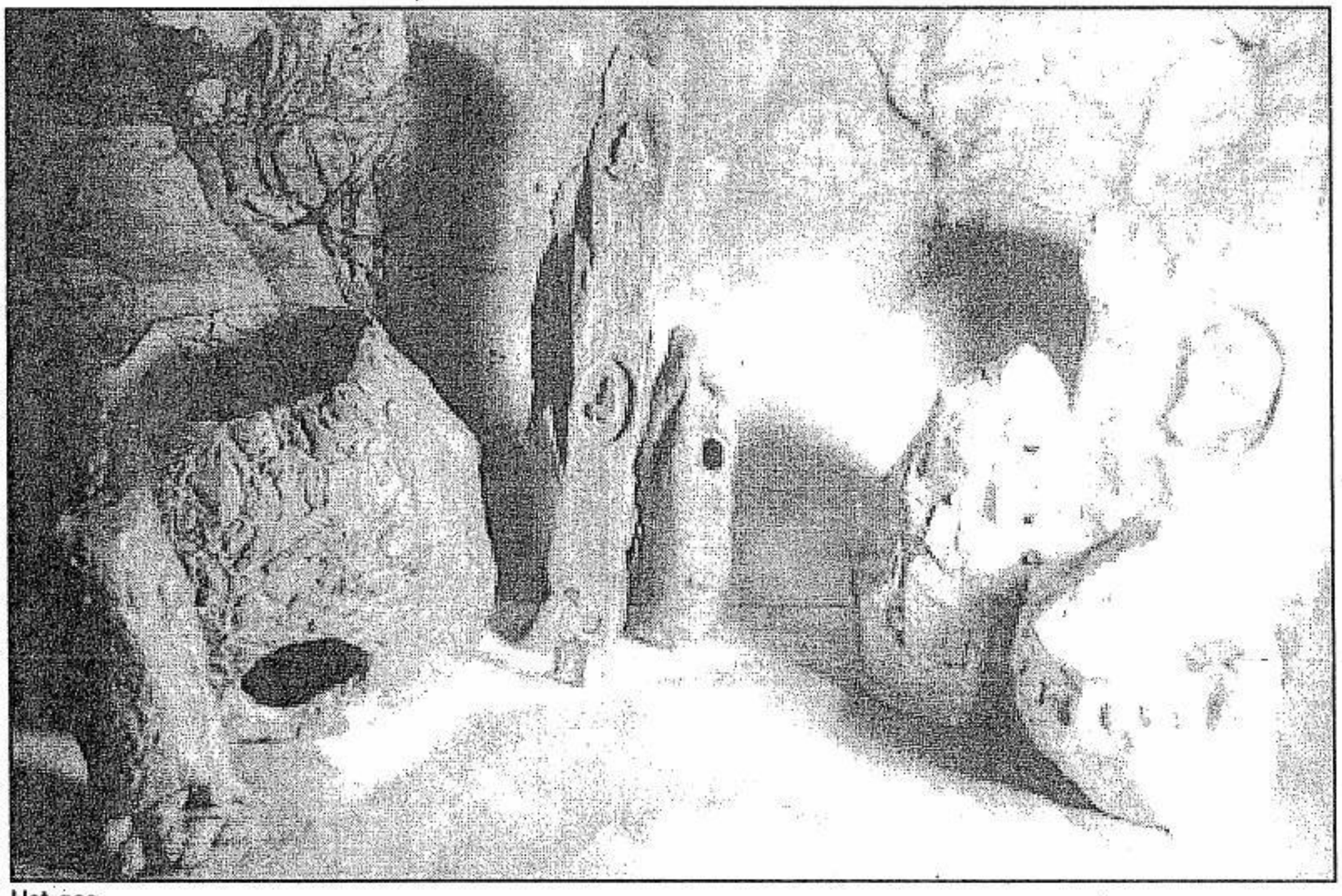

Hạt gạo

thôn làng, *đảng* như lời nói thẳng; tất cả những ý nghĩa tiềm ẩn trong hai chữ Bá và Đảng, tên người nghệ sĩ.

Vật thể *gạo* nơi người nghệ sĩ này, đã được biến thành một sinh thể tâm linh và huyền thoại: gạo đầu lâu, gạo thạp thố, gạo ông Địa, gạo Rùa, gạo Âu Cơ trăm trứng, gạo âm ty, gạo vọng phu, gạo Thành Hoàng, gạo Thổ Công, gạo cá, gạo Bình Than, Diên Hồng, gạo Ngũ Lĩnh, gạo nước, gạo rồng rắn lên mây, gạo tiền sử... Lê Bá Đảng thể hiện *gạo* như một sự tìm về nguyên thủy. Trên đường đi, *gạo* bước qua lịch sử, bước qua truyền thuyết, *gạo* Bá Đảng là gạo sử thi của một dân tộc và qua dân tộc đó, là sử thi của con người.

Những yếu tố gạo ấy, sáng như những ánh tâm linh, đặc như thể chất, rỗng như hư vô, được họa sĩ vận vào phong cảnh Trường Sơn, như muốn nhân hóa thiên nhiên. Biến cõi nhiên giới thành nhân giới: Ông khắc tạc và reo rắc trên Trường Sơn những *hạt gạo* Bá Đảng, tạo nên một Trường Sơn mà nội tâm và ngoại cảnh giao thoa. Trường Sơn mới nổi bật những biến cố lịch sử con người mà Trường Sơn đã mục kích, đã sống từ thuở hồng hoang đến bây giờ. Trường Sơn ấy không chỉ là Trường Sơn thiên nhiên thuần túy, vô hồn, mà đã trở thành một Trường Sơn nhân văn, trùng điệp núi rừng, nặng mang dấu tích con người. Một Trường Sơn có tâm, có ký ức và biểu lộ phần tâm, phần ức của mình cùng suối, đèo, mây, gió, thổ lộ tâm sự của mình với những khách du tìm đến Trường Sơn, không phải như một vật thể đất đá, mà tìm đến Trường Sơn như một linh vật bảo giữ lịch sử và huyền thoại của một dân tộc, để kể lại với vũ trụ và con người.

Mèo

Hội họa Trung Hoa bắt đầu từ Thư pháp (calligraphie). Thư gia nổi tiếng nhất Hoa Trung là Vương Hi Chi, sống khoảng thế kỷ thứ tư, thứ năm trước Tây lịch. Những mộc bản đầu tiên để in ở phương Đông, đã khắc chữ của Vương Hi Chi. Một người tên là Pien Tsai giữ được cuộn giấy có chữ của Vương, Đường Thái Tôn phải dùng mưu để ăn cắp, tương truyền người ấy mất ăn mất ngủ rồi chết.

Chết vì mất chữ. Không phải ngẫu nhiên mà người Trung Hoa coi thư pháp là nghệ thuật chính, nghệ thuật nguyên thủy, bởi chữ của họ dựng lên tự đời. Mỗi chữ là một chân dung hiện tượng mà nó muốn gọi tên: Chữ nhân *vẽ* người, chữ địa *vẽ* đất...

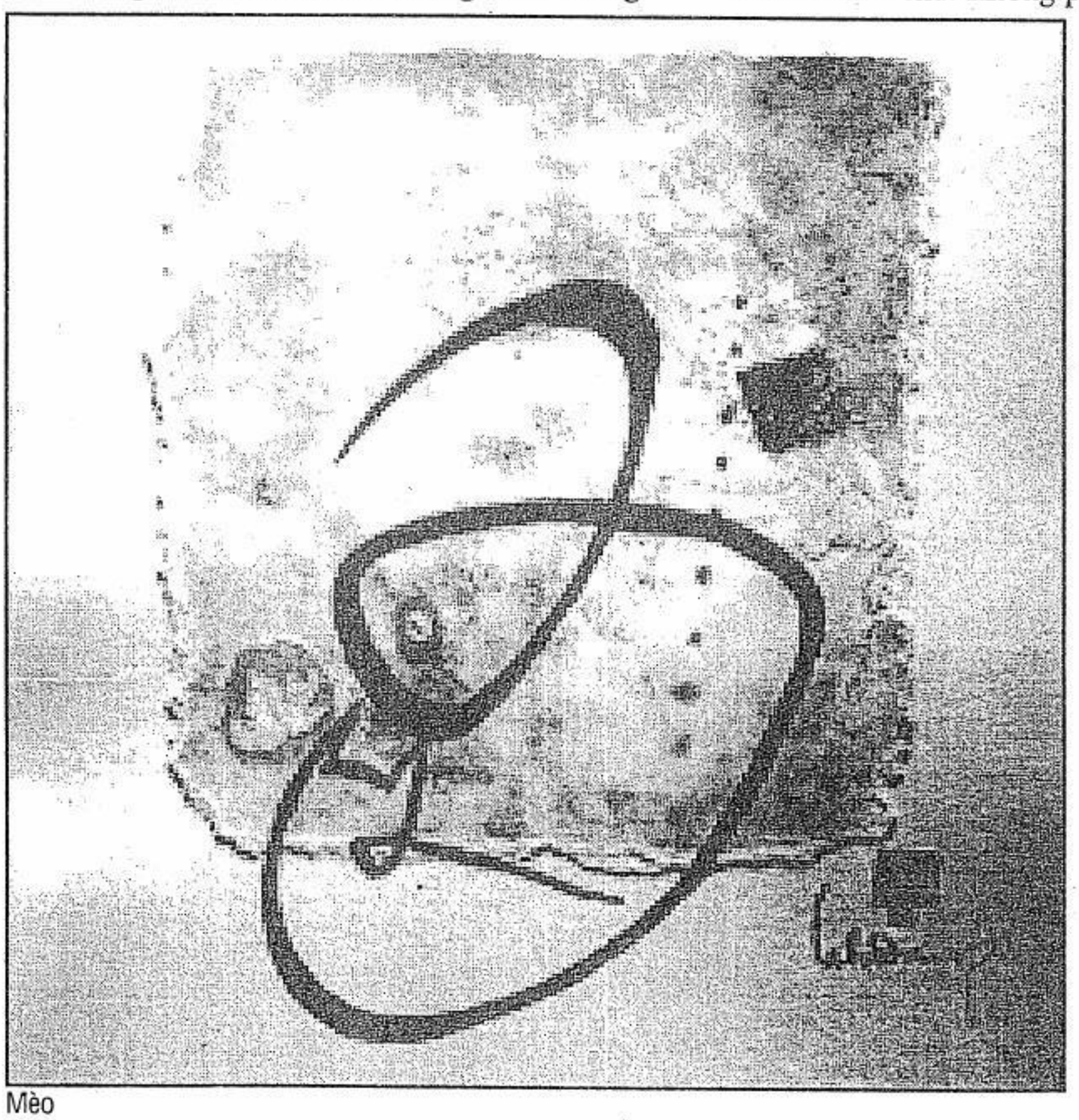

Mèo

Lê Bá Đảng không vẽ chữ, ông lấy vật làm chữ. Tại sao ông lại chọn *Mèo*? Vì hình như *Mèo* có mệnh hệ gắn bó với họa sĩ từ lâu: Mèo là con vật đầu tiên giúp Lê Bá Đảng thành danh (những bức tranh đầu tiên ông vẽ và bán được là những bức tranh mèo). Đối với Lê Bá Đảng.

Mèo không chỉ là nguồn gốc phát xuất một tài năng, một tên tuổi. *Mèo* còn là *chữ ký* của tác giả.

Ông dùng mèo như một ký hiệu thuần túy tự họa. Nét mèo của ông, ở đây là ngôn ngữ, một thứ ngôn ngữ hội họa đầy thư pháp và thi pháp Đông phương, nhưng lại hiện ra như một thứ ngôn ngữ trừu tượng, siêu hình, rất Tây phương. Như dấu ấn hiện hữu của cái có, cái không, của cái hữu hình vô thể trong toàn bộ tác phẩm Lê Bá Đảng. Mèo vừa là chim, vừa là rắn. Mèo là những dấu hỏi: Đảng là ai? Là Tôi, hay là một tiền kiếp, hậu kiếp nào khác? Đảng có hay không? Mèo-Đảng là những dấu hỏi về cuộc đời, về những gì mà ta chưa biết, đã biết. Bởi người nghệ sĩ luôn luôn tự hỏi về mình, đến từ đâu, đi về đâu, như con chim trong nét mèo của ông, đã bay qua khắp nẻo, đo lường không gian, sải cánh thời gian để tìm tòi khám phá chiều sâu của vô tận. Bởi người nghệ sĩ luôn luôn trắc khảo cái đáy lòng người, hiểm sâu như rắn và rộng cao như trời đất.

Ở Lê Bá Đảng, Mèo thể hiện cả chim lẫn rắn. Bay như chim. Bò như rắn. Vũ trụ Mèo do ông tạo ra là vũ trụ người, bám sát đất mà luôn luôn tìm cách vươn cao, ấp mộng bay bổng không gian, tìm kiếm trên thượng tầng không khí một bầu quyển mới. Hỏi có gì? Nơi đó? Mèo thể hiện tính chất mâu thuẫn trong con người. Mèo là chữ ký của nhân sinh. Ký hiệu của cái biết và cái không biết. Ký hiệu của những không tưởng và ảo tưởng, nhưng cũng là ký hiệu của sinh loại: "đầu đội trời - chân đạp đất", vừa thực tiễn, vừa lắt léo trong lòng. Sau cùng và trên hết, những nét Mèo trong Lê Bá Đảng, biểu thể nghệ thuật tạo hình đơn sơ nhất, mộc mạc nhất, không phấn son, không màu sắc, như thể nghệ thuật khởi đi và cũng tìm đến một cõi nguyên khai tuy *không* mà *có*.

Nghệ thuật sắc không

"Sắc tức thị không, không tức thị sắc"

Muôn vàn sự vật, dù mang nhiều hình sắc nhưng chỉ do nhân duyên hòa hợp mà nên. Chúng không có thực thể, chúng rỗng. Vậy cho nên: sắc tức là không mà không tức là sắc.

Sắc hay là thể sắc (Le plein) gồm cả nội sắc lẫn ngoại sắc. Nội sắc gồm những sắc căn hay ngũ căn: năm giác quan của con người: mắt, tay, tai, mũi, lưỡi. Ngoại sắc là những đối tượng mà ngũ căn nắm bắt được như màu sắc, hình tượng, âm thanh, mùi và vị.

Hai yếu tố sắc tướng (Le plein) và hư không (Le vide) vừa đối chất, vừa bổ sung cho nhau. Nghệ sĩ đã nắm bắt cả hai để đem vào tác phẩm.

Đám mây kia? Có hay không? Hay chỉ là muôn vàn hơi nước tích tụ lại? Hơi nước kia? Có hay không? Hay chỉ là sự bốc hơi của nước ở một nhiệt độ nào đó? Nhiệt độ kia? Có hay không? ... tất cả những câu hỏi kia đều vô thường. Lê Bá Đảng dựa trên vô thường để tạo vũ trụ sắc-không của mình qua vật chất và trên mạng lưới điện tử. Vật chất như đất, đá, sắt thép, giúp ông tạo hình; ánh sáng, điện ảnh và điện tử giúp ông biến hình, tác tạo một thứ không gian "ăn" vật chất: Vạn vật bị tan trong một không gian háu đói, mà đen tối là nền. Tóm lại Lê Bá Đảng thể hiện sự vong thân của vật thể: Sắc biến thành không, không "ăn" sắc, trong một không gian mà ông gọi là *Bí mật Lê Bá Đảng*.

Trước hết, hãy nói về *sắc* (le plein). Sắc ở đây được biểu hiện dưới hình thức không tượng mà cũng không tranh: Một vị sư ngồi thiền, nhưng không phải là tượng, vì tượng thì phải đầy, đằng này vị thiền sư rỗng. Sự "rỗng" vừa nói lên chất hư không Đông phương theo nhà Phật, lại nói lên chất hư vô Tây phương trong con người, theo hiện sinh của Sartre, và mở cửa cho khách thưởng ngoạn vào thế giới tưởng tượng của chính mình: Thiền sư còn đó hay đã tịch rồi? Có phải thiền sư hay chỉ là ảo giác? Nghệ sĩ muốn loại hết những yếu tố "thừa" trong tạo vật, trong nhân sinh, để chỉ giữ lại hai cốt lõi: sắc-không.

Với những chất liệu như dây thép, dây vàng, dây gai... Lê Bá Đảng đã tạo ra nhiều hình sắc khác nhau: Nhện giăng tranh, mắt nhện, ngựa vờn, ngựa gió, khỏa thân, ngồi thiền... dây vừa tạo hình thức, vừa làm rỗng nội dung, khiến cho tác phẩm như chứa đựng hư vô trong mình.

Vũ trụ sắc-không như một sự phủ định của tác giả về thế giới nhân sinh mà ông đã tạo ra, như một sự xóa thể, vong thân, nhưng cũng lại là một cao ngạo phi thường của con người, muốn vươn đến cái siêu việt, vô cùng, vô thân, vô thể.

Cõi Dục

Hồn tranh Lê Bá Đảng gọi về cõi giao hoan như một cuộc gặp gỡ nguyên thủy.

Họa sĩ tìm ra một cõi dục, với những dục ảnh, dục tình trong toàn bộ đời sống thiên nhiên tác hợp với con người.

Ông đi từ bối cảnh toàn thể vũ trụ để rẽ về thân xác. Từ thân xác, mổ xẻ những tế bào, những bắp cơ, những mạch tuyến... để khám phá động

tác dục tình. Đối với Lê Bá Đảng, động dục chỉ là một cớ để họa sĩ tạo ra những phức hợp thần bí của đường nét. Dục động ở đây là sự giao hoan phong thủy giữa đài hoa và nhụy hoa, giữa phấn và noãn, giữa thần linh và ác quỷ, giữa đường nét và màu sắc, giữa chữ và nghĩa, giữa gió và mưa... Vị trí giao hoan thay đổi không ngừng như những hoàn cảnh, những thế đứng, thế ngồi, của các đường cong, đường thẳng, trên thân thể và trong cuộc sống... đồng thời cũng là cuộc lạc hoan của những ý niệm, của mình với chính mình, giữa con người và vật thể, con người và thú tính, con người với bóng mình, con người với những giấc mơ.

Lạc hoan ở đây là sự tìm kiếm mà thân xác là một đối tượng nằm trong trời đất. Thân xác là cái đẹp thuần túy mà người nghệ sĩ muốn thể hiện trong tranh, trong tượng, trong những bức tranh-tượng hữu hình vô thể.

Xem tranh Lê Bá Đảng là tìm hồn và xác của cái Đẹp. Khi bạn thấy một bóng, một dáng, một dạng, một mảng ... *người* chen lẫn trong nước, trong trời, trong núi, trong mưa, trong mây, trong cây, trong lá... ấy là bạn đã thấy được "hồn" tranh; bởi dường như họa sĩ đã đem chủ thể hồn mình giấu trong cỏ, cây, mây, nước, dưới những đường nét bí mật của một tha nhân khách thể ngoài mình. Và sự kết hợp tâm-thân giữa hai thực thể *cái-tôi* và *cái-khác-tôi*, chính là cuộc giao hoan thầm kín và thăng hoa nhất giữa tình yêu và nghệ thuật, tạo nên *Cõi Dục Lê Bá Đảng*, như sự nhân hóa cảnh vật trong tâm hồn nghệ sĩ, ở mức độ sâu nhất: thân thể hóa vũ trụ trong cuộc giao hoan nguyên thủy.

Thân xác là con người. Tôi là thân xác tôi như Nietzsche xác nhận. Mục đích của nghệ sĩ là tìm hiểu mọi hiện tượng mà *hiện tượng người* là mục đích tối thượng. Hiện tượng người lại nằm trong thân xác. Bởi vậy nghệ sĩ đã đặt Thân Xác lên địa hạt Thần Linh. Một vị thần linh mà tư tưởng không ngừng khai phá, một đối tượng mà đồng tử tìm mọi khía cạnh để chiếu ánh nghệ thuật.

Hành động thâm sâu và thầm kín nhất của thân xác là giao hoan, một hành cử, hành ngữ tuyệt vời phát xuất từ tình yêu, nhưng cũng lại là một khu rừng cấm bởi bao nhiêu đạo đức, tôn giáo. Phá giới, người nghệ sĩ muốn đặt hoan giao lên đài vẽ, như một hiện tượng đích thực và chính yếu của thân xác, nghệ sĩ phá mọi hàng rào đạo đức xã hội để tìm đến hiện tượng cơ bản của con người trong trạng thái nguyên sơ, khi Adam và Eve nếm trái cấm lần đầu, và con mắt voyeur của Thượng Đế chưa kịp truy lùng sục sạo để cản ngăn và hành tội.

Mắt

Hỡi đôi mắt! Hồ thủy tinh trong suốt
Soi trần gian, địa ngục, vạn đời ma.

Bích Khê

Mắt

Bích Khê hỏi mắt: *Người là ai? Người hỏi người là ai?*

Lê Bá Đảng tìm về *đồng tử*, ngôi thứ hai trong con người. *Con ngươi, chúa tể của mắt (pupille, Christ de l'oeil)* như lời thơ Apollinaire. Từ địa vị chúa tể ấy, con ngươi đã bao trùm lên sinh hoạt con người.

Mắt dưới bút họa Lê Bá Đảng là một thực tế bát quái biến dịch, có khả năng *nói lên* tất cả mà không cần lời. Mắt nơi ông là hành trình tự do và khủng hoảng của con người, vừa tình, vừa tội, vừa đam mê, vừa phản trắc, vừa âm mưu, vừa khốn khổ; mắt xác định cái tôi, mắt là cực lạc mà cũng là âm phủ. Mắt luồn lọt trong khắp mọi không gian, mắt chui xuống các lớp địa tầng, lạc trong lục phủ ngũ tạng để xoi mói, điều tra, mắt vừa là công an, vừa là tử tội.

Mắt, trong Lê Bá Đảng, khơi lên cái không khí Kafka u tối, tuyệt vọng, lừa đảo, đàn áp. Mắt Đảng tượng trưng cho một thế kỷ khốn cùng mà con người khó thoát khỏi bị đàn áp và tự đàn áp. Mắt Đảng nói lên cái không khí khủng hoảng angoisse- trường thiên trong cá nhân thế kỷ, cá nhân bị đặt ống nghe trong phòng khách sạn, cá nhân bị ma ám, quỷ dò... tất cả những trạng huống đó phản ảnh trong ánh mắt hãi hùng, lòng đen chìm trong hố sâu huyền hoặc, đen hơn địa ngục, bàng hoàng hơn nhật thực, tăm tối hơn nguyệt thực.

Mắt loạn là một chủ đề khác trong Mắt Đảng. Một sự loạn thần, nhìn gà hóa quốc, nhìn trăng hóa sao, nhìn trời thấy đất... Lê Bá Đảng vẽ những loạn tưởng, những cuồng hoang bệnh não trong tâm hồn qua ánh mắt. Vẽ những phẫn nộ, những trạng huống hoang tưởng trong thị giới con người.

Mắt Đảng có hai giới tuyến: Mắt và Não. Não được trình bày như những đường tơ song song, hình thức sóng, gợi lại hình ảnh Thượng Đế trong câu tục ngữ Hòa Lan: *"Thượng Đế tiến thẳng với những đường cong."* Tuyến não đồng dạng với tuyến mắt. Đồng tử là trụ hỏa quang, từ đó các làn sóng não thùy xuất phát vừa để tung ra, vừa để phong tỏa các tin tức về trạng thái tâm linh con người.

Lê Bá Đảng trong những bức màu nước thực hiện năm 96, đã làm nổi bật sự giao hòa của thùy não và đồng tử trong các trạng thái khác nhau. Mỗi bức tranh đều là bệ phóng vào những vùng tăm tối của não thùy, vào những âm u của trời đất, của lòng người; bởi ông không chỉ thể hiện *"phần người,"* mà tranh ông, luôn luôn từ người, biến trở sang vũ trụ, hoặc ngược lại từ vũ trụ trở về con người. Mỗi bức tranh tiềm ẩn sự hỗn mang trong tư tưởng, sự loạn thần của cỏ cây mây nước, sự vong thân của con người cầm thú, mắt người, miệng quỷ, tâm phật...

Ở *Mắt Đảng 2000*, sự vong thân của mắt như dữ dội hơn với những bức sơn dầu lớn. Lê Bá Đảng thể hiện diêm cung trong đáy mắt. Một vòng xanh, đen, trầm, lặng, nguy hiểm như đại dương, vô thanh như niết bàn, nhưng cũng ghê gớm như một địa ngục tịch lặng. Các làn sóng não thùy ở đây cũng đã biến đi, tan đi; vùng sóng não, giờ đây, chỉ còn là một mặt bằng, thuần nhất, mặt bằng bích ngọc, lam ngọc, thủy ngọc... như thể tất cả tội ác rồi cũng tan tác, cũng cát bụi, như những kiếp người; trụ lại là những đáy mắt, ngục mắt, trục đồng tử không chết được, không tiêu tan được, đã đọng lại thành những tinh thể, đó là những linh hồn lang thang, không sống được ở cõi này, những cũng không siêu thoát trong cõi khác, bởi chúng đã chứng kiến, chúng đã nhúng tay vào sự hành hạ con người. Bởi chúng là chính con người sinh ra và chết đi, không lối thoát, vì con người vừa là nạn nhân vừa là thủ phạm những tha hóa của chính mình.

Thiền họa

Trong *Thiền Luận*, có một chương Suzuki bàn đến *Trụ xứ của Bồ Tát*, và trong chương này, có chỗ Suzuki nhắc đến câu kinh trong *Bát Nhã Bát Thiên Tụng: "Tâm của Như Lai không trụ bất kỳ đâu, không trụ trên các pháp hữu vi, không trụ trên các pháp vô vi và do đó không hề rời khỏi vũ trụ."* Câu kinh này diễn đạt thuyết *"Tánh không"* trong đạo Phật.

Tôi là gì? Tôi ở đâu? Tôi từ đâu đến? Tôi đi về đâu? Tất cả những câu hỏi này có thể gồm lại thành một: Tự *tánh* của tôi ở đâu? Nghĩa là *trụ xứ*, chỗ trú của tôi ở đâu, do đâu mà tôi dấy lên hành động? Về câu hỏi này, các vị thiền sư có những lời đáp khác nhau.

Thượng Khê Liên khi được hỏi về phong cảnh Thượng Khê, sư đáp: *"Con nước trước mắt chảy về đông."* Thiền sư Minh ở Tương Đàm đáp: *"Núi liền Đại Nhạc, nước tiếp Tiêu Tương."* Thái Khâm ở Kim Lăng trả lời: *"Không vẽ nổi."* (Thiền Luận, Suzuki, quyển hạ). Tất cả những khẩu quyết trên đều nhắc tới *trụ xứ* của Bồ Tát.

Kinh Kim Cương đưa ra một khía cạnh khác của thuyết Tánh không: *"Hãy để cho tâm của người khởi lên mà không cố định nó bất cứ ở đâu."*

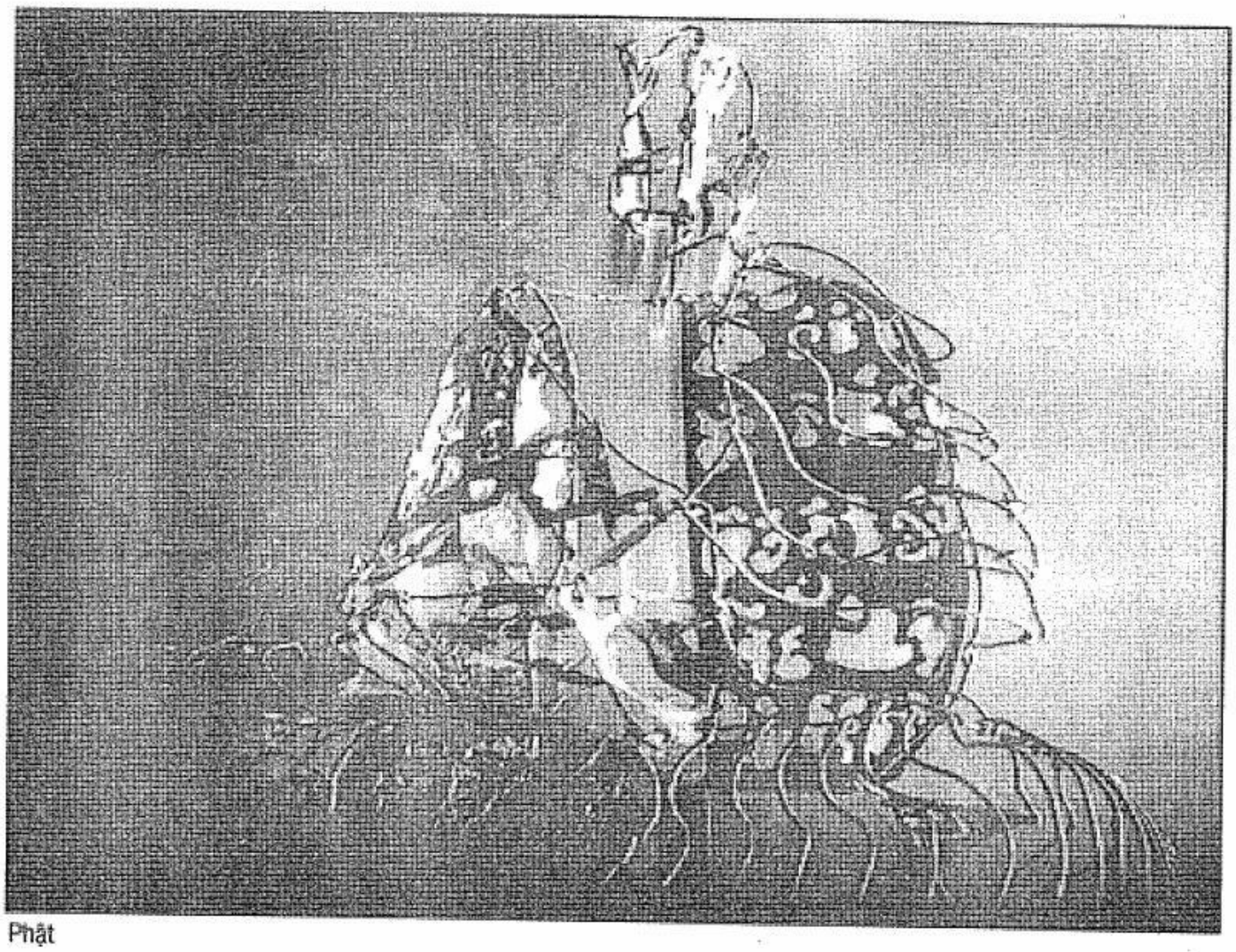

Phật

Lời kinh hàm súc tàng ẩn một ý nghĩa thiết thực: "*dựng tâm mình dậy mà không cố định nó bất cứ ở đâu,*" hay *"làm chủ trọn vẹn chính mình"*.

Hai ba chục bức tranh Phật khổng lồ mà Lê Bá Đảng thực hiện trong một thời gian rất ngắn, như thể trong mỗi sát na giác ngộ, người nghệ sĩ thấy được một Bồ Tát dấy lên từ vô thức để đi vào cõi Tâm không, Tánh không. Nghệ sĩ thể hiện cái *"Tâm không trụ"* của chính mình, tạo ra một cõi thiền riêng Lê Bá Đảng. Ở đây ông đã bỏ rơi hết cả: bỏ đường nét, bỏ màu sắc, chỉ giữ lại một màu xanh nguyên thủy của vũ trụ Tánh không.

Trong lối nói hiện sinh, người ta có thể bảo Lê Bá Đảng vẽ cái hư vô trong con người. Nhưng vẽ gì thì vẽ, Lê Bá Đảng cũng chỉ vẽ chính mình, vẽ cái *trụ xứ* của mình. Một trụ xứ không biết từ đâu đến và sẽ trở về đâu.

Phần *động*, Lê Bá Đảng đã thực hiện với *ngựa*, với *dục*. Và phần *tĩnh*, được ông tạo tác trong *thiền họa*.

Với thiền họa, trụ xứ của Lê Bá Đảng biến đổi khôn lường. Ông vẽ cái tâm, cái tĩnh, trong một thể động không ngừng. Tâm của mỗi vị bồ tát được họa sĩ trình bày trong một vòng tròn, được xác định như trụ xứ của Bồ Tát: Tôi luẩn quẩn giữa vòng tròn mà đường kính là cả chiều dài của sợi dây buộc vào hai cực, một vòng tròn không giới hạn vì đường kính là vô cực, đó là chỗ mà Bồ Tát cư ngụ: *vòng tròn không có tâm điểm cố định.*

Mỗi khuôn mặt Bồ Tát mà Lê Bá Đảng vung lên là một vòng tròn, vừa khép kín lại vừa mở rộng đến vô cùng, bởi nó dấy lên từ một cõi thiên thanh bất tận của trái đất, hành tinh xanh trong vũ trụ đạo.

Mỗi nét mặt là một cõi tâm, một cõi tâm vô tâm, như cái đại dương thăm thẳm của lòng người, thấu những khổ đau, bất hạnh bao la trong trời đất, hoặc dấy lên niềm hạnh phúc của một cực lạc xa xăm.

Với Thiền Họa, Lê Bá Đảng còn muốn tạo một không gian vật chất tan biến trong tinh thần, và tinh thần hòa đạm trong máu xương của vật chất, và để trả lời câu hỏi "Tôi ở đâu," họa sĩ bảo: *Không vẽ nổi*, qua những bức Phật trụ.

Chú thích:

Tranh Lê Bá Đảng trên mạng lưới:
http://lebadang.free.fr
http://perso.club-internet.fr/souh15/

HỌ MẠC VỀ PHƯƠNG NAM

TRẦN GIA PHỤNG

Tương truyền rằng, khi nhà Mạc bắt đầu thất thế trước cuộc phản công của Trịnh Tùng, vua nhà Mạc cho người đến hỏi ý kiến Trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585) nên làm như thế nào trong trường hợp nguy khổn? Ông trả lời rằng: "*Cao Bằng tuy tiểu, khả dung sổ thế* " (Cao Bằng tuy nhỏ, cũng bền thêm được vài đời). Có thể vì ý kiến nầy, sau khi Trịnh Tùng chiếm Thăng Long năm 1592, đa số con cháu nhà Mạc đã chạy lên Cao Bằng và đã trung hưng được một thời gian. Cũng có thể vì sự kiện nầy, người ta ít chú ý đến chuyện con cháu nhà Mạc tiến về phương nam.

1.- Họ Mạc tại Nam Định và cây Thanh Long đao của Mạc Thái Tổ

Sau năm 1592, thân vương Mạc Đăng Thận đem gia quyến cùng 500 quân từ Thăng Long chiếm giữ vùng bãi biển Đồ Sơn (Hải Phòng) được một thời gian, rồi phải lên thuyền, giả làm người đi buôn, bỏ trốn vào cửa Ba Lạt (Giao Thủy, Nam Định), đến định cư thôn Xuân Kiên (tên cũ là Cồn Kiên), ngày nay thuộc huyện Xuân Hùng, tỉnh Nam Định.

Theo gia phả họ Mạc, Mạc Đăng Thận là cháu đích tôn của hoàng tử Mạc Đăng Uyên, con trai thứ của Thái Tổ Mạc Đăng Dung.(1). Đến vùng đất mới, để khỏi lộ tung tích, ông đổi tên là Phạm Đình Trú. (Trong tự dạng chữ Nho, chữ Mạc chuyển sang chữ Phạm, theo nguyên tắc "khử túc bất khử thủ"). (2) Khi rời bỏ Thăng Long, ông đem theo được cây Thanh long đao của Thái Tổ Mạc Đăng Dung. (3)

Con cháu của Mạc Đăng Thận (tên mới là Phạm Đình Trú), về sau có nhiều người ra làm quan với nhà Lê trung hưng, được phong tước hầu (như Vạn Sơn Hầu Phạm Công Phú, Quảng Đình Hầu Phạm Hữu Nhân, Dực Trung Hầu Phạm Công Dực, Dật Sử Hầu Phạm Công Dật), tước bá (như Viên Hùng Bá Phạm Hữu Hoan) và nhiều đời giữ chức tướng quân.

Con cháu họ Phạm càng ngày càng đông nên lại tách ra định cư các xã khác, trong đó chi thứ là Phạm Công Úc đến sống tại làng Ngọc Tĩnh, nay thuộc xã Xuân Hùng, huyện Xuân Thủy, tỉnh Nam Định. Chính chi nầy đã gìn giữ được Thanh long đao của Thái Tổ Mạc Đăng Dung do Mạc Đăng Thận đem theo khi ông vào định cư tại Nam Định. (3) Sau đây là lời mô tả số phận và hình dạng Thanh long đao:

"*Thanh long đao được đem theo về nơi ở mới và thường chôn giấu dưới đất. Đến khi con ông Phạm Đăng Úc là Phạm Đăng Dực làm quan được phong Dực Trung Hầu, mới đào Thanh long đao lên. Đến thời kỳ Phan Bá Vành nổi dậy chống triều Nguyễn,*(4) *ông Phạm Ngọc Tĩnh lại đem Thanh long đao chôn giấu vì sợ Phan Bá Vành lấy. Sau đó, con cháu quên chỗ giấu, cho nên đến đầu thế kỷ* [thứ 20] *nhân sửa ao trước từ đường mà tìm được. Họ Phạm gõ hết han rỉ giữa sáng ra, đem thờ ở từ đường, lại thuê thợ làm một Thanh long đao bằng gỗ, đúng kích thước Thanh long đao đào được.*

"*Năm 1972, cụ Trần Xuân Phẩm, cán bộ Ty Văn hóa Nam Định, đến từ đường họ Phạm, nghiên cứu Thanh long đao nầy. Cụ Phẩm đề nghị gõ hết han rỉ để cân lại. Lần nầy lớp han rỉ quá nhiều vì họ Phạm khi giữa sáng rồi lấy sơn ta phủ lên một lớp. Thanh long đao cân lại năm 1972 là 25,6 kí lô.*

"*Thanh long đao hiện nay còn được bảo quản ở từ đường họ Phạm, thôn Ngọc Tĩnh, xã Xuân Hùng, huyện Xuân Thủy. Thanh long đao hiện đo được chiều dài 2,55 m. (phần lưỡi 0,95 m., phần cán 1,60m.) Cán bằng thép rỗng, lưỡi đao có cây chạy suốt trong cán, có đinh chốt. Ở gần đốc cán đao, một hình đầu rồng, đúc bằng đồng thau, che chỗ lưỡi đao tiếp vào cán phía dưới, thay cho khâu đao.*" (5)

2.- Họ Mạc tại Thanh Nghệ Tĩnh

Theo sách *Tộc phả họ Thái (gốc họ Mạc) làng Ngọc Lâm, xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh*, sau năm 1592, ba hoàng tử (cùng cha cùng mẹ) của vua Tuyên Tông Mạc Phúc Nguyên (trị vì 1546-1561) với bà Đặng Thị Xuân là Mạc Mậu Giang (con trai thứ 14), Mạc Đăng Bình (con trai thứ 15) và Mạc Đăng Lương (con trai thứ 16)

chạy vào Thanh Hóa, xuống Nghệ An và Hà Tĩnh, đổi sang thành nhiều họ: Hoàng, Thái, Phan, Hồ, Bùi, Phạm, Nguyễn. (6)

Trong ba hoàng tử nhà Mạc trên đây, Mạc Mậu Giang thi đỗ hoàng giáp (tiến sĩ), giữ chức thượng thư bộ Lại và bộ Binh dưới triều vua Mạc Mậu Hợp, tước Kim Tử Vinh Lộc đại phu Minh Quang Hầu. Khi vào Nghệ An, ông vừa dạy học vừa làm nghề xem địa lý, lấy hiệu là Ngũ Phương địa sư, lúc đầu lập nghiệp ở xã Hưng Lập (nay là Quỳnh Lập, huyện Quỳnh Lưu), sau dời dần đến xã Quan Triều (nay là xã Kiên Thành, huyện Yên Thành). Ông có năm vợ, trong đó bà vợ thứ tư họ Phan, sinh ra Phan Huyền Nhai. (7)

Tính từ đời Phan Huyền Nhai trở xuống, người cháu đời thứ 15 của ông nầy là Phan Đăng Lưu (1902-1941). (7) Ông Lưu là người xã Tràng Thanh, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An, phụ trách Xứ ủy Nam Kỳ của đảng Cộng Sản Đông Dương, bị Pháp bắt năm 1940 khi chuẩn bị cuộc nổi dậy ở Nam Kỳ. Ông bị xử tử hình năm 1941 tại Gia Định. (8)

Ngoài ra, tác giả Hoàng Lê, người chủ biên bộ *Mạc thị thế phả hợp biên*, trong bài viết "Truyền thống họ Mạc trong lịch sử dân tộc" (9) do ông trình bày nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ 458 ngày Mạc Thái Tổ băng hà năm 1999 tại làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, tỉnh Hải Dương, còn cho biết Phạm Hồng Thái (1895-1924) tên thật là Phạm Thành Tích, người đã ném bom ám sát hụt toàn quyền Đông Dương là Martial Merlin, ở Quảng Châu năm 1924, là con cháu họ Mạc tại Nghệ An cũng thuộc nhánh Mạc Mậu Giang.

Con cháu của vị hoàng tử thứ 15 của Tuyên Tông Mạc Phúc Nguyên là Mạc Đăng Bình (em của hoàng tử Mạc Mậu Giang) đến khai khẩn khu rừng thuộc tổng Hoa Lâm, huyện La Sơn, tỉnh Hà Tĩnh, đổi qua họ Thái, lập thành làng Thụy Lâm, xã Hoa Lâm, ngày nay là làng Ngọc Lâm, xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh. Một trong những hậu duệ của nhánh họ nầy khá nổi tiếng trong văn học thời tiền chiến, đời thứ 18 kể từ hoàng tử Mạc Đăng Bình, là thi sĩ Thái Can (1910-1998). (10)

3.- Họ Mạc tại Thuận Hóa

Một trường hợp khác được sớm ghi nhận là Mạc Cảnh Huống và Mạc Thị Giai. Theo *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, quyển 1 viết về hậu phi của các chúa Nguyễn, mục "Hy Tông Hiếu Văn hoàng hậu", viết: "*Bà họ Nguyễn (cần án xét trước là họ Mạc, sau đổi họ Nguyễn). Tiên tổ là người huyện Nghi Dương tỉnh Hải Dương. Bà là trưởng nữ Khiêm Vương Mạc Kính Điển. Khi Kính Điển bị bại vong, bà theo chú là Cảnh Huống đem gia quyến vào Nam, ẩn ở chùa Lam Sơn, nhân đó nhập tịch ở Quảng Trị. Nguyễn Ngọc Dương, vợ của Cảnh Huống, là dì ruột Hy Tông hoàng đế* [tức Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên, cầm quyền ở Đàng trong 1613-1635], *nhân tiến bà vào hầu chúa ở nơi tiềm để...*" (11)

Theo *Mạc thị thế phả hợp biên* (Hà Nội, 1988), Khiêm Vương Mạc Kính Điển là con của Thái Tông Mạc Đăng Doanh. Mạc Đăng Doanh có tất cả bảy người con trai, Phúc Hải con đầu, Kính Điển thứ ba. Kính Điển là một danh tướng của nhà Mạc. Năm 1579, Mạc Kính Điển cầm quân vào đánh huyện Hà Trung (Thanh Hóa), bị tướng của Trịnh Tùng là Lê Huấn đẩy lui, rút về Thăng Long rồi từ trần. Rất tiếc gia phả ngày trước thường chỉ ghi lại phần con trai mà ít ghi lại phần con gái, nên không kiểm chứng được thứ bậc của bà Mạc Thị Giai trong hoàng gia nhà Mạc. Dầu sao, khi *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, một bộ sử nhà Nguyễn, viết rằng bà hoàng hậu của nhà Nguyễn gốc họ Mạc, ắt hẳn không có ẩn ý gì để viết sai sự thật lịch sử. Đối với các chúa Nguyễn và vua Nguyễn, nhà Mạc là địch thủ. Vào thời kỳ nhà Lê bắt đầu trung hưng, nhà Mạc chống nhau với Nguyễn Kim (1468-1545), ông nội của Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên (cầm quyền ở Đàng trong từ 1613-1635). Chính tướng nhà Mạc là Dương Chấp Nhất đã trá hàng và đầu độc giết chết Nguyễn Kim năm 1545. Đứng trên quan điểm quân chủ, nhà Nguyễn xem nhà Mạc là "ngụy triều". Do hai lẽ đó, việc ghi nhận một hoàng hậu của họ là con cháu của "ngụy triều" chẳng ích lợi gì cho những sử quan cũng như cho nhà Nguyễn.

Cũng theo *Mạc thị thế phả hợp biên*, trong số bảy người con trai của Mạc Đăng Doanh, không có ai tên là Mạc Cảnh Huống. Vậy có thể sách nầy do con cháu đời sau sao chép bị thiếu vì việc thay tên đổi họ không rõ ràng trong thời buổi loạn ly; hoặc vì khi Cảnh Huống vào Thuận Hóa theo Nguyễn Hoàng, họ Mạc ở ngoài Bắc không muốn ghi nhận sự kiện nầy; hoặc có thể Cảnh Huống không phải là em ruột của Kính Điển mà là em họ của Kính Điển.

Do sự sắp đặt của Mạc Cảnh Huống, bà Mạc Thị Giai về làm vợ Sãi Vương Nguyễn Phúc

Nguyên. Con trai của Mạc Cảnh Huống là Mạc Cảnh Vinh, kết hôn với Nguyễn Phúc Ngọc Liên, trưởng nữ của Sãi Vương Nguyễn Phúc Nguyên. Từ đây, Mạc Cảnh Vinh cải danh thành Nguyễn Hữu Vinh. (11) Như vậy một nhánh của họ Mạc, khi vào Thuận Hóa, đã đổi qua họ Nguyễn Hữu ngay từ đầu thế kỷ 17, khi Mạc Kính Vũ còn cầm quyền ở Cao Bằng. (Theo tài liệu viết tay về danh sách những người đại diện gia tộc các họ phát xuất từ họ Mạc, một phái hệ con cháu Mạc Cảnh Huống hiện sinh sống tại huyện Duy Xuyên, tỉnh Quảng Nam, và tại Thủ Đức, gần Sài Gòn).

Ngoài ra, tại Huế, được biết còn có con cháu họ Huỳnh sinh sống tại vùng Phủ Cam, tự nhận là con cháu họ Mạc, khi từ ngoài Bắc vào Thuận Hóa đổi ra họ Hoàng, nhưng vì kỵ huý ông Nguyễn Hoàng, nên đổi thành họ Huỳnh. (12)

4.- Họ Mạc tại Nam Ngãi

Một trong những dòng họ sớm nổi tiếng ở Quảng Nam là họ Hoàng tại làng Xuân Đài, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn (nay là huyện Điện Bàn), nhất là từ khi tổng đốc Hoàng Diệu tử tiết năm 1882 khi Pháp đánh chiếm thành Hà Nội do ông trấn nhậm.

Vị sáng tổ tộc Hoàng làng Xuân Đài là ông Huỳnh Văn Phổ (1572-1679). *Gia phả tộc Huỳnh (Hoàng) Xuân Đài*, ấn hành lần thứ nhất năm 1972, bổ túc và ấn hành lần thứ nhì năm 2000 (khổ giấy lớn, dày gần 1.000 trang), đều đăng "Lời trình bày" của "Hội đồng phụng tu gia phả của tộc," nguyên bản chữ Nho, đề ngày 6 tháng 2 năm Tự Đức thứ 34 (tức 5-3-1881) đã được dịch ra chữ Quốc ngữ như sau: "*Ông Thủy tổ của tộc chúng ta* [Huỳnh Văn Phổ] *nguyên xưa là người làng Huệ Trù (nay là Lộc Trù), huyện Minh Chánh (nay là huyện Quang Minh) phủ Nam Sách sau đổi là đạo Hải Dương (nay là tỉnh Hải Dương) tìm đến tỉnh, phủ, huyện, châu nầy khai khẩn đất ruộng lập nên cơ nghiệp lưu hạ đến nay đã hơn 10 đời. Theo lời truyền lại, thuở đó ông Thủy tổ của chúng ta khi di cư vào Nam có cùng đi với người anh họ là ông Huỳnh Văn Điển, hai ông cùng đến một lần, lập nghiệp tại làng Đông Bàn...*" (13)

Về phần thuật nghiệp ông thủy tổ Huỳnh Văn Phổ, sách gia phả nầy chép: "*Nguyên trước ông có khai khẩn đất ruộng tại làng Đông Bàn, sau thấy làng Xuân Đài ruộng đất phì nhiêu, lại bỏ hoang rất nhiều, ông bèn lên đó ở. Ông lập trại ở xứ Nguyệt Đài, khai khẩn canh tác, đắp đập nuôi vịt, làm cá, lần hồi dư dả giàu có. Thường ngày ông hay qua lại nhà ông họ Huỳnh, người anh cùng họ ở làng Đông Bàn để thu hoa lợi nơi đất ông đã khai khẩn khi trước. Bà chánh thất và kế thất đều đã qua đời. Lúc về già, ông cô thân đau ốm, bà con ở làng Đông Bàn thường vãng lai chăm nom, thang thuốc. Nhưng lần lần bệnh càng nặng, bà con bèn đem ông về Đông Bàn để tiện bề chăm sóc. Sau vài tháng thì ông mất nên táng tại làng Đông Bàn.*" (13)

Như thế, sách *Gia phả tộc Huỳnh (Hoàng) Xuân Đài* hoàn toàn không đề cập gì đến xuất xứ của tộc họ Huỳnh nầy ở ngoài Bắc, giai đoạn trước khi ông thủy tổ Huỳnh Văn Phổ vào Nam lập nghiệp. Khi vào Quảng Nam, ông Huỳnh Văn Phổ đi với ông Huỳnh Văn Điển, cùng đến ngụ cư tại làng Đông Bàn trước, rồi ông Huỳnh Văn Phổ mới tách ra đến làng Xuân Đài. Một chi tiết đáng chú ý trong đoạn gia phả nầy là khi về già và bệnh tật, ông Phổ về làng Đông Bàn để được chăm sóc và từ trần tại đây. Điều nầy có nghĩa là liên hệ thân tộc giữa ông Phổ và ông Điển rất khăng khít, có thể là anh em ruột, hoặc có thể có một mối liên hệ hết sức thân tình, ông Phổ mới về làng Đông Bàn dưỡng bệnh rồi qua đời, chứ không ở lại làng Xuân Đài mà chết. Nếu thế, tại sao gia phả tộc Hoàng làng Xuân Đài chỉ nói rằng hai ông là anh em trong họ mà thôi?

Tài liệu gia phả ông Huỳnh Văn Điển, tại làng Đông Bàn, mở đầu như sau: "*Thủy tổ khảo cáo thụ đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc thụy Trung Phấn Huỳnh quý công / Tiên đệ nhất thế tổ khảo Huỳnh quý công húy Điển tự Thường Pháp phủ quân / Đệ nhị thế tổ Huỳnh quý công húy Trực tự Trung Chánh phủ quân ...*" (Vị thủy tổ được bố cáo làm Phụ quốc thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc, quý công họ Huỳnh, tên thụy là Trung Phấn / Vị tổ khảo đầu tiên đời thứ nhất [ở Đông Bàn], quý công họ Huỳnh tên là Điển, phủ quân tự là Thường Pháp / Vị tổ đời thứ nhì [ở Đông Bàn], quý công họ Huỳnh tên là Trực, phủ quân tự là Trung Chánh...) (14)

Lời mở đầu nầy cho thấy ông Huỳnh Văn Điển, ông tổ đời thứ nhất của họ Huỳnh ở làng Đông Bàn (Quảng Nam), là con cháu của vị thủy tổ làm đến chức "Phụ quốc Thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc," tên thụy là Trung Phấn. (15) Câu mở đầu nầy có hai chi tiết đáng chú ý: thứ nhất chỉ cho biết ông thủy

tổ làm đến chức "Phụ quốc Thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc" mà không cho biết ở đâu và làm quan với triều đại nào? Thứ hai, câu nầy cho biết ông thủy tổ tên thụy là Trung Phấn mà không cho biết tên thật.

Chức "Phụ quốc Thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc" là một chức vụ rất lớn, không phải ở các địa phương, mà phải ở triều đình trung ương. Theo gia phả của họ Huỳnh ở làng Xuân Đài, thì ông tổ đời thứ nhất họ Huỳnh ở Xuân Đài, ông Huỳnh Văn Phổ, sinh năm 1572. Cũng theo gia phả nầy, ông Phổ là em họ của ông tổ đời thứ nhất họ Huỳnh làng Đông Bàn, tức ông Huỳnh Văn Điển. Vậy ông Điển cũng khoảng tuổi đó, nếu không muốn nói lớn hơn. Năm 1572 là năm Mạc Mậu Hợp (trị vì 1562-1592) đang cai trị ở Thăng Long, Lê Anh Tông (trị vì 1556-1573) đang ở Thanh Hóa với Trịnh Tùng (cầm quyền từ 1556-1623), và Nguyễn Hoàng đang đóng dinh ở làng Trà Bát, huyện Vũ Xương (Quảng Trị ngày nay).

Như thế vị thủy tổ làm "Phụ quốc Thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc" ở triều đình trung ương lúc đó, không thể đứng về phía vua Lê hay chúa Trịnh, vì nếu về phía nầy, con cháu của ông đã không bỏ vào Nam cày ruộng, mà phải ở lại Thanh Hóa để chiến đấu giúp vua Lê, hay ít nhất cũng giữ một chức quan nhỏ nào đó. Vị đại quan nầy cũng không đứng về phía họ Nguyễn ở Thuận Hóa, vì nếu thế con cháu sẽ ở lại Thuận Hóa chứ không vào Quảng Nam, và gia phả sẽ ghi rõ họ tên, niên đại của vị thủy tổ để lập công với nhà Nguyễn, chứ không phải chỉ ghi tên thụy.

Vậy vị đại quan nầy phải là người thuộc về triều đình nhà Mạc ở Thăng Long, một triều đại tử thù với nhà Lê và họ Trịnh, và cũng đối nghịch với Nguyễn Hoàng ở Thuận Hóa. Nhà Mạc chấm dứt cai trị ở Thăng Long khi Trịnh Tùng cầm quân từ Thanh Hóa ra đánh chiếm thành nầy vào năm 1592 rồi sau đó bắt giết vua Mạc Mậu Hợp. Từ đó, con cháu họ Mạc bị họ Trịnh truy đuổi phải ly tán đi khắp bốn phương trời.

Chỉ với lý do duy nhất nầy, mới có thể giải thích được vì sao con cháu của một vị "Phụ quốc Thượng tướng quân kiêm Cẩm phủ vệ Đô ty chỉ huy sứ Tả kỳ Đô đốc," bậc đại quan quyền uy giàu sang cao cấp ở triều đình trung ương, mới đến đất Quảng Nam xa xôi, hẻo lánh và chưa

TRẦN MỘNG TÚ

Mùa Xuân

Đặt một cành khô trên trang giấy
Em biết mùa Đông vẫn quanh đây
Hôm qua ai nói Xuân và Tết
Hình như gió thổi mạnh sáng nay

Em đi trong gió khăn và áo
Bay ngược câu thơ mỗi bước chân
Làm sao trừ được thời gian nhỉ ?
Làm sao mà từ chối mùa Xuân ?

Nhìn kỹ đi anh mầm xanh mọc
Trên cành khô run rẩy vườn đêm
Nhặt hộ cho em sợi tóc trắng
Đang theo Xuân về với tuổi em

Sáng nay có một bông hoa nở
Em tiếc mùa Đông sắp đi xa
Tuyết mỏng đang tan trên đỉnh núi
Những con chim én xuống hiên nhà

Em biết mùa Xuân muốn trở lại
Vòng xoay vũ trụ một cơn mê
Em ước tuổi mình như pháo đỏ
Người quên không đốt lúc xuân về.

Xuân Nhâm Ngọ

được khai phá, vùng địa đầu biên giới Đại Việt lúc đó, để lập nghiệp với hai bàn tay trắng. Như thế, hai ông Huỳnh Văn Điển và Huỳnh Văn Phổ chắc chắn vào Quảng Nam sau khi Trịnh Tùng chiếm Thăng Long năm 1592.

Hơn nữa, vị "Phụ quốc thượng tướng quân Kim cẩm phủ vệ Đô tư chỉ huy sứ Tả kỳ đô đốc" mà gia phả tộc Huỳnh làng Đông Bàn ghi lại mà không dám nêu tên, có thể chính là một trong những nhân vật trong vòng thân tộc của họ Mạc, nên khi ghi vào gia phả, vì lý do chính trị, con cháu họ Huỳnh làng Đông Bàn mới không dám đề tên thật?

"Hội đồng phụng tu gia phả của tộc" nhánh Hoàng Diệu cũng lâm vào hoàn cảnh tương tự. Hội đồng nầy bắt đầu soạn lại gia phả vào năm Tự Đức thứ 34 tức năm 1881. Lúc đó, Hoàng Diệu đang là một vị đại quan trong triều đình nhà Nguyễn. Như trên đã viết, nhà Nguyễn xem nhà Mạc là "ngụy triều". Phải chăng vì lý do nầy mà những nhà soạn gia phả họ Huỳnh làng Xuân Đài tránh không viết đến nguồn gốc họ Mạc của mình để khỏi gây ảnh hưởng xấu đến Hoàng Diệu và gia đình? Và phải chăng vì họ Huỳnh làng Đông Bàn đã hé lộ chức vụ của vị thủy tổ của mình ở ngoài Bắc, nên những nhà soạn gia phả họ Huỳnh làng Xuân Đài viết rằng giữa ông Huỳnh Văn Phổ và ông Huỳnh Văn Điển chỉ là anh em họ mà thôi, để tránh phải liên lụy nếu bất ngờ xảy ra, trong khi thật sự liên hệ giữa hai ông tổ của họ có thể khăng khít hơn nhiều?

Một điều đặc biệt nữa là gia phả họ Hoàng ở tổng Cấn Xá, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây cho biết rằng: "*Các cụ tổ trong họ vẫn thường dặn con cháu nhớ lấy họ ta gốc là họ Mạc, bộ thảo đầu của chữ Hoàng (viết chữ Hán) là dấu tích để lại.*" Sách nầy chép tiếp: "*Mũ lọng vua ban cho cụ Hoàng Kim Giám vốn làm quan và tử trận ở huyện Yên Lãng. Con cụ là Hoàng Kim Bảng vẫn trân trọng giữ gìn.*"(16) Câu văn nầy nhắc đến hai nhân vật là Hoàng Kim Giám và Hoàng Kim Bảng.

Trong gia đình, Hoàng Diệu (1829-1882) còn có tên là Hoàng Kim Tích. Ông lại có hai anh em ruột cũng có tên là Hoàng Kim Giám (1826-1859) và Hoàng Kim Bảng (1836-1885). Vậy các ông Giám và Bảng của tỉnh Sơn Tây kể trên có liên hệ gì đến các ông Giám và Bảng ở tỉnh Quảng Nam thuộc gia đình Hoàng Diệu hay không? Trong đoạn văn trên còn có một yếu tố cần lưu ý là Hoàng Kim Giám "*tử trận ở huyện Yên Lãng*". Huyện Yên Lãng dưới thời nhà Nguyễn thuộc địa phận tỉnh Sơn Tây, gần Hà Nội. Điểm đặc biệt là sử sách không có ghi lại một nhân vật lịch sử nào là Hoàng Kim Giám tử trận ở huyện Yên Lãng mà chỉ nói đến việc Hoàng Diệu tử tiết ở Hà Nội. Vậy câu văn trong gia phả tộc Hoàng ở Sơn Tây có dính dáng gì đến Hoàng Diệu hay không? Phải chăng vì sợ ảnh hưởng cho Hoàng Diệu mà các cụ tổ họ Hoàng ở tổng Cấn Xá, huyện Quốc Oai, tỉnh Sơn Tây đã cẩn thận đổi tên người tử trận là Hoàng Kim Giám vì ông Giám đã từ trần từ 1859 (hơn 20 năm trước khi Hoàng Diệu tuẫn tiết), và đổi luôn cả địa danh xảy ra sự kiện?

Câu hỏi nầy được ông Hoàng Lê trả lời trong bài thuyết trình năm 1999 tại làng Cổ Trai, xã Ngũ Đoan, huyện Kiến Thụy, nhân dịp lễ kỷ niệm lần thứ 458 ngày Mạc Thái Tổ băng hà. Sau khi nghiên cứu các bộ gia phả các họ phát tích từ họ Mạc, ông Hoàng Lê đã xác nhận gia đình Hoàng Diệu thuộc dòng dõi họ Mạc. (17) Ý kiến của ông Hoàng Lê là một phát hiện đặc biệt liên hệ đến một triều đại và một nhân vật lớn trong lịch sử, cần được những người trong các tộc Hoàng ở Quảng Nam cũng như ở Hải Dương, nghiên cứu để làm sáng tỏ thêm.

Trong khi đó một nhánh họ Huỳnh khác tại Quảng Nam đã ghi lại con đường đưa đẩy gia đình mình từ họ Mạc qua họ Huỳnh. Theo gia đình nầy, sau biến cố 1592 (Trịnh Tùng về Thăng Long, truy đuổi họ Mạc), một nhánh con cháu họ Mạc chạy vào Nghệ An, đổi thành họ Nguyễn Phương (trong chữ Nho, chữ "Nguyễn" không có bộ "thảo" trên đầu, nhưng chữ "Phương" lại có bộ "thảo" đầu) theo nguyên tắc "khử túc bất khử thủ" ("bỏ chân không bỏ đầu"). (18) Đây có thể là nhánh của hoàng tử Mạc Mậu Giang kể trên. Theo sách *Mạc thị thế phả hợp biên*, bà vợ đầu của Mạc Mậu Giang họ Ngô sinh ra Mạc Phúc Tửu. Con ông Mạc Phúc Tửu tên Danh, đổi qua họ Nguyễn Phương và có tên là Nguyễn Phương Danh. (19)

Đến thế kỷ 19, một người trong dòng họ Nguyễn Phương (gốc họ Mạc) là Nguyễn Phương Trứ còn gọi là Nguyễn Phương Giai, người xã Đại Đồng, tổng Đại Đồng, huyện Nam Đàn, phủ Anh Sơn, tỉnh Nghệ An, di chuyển vào tỉnh Quảng Trị khoảng năm 1850, cư ngụ tại thôn Mộc Ân, xã Diên Sanh, huyện Hải Lăng, phủ Triệu Phong. Sau khi sinh sống tại đây một thời gian, ông Trứ tiếp tục đi vào Quảng Nam năm 1855, cư ngụ tại

thôn Nam Giác, xã Phú Triêm, tổng An Nhơn, huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn.

Cháu nội của ông Nguyễn Phương Trứ là Nguyễn Phương Huệ, mồ côi cả cha lẫn mẹ rất sớm, phải nhờ một người cô nuôi nấng. Bà cô nầy lấy chồng ở xã Phước Kiều, gần xã Phú Triêm, cùng tổng An Nhơn huyện Diên Phước, nên ông Nguyễn Phương Huệ cũng di chuyển theo sinh sống tại đây.

Ông Huệ chỉ là dân ngụ cư tức là dân ngoại tịch, chứ không phải dân chính thức là dân nội tịch của xã Phước Kiều. Lớn lên, ông Huệ phải xin nhập tịch để trở thành dân nội tịch mới được chia đất cày cấy, tiếng địa phương lúc đó gọi là "vào trục", thì bị trở ngại vì bốn họ lớn của xã là "nhất Dương, nhì Nguyễn, tam Lê, tứ Trần" đều cho rằng nhân số trong tộc của họ quá đông rồi, nên họ không chấp nhận những người ngoại tịch thuộc một trong bốn họ trên đây vào sổ tộc họ nữa. Do đó, muốn trở thành dân nội tịch xã Phước Kiều, ông Huệ phải đổi từ họ Nguyễn qua họ Huỳnh (họ Huỳnh viết theo chữ Nho trên có "bộ thảo"); đồng thời ông Huệ cũng đổi tên thành Quá ("quá" có nghĩa là "sang", "qua"); nghĩa là Nguyễn Phương Huệ lúc đó trở thành Huỳnh Quá (có nghĩa la người "đổi qua họ Huỳnh"), ông mới được nhận làm dân nội tịch xã Phước Kiều. Từ đó, nhánh họ Huỳnh nầy sinh sống tại xã Phước Kiều cho đến nay. (20)

Khi Thái Tông Mạc Đăng Doanh lên ngôi năm 1530, nhà vua cử hai em là Khang Vương Mạc Nhân Phủ vào cai quản Thuận Hóa và Quảng Vương Mạc Quang Khải trấn nhậm Quảng Nam. Hai ông nầy là con thứ tư và thứ năm của Thái Tổ Mạc Đăng Dung. Sau khi nhà Mạc thất bại, hai ông rút vào miền nam của Quảng Nam lúc đó, đổi thành họ Huỳnh và Huỳnh Đăng, mở mang đất đai, khẩn hoang, lập ấp, tại các vùng nay thuộc An Ba (huyện Nghĩa Hành), Tập Ba và An Trương (huyện Đức Phổ) tỉnh Quảng Ngãi. Do công lao khẩn hoang của các ông, thời vua Gia Long (trị vì 1802-1819), triều đình đã sắc phong chung hai ông như sau: "*Tiền khai khẩn - Đặc tiến Phụ quốc Thượng tướng quân Huỳnh quốc công - Dực bảo Trung hưng Linh phù tôn thần.*" (21)

Từ Quảng Nam, địa đầu Nam tiến, con cháu họ Mạc theo dòng người di chuyển về phương Nam, tiến vào châu thổ sông Cửu Long, nhưng có lẽ nhờ đã đổi họ nhiều lần, trải qua nhiều đời, tông tích đã được giấu kín, và cũng do chế độ chính trị đã thay đổi khi người Pháp đến, nên từ đây ít nghe nói đến về việc con cháu họ Mạc đổi thêm ra các họ khác.

Hiện nay, sau một thời gian dài chiến tranh tàn phá, tình hình đất nước lại càng ngày càng suy đồi, dân chúng mất niềm tin trước tương lai, nên cùng nhau quay về tìm kiếm sự an bình và hạnh phúc trong tinh thần gia tộc. Do đó, trong nước hiện có phong trào tìm lại nguồn gốc gia đình, làm lại từ đường, viết lại gia phả dòng họ, truy tìm bà con.

Riêng con cháu họ Mạc tuy tản mát khắp nước, đã tìm lại được với nhau nhờ những tín hiệu riêng về gốc gác của mình, nhất là nhờ nguyên tắc "khử túc bất khử thủ." Chắp nối các gia phả rời rạc, con cháu họ Mạc đã vẽ lại toàn đồ lộ trình của tổ tiên theo chiều dài của lịch sử dân tộc, từ những cuộc di cư của tổ tiên xa xưa ở phương Bắc xuống châu thổ Hồng Hà; đến sự tham gia tích cực vào thời kỳ chính quyền trung ương mới được củng cố dưới triều đại nhà Lý; xoay chuyển thời cuộc trong giai đoạn đại loạn vào cuối đời nhà Hậu Lê, lập nên một triều đại mới; và phân tán đi khắp bốn phương trời khi nhà Lê trung hưng, cải danh thành nhiều họ khác; đã đóng góp công sức bảo vệ đất nước dưới triều đại nhà Nguyễn; cho đến khi đất nước bị phân chia nam bắc lần nữa sau hiệp định *Genève* năm 1954, con cháu họ Mạc ở Bắc Việt cũng như ở Nam Việt đều tích cực đóng góp cho chính thể của mình. Cuối cùng, bà con hai phía, dầu đã từng đối đầu về chính trị, cũng tìm về nhau trong tình huyết tộc gia đình.

Con cháu các dòng họ phát nguyên từ họ Mạc cùng nhau ôn lại hành trình của gia tộc để tìm về nguồn gốc tổ tiên là một việc làm đáng quý trong việc duy trì và phát huy tình cảm gia tộc. Gia đình là đơn vị căn bản của xã hội và bảo đảm sự tồn tại của xã hội trước những phong ba bão táp của thời cuộc. Trong cuộc sống, đôi khi những người trong cùng một dòng họ, cùng một gia đình, nhưng vì những hoàn cảnh khách quan đưa đẩy (ví dụ kẻ Bắc người Nam sau 1954), hoặc theo những chính kiến khác nhau, những đảng phái khác nhau, trở thành những đối thủ chính trị lẫn nhau, và bị cuốn hút vào những tranh chấp tưởng chừng như không thể cùng đội trời chung. Tuy nhiên, một khi những cơn sóng gió chính trị qua đi, nhất là khi lý tưởng và những kỳ vọng chính trị bị phản bội, dân chúng không còn tin tưởng ở nhà cầm quyền nữa, xã hội bị phân hóa, nhân tâm ly tán, họ quay về với những người bà con thân thương trong gia đình, vì dầu sao đi nữa, gia

tộc luôn luôn là sợi dây ràng buộc linh thiêng vô hình và rất bền vững. Đó là hiện tượng hiện nay đang diễn ra ở trong nước sau năm 1975.

Ngày nay, việc tìm về họ hàng, gốc gác gia tộc là một nhu cầu của người Việt ở trong nước và cả những người Việt bỏ nước ra đi. Điều nầy càng làm tăng thêm giá trị của sự ghi chép gia phả. Gia phả chẳng những giúp nối liền bà con họ hàng với nhau, mà còn giúp soi sáng thêm nhiều chi tiết lịch sử còn thiếu sót, nghĩa là giúp ích rất nhiều cho công cuộc nghiên cứu sử học nước nhà. Gia phả các tộc họ trên toàn quốc phát xuất từ họ Mạc là một ví dụ điển hình nhất.

Lời cảm tạ: Gia phả thường chỉ được lưu truyền trong gia tộc, và con cháu trong dòng họ mới được đọc. Người viết xin cảm tạ những gia đình đã cho người viết mượn và đọc các bộ gia phả để viết bài nầy. Chúng tôi rất mong các gia tộc có những nhân vật đã từng nắm giữ những vai trò lịch sử quan trọng, phổ biến rộng rãi hơn nữa các gia phả, để giúp làm sáng tỏ thêm nhiều chi tiết lịch sử chưa được giải mã./.

Chú thích:

1. Hoàng Lê chủ biên, *Mạc thị thế phả hợp biên*, Hà Nội, 1988, tt. 63, 110. [Sách dày 132 trang, khổ giấy viết thư, in một mặt, viết từ khởi thuỷ dòng họ đời Đông Châu (Trung Hoa) cho đến thế kỷ 20, lưu hành nội bộ.] [Sách nầy được soạn lại năm 1999 và thêm một số chi tiết.] (Viết tắt: *MTTP*, tr.)

2. Khi nhà Mạc thất thế, chúa Trịnh chiếm được Thăng Long năm 1592, con cháu nhà Mạc bị bắt bớ, đàn áp nên mạnh ai nầy chạy, ly tán khắp nước. Muốn tránh bị ruồng bố, con cháu họ Mạc đổi ra làm nhiều họ khác nhau. Để con cháu về sau dễ nhìn bà con, họ Mạc có hai "nguyên tắc" đổi họ.

* Nguyên tắc chính là "khử túc bất khử thủ" (nghĩa là "bỏ chân không bỏ đầu"). Trong chữ Nho, chữ Mạc viết có bộ "thảo" ở phần trên cùng. Con cháu khi đổi họ thì giữ bộ "thảo", còn phần dưới có thể thay đổi, tức là "giữ đầu thay chân". Điều nầy có nghĩa là khi lấy một họ mới, họ đó viết theo chữ Nho, trên đầu phải có bộ "thảo", ví dụ họ Hoàng, Lều, Phạm, Phan, Thái, Tô....

* Nguyên tắc thứ nhì là lấy họ mẹ và lót chữ "Đăng" (tức chữ lót của Thái Tổ Mạc Đăng Dung) để dễ nhận ra nhau: ví dụ "Nguyễn Đăng..., Phan Đăng..."

Tuy nhiên, vẫn có nhiều người lấy họ mẹ hoặc đổi ra họ khác mà không theo hai nguyên tắc trên, ví dụ các họ Bùi, Nguyễn, Khương, Đào, Vu, Thạch...

3. * *MTTP*, tt. 112-114.

* Lê Xuân Quang, *Quân Đội Nhân Dân*, Hà Nội, số 8981, ngày 31-5-1986.

4. Phan Bá Vành: người tỉnh Thái Bình, cùng Võ Đức Các, Nguyễn Hạnh nổi lên ở Nam Định năm 1826, chống lại triều đình. Vua Minh Mạng cử các tướng Nguyễn Công Trứ, Nguyễn Đức Nhuận và Nguyễn Hữu Thận đánh bắt được Phan Bá Vành năm 1827.

5. Lê Xuân Quang, *báo đã dẫn*.

6. Thái Hồng Lâm sưu tập và biện soạn, *Tộc phả họ Thái (gốc họ Mạc) làng Ngọc Lâm, xã Đức Lâm, huyện Đức Thọ, tỉnh Hà Tĩnh*, Hà Nội, 1996, lưu hành nội bộ, tt. 11, 13. (Viết tắt là *TPHT*, tr..)

7. *MTTP*, tt.115-119.

8. Có dư luận cho rằng chính Trung ương đảng Cộng Sản (đóng ở Bắc Kỳ), do Hồ Chí Minh thúc đẩy, không muốn cuộc nổi dậy của Xứ uỷ cộng sản Nam Kỳ thành công, và muốn nhờ tay Pháp tiêu diệt Phan Đăng Lưu cũng như nhóm lãnh đạo cộng sản trong Xứ ủy Nam Kỳ, vì vấn đề tranh chấp quyền lực nội bộ đảng. (Việc nầy do nhà văn Nguyễn Đức Lập, kể cho người viết ngày 30-4-2001 tại nhà của ký giả Du Miên, Orange County, California. Ông Lập là con của ký giả Hồng Tiêu và nữ văn sĩ Tùng Long. Khi còn ở trong nước, ông Lập đã được các nhà hoạt động chính trị kể lại.)

9. Bài viết của ông Hoàng Lê được in lại và lưu hành nội bộ trong các gia tộc phát xuất từ họ Mạc, đính kèm theo bộ *MTTP*.

10. *TPHT*, tr. 29.

11. Quốc sử quán triều Nguyễn, *Đại Nam liệt truyện tiền biên*, bản dịch của Nxb. Thuận Hóa, tập 1, Huế, 1993, mục "Truyện các hậu phi", tr. 21; và "Truyện các công chúa", tr. 67.

Con cháu của Mạc Cảnh Huống hiện nay có một chi nhánh ở Quảng Nam, thôn Trà Kiệu tây, huyện Duy Xuyên, và một chi nhánh khác ở xã Hiệp Bình Chánh, huyện Thủ Đức, Sài Gòn.

12. Việc nầy, người viết được một người bạn họ Huỳnh tự nhận là con cháu họ Mạc kể lại khi còn học tại Đại học Sư phạm Huế. Về vấn đề kỵ huý chữ Hoàng, có thể về sau nầy được bãi bỏ, nên vẫn có những người lấy trở lại họ Hoàng. (Ví dụ Hoàng Diệu)

13. *Gia phả tộc Huỳnh (Hoàng) làng Xuân Đài* [khổ lớn, 970 trang] Quảng Nam, 2000, tt. 3, 28. Làng Đông Bàn và làng Xuân Đài trước đây đều thuộc huyện Diên Phước, phủ Điện Bàn, nay thuộc huyện Điện Bàn tỉnh Quảng Nam. Hai làng nầy đều nằm trên ốc đảo Gò Nổi (tên chữ là Phù Kỳ). Làng Đông Bàn nằm về phía đông và cách làng Xuân Đài khoảng từ 4 đến 5 cây số.

14. Gia phả tộc Huỳnh làng Đông Bàn, Điện Bàn, Quảng Nam, bản viết tay bằng chữ Nho, chưa in lại. (Chúng tôi được cung cấp bản photocopy phần đầu gia phả chữ Nho nầy.)

15. Thụy của một người là tên được đặt sau khi qua đời, để trên bia mộ. Ngày trước, có tục lệ trên bia mộ, người ta không để tên thật mà chỉ để tên thụy.

16. *MTTP*, tr. 106.

17. Hoàng Lê, *bài đã dẫn*.

18. Theo lời kể với người viết ngày 20-4-2001 của ông Huỳnh Tuấn và phụ thân, hiện cư ngụ tại Orange County, dựa trên gia phả viết tay chứ chưa in thành sách.

19. *MTTP*, tr. 118.

20. Theo lời kể của gia đình ông Huỳnh Tuấn, *đã dẫn*. [Từ thị trấn Vĩnh Điện, theo quốc lộ 1 về hướng nam, cách Vĩnh Điện khoảng 3 cây số, chưa qua cầu Câu Lâu, phía tay trái là xã Phước Kiều, gồm hai thôn Đông Kiều và Tây Kiều.]

21. *MTTP*, bản in năm 1999, phụ bản không đề trang.

NHỚ BẢN GIỐC KHÔN NGUÔI

Hồi nhỏ ở Hà Nội tôi đã đọc say mê một câu chuyện phiêu lưu đăng từng kỳ trên tạp chí *Thẳng Tiến* của Hướng Đạo Việt Nam, xuất bản từ thời Pháp thuộc. Truyện tên là "Từ Hồ Gươm đến Bản Giốc" mà tôi không nhớ tên tác giả, hình như do chính Trưởng Hổ Sứt kể. Tôi đã gọi cho Trưởng Lê Mộng Ngọ để hỏi, trưởng Ngọ cũng không nhớ ai viết. Hổ Sứt là tên rừng của Trưởng Hoàng Đạo Thúy.

Chuyện kể chuyến đi của mấy Hướng đạo sinh Hà Nội. Các bạn trẻ đi tìm một thứ gì giờ tôi cũng không nhớ, nhưng cuộc tìm tòi đưa họ lên đến chân thác Bản Giốc ở Cao Bằng. Câu chuyện phiêu lưu đường rừng, giống như một trò chơi đi tìm kho tàng, thực ra chỉ cốt dẫn dắt độc giả đi qua những quãng đường trên đất nước quê hương, khích động tấm lòng yêu nước của thanh thiếu niên Việt Nam, ngay trong lúc nước ta còn bị người Pháp cai trị.

Và tôi đã bị ảnh hưởng. Hơn 50 năm qua, giờ tôi vẫn nhớ rõ hình ảnh mấy Hướng đạo sinh đứng bên dòng thác in trên trang báo đăng truyện "Từ Hồ Gươm đến Bản Giốc." Hình vẽ khắc trên gỗ, có nét bút của người vẽ cùng dấu vết của bàn tay dùng dao khắc của nghệ nhân. Tôi có thể nhớ cảm giác sung sướng khi tưởng tượng mình đọc đến đoạn chót, khi các Hướng đạo sinh đứng nhìn con thác Bản Giốc hùng vĩ. Đoạn chót như thế nào, tôi đã đọc hay chưa, bây giờ tôi cũng quên rồi. Nhưng trong lòng vẫn còn nhớ cái tên thác Bản Giốc. Như trong thần thoại. Như một giấc mơ.

Hồi đọc câu chuyện Bản Giốc thì tôi chưa bao giờ được thấy một thác nước nào cả, từ lúc sống ở nhà quê đến khi ra Hà Nội. Ở làng Giạm nơi tôi đi tản cư có ngọn núi nhỏ, tôi vẫn đi tắm trong một dòng suối chẩy trong lòng đá đỏ. Cũng có nơi suối đứt quãng, nước từ trên cao rớt xuống, nhưng không thể gọi đó là thác được. Trong lòng tôi chỉ ước mong có ngày mình được đến nhìn thác Bản Giốc, nhìn một con thác thật, một mảnh trong tấm "non sông gấm vóc" mà chúng ta vẫn nghe ngợi ca từ thời đi học tiểu học. Thế nào cũng phải đi thăm Bản Giốc.

Nhưng chắc quý vị đã biết, muốn đi thăm thác Bản Giốc bây giờ chúng ta phải sang Trung Quốc. Mà sang đó hỏi tên bản Giốc chắc các người hướng dẫn du lịch họ cũng không biết là gì. Người Trung Hoa thế nào cũng đặt cho con thác này một cái tên mới, đồng hóa bằng ngôn ngữ là cách chắc chắn lắm. Sau hai ngàn năm, những người dân Quảng Đông, Quảng Tây đã nối thổ ngữ của họ theo văn phạm của người Hán, viết chữ Hán, chứ không giữ được ngôn ngữ như người Việt mình. Chỉ ở các vùng sơn cước Quảng Đông mới có những làng bản người dân thiểu số vẫn nói theo văn pháp Việt, như đặt tĩnh từ sau danh từ, khác lối Trung Hoa. Thế nào người

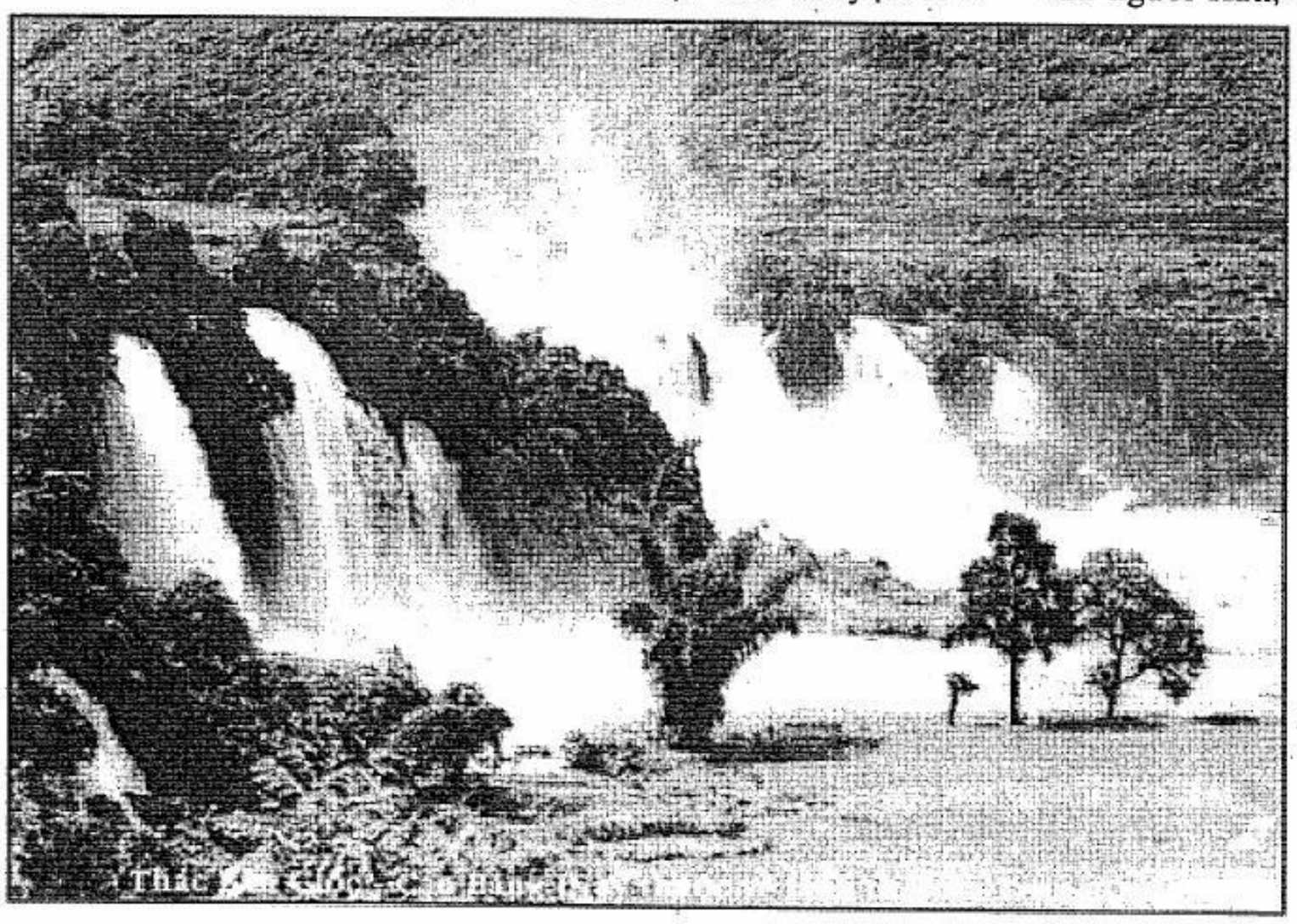

Trung Hoa cũng đặt thêm tên khác cho cái thác này, để mọi người dễ quên cái tên trong quá khứ. Giống như ngày xưa quân nhà Minh tịch thâu sách của người mình đem về Bắc Kinh cất đi vậy. Có ai biết người Trung Quốc bây giờ gọi tên thác Bản Giốc là gì xin mách bảo cho tôi. Thế nào tôi cũng đi thăm một lần cho biết. Mấy năm trước sang Quế Lâm, tôi nói mình là người Việt Nam, cô hướng dẫn viên du lịch bèn hát ngay câu "Việt Nam Trung Quốc núi liền núi, sông liền sông," bằng tiếng Việt. Tôi nghe thấy sợ lạnh cả người. Hình như chúng ta vẫn mang mối sợ đó trong gien di truyền, từ thời tổ tiên mấy ngàn năm để lại.

Nhưng nếu có đến Bản Giốc bây giờ chắc lòng tôi cũng không cảm động rưng rưng như trước đây vẫn nghĩ. Cảnh đẹp là do trong lòng mà ra. Nhìn cảnh quê hương mình, dù chỉ một lũy tre già, một con đường đất nhỏ hẹp, cũng thấy nó đẹp, có khi cảm động muốn khóc. Khi thác Bản Giốc thuộc lãnh thổ một nước khác thì nó chẳng thể nào đẹp đẽ, chẳng còn hùng vĩ và gây xúc động cho mình. Không thể vĩ đại bằng thác Niagrara được, phải không nhỉ?

LÒNG TRUNG NGHĨA MUÔN ĐỜI

Việc cắt Bản Giốc nhường cho Trung Quốc là hành động của đảng Cộng Sản Việt Nam, chúng ta tình cờ biết vì chuyện này đã được người Hà Nội viết trong bài ca dao mới, rồi báo chí hải ngoại đã đăng lại:

Hoan hô Cộng Sản Việt Nam
Cuối đời bán cả giang san nước nhà
Bản Giốc cao đẹp của ta
Nay còn đâu nữa để mà ngắm trông?

(vân vân, bài còn dài vì còn nêu tên các vùng đất và biển khác cũng bị mất)

Bản Giốc còn ở trong đất nước của ta thì nghĩ đã thấy nó cao đẹp, khi nó thuộc một quốc gia khác thì đại khái nó cũng chỉ là mấy dòng nước chảy từ trên xuống, làm sao đẹp bằng những thác nước lớn khác ở khắp thế giới, đi ngắm làm gì? Đó là tôi nghĩ như vậy. Nhưng khi tôi nhận được một tấm hình Thác Bản Giốc của một độc giả từ trong nước gửi cho, thì nhìn hình ảnh tôi vẫn thấy nó đẹp. Vẫn xúc động. Giống như một người yêu đã xa mình rồi, mình đã tự nhủ sẽ quên đi, nhưng khi nhìn thấy hình, trong lòng vẫn dào dạt cảm xúc. Dăm sáu dòng thác trắng xóa chảy liên tiếp nhau, trước sau mấy lớp giữa những đồi núi xanh um. Trông cao gấp mấy lần ngọn cây, chắc là phải hùng tráng lắm. Tôi đã để tấm hình này trên màn ảnh (screen) của máy lap top mà tôi đang dùng (Cảm ơn Phạm Hoàng Mạnh, chú Hướng đạo sinh 40 năm trước của tôi, đã cho tôi cái lap top này). Mỗi lần mở máy ra vẫn còn thấy hình ảnh con thác đẹp thật. Chứ không phải mình yêu nó mà thấy nó đẹp. Nếu có ai quay phim các dòng thác đó xin cho tôi một bản, để làm screen saver luôn.

Chúng ta đã được đọc lá thư của 11 vị bô lão ở Hà Nội gửi cho Quốc hội Việt Nam, cũng gởi cho Trung ương Đảng Cộng Sản, phản đối việc cắt đất cho Trung Quốc, trong đó có đất Bản Giốc. Các cụ già cả, biết là viết lá thư đó cũng biết là sẽ chẳng được ai trả lời, vì đảng Cộng Sản xưa nay vốn tự chuyên tự quyết, khinh thường mọi người, có bao giờ họ nghe ý kiến trái tai của ai đâu.

Nhưng nặng lòng vì nước, các cụ vẫn cứ phải viết. Tôi cũng vậy. Biết mình ở xa đất nước hơn 25 năm rồi, biết rằng dù có nói cũng chẳng ai thèm nghe, nhưng đau lòng quá. Đau lòng thật đấy. Như hồi trẻ bị người yêu bỏ vậy. Mà chắc về già nếu ai mất người yêu cũng đau lòng chứ, có khác gì đâu. Cho nên cứ phải viết. Cũng như các cụ bô lão ở Hà Nội vậy. Các cụ ở Hà Nội hay chúng ta ở nước ngoài, thấy điều gì sai trái, có hại cho đất nước mình, vẫn cứ phải viết chứ. Rồi mai đây chúng ta cũng như các cụ, theo nhau về chầu tiên tổ cả chứ có sống mãi ở đời này đâu. Lúc xuống cõi âm gặp vong linh Đức Trần Hưng Đạo, cụ Nguyễn Trãi, Vua Quang Trung, các ngài có hỏi "Thế lúc chúng nó cắt đất dâng Thiên triều con có biết không? Tại sao con không nói gì cả?" mình sẽ trả lời ra sao?

Hôm nay là ngày đầu năm nhưng tôi xin quý vị độc giả tha lỗi cho tôi, tôi viết về một câu chuyện không vui. Vì trong lòng tôi rất buồn bã. Khi biết mình đang mất một thứ gì, làm sao trong lòng không buồn bã? Mất một mảnh đất nhỏ của quê hương, mất hình ảnh những con thác đẹp như dải lụa, chảy êm nhung qua suốt thời thơ ấu của mình. Mất thật rồi, có thể tưởng tượng được hay không? Làm sao trong lòng không buồn bã?

Mấy trăm ông bà ngồi trong Trung ương Đảng và trong Quốc hội, không biết họ có suy nghĩ giống mình hay không? Hay họ thuộc một cái giống người khác, không chất chứa những tâm tư xao xuyến như người Việt chúng mình? Các đại biểu Quốc hội nghĩ sao khi biểu quyết thông qua bản hiệp định về biên giới rồi đọc mấy câu ca dao mới:

Quốc hội một lũ ù lì
Nhưng còn bia miệng sẽ ghi muôn đời

Chúng ta biết ơn các sĩ phu đất Bắc Hà đã viết thư phản đối, đã làm thơ truyền tụng. Họ vẫn giữ được truyền thống dám nói thẳng, nói thật, không cúi đầu khuất phục mà dám mắng vào giữa mặt mặt bọn cường quyền. Ngàn năm sẽ còn bia miệng, những bài ca dao mới sẽ lưu truyền như bài Hà Thành Chính Khí ca của Nguyễn Văn Giai vào cuối thế kỷ 19. Dù các cụ bô lão viết thư gửi Trung ương Đảng như gửi vào cái hố đen thăm thẳm không đáy, chẳng bao giờ nghe thấy vọng âm, nhưng vẫn phải viết. Viết như vậy vẫn biểu dương sĩ khí, để con cháu chúng ta còn hãnh diện về thế hệ cha anh đang sống bây giờ. Những lá thư như thế sẽ được lịch sử bảo tồn. Như ngày nay chúng ta còn nhớ Thất trảm sớ và Vạn ngôn thư:

Thất trảm chi sớ Nghĩa động Càn Khôn
Vạn ngôn chi thư Trung quán Nhật Nguyệt

Chắc ai cũng nhớ bài thất trảm sớ của Chu Văn An yêu cầu chém bảy quyền thần tham nhũng lạm quyền (bẩy người ngồi trong một thứ Bộ Chính trị thời bấy giờ). Vạn ngôn thư của Lê Cảnh Tuân là bản văn 10,000 chữ kể tội quân Trung Quốc đời nhà Minh sang nước ta, mượn danh nghĩa phù Trần diệt Hồ nhưng cuối cùng chiếm đất ta đặt thành quận huyện. Nghĩa động càn khôn. Trung quán nhật nguyệt.

TỪ BẢN GIỐC TRỞ VỀ HỒ GƯƠM

Bản Hiệp ước giữa Bắc Kinh và Hà Nội về biên giới đã được hai đảng cộng sản thỏa thuận với nhau, từ thời ông Lê Khả Phiêu làm Tổng Bí thư. Một nhân sĩ Bắc Hà viết rằng đó là do các ông Đỗ Mười và Lê Đức Anh chỉ đạo. Và họ chẳng cần hỏi ý kiến của ai cả. Tin tức từ Hà Nội cho biết trong Ủy ban Biên giới của chính phủ cũng có người phản đối hiệp ước này, kể cả ông Lê Minh Nghĩa đứng đầu ủy ban đó. Nhưng một cơ quan chính phủ không thể nào làm trái ý Đảng. Quốc hội gật càng không được phép.

Một cái hiệp ước quan trọng đối với đất nước như vậy, cũng không thấy Quốc hội bàn tán sôi nổi, không thấy báo chí thảo luận. Dù hỏi ý kiến thì chắc các đại biểu cũng chỉ gật thôi chứ biết làm sao?

Tại sao một Hiệp định thương mại với nước Mỹ thì lại phải đem ra cho Quốc hội bàn cãi ồn ào rồi mới thông qua, cho nó có vẻ dân chủ, mà cái hiệp định về biên giới thì các đại biểu cứ lẳng lặng gật đầu không thấy nói năng gì cả? Hiệp ước thương mại là chuyện nhất thời, mỗi năm chính phủ và Quốc hội Mỹ nó duyệt xét lại cũng được, bên nào muốn sửa đổi điều gì cũng có quyền yêu cầu bên kia họp, đem ra bàn lại. Một hiệp ước về biên giới lãnh thổ là chuyện quan trọng hơn nhiều, nó có ảnh hưởng vĩnh viễn, các chính quyền sau này sẽ bị ràng buộc, muốn thay đổi cũng rất khó khăn, có khi phải đem quân đánh nhau mới thay đổi được. Vậy mà đảng Cộng Sản Việt Nam coi như đó là chuyện riêng của họ, giữa hai "đảng anh em" với nhau, chẳng coi ai ra gì cả.

Trong khi đó, hàng trăm đồng bào từ các tỉnh miền Nam đã ra biểu tình tận Hà Nội từ cả tuần nay, họ cũng kêu nài về chuyện bị chiếm đất. Cho nên dân Hà Nội mới nói rằng Đảng Cộng Sản đất của dân thì tùy tiện chiếm, còn đất của tổ tiên để lại thì tùy tiện đem đem tặng cho người ngoài. Lịch sử sẽ ghi lại sự kiện này để đời sau không quên.

Bác sĩ Nguyễn Đan Quế viết, "Nhân dân ta không coi những thỏa thuận ngầm giữa Hà Nội và Bắc Kinh là có giá trị... Nhân dân ta cũng tố cáo trước dư luận trong nước và quốc tế sự hèn hạ của tập đoàn Bộ Chính trị đảng Cộng Sản Việt Nam để mất đất của tổ tiên để lại..." Sau khi ông Nguyễn Đan Quế viết những lời trên, những "thỏa thuận ngầm" đã được chính thức hóa bằng buổi lễ cắm cọc biên giới! Đối với luật pháp quốc tế, coi như ván đã đóng thuyền rồi. Mai mốt một chính quyền Việt Nam khác muốn đòi lại Bản Giốc, Mục Nam Quan hay những hòn đảo trong vùng Hoàng Sa, Trường Sa, chắc chỉ có cách là gây chiến! Sức mình làm sao gây chiến với người ta? Mà trong thế giới ngày nay, không nước nào có thể giải quyết vấn đề biên giới bằng chiến tranh, các nước khác sẽ không chấp nhận.

Vì vậy mà Trung Quốc với Ấn Độ không đánh nhau nữa nhưng vẫn ở trong tình trạng chiến tranh suốt nửa thế kỷ nay; vì hai nước không thể thỏa hiệp về đường ranh giới trên Hy Mã Lạp Sơn nó ở chỗ nào. Ấn Độ với Pakistan cũng chưa ai chịu ai về vùng Kashmir, đánh nhau mấy lần, đánh mỏi lại huề, đánh mãi thật vô ích. Hai nước Nhật Bản và Cộng Hòa Nga (cũng như Liên bang Xô viết thời xưa) từ 1945 đến nay vẫn chưa thỏa thuận được với nhau được về mấy hòn đảo nhỏ xíu ở phía Bắc Nhật Bản. Quân Nga đã chiếm đóng quần đảo Sa Kha lin nhân

lúc Nhật Bản thua trận, nhưng Nhật Bản đời nào chịu công nhận! Hai nước không đem quân đánh nhau, trong khi đó họ vẫn ký kết những hiệp ước trao đổi thương mại, văn hóa, nhưng chuyện tranh chấp biên giới vẫn coi như một hồ sơ còn giang giở, để đó xét sau.

Xét sau là bao giờ mới xét? Trong đời sống của một quốc gia, chúng ta không biết đến bao giờ mới giải quyết xong các vấn đề biên giới. Mười năm không xong thì chờ đó, 20, 30 năm sau sẽ bàn lại. Một, hai thế kỷ sau sẽ bàn tiếp, không muộn. Ngay cả khi đất đai của mình đã bị nước láng giềng chiếm lãnh, ván đã đóng thuyền rồi, thì một chính quyền tự trọng của một quốc gia tự chủ cũng không chịu chính thức công nhận sự thật đã rồi đó. Hai nước Nhật Bản và Nga đã làm như vậy. Thổ Nhĩ Kỳ với Hy Lạp cũng làm như vậy. Ba nước Trung Quốc, Nhật Bản và Đài Loan nước nào cũng coi mình là chủ nhân mấy hòn đảo Điếu Ngư Đài. Không phải vì thế mà họ phải đánh nhau, nhưng không chính phủ nào chịu công nhận nước khác làm chủ hòn đảo nhỏ tí xíu đó.

Đó là thông lệ ngoại giao quốc tế. Ở nơi nào có tranh chấp biên giới là người ta làm như vậy. Vùng Trường Sa là một thí dụ. Các nước tranh nhau vùng quần đảo này không ai chịu nhường một tấc đất nào cho ai cả. Họ vẫn đành chịu để quân ai chiếm được hòn đảo nào thì cứ đóng ở đó. Không gây chiến, vì không ai nỡ lòng vì một mảnh đất con con mà đem dân ra làm bia đỡ đạn, biết trước rằng đánh nhau mãi rồi kết cục cũng vô ích. Mặt khác, cũng không một chính quyền nào tự muối mặt đi chính thức công nhận nước khác làm chủ một thước đất của tổ tiên để lại. Đặt bút ký một chữ công nhận chủ quyền thuộc người ta, trong đời mình không bao giờ lấy lại được nữa đã đành, mà còn di lụy đến đời con đời cháu, muốn thay đổi cũng không được nữa.

Các chính phủ dù ngu dốt cách mấy cũng biết lối hành sử trên đây.

Vậy thì tại sao các người cầm đầu đảng Cộng Sản Việt Nam lại đặt bút ký nhường hẳn những vùng đất và thềm lục địa cho chính phủ Bắc Kinh? Thật khó hiểu.

SILENT NIGHT

Đây là những cảm nghĩ của tôi trong đêm Giáng Sinh vừa qua. Tựa đề Silent Night xin cứ viết bằng tiếng Anh, vì đó là một tên riêng. *Silent Night* là tên một cuốn sách mới xuất bản của Stanley Weintraub.

Ai cũng biết bài hát Giáng sinh bắt đầu với hình ảnh "Silent Night", nhưng nếu muốn dịch câu hát đó thì biết dịch nghĩa là gì?

Đêm lặng yên? Đêm yên tĩnh? Đêm an bình? Không lời dịch thuật nào cho chúng ta đầy đủ cảm giác của câu hát " Silent Night, Holy Night." Trên khắp mặt đất có người ở bây giờ, trong không khí cuối năm, câu hát đó vang vọng khắp nơi, mang lại cho mọi người thêm một tấm lòng bình an.

Cũng như trước đây gần một thế kỷ, nói rõ hơn, vào mùa Giáng Sinh 87 năm trước. Cuốn sách của Weintraub kể câu chuyện mùa Giáng sinh năm 1914. Mùa Đông đã bắt đầu ở ngoài mặt trận, quân Đức và quân Đồng minh đang cầm cự với nhau trong cuộc chiến tranh hầm hố. Một chiến cuộc lạ kỳ, lố bịch, bây giờ nhìn lại càng thấy phi lý. Không đám quân nào đủ sức đẩy phe địch ra khỏi các đường hầm của họ. Các đợt xung phong đều vô ích vì bên phòng thủ có lợi thế hơn bên tấn công. Quân thủ trong hầm bắn chết hết các đợt xung phong thì cuộc tấn công cũng chấm dứt. Mùa Đông, mưa, lạnh, quân sĩ sống chui rúc dưới hầm trong bùn lầy, chờ dịp bắn sẻ lẫn nhau. Đêm Đông ai chẳng nhớ nhà?

Những người lính biết Lễ Giáng Sinh đang tới, gia đình, vợ con họ sống ở hậu phương đang chuẩn bị mừng lễ. Mấy người lính Đức ở mặt trận miền Flandres trong lúc ngồi bó gối dưới hầm, nhớ nhà, đã cất tiếng hát: "*Stille Nacht, Heilige Nacht*!" Đêm tĩnh lặng, Đêm linh thiêng. Bài hát này gốc vốn bằng tiếng Đức, dịch ra tiếng Anh hai câu đầu theo sát nguyên văn. Đối diện với những đường hầm của quân Đức, quân Pháp và Anh cũng bắt đầu hát, lúc đầu họ hát những bài hát vui, sau cũng hát những bài Giáng sinh.

Trong không khí đó, mấy người lính Đức bỗng nẩy ra sáng kiến: đề nghị ngưng bắn Lễ Giáng sinh ngay tại chỗ, giữa lính tráng đồng ý với nhau cùng ngưng bắn.

Nhiều người lính Đức biết viết tiếng Anh không cần văn pháp, trương lên tấm bảng "YOU NO FIGHT, WE NO FIGHT" đủ để bên kia hiểu được: CHÚNG TAO KHÔNG ĐÁNH, CHÚNG MÀY KHÔNG ĐÁNH. Sáng kiến này được truyền đi như sóng, chạy theo các con đường hầm chữ chi. Nhiều thông điệp với ý nghĩa tương tự, viết trên các tấm giấy đủ kiểu, được nâng lên từ các miệng hầm. Có nhiều chỗ lính hai bên không hiểu nhau vẫn

bắn, nhưng rồi suốt mặt trận quân hai bên ngưng chiến. Có đám quân còn viết lời chúc tụng bên địch "MERRY CHRIST-MAS".

Súng ngưng bắn. Quân hai bên chui ra khỏi hầm, trước hết đi chôn xác các đồng đội đã bỏ mặc bao nhiêu ngày trên mảnh đất giữa hai mặt trận. Có những người lính hai phía bạo dạn tiến tới bắt tay nhau. Họ gửi cho quân địch ở dưới đường hầm bên kia chút quà Giáng sinh họ nhận được từ quê mình, một người lính Pháp kể lại, nhờ vai trò trung gian của một con chó Đức đã được huấn luyện! Có nơi lính hai bên còn rủ nhau đá bóng.

Các vị tướng lãnh bất bình khi thấy lính tráng tự động ngưng bắn, nhưng không thể ra lệnh người ta giết nhau trong ngày Lễ Giáng sinh được. Lệnh tấn công được ban từ trên xuống, nhưng lính hai bên chỉ bắn lên trời.

Vụ ngưng bắn năm 1914 do những người lính Đức gốc vùng Bavarian khởi xướng. Như quý vị đọc sử đều biết, quân hai bên sau đó lại tiếp tục bắn giết nhau cho đến năm 1918. Đức bại trận, bị phe Đồng minh bắt bồi thường chiến tranh đến mức kiệt quệ. Dân Đức làm không đủ trả nợ chiến tranh. Kinh tế khủng hoảng, chính phủ Cộng Hòa bất lực không giải quyết được nạn thất nghiệp và lạm phát triền miên, dân Đức bàu cho một nhà chính trị mị dân là Adolf Hitler rồi ông ta khởi sự cuộc đại chiến kế tiếp. Mùa Đông năm 1914 Hitler chỉ là một hạ sĩ nhất. Cũng đang ở mặt trận nhưng chú cai này phản đối việc ngưng bắn.

Hai dân tộc Đức và Pháp đã đánh nhau nhiều trận, bây giờ đã sống hòa bình được hơn nửa thế kỷ. Tuần sau, ngày 1 tháng Giêng năm 2002, họ sẽ bắt đầu dùng chung một đồng tiền, đồng euro, cùng với 10 nước khác trong Liên hiệp Âu châu. Chắc họ sẽ không bao giờ tính chuyện bắn nhau nữa. Chiến tranh, thù hận chỉ còn là những bài học trong môn lịch sử, học để quên chứ không phải để nhớ mà nuôi hận thù. Nếu như các chính phủ biết noi gương những người lính ngoài mặt trận Flandres năm 1914, kéo dài cuộc ngưng bắn và mở rộng ra, thì hàng triệu người Đức và người Pháp đỡ chết uổng trong hai cuộc chiến tranh. Và thế giới cũng vậy.

Mà nếu như sau khi chiến tranh chấm dứt, chính phủ các nước thắng trận không tìm cách bóc lột các nước bại trận bằng tiền bồi thường chiến tranh, thì chắc cũng không nuôi cho thù hận kéo dài từ 1918 đến 1939. Cái tục lệ nước thắng bắt nước bại trả tiền này bây giờ đã bớt. Hãy coi những gì chính phủ Mỹ đang làm ở Afghanistan thì thấy.

Nhưng đời xưa khác hẳn, thắng trận mà không có chiến lợi phẩm vác ra về thì đánh nhau làm gì? Từ trăm ngàn năm trước loài người đã đánh nhau xong là phe thắng trận đòi phe thua trả tiền – dù dưới danh nghĩa nào cũng được!

Năm 1805 Napoleon đại thắng quân Đức Phổ ở Austerlitz rồi thắng các trận Auersted và Jena, đặt chính quyền mới cai trị nước Đức. Và chính phủ Pháp cũng bắt dân Đức phải bồi thường chiến tranh để cho Napoleon có tiền theo đuổi cuộc chiến tranh khác. Lúc đó, mỗi người Đức có địa vị trong xã hội phải đóng một món tiền "bồi thường," lớn nhỏ tùy theo lợi tức của họ. Nhà toán học Karl Friedrich Gauss lúc đó đang là giáo sư Đại học Gottingen được lệnh "bồi thường" cho chính phủ Pháp 2000 Francs - lớn hơn lương bổng của ông trong một năm. Karl Gauss không có tiền đóng. Một người bạn, nhà thiên văn học Olbers gửi tặng Gauss 2000 FFr nhưng ông gửi trả lại. Trong lúc Gauss còn đang coi kiếm ở đâu ra 2000 FFr thì ông nhận được lá thư của một nhà toán học người Pháp, báo tin món "nợ" 2000 đã được đóng cho chính phủ Pháp rồi.

Người trả món nợ 2000 FFr cho Gauss là Laplace, một nhà toán học lỗi lạc khác. Trước khi có cuộc chiến tranh do Napoleon gây ra, một nhà quý tộc Đức có ý giới thiệu Gauss làm một chân giáo sư ở Thiên văn đài, đã tới hỏi ý kiến Laplace "Ai là nhà toán học giỏi nhất nước Đức?" Laplace trả lời "Pfaff". Huân tước Humboldt ngạc nhiên: "Thế còn Gauss thì sao?" Laplace nói "À, Gauss thì khác, Gauss là nhà toán học lớn nhất thế giới." Vì Laplace đóng tiền trực tiếp cho chính phủ Pháp, nên Gauss không thể từ chối. Một thời gian sau ông nhận được một món bổng khác, đã gửi trả 2000 FFr cho Laplace, trả cả tiền lãi cho sòng phẳng. Đời xưa các nhà trí thức họ đối xử với nhau đẹp như thế đấy.

HY VỌNG Ở HAMID KARZAI

Một nước đã trải qua 23 năm chiến tranh, trong đó 10 năm là nội chiến, thì người dân mong mỏi gì nhất? Chắc phải là hòa bình và các phe phái chịu hòa giải. Cần hòa bình và đoàn kết để xây dựng lại cuộc sống bình thường. Nhưng làm cách nào để những người cầm súng, nhất là thủ lĩnh của những toán quân từ mấy trăm đến mấy ngàn người để họ chịu ngưng bắn, tự đặt mình dưới một chính quyền dân sự, theo những quy luật của cuộc

Một năm với HÍ HỌA ETCETERA

Năm 2001 qua đi với bao sự kiện nóng hổi. Điểm lại những sự kiện trong năm bằng hí họa, Etcetera đã dùng ngòi bút của mình để đúc kết những sinh hoạt chung tại Việt Nam, cộng đồng Việt và cả thế giới. Đây là những hí họa tiêu biểu của anh gởi đến độc giả của Thế Kỷ 21 như một nụ cười chào Xuân mới, hy vọng năm nay, cây cọ biếm của Etcetera sẽ "hiền" đi vì nhân loại biết yêu nhau hơn!

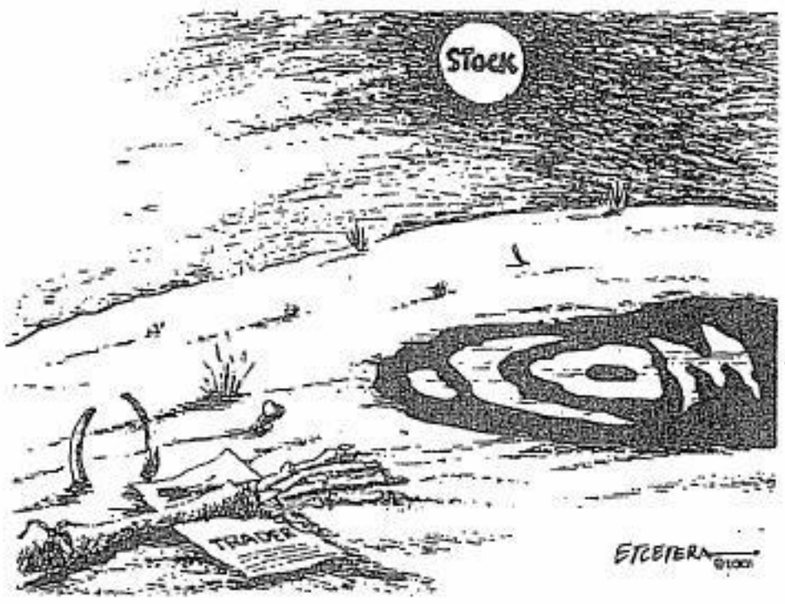

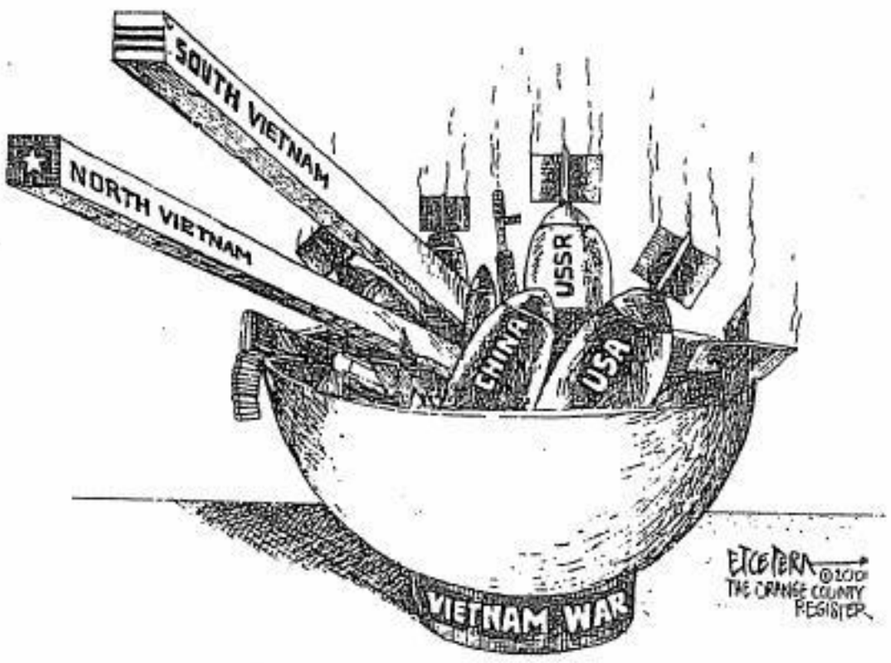

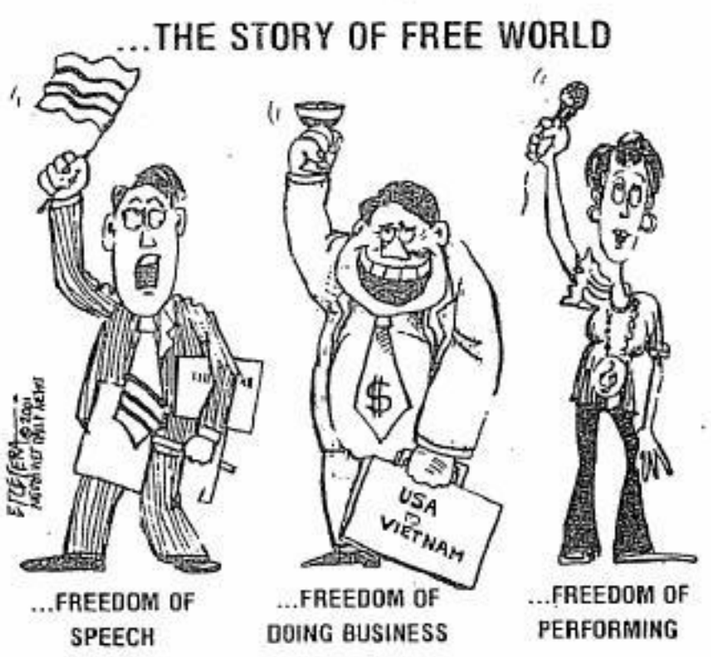

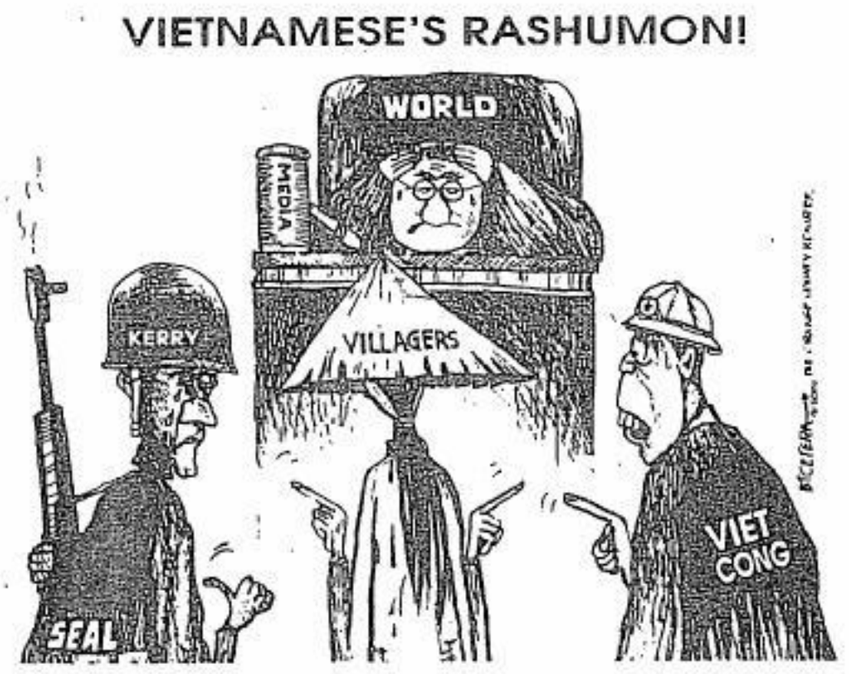

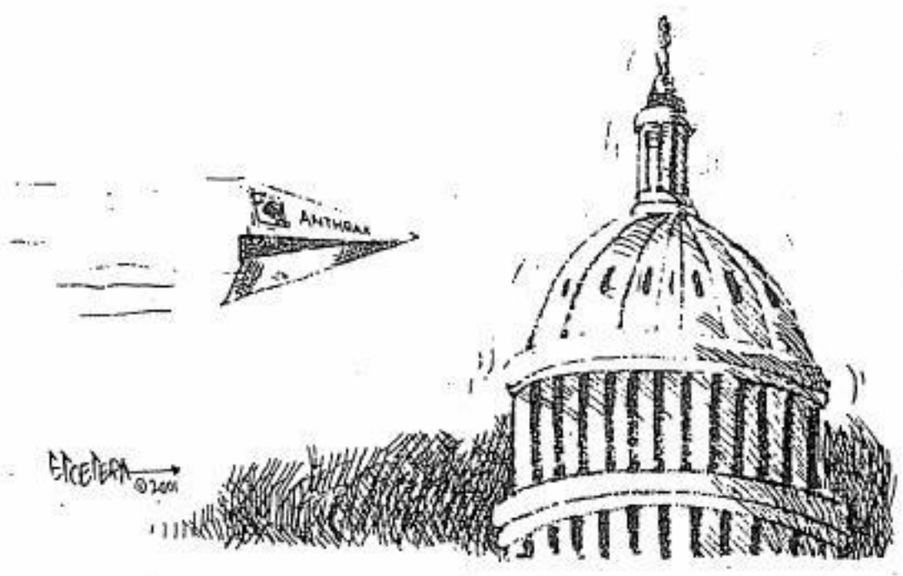

Vài nét về Etcetera

Họa sĩ hí họa Etcetera tên thật là Nguyễn Quang Trường, bắt đầu vẽ hí họa từ năm 1999, hiện cộng tác thường xuyên với các báo chí Việt Ngữ tại quận Cam, California. Giữ mục "hí họa Etcetera" hàng ngày cho tờ Nhật Báo Người Việt. Vẽ hàng tuần cho tờ báo Anh ngữ địa phương Orange County Register dưới tiêu đề "Etcetera's Vietnam Corner". Đã xuất bản một cuốn sách hí họa có tên: "365 hí họa Etcetera". Chủ nhân phòng tranh Mimi Studio và là chủ nhiệm tờ báo trẻ Mimi News phát hành tại quận Cam. Mọi chi tiết liên lạc với họa sĩ, xin gọi số: (714) 731-7605. Email: mimistudio@hotmail.com

sống bình thường? Mà ngay trong lúc chiến đấu trước kẻ thù chung, họ thường vẫn quay súng bắn nhau để giành chiến lợi phẩm. Đó là nỗi khó khăn trước mặt ông Hamid Karzai, nhà lãnh đạo lâm thời của Afghanistan trong sáu tháng. Theo những tin tức viết về ông, Hamid Karzai có hy vọng sẽ là người đưa nước Afghanistan sang một giai đoạn lịch sử mới. Vì ông được tiếng là người có đức độ.

Hamid Karzai không phải là một nhà chỉ huy quân sự. Gọi ông là một thủ lãnh Pashtun cũng không đúng, ông luôn luôn tự gọi mình là "người Afghan" chứ không phải "người Pashtun." Gia đình ông thuộc dòng quý tộc trong bộ tộc Popalzai từ đó đã xuất hiện Ahmad Shah Durani, vị vua sáng lập quốc gia Afghanistan hiện đại từ năm 1747. Triều đại Durani truyền tới thời cựu hoàng Muhammed Zahir Shah, bị lật đổ năm 1973 và hiện nay đang chuẩn bị về nước. Thân phụ ông, Abdul Ahad Karzai từng là Chủ tịch Thượng viện ở Kabul khi nước này còn nghị viện. Hamid Karzai từng làm Thứ trưởng Ngoại giao từ năm 1992 trong chính phủ lập nên sau khi đuổi quân Nga về nước, nhưng hai năm sau thì từ chức. Khi quân Taliban chiếm được chính quyền năm 1996 họ muốn cử ông làm Đại sứ ở Liên Hiệp Quốc nhưng ông từ chối.

Năm 1999 khi thân phụ ông bị ám sát trên đường đi lễ ở đền thờ Hồi giáo về nhà, trong lúc gia đình sống lưu vong ở thị xã Quetta, xứ Pakistan, Hamid Karzai được các trưởng lão trong bộ tộc Popalzai triệu tập một *jirga* (hội đồng) cử ông làm tộc trưởng. Mấy trăm người họp mặt trao cho ông cái khăn xếp Tộc trưởng bằng lụa.

Khi Hamid Karzai nhậm chức ở Kabul, ông trở về nơi sinh trưởng, hai ngày sau sẽ là ngày sinh nhật của ông. Từ nhỏ, Hamid Karzai đã được tiếng là "bạn của bọn ăn mày." Bốn người anh em trai của ông đang ở Mỹ đã kể lại với các nhà báo về Hamid. Năm cậu 13 tuổi, các người hành khất ở Kabul thường đến nhà gõ cửa hỏi "Hamid có nhà không?" Cậu lúc nào cũng mang cho họ thức ăn lấy từ trong bếp, hoặc móc tiền túi ra cho, hay xin tiền của mẹ. Nhưng cậu Hamid không phải chỉ cho tiền, cậu kết bạn với đám cái bang. Hàng xóm thường trông thấy cậu bé Hamid dắt tay một ông lão hành khất què, đi tản bộ với nhau trên đường phố.

Năm 1993 giữa thời nội chiến, trong khi đang làm Thứ trưởng Ngoại giao, Hamid Karzai bị phục kích, hai bên bắn nhau suốt nửa giờ, tài xế của ông bị giết. Sau đó người ta bắt được các hung thủ, và tìm ra ai là kẻ chủ mưu. Nhiều người thúc dục Hamid Karzai hãy trả đũa, nếu không sẽ bị mọi người coi là nhu nhược. Ở một xứ mà người cầm súng đóng vai chủ động hàng chục năm, các "lãnh tụ" sợ mang tiếng là "yếu." Nhưng Karzai từ chối. Ông giải thích với nhà báo Mỹ Nancy DeWolf Smith, một người bạn 15 năm nay, "Tôi không giết người." Nước Afghanistan đang cần một người "không giết người." Sau này ông còn cộng tác làm việc chung với những kẻ bị nghi là chủ mưu ám sát ông.

Hamid Karzai đã tốt nghiệp MA ở Mỹ, nói thông thạo các thổ ngữ Dari, Pashto cảu Afghanistan, tiếng Urdu của Pakistan, tiếng Hindi bên Ấn Độ, tiếng Anh và tiếng Pháp. Hai người anh của ông đang làm chủ năm tiệm ăn ở ba thành phố bên Mỹ. Một người làm nghề kỹ sư, một người dậy ở Đại học MIT. Một trong hai người anh kinh doanh, Mahmoud Karzai đang ở Glenwood, Maryland kể rằng năm 1986 Hamid Karzai sang thăm, nhưng không chịu ở lại Mỹ. "Chắc nó thấy cảnh chúng tôi đang rửa chén bát nên quyết định về nước!" Một lần Hamid Karzai đi cùng bà Dewolf Smith ghé một trạm xăng gần Baltimore, Maryland thì có một người Mỹ đến bên xe nói anh ta mất hết tiền, cần phải trở về nhà. Hamid rút tiền ra cho ngay. Các người bạn Mỹ đều kêu lên rằng "ông đừng để họ lừa bịp." Hamid nói, "Nếu anh ta lừa bịp thì cũng sao đâu? Đằng nào anh ta cũng là người nghèo mà."

Một con người như vậy sẽ gánh trách nhiệm hàn gắn vết thương cho một xứ sở mới phải chịu 23 năm tàn phá, tang tóc. Bao nhiêu trẻ mồ côi thất học, bao nhiêu quả phụ không có nghề nghiệp. Không những nhà cửa, đường xá tan hoang, mìn bẫy gài khắp mặt đất, núi rừng; mà vết thương lớn nhất là trong lòng người, đầy chia rẽ, hận thù. Bà Smith viết: "Tôi chưa bao giờ nghe Hamid than phiền về một điều gì cả."

Nếu dân Afghanistan có phước thì những người cầm súng ở xứ này sẽ chấp nhận chính quyền lâm thời của ông Hamid Karzai, rồi để yên cho những nhà chuyên môn và giới trí thức tái thiết đất nước.

Ở nước nào cũng vậy, thời chiến cần những tay gan dạ quả cảm bảo vệ quê hương. Đến thời bình cần những người biết làm việc, sản xuất, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần. Nhưng cần nhất là những người biết thương yêu và tôn trọng sự sống. May ra dân Afghanistan đã có một người lãnh đạo như vậy./.

NGUỒN GỐC LOÀI NGƯỜI

NGUYỄN QUANG TRỌNG

Những khám phá của ngành khảo cổ học trong những thập niên cuối thế kỷ 20 đem đến những hiểu biết mới về nguồn gốc con người và cuộc sống thời nguyên thủy.

Loài người bắt đầu có mặt khoảng sáu triệu năm trước đây. Sáu triệu năm là một thời gian rất dài so với lịch sử loài người văn minh, nhưng lại rất ngắn so với thời gian có mặt của các sinh vật khác. Cách đây 600 triệu năm, các loài nhuyễn thể (molluscs, sinh vật thân mềm không xương) đã sinh ra từ những vi sinh vật sống trong nước biển. Người ta tìm được rất nhiều dấu vết in trong trầm tích thạch tại Úc Châu, Siberia, Namibia.... Bốn mươi triệu năm sau đó, trong biển đã có mặt tất cả những sinh vật chính từ đó thoát thai các loài khác, kể cả các loài sống trên mặt đất và loài người. Nhiều loài hầu như không thay đổi trong hàng trăm triệu năm như cá mập, cá vây tay (coelacanth), cá sấu. Một số khác đã hoàn toàn mất dạng, như khủng long, khổng tượng mammoth...

Sở dĩ ngày nay nhân loại phăng lần được nguồn gốc loài người xưa hàng triệu năm (hay hàng trăm triệu năm cho các sinh vật khác) là nhờ sự hóa thạch xương (và các tế bào chậm phân hoại nói chung). Sau khi thân thể hữu cơ tiêu huỷ, xương, răng nằm vùi trong đất cát thấm chất vô cơ không phân hủy (muối khoáng, silica...), lần lần được thay thế bởi những chất này, thành vật hóa thạch (fossils). Đó là đa số trường hợp các di cốt tìm thấy khá lâu sau khi sinh vật chết, ngoại trừ trường hợp di cốt nằm trong hang mà đường vào bị đá đổ bịt kín, hay che phủ bởi cát, tro bụi, than bùn.... Để đơn giản hóa, chúng tôi không lập lại chữ hóa thạch cho những di cốt xưa.

Khi loài khỉ tiến hóa thành "người ...vượn"

Loài người đã có những thay đổi lớn (Darwin gọi là tiến hóa) trong một thời gian ngắn. Những thay đổi này đưa đến kết quả bành trướng hoặc tiêu vong của nhiều loại sinh vật khác. Người, vượn và khỉ to có cùng một sinh vật tổ. Cách đây 32 triệu năm, loại khỉ aegyptopithecus (tìm thấy ở Ai Cập) nhỏ bằng con mèo, bắt đầu tiến về 'dạng người' (hominoids): mặt nhỏ đi, xương trán cao lên, hai hàm khép dần từ phía mang tai, và vùng điều khiển thính giác trong não nhỏ lại trong khi vùng thị giác phát triển. Như vậy song song với việc biến đổi cơ thể, tay chân, nó tiến hóa bằng cách biến đổi sọ não, não lớn ra nghĩa là khôn hơn.

Hậu thân của khỉ aegyptopithecus là khỉ Proconsul sống ở Đông Phi 20 triệu năm trước. Proconsul rụng đuôi khỉ, có thêm răng tiền hàm và răng hàm trên, mỏm ngắn lại và trán bớt trớt; thể tích não tăng lên đến 250 cm3. Trí khôn Proconsul phát triển, có lẽ chúng biết sử dụng những hòn đá basalt có cạnh sắc. Từ loài hominoids Proconsul này tách ra hai chi : chi 'người' (hominids) dẫn đến loài người ngày nay, và chi khỉ vượn đưa đến khỉ to Phi Châu và khỉ to Á Châu khoảng tám triệu năm trước.

Người vượn đầu tiên của chi hominids là người vượn Australopithecus ('người vượn phía Nam' để chỉ di cốt tìm được ở Nam Phi, viết tắt là A.). Cách đây tám triệu năm, sự thay đổi địa chất ở Đông Phi làm đời sống các sinh vật trở nên khó khăn. Vùng đất dọc theo bờ biển đông bắc Phi châu nổi cao lên, ngăn mây (mưa) từ ngoài biển vào. Khí hậu vùng Rift valley (Ethiopia, Kenya...) khô đi khiến rừng nhiệt đới biến dần thành đồng cỏ (savane) ít cây cối. Bấy lâu nay rừng phong phú các thức ăn loại lá, trái cây. Khi cây ít đi, khỉ vượn dần dà phải bỏ cây xuống đất kiếm ăn ở vùng đồng cỏ ven rừng. Tại đây, vì thú dữ cũng đến săn mồi, nên khỉ vượn phải luôn luôn cảnh giác, ở ven rừng để sẵn sàng chạy trở vào rừng, leo lên cây. Thức ăn càng giảm và cây cối càng ít, chúng càng phải tiến về đồng cỏ và phải ăn thức ăn khác (các loại củ chẳng hạn). Chúng bắt đầu ngẩng cổ và đứng trên hai chân sau, cho dễ dàng quan sát và canh chừng thú dữ và để... lưng đỡ bị nắng nóng. Đi hai chân cũng là cách di chuyển thích hợp với đồng cỏ bằng phẳng ít cây. Hai chân trước được tự do, có thể mang, cầm thức

ăn đi xa, và sử dụng cành cây hòn đá nhặt được. Những điều kiện sống khắc nghiệt và nguy hiểm làm phát triển dần những khả năng sinh tồn của chúng, như khéo tay, suy nghĩ cách đối phó với các tình huống khó khăn....

Xương người vượn thuộc nhiều loại khác nhau được tìm thấy ở khắp Đông Phi (Nam Phi, Ethiopie, Tanzanie, Kenya): loại A. robustus xương mặt lớn chắc, hàm bạnh rất khoẻ, răng nanh, răng cửa nhỏ trong khi các răng hàm thật to với lớp men dày, thích hợp với việc nghiền, nhai rễ, củ vỏ dày cứng. Loại A. africanus (1 m đến 1 m 20), có sọ nhô cao hơn (óc lớn hơn) khuôn mặt thanh với răng cửa và răng nanh lớn hơn, tuy nhiên răng hàm vẫn to, khỏe, được coi là loài ăn thực vật lẫn thịt. Theo cấu trúc xương, những người vượn này đi hai chân, nhưng vài chi tiết sọ và não giống khỉ hoặc gần khỉ : não khoảng 400 cm3 so với 1200 cm3 của người hiện đại.

Khi định tuổi các tầng đất cổ nơi tìm ra các loại xương này vì kĩ thuật phóng xạ Carbon không thể định tuổi thẳng từ di cốt xưa quá vài chục ngàn năm, người ta nhận thấy từ một đến hai triệu năm về trước, trong một thời gian dài khoảng một triệu năm, đã có nhiều giống người vượn sống cùng thời. Và các giống người vượn này khác nhau về hình dạng lẫn cách sinh sống. Mỗi giống sống tại một vùng có nguồn thức ăn thích ứng.

Các nhà khoa học phân biệt những người vượn dáng thô kệch (như A. aethiopicus, A.robustus, A.boisei, A. crassidens..), và loài dáng thanh mảnh (như A. afarensis, sau này tiến hóa thành người). Theo họ, các loài này không thể có con lai với nhau vì là những giống khác nhau, không thể vượt 'hàng rào sinh học' để phối hợp.

Nàng Lucy và "East Side Story"

Cho đến năm 1994, người ta xem như tổ xưa nhất của con người là loại người vượn A. afarensis, tìm thấy ở Afar, thuộc Ethiopia. Thật vậy, tại vùng Afar năm 1974, một nhóm nhà nghiên cứu Pháp - Mỹ khám phá ra một bộ xương nguyên vẹn đến 40%(trong khi đa số các giống tìm được chỉ còn một phần sọ và một vài mẩu xương) của một người vượn chết cách đây 3,18 triệu năm. Nhờ bộ xương khá toàn vẹn, người ta định được là giống cái, cao 1m05 nặng 27kg. Họ đặt tên người vượn này là Lucy, theo một bài hát nổi tiếng của nhóm Beatles lúc bấy giờ. Và 'nàng' Lucy cũng nổi tiếng thế giới, vì được Donald Johanson, một trong hai người cầm đầu nhóm, coi là tổ tiên thứ nhất của loài người: 'nàng' là người (vượn) A. afarensis xưa nhất được biết lúc đó.

Nhưng ông Y. Coppens, một nhà nghiên cứu nổi tiếng của Pháp, người cầm đầu thứ hai trong nhóm đã tìm ra xương Lucy, không nghĩ Lucy là tổ tiên của người. Theo ông, Lucy có đầu gối không vững và khuỷu tay cứng chắc, nghĩa là 'nàng' này giỏi leo cây hơn chạy nhảy. Đến năm 1994, khi tìm thấy một xương chân A. afarensis khác, rất giống chân khỉ, người ta mới chấp nhận là loài người vượn này sống nhiều trên cây! Như vậy Lucy sống trên cây, chỉ khi nào cần đi kiếm ăn trong rừng thưa, đồng cỏ mới xuống đất, và không dám rời xa rừng để có thể chạy nhanh về nấp trên cây khi gặp thú dữ.

Những di chỉ xưa nhất về giống hominids chỉ tìm thấy ở phía đông châu Phi, vùng thung lũng Rift (Ethiopia). Vì thế người ta gọi chuyện về người vượn, tiền thân loài người, này là 'East Side Story,' nhại tên cuốn phim ca nhạc danh tiếng cuối những năm 60 'West Side Story.' Thuyết 'East Side Story' này được hầu hết giới chuyên môn chấp nhận vì người ta không tìm thấy xương người vượn ở vùng nào khác ngoài vùng đông Phi.

Nhưng đến năm 1995 một nhóm nhà khoa học Pháp tìm thấy một quai hàm và một răng xưa 3,5 triệu năm, của một người vượn A. afarensis khác ở Tchad, và đặt tên là Abel. Tchad thuộc về Tây Phi châu, cách chỗ được coi là nôi loài người (đông Phi) đến 2500 km. Tuy nhiên ông Coppens vẫn bảo vệ quan điểm của mình bằng lý luận dựa trên dấu vết sinh vật, thảo mộc và khí hậu học, rằng khoảng bốn triệu năm trước, đồng cỏ savane có thể đã tràn lan đến bắc nước Tchad. Những vết tích khảo cổ về sinh vật tìm thấy ở bắc Tchad phù hợp với thuyết đồng cỏ địa phương của Coppens.

Từ người vượn đến người nguyên thủy

Gần đây, người ta tìm ra một nhóm hai thứ xương người vượn cổ hơn nữa. Đó là người vượn A. ramidus xưa hơn Lucy (4,4 triệu năm), gần khỉ hơn gần người: cánh tay to chắc và men răng mỏng giống răng khỉ, nhưng bắt đầu có đặc điểm người như đứng thẳng được và chỗ nối giữa não với tuỷ sống giống như người. Và người vượn A. anamensis sinh ra sau A. ramidus nhưng trước Lucy (3,9- 4,2 triệu năm), mà lại có xương tay và chân giống người ngày nay hơn Lucy.

Từ các khám phá này, người ta đặt giả thuyết là từ các giống Lucy, Abel và anamensis đã sinh

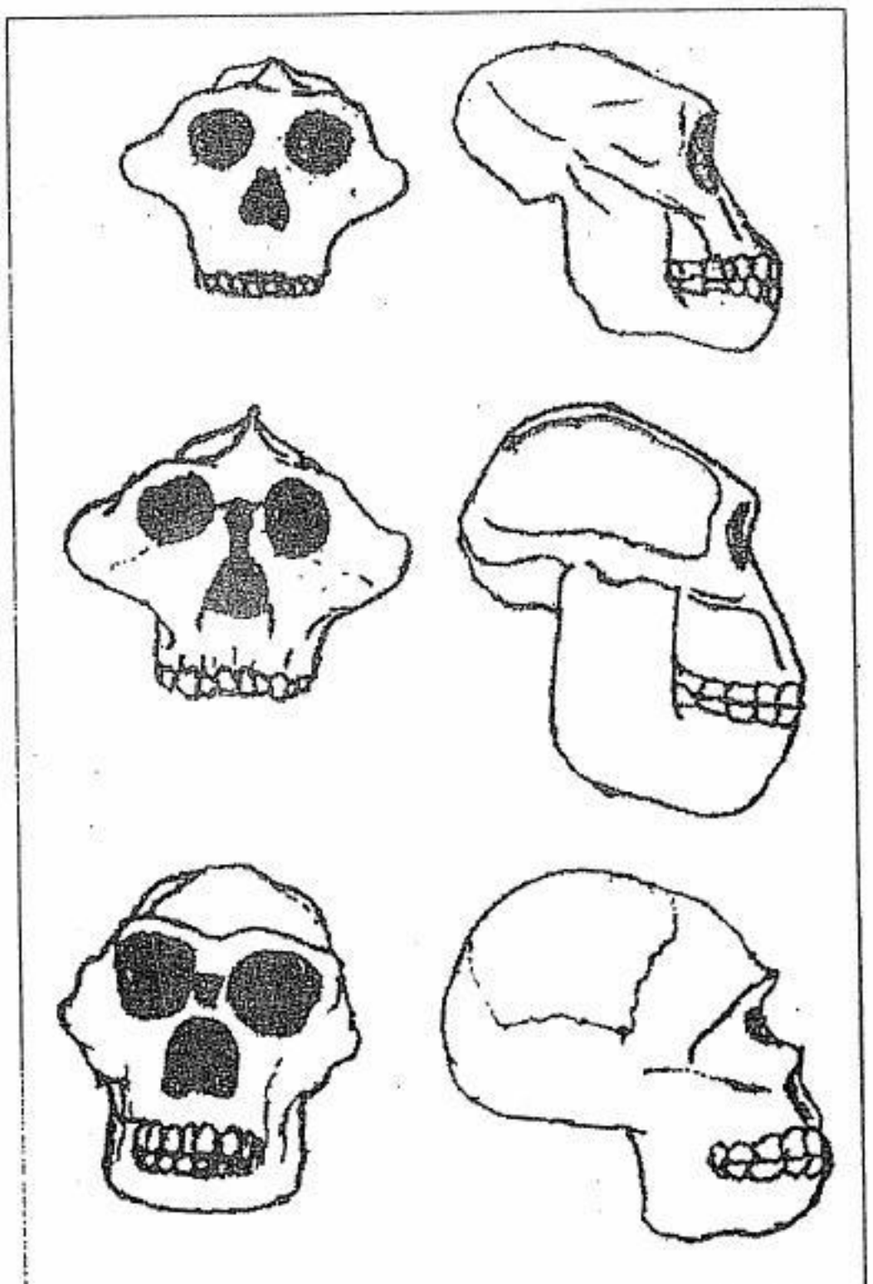

Sơ đồ sọ nhìn từ trước và nhìn ngang. Trên: Người vượn *afarrensis*; Giữa: người vượn *boisei* với mào xương nhọn trên đỉnh đầu. Dưới: người *Homo erectus*, miệng nhô ra trước ít hơn người vượn.

ra các loài người vượn khác nhau như đã kể trên robustus, boisei, africanus..., chúng tiếp tục tiến hóa, nhưng biến mất khỏi mặt đất vào hơn triệu năm trước vì không đủ khả năng thích ứng kịp với những đổi thay trầm trọng về khí hậu khiến chúng mất nguồn thức ăn quen thuộc.

Và loài người Homo đúng nghĩa xuất hiện vào khoảng 2.5 đến 1.8 triệu năm trước, lập thành chi riêng biệt trên cây hệ tộc sau Australopithecus afarensis. Loài Homo (H.) đầu tiên là H. habilis (người 'khéo léo') với sọ to hơn sọ người vượn (700 cm3 thay vì 400- 500cm3) tuy chỉ bằng một nửa sọ người hiện đại. Thấp bé (khoảng 1m 10-1m 30), nhưng bộ xương đã rất gần với xương người hiện đại, đi hai chân khá sành sõi dù chạy chưa giỏi. Phần sau sọ bớt lồi nhưng vòm trán còn thấp. Họ thông minh hơn người vượn cùng thời vì biết tạo ra những dụng cụ bằng đá. Những nơi tìm ra xương họ (Ethiopia, Tanzania, Kenya) đều có nhiều dụng cụ bằng đá đẽo, như ở Olduvai (Tanzania). Họ đã dùng dụng cụ đá, đặc biệt là dùng để khai thác nguồn thức ăn mới như tủy sống, thịt thú to, vì xương thú vật tìm thấy có dấu đập vỡ và lằn cạo thịt trên xương.

Hai loài Homo (habilis và rudolfensis) sống cùng thời với nhiều loại người vượn boisei, robustus, africanus trong mấy trăm nghìn năm. Loài người vượn boisei chuyên ăn rễ, cây, củ, nên hàm răng mặt bằng để nghiền loại thức ăn này; trên đỉnh đầu họ có một mào xương nhô lên cho bắp thịt hàm bám chắc vào. Loài Homo ăn thịt thú nhờ những răng nanh nhọn sắc, răng hàm nhỏ. Nhờ biết dùng dụng cụ, vũ khí bằng đá và xương, biết khai thác nhiều nguồn thức ăn cả thịt thà lẫn cây-trái-củ, loài homo đã sống còn và tiến hóa dần thành người, trong khi những loài người vượn chỉ biết ăn cây củ boisei, robustus, africanus bị tuyệt giống vì không đủ khả năng thích ứng khi khí hậu khô cằn làm chết những loại cây củ.

Sự 'tiến hóa' do môi trường biến giống hominoid từ loài có một cái sọ gần với sọ loài vượn, đi không thẳng và thích leo cây, đến loài người hiện nay với khuôn mặt thanh, đầu và thân thẳng trên chân, đi và chạy hơn là leo chuyền trên cây. Về cơ thể, những thay đổi này đưa đến một sinh vật có bề ngoài khác các loài vật có vú khác, mà điểm chính là việc đi hai chân. Nhưng quan trọng hơn hết là sự phát triển song song của bộ óc, của suy nghĩ, của ý thức . Hình bên cho thấy các giai đoạn 'tiến hóa' về hình dáng sọ từ người vượn đến người hiện đại. Ngay từ buổi sơ khai, homo habilis đã tính trước được phải đập như thế nào, trên loại đá chọn lọc theo khả năng đẽo, để có hình dạng cần thiết theo công dụng của nó. Trí óc càng ngày càng tiến triển, họ càng làm được những vật dụng, vũ khí có khả năng càng cao, để thỏa mãn những nhu cầu phức tạp hơn.

Loài H.ergaster (người mới đến) sau H. habilis là loài Homo đầu tiên rời Phi châu thiên di về Đông Nam Á hai triệu năm trước. Họ phải đi nơi khác vì nhiều vùng Phi châu biến thành sa mạc sau thời gian dài hạn hán. Nhờ cơ thể gần giống người ngày nay (cao trên 1.7 m, chân dài) H. ergaster có thể đi bộ mỗi ngày trên 50 km, và rượt bắt thú nhỏ dễ dàng. Họ biết tìm loại đá thích hợp và đẽo thành dụng cụ ở bất cứ nơi nào, biết tìm chỗ trú và có thể đã biết giữ lửa đem theo khi dời chỗ. Như vậy việc thiên di có lẽ dễ dàng, chỉ phải đem theo lửa và vài dụng cụ đá, nên giả thuyết họ đi bộ từ châu Phi qua chiếm lĩnh phía đông châu Á trong vài chục ngàn năm không quá đáng.

Người erectus: kẻ đã phiêu du đến tận Á Đông gần hai triệu năm trước

H. ergaster được xem là dạng cổ của người erectus (người đứng thẳng). Tên này do bác sĩ Dubois đặt, khi ông tìm được sọ Homo đầu tiên ở đảo Java (Indonesia) năm 1890. Thật ra ông không dám đặt tên 'người,' Homo, cho sọ loại này vì nét còn hoang dại của nó. Ông dùng tên 'khỉ đứng thẳng,' Pithecanthropus erectus , vì biết dân Âu châu rất tự hào về sự 'văn minh' của họ, khó chấp nhận có tổ tiên hình dáng man dại. Thế mà ông vẫn không tránh được sự công kích mãnh liệt của người đương thời! Đầu H. erectus: trán hẹp, mặt to, cằm lẹm gần như không có, nhưng óc khá lớn 800 - 1000 cm3, nằm trong sọ với xương sọ dầy (đến 1 cm). Ngày nay tên H. erectus được dùng để chỉ chung dạng người cổ khá tiến hóa nhưng chưa phải là người sapiens (khôn ngoan); H. erectus đã tuyệt chủng hơn 100 000 năm trước. Tuy nhiên, các nhà khảo cổ theo thuyết 'tiến hóa đa vùng' cho rằng người erectus đã lai giống với người sapiens đến sau, hợp thành những dân địa phương như người Tàu cổ hay thổ dân Úc.

Trong thập niên 90, tất cả các kết quả nghiên cứu di truyền trên toàn thế giới đều đưa đến cùng một kết luận: nhân loại ngày nay đều sinh ra từ người sapiens ở Phi châu. Đầu năm 2001, khi phân tích genes của một số di cốt xưa sáu mươi ngàn năm trên bờ hồ Mungo ở Úc, Thorne tìm thấy một phần genes không hiện diện trong genes người hiện đại, phần genes này có thể đến từ người xưa hơn sapiens (chẳng hạn như erectus).

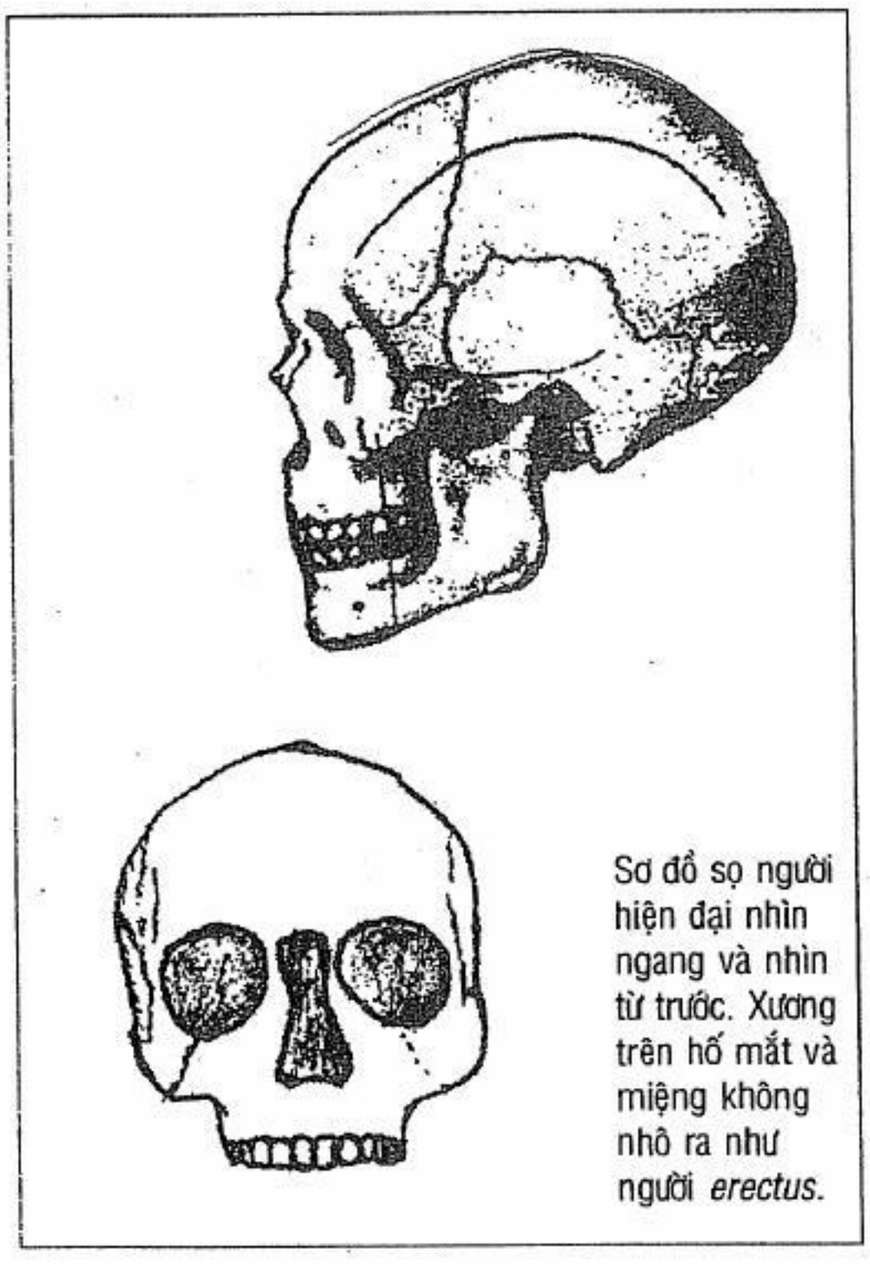

Sơ đồ sọ người hiện đại nhìn ngang và nhìn từ trước. Xương trên hố mắt và miệng không nhô ra như người *erectus*.

Người erectus đã ra khỏi Phi châu rất sớm và lần lần tỏa ra toàn thế giới (trừ Mỹ châu). Họ đã thích ứng được với những môi trường khác nhau, và để lại dấu vết (xương) trên đường thiên di từ Phi châu sang Á châu: xứ Georgia ở Trung Á (Dmanisi, 1.8 triệu năm), Pakistan (Riwat, 1.9 triệu năm), đảo Java, Indonesia (Mojokerto, 1.8 triệu năm), và Tứ xuyên ở Tàu (Longupo, 1.9 triệu năm). Điều đáng chú ý là họ đến Á Đông sớm hơn Âu châu (Gran Dolina ở Tây Ban Nha, 800 000 năm), là một nơi xa hơn chỗ họ xuất phát rất nhiều. Có phải họ đi theo hướng mặt trời? Họ đến Việt Nam có lẽ cũng rất sớm, dù tuổi di cốt cổ nhất (răng người H. erectus tìm thấy trong hang vùng Lạng Sơn) không định được chính xác, vì gần đó, ở Vân Nam, người ta tìm được răng và hàm H. erectus (trong hang Nguyên Mưu - Yuanmou- 1.8 triệu năm). Người H. erectus còn sống tại Trung Hoa đến cách đây một trăm ngàn năm, để lại nhiều di cốt, trong đó nổi tiếng nhất là sọ 'người Bắc Kinh' do cố đạo người Pháp Teilhard de Chardin tìm thấy trong hang Chu Khẩu Điếm đầu thế kỷ 20.

Vì lý do gì người cổ phải đi xa vùng họ sinh ra? Thời đó số người rất ít, không thể vì nạn nhân mãn. Theo Larick và Ciochon, họ rời Phi châu có lẽ bởi điều kiện sống không còn thích hợp. Họ sống mãi trong một không gian giới hạn cho đến khi tài nguyên hao cạn, bị đói, họ phải di chuyển qua nơi khác, và cứ tiếp tục như vậy. Họ đến nơi nào có điều kiện thiên nhiên tốt hơn. Khi vùng đông Phi khô cằn đi, họ đi sang đông bắc Phi Châu, và xa hơn nữa: Á châu, là những vùng nóng ẩm mưa nhiều, lắm thảo mộc và thú vật. Họ là những người di tản đầu tiên, đi rất xa, và rất lâu thế hệ này qua thế hệ khác! Ngày nay người ta cho rằng một nguyên nhân khác thúc đẩy họ đi là tính hiếu kì, một đặc tính vẫn còn đến ngày nay.

Phát minh đầu tiên của loài người: dụng cụ và vũ khí

Người ta tìm được dụng cụ đá đẽo xưa 2,5 triệu năm bên bờ sông Omo (đông Phi). Gom góp những mảnh đá vỡ tìm được quanh đấy, các nhà khoa học ráp lại hòn đá nguyên lúc đầu, thử

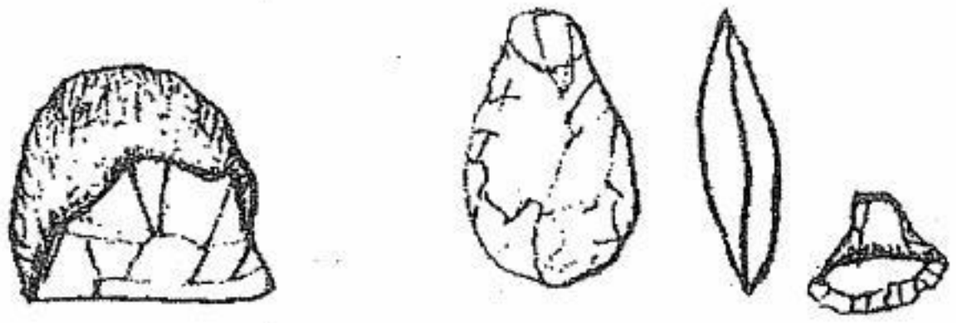

Sơ đồ dụng cụ đá: Từ trái sang phải: dụng cụ để đập hay nghiền (người vượn đã biết sử dụng); dụng cụ để cắt hay đâm, nhìn ngang và nhìn từ trước; dụng cụ để nạo da, xương (người erectus sử dụng từ một triệu rưỡi năm trước). Dụng cụ người hiện đại sử dụng thì nhiều không tả xiết!

nghiệm và suy ra kỹ thuật đẽo đá gần như thất truyền. Cách đẽo đá này rất phức tạp, đòi hỏi một thời gian thử nghiệm dài, nên có lẽ người cổ thừa hưởng từ loài người vượn trước đó. Nhờ tìm được một số thổ dân Papua (New Guinea) bán khai còn biết đẽo đá, người ta kiểm nghiệm được kỹ thuật đẽo của người homo hàng triệu năm trước. Đẽo đá thật ra là dùng một hòn đá không góc cạnh đánh vào một hòn chính được chọn lựa thật kỹ, làm vỡ đi những vạt nhỏ cho đến khi hòn chính có hình dáng và cạnh sắc như mong muốn. Kỹ thuật đẽo đá lúc đầu tiến bộ rất chậm, từ đẽo thô một mặt sang đẽo hai mặt đá mất vài trăm ngàn năm, sau đó trong gần triệu năm không tiến bộ thêm, cho đến khi người neanderthal và người "khôn ngoan" sapiens xuất hiện. Những vết tích khác tìm được (đá sắp xếp thành hình, xương thú chồng chất) đưa đến giả thuyết là người nguyên thuỷ sống thành gia đình hay bộ tộc, biết làm chỗ ở tránh thú dữ, mưa gió, gần bờ suối, nơi có đá để đẽo thành dụng cụ săn bắt thú, cắt thức ăn...

Người erectus biết mồi lửa thiên nhiên (núi lửa, sét đánh làm cháy rừng), giữ cho khỏi tắt, họ dùng lửa thui đầu nhọn cây làm vũ khí, phá vỡ các tảng đá lớn thành hòn nhỏ dễ đẽo, và chống thú dữ ban đêm. Khoảng năm trăm ngàn năm trước, họ mới biết đốt lửa bằng cách cọ xát thật mạnh và lâu hai vật liệu không dẫn nhiệt. Hơi nóng tích tụ làm ngún cháy mạt gỗ, rêu khô, hay sợi thực vật khô, và được thổi bùng, thành lửa ngọn... Kỹ thuật làm lửa thay đổi theo vùng. Ở nơi có nhiều tre nứa như Đông Nam Á, kỹ thuật thích hợp nhất có lẽ là 'cứa' mãi một thanh tre lên rãnh khắc trên miếng tre hay gỗ cố định.

Một khám phá quan trọng khác là giống người nguyên thủy biết dùng dụng cụ đá để nạo thịt, đập vỡ xương và lấy tuỷ xương. Có lẽ nhờ ăn thịt thú giàu chất đạm mà loài người đã phát triển trí khôn. Vì không tìm được dụng cụ bằng đá nào khác cho đến lúc loài người homo xuất hiện nên dụng cụ đá được xem như một trong các biểu hiện đầu tiên của trí khôn loài người. Các nhà khoa học nghĩ là người nguyên thủy có thể cũng biết chế biến và sử dụng cây, lá, sợi, da nhưng các vật liệu này mục rã nhanh chóng không để lại dấu vết. Gần đây một nhà khoa học cho rằng người đàn bà nguyên thủy đã biết địu trẻ thơ lúc họ đi kiếm ăn. Đồ dùng địu con có thể là một tấm da thú cắt xén thế nào để bà mẹ mang đứa trẻ bên mình mà hai tay tự do hái lượm, đào củ... Nhà khoa học này không có bằng chứng gì cho giả thuyết của mình, vì cái địu (da thú) nếu có, chắc chắn đã bị tiêu hủy. Và nhờ theo mẹ kiếm ăn, trẻ thơ có dịp quan sát, học hỏi, bắt chước. Đầu óc chúng nhờ đó càng phát triển thêm.

Những dấu chân tiền thân loài người in trên tro núi lửa

Đó là dấu chân xưa nhất, của ba người đang đi, in trên tro núi lửa tại Laetoli (Tanzania, Đông Phi) 3,6 triệu năm về trước. Một người trong nhóm Leakey (nhóm nổi tiếng về những công trình nghiên cứu người tiền sử) tình cờ khám phá những dấu chân này giữa vô số dấu chân thú vật, lúc

Hình vẽ người erectus đang "đẽo" đá. Gọi là đẽo vì dụng cụ làm ra có hình dạng nhất định theo ý người đẽo, nhưng động tác chính là đập hòn đá tròn bên tay phải từ trên xuống mép hòn đá muốn đẽo bên tay trái để tách từng mảnh vỡ nhỏ.

ông té, mặt áp sát đất. Người ta đặt giả thuyết các sinh vật ấy (trong đó có người vượn) đi uống nước nơi bờ sông hay hồ, in dấu chân trên mặt tro núi lửa còn ướt. Sau khi lớp tro đông cứng, bụi núi lửa rơi thêm lấp giữ nguyên dấu. Thời gian xói mòn lớp tro bụi, những dấu chân hiện ra năm 1978. Sau khi nghiên cứu đợt đầu (chụp ảnh, lấy khuôn bằng nhựa silicone), nhóm Leakey lấp cát và đất núi lửa năm 1979 để các dấu vết này không bị bào mòn hoặc thú vật phá hư. Tuy nhiên, một số hạt đã nảy mầm trên lớp đất bao phủ, rễ cây ăn xuống tận một số dấu chân. Năm 1995, chính phủ Tanzania và Viện P. Getty ở Los Angeles phối hợp phương tiện bảo vệ những dấu còn nguyên vẹn. Cùng năm ấy, nhóm này lại đào lên nghiên cứu thêm, và trước khi phủ lên trên một lớp đất, người ta lấp một lớp cát to và một lớp vải đính những viên thuốc diệt cỏ biobarrier cho rễ cây không xuyên xuống lớp dấu chân. Di tích cổ này được bộ lạc massai xem như thánh địa, và giao cho hai người massai thường xuyên chăm sóc bảo vệ.

Các dấu chân này trải dài trên một đoạn 27 m rồi biến mất (vì 'họ' đến chỗ đất cứng không giữ dấu)....Có tất cả 54 dấu chân lớn và nhỏ. Có lẽ cùng một gia đình, người cha đi trước, hai mẹ con đi gần nhau. Đứa trẻ đi bên trái người mẹ, thỉnh thoảng dừng lại hoặc trở bước. Người ta có thể hình dung nó như những trẻ con khác, tò mò nghịch ngợm, chạy lăng quăng chứ không đi thẳng như người lớn.Trên một đoạn ngắn như thế chỉ có dấu chân, nhưng là những dấu chân quý giá, những dấu chân của tổ tiên loài người, chứng minh cho hậu thế rằng họ đã thật sự đi hai chân cách đây 3.4 đến 3.8 triệu năm. Họ thuộc loại người nào, mục đích chuyến đi là gì : theo dấu thú, tìm nước uống, hay đi tránh vùng đất núi lửa? Hy vọng trong tương lai ngườI ta có thể trả lời câu hỏi đó; hiện tại người ta chỉ ước đoán những dấu này là của một người đàn ông cao khoảng 1;50 m, một ngườI đàn bà cao 1.40 m đi sau bước trên dấu chân người đàn ông, và một đứa trẻ cao 1.2 m đi kế bên. Cách đây gần bốn triệu năm, tiền thân loài người chỉ là một giống hiếm hoi trong rất nhiều giống sinh (động) vật, vài dấu chân trong hàng triệu dấu chân động vật thế mà giờ đây các thú hoang khác đang trên đường tuyệt chủng trước sự bành trướng của loài người !

Dấu chân in trên tro núi lửa 3.4-3.8 triệu năm trước. Hàng dấu chân lớn bên trên là của người "đàn ông" và người "đàn bà" (bước trên dấu chân người "đàn ông"). Hàng kế bên là dấu chân rõ nét của "đứa trẻ"; đến chỗ chỉ mũi tên "đứa trẻ" dừng bước và xoay lại. Họ đi chậm dần và cuối cùng dừng lại ở bên trái. Dưới cùng là hàng dấu chân của một con thú tên hipparion.

Millenium ancestor, "ông tổ" xấu số của loài người

Đầu năm 2001, hai nhà khoa học Pháp loan tin đoàn khảo cổ Pháp tại Kenya vừa khám phá ra di cốt của nhiều 'người' nằm trong lớp đất đá lắng trong một khe phía bắc thủ đô Nairobi. Họ đặt tên cho những di cốt này là Millenium Ancestor, 'tổ tiên của thiên kỷ.' Bởi vì đây là những di cốt xưa nhất của loài người tìm được cho đến nay: 6 triệu năm, căn cứ theo tuổi của lớp đất trầm tích, tức là vào khoảng thời gian chi người vừa tách ra khỏi chi khỉ trên cây hệ tộc khỉ-người.

Tuy cổ xưa đến vậy, nhưng những di cốt này cho thấy họ đã tiến hóa khá xa : răng họ giống răng người ăn được thịt lẫn cây trái, xương chân dài và bắp thịt mông thuộc loại bắp thịt loài đi hai chân. Tuy nhiên với xương tay dài và khỏe với ngón tay cong hình móc, họ trèo cây cũng dễ dàng như khỉ. Millenium Ancestor được xem như là tổ của người Homo lẫn người vượn Australopithecus.

Theo hai nhà khoa học Pháp này, xương chân tìm được có vết thú dữ cắn. Đấy là di cốt những người bị beo tiền sử ăn thịt. Beo thường tha lên cây những con mồi săn được như thú và cả người vượn. Hoặc có thể người vượn trong khi tìm thức ăn, tình cờ hay vì biết thói quen này của beo, đã leo lên cây "ăn có," không ngờ chủ nhà beo trở về bất thình lình. Xương kẻ xấu số lẫn với xương các loài thú khác, rơi xuống nước, trôi theo dòng, lắng đọng trong khe đá. Tiền thân loài người cũng từng là mồi ngon cho thú dữ !

Kết luận

Điều kiện sống khó khăn đã thúc đẩy loài khỉ nhỏ tiến hóa thành giống người ngày nay. Mỗi khi có thay đổi nghiêm trọng về khí hậu và môi trường sống, chỉ những cá nhân có khả năng thích

ứng nhất mới sống còn; đó là sự chọn lọc tự nhiên. Điều này đã xảy ra cho giống người vượn và người Homo : trong trên hai mươi giống người vượn và người Homo khác nhau (căn cứ trên những điểm khác biệt về cấu tạo bộ xương) chỉ còn một : H. sapiens. Người hiện đại là tột đỉnh của sự tiến hóa: từ một sinh vật với sức mạnh thể chất thua kém thú dữ khác, H. sapiens nhờ trí khôn không những đã tồn tại mà lại còn sinh sôi nảy nở, chiếm lĩnh hết tài nguyên, đất đai, khiến nhiều loài phải diệt vong, và nhờ trí khôn đó H. sapiens cũng không ngần ngại tìm cơ hội tiêu diệt luôn đồng loại họ. Thật vậy, trong một thời gian dài mấy triệu năm, loài người phải tranh sống với những loài vật khác nên nương tựa lẫn nhau. Bây giờ mất sự đe dọa đó, họ dùng trí khôn hại nhau, không phải để giành sự sống mà giành quyền lợi. Nếu cho rằng người cổ không biết trọng thiên nhiên thì còn có thể giải thích rằng vì họ thiếu văn minh nhưng thật ra họ biết rõ chính thiên nhiên nuôi sống họ nên họ không hề phá hoại thiên nhiên, còn loài người ngày nay tự xem là văn minh mà lại hủy hoại môi sinh, từ rừng rậm, đến sông biển và bầu khí quyển, thậm chí đến không gian.Trong thiên niên kỷ thứ ba này, nếu không khắc phục được lòng tham, vị kỷ, e rằng loài người sẽ gây diệt vong chính họ, xóa đi mấy triệu năm tiến hóa của loài Homo.

DƯƠNG KIỀN

XUÂN ĐẤY

Xuân đến rồi em, trời tuyết đổ,
Ừ em, xuân đấy, có sao đâu.
Anh tìm mua nhánh Mai vàng giả,
Xa xứ ta đành tự dối nhau.

Giấy bạc, lá giong thì cũng vậy,
Gói vuông, cũng Đất, cũng xuân thôi.
Phẩm xanh pha khéo trong mầu lá,
Nhang điện, lòng thơm, tạ Đất Trời.

Xuân, chúc mừng em Thiên Kỷ mới,
Giao Thừa mình đón buổi chiều nay.
Mới chiều? Phải cộng thêm giờ chứ,
Ta đã sang xuân ở xứ này.

Năm nay Tết sớm mua không có,
Dù chỉ là cành hoa giả Mai.
Em ở quê nhà, em nhớ chụp,
Chợ hoa vàng rực rỡ bi ai.

Sách tham khảo:

Khảo cổ học Việt Nam, I Thời đại đá Việt Nam, Hà Văn Tấn chủ biên, Nhà Xuất Bản Khoa Học Xã Hội , Hà Nội (1998)

Coppens Y., in : Le singe, l'Afrique et l'homme, Paris, Fayard, (1983)

Coppens Y., Une histoire de l'origine des hominids, Pour la Science, số 201, 64 (1994)

Fléaux R., La quête de l'ancêtre (interview de Y. Coppens), Sciences et Avenir, Mai, 145 (1997)

Hay R. L., M. D. Leakey, The fossil footprints of Laetoli, Amer. Scientists, 246, 50 (1982)

Wilson A., R. Cahn, L'afrique, berceau de l'homme moderne, Pour la Science, số 176, 32 (1992)

Thorne A., M. Wolpoff, L'évolution multiregionale de l'homme, Pour la Science, số 176, 32 (1992)

Les débuts de l'aventure humaine, L'histoire du Monde, Larousse, số 1 (1993)

Leakey M., A. Walker, Les premiers hominiđs en Afrique, Pour la Science, số 238, 36 (1997)

Etler D A, The Fossil evidence for human evolution in Asia, review article on www.cruzio.com website.

Stringer C, Les migrations anciennes de notre espèce, Pour la Sciences, 263 (1), 99 (1999)

Larick R, Ciochon R L, The African emergence and early Asian dispersals of the genus Homo, Amer. Scientists, 536, 8 (1996)

Jorde LB, Walkins WS, Bamshad MJ, Dixon ME, Ricker CE, Seielstad MT, Batzer MA, The distribution of human genetic diversity: a comparison of mitochondrial, autosomal, and Y-chromosome data, Am. J. Human. Genet., 66, 979-88 (2000)

Ingman M, Kaessmann H, Paabo S, Gyllensten , Mitochondrial genome variation and the origin of modern humans, Nature, 408, 708-713 (2000)

Wolpoff MH, Hawks J, Frayer DW, Himley K, Modern Human ancestry at the peripheries. A test of the replacement, Science, 291, 293- 7 (2001)

Adcock GJ, Dennis ES, Easteal S, Huttley GA, Jermun LS, Peacock WJ, Thorne A , Mitochondrial DNA sequences in ancient Australians : Implications for modern human origins, PNAS, 98, 537-42 (2001)

Leroi- Gourhan A., in Dictionnaire de la Préhistoire Presse Universitaire de France, Paris, (1994)

White T, Suwa G, Hominid Footprints at Laetoli: Facts and interpretations, Am. J. Phys. Anthropol., 72, 485-514 (1987)

NÓI CHUYỆN NĂM NGỰA

TRẦN QUÁN NIỆM

Từ Đông sang Tây, hàng ngàn năm nay, trước khi nền văn minh cơ khí lan tràn kể từ đầu thế kỷ thứ 20, ngựa là bạn đồng hành gần gũi nhất của loài người. Tuy liệt vào loài gia súc nhưng ngựa chiếm một địa vị cao quí. Các bộ lạc du mục quí ngựa hơn vợ con (1), và đãi ngộ hết sức đặc biệt: khát uống sữa lạc đà, đói ăn trái chà là và đêm ngủ cùng lều với chủ. Sự giầu có và địa vị trong xã hội của dân da đỏ, được căn cứ trên số ngựa sở hữu. Tại nước nào cũng vậy, ngựa phục vụ hàng vua chúa, tướng lãnh, các nhà quyền quí, các trại chủ, và nổi bật nhất, ngựa được coi như chiến hữu cuả các tay tráng sĩ. Hình ảnh người tráng sĩ gắn liền với thanh gươm, yên ngựa. Tráng sĩ mà lội bộ chắc chắn là mất cả vẻ hào hùng. Thử hỏi có hình ảnh nào đẹp hơn:

Áo chàng đỏ tựa ráng pha
Ngựa chàng sắc trắng như là tuyết in

Hoặc còn gì hùng tráng cho bằng ý niệm da ngựa bọc thây trong những vần sau đây:

Chí làm trai, dặm ngàn da ngựa
Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao
Giã nhà đeo bức chiến bào
Thét roi cầu Vị, ào ào gió Thu

Sau tiệc rượu giã từ, chàng sẽ một mình một ngựa rong ruổi đường xa vạn dặm. Đó cũng là giây phút mà người chinh phụ thầm ghen với con ngựa diễm phúc được kề cận bên chàng:

Đưa chàng lòng dặc dặc buồn
Bộ khôn bằng ngựa, thủy khôn bằng thuyền

Vì kể từ đây, chàng chỉ còn ngựa là bạn đường, ăn ngủ có nhau:

Hơi gió lạnh người rầu mặt dạn
Giòng nước sâu ngựa nản chân bon
Ôm yên, gối trống đã chồn
Nằm vùng cát trắng, ngủ cồn rêu xanh
mà nguy hiểm cũng có nhau tên reo đầu ngựa, giáo lan mặt thành.

Một ngày kia chàng lập nên công lao hãn mã, trở về đoàn tụ trong vinh quang, thì hạnh phúc biết bao. Nếu chàng không bao giờ trở lại, nàng đành ôm con, hóa đá đợi chồng trên đầu non.

Văn nhân cũng cần có ngựa. Ngày xuân phơi phới, các nàng Kiều dạo chơi đầy đường, chàng thót lên lưng ngựa lỏng buông tay khấu theo tà tà cho ra vẻ hào hoa phong nhã. Chàng diện đồ vía, và ngựa chàng cưỡi cũng đặc biệt:

Tuyết in sắc ngựa câu dòn
Cỏ pha mầu áo, nhuộm non da trời

Ngựa có mặt khắp nơi. Ngựa đưa ông Nghè về làng vinh qui bái tổ chồng em xuống ngựa cả làng ra xem. Ngựa tô điểm ngày vui của chàng và nàng ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau. Ngựa chia xẻ nỗi vất vả của chủ nhân khi gặp cơn thất thế vó câu khấp khểnh, bánh xe gập ghềnh.

Lịch sử nước nhà còn chép truyện Phù Đổng Thiên Vương cưỡi ngựa sắt phá giặc Ân. Khi lâm trận, ngựa thần phun khói lửa mù mịt, cháy vàng cả những bụi trúc làng Gióng, di tích còn truyền đến bây giờ. Bên trời Âu, con ngựa gỗ Trojan, thành Troie được nhắc đến như một điển tích về mưu lược trí trá nơi chiến trường, cảnh cáo những kẻ khờ khạo, cõng rắn cắn gà nhà.

Kể từ ngày dân tị nạn lưu vong khắp thế giới, lâu lâu báo chí lại nhắc đến điển tích ngựa Hồ, chim Việt, hàm ý so sánh loài cầm thú còn biết lưu luyến chốn cố hương, nữa là con người sao đành quên quê cha đất tổ. Để giúp các bạn trẻ hiểu rõ, xin nói thêm, điển tích này rút ra từ sử sách Trung Hoa, ghi chép rằng loài ngựa thuộc rợ Hồ ở phương Bắc đem cống nước Tầu, loài ngựa này quen sống ở vùng thảo nguyên gió lộng nên mỗi khi mùa gió Bấc thổi, chúng lại cất tiếng hý ai oán. Tương tự, chim Việt, cũng là phẩm vật triều cống từ phương Nam, luôn chọn cành ở

hướng Nam mà làm tổ. Hồ mã tê Bắc phong. Việt điểu sào Nam chi.

Tại Việt Nam ngựa dùng để cưỡi hay kéo xe, trâu bò mới kéo cầy, nhưng ngựa Âu, Mỹ rất to khoẻ, lại dùng để kéo cầy. Thế mới biết, chân lý ở bên này dãy núi, sang đến chân núi bên kia lại khác hẳn. Cũng như dân ta và dân Mỹ chê thịt ngựa, dành làm thức ăn cho súc vật, trong khi dân Âu Châu lại cho là món ăn tuyệt hảo. Tuy nhiên mấy chuyện đó xin để dành hồi sau, bây giờ hãy nói về lịch sử loài ngựa.

Lịch sử

Theo các nhà khảo cổ, ngựa có mặt trên quả địa cầu từ 50 triệu năm nay. Mới đầu nó chỉ nhỏ như con nai, tên khoa học là Eohipus, có khả năng chạy rất nhanh để thú dữ khỏi ăn thịt. Theo thời gian nó thay hình đổi dạng để thành con ngựa như ta thấy ngày nay. Con người chỉ xuất hiện mới hơn ba triệu năm, nhưng với trí khôn hơn mọi loài, nên bắt ngựa làm gia súc.

Không ai rõ con ngựa đầu tiên trở nên nô lệ cho loài người vào giai đoạn nào và trường hợp đó xẩy ra như thế nào, nhưng điều người ta biết chắc là nhờ ngựa mà văn minh nhân loại lan tràn rộng rãi, và cũng nhờ ngựa mà mộng chinh phục các quốc gia lân cận của các vị lãnh chúa hiếu chiến mới thực hiện được. Khoảng năm 700 sau Tây lịch, nhà tiên tri Mohammed tin tưởng mình là truyền nhân của đấng Allah, có nhiệm vụ rao giảng đạo Hồi cho nhân loại. Nhưng có điều ông ta chọn cách rao giảng đầy máu lửa bằng cách dẫn đoàn kỵ mã Ả Rập dẫm nát Âu châu, chinh phục nhiều quốc gia. Kẻ bại trận chỉ có một lựa chọn "theo Allah hay là chết." Đế quốc Ả Rập rộng lớn tới bờ Địa Trung Hải, rồi tràn sang Phi Châu, bao gồm cả Tây Ban Nha. Trước khi đế quốc này sụp đổ, Tây Ban Nha bị người Hồi cai trị cả trăm năm, nhờ đó ngựa Ả Rập pha giống ngựa Tây Ban Nha thành một giống ngựa tốt, là tổ tiên của ngựa Mỹ Châu, như sẽ nói tới sau này.

Mấy trăm năm sau, Thành Cát Tư Hãn lãnh đạo nguyên bộ lạc rong ruổi trên lưng ngựa, chinh phục gần hết nước Tầu, Tây Hạ, Triều Tiên, Ba Tư, Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và một phần Nga Sô, từ Âu sang Á. Lính Mông Cổ nổi tiếng về tài cưỡi ngựa, suốt ngày trên yên ngựa không biết mỏi mệt, khát uống máu ngựa, đói ăn thịt ngựa. Cũng như nổi tiếng về sự hung bạo, hiếu sát, người ta loan truyền là vó ngựa quân Mông Cổ đi đến đâu cỏ cũng không mọc nổi. Dân chúng Âu Châu kinh hoàng trước đoàn kỵ mã Mông Cổ đến nỗi mệnh danh là horses from hell (đoàn ngựa từ địa ngục) reo rắc chết chóc máu lửa khắp cõi Á và Âu Châu, tuy nhiên đoàn quân bách chiến, bách thắng này hai lần tràn qua xâm lấn nước Việt tý hon đều thảm bại nặng nề. Lần thứ nhất vào đời nhà Trần (1288). Danh bất hư truyền, lúc đầu quân kỵ mã Mông Cổ tiến như vũ bão, khiến quân ta thua chạy dài. Nhưng rồi với tài điều binh khiển tướng thần sầu của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, quân Nam dùng mẹo đánh tan quân Mông Cổ tại sông Bạch Đằng. Trên bộ danh tướng Phạm Ngũ Lão tiêu diệt đoàn quân kỵ của Thái Tử Thoát Hoan và tùy tướng bằng lối phục chiến. Lần thứ hai, vào đời nhà Lê, quân nhà Minh lại tiến đánh nước ta, dưới sự chỉ huy của tướng Vương Thông, nhưng

cũng bị ta vây khổn ở Đông Đô. Viện binh hùng hậu do Liễu Thăng chỉ huy gồm 10 vạn quân và 2 vạn ngựa. Trước thế giặc mạnh, Bình Định Vương Lê Lợi dùng chiến thuật "dĩ dật đãi lao" (lấy khoẻ đánh mệt), áp dụng du kích chiến và phục binh đánh tan quân địch. Ta hãy đọc đoạn trích dẫn sau đây từ Việt Nam sử lược của Trần Trọng Kim "Ngày 18 tháng 9, quân Liễu Thăng đến gần ải Chi Lăng. Lê Sát sai Trần Lựu ra đánh rồi bỏ chạy. Liễu Thăng mừng lắm, chỉ đem 100 quân kỵ đuổi theo, bỏ đại đội quân mã ở lại sau. Đuổi được một đoạn, phải chỗ bùn lầy, ngựa đi không được. Phục binh ta đổ ra đánh, chém được Liễu Thăng ở núi Đảo Mã Pha (tục gọi là Gò Té Ngựa, bây giờ là Mã Yên Sơn ở làng Mai Sao, thuộc Ôn Châu). Việc ấy vào ngày 20 tháng 9 năm Đinh Vị."

Trở lại chuyện ngựa, nhờ sự bành trướng của đế quốc Hồi giáo và Mông Cổ, giống ngựa lan tràn khắp thế giới, trong đó ngựa pha máu Ả Rập và Tây Ban Nha được gây giống ở các nước Âu Châu, còn ngựa Mông Cổ thì ở Á Châu.

Giở trang sử Mỹ Châu, có thể nói không sợ sai lầm là chính ngựa đã chinh phục miền đất mới này. Năm 1518 một nhà phiêu lưu người Tây Ban Nha tên Don Hernando Cortés dẫn một toán quân nhỏ và 16 con ngựa đổ bộ lên Mễ Tây Cơ với mục đích tìm vàng. Khắp Mỹ Châu thời đó không có bóng dáng một con ngựa. Vì thế dân da đỏ thấy lính Tây Ban Nha cưỡi ngựa, đâm ra sợ hãi, tin tưởng người và ngựa là một con quái vật, đầu người mình ngựa, dữ dằn kinh khủng, ăn thịt người. Do đó dù quân số đông gấp bội, nhưng đành chịu đầu hàng. Cortés viết biểu về tâu vua Tây Ban Nha "Nhờ trời phù hộ, nhưng chính ngựa đã chiến thắng trận chiến này." Một con ngựa cuả Don Hernando Cortés, tên Morzillo, được dân da đỏ thờ là vị thần sấm, chớp.

Chúng ta coi xi nê thấy dân da đỏ cưỡi ngựa như bay, thật khó mà tin nổi, đã có một thời dân da đỏ sợ ngựa như vậy, dù rằng sự kiện đã ghi rõ ràng trong sử sách. Sau này họ học lóm cách cưỡi ngựa của người Tây Ban Nha, xử dụng ngựa để săn bắn và chống lại người da trắng một thời gian. Sau nhiều trận đánh, người Mỹ nhận thấy ngựa là một khí cụ lợi hại của người da đỏ, do đó có lệnh tiêu diệt cả người lẫn ngựa. Điển hình, năm 1874, Đại Tá Ronald McKenzie, chỉ huy đoàn kỵ binh thứ IV, đã thảm sát toàn bộ lạc Kiowas và 1,400 con ngựa. Ôi, luật đời mạnh được yếu thua. Đã chiếm đất còn đánh giết cả chủ nhà.

Sở trường và sở đoản

Sở trường của ngựa là chạy. Chúng ta thường nghe mấy ông ba Tầu nói dóc "thiên lý mã" là con ngựa ngày chạy ngàn dậm. Thật ra tốc độ cao nhất của ngựa độ 30 miles một giờ, tương đương 45 cây số. Đó là nói về ngựa đua, chạy hết sức vài ba vòng là về tới đích, ăn giải. Nhưng đường dài mới biết ngựa hay, trên đường trường ngựa chạy trung bình 15 đến 20 miles một giờ, chạy chừng vài tiếng là đã mệt nhoài. Bằng chứng là toán kỵ mã thuộc hãng thư hoả tốc Pony Express, vào thời lập quốc của Mỹ, phải đổi ngựa thường xuyên mỗi một trăm dậm để đem thư tốc hành, trên khoảng đường 2,000 dậm từ Missourie đến SanFransisco (thời đó xe lửa chỉ chạy từ miền Đông tới Missourie là hết đường).

Ngoài khả năng chạy, ngựa chỉ còn món tự vệ độc nhất là đá. Đá hậu. Món võ này chẳng có biến chiêu gì cả, cũng như Trình Giảo Kim chỉ có ba búa gia truyền, không đánh thắng được kẻ địch thì huề cả làng hay đánh bài tẩu mã có nghĩa là chạy (Quất ngựa Truy Phong cũng có nghĩa là chạy, nhưng kiểu chạy này khác, ai không rõ xin hỏi anh chàng Sở Khanh). Cổ Học Tinh Hoa kể chuyện người bà con của ngựa là anh lừa ở đất Kiềm (Kiềm lư), mỗi lần hổ tới chỉ ra chiêu có một ngọn cước, riết rồi hổ biết tẩy, không thèm sợ, mà vồ lấy ăn thịt. Tuy nhiên chớ coi thường mà nguy. Món đá hậu này không hiệu quả khi áp dụng với thú dữ to lớn như hùm, beo, sư tử... nhưng đối với con người yếu đuối thì cũng lợi hại lắm. Lơ mơ vỡ mặt như chơi. Do đó đừng có dại mà lẩn quẩn sau đuôi nó, nó tưởng bạn muốn mó dế ngựa, phóng ra một đá bất chợt, thì nguy to. Chẳng thế mà ngày xưa các cụ có câu "mồm chó, vó ngựa" là có ý nhắc chúng ta nên đề phòng. Nhất là gặp loại ngựa tơ, lại càng phải đề phòng lắm lắm, vì ngựa non háu đá mà. Bị ngựa đá, dĩ nhiên là vừa đau, vừa tức, đau như ngựa đá hay tức như ngựa đá. Có lẽ cũng đau đớn thấm thía, như bị người yêu bỏ đi lấy chồng, vì sau này các chàng trai thường than thở với bạn là "bị bồ đá," mỗi khi tình yêu gãy gánh. Trường hợp này các chàng thở dài thườn thượt, buồn rầu mặt dài như mặt ngựa vậy.

Còn sự thông minh của ngựa thì sao? Dựa trên đồ biểu của các nhà khoa học, ngựa không khôn bằng khỉ, voi và chó, nhưng hơn hẳn loài mèo và bò. Điều này mới nghe thật khó tin. Chả lẽ ngựa chỉ khôn hơn bò thôi sao? Bề ngoài trông ngựa có vẻ tinh nhanh hơn nhiều, giúp người đủ mọi

việc, nào kéo xe, nào kéo cầy, chạy đua, dùng để cưỡi và đánh trận. Các nhà khoa học giải thích rằng, về sự thông minh, ngựa không hơn các loài khác, nhưng có điểm đặc biệt các loài khác không có, là khi học được điều gì, không những nó nhớ mãi mà còn truyền cho con cháu như một yếu tố di truyền. Thí dụ con cháu của ngựa chiến, dễ huấn luyện thành ngựa chiến hơn con cháu của ngựa kéo xe, hoặc ngựa cưỡi. Ra trận dù nghe súng nổ, gươm đao va chạm nhau, ngựa chiến cũng không sợ, và còn biết tiến thoái nhịp nhàng ăn khớp với các thế đánh. Câu "ngựa quen đường cũ" đề cập đến một khía cạnh về sự thông minh của ngựa. Nhưng ai từng ở thôn quê thì thấy trâu bò cũng biết tìm về chuồng mỗi buổi chiều. Và oái oăm thay, câu này thường ngụ ý không tốt đẹp, áp dụng phần lớn là để ám chỉ những phần tử hư hỏng, chứng nào, tật ấy, không sửa chữa được. Cũng như mấy bà mẹ thường mắng con gái "đồ đĩ ngựa" vì ngựa cái đến cơn động đực, quậy dữ lắm, chạy long sòng sọc để tìm tình... mã.

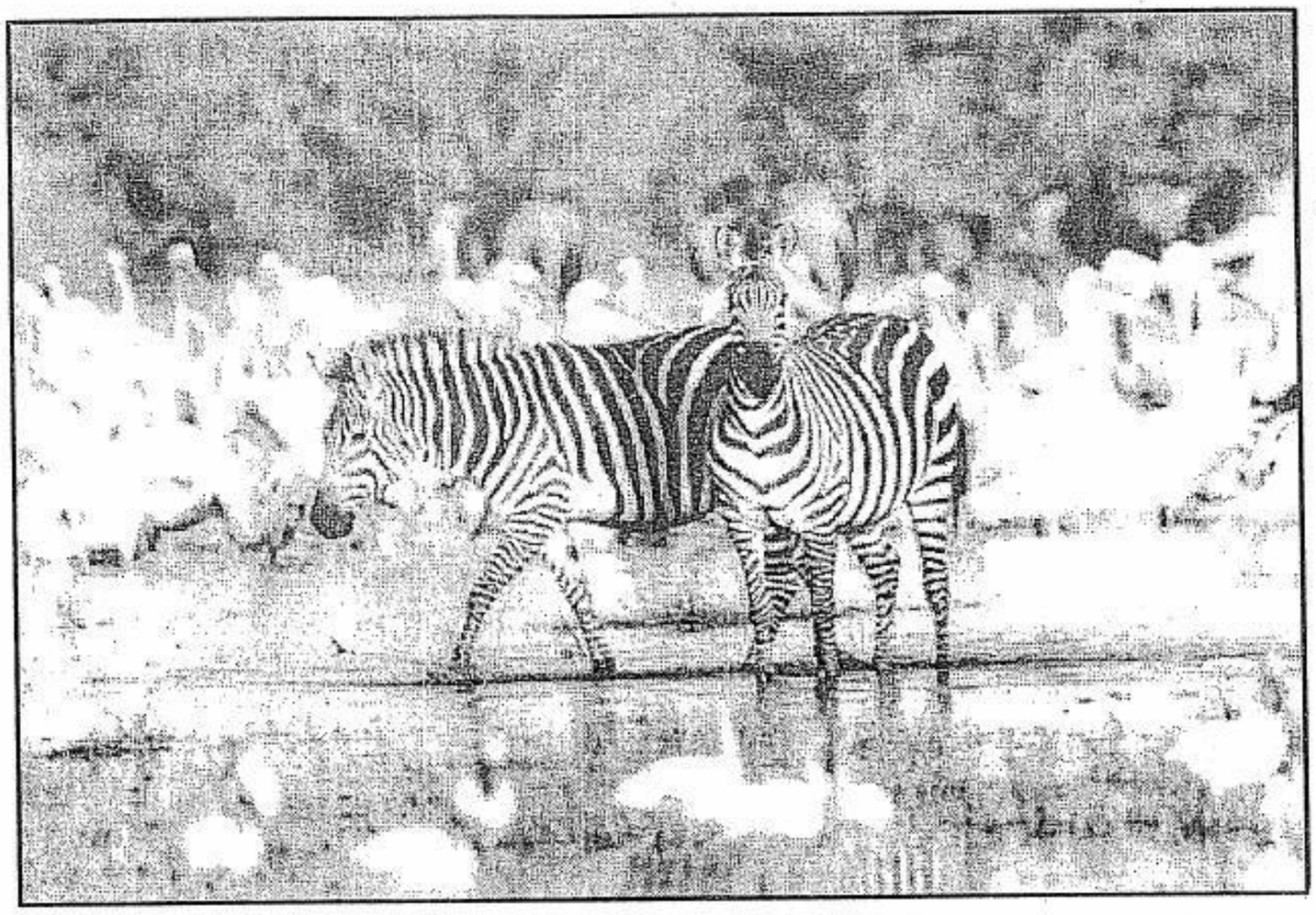

Ngựa và người

Thông thường chúng ta lầm tưởng ngựa sinh ra để người cưỡi. Thật ra Tạo Hóa không sinh ra loài này với mục đích làm nô lệ cho loài kia. Vì thế bẩm sinh ngựa thích tự do chạy nhảy, không muốn bị người khóa mồm, khớp mỏ, cột dây, rồi nhảy lên lưng, điều khiển đi đây, đi đó, kể cả ngựa sinh ra tại các nông trại (để phân biệt với ngựa hoang).

Có hai cách huấn luyện ngựa. Một chậm và một nhanh. Phương pháp thứ nhất là bắt đầu huấn luyện ngựa con khi nó mới độ vài tháng. Vì còn nhỏ nên nó không sợ người mấy, khi bị cột dây dắt đi vòng vòng. Độ ba năm, ngựa mang yên ít lâu cho quen, rồi từ từ học những bài học đầu tiên, tùy theo loại ngựa, để cưỡi, kéo xe, đánh trận hay đua. Năm thứ tư trở đi, ngựa bắt đầu làm việc được (ngựa sống trung bình 20 năm). Phương pháp thứ hai, đợi ngựa lớn cỡ 4,5 năm mới bắt đầu tập. Cần có hai người thật khỏe giữ ngựa đứng yên, trong khi người khác đặt yên lên lưng ngựa và cột giây cương. Khi tất cả đã xong, người tập ngựa nhảy lên yên, khi ngựa được thả lỏng. Dĩ nhiên ngựa sẽ nhảy dựng lên để hất người xuống, nếu không được, nó chạy dài dài cho tới khi mệt nhoài. Một vài lần như vậy, ngựa sẽ quen đi, trở nên thuần tính, bằng lòng phục vụ loài người. Đó là với loại ngựa đã được loài người nuôi từ lâu, còn với ngựa hoang, sức kháng cự dữ dội hơn nhiều, thường phải bỏ đói ít ngày rồi mới tập, và dĩ nhiên là tốn nhiều thì giờ hơn. Không phải ngựa nào cũng chịu thúc thủ khi bị huấn luyện. Có những con bướng bỉnh hơn, nhất định hất văng người cưỡi bằng mọi giá. Loại ngựa này, ta kêu là ngựa chứng hay ngựa bất kham hết hy vọng huấn luyện, nhưng lại được xử dụng trong các cuộc cưỡi ngựa thi (rodeo) cốt để thử tài mấy chàng cao bồi, thường huênh hoang ta đây là kỵ mã thứ thiệt. Đối với ngựa chứng, chàng nào ngồi vững trên yên 10 giây mà không ngã, được kể như ăn giải. Ngựa chứng có thể do bẩm sinh, hoặc vì lý do bất thường nào đó, tự nhiên dở chứng.

Muốn cưỡi ngựa không phải khơi khơi nhảy lên lưng ngựa, cầm cương cho chạy là được đâu. Có ngày ngã sặc máu mũi. Phải học, như học lái xe vậy. Ngày trước khi ngựa còn thịnh hành, con

nít học cưỡi ngựa tại gia. Đến tuổi hơi lớn một chút, một ngày đẹp trời nào đó, ông bố sẽ dẫn cậu con trai ra sân tập cưỡi ngựa, giống hệt các ông bố thành thị ngày nay, hì hục chạy theo tập xe đạp cho con. Còn bây giờ, ngựa trở nên hiếm hoi, muốn học phải đến các hội kỵ mã, hay một trại ngựa nào đó, trả tiền để học. Ngày nay, Hoa Kỳ không còn duy trì đoàn quân kỵ mã, nhưng thời trước, kỵ mã được gửi đến trường huấn luyện ở Fort Rilley, Kansas, để trau dồi môn cưỡi ngựa. Hiện nay trường này vẫn còn được duy trì, nhưng chỉ dạy những người muốn xử dụng ngựa trong các môn thể thao như đánh Polo, đi săn hay cưỡi ngựa thi tại Thế Vận Hội Quốc Tế.

Kể cả những kỵ mã giỏi nhất, đôi khi vẫn ngã ngựa như thường. Cựu Tổng Thống "cao bồi" Reagan, chuyên cưỡi ngựa rong chơi, có khá nhiều năm kinh nghiệm, mà còn ngã bể đầu, phải đi nhà thương giải phẫu nữa là. Gần hơn nữa, tài tử đẹp trai Christopher Reeve, đóng vai Superman, té ngựa gẫy cổ, bán thân bất toại cho đến bây giờ. Ngã ngựa là thất thế, cho nên người xưa thường nói người quân tử không đánh người ngã ngựa và gọi đó là tinh thần mã thượng. Và kẻ thắng thế được gọi là ở thế thượng phong (xin chớ lầm với thượng mã phong mà nguy to).

Mã đáo công thành

Ở đoạn trên có đề cập đến loại ngựa hoang (Mustang, do tiếng Tây Ban Nha Mesténo mà ra). Thật ra nó không hoàn toàn là ngựa hoang như giống ngựa hoang ở Á Châu, mà là con cháu của đàn ngựa đầu tiên người Tây Ban Nha mang sang châu Mỹ, khoảng thế kỷ thứ 16. Sau khi định cư được ít lâu, di dân Tây Ban Nha không chịu nổi khí hậu vùng đất mới, lại bị da đỏ tấn công nên đành rút về. Đám gia súc mang theo, trong đó có ngựa, trở thành thú hoang, sinh sôi nẩy nở đông vô số kể. Gần một trăm năm sau, khi người Âu Châu quay lại Mỹ khẩn hoang thì ngựa chạy hàng đàn, có đàn cả chục ngàn con. Hình ảnh đàn ngựa hoang, tung bờm sải nước đại, bụi cuốn mù trời, là hình ảnh tượng trưng cho đời sống tự do phóng hoáng, như thường thấy vẽ trên tranh Tầu. Đôi khi họa sĩ Tầu còn vẽ đôi ngựa phi nhanh trên đường, tượng trưng cho lời chúc "mã đáo công thành," để thiên hạ mua về tặng nhau trong những dịp cần chúc tụng.

Ngựa trong thời hiện đại

Năm 1918, nước Mỹ có cả thẩy 29 triệu con ngựa. Năm 1960, con số này chỉ còn ba triệu. Đó là do ảnh hưởng của nền văn minh cơ giới bắt đầu từ thế kỷ thứ 20. Xe hơi, xe máy cày, xe vận tải thay thế lần lần cho xe kéo bằng sức ngựa. Tuy nhiên cho đến ngày nay, đơn vị của sức kéo vẫn là "mã lực," kể cả sức đẩy của hỏa tiễn phóng phi thuyền không gian. Trong trí óc con người, hoài niệm về ngựa vẫn còn mênh mang. Iacocca đã bắt mạch đúng tâm lý quần chúng Mỹ khi chọn tên Mustang cho chiếc xe thể thao do ông vẽ kiểu, bán chạy như tôm tươi, và đưa ông lên địa vị giám đốc hãng Chrysler, sau khi từ giã hãng Ford. Sau Mustang, thấy ăn khách, Ford tung ra một loạt nào Bronco I, rồi Bronco II (ngựa chứng), rồi Pinto (ngựa lang), rồi Colt (ngựa tơ), trong tương lai có thể còn nhiều nữa.

Ngày nay đời sống con người không lệ thuộc nhiều vào sức ngựa, ngoại trừ một nhóm thiểu số, cuộc đời, danh vọng, sự nghiệp, tiền tài vẫn gắn liền nơi vó ngựa. Đó là những người chuyên nuôi ngựa đua, và những người tìm thú say mê nơi chốn trường đua, mà mỗi lần ngựa về ngược là mỗi lần xính vính.

Những ngày mùa Thu trên đất Mỹ quá đẹp, xin chúc quý vị tận hưởng, vì cuộc đời vốn ngắn ngủi, phù du, tựa "bóng câu qua cửa sổ" và những được mất hơn thua nào có khác gì "Tái ông mất ngựa". Những người không hay câu tri túc, suốt đời lặn lội bôn ba, cũng như kẻ cưỡi ngựa xem hoa, đến chặng đường cuối, buông xuôi tay trắng, có tiếc cũng đã muộn màng.

Thế nên đời nay có thơ rằng:

Đời người như bóng câu qua
Một hơi không kịp vào ra, chết rồi
Hơn thua chi nữa khổ đời
Tìm nơi thanh tịnh, thảnh thơi kiếp nhàn.

(1) Chắc thế nào quí vị nữ lưu cũng ngầm chê trách tác giả cố tình rẻ rúng đàn bà. Nói có sách, mách có chứng, quí vị thử vào các công viên danh tiếng, nơi người ta thường dựng tượng các vĩ nhân, danh tướng, ngắm nghía kỹ mà xem, có vị tướng nào được tạc tượng tay bồng con, tay dắt vợ, lưng đeo túi đựng tã và tay cầm bình sữa hay không? Hay là chỉ có danh tướng cưỡi con ngựa chiến mà tên tuổi cũng đã đi vào lịch sử, như Quan Vân Trường có ngựa Xích Thố, đức Phật Thích Ca có ngựa Kiền Trắc, Hạng Võ có ngựa Ô Truy v.v. Danh tướng Napoleon, Washington, Robert E. Lee cũng cưỡi những con tuấn mã nổi tiếng, nhà độc tài Juan Peron xứ Argentine có con ngựa đốm tên Mancha mà ông rất yêu quí.

DÒNG THƠ VIỆT NAM MANG DẤU CHÚA

LÊ VĂN LÂN

Trong nền văn hóa tổng hợp của dân tộc Việt Nam, người ta càng ngày càng thấy sự đóng góp phong phú của Thiên Chúa giáo, đặc biệt nhất là của Công giáo. Đã qua lâu rồi sự nghi kỵ, e dè, sự chống báng của lòng người đối với nguồn tôn giáo mà người ta nghĩ rằng phát xuất từ cõi trời Tây xa lạ, mà thay vào đó dần dà là một đức tin chân thành của những tấm lòng tín mộ vào nguồn tôn giáo có tính chất hoàn vũ này. Chúng ta có thể tìm thấy sự minh chứng hùng hồn về sự kiện trên khi đi vào dòng thi ca mà chúng ta mệnh danh là "dòng thi ca mang dấu Chúa."

Dòng thi ca Thiên Chúa đương nhiên là trẻ so với các dòng thi ca Nho Lão Phật khá già cỗi vì đã bắt rễ ăn sâu vaò tâm thức người Việt ít nhất từ đời Lý vào thế kỷ XI qua sự diễn đạt chính thức bằng chữ Nho và chữ Nôm thứ yếu. Thi ca TCG lú mầm phát triển ban đầu một cách e thẹn hạn chế vào thế kỷ XVII với sự diễn đạt ít ỏi ban đầu bằng chữ Hán và Nôm nhưng càng về sau nó trở nên mạnh dạn hơn với sự ra đời của chữ quốc ngữ vốn được các giáo sĩ phát minh để truyền giáo trong những bước đầu qua sự chuyển dịch những kinh bổn cho giáo dân tân tòng. Kịp đến khi phong trào thơ mới nở rộ vào những thập niên tiền chiến trong thế kỷ XX thì người ta bỗng bị chói lòa vì sự xuất hiện của nguồn thi hứng kỳ lạ của Hàn Mặc Tử, một thân thể đau khổ cùng cực tìm về sự cứu vớt sau cùng trong tay Chúa và Đức Mẹ Maria. Và trong giai đoạn cuối thế kỷ XX qua, sự chuyển dịch Kinh Thánh Thiên Chúa giáo bằng ngôn từ Việt hiện đại khiến người ta khám phá ra rằng cuốn Kinh Thánh là một kho chứa đựng phong phú những bản tình ca qua những bài Thánh vịnh, Diễm ca và Ai ca.

Thuở ban đầu, những trứ tác bắt nguồn thi cảm từ Thiên Chúa giáo vốn đã ít oi lại viết bằng chữ Hán và Nôm của giới nho sĩ nên khó truyền tụng phổ biến trong giới đại chúng bình dân ít học. Hơn nữa, vì Thiên Chúa giáo thuở ấy bị xem là tà đạo nên những trứ tác này bị xem như đồ quốc cấm vì bản thân những tác giả của chúng là những nho sĩ cải giáo tân tòng phải bị tước bỏ học vị khoa cử và chịu những nhục hình hay án tử. Số phận của chúng thường là bị mục nát hay mối mọt với thời gian chôn dấu qua những tờ giấy in mộc bản hay viết bằng tay. Nếu ngày nay, chúng ta có tìm lại chúng thì cũng không nguyên vẹn hay tam sao thất bổn, thật khó xác định ai là tác giả hay là người sao chép về sau.

Giai đoạn sơ khởi: Giòng thơ cho sự truyền bá đức tin

Giai đoạn khởi đầu của giòng thi cảm Thiên Chúa giáo là giai đoạn dùng ngôn ngữ văn tự cũ mà diễn đạt những tâm tình, tư tưởng về nguồn đạo mới. Chẳng hạn như bản kinh văn soạn bằng Hán tự mang tên là **"Cảm tạ cầu hồn"** hay **"Kinh Phục dĩ"** còn gọi là **"Cảm Niệm từ"**. Qua bút tích của linh mục Philiphê Bỉnh viết năm 1822 tại Lisboa trong " Truyện nước Annam Đàng Ngoài chí Đàng Trong" người ta thấy rằng tác giả là một thầy Phan xi cô. Thầy này vốn là một hòa thượng Phật giáo cải theo đạo Chúa, đậu tiến sĩ làm quan trong phủ Chúa Trịnh Tráng (1632).

Viết theo thể văn tứ lục biền ngẫu, có đối nhưng không có vần, bản kinh văn "Cảm Niệm từ" dùng để cầu hồn đọc nghe như một điệp cúng hay văn tế nhờ lối dùng điệp ngữ ê a. Bài này rất được truyền tụng trong các gia đình Công giáo mỗi khi nguyện giỗ. Nội dung là kêu cầu Thiên Chúa, Đức Mẹ và Các Thánh cứu vớt linh hồn của những tổ tiên đã quá vãng... *Thần kim khể thủ, Khẩn thiết nghệ cầu, Nguyện thử linh hồn, Khiết thăng thiên quốc*... (Tôi nay rập đầu, khẩn thiết kêu cầu, nguyện linh hồn này sạch mà lên nước trời...)

Ngoài sự dùng Hán tự, những tín hữu Thiên Chúa giáo Việt Nam thuở ban sơ còn dùng hình thức văn chương truyền khẩu nôm na mà truyền bá đạo Chúa. Linh mục Bùi Đức Sinh trong cuốn **Giáo hội Công giáo ở Việt nam** (t. 369 quyển Ba) ghi rằng: "*Thi ca dân gian có nhiều loại; quan*

họ, trống quân, hát đúm, hát ví ... đều là thơ lục bát, được sáng tác nhằm mục đích kể truyện, châm biếm, ca ngợi, đả kích... Thi ca Công giáo cũng có nhiều. Từ thập niên 30 thế kỷ XVII, lịch sử đã nói đến những ca vè, thi thơ của công chúa Catarina, của thầy giảng Inaxu soạn và ngâm, nhằm truyền bá giáo lý và lịch sử Công giáo." Ở xứ Phát Diệm, giáo dân đã sáng tác những bài Văn Dâng hoa theo các cung dân ca cổ truyền như điệu Tứ Đại cảnh, Lưu Thủy, thậm chí theo điệu Ca trù .

Nhưng càng về sau, nói về những sáng tác phong phú thành văn bằng chữ Nôm và sau bằng quốc ngữ người ta phải nhớ đến phương danh của những vị sau: Philippe Phan Văn Minh, cử nhân Phạm Trạch Thiện, giáo sĩ Lữ-Y Đoan, linh mục Trần Lục...

Linh mục Philippe Phan Văn Minh sinh năm 1815 tại Cái mơn, quận Mỏ cày, tỉnh Vĩnh Long, tử đạo năm 1853 đã diễn đạt tuyên xưng đức tin nhiệt thành của mình qua tập thơ nhan đề **Phi Năng (*Pénang*) thi tập**. Thi tập này gồm 35 bài thơ lục bát do giáo sĩ sáng tác cọng với 94 bài ngâm vịnh bằng lục bát và song thất lục bát của các thầy giảng khác. Vốn là đệ tử của giám mục Taberd, Philippe Minh là con người học rộng thông thái đã cọng tác vào sự soạn cuốn Dương Hiệp tự vị. Tự vị nầy mở đầu có hai phần: một phần là Tóm lược văn phạm Việt ngữ (Grammaticae Compendium) viết chung với GM Taberd bằng tiếng la tinh, nhưng phần sau đặc biệt hơn là Philippe Minh đã viết riêng bằng chữ quốc ngữ về **Tóm lược cách làm thơ Việt ngữ** (Compendium Versificationis Annamiticae). Philippe Phan Văn Minh phân loại rằng thơ lục bát được gọi là VĂN; thơ thất ngôn tứ tuyệt gọi là TỨ ĐẠO THƠ; thơ thất ngôn bát cú gọi là BÁT ĐẠO THƠ; phú cầu hồn gọi là VĂN TẾ hay ĐỨC TÍNH. Ngoài ra, Philippe Minh còn làm tập thơ **Inê Tử Đạo vãn** để ca tụng thánh Agnès Lê Thị Thành tử đạo, gồm 562 câu thơ lục bát.

Bài *Phán xét công bình thơ* làm theo đường luật của Philippe Minh là một bài khuyên răn con người ăn ở công chánh trước viễn ảnh phán xét thưởng phạt của Thiên Chúa như sau:

Hãi hùng kinh khiếp hỡi người ta,
Chúa xét công bình chẳng thứ tha.
Công bằng mũi lông không khuất lấp,
Tội dầu hơi thở cũng nghiêm tra.
Bấy giờ ngãi tử giao Thần Thánh.
Khi ấy tội nhân phú quỉ ma.
Bởi đó mười năm tua nắm giữ,
Rượu trà, cờ bạc chớ mê sa!

Ngôn từ trong sáng, rõ ràng, chỉnh đối chất chứa những ý tưởng đạo lý bình dị và chân thành, đầy khả năng cảm dụ tha nhân

Về bài Văn 562 câu kể truyện thánh tử đạo Inê Đê Lê Thị Thành, chúng ta hãy đọc lại cái cảnh não nuột chia ly tử biệt của người chồng khóc lóc khuyên dỗ vợ và cái gương bình tĩnh can trường hiếm có của bà trước khi bị bắt đi hành tội qua những vần thơ lục-bát của Philippe Minh:

.....
Inê lẳng lặng làm thinh,
Chồng càng than khóc vợ mình kể khuyên:
- Sắt cầm từ thuở ấu niên,
Nỡ nào ly biệt cho an tấc lòng.
Dầu chẳng nên đạo vợ chồng,
Con thơ ai kẻ quan phòng dưỡng nuôi?
Má hồng mặt bạc mày môi,
Mình vàng vó ngọc bỏ tôi chẳng nhìn?
Em hỡi ! nghe lời anh khuyên,
Sắt cầm giai lão nhơn duyên hợp hòa
.....
_ Anh thì ở lại chớ sờn,
Thìn lòng giữ đạo chẳng hơn cũng tầy.
Ngày sau ta lại hiệp vầy,
Thương thì cầu nguyện hồn ngay thẳng về,
Ấy là ngãi đạo phu thê,
Chớ ra lòng mọn lỗi thì chẳng nên.

Chúng ta thấy giòng mạch tâm tình thi tứ của Philippe Minh nào có khác gì giòng thi cảm ca dao cổ truyền của người dân Việt hay của những tác giả cùng thế kỷ như Nguyễn Du, Nguyễn đình Chiểu, Lý văn Phức ...tuy rằng Philippe Minh diễn đạt về hoàn cảnh những tín đồ của một nguồn tôn giáo mới mẻ với những tên thánh ngoại ngữ phiên âm nghe khá lạ tai như Inê, Carolo, Save lai căng:

Có người đức hạnh danh Lam,
Dòng truyền giữ đạo nước Nam nên tài,
Carolo hiệu là người,
Diên Ninh ấy phủ, nhà nơi Lâm tuyền.
Vợ hiệu Sa ve là tên,
Giai lão kết nguyền, đạo đức kính tin.

Đến trường hợp của ông **Phạm Trạch Thiện**, người xứ Cốc Thành, quận Nam Trực (Nam định) vì theo đạo Chúa mà bị tước truất học vị cử nhân (đậu vào kỳ thi hương Nam định, năm Tự đức Nhâm Tý 1852) ông cũng sáng tác nhiều bài Ca, bài Văn như các bài Văn Dâng hoa, Ca Mân côi và Kinh Cầu Đức Bà. Chẳng hạn như hình ảnh

Đức Mẹ nhân lành được ca tụng qua những vần Vãn Dâng hoa do các nữ đồng nhi trong tiết mục Vũ Phụng vụ vào tháng Năm như sau:

Đền vàng quỳ trước dâng hoa
Trông lên tháp bảo thấy tòa Ba Ngôi.
Mười hai nhân đức gương soi,
Kính dâng Đức Mẹ đời đời ngửa trông.

Mỗi đóa hoa dâng lên là tượng trưng mỗi nét nhân lành cao cả của Trinh Nữ vương:

Đức Bà thờ Chúa mọi bề,
Hoa Quỳ chăm chắm hướng về thái dương.
Tội nguyên không nhiễm khác thường,
Hoa Sen trên nước chẳng vương bùn lầm.
Lòng đầy Thánh sủng giáng lâm,
Hoa Lê tuyết đượm mùi thơm khác vời.
Tuổi cao phúc đức càng dầy,
Lạ lùng hoa Cúc nở ngày vãn thâu.
Tòa cao Thần thánh kính chầu:
Hoa Mai đỉnh núi nở đầu trăm hoa.

Ta thấy giọng thơ trên nào khác gì của Hoa tiên truyện hay Kim Vân Kiều hay những áng thơ truyện nôm bình dân khác của Việt Nam.

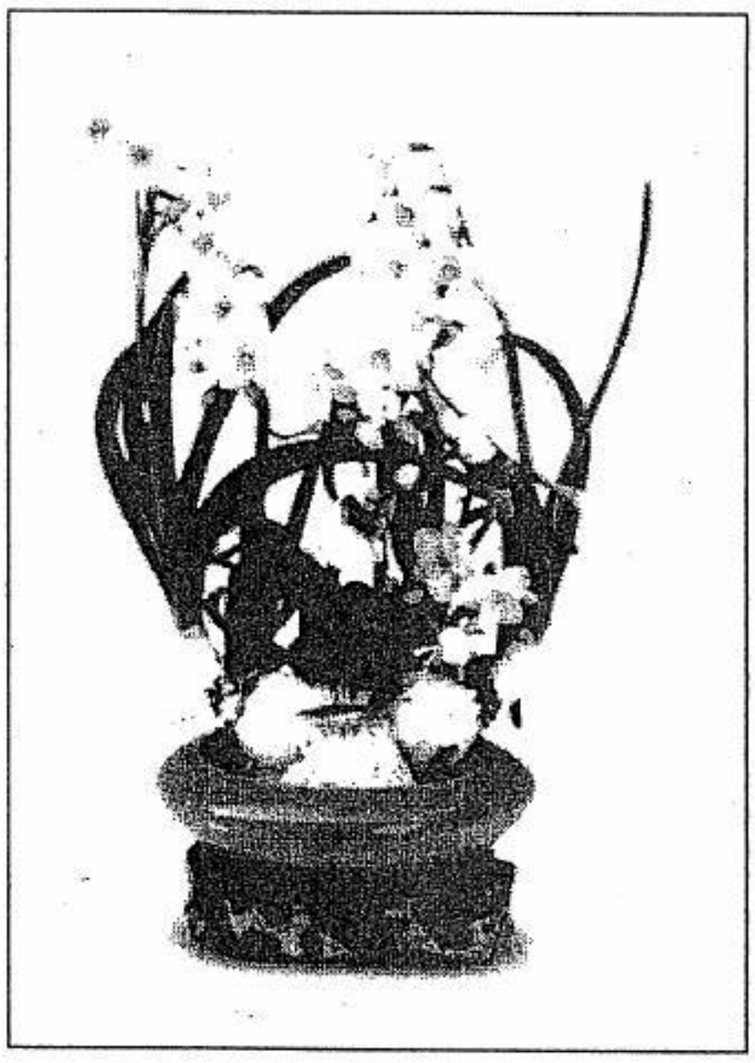

Giáo sĩ Trần Lục – nguyên tên là Petrus Trần Hữu, sinh năm 1825, thụ phong chức Phó Tế hay Thầy Sáu nên mang danh là Cụ Sáu. Bị lưu đầy nhiều nơi, nhưng nhờ tài học uyên thâm và bặt thiệp nên giáo sĩ được các quan cai tù nể vì cho dậy chữ Nho cho con cái họ. Mãn hạn lưu đầy, Cụ Sáu trở về vùng Phát diệm Ninh Bình, trong 34 năm mang khả năng xuất chúng ra làm việc nên bốn phương ai cũng khâm phục tài danh, nhất là công trình xây cất đồ sộ nguy nga trong 10 năm dựng nên Thánh đường Phát Diệm bằng đá theo kiến trúc cổ truyền của dân tộc. Về thi văn, ngoài nhiều bài thơ dạy dỗ giáo dục, Cụ Sáu đã sáng tác một thi tập gọi là **Hiếu tự ca** mà dân Phát Diệm gọi nôm na là *Ca vè cụ Sáu*. Ai dám nói người Công giáo theo đạo mới mà quên lòng thảo kính mẹ cha khi đọc những vần thơ sau của Cụ Sáu:

Anh em mẫu huyết phụ tình
Cũng là một máu nhà mình chớ ai!
Nỡ nào muốn rẽ làm hai,
Để lòng cha mẹ quan hoài không yên!
Làm người có hiếu mới nên,
Hiếu cùng nội ngoại tổ tiên ông bà,
Nhất là thảo kính mẹ cha,
Anh em hiệp hòa hiếu để thảnh thơi!
Sắt cầm dây vấn dây dài,
Gẩy nghe từng khúc, người ngoài ngóng trông.
Làm cho cha mẹ thỏa lòng,
Đói no đành phận bõ công sinh thành.

Ngoài giọng thơ đầy ngôn từ thuần túy Việt nam trong thể thơ lục bát cổ truyền của dân tộc, linh mục Trần Lục đã thổi lòng tín mộ Công giáo vào những lời giáo huấn mô phỏng theo mô típ Nho giáo như bài Gia huấn ca tương truyền của Nguyễn Trãi. Nói một cách bóng bẩy, linh mục đã thổi cái hồn Đạo mới vào xương thịt Việt Nam, để dễ bề thành công trong sự truyền bá đạo mới cho đại chúng Việt Nam. Việc làm này linh mục Trần Lục đã hùng hồn thể hiện qua công trình xây cất nhà thờ chánh tòa Phát diệm với những mái cong, những cổng tam quan, ngó giống như kiến trúc của đền chùa cổ truyền Việt Nam vậy. Theo sự phân tích của linh mục Petrus Vũ Đình Trác về cái "*tháp cao vươn lên dưới hình thức Cổng Tam Quan*" của nhà thờ Phát Diệm như sau:

Ý nghĩa Cổng Tam quan là ba cái nhìn của Đạo về vãng sinh, hiện sinh, lai sinh, hoặc ba nhân đức trụ Tin Cậy Mến, hay ba đạo sống: đời sống thanh tẩy (purgativa), hiệp nhất(unitiva) và chiêm niệm (contemplativa), cũng có thể chỉ ba nét Tam tài Thiên Địa Nhân hài hòa trong một đạo sống. Trên đỉnh Tam Quan, một cây Thánh giá đứng hiên ngang, ám chỉ về Trời nhờ ơn cứu độ của Chúa Cứu thế. (t. 508 Công giáo Việt Nam trong truyền thống Văn hóa Dân tộc)...

Linh mục Trác lại giải nghĩa rõ thêm ý trên như sau:

Con người Việt Nam cần nhìn lại quá khứ để

nơi chí hào hùng của tiền nhân, cần xây dựng hiện tại để xứng đáng với chí tiến thủ và đền đáp công ơn trời bể của Tổ tiên, phải hướng về tương lai để biết đường tiến bộ và đáp ứng cho các thế hệ mai sau. Đạo nào cũng có Tam quan như Phật giáo cũng có Thiên thai tam quan, Hoa Nghiêm tam quan, Nam sơn tam quan, Huyền Tư tam quan (t. 510 sách dẫn trên

Đến **trường hợp cụ Thầy Cả Lữ-Y Đoan** (thụ phong linh mục năm 1675) đã viết nhiều Văn tuồng, Sấm truyền ca (bằng chữ Nôm 1670) thì lại càng rõ nét khuynh hướng "đi vào lòng dân tộc."

"Thầy Cả này đã trở lại đạo hồi nhỏ và đã làm thầy giảng giúp địa phận Đàng Trong, thầy rất tinh thông chữ Nho, thuộc nhiều Tứ thơ, Ngũ kinh. Thầy làm sách này (tức Sấm truyền ca) cho hạng văn nho đọc để biết rõ đạo Chúa Giêgiu." (trích bài Tựa của Simong Phan văn Cận viết tại Cái mơn ngày 8/12/ 1820).

Thành quả và hiệu lực của *Sấm truyền ca* bằng chữ nôm này ra sao trong quần chúng Việt Nam hồi đó? Simong Cận viết rõ thêm rằng: "Sách này của thầy bị nhiều thầy cả tây đang hồi đó không ưng vì nó lai sách đạo Nho và đạo Phật, nhưng bổn đạo rất ưa và chép lại để đọc... Nhờ chữ quốc ngữ nên bổn đạo chép theo được và ham đọc lắm. Có nhiều người biết Nho lấy làm hay, họ cũng xin chép để dành đọc." Linh mục Petrus Trác nhận xét chính xác về sách Sấm truyền này như sau: "Đối với giáo quyền, tác phẩm này không được công nhận là bản dịch Thánh kinh vì đây là tác phẩm phỏng dịch, không sát với nguyên văn Kinh thánh... Lý do không được công nhận là vì tác giả chủ trương trình bày Đạo lý Thánh kinh thích nghi với văn hóa dân tộc. Ông (tức Lữ-Y Đoan) dùng những kiểu nói Nho học, Phật học để diễn tả ý nghĩa Thánh kinh. Chẳng hạn dùng những từ ngữ Đông phương như *Tạo đoan kinh, hằng sinh, hoằng khai, âm khí, dương khí, thiên cơ, sinh hóa, hóa sinh, đại thọ, tao khang, minh đức, thuận thiên, tri hành, thiên định v.v...* Ông gọi Thiên Chúa theo kiểu nói của người mình như *Ông Trời, Thượng Đế, ơn Trời, Hoàng Thiên, Ông Xanh, Thiên Tào* là những danh từ có vẻ ngoại đạo, lúc ấy chưa quen dùng. Hơn nữa các tên phiên âm theo kiểu Trung Hoa xa với nguyên danh như *An xuyên (*Assyrios*), Nương Mai* (Noema*), Ý nữu(* Enoch*)*.... Vào thời đó, giáo sĩ Lữ-Y Đoan đã có óc tân tiến, muốn đem đạo vào đời, thích nghi Đạo với văn hóa dân tộc qua các từ ngữ và kiểu cách xử sự của người Việt, thật là một con đường có bản lãnh, nhất là lúc ấy đang có phong trào cấm "nghi lễ nước Ngô" bao gồm tất cả nghi lễ và ngôn từ, nghi thức" (t. 78 sách đã dẫn trên).

Ta hãy đọc làm mẫu mười hai câu mở đầu của Tạo đoan kinh (Genesia) mà người ta quen gọi là Sáng Thế ký:

Hằng sinh Thượng Đế đại quyền,
Tự không sáng tạo phán truyền hoằng khai:
Càn khôn bỗng chốc phôi thai,
Hư hư hàn vũ, dầy dầy u minh.
Thánh thần sinh hóa vận trình,
Đột nhiên quang ánh lộ hình khắp nơi.
Ban khen trong sáng tuyệt vời,
Liền phân lưỡng vực muôn đời đối nhau.
Gọi ngày dương khí làu làu,
Gọi đêm âm khí phủ bao mịt mờ.
Hoàng hôn chuyển tiếp minh sơ,
Chu kỳ thứ nhất, thiên cơ ứng hành.

Ngôn từ nghe như của Lão giáo huyền vi nhưng mà ý tứ nội dung lại diễn tả cái quyền phép của Đức Chúa Trời lúc tạo ra trời đất. Rõ ràng giống như là bình rượu sứ quí giá của cổ Á Đông nhưng chứa đựng bồ đào mỹ tửu của Tây phương!

Chúng ta hãy đọc thơ nói về sự giao ước của Chúa Trời với ông Nô Ê sau cơn đại hồng thủy:

Biết chăng cái lẽ tồn vong,
Thì đây giao ước Trời cùng No-E:
"Ngươi và miêu duệ vưng nghe,
Từ đây thủy lạo (bão lụt) chẳng hề bạo xung.
Kể luôn sinh vật sống chung,
Nhờ người chúng được khoan dung sinh tồn.
Trên mây xuất hiện cầu vồng,
Đó là ấn tín lòng nhơn của Trời!

Lời thơ thật là trang nhã và ngọt ngào như giọng kể chuyện thần tiên của Việt Nam, đọc tưởng chừng như được hớp ngụm rượu cam lồ hay chén sâm thang!

Linh mục Bùi Đức Sinh nhận định rằng: "*Các thừa sai thời đó dè dặt đối với bản Thánh kinh (dịch) này, vì cho là không "chính thống", không sát nghĩa. Nhưng về phương diện "đi vào lòng dân tộc" thì tuyệt và đã góp phần vào văn hóa, nghệ thuật dân gian (theo thể lục bát).*

Hậu sinh chúng ta có thể suy đoán thêm rằng những vị thừa sai người Bồ, người Pháp thuở đầu mang tiếng rằng rành tiếng Việt nhưng chỉ đủ dùng để giảng đạo. Một điều chắc chắn là họ làm sao có cái ngôn từ tự nhiên của người bản xứ cũng như có đủ trình độ tiếp nhận cái hồn thơ, cái thi vị

duyên dáng và sâu sắc của bản Sấm Truyền ca của Lữ-Y Đoan, nên họ không chấp nhận nó là lẽ tất nhiên. Linh mục Bùi Đức Sinh đã nhận định rõ rằng:

"Đạo Công giáo đã có công sáng tác chữ Quốc ngữ, lập thành cung giọng, kiện toàn được hầu như ngày nay, rồi phổ biến ở trong Nam trước, Trung và Bắc muộn hơn. Ngoài Bắc, một số thừa sai đã dùng phải những thư ký không mấy giỏi văn chương, nên có nhiều tác phẩm mang theo một mớ từ ngữ thừa thãi ngớ ngẩn, vô nghĩa, như *'rằng thì là,' 'ngõ hầu,' 'mà chớ,' 'bởi vậy cho nên'* v.v... làm cho người ta tặng cho nó cái tên 'văn nhà thầy,' 'văn chương nhà đạo'..." Do đó, một điểm công bằng hậu sinh chúng ta cần nhìn vào công lao của người bản xứ đã đóng góp thầm lặng vào các tác phẩm viết bằng "quốc ngữ" mới của các thừa sai. Theo linh mục Bùi Đức Sinh: "Nói là của các thừa sai, chứ thực phần đông các vị này chỉ là người thông dịch, hoặc diễn tả tư tưởng cho những linh mục bản quốc, thầy giảng làm thư ký viết thành văn; nếu được thư ký văn hay thì sách cũng hay, và ngược lại."

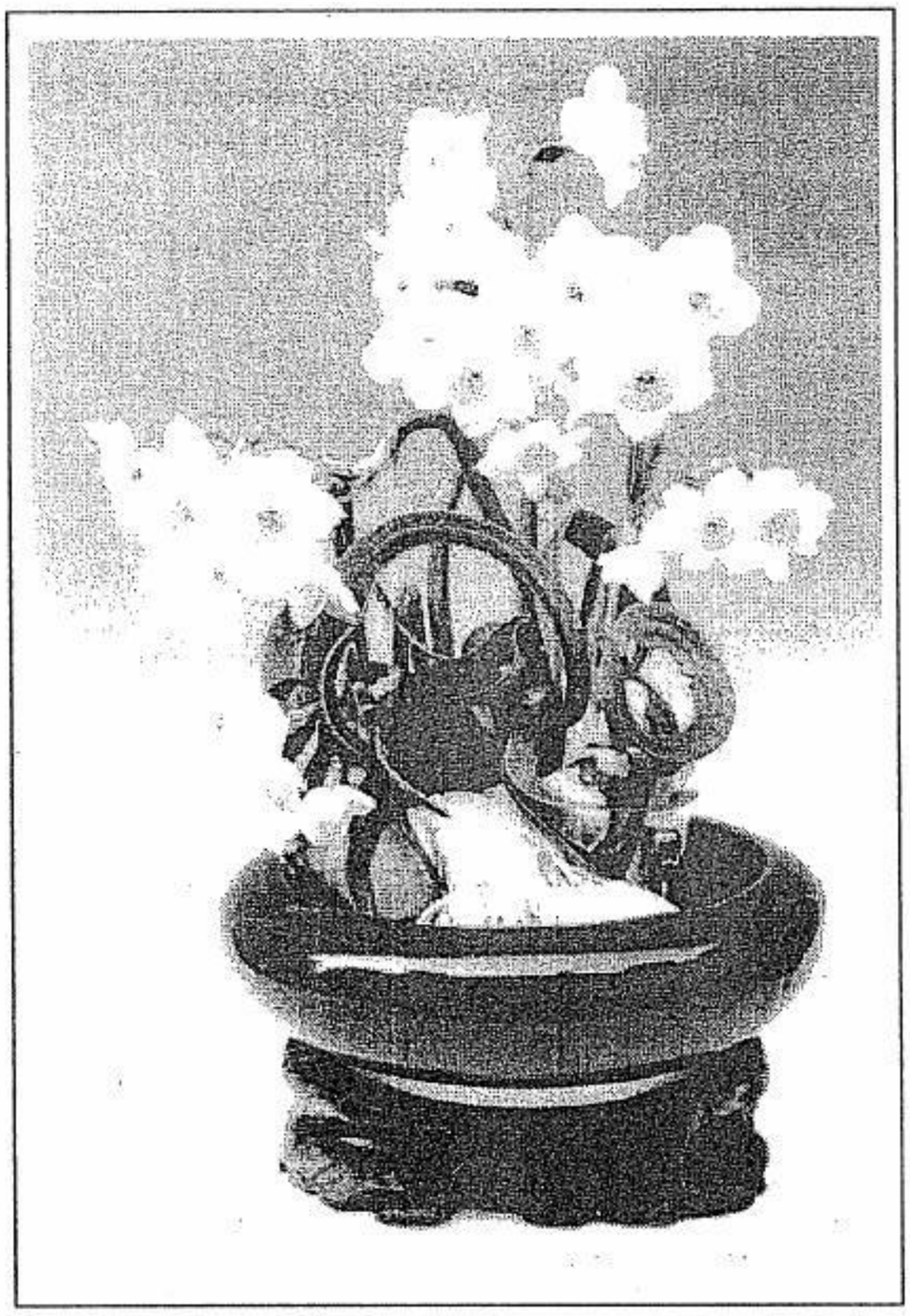

Trở về khuynh hướng "Việt Nam hóa" trong ngôn từ kinh bản và trong thi ca nghệ thuật để đạo Chúa dễ thấm nhuần vào lòng người, thì ta thấy những vị như các linh mục xưa như Lữ-Y Đoan, Trần Lục đã tỏ ra đi trước tinh thần nguyên tắc thích nghi phụng vụ của Công Đồng chung Vaticano II (1962 – 1965) theo đó trong nhu cầu đối thoại, Hiến chế Mục vụ của Giáo hội đã đề ra những nguyên tắc để khi Giáo hội đem Tin Mừng Chúa Kitô vào các nền văn hóa khác thì cũng đón nhận những yếu tố của họ để có thể dùng vào việc tôn thờ, và việc phụng vụ của mình. Trong địa hạt thi ca, nhà thơ Hàn Mặc Tử trong phong trào Thơ Mới ở Việt nam (1932 – 1945), tuy là tín đồ Công giáo thuần thành, cũng tỏ ra đi trước tinh thần Vaticano II với sự xử dụng trong nguồn thơ Đạo của mình những danh từ của các tôn giáo khác, ví dụ như các danh từ Phật giáo: Mười phương, Ba ngàn thế giới, chín từng trời cao ngất, trời từ bi....; danh từ của thần thoại Á Đông và Lão giáo như Sông Ngân, Mê Hà, huyền vi, trời Đâu suất, Đao lỵ, trời hạo nhiên... Những hình ảnh ngôn từ chỉ là những phương tiện để tâm hồn sốt sắng của Hàn Mặc Tử ca ngợi Đức Chúa của mình:

Tôi ưa nhìn Bắc đẩu rạng bình minh
Chiếu cùng hết khắp ba ngàn thế giới!

Giai đoạn chuyển mình: Giòng thơ tâm tình và đối thoại với Chúa

Giòng thi cảm Công giáo dùng Hán Nôm hay quốc ngữ theo những thể thơ cổ điển - "bình cũ rượu mới" - nói trên thường chỉ phô diễn hạn chế trong những cọng đồng Công giáo hay vài giáo xứ ví dụ như Ca vè Cụ Sáu chỉ phổ biến trong vùng Phát Diệm, hay các bài Văn Dâng hoa, Văn Mân côi, và Kinh cầu Đức Bà chỉ được lưu hành trong các Địa phận Dòng Đa Minh: Hải Phòng, Bùi Chu, Bắc Ninh, Thái Bình ngoài Bắc.

Sang đến đầu thế kỷ XX, bắt đầu xuất hiện vài tờ nguyệt san, bán nguyệt san lưu hành trong giới công giáo như Nam kỳ Địa phận, Trung Hòa, Sacerdos Indosinensis, Thanh Niên, Nghĩa Binh, Đức Mẹ Hằng cứu giúp, Vì Chúa, Lời Thăm, Chức dịch thư tín v.v... Sau năm 1946, nhiều tờ công giáo phải đình bản nhưng lại xuất hiện những tờ có ảnh hưởng lớn như Hồn Công giáo, Nhiệm

vụ, Tiến hành, Liên đoàn Công giáo, Văn hóa Tổ quốc... Trên những báo chương Công giáo nói trên, giòng thi cảm tín mộ đương nhiên có đất mà phát triển và phô diễn trang trải ra; tuy nhiên vì là báo đạo nên đại chúng rộng rãi không có dịp ghé mắt mà thưởng thức. Những bài thơ này số lượng không rõ nhiều ít vì hiện nay chưa ai sưu tập qua những chồng báo cũ, nhưng chúng ta có thể nghĩ rằng giòng thi cảm Công giáo vào tiền bán thế kỷ XX tuy ít nhiều vẫn giữ lề thói cổ điển thuở xưa với số ít bài đường luật hay thất ngôn nhưng về hình thức thể thơ và nội dung hay tứ thơ phải khai phóng theo thời đại nhất là sau khi có phong trào thơ mới nổi lên vào năm 1932. Thi cách tự do hơn với phép gieo vần không nghiêm nhặt, số chữ của mỗi câu cũng không hạn định. Những bài thơ sáng tác không còn giữ tính chất khuôn phép truyền bá và giáo huấn về đạo Chúa như trong những thế kỷ truyền giáo khởi đầu. Theo phong trào lãng mạn, nhà thơ Công giáo cũng bắt đầu sáng tác với thi hứng phu diễn cái "tôi" trước hết như câu nói của Victor Hugo trong bài tựa tập Odes et Ballades "Thơ là tất cả những thân thiết riêng tư trong mọi sự" (La poésie, c'est tout ce qu'il y a d'intime dans tout). Nhà thơ đời hay nói về cái "tôi" khổ đau (le moi douleureux) vì cái "buồn thế hệ" (mal du siècle) thì nhà thơ Công giáo khi khổ ải trầm luân lại khắc khoải cầu nguyện với Chúa và Đức Mẹ như trường hợp của Hàn Mặc Tử (đặc biệt trong một bài riêng khác). Nhưng khi nhà thơ Công giáo vui hoan lạc, họ cũng nói những lời ca ngợi rất dễ thương như:

Xin hãy mặc cho con,
áo mỹ miều của Chúa
để mọi người nhìn con
nhận ra hình ảnh Chúa
(Trần Mộng Tú)

Trong hoang sơ tĩnh mịch,
NGÀI đã đến thật gần
như chạm vào cùng đích
Giòng cứu độ thế nhân.
(Lê Ngọc Hồ - Chúa Giêsu trong sa mạc)

Trường hợp của Hàn Mặc Tử thì quá đặc biệt vì chưa ai như ông dám tỏ bày cái cảm xúc về tôn giáo phát xuất từ đường gân thớ thịt. Trước ảnh tượng Đức Mẹ, ông sung sướng run lên vì ớn lạnh.

Về nội dung của thơ, châm ngôn của tín hữu Công giáo là Mến Chúa Yêu Người. Thông thường trong tâm tình Mến Chúa, tâm hồn người tín hữu vẫn xây dựng trên những khúc nhôi sau khi phô diễn nguồn thi hứng: 1. thờ phượng 2. ngợi khen 3. cám ơn 4. thống hối 5. dốc lòng 6. ước ao 7. cầu khẩn.

Muốn Yêu, tiên quyết phải có lòng Tin và một khi yêu thì dốc lòng sở cậy nên Tin Yêu Cậy là ba diễn tiến của tâm tình người tín hữu. Theo giáo lý Công giáo, con người phải chống chõi với ba kẻ thù: Xác thịt, thế gian và ma quỷ. Đứng về mặt thực tế của cuộc đời, tình, lợi, danh chi phối mãnh liệt trên tư tưởng, lời nói và việc làm của con người.

Giòng thơ Công giáo muốn thấm vào lòng người đọc trong thời đại mới không thể giữ mãi truyền thống giáo huấn và hoằng dương giáo lý Phúc âm nặng về lý trí của thuở đầu mà đương nhiên người thi sĩ phải chính mình có cái kinh nghiệm "máu và nước mắt" và sống chứng nghiệm cái lẽ Đạo rồi mới khơi nguồn hứng cảm chân thành trong cuộc sống chiến đấu nội tâm. Sự chứng nghiệm này lại càng ngày càng phong phú nhất là trong hạ bán thế kỷ XX với nhiều biến cố thời đại như cảnh chiến tranh bom đạn đẫm màu, cảnh sinh ly tử biệt ướt nhẹp lệ nhòa khiến con người tìm đến Chúa nhiều hơn!

Nói đến thơ là nói đến sự sáng tạo những ngôn từ tinh kết và nói đến những biểu tượng. Văn thơ Đạo vì vậy trong thời đại mới đã rũ bỏ cái lốt nghiêm trang đạo hạnh của "văn nhà Đạo" cổ hủ vụng về mà mặc lấy lớp áo càng lúc càng tân kỳ hơn, mà khi xuất thần, thì giòng thơ thao thao tuôn ra bất tuyệt và reo lên như châu ngọc của đền vua như từ ngữ của Hàn Mạc Tử! Về biểu tượng Công giáo, ngoài hình Thánh giá và Trái tim yêu rướm máu, người đọc thường cảm thấy thấp thoáng những tháp chuông, những giọng kinh nguyện, những bài Thánh vịnh, những nhánh huệ, cành hồng, những chén thánh...

Danh mục của những thi sĩ Công giáo trong thế kỷ XX chắc rất nhiều nhưng chưa ai kiểm kê. Trong những thập niên cuối thế kỷ, mới thấy lác đác vài cuốn lịch sử tóm lược sự phát triển Công giáo ở Việt Nam, trong đó có nhắc đến quá ít tên những thi nhân Công giáo mà tác giả biết mà thôi ví dụ như sách của các linh mục Phan Phát Huồn, Bùi Đức Sinh, Vũ Đình Trác. Trong cuốn *Giáo hội Công giáo ở Việt Nam*, L.M. Bùi Đức Sinh chỉ qua đến vài tên sau: Hàn Mặc tử, Xuân Ly Băng (Lê Xuân Hoa), Hoàng Kim (+ 1985), Thanh Hải (Nguyễn Định Tường (+ 1992), những

giáo dân như Hồ Dzếnh (Hà Triệu Anh + 1991), Nguyễn Duy Diễn (+ 1965)... L.M. Vũ Đình Trác có nhắc thêm vài tên khác như Sảng Đình J.M. Thích, Nguyễn Tầm Thường... Khi viết bài này, nhân dở lại chồng báo cũ Nguyệt san Đức Mẹ Hằng cứu giúp xuất bản tại Hoa Kỳ, tôi thấy nhiều bài rất hay của những người tạm kể như sau: Hoài Nam, Nguyễn Hữu Dũng, Lê Văn, Xuân Chính... Ngoài ra, tôi còn được nghe đến những tên sau như Võ Long Tê, Trúc Lang Vĩnh Hồ và còn nhiều người khác làm thơ Công giáo tài tử nhưng thấm đậm hồn thơ...

Do đó, tôi nghĩ nếu có một công trình sưu tầm và góp nhặt lại đầy đủ những sáng tác thơ của các thi nhân Công giáo từ trước đến nay thì chúng ta sẽ có một vườn hoa thi tứ phong phú đóng góp vào giòng thi ca của dân tộc.

Về thi sĩ Hàn Mạc Tử, tôi nghĩ cần viết một bài chuyên biệt vì đây là một trường hợp quá đặc biệt với nhiều điều phải trình bầy. Trong bài này, tôi chỉ xin đề cập vài thi nhân điển hình trong giòng thi cảm Công giáo trong thế kỷ qua.

Trước hết, nhà thơ lớn Công giáo sáng tác phong phú nhất qua nhiều thể loại là thi sĩ **linh mục Sảng Đình J. M Thích** (1891- 1978). Sinh vào đầu thập niên cuối cùng của thế kỷ 19, thời gian sống của linh mục trải dài suốt ba phần tư của thế kỷ 20 qua. Ông là con nhà Nho giáo, học Hán tự từng đi thi Hương, nhưng sớm cải theo đạo Chúa dù bị cha mẹ chống đối, và quyết tâm đi tu. Linh mục đã sáng lập và chủ bút tuần báo *Vì Chúa* viết bằng quốc ngữ, Pháp văn và Hán văn ra đời ngày 18/9/1936, xuất bản tại Huế. Thi sĩ Sảng Đình có làm bài Vật lý suy nguyên với nguyên tác bằng Hán văn mà chính ông dịch ra thơ Việt với nhan đề **Đứng giữa càn khôn** (Huế 1927) như sau:

Đứng giữa càn khôn thử ngắm trông,
Trời cao đất rộng tứ vô cùng.
Gương Nga đầy khuyết qua rồi lại,
Máy Tạo xoay vần hạ với đông.
Sinh trưởng vô tình vui thảo mộc.
Vẫy vùng đắc ý mặc ngư long.
Suy trong vật lý ta nên tỉnh,
Nhận biết trời trên có chủ ông.

Bài này rất được thi sĩ Tản Đà tán thưởng và dịch ra thơ lục bát với giọng thanh thoát như sau:

Nhìn quanh vũ trụ bao la,
Trời cao đất rộng biết là ra sao!
Một vừng trăng sáng treo cao,
Đi đi lại lại dễ nào ai hay.
Trăm năm muôn thuở đổi thay,
Mới thu khi ấy mà nay đông rồi!
Cỏ cây chẳng biết sự đời,
Mà xanh mởn lá, mà tươi tốt cành!
Vẫy vùng biển rộng trời xanh,
Rồng kia cá nọ ra tình sướng sao!

HÀN MẠC TỬ

Xuân Đầu Tiên

Mai sáng mai, trời cao rộng quá,
Gió căng hơi và nhạc lên mây.
Đôi lòng cũng ấm như xuân ấm,
Chỉ có ao xuân trắng trẻo thay!

Mai này thiên địa mới tinh khôi,
Gió căng hơi và nhạc lên trời.
Chim khuyên hót tiếng đầu tiên hết,
Hoa lá hồ nghi sự lạ đời.

Trái cây bằng ngọc, vỏ bằng gấm,
Còn mặt trời kia tợ khối vàng.
Có người trai mới in như nguyệt,
Gió căng hơi và nhạc lên ngàn.

Thuở ấy càn khôn mới dựng nên,
Mùa khô chưa gặp tốt tươi lên.
Người thơ phong vận như thơ ấy,
Nào đã ra đời ngọc biết tên.

Xuân gấm đầu tiên giữa cõi đời,
Mùi thơm ngây dại sóng con người.
Hãy hoan hô, lời cao như sấm:
- Vạn tuế, bay ơi! Nắng rợp trời!

Bầu trời suy xét tiêu hao,
Thử xem muôn vật ai nào biết chưa?
Càn khôn để lại từ xưa,
Có tay gầy dựng chớ ngờ rằng không!

Kể như thuộc trường phái thơ cũ, nhưng linh mục Sảng đình J.M. Thích chuyển hóa theo giòng thi ca mới một cách dễ dàng. Thơ Đạo của ông rất nhiều với tứ thơ súc tích về đạo lý bằng Hán, Việt , Pháp văn nhưng lạ thay, lời thơ lại rất bình dị nhẹ nhàng như bài sau:

Lễ quà của em (1931)

Lúc chầu Máng cỏ tối hôm qua,
Em thấy hai tay Chúa ngả ra.
Hai tay trắng muốt dễ thương lắm,
Như muốn đòi em một món quà.

Em về em cứ nghĩ liên miên:
Trằn trọc đêm nằm ngủ chẳng yên.
Nghèo khó phần em có chi có,
Muốn mua lễ vật lại không tiền.

Mai nay Thiên thần bảo em hay
Em sẵn món qua thật rất may.
Quà em dâng Chúa đố ai biết?
- Một tấm lòng đơn lửa mến đầy!

Nếu bây giờ, những bài thơ hay thường được phổ nhạc theo nhạc lý Tây phương, thì vào những thập niên đầu thế kỷ 20, thi sĩ Sảng Đình J.M Thích nối tiếp truyền thống ban đầu là làm thơ và phổ nhạc theo các cung điệu cổ truyền miền Trung như Kim tiền, Lưu Thủy, Tứ đại cảnh, Đăng đàn cung, điệu múa Bát Dật... Theo tôi, đặc biệt cảm động là thi sĩ đặt ra Câu hát Đức Mẹ ru con theo điệu ru Nha Trang:

1- (Con ngủ cho muỗi), Ru Con, Con ngủ cho muỗi, Như buồng nho chín (đồi) trên đồi Bêlem (đồi trên đồi)

2- (Con ngủ cho êm) Ru Con, Con ngủ cho êm, Ngày đông thì ngắn mà đêm (dài) thì dài, (đêm dài thì dài).

3- (Con ngủ cho say) Ru Con, Con ngủ cho say, Trong lòng Mẹ ấp, trên tay (bồng) Mẹ bồng (tay trên tay bồng Mẹ bồng)

4- (Con ngủ cho nồng), Ru Con, Con ngủ cho nồng, Tuyết sa mặc tuyết, (phùn) mưa phùn (mưa) mặc mưa (phùn mưa phùn).

5- (Con ngủ cho vừa) Ru Con Con ngủ cho vừa, Con bò một phía, (lừa) con lừa (bên) một bên (lừa con lừa)

6- (Con ngủ cho yên) Ru Con, Con ngủ cho yên. Đoàn chiên lài lạc, Chúa chiên (lài) lạc lài (Chiên Chúa chiên lài lạc lài).

7- (Con ngủ cho may) Ru Con, Con ngủ cho may, Cho người mau lớn, (ngày) để ngày (sinh) hy sinh (ngày để ngày).

8- (Con ngủ cho lành) Ru Con, Con ngủ cho lành, Bằng yên dưới đất, rạng danh (trời) trên trời (danh sáng danh trời trên trời)

Chúng ta thấy lòng Mẹ là một cái gì êm dịu nhất qua Bài hát Đức Mẹ ru Con của thi sĩ Sảng Đình cũng như nhìn ngắm những họa phẩm đầy hồn tính Việt Nam như: Đức Mẹ và Chúa Hài Đồng của Trương Đình Kim (1952), Mater Amabilis (Mẹ yêu dấu) của Lê Văn Đệ ... Do đó ta thấy giòng thi cảm Công giáo tuôn đổ tâm tình vào nhân vật Đức Mẹ với những vần thơ tha thiết. Giáo hội Công giáo đã đặc biệt tôn thờ Đức Mẹ Maria nên Bà đã được tôn vinh bằng rất nhiều phương danh sau:

Đấng Vô nhiễm (Immaculée)
Mẹ của Chúa (Theotokos)
Mẹ của Giáo hội
Đấng đầy ơn phước
Mẹ của những kẻ sống (Mère des vivants)
Bà Toàn Thánh ("Panaghia", *Toute Sainte)*
Nô tì (Ancilla) *của Chúa*
Đức Mông Triệu (Assumpta)
Ngôi báu của Khôn ngoan (Trône de la Sagesse)
Vị Dẫn lộ ("Hodoghitria")
Bà Evà mới (Nouvelle Ève)
Vị cầu bầu, Vị phò giúp, Vị cứu khổn, Vị trung gian (Avocate, auxilliatrice, secourable, médiatrice)
Ảnh tượng Cánh chung của Giáo hội (Icône eschatologique de l'Église)
Nữ Trinh vương (Toujours Vierge)

Trong thơ của Sảng Đình, Đức Mẹ được ca tụng là ngôi sao Mai sáng dẫn lộ:

Sáng ngời trời một góc,
Kìa sao Mai mới mọc,
Chói giọi hơn thủy tinh
Tốt lành hơn châu ngọc
....
Ôi ngôi sao đẹp đẽ
Và đáng yêu mọi vẻ!
Mắt tôi thấy sao Mai
Lòng tôi tưởng Đức Mẹ!
(Sao Mai)

Trong bài Kính Đức Mẹ lên Trời, linh mục

Sảng Đình đã ngợi khen Bà với nhiều hình ảnh sau:

...
Mẹ là biển mênh mông,
Mẹ là mạch suối trong,
Mẹ là nguồn ơn thánh
tắm tôi sạch mát tâm hồn.

Mẹ, vừng hồng cao quang
Mẹ, dịu dàng yếng sáng,
Mẹ, rạng ngời sao sáng,
Ôi! Mẹ là của Thiên đàng!

Mặt Mẹ, ánh trời tươi,
Lời Mẹ, tiếng đàn vui,
Lòng Mẹ, đầy êm ái
nơi con nghỉ yên đời đời
...

Còn trong bài Thánh Nữ Đồng Trinh Maria, thi sĩ Hàn Mặc Tử ca ngợi Đức Mẹ là :

.... Đấng tinh truyền thánh vẹn,
giàu nhân đức, giàu muôn hộc từ bi
cho tôi dâng lời cảm tạ phò nguy
cơn lậm lụy vừa trải qua dưới thế.

Thi sĩ Sảng đình JM Thích, với cuộc sống đạo và sáng tác phong phú vắt qua ba phần tư thế kỷ XX, quả là một thi nhân Công giáo lớn bắt cầu giữa thế hệ cổ điển và thế hệ hiện đại. Nối tiếp gót chân của Sảng Đình và HMT, ta hãy đọc vài câu cầu xin trong tập Ave Maria của Lê Ngọc Hồ:

...
Dâng lên Mẹ khổ đau
Lâm nguy con kêu cầu
Mẹ ơi! Xin cứu giúp
Cho con qua cơn đau!

Con biết trông vào ai
Qua những tháng năm dài
Mẹ thương xin chỉ bảo
Cho con đường tương lai!
...

hay câu hỏi "Vì sao?" của Lê Văn:

Sao Ngài giang tay mãi
trên thập giá khổ đau?
Thương ai Chúa gục đầu
đôi mắt buồn ngấn lệ?
Nhìn Ngài
Con nghe lòng thổn thức
Vòng gai nhọn đâm thâu
Thân hình mang thương tích
Vì đâu Chúa gục đầu?
Có phải
Vì tình yêu mà Ngài không lên tiếng
Hồn mở ra là bằng chứng nhiệm mầu
Ngài yên lặng là tiếng kêu lớn nhất
Chết vì yêu tình Chúa thật thảm sầu
Vâng
Giờ đây con mới hiểu
Vì sao Chúa gục đầu
Vì sao Ngài không nói
Thập giá quá nhiệm màu!

Nhà thơ linh mục Xuân Ly Băng sáng tác rất nhiều nhưng bài Vào Sa Mạc thật là tuyệt:

Thời gian vào sa mạc,
Sỏi đá hóa tâm tình,
Hoa cỏ mặc tâm linh
Mây trời ca tình tự.
Mưa rơi toàn ân tứ
Gió thổi rặt tình yêu,
Từ sáng tới ban chiều,
Không gian đầy thánh sủng,
Ai bước vào thung lũng,
Ai leo lên núi đồi
đều gặp thấy Ngôi Lời
và Chúa Cha hằng hữu,
với tình yêu vĩnh cửu
của Ngôi Ba Thánh thần.
Cả một trời thiên ân,
một đại dương ánh sáng,
một suối nguồn hy vọng,
một biển sống vĩnh hằng
đang vây phủ toàn thân
của người vào cô tịch,
miễn là chịu giết chết
con người cũ Adam,
và mặc lấy huy hoàng,
Vinh quang con người mới!

Trang giấy này nhỏ hẹp không cho tôi trích dẫn nhiều vần thơ đẹp của thế hệ trẻ trung trong thế kỷ XX.

Thay lời kết:
Con đường vào Kinh thánh là con đường thơ mới lạ cho thi ca Việt nam

Nhìn lại thế kỷ qua, chúng ta thấy văn thơ Việt Nam đã dần dà đi những bước đi phát triển vững vàng và hứa hẹn vì ngôn từ Việt Nam càng ngày càng biến chuyển, thoát bỏ cái kén thô sơ cứng nhắc của chữ Quốc ngữ mà trở nên trong sáng lạ kỳ. Điều này rõ ràng nhận thấy qua văn thơ Công giáo. Người thơ đã rũ bỏ những ngôn từ vụng về,

lai căng mang tiếng là "văn chương nhà đạo," lời thơ văn trở nên thanh thoát, tự nhiên, diễn tả trực tiếp nỗi lòng khi trang trải trên mặt giấy. Hiện nay, giáo hội Công giáo Việt Nam đã hoàn tất in ra bộ Kinh thánh phiên dịch ra Việt Ngữ hiện đại. Sự canh tân này khiến người ta càng cảm thấy cực kỳ hứng thú giở Kinh thánh ra đọc trong cố gắng tìm hiểu đạo Chúa. Đọc Kinh thánh, người ta sẽ say sưa tìm thấy trong đó những bài Thánh vịnh diễn tả mọi tâm tình đơn sơ, dạn dĩ, tin tưởng của con người trước mặt Thiên Chúa, những bản tình ca tuyệt vời trong sách Diễm ca, những tiếng khóc nỉ non trong sách Ai ca, những lời vừa bi đát vừa trữ tình của tình phu thê bị phản bội trong sách Hô sê. Đây phải chăng là một sự thành công của những cố gắng âm thầm từ năm 1970 của 22 linh mục, tu sĩ ngồi lại cộng tác với nhau trong việc phiên dịch ra Việt ngữ hiện đại, ví dụ như Xuân Ly Băng, Hoài Đức, Nguyễn Văn Hòa, Trần Ngọc Quỳnh, Đỗ Xuân Quế...

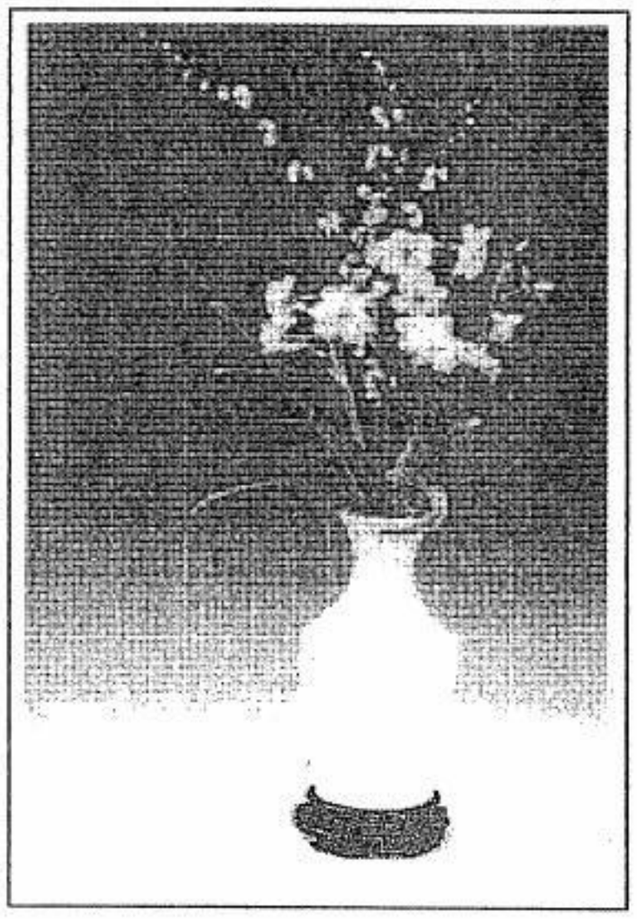

Chúng ta hãy đọc một đoạn phiên dịch tản văn trích từ sách Diễm ca với những ngôn từ Việt Nam hiện đại:

....

Lúc quân vương ngự giữa nội cung,
dầu cam tùng của tôi tỏa hương thơm ngát!
Người yêu tôi là chùm mộc dược
nằm gọn trên ngực tôi!
Người yêu tôi là khóm móng rồng
trong vườn nho Ên Ghe-đi!
- Nàng đẹp quá, bạn tình, đẹp quá!
Đôi mắt nàng là một cặp bồ câu.
- Người yêu hỡi, anh đẹp, anh tuấn tú làm sao!
Giường chúng ta là cánh đồng thơm ngát!

.....

Chàng đã đưa tôi vào phòng tiệc, cho tôi uống rượu nồng, đã thắng tôi bằng sức mạnh tình yêu.

Xin cho tôi bánh nho để tôi tìm lại sức,

cho tôi táo để tôi được bồi dưỡng, bởi vì tôi ốm tương tư.

Chàng đưa tay trái cho tôi gối đầu,
đưa tay phải ghì chặt lấy tôi...

Chúng ta phải hoan nghênh chủ trương "**Phải mở rộng lối vào Kinh Thánh cho các Ki-tô hữu**" (Vat. II, Mặc Khải 22). Sách Diễm –ca là sách soạn vào thế kỷ V- IV trước CN, gồm năm bài tình ca diễn tả mối tình giữa Chàng và Nàng. Nhưng chúng ta đừng hiểu theo ý nghĩa ái tình dung tục. Người Do-thái hiểu đây là mối tình tuyệt giữa Thiên Chúa và Dân tộc được tuyển chọn. Hội Thánh hiểu là mối tình giữa Chúa Ki-tô và Hội Thánh; các giáo phụ, các nhà thần bí hiểu là mối tình giữa Chúa Ki-tô và mỗi tâm hồn. Nếu ta hiểu về tình ái thanh cao như trên, ta thấy chẳng ngỡ ngàng ngạc nhiên khi thấy những danh từ đạo sau: Đức Mẹ là "Nữ Tỳ của Chúa," những vị nữ tu là những " Hôn thê của Chúa."

Đọc sách "Khải Huyền của Yoan" ta hiểu tại sao Hàn Mặc Tử lại dùng chữ "mùa Xuân hôn phối" trong lời thơ van lơn tha thiết sau:

Tôi van lơn thầm nguyện Chúa Giê su
*Ban ơn xuống cho mùa **xuân hôn phối**.*

HMT không điên loạn đâu mà thi nhân đã lấy thi hứng từ thị kiến của thánh Yoan:

"Và tôi đã thấy một trời mới và một đất mới, vì trời cũ và đất cũ đã qua. Và Thành thánh Yêrusalem mới tôi thấy từ nơi Thiên Chúa chỉnh tề như tận nương trang sức chờ đón đức lang quân."

Hiểu tình yêu một cách thanh khiết như vậy, tinh thần đạo hạnh của những tín hữu ngoan đạo sẽ không thấy bị xúc phạm khi thấy những nghệ sĩ đã dám táo bạo diễn đạt những điều cảm xúc chân thành nhất của họ như ta ngắm những bức tranh Madone de l'humilité của họa sĩ Masolino vào khoảng năm 1435 (vẽ Chúa Hài đồng giơ tay sờ ngực Mẹ), bức tranh The Lactation of St Bernard, Flemish. Ca.1480,vẽ hình thánh Bernard cầu nguyện trước ảnh Đức Bà cho Chúa con bú, và trong cơn thị kiến, ông thánh này nhận được một tia sữa vọt thẳng từ ngực Đức Bà (In a vision, Saint Bernard received a stream of milk directly from the Virgin's breast – trang 46 sách *A History of the Breast* của nữ tác giả Marilyn Yalom -1997). Vừa mới nhất trong thời hiện đại là bức tranh Mẹ Con của họa sĩ Phạm Hoàng (vẽ cảnh Đức

Mẹ cho Chúa Giêsu bú) in trên bìa tờ Đức Mẹ Hằng Cứu giúp số 183 thang 10 năm 2001 với phụ đề: *Đức Maria Đấng Khơi Nguồn Sự Sống.*

Sách Hô sê trong Kinh Thánh chép cuộc đời và tâm sự của Hô sê sống trong sự phản bội của người vợ ngoại tình để làm chứng về tình yêu của Thiên Chúa bị loài người tội lỗi phản bội khiến Thiên Chúa ghen tức trừng phạt ra sao. Dở sách Hô sê trong Kinh thánh (tr. 1734 Tòa Tổng Giám mục tph HCM 1998) ta hãy đọc chương **Đức Chúa và hôn thê thất tín của Người** như sau:

Hãy đưa mẹ các ngươi ra tòa, đưa nó ra tòa đi!
Vì nó không phải là vợ của Ta,
và Ta không phải là chồng của nó.
Những vật đĩ thỏa trên mặt nó,
và những dấu ngoại tình trên ngực, nó đều phải vứt bỏ.
Nếu không, Ta sẽ lột trần nó ra
và để nó như ngày mới lọt lòng mẹ.
...
Con cái nó, Ta sẽ không thương,
vì chúng là những đứa con sinh ra do đĩ điếm.
Mẹ chúng quả thật đã làm điếm,
kẻ mang thai chúng đã thất tiết rồi,
vì nó đã nói: "Tôi đi theo các tình nhân của tôi, chính họ đã cho tôi bánh và nước,
cho len, cho vải, cho dầu ăn, cho thức uống"
Đức Chúa đã xử phạt hôn thê thất tiết ra sao?
Ta sẽ phá tan vườn nho nương vả,
những thứ làm nó khoe khoang:
" Công tôi đi khách đó: các tình nhân đã trả cho tôi!"
Ta sẽ biến chúng thành bụi rậm, mặc cho dã thú gặm tan hoang.
Ta sẽ trừng phạt nó vì những ngày của Ba-an, những ngày nó đốt hương thờ kính chúng, những ngày nó đeo nhẫn đeo kiềng chạy theo đám tình nhân của nó,
Còn Ta thì nó nỡ bỏ quên – sấm ngôn của Đức Chúa
....
Nhưng Đức Chúa lại mở rộng hải hà mà tha thứ người hôn thê bội phản bằng cách dùng tâm tình dỗ dành nàng trở về nếu nàng hối hận và Chúa trả lại cho nàng những tặng phẩm ngày trước và cuối cùng lập hôn ước vĩnh cửu với nàng trong công minh và chính trực, trong ân tình và sót thương:
... này Ta sẽ quyến rũ nó,
đưa nó vào sa mạc, để cùng nó thổ lộ tâm tình.
Từ nơi đó, Ta sẽ trả lại vườn nho cho nó,
biến thung lũng A-kho thành cửa khẩu hy vọng.
Ở đó, nó sẽ đáp lại như thuở thanh xuân, như ngày nó đi lên từ Ai Cập.
Vào ngày đó, - sấm ngôn của Đức Chúa _
ngươi sẽ gọi Ta : "Mình ơi!", chứ không còn gọi "Ông chủ ơi nữa."

Đức Chúa Trời thật là "rất người", tình yêu của Chúa đối với con người tội lỗi nói chung cũng giống như tình nghĩa phu thê vậy. Có đọc kỹ Kinh Thánh, ta mới hiểu cái tâm hồn của thi sĩ Hàn Mặc Tử đã yêu thắm thiết nồng nàn nhưng khi cảm thấy bị ruồng bỏ, phản bội, chàng đã thốt lên:

Làm sao giết được người trong mộng
để trả thù duyên kiếp phũ phàng!

Giận thì nói dứt tình tàn nhẫn như vậy, chứ trong dạ thì:

Dẫu đau đớn vì điều phụ rẫy
Nhưng mà ta không lấy làm điều!
Trăm năm vẫn một lòng yêu
và còn yêu mãi rất nhiều, em ơi!...

Nhìn lại những nỗ lực canh tân hiện đại, chúng ta hy vọng rằng giòng thi ca Việt Nam bắt nguồn hứng khởi từ Thiên Chúa giáo (gọi là Giòng thơ mang dấu Chúa) sẽ càng khai phóng và mở ra những cảm xúc tâm tình mới. Cuốn Kinh thánh mở ra không phải chỉ riêng cho lòng tín mộ của những tín hữu Ki-tô mà còn là con đường diễm tuyệt đã từng đi vào thi ca nghệ thuật của nhân loại. Ở Việt Nam, chỉ mới có duy nhất hiếm hoi một Hàn Mặc Tử vì đau khổ mà khơi nguồn thi cảm của mình qua lời kinh Kính mừng Maria đầy ơn phước và chiêm nghiệm âm thầm trên những trang Kinh Thánh mà đã sản xuất ra những bài thơ kiệt tác. Vậy chúng ta có thể hy vọng chăng rồi đây những tiếng thơ Thiên Chúa giáo khác sẽ tạo ra một khu vườn hoa đầy hương sắc?

Những tín hữu Tin Lành cũng là những Ki-tô hữu, nhưng vì lịch sử phát triển của Hội Thánh Tin Lành Việt Nam (qua cuốn sách *Bốn mươi sáu năm phát triển Hội Thánh* của Mục sư Lê văn Thái) chưa được dài nên giòng thi cảm của các tín hữu Tin Lành cũng còn quá mới mẻ, tuy rằng người ta cũng đôi khi bắt gặp một số bài thơ rất hay, rất thắm thiết của họ mà tôi hy vọng sẽ sưu tập và thảo luận về sau./.

Viết trong Mùa Giáng sinh đầu tiên của Thiên niên kỷ thứ ba để cưng tặng cho người bạn đời Cái Nhum yêu quí của tôi.

VÀI DÁNG NGỰA TRONG NỀN MỸ THUẬT CỔ TRUYỀN VIỆT NAM

HUỲNH HỮU ỦY

Ngựa là một hình tượng thân thuộc trong nền nghệ thuật cổ truyền dân tộc. Khác với thế giới, từ thời tiền sử ngựa đã là đối tượng của những nghệ sĩ nguyên thủy, thì ở Việt Nam, bóng dáng ngựa xuất hiện có hơi muộn màng. Có lẽ phải đợi đến thời điểm đất nước tự chủ sau một ngàn năm dài Bắc thuộc, ngựa mới có mặt. Sau những triều đại phong kiến phát triển hùng mạnh Lý, Trần, Lê, hình tượng ngựa càng ngày càng trở nên phong phú, đa dạng về cả chất liệu, đề tài, bút pháp. Chạm khắc trên gỗ, đục đẽo trên đá, trên đồng, đồ gốm, đất nung, tranh mộc bản, và đến ngày nay đã trở thành một đề tài khá trữ tình trong nền nghệ thuật mới, mà điển hình nhất có lẽ là dáng ngựa cực kỳ thơ mộng của Trịnh Cung nơi tác phẩm *Trên vùng an nghỉ*, đã in một dấu ấn sâu đậm giữa nền nghệ thuật Việt Nam hiện đại.

Công trình kiến trúc và tạo hình rất danh tiếng vào buổi đầu của thời nước nhà độc lập là chùa Phật Tích, bị tàn phá qua bao nhiêu đổi dời, ngày nay dù đã hoang phế, sụp đổ vẫn còn để lại nhiều vết tích, đánh dấu một thời kỳ phát triển nghệ thuật đầy tài năng và trí tuệ. Tài liệu thư tịch cùng những di vật cho ta thấy khá nhiều mặt của vấn đề. Năm 1937, 1940 và 1943, L. Bezacier cũng đưa ra nhiều tài liệu mới sau các cuộc khai quật tại chỗ (1). Trên công trình lớn này được xây dựng năm 1057 (thế kỷ XI), giữa nhiều vết tích chạm trỗ, đục đẽo rất hấp dẫn, kỳ lạ, ngay nơi bậc cửa bằng đá đi lên chùa, nơi rìa ngoài những bậc cửa, đăng đối nhau, chúng ta bắt gặp bóng dáng con ngựa giữa các loài thú khác là sư tử, voi, trâu, tê giác. Tất cả mười con thú này đều được đặt nằm trên tòa sen, cao xấp xỉ nhau là 1m20, riêng chiều dài hình ngựa đo đúng 1m50. Con ngựa ấy chỉ là một bộ phận nhỏ hòa hợp giữa toàn bộ nền nghệ thuật Phật giáo rất thịnh đạt lúc bấy giờ.

Sang đến đời Lê Sơ (1427-1527) là thời kỳ cực thịnh của chế độ phong kiến tập quyền, Nho giáo là nền tảng và cương thường để trị nước.

Ngựa hồng, *tranh* Đông Hồ

Điêu khắc thời kỳ này so với thời Lý-Trần trước đó đã có những bước phát triển mới vượt khỏi truyền thống Phật giáo, chủ yếu chỉ còn nhằm phục vụ những công trình gắn liền với giai cấp thống trị đương thời. Nơi các khu lăng mộ ở vùng Lam Kinh (Thanh Hóa) nơi phát tích của nhà Lê,

các nhà nghiên cứu nghệ thuật tạo hình truyền thống đặc biệt chú ý đến những tác phẩm điêu khắc gồm các tượng người, thú, rùa đội bia. Các tượng này đều là dấu tích của những công trình kiến trúc đồng dạng, mô thức chung bao giờ cũng gồm phần mộ, hai dãy tượng đứng đối xứng nhau trên một trục đường thẳng vẫn thường được gọi là "thần đạo" và một cái bia đá (2). Nơi khu di chỉ này, như lăng Lê Thái Tổ (xây dựng năm 1433), lăng Lê Thánh Tông (1498), lăng bà Nguyễn Thị Ngọc Huyên (1505), lăng Lê Hiến Tông (1504), chúng ta còn gặp những con ngựa đá đứng chầu hầu ở đây. Nhìn chung, những tượng đá ấy có kích thước không lớn, tượng người và thú đều chỉ cao khoảng 1m10 và 0m60 (3). Vào thời kỳ đầu tượng ngựa ở Vĩnh Lăng (lăng Lê Thái Tổ) trông rất buồn cười, lùn tịt, ngô nghê, chỉ phảng phất một chút dáng ngựa như trong cách nhìn của trẻ con, đến những lăng mộ về sau ngày càng hoa mỹ hơn, vừa gần với hiện thực vừa mang tính cách điệu của nghệ thuật trang trí. Ngựa đá ở lăng mộ Lê Hiến Tông đã đạt được vẻ hoàn chỉnh của một pho tượng trang trí ở một nơi tôn kính, với đủ yên cương, nai nịt hẳn hoi.

Giòng nghệ thuật chính thống của nhà nước phong kiến tiếp tục di động đến thế kỷ 19; chúng ta sẽ gặp lại những con ngựa đá ấy trong quần thể kiến trúc đẹp đẽ và thơ mộng của mỹ thuật Huế. Nơi lăng tẩm của các vị vua triều Nguyễn, giữa những cảnh trí rất hài hòa của thiên nhiên và kiến trúc, đôi lúc rất lặng lẽ, đôi lúc tỏa ra những nét tráng lệ, những tượng ngựa đá đặt trước sân bái đình, cạnh tượng voi và tượng các quan văn, quan võ lớn bằng người thật, đã góp phần hoàn tất cái đẹp nghiêm chỉnh và mẫu mực riêng biệt nơi đây. Thuộc mỹ thuật Huế, có lẽ chúng ta cũng nên nhắc đến bóng dáng ngựa giữa bao nhiêu hình ảnh tươi đẹp khác của tổ quốc, khắc chạm cửu đỉnh, đặt trước sân Thế miếu trong Hoàng thành. Trên bộ Cửu đỉnh vĩ đại tượng trưng cho đế quyền, được đúc bằng đồng và hoàn chỉnh năm 1837 dưới triều Minh Mạng, chúng ta sẽ gặp thấy trên mỗi đỉnh là những hình chạm nổi vô cùng kỳ thú (4). Trên *Anh đỉnh*, con ngựa cũng được ghi nhận là một trong những con vật thân thiết và hữu ích ấy, dáng vẻ rất hiện thực và sống động. Và trên *Huyền đỉnh*, chúng ta sẽ thích thú thưởng lãm một cỗ xe tứ mã, hai con ngựa trước được trang bị đầy đủ mã cụ (harnais), được gắn sẵn sàng yên cương, lục lạc, hình ảnh cỗ xe này tuy đầy vẻ cổ kính nhưng cũng không kém phần linh hoạt.

Có dịp làm một cuộc kiểm kê di sản mỹ thuật của ông cha, chúng ta sẽ thấy phong cách ngựa đá nơi lăng mộ Lê Hiến Tông và các lăng tẩm triều Nguyễn được nhân rộng và lập lại khắp nơi trên các miền đất nước, đặc biệt là ở Bắc bộ và Trung bộ, tạc bằng gỗ, đá, hoặc đắp bằng vôi vữa để thờ ở các đình miếu mà dường như làng nào cũng có, có khi cao lớn bằng ngựa thực, cũng có khi thu nhỏ lại cho thích hợp với nơi thừa tự. Chỉ với cơ bản ấy, nghệ nhân lúc đắp tạc, vẽ vời, cũng có thêm thắt, thay đổi đôi chút tùy vào cách chấm phá của riêng mình. Vào đầu thế kỷ XX, trong bộ Album *Kỹ thuật của dân An Nam* (Technique du Peuple Annammite), nhà khảo cứu trẻ tuổi: Henri Oger có ghi chép hình ảnh một con ngựa gỗ trong một đền thờ thần nào đấy ở vùng đồng bằng Bắc bộ. Pho tượng được kéo đi trong một đám rước thần, được ghi chép theo lối ký họa, khá hấp dẫn, ngày nay đã trở thành một một kỷ niệm quý báu đối với chúng ta về mặt phong tục cũng như mỹ thuật.

Đúng là với dáng ngựa đó, tra khớp bạc, lục lạc đồng đen, kiểu khấu được thêu thùa rực rỡ, chiếc yên mang dáng con chim phượng hoàng sãi cánh, chúng ta sẽ gặp lại vẻ đẹp gần gũi ấy nơi các tượng gốm nhỏ Bát Tràng, loại trang trí nội thất. Hoặc cũng gần như thế, nơi tranh vẽ *Ngựa Hồng* của mộc bản dân gian Đông Hồ, bốn vó trang thế chuyển động, tàn lọng đi theo, cờ phướn tung bay, những nõn bông ngũ sắc rạng rỡ. Cùng với không khí và phong cách ấy, trong trí nhớ của chúng ta về hình ảnh êm đềm của những phong tục thời quá vãng, cũng như trong trí nhớ của những nhà nghiên cứu nghệ thuật hẳn rằng vẫn còn lưu dấu vết tích về những con ngựa nơi những cửa hàng vàng mã, dễ dàng gặp thấy khắp nơi, đặc biệt là ở hai trung tâm cố đô Hà Nội và Huế vài ba mươi năm trước. Đỏ rực một màu rất tươi tắn, ấm, áp, vui mắt, được trang trí thêm những mảng giấy trỗ ngũ sắc và trang kim lấp lánh. Những con ngựa giấy dán bồi trên nang tre ấy, đã một thời dài nằm bên cạnh những tiền giấy, vàng hượng, nón giấy, hài giấy, thuyền giấy, áo mũ đại trào, ngày nay sắp mất dần hết dấu tích; các viện bảo tàng nghệ thuật và dân tộc học của chúng ta cũng nên kịp thời lưu tâm gìn giữ lại, vớt vát được chút gì hay chút đó.

Trong công trình nghiên cứu, ghi chép, thực hiện những phiên bản về điêu khắc dân gian thế kỷ XVI, XVII và XVIII của Viện Bảo Tàng và

Người, Voi, Ngựa. Đình Chẩy, Nam Hà, Thế Kỷ XVII

Viện Nghiên Cứu Nghệ Thuật Hà Nội, tiến hành dưới sự chỉ đạo của họa sĩ Nguyễn Đỗ Cung trước đây, chúng ta cũng đã từng có dịp thưởng thức những dáng ngựa rất thơ mộng tươi mát và sinh động. Một ví dụ điển hình là ảnh tượng ngựa trên phù điêu *Người, voi, ngựa* ở Đình Chẩy, Nam Hà, thế kỷ XVII. Nét chạm rất chắc tay, tuôn trào một nguồn cảm hứng chân thật, nói như Nguyễn Đỗ Cung là "kết quả một quá trình hấp thụ, cố kết cao độ giữa tình cảm sâu xa với những hình thức biểu hiện." (5) Nhận xét này của Nguyễn Đỗ Cung là một phát biểu chung về điêu khắc dân gian Việt Nam ngày xưa, thuộc ba thế kỷ 16-17-18, tuy nhiên khi đứng trước phù điêu *Người, voi, ngựa*, chúng ta cũng sẽ nhận thấy là nhận xét ấy rất thích hợp với tác phẩm mỹ thuật dân gian này, biểu lộ một cái đẹp giản dị, tự nhiên, vượt qua những qui thức và ước lệ.

Những hình tượng ngựa trong kho tàng nghệ thuật của đất nước không phải đều cách điệu (stylisé) như chúng ta vừa gặp. Cũng còn những dáng ngựa khác rất hiện thực. Như nơi bức *Quang Trung* (tranh làng Hồ) vẽ nhà anh hùng áo vải, mặc áo võ tướng, tay cầm giáo, tướng mạo lẫm liệt, cỡi con ngựa chiến màu đỏ rực oai phong. Con ngựa đã được khảo sát kỹ, gần như đã qua cả một cuộc khảo sát cơ thể học kỹ lưỡng, nên rất sinh động, dễ gợi nhớ đến những dáng ngựa rất mực tài tình của danh họa Hàn Cán. Hoặc trên những tác phẩm điêu khắc kiệt xuất thế kỷ XVII ở chùa Bút Pháp (Hà Bắc), đặc biệt đáng kể là bức chạm khắc năm con ngựa trên lan can thành cầu đá ở trung tâm chùa, nối liền hai cụm kiến trúc Nhà Thượng Điện và Tòa Cửu Phẩm. Một bầy năm con ngựa đang cùng nhau đùa giỡn, có con thong dong nghỉ ngơi, có con nằm ngửa cọ lưng trên mặt đất, bốn vó tung lên trời, có con đang tung chân sau lên đùa nghịch đá vào con khác. Điểm xuyết vào bức phù điêu là những lá cỏ hoang dại làm đầy đặn hết mọi chỗ trống. Chúng ta nên nhớ là những bức phù điêu này rất hiếm hoi giữa những công trình điêu khắc thế kỷ XVII, chính là tiếp tục truyền thống đục đẽo, khắc tạc trên đá của mỹ thuật Đại Việt Lý-Trần, ngày nay được các nhà nghiên cứu đánh giá cao vì đã tạo nên một vẻ đẹp rất sống động và độc đáo, rất sinh lực và hiện thực (6). Hoặc trên công trình kiến trúc đình làng Đình Bảng (thế kỷ XVIII), trên hàng lan can ngay chính gian giữa, cạnh những khắc chạm Tùng Lộc và Sư tử hí cầu, bức chạm nổi tám con ngựa vẫn quen gọi là *Bút mã quần phi* là một tác phẩm hết sức đáng lưu ý. Tám con ngựa liên hoàn tiếp nối nhau, mỗi con trong một thế riêng, con thì đang phi nước kiệu, con khác ở trong thế chồm mình lấy đà để lao về phía trước. Có con đang nghỉ ngơi, cúi xuống gặm cỏ, có con như đang ngẩng đầu lên nghe ngóng điều gì, và con khác nữa thì đang nhởn nhơ tung tăng thoải mái. Cả bầy ngựa đều rất đẹp, chắc khỏe, rắn rỏi, cơ bắp đầy đặn, thân hình cân đối, hài hòa, hiện ra trong những động thái tự nhiên, nghĩa là đã được xem xét, khảo sát, chọn lọc kỹ

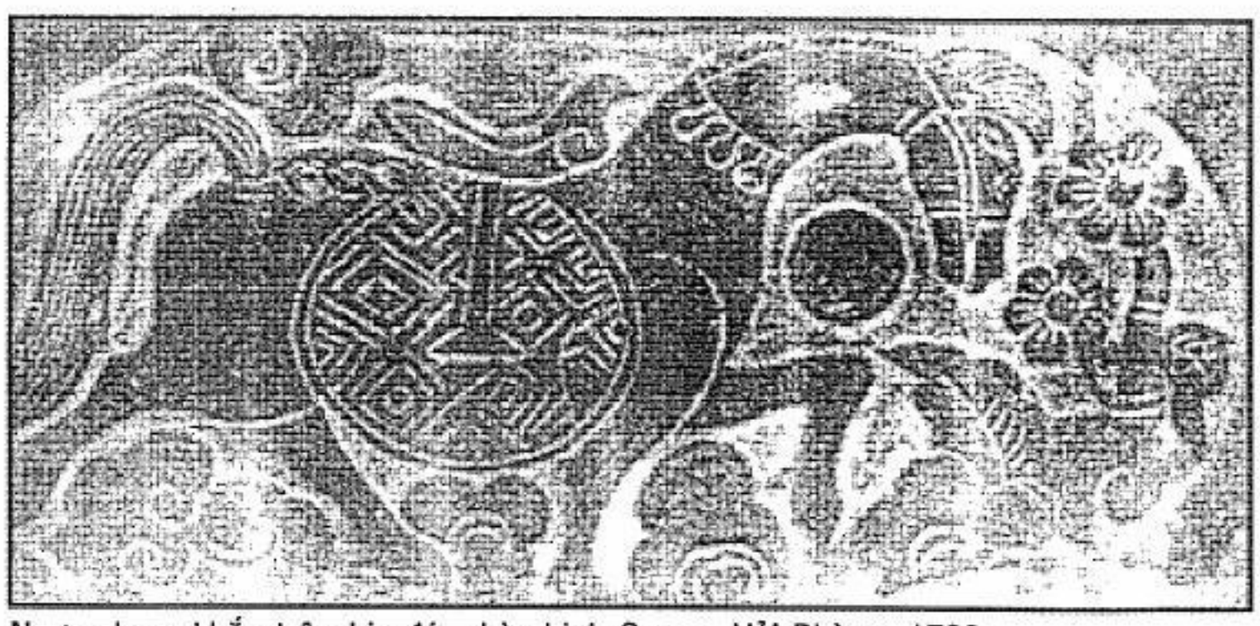

Ngựa chạm khắc trên bia đá, chùa Linh Quang, Hải Phòng, 1709

lưỡng qua một cảm quan thẩm mỹ vững chắc.

Và rất gần gũi với chúng ta, nơi ngôi chùa Nghĩa Nhuận Hội Quán Thờ Quan Võ Đế ở quận 5 Sài Gòn, pho tượng ngựa thờ ở đây quả đã mang lại nhiều thích thú cho người thưởng ngoạn; cái đẹp ở đây chính là cái thực, là cái thực nhưng đã biết tô chuốc thêm lên. Người tạc tượng là một nghệ nhân chuyên về điêu khắc gỗ dân gian, nhưng rõ ràng đây cũng là một nghệ sĩ rất nghiêm túc trong sáng tạo nghệ thuật, rất chắc tay trong tạo dáng, đạt đến tính điển hình cao, và hẳn nhiên là có nhiều hiểu biết sâu sắc về cơ thể học. Chẳng lạ gì khi chúng ta nghe ông Vương Hồng Sển trầm trồ: "Tượng Xích-thố-mã bằng gỗ sơn mài, trông y như thiệt, không chùa nào có tượng khéo hơn, lạ là thời nay còn nghệ sĩ có biệt tài như vầy nên cũng mừng." (7)

Duyệt lại toàn bộ những bóng dáng, phong cách về ngựa trong nền nghệ thuật tạo hình Việt Nam, cả hai giòng chính thống và dân gian, chúng ta thấy rõ ràng ở giòng thứ hai thuộc về nhân dân, khi gặp mùa nở rộ (đặc biệt ở thế kỷ XVI, XVII, XVIII) đã tuôn trào một âm điệu rộn ràng, vui tươi, bay nhảy, phóng khoáng, đầy sức sống chân thực, vô cùng tươi mát và sinh động. Có thể dẫn thêm ở đây một chút tỉ dụ điển hình là hình ngựa trên gạch nung chùa Đậu (Thường Tín, Hà Sơn Bình, thế kỷ XVI), hay dáng ngựa nhẹ nhàng uyển chuyển giữa hoa cỏ trên bia đá chùa Linh Quang (Hải Phòng) chạm khắc năm 1709, tỏ rõ một sự phóng khoáng bay bổng giữa tình cảm sâu xa, rồi phát lộ bởi một hình thức biểu hiện vững vàng, chắc nịch mà thực rất thanh nhã.

Tất nhiên, rất nhiều nơi khó mà có một sự phân biệt rạch ròi giữa hai giòng nghệ thuật ấy, nhưng dù thế nào người Nghệ sĩ dân gian từ hơi thở nồng nàn của cuộc sống đã bước vào tác phẩm nghệ thuật một cách rất tự nhiên, nên đã thoát khỏi những qui cách hẹp hòi cố hữu. Ngày nay, đối với chúng ta, cả hai giòng nghệ thuật ấy đều đã tập hợp thành một trong lòng một nền văn hóa thống nhất, cho nên tất cả những dáng ngựa ấy dù ở nơi đâu, đều có chỗ đứng đẹp đẽ trong ký ức dân tộc, không những là vốn liếng của hôm nay mà còn là một phần hành trang tài bồi cho cả ngày mai.

Tết con Ngựa, năm 2002

(1) L. Bezacier rất có công trong các cuộc khai quật khảo sát tại chỗ ở chùa Phật Tích (tức chùa Vạn Phúc ở làng Phật Tích, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, cách Hà Nội 28 cây số) vào các năm 1937, 1940 và 1943. Bezacier có một cái nhìn đối chiếu rất hay khi phát biểu về những di vật ở chùa Phật Tích: "Biểu lộ ảnh hưởng của mỹ thuật Ấn Độ truyền qua miền Trung Á, gặp mỹ thuật Trung Hoa và mỹ thuật Chàm." Tuy nhiên, Bezacier đã kết luận sai lầm là di tích này thuộc về mỹ thuật Đại La do thái thú Cao Biền (Kao Pien) dựng khoảng năm 866-870. Ngay từ năm 1944, Nguyễn Đỗ Cung đã phê bình về kết luận này, và ngày nay chúng ta đã có đủ chứng tích về một cái nhìn tổng thể vững chắc về mỹ thuật thời nhà Lý mà chùa Phật Tích là một vết tích rực rỡ bậc nhất.

Xin xem thêm:

- Nguyễn Đỗ Cung: *Nhân đọc quyển "Essais Sur l'Art Annamite. Mỹ thuật Đại La hay Mỹ thuật Lý"* Thanh Nghị, số 96 (1944)

- *Triển lãm cổ tích Việt Nam*, phần viết về chùa Vạn Phúc (Phật Tích, Bắc Ninh) trong *Dân Việt Nam* (*Le peuple Vietnammien*), Viện Đông Phương Bác Cổ (L'Ecole Francaise d'Êtrême - Orient) xuất bản, Hà Nội, số 2 tháng 12-1948.

(2) (3) CF *Mỹ thuật thời Lê sơ*, phần viết về điêu khắc của Nguyễn Tiến Cảnh, Nxb Văn Hóa, Hà Nội, 1978.

(4) Trên bộ Cửu Đỉnh (mỗi đỉnh mang một tên riêng theo chữ trong miếu hiệu các vua nhà Nguyễn), chúng ta sẽ gặp thấy 162 hình ảnh tượng trưng khí thiêng sông núi, như mặt trời, mặt trăng, các tinh tú, các thực thể địa lý quan trọng trong nước, các động vật và thực vật hữu ích cùng nhiều vật dụng thường ngày trong sinh hoạt của nhân dân. Rất rõ ràng là 162 hình ảnh này chắc chắn chứa đựng hàm ý về một xứ sở thống nhất, hùng cường và qui về một mối.

Xin xem thêm:

- Huỳnh Hữu Ủy: "*Những hình ảnh chạm khắc trên cửu đỉnh ở Huế*," Văn Lang, số 4 tháng 12. 1992.

- R.P. Barnouin. "*Les bas reliefs des Urnes dynastiques de Hue.*" Bulletin de la Société des Etudes Indochinoses. 3ème trimestre, Saigon, 1974.

(5) *Việt Nam Điêu Khắc Dân Gian, Thế kỷ XVI, XVII, XVIII*, Nxb Ngoại Văn, Hà Nội, 1975.

(6) *Hà Bắc Ngàn Năn Văn Hiến*. Phần viết về chùa Bút Tháp, tập I, các di tích lịch sử, kiến trúc và nghệ thuật. Ty Văn Hóa Hà Bắc xb, 1973.

(7) Nghĩa-Nhuận hội quán được thành lập năm 1872 do ông Đỗ Hữu Phương (1840-1914) chủ súy xây dựng. Pho tượng ngựa này được cúng chùa vào năm 1952. C.F Vương Hồng Sển. *Saigon năm xưa*. Nxb Thành phố Hồ Chí Minh tái bản năm 1997, trang 208-209.

TRIẾT LÝ TRANH CON LỢN

LƯU VĂN VỊNH

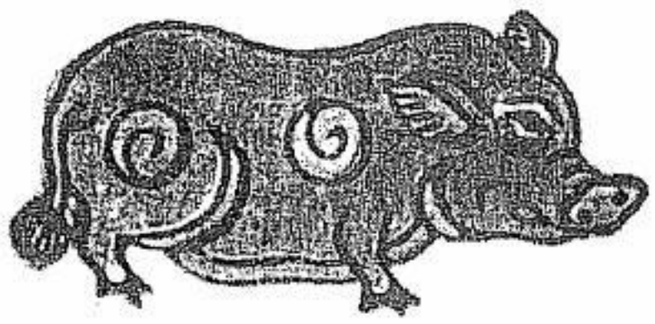

Triết lý bình dân Việt Nam bao giờ cũng thực tế, không nằm ở trên mây mà nằm ở bụng, nằm ở tim chứ không kênh kiệu trên óc, như trong bài ca dao Thằng Bờm :

Thằng Bờm có cái quạt mo
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu
Phú ông xin đổi một xâu cá mè
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim
Phú ông xin đổi đôi chim đồi mồi
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mồi
Phú ông xin đổi nắm xôi, Bờm cười !

Ở đây, tương phản giữa phú ông giầu có ba bò chín trâu... nhưng hẳn là nhức đầu bực bội với đống vật chất nặng nề vô tri gỗ lim, đồi mồi, *với* thằng bờm nghèo đói nhưng thảnh thơi phe phẩy quạt mo... tìm thấy hạnh phúc sung sướng giản dị ở một nắm xôi thực tế, no bụng "*có thực mới vực được đạo.*" Thằng Bờm chính là hình ảnh một thiền sư đắc đạo, không cầu tìm đâu xa, không phiền phức tô vẽ cuộc sống bằng những sự vật chết, mà thấy thoải mái , đói thì ăn, nóng thì quạt, cần thì đổi, đói quan trọng hơn nóng nên đổi quạt lấy xôi, là đúng !

Ngôn ngữ Việt Nam phản ảnh rất rõ triết lý bình dân qua hai động từ ĂN và CHƠI, *ăn cơm, ăn tiền, ăn ảnh, ăn người, ăn đứt thiên hạ, ăn chịu, ăn cây nào rào cây ấy, ăn vóc học hay, ăn cháo đái bát, ăn gian nói dối, ăn no ngủ kỹ, ăn xổi ở thì, ăn to nói lớn, ăn mày đòi xôi gấc, ăn quả nhớ kẻ trồng cây, ăn cơm chúa múa tối ngày, ăn cỗ đi trước lội nước đi sau, ăn mặn nói ngay hơn ăn chay nói dối...* hai câu ca dao :

Ăn được ngủ được là tiên
không ăn không ngủ mất tiền thêm lo

gói ghém tất cả nhân sinh quan thực tế, giản dị của người Việt: sướng như Tiên chẳng qua là *ăn được ngủ được* mà thôi. Miếng ăn ở một nước nghèo nàn, lụt lội hạn hán , loạn lạc triền miên như Việt Nam dần dà ám ảnh kết vào ngôn ngữ như một động từ chính, tiếng Anh có *to do*, tiếng Pháp có *faire*, nghĩa là *làm,* thì ta có *ăn* làm chuẩn ! Nhưng sau ăn thì phải đến chơi : *chơi dao, chơi xuân, chơi Tết, chơi đàn, chơi hoa, chơi trăng, chơi chữ, chơi cho bõ ghét, chơi lén, chơi đểu...* theo đúng trình tự :

Ăn no ấm cật, dậm dật mọi nơi

no bụng tất ấm cật, ấm cật thì dậm dật, cật liền với bộ phân sinh dục, dậm dật liền âm với dâm dật... nghĩa là *ăn rồi đi chơi*! triết lý bình dân này bao phủ lên khuynh hướng hưởng lạc kéo dài mấy trăm năm, từ Nguyễn Du, Cao Bá

Quát, đến Nguyễn Công Trứ, Tú Xương, Tản Đà... tạo nên nét đặc sắc của nhà Nho Việt, không giáo điều, không cứng cỏi mô phạm quá mức, trong mỗi nhà Nho Việt đều có một thằng Bờm phe phẩy quạt mo, hơn là một phú ông vốn bị xếp hạng cuối trong vai vế : *sĩ, nông, công, thương* !

Truyền thống trí thức Việt Nam không viết nhiều về triết lý: triết lý được hiểu là đạo đức, là con đường hướng thiện, chỉ có bậc Thánh hiền đạt đạo, dung thông Trời, Đất, Người, mới dạy được thiên hạ, hay ít ra cũng phải là bậc đã tu, tề, trị, bình... mới mang túi khôn ra mà trao lại cho người đời... Nguyễn Bỉnh Khiêm cũng chỉ dám mở rộng nghĩa Trung Dung : *toàn kỳ thiện vi trung* (toàn thiện là trung), Chu Văn An viết *Tứ Thư Thuyết Ước* bàn về đạo Nho thực hành, lễ nghĩa liêm sỉ "*biết thẹn vì không bằng người,*" Nguyễn Du nói thoáng qua "*chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài*"... Lê Quí Đôn bàn về *Lý và Khí*... tựu trung ba đỉnh tư tưởng Phật, Nho, Lão vẫn là bó đuốc soi đường Đông phương từ hơn hai nghìn năm qua.

Triết lý dẫn đạo Âm Dương được vẽ lại linh động qua bức **tranh con lợn**, một sáng tác hội họa mang mầu sắc triết lý nổi bật của đầu óc bình dân Việt : kéo triết lý cao siêu trừu tượng đặt vào thân xác con lợn gần gũi với ruộng vườn bếp núc, với miếng ăn miếng uống. Ta đặt trọng tâm vào cái bụng cái lòng: *nghĩ bụng, bụng làm dạ chịu, suy bụng ta ra bụng người*... chứ không ở cái đầu, con tim.

Nhìn vào bức tranh con lợn với những vòng xoắn xanh đỏ âm dương, ta thấy đó là lá cờ kinh Dịch Việt có trước lá cờ nước Đại Hàn cả nghìn năm! Cũng gần giống với tranh bình dân vùng Trường An bên Tầu, cái khác biệt là ở Việt, kinh

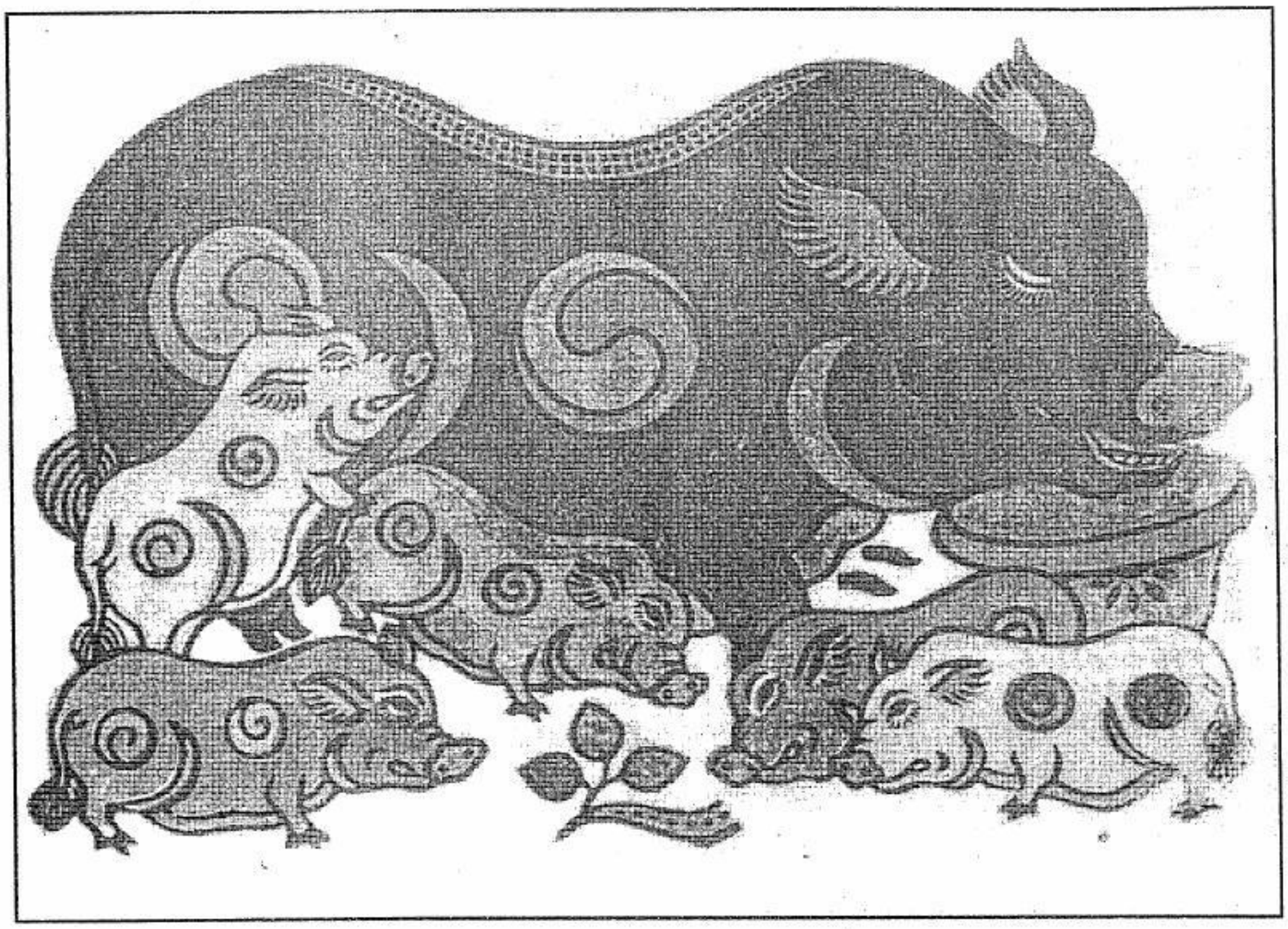

Dịch nằm trong con lợn, ở bên Tầu, hình âm dương vẽ trên mặt trống, ở Hàn, kinh Dịch nằm trên lá cờ quốc gia! Cái độc đáo của ta là ở đấy: cao kéo xuống gần, trừu tượng vẽ thành cụ thể, biến dịch càn khôn trong lòng lợn! Người bình dân Việt trước khi cắt tiết con gà cũng nói một câu triết lý : "để *tao hóa kiếp cho mày,*" là vì lẽ biến dịch của thuyết Âm Dương, thuyết luân hồi chuyển nghiệp của nhà Chùa... đã ăn sâu vào tâm thức quần chúng, thấm nhuần vào từng câu nói bình dị, nên triết lý là triết lý sống: ta nói *sống ở đời, ăn miếng dồi chó*, một chữ ở ngắn gọn mà nói lên được cái triết lý "*dans le monde*" của Pháp, cái ngoại cảnh *umwelt* của Đức , cái trọn vẹn không ngăn cách giữa người và vạn vật thiên nhiên, mà các triết gia hiện sinh Tây phương tràng

giang đại hải luận bàn gần suốt thế kỷ 20!

Ngoại cảnh sinh hoạt của người Việt bình dân không thể thiếu gia súc: con chó, con mèo, con chuột, con gà, con lợn, con cóc, con muỗi... con trâu, con bò thì ở ngoài ruộng ngoài đồng, con ngựa thì đã hơi xa, con voi con lừa thì hiếm có... con bò ích dụng nhưng ít khi có dịp "*mổ bò ăn khao,*" con lợn thì đúng là được nuôi để giỗ chạp lễ hội, từ đầu heo thủ lợn, đến bong bóng lợn làm đồ chơi cho trẻ con, đến tiết canh làm thú chè chén, đến chân giò, mỡ lợn... nói đến con lợn là vẽ nên cỗ bàn, lễ tết, đình đám vui chơi thanh bình của làng xã Việt :

Chó nọ vẫy đuôi mừng Thánh chúa
ăn no ủn ỉn lợn kêu ngày

nó tiêu biểu hơn *con gà cục tác lá chanh,* nó nằm uy nghi trịnh trọng trên bàn thờ thần hoàng làng, trên mâm cỗ gia tiên, từ khao vọng đến hiếu hỷ... không thể thiếu nó... nó, cùng với nếp gạo, được gói ngang hàng trân trọng trong lá dong, làm thành chiếc bánh chưng truyền thống từ đời vua Hùng, nó chính là máu huyết làm nên con người Lạc Việt, nên nó cũng chứa đựng cái tinh thần Âm Dương kinh Dịch của cổ nhân, cổ nhân gửi gấm kinh sách trong bụng nó để từ đó truyền vào máu huyết, bảo vệ, gìn giữ trong lòng người. Chưa bao giờ có loại triết lý thực tế, thực tiễn, linh động và cảm động đến thế !

Triết lý Âm Dương khởi đi từ kinh nghiệm quan sát: ngày đêm, sáng tối, đực cái, đàn ông đàn bà, thằng cu cái đĩ... từ chuyện phồn thực giao cấu hòa hợp quấn quít nam nữ "*yểu điệu thục nữ, quân tử hảo cầu,*" đến chuyện sinh con đẻ cái truyền tiếp giống nòi, trời đất cứ thế mà chuyển dịch không ngừng... chẳng phải chờ đến biện chứng đề với phản đề, tổng hợp đề, từ những triết gia *lợn què chữa lợn lành* ! dám chắc một ông Hegel, một ông Marx... mà được ngắm tranh con lợn của ta, thì có thể đã tỉnh ngộ, không phải biện mãi từ cái xung *anti* sang cái hợp *synthesis*, con đực giao với con cái, thì xung ở chỗ nào? chồng *biện* vợ thì cần gì chứng với không chứng... quả là nạn dịch tư tưởng Tây phương lan sang Á đông làm cả người lẫn lợn lâm bệnh nhị biên chấp kiến!

Bức tranh con lợn mang hình ảnh lễ tết vào căn nhà lá bình dân, tiêu biểu cho may mắn phồn thịnh *ăn nên làm ra*, nó chẳng giống tranh *mai lan cúc trúc* của tao nhân mặc khách, chẳng giống tranh *bách điểu* cầu kỳ của phú hào, cũng chẳng giống tranh *tố nữ* của thầy đồ mơ tưởng ả đào giáng tiên, nó ở nhà quê cùng với con lợn đất sơn đỏ dành dụm đồng chinh đồng xu làm nên hoạt cảnh của dân áo vải, nó vì thế chất chứa cái ao ước hy vọng của giấc mơ bình thường: đủ cơm đủ gạo, đủ ăn đủ mặc, thỉnh thoảng làng vào đám, thỉnh thoảng lễ hội, có miếng thịt luộc nắm xôi mà nhấm với rượu trắng, sống ở dương gian, hạnh phúc là thế mà thôi!

Nhưng còn hơn thế, nó là loại tôn giáo bình dân đặt trong nhà trong bếp, Cụ Khổng thì chỉ có nhà Nho thờ ở văn miếu, Phật thì ở Chùa, Tiên thì trong am trong cốc, chỉ có ***Dịch kinh lòng lợn*** là cuốn kinh vô ngôn gần gụi nhất, dễ hiểu nhất, *bất lập văn tự, trực chỉ bụng người*, thiên biến vạn hóa, hết cơn bĩ cực đến tuần thái lai, nguồn hy vọng mầu nhiệm của con người mà không cần tới hình ảnh một thần quyền đe dọa nào, một tô tượng nào, mà vẫn thiêng liêng hóa huyễn như thần thánh, như có quỷ thần ở bên phò trợ mà không tạo nên bầu khí sợ sệt cho tín đồ, nó làm trọn vẹn lễ gia tiên thờ cúng tổ tiên, gia đình sum họp quanh nó, gia súc với chúng sinh khuất bóng, có chó vẫy đuôi, có mèo trèo cây, có chuột rúc rích, có bướm tung tăng... toàn diện hoạt họa nếp sống Việt.

5-01

DONGNAI PHARMACY
HOME HEALTH CARE & MEDICAL EQUIPMENT
9081 BOLSA AVE., SUITE # 108, WESTMINSTER, CA 92683
(gần Hòa Bình Food To Go trong khu Guaranty Bank Of Calif.)
TEL: (714) 379-5072 * FAX: (714) 379-5074

Dược sĩ TRẦN ĐỨC HIẾU
Dược sĩ TRẦN LƯU THỊ ÁI

CUNG CẤP ĐẦY ĐỦ:

* Các loại Dược phẩm bán theo toa (Prescription Drugs) hay bán tự do (OTC Drugs)
* Các sản phẩm nuôi dưỡng bệnh nhân qua ống chuyển vào ruột hay chuyển vào máu (Enteral & Parenteral Nutrition Products) * Các vật dụng dành cho bệnh nhân tiểu tiện bất thường (Incontinence Products). Tã lót, vải lót giường, ống dẫn tiểu và túi đựng nước tiểu (Drainage Bags)
* Các vật dụng dành cho bệnh nhân giải phẫu lỗ thông qua thành bụng (Ostomy Products). Túi dẫn lỗ thông đại tràng (Colostomy Products).

BÁN VÀ CHO THUÊ CÁC DỤNG CỤ Y KHOA:

* Xe lăn - Nạng chống - Nạng tập đi (Walker)
* Giường bệnh viện và các đồ dùng phụ thuộc (Hospital Bed & Accessories)
* Dụng cụ an toàn trong phòng tắm (Bathroom Safety Products)
* Các loại máy đo đường trong máu (Blood Glucose Monitor). Máy đo áp huyết (Blood Pressure Monitor)

NHẬN MEDICAL - MEDICARE - CTU VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM:
PCS - BLUE CROSS - BLUE SHIELD - MEDIMET - PAID, V.V...

MỞ CỬA 6 NGÀY TRONG TUẦN
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9:30 AM - 7:30 PM
Thứ Bảy: 9:30 AM - 6:00 PM

TK69-80

MÙI HƯƠNG TRÊN ĐỒI

HỒ ĐÌNH NGHIÊM

Không bao giờ tôi hình dung ra, sẽ có ngày cùng chị Diên Hồng sánh đôi đi trên con đường này. Con đường mà chính tôi cảm thấy xa lạ, cảm tưởng như cuối lối đi luôn chực sẵn nỗi phiền muộn vây đón. Tôi ít khi đi về hướng này, hướng mặt trời lặn. Buổi sáng, nắng đổ sau lưng như rượt đuổi và cánh đồng luá mạ phía xa xanh xao, lay động như một tấm thảm trong truyện cổ tích. Sự lặng yên của vùng ngoại ô như biết đè xuống hàng cây, tạo tiếng lao xao trên vòm lá có chúng tôi đạp xe bên dưới. Đôi khi bóng cây già tuổi ven đường bất thần ôm chầm lấy mình, mát mẻ. Đôi khi nghe tiếng trở mình của bụi tre, như có ai khuất mặt vừa nghiến răng, giỡn đùa. Một thế giới tĩnh, mà tiếng thì thầm cố lắng tai nghe đều không phải phát xuất từ con người.

Chúng tôi chẳng nói với nhau từ khi bước ra khỏi quán cà-phê. Chị Diên Hồng về đây đã hai hôm, và giờ này, tuồng như trong chị chẳng còn chuyện gì để tuôn ra. Khánh tận, nghèo nàn, như dòng sông nhỏ uốn lượn bên đường đang tới đoạn cạn thấp mực nước. Một người khom lưng ngâm thân dưới bùn dùng lưới cố vớt lên thứ gì đó. Cá, cua, nghêu sò ốc hến? Bà đội nón lá, và lá chẳng phải là thứ bất tử. Bà ngẩng mặt ngó lên chúng tôi, đôi mắt vô hồn lộ rõ dưới vành nón tơi tả, rã mục.

"Bao lâu nữa thì tới?" Chị Diên Hồng hỏi.

"Cỡ mười phút nữa. Chị không quen cỡi xe đạp phải không?"

Chị tôi làm thinh, chị bận thở. Tôi nhìn ngọn đồi trọc nằm cuối tầm nhìn. Ngọn đồi ấy vẫn thế, loang lỗ những vạt đất khai hoang, lởm chởm những vạt cây cỏ xỉn màu còi cọc. Ở xa, trông nó như cái đầu người bị ghẻ, rụng tóc. Dầu sao thì thiên nhiên có vẻ chung tình, để sáng hôm nay nó đón chào chúng tôi bằng cái diện mạo đầy buồn bã ấy. Nó cũ kỹ tới độ đáng ngờ vực. Sách Quốc văn giáo khoa thư ngày xưa có chuyện kể: "Một người có tiếng là đi nhiều, một hôm trở về làng cũ dõng dạc tuyên bố: Không nơi nào đẹp bằng chốn này." Tôi luôn nghi ngờ sự thật thà có trong câu nói ấy, ngay từ tấm bé, thuở đầu đời cắp sách đến trường. Vì thế, giờ đây, tôi chẳng hề hỏi han chị tôi về chuyện cảnh vật biến hoá, xứ Tây phương cực lạc cũng như quê cha đất tổ chó ăn đá gà ăn muối. Tôi đủ trí khôn để tránh né, không muốn chị phải cực lòng để làm một cuộc so sánh.

"Xa xôi quá."

"Chị nói sao?"

"Thử mường tượng ra cảnh đưa đám. Thật khó nhọc cho em. Sao mình không chọn một chỗ gần hơn?"

"Nhà nước chỉ định hết chị ạ. Mọi thứ đều có giai cấp, có lớp lang. Không phải sự bình đẳng là

điều mình được nhìn thấy khi chết đi."

"Chôn trên đồi cao?"

"Dạ. Đất ở đó nhiều đá, cuốc mẻ lưỡi. Huyệt hơi nông, nhưng người ta an ủi, lụt lội khó tới quấy rầy. Cao bao giờ cũng hơn thấp, họ nói vậy."

"Tiền chị gửi về xây mộ có giúp em bớt chật vật không?"

Tôi tránh vội một ổ gà chứa đầy nước ngầu đục. Tôi ngậm câm. Tôi không hiểu chữ bớt chật vật mà chị dùng. Tôi là một lỗ trũng chẳng bao giờ hứng đọng được nước mưa. Luôn khô ráo, luôn hạn hán. Ba trăm đô-la. Ừ, nó to tát quá chừng. Đồng thời nó chẳng là cái gì hết nếu một người trong gia đình bạn đột nhiên nhắm mắt xây lưng lại với đời sống khó hiểu này. Dầu sao muốn sống còn bạn phải luôn nằm lòng câu: "Có còn hơn không." Sáng hôm nay tôi đã điểm tâm đĩa bánh cuốn, uống cốc cà-phê sữa nóng, hút một điếu thuốc thơm. Và tôi vênh váo mặt mày bởi có được một người chị Việt kiều xịn. Bạn thấy đó, những thằng gầm đầu đếm bước là những thằng vô sản chuyên chính thứ thiệt. Bọn nó ra đời dưới những vì sao xấu. Và triết lý của tụi ấy là gì, nếu như không muốn nói: "Thà đốt lên một que diêm còn hơn ngồi nguyền rủa bóng tối." Vài ba hôm nữa chị Diên Hồng lại ra đi. Tôi tiễn chị, đồng nghĩa với nhìn ánh sáng vụt tắt trên đầu một que diêm quá đỗi nhỏ bé, hao gầy.

Ngọn đồi không mấy dốc nhưng chị Diên Hồng chẳng thể đạp xe tiếp. Chúng tôi xuống xe, đi theo cái lối mòn dẫn dắt quanh co một cách vô lối. Chị Diên Hồng là chị kế, hơn tôi bốn tuổi, tôi là con trai út trong một gia đình có cả thảy ba người chị. Và tôi thực tâm chẳng nhớ rõ là ngày xưa mình có được cưng chìu không? Một đứa con trai, điều ấy thực ra cũng cần thiết, ít nhất ở trong cái định nghĩa: Nó là đứa kế thừa và tiếp tục gieo mầm phát sinh cho dòng họ khỏi bị chôn vùi, tuyệt tự. Hôm chị Diên Hồng về, câu đầu tiên chị hỏi:

"Nghị đã có người yêu chưa, bao giờ thì lấy vợ?"

Người yêu? Ai lại phải lòng một thằng khố rách áo ôm bao giờ? Không biết viện dẫn lý do, tôi đành lắc đầu. Chị bảo:

"Như thế mà hơn. Cực một mình chứ đừng bắt kẻ khác phải cực theo. Tóc Nghị bạc đã nhiều, thôi cứ ở vậy cho sướng."

Những luận cứ chị đưa ra không phải là vô căn cứ. Những gì đúng thì mình phải nghe theo. Và như thế, theo cái đà ấy, mai hậu biết có còn họ Hồ tồn tại? Điều đó chẳng phải là cái mà chị bận tâm. Chị có khối chuyện để lo toan, chia tiền Mỹ ra hai ba phần đồng đều để đem san sẻ chia sớt cho bà con thân thích. Chị ra chợ mua hương đèn vàng bạc hoa quả, nóng lòng hối thúc tôi dắt chị đi nhìn chỗ an nghỉ của Ba.

Chỗ Ba tôi nằm trước đây cô quạnh, hiu hắt. Có thể do trận thiên tai lụt bão xẩy ra vừa rồi khiến ông có thêm nhiều láng giềng, bạn mới. Những ngôi mộ không theo một quy luật nào cả khi đào xới, xây cất. Nó khác với đồ án, công trình xây dựng nhà cửa ở thành phố. Sự lộn xộn và tùy tiện đó khiến tôi phải tốn khá nhiều hơi sức khi nhận diện ra "căn hộ" của ông. Chúng tôi dựng xe bên một cây thông con. Gió len lỏi tới từ bên kia ngọn đồi để gửi theo tiếng vi vu nhột nhạt ngoài vành tai. Trong gió có mang theo hương thơm, mùi ngây ngất dễ chịu. Tôi thầm đoán, nhưng sau cùng mới vỡ lẽ đấy là mùi nước hoa tỏa ngát trên người chị Diên Hồng. Chị đã sanh được một cháu gái, hai tuổi. Nó và ông chồng chị thì đang bận thăm thú gia đình bên nội ở Sài-Gòn. Nó mệt vì phải đi xa, cách tốt nhất là nên dưỡng sức ở trong đó đợi ngày trở lại Mỹ. Chị nói vậy. Một đứa con, sách vở đã từng nhận xét: "Gái một con trông mòn con mắt." Chị tôi đẹp, khách quan mà nói vậy. Chị có những đường nét mà tôi không có được. Nói cho đúng đắn là hai chị em mà chẳng có chút gì giống nhau. Ra đường, tôi đã đón nhận nhiều ánh mắt ganh tị của những thằng đàn ông bắn tới tôi, cũng có loạn xạ những tròng con mắt dán chặt vào ngực vào mông chị. Chị tròn đầy, trắng trẻo, thơm tho. Tôi dơ xương, đen đúa, nhớp nhúa và xấu xa; từ cơ thể cho tới đầu óc. Đêm đầu tiên chị ghé thăm, trò chuyện không lâu chị vội vàng ôm đồ đoàn đi. Chị nói: Về ngủ ở khách sạn... Chị sợ hãi một điều gì? Căn nhà tồi tàn dơ bẩn? Thằn lằn, ruồi muỗi, rệp gián? Hay chị sợ... Tôi cố gắng để không dám nghĩ tiếp. Đêm đó tôi ngủ muộn, một giấc ngủ đầy mộng mị, quái đản và loạn luân. Tôi chờ ngày hôm nay, tôi sẽ nguôi ngoai những mặc cảm tội lỗi khi đứng cúi đầu khấn nguyện bên mộ Ba tôi. Nghe đồn Ba tôi trước đây là một kẻ đào hoa. Những nơi ông dừng chân trong khi đi công tác đều có để lại ở đấy những mối tình vụng trộm. Cha ăn mặn, con khát nước. Điều đó có đúng không?

Chị Diên Hồng bày lễ vật ra đặt dưới chân tấm bia. Bia xi-măng sần sùi, ở giữa có nhận chìm một tấm ảnh đen trắng. Khuôn mặt người đàn ông sáng sủa, cương nghị, tóc láng ướt chải lui

sau, mắt nhìn chăm vô dáng đứng gục đầu của chị Diên Hồng. Chị lẩm bẩm khấn vái. Chị sụt sùi kể lể. Tôi nhìn khói ùn lên từ đầu bó hương. Xanh xám, cay mắt. Khói nghi ngút cháy với một thứ mùi không lấy gì làm thơm. Nó bắt đầu óc phải bần thần, nó dẫn người ta tới những suy diễn chẳng mấy đẹp. Về cái chết chẳng hạn. Tôi ngó tấm chân dung ăn gian của Ba tôi, chụp hồi ông còn là trung niên tráng kiện. Tôi đọc những hàng chữ khắc vụng về trên bia, tên tôi nằm cuối cùng trên chữ "đồng phụng lập". Và tôi phát hiện tất cả những chữ ấy đều viết sai chính tả. Sắc, huyền, hỏi, ngã, nặng nằm không đúng với vị trí chính đáng của nó. Ba tôi hẳn phải bực mình vô hạn? Hơn ai cả ông là người luôn khinh thị ra mặt những kẻ vô học. Chị Diên Hồng sáng dạ học giỏi nhất nhà và chị đã trở thành niềm hãnh diện của ông, đi đâu cũng khoe khoan. Ông luôn nhại câu nói của văn hào Victor Hugo: "Trí tuệ giàu lên nhờ cái nó nhận vào. Con tim giàu lên nhờ cái nó cho đi." Một câu khác cũng thường được ông nhắc nhở: "Sách vở là người bạn thiết không hề biết phản bội mình." Ông bỏ công nhồi sọ chúng tôi những lời vàng ngọc của thánh hiền. Và oan uổng cho ông, ông không thể tưởng được, một đôi khi, giai cấp bần cố nông, bọn vô học, cũng có lúc ngoi đầu lên làm chủ được vận mệnh một đất nước. Cái đất nước mà khi ông chết, người đến phúng điếu tươi cười vỗ vai tôi: Ba mi chết rứa là hạnh phúc đó. Sống như tao còn khổ hơn một con chó!

"Trước khi chết Ba có trối trăn điều gì không?" Chị Diên Hồng quay đầu hỏi.

"Không." Tôi trả lời. Nhìn sâu vào đôi mắt ướt át đen láy của chị. Sao chị chẳng hề hỏi tôi: Em muốn qua Mỹ sống gần chị không? Chị làm đơn bảo lãnh.

"Ba không thổ lộ cho Nghị nghe một nỗi niềm riêng tư nào cả?"

"Hoàn toàn không. Ông chỉ nói một câu, cái câu mà em từng viết trong thư gửi chị: Diên Hồng đâu? Tự dưng Ba ưa nhìn mặt chị của con."

Chị Diên Hồng chảy nước mắt. Tôi muốn ôm chị vỗ về nhưng sợ hãi một điều gì vô cớ.

KHÁNH HÀ

NỤ CƯỜI VU VƠ

Một nụ cười buổi sáng
Nở từ tấm lòng vui
Đất trời thay áo mới
Vạn vật chớm xuân tươi

Hàng cây trổ lộc non
Tiếng chim hót véo von
Gió thơm hương nắng lụa
Bao xuân qua, vẫn còn

Gởi niềm vui nhỏ bé
Vào vũ trụ lớn lao
Một nốt nhạc rơi nhẹ
Mà âm vang rạt rào

Nụ cười rất vu vơ
Gởi cho ai bắt gặp
Trong một thoáng tình cờ
Ta chia nhau hạnh phúc

"Chị cảm thấy có lỗi với Nghị..."

Chị nói nhỏ, cố nén tiếng khóc òa vỡ ra. Giọt nước mắt rơi khỏi cằm. Nó mặn không nếu tôi được nếm thử? Tôi ngó vết rạn nứt trên bề mặt ngôi mộ đắp xi-măng. Người nằm dưới hẳn sẽ chẳng bao giờ nghe hiểu tiếng nhân gian đang lao xao.

"Chị có khấn nguyện với Ba, hãy cho chị thế mặt Ba nói với Nghị một điều hệ trọng. Chị sợ về Mỹ rồi sẽ hết còn cơ hội để nói ra."

Tôi nhìn chữ Guess in sơn trắng trên áo thun đen chị mặc. Nhìn những nhịp đập rối loạn không ngừng lên xuống đang xảy ra mơ hồ ở đằng sau. Hôm trước, chị có trao quà cho tôi một chiếc áo tựa thế, tuy vậy điểm khác biệt là chữ CK in có hơi lớn, hơi phô trương. Chị hỏi, Nghị biết hiệu

Calvin Klein không? Tôi bông lơn, nghĩa là gì? Coi bộ mặc nó không thích hợp, bởi em chẳng có gì để phải Cần Kiệm cả. Hay là tròng nó vào người rồi đi rêu rao giữa phố phường: Cho Không. Chọn Kiểu...?

"Chị sẽ ân hận nếu mãi giữ kín trong lòng... Nếu có gì, xin Nghị thứ lỗi cho chị..."

"Chị không có lỗi gì cả, hoặc nếu có, em thề không đời nào đem lòng oán trách. Chị về thăm là cả một niềm vui lớn, chị tin không?"

Tôi muốn lau nước mắt cho chị nhưng không đủ can đảm. Mới nghĩ qua, tay đã run lên, đành cúi đầu nhìn những cọng cỏ đang mềm ướt. Chị mang dép da, những ngón trắng hồng sạch sẽ nằm thứ lớp trên một bàn chân đầy đặn. Ở người chị, mọi thứ như đều hoàn hảo. Có đêm tôi nằm mộng thấy chị hiền hậu, mang đầy vẻ đẹp sáng ngời như Phật Bà Quan Âm: "Nghị đang ôm ấp một điều ước gì? Nói ra chị sẽ biến nó thành hiện thực." Tôi tỉnh giấc và lòng rối bời những ham muốn không thành lời, tiếc nuối.

"Nếu Nghị không trách cứ thì chị xin được nói ra. Nghị là nghị lực, phải không? Phút giây này, bên mộ Ba, có lẽ điều đó giúp cho chị thêm can đảm."

"Chị khó hiểu hơn Nghị tưởng. Không phải là người Tây phương họ đều thẳng thắn và sòng phẳng sao? Ở bên đó đã lâu sao chị còn Việt-Nam rặt vậy? Quanh co, úp mở là điều mình cần tránh, nó làm Nghị hoài nghi về tình chị em ruột thịt."

Tôi nói, giọng hơi khan. Tôi nhìn vào mặt chị Diên Hồng, cố tìm ở đấy một vài nét từa tựa như khuôn mặt tôi, kẻ mà Ba Má đã nặn ra lần sau chót.

"Được, chị nói. Thời gian làm việc ở Tuy-Hòa Ba có một bà nhân tình. Do lòng ham muốn có được một đứa con trai, nên Ba... nên rốt cuộc bà ấy đã mang thai với Ba:.."

Chị ngập ngừng. Chị có lối thuật chuyện không hay, chẳng hấp dẫn, thiếu nghệ thuật; bởi chưa gì tôi đã đánh hơi ra cái đoạn kết rất cải lương của nó. Tôi chẳng xâm xoàng chóng mặt gì ráo. Lòng tôi sao dửng dưng một cách kỳ lạ.

"Nghị là đứa con trai cùng cha khác mẹ ấy, có phải không?"

"Chuyện này Ba kể cho chị nghe đã lâu... Con phải thương yêu nó, con phải rán chỉ thêm bài vở cho nó để sau này thành người hữu dụng... Nghị, thật ra bọn chị rất xấu hổ, rất bất hiếu khi để một mình Nghị xoay xở đối đầu với trăm thứ. Chôn cất Ba tử tế chẳng hạn... Nghị có muốn đi dò la tin tức người mẹ ruột của mình không?"

"Không."

"Tại sao? Chị đưa tiền cho Nghị trang trải mọi việc."

"Bây giờ chị vứt con chị trong Sài-Gòn và ở đây với Nghị suốt những ngày còn lại thì chị có an lòng không? Nếu an lòng, thì sau này khó nhìn mặt đứa bé ấy. Đúng không? Khó xử lắm, phải không?"

Tôi hỏi. Tôi lay vai chị và tôi ngửi ra từ cơ thể chị xông lên hương mùi u mê. Tôi dụi mặt mình vào mái tóc mượt mà chảy lượn nơi bờ vai tròn. Chị Diên Hồng đẩy giạt ra khiến tôi té ngồi trên mả Ba tôi đầy cỏ dại mọc quanh. Chị thốt lên một tiếng ngoại ngữ sắc lạnh mà tôi đoán nghĩa chữ ấy hẳn rất tàn tệ. Khốn nạn chẳng hạn. Địt mẹ chẳng hạn. Cứt đái chẳng hạn...

Có tiếng động cơ xe gắn máy vọng lên từ dưới chân đồi, nổ hục hặc, khuất lấp. Tôi nhìn xuống, bóng dáng chị Diên Hồng nhòe ra giữa nắng, mỗi lúc một xa trong mắt cay. Buổi trưa ở đây lặng lờ, bát ngát buồn hơn cả một bãi tha ma.

dec. 02.01

PHẠM VŨ

Nhạc Sĩ Sáng Tác & Hòa Âm

Tel: (714) 839-5227

CD và CASSETTE đã phát hành:

1. **Tình Yêu Đã Chết**
2. **Mộng Du**
3. **Tin Nhạn**
4. **Sầu Mộng I**
5. **Sầu Mộng II**

Nhận hoà âm cho ca và dàn nhạc

Nhạc và lời hòa âm: **PHẠM VŨ**

Với các giọng ca: **Kim Tước, Mai Hương, Duy Trác, Quỳnh Giao, Jo Market và Hà Thanh**

Mọi liên lạc để mua CD và cassettes trên xin đến các Trung Tâm Băng Nhạc hoặc xin liên lạc trực tiếp

Nhạc sĩ Phạm Vũ (714) 839-5227

TRUYỆN TÌNH

TRẦN MỘNG TÚ

Cô cầm khay thuốc nhỏ đến khu C, khu biệt giam của những người tù mặc áo đỏ. Trước khi đến phòng giam , cô nhìn nhanh vào chiếc gương nhỏ cất trong ngăn kéo bàn giấy, tô lại chút son môi, chút má hồng, hai con mắt xanh biếc của cô bóng lên trong một giây , rồi lại dịu ngay xuống. Sáng nay khi sửa soạn đi làm, trong căn phòng tối như mù, cô đã lần mò một nắm phấn son cho vào túi sách , cô đã lựa cho mình một chiếc áo hở cổ, và thật sát vào người. Cô biết chiếc áo không cài khuy khoác ngoài của y tá không thể che được vóc dáng nẩy nở của mình, và trưa nay nhan sắc của cô sẽ được cặp mắt sâu thăm thẳm đó chiêm ngưỡng. Bất giác cô khẽ rùng mình.

Một nhân viên an ninh đi theo cô đến phòng 15, sau khi mở khóa, anh ta đứng ở một khoảng cách vừa đủ để vừa không chú ý đến việc làm của người y tá, vừa đủ kịp phản ứng bảo vệ cô nếu có chuyện gì sẩy ra. Vì những người tù mặc aó đỏ là những người phải cẩn trọng đề phòng. Người tù chậm chạp đi ra, cô không phải là một người nhỏ bé, thế mà nếu đứng đối mặt với nhau thì cô phải nhìn lên, tầm mắt mới chạm đến ngang vai anh ta. Hắn bước hẳn ra ngoài phòng, tiến đến chiếc bàn dài gần đó , nhưng không chịu ngồi ngay xuống. Hắn đứng ngắm nghía cô y tá hấp dẫn, cái nhìn của hắn là cái nhìn của một con thú đực lâu ngày mới vừa ngửi thấy mùi con thú cái. Đợi cho cô y tá kéo cái ghế ngồi xuống trước,

hắn mới tiến lại để có thể nhìn từ phiá trên xuống cái ngực lấp ló sau chiếc áo choàng trắng. Cô dư biết như vậy, nhưng cô lờ đi, cô đưa mắt nhìn người giữ an ninh, anh ta ra lệnh cho hắn ngồi xuống phía bên kia bàn. Cô mở tập hồ sơ, hỏi giọng lạnh lùng:

"Anh còn mất ngủ không?"

"Còn."

Hắn trả lời ngắn, mắt vẫn không rời quan sát cô. Hắn nhìn cô từ môi

xuống cổ, rồi từ cổ xuống cái ngực lấp ló dưới cái cổ áo khoét sâu. Cô cúi xuống vừa tiếp tục hỏi vừa ghi hồ sơ, hỏi xong cô gấp hồ sơ lại. Hai con mắt xanh bóng của cô nhìn thẳng vào mắt hắn, cô đưa lọ thuốc cho hắn, khi hắn xoè tay ra cô ấn mạnh lọ thuốc vào gan bàn tay hắn, rồi xoáy mạnh một cái bằng cử chỉ khiêu khích . Cả người hắn rung lên, hắn bặm chặt môi lại, hai con mắt tóe lửa, hắn nắm như muốn bóp bể lọ thuốc trong tay, hắn đứng bật dậy, chồm về phía cô.

Nhân viên an ninh lập tức tiến đến phía hai người, xô hắn ra khỏi cái bàn, bẻ quặt hai tay hắn về đằng sau , kéo vào phòng giam. Cánh cửa sắt đóng ập lại, nhưng cũng để cho hắn kịp nhìn cái nhếch miệng khiêu khích của cô. Mồ hôi hắn vã ra như tắm.

Trung tâm này chỉ là nơi tạm giam chờ ngày mang ra xử . Những người bị nhốt ở đây đủ mọi thành phần. Từ trộm cắp nhỏ nhặt, hút ma tuý ở một góc đường đến giết người, hiếp dâm. Nhà tù chia cấp bậc nhẹ hay nặng bằng mầu áo mặc khác nhau. Nhẹ nhất là áo vàng, rồi đến áo xanh và sau cùng là áo đỏ. Những tù nhân mặc áo đỏ thường phải biệt giam,vì ngoài vấn đề nguy hiểm cho cá nhân tù phạm khác, họ cũng không thể sinh hoạt chung với tù nhẹ tội được. Một tù nhân áo đỏ như "Hắn" làm sao mà sinh hoạt được với mấy tay cậy cửa xe, ăn cắp vặt. Những cái tội của đám áo vàng chỉ là những cái tội của con nít mới lớn, hoặc của những tên thiếu tiền và thiếu cả tư cách. Hắn coi thường chúng ra mặt. Hắn bị bắt về tội giết người.

Cô làm ở bên y tế, cô chỉ có hồ sơ về tình trạng sức khỏe của tù nhân . Hình như hắn bị bắt vì tội giết vợ, hồ sơ bên y tế không có nói rõ về chi tiết của bên hình sự. Hắn bị giam ở đây cả mấy tháng rồi, cái vết thương dài từ cổ xuống bụng hắn chưa lành hẳn nên bên Tòa chưa đem ra xử . Trong hồ sơ Y Tế có ghi vết thương đó là do hắn cầm dao rạch bụng để tự vận mà không chết . Hiện tại hắn cũng đang được chữa về tâm thần. Bác sĩ nào đến phiên chẩn bệnh cho hắn cũng gặp khó khăn vì hắn không hợp tác . Hắn không muốn trả lời bất cứ một câu hỏi nào. Chỉ có cô mới cậy được cả mắt lẫn miệng tù nhân này. Và cô đã ngầm dùng đôi mắt sâu thăm thẳm của hắn như một tấm gương để soi ngắm thân thể mình. Hắn là người duy nhất biết đang bị cô mê hoặc.

Cô làm việc cả ở Bệnh Viện Greenvilles , nên hắn đã là bệnh nhân của cô trước khi họ chuyển hắn vào tù. Cô đã chú ý tới cái mã cao lớn, tay dài vai rộng cùng với bộ mặt đằng đằng sát khí, và nhất là cặp mắt thăm thẳm. Cặp mắt mầu ve trai trong suốt có pha một chút nâu nâu, nằm bên dưới đôi lông mày rậm kéo ra đến thái dương nối liền với hàm râu quai nón. Khi hắn nhìn ai , mắt cũng như muốn tóe lửa. Tất cả các thứ ấy cộng vào một thân hình cao lớn, hừng hực nam tính của hắn đã thu hút cô. Lần đầu tiên khi thay những miếng băng tẩm thuốc trên ngực hắn, cô đã cố ý làm rất chậm. Cô vừa lấy ngón tay ấn ấn lên chỗ da thịt không đau cũa hắn vừa mỉm cười mà không nhìn vào mặt hắn. Hắn ở bệnh viện độ hai tuần thì biết là cô y tá này đang muốn giở trò với mình. Nhưng khi hắn định tỏ thái độ đáp ứng thì cô ta lại giở mặt đóng vai của một chị y tá khó chịu. Cô ta vờn hắn như một con mèo vờn con chim vừa vồ được.

Cái buồng giam biệt lập chỉ vừa đủ chỗ cho một chiếc giường nhỏ, một cái cầu tiêu không quây kín. Tù nhân biệt giam không được phép đi vớ và không được mặc đồ lót (cô không biết tại sao). Hắn mầm co như một con tôm vừa luộc xong, hãy còn nóng và vỏ đỏ hỏn, hắn đang lên cơn sốt không rõ nguyên do. Cả người hắn rung lên như sợi giây điện cao thế. Cuống họng hắn khô rang, hắn đang muốn đập phá một cái gì. Hắn nhìn xung quanh chẳng thấy một cái gì cầm lên được , hắn nắm bàn tay lại cứ thế đấm vào tường cho đến lúc những người gác mở cửa vào còng tay hắn lại.

Cô được gọi đến để băng bó lại bàn tay đang chẩy máu. Hai người phụ trách an ninh đứng kèm hai bên. Cô mặt lạnh như nước đá chăm chú làm công việc của một y tá, không nói một câu. Cô dư biết cảnh khiêu khích vừa rồi của cô đã làm cho hắn lên cơn sốt tình dục. Nếu không có hai người gác đeo súng đứng đó chắc hắn đã xông tới bẻ cái thân thể hấp dẫn đó ra làm hai ba mảnh, khi nhìn thấy cái cười nhếch mép của cô.

Chị mở cửa vào nhà. Đây là một trong những căn chung cư dành cho những người khiếm thị. Khu chung cư này do thành phố cung cấp, có khoảng hai mươi gia đình. Những người ở đây vừa có gia đình, vừa độc thân. Những căn nhà một từng xây vòng tròn chung quanh một cái sân khá rộng. Vì là khu cho người khiếm thị nên chiếc sân xi măng để trống , không có một chậu cây, một khóm hoa, hay một vật trang trí nào để có thể làm vấp váp, cản trở sự giao thông. Những gian nhà có đủ cửa sổ hứng nắng để tránh ẩm thấp, nhưng ít khi thấy được mở. Ở hành lang phía trước của những căn nhà, cứ năm mười thước lại có một chiếc băng gỗ dài kê sát vào tường. Cha mẹ thường ra đó ngồi trò chuyện với nhau hay ngồi chờ nghe tiếng chân trẻ đi học về.

Người chồng nghe tiếng động của chìa khóa biết là vợ về, anh lên tiếng trước

"Sao hôm nay em về sớm thế?"

Anh vừa nói, vừa mở chiếc đồng hồ tròn đặt trong lòng bàn tay, vừa sờ lên mặt những con số . Mới có 4 giờ 20.

"Hôm nay em xin về sớm. Anh sửa soạn đi chợ với em."

Chị cầm tay chồng dắt vào buồng trong cho anh thay áo, chị cầm tay anh như một thói quen mà thôi, vì điều này đâu có cần thiết với anh. Chị cũng cần thay đôi giầy đi bộ. Từ nhà họ chỉ cần băng qua đường là có siêu thị. Trong buồng tối hù vì các cánh cửa điều đóng, đối với anh không thành vấn đề, vì đóng hay mở cũng thế thôi. Nhưng đối với một người sáng mắt như chị thì chắc cũng phải thấy khó chịu. Thế mà chị cũng cứ thản nhiên lần mò trong bóng tối thay giầy. Chị biết đôi giầy chị cất ở đâu. Chị lấy anh ba năm nay rồi. Khi về ở với anh chị đã tự tập cho mình sống trong bóng tối. Cả việc chải đầu, đánh phấn trước khi đi làm, chị

NGUYÊN DŨNG

FLORENCE, MÙA XUÂN VÀ Y

Mùa Xuân hoa Tulip
Nở giữa công trường xưa
Phía trên thành quách cổ
Chim bồ câu bay qua

Mùa Xuân không yên vui
Đời im, không tiếng cười
Người im, không tiếng nói
Còn mong ai, trông ai?

Mùa Xuân sao quanh đây
Ngày sao như quá dài
Đời như đang hấp hối
Không còn ai qua đây

Mùa Xuân ai vui tươi
Còn ai đang biếng lười?
Hồn ai đang chết đuối?
Lòng ai chưa nguôi ngoai?

Mùa Xuân hoa Tulip
Nở đỏ công trường xưa
Nhưng lòng ai hoang phế
Trắng một màu tang ma!

Y bây giờ có lẽ
Ngồi đó nhìn cuộc đời
Không đọc kinh sám hối
Không cần nhập cuộc chơi

Mùa Xuân không thấy tới
Ngày tháng sống buông trôi
Một người còn ngồi đợi
Mùa Xuân nào xa xôi!

Italia, 1974

cũng có thể làm trong bóng tối. Cái bóng mờ mờ của một căn nhà đóng hết các cửa vào ban ngày, hay cái bóng đen đặc của ban đêm thì chị cũng coi như nhau.

Họ đi sóng đôi với nhau ra đường, những người hàng xóm đang đứng ở chiếc sân chung, nghe bước chân của hai người đi đến, họ ngoảnh mặt lại cất tiếng chào. Chẳng bao giờ chị nghe thấy họ nhầm lẫn tên hai vợ chồng chị bằng tên người khác. Những đứa trẻ con cái của họ chạy chơi quanh đó. Cha mẹ chúng cũng chỉ cần nghe tiếng chân chạy, tiếng cười đùa và tiếng khóc của chúng là họ biết ngay đứa nào là con nhà nào. Chị nhìn bằng mắt còn nhầm con nhà này với con nhà khác, nhưng những người chỉ nghe bằng tai này thì không bao giờ nhầm.

Điều làm cho chị thán phục những người ở trong khu chung cư này là họ không bao giờ lẫn lộn giữa hai thằng bé sinh đôi bên hàng xóm. Trông chúng giống nhau như hai viên kẹo bột . Vì họ không nhìn thấy chúng nên họ dùng tai để phân biệt tiếng u ơ của hai đứa nhỏ này ngay cả lúc chúng chỉ mới biết khóc oe oe, hay nghe tiếng động của cặp chân khi chúng mới biết bò. Trong khi đó thì chị phải dùng hai con mắt của mình để nhìn cho thật kỹ một dấu vết khác trên nét mặt hay trên thân thể hai đứa bé để phân biệt. Nhưng vào mùa đông khi cha mẹ chúng mặc những bộ quần áo che kín mít chỉ lộ hai con mắt với cái miệng thì chị phải nhờ chồng lắng nghe và phân biệt hộ. Khi chị về ở với anh thì hai đứa trẻ hàng xóm mới lên hai, bây giờ đã được năm tuổi. Chúng rất thích chị, vì chị là một trong ba người đàn bà sáng mắt ở khu này, và chị lại vừa trẻ nhất vừa săn sóc, yêu thích trẻ con theo cung cách của một y tá.

Người chồng đi bên cạnh vợ, anh không cần vịn vào chị. Anh cầm chiếc gậy trắng, thỉnh thoảng anh đưa tay sang đẩy nhẹ vào lưng vợ như hướng chị đi theo mình. Cả hai đứng lại đợi sang đường. Anh nghiêng tai lắng nghe tiếng nhạc phát ra ở cột điện . Khi tiếng nhạc nhẹ nhàng phát ra là lúc anh đứng lại mà nghe, khi nhạc đổi sang dồn dập là lúc phải sang đường. Tiếng nhạc thay cho đèn xanh đỏ dành riêng cho người khiếm thị. Tất cả các ngã tư trong vòng nửa dặm dều có nhạc sang đường này. Đôi khi để khỏi nhàm chán những khúc nhạc được đổi theo mùa. Và có lần anh đã được thưởng thức một đoạn " Singing in the rain" của Herb Brown và Arthur Freed vào cuối Thu.

Anh hỏi vợ

"Sao tự nhiên trời tối xập xuống vậy, có phải sắp mưa không?"

Chỉ cần một ngọn gió khác thổi qua vai, là anh có thể đoán được trời đang nắng chang chang sẽ kéo đến một cơn mưa. Chị bảo

"Chắc vậy, mình cần mua nhanh lên để chạy về nhà cho kịp."

"Em đừng có lo, anh cuộc với em là cho đến lúc mình ăn cơm chiều xong thì mưa mới bắt đầu rơi xuống."

Họ vào chợ mua thức ăn. Hôm nay anh muốn nấu món mì Ý và họ cùng đồng ý là chỉ dùng toàn rau thay vì ăn với xúc xích. Anh chọn thức ăn rất kỹ, nên trước khi bỏ vào túi cái gì chị cũng phải đặt vào tay anh trước. Cứ mỗi lần chị đưa quả cà chua cho anh, anh lại bỏ xuống. Quả thì anh chê chín quá, quả thì anh chê hơi xanh. Củ hành cầm không chắc tay (vì nhổ đã lâu) hay chắc quá (tức là còn non) anh cũng bỏ xuống. Theo anh củ hành tây mà xốp hay chắc quá đều không thể nào ngọt thịt được, quả cà xanh hay chín quá cũng không ngon. Chẳng khác gì da thịt phụ nữ, nó chỉ đẹp nhất ở giữa tuổi ba mươi đến bốn mươi. Cũng có vài trường hợp ngoại lệ, nhưng cái đó thì rất hiếm.

Buổi chiều ăn cơm xong. Anh chồng đang ngồi nghe máy phát thanh ở trong bếp thì cơn mưa ập xuống đúng như anh đoán. Tiếng mưa bắt đầu nhè nhẹ rồi mỗi lúc một dồn dập, nghe hồ như tiếng nhạc ở góc phố dục sang đường. Bỗng anh đứng lên đi về phía vợ đang đứng rửa bát, kéo tay chị vào phòng ngủ. Chưa qua khỏi cửa buồng anh đã ấn lưng chị sát vào cánh cửa. Anh đặt tay lần mò trên vai, trên ngực chị. Hơi thở anh dồn dập theo những ngón tay. Chị nhắm mắt lại rên rỉ trong đầu. Chao ôi ! Nếu mà anh ấy sáng mắt, nếu mà anh ấy được nhìn thấy mình, nhìn thấy từng phân vuông trên da thịt mình thì anh ấy chắc sẽ sung sướng hơn nhiều và mình cũng thỏa mãn biết chừng nào! Người đàn bà cần được chiêm ngưỡng , cần được nhìn thấy mình trong mắt người khác chứ!

Chị lần mò trong bóng tối lấy ra cái hộp đựng đồ cuộn tóc, cuộn mớ tóc của mình. Ngày mai chị sẽ có một mái tóc bồng bềnh rất đẹp, và chị sẽ mặc chiếc áo mùa hè mới mua tuần trước, chiếc áo trắng ngắn tay có in những bông cẩm chướng mầu tím nhạt, chị có cây son cùng mầu với cánh hoa này. Ngày mai, ít ra là sẽ có một đôi mắt biết thưởng thức cả áo và son của chị. Chị vừa cuộn tóc vừa nghiêng mình lắng nghe

tiếng mưa rơi lộp độp trên mái gỗ. Trong tiếng động nhẹ nhàng của hạt mưa chị nghe được cả tiếng đập của tim mình.

Cô hé mở cánh cửa phòng giam. Hắn nhoài người ra nắm lấy cái cổ tay tròn lẳn kéo mạnh vào trong phòng, đóng xập cửa lại. Cả người cô lọt hỏn vào trong lòng hắn . Hắn hôn ngấu nghiến lên miệng cô. Cô không chống cự , cô đứng yên đợi cho hắn thao túng. Nhưng không, hắn không hành động hung hãn như gương mặt của hắn, (gương mặt với hàm râu quai nón đỏ như râu bắp, cô đoán có đến cả tháng chưa cạo). Hắn dắt tay cô đẩy ngồi xuống cạnh giường, hắn đi bật sáng tất cả các bóng điện trong phòng. Hắn quay lại trước mặt cô. Hắn từ tốn cởi chiếc áo y tá khoác bên ngoài của cô, gấp gọn gàng để lên giường. Sau cùng hắn tháo chiếc giây chuyền ở cổ. Đèn trong phòng vẫn sáng trưng, hắn đứng yên lặng thưởng thức cô với hai mắt mở lớn không nói một tiếng nào. Hắn đứng một lúc lâu không biết là bao nhiêu phút, hắn nhìn từ chân tóc cô xuống vầng trán, từ trán xuống khuôn mặt, hai con mắt của hắn đọng lại ở mắt cô, làm cô bất giác rùng mình. Cô thấy âm ấm ở bờ vai, tê tê trên đầu vú như có bàn tay hắn đặt lên đó.

Nhưng không phải, hắn vẫn đứng cách cô một khoảng cách và nhìn cô bằng hai con mắt thăm thẳm. Hai con mắt đó nó không còn hung hãn nữa mà nó trong suốt như hai mảnh gương cho cô nhìn thấy phản chiếu tất cả vẻ đẹp của mình, cái vẻ đẹp rực rỡ thanh xuân ở tuổi ba mươi mà mấy năm nay chỉ được chồng cô nhìn bằng tay trong bóng tối. Cái ánh sáng lấp lánh của hai mảnh gương đó như những lưỡi thủy tinh sắc cắt thân thể cô ra làm nhiều mảnh, rồi cũng lại cái ánh sáng đó dịu xuống, mềm mại như một giải băng âu yếm quấn thân thể cô liền vào với nhau như cuộn một vết thương, làm cho cô ngây ngất như người vừa được chích một mũi thuốc gây mê. Óc cô lâng lâng, trái tim cô nôn nao, cồn ngực cô bồng bềnh như những mảng bông trắng nõn đang bay lượn trong phòng. Hắn chiêm ngưỡng thân thể cô mà không vồ vập, níu kéo. Hắn đi chung quanh chiếc giường, bắt đầu bằng những bước từ tư , rồi nhanh dần, nhanh dần giống như cái bóng trong chiếc đèn kéo quân làm cô chóng mặt. Cô nhắm nghiền hai mắt lại, cô nghe tiếng nước chảy róc rách ở phiá cái bồn tiểu bị hư, cô nhìn thấy những viên thuốc trong chiếc lọ nhỏ lăn tứ tung trên mặt đất, cô với tay muốn nhặt những viên thuốc thì hình như cô lại chạm tay vào chiếc sẹo dài trên một bộ ngực rắn chắc. Hình như cô không còn ngồi trên giường, cô đang đứng , lưng dựa vào tường, cô nghe thấy tiếng thở thật nhanh cuống quít vào nhau, rồi cô ngửi thấy mùi ngai ngái của người đàn ông. Nhưng là một mùi đàn ông rất quen thuộc. Căn phòng tối xầm lại .

Người đàn bà cầm tay chồng đặt lên ngực mình , thầm thì vào tai anh

"Đây, đây."

Mặc dầu anh không cần nhìn bằng mắt, nhưng chị theo thói quen bao giờ cũng đưa tận tay chồng những gì chị muốn. Anh ngắm nghía thân thể vợ bằng bàn tay khéo léo của mình. Anh đang chọn những phần ngon trên thân thể vợ như anh đang chọn trái cây trong siêu thị. Vỏ mỏng của trái cà vừa chín tới thật là tươi mát, mùi hăng hăng của củ hành mới hái thật là quyến rũ. Đặt tay trên lưng chị, có khác nào đặt tay trên một lá rau cải vừa được tưới nước. Cái mũi có đầu nhòn nhọn vừa phải như một trái ớt Mễ thật khiêu gợi , anh hôn môi vợ mà tưởng đang ăn trái Anh Đào tháng tám. Cặp núm vú nhỏ xiú của chị anh đoán khi được âu yếm nó sẽ đỏ rực lên như mầu đỏ của trái Thanh Lương Trà *. Anh nhớ đến một đoạn văn trong tiểu thuyết của Pasternak. Khi Bác sĩ Zhivago chạy vào rừng để trốn tránh đám quân xanh , thấy những cành Thanh Lương Trà phủ tuyết, ông nhớ đến cánh tay trắng của Lara , ông nhìn cây Thanh Lương Trà kêu lên "Ôi ! Tình yêu của ta, nữ hoàng cuả ta, cây Thanh Lương Trà của ta." Cây Thanh Lương Trà này ít có người biết đến. Trái của nó chỉ nhỏ như những viên hạt trai và có mầu đỏ, cây của nó thì cao chứ không phải một loại bụi như những bụi dâu khác, người ta dùng nó để làm mứt ăn bánh mì, rất thơm ngon. Anh đã may mắn được mẹ anh cho ăn món mứt này thời niên thiếu , lúc đó khi mắt chưa bị hỏng hoàn toàn anh đã được thưởng thức cái vẻ đẹp của những trái dâu tròn mầu đỏ trong tay .Bây giờ anh đang được ngậm trái Thanh Lương Trà còn tươi trong miệng.

Hắn bị đem ra Toà Án xét xử khi vết thương đã khá lành. Tòa buộc một bản án hai mươi năm về tội giết vợ. Người ta chuyển hắn đến nhà giam cho tù trọng phạm. Một tháng sau khi hắn bị giải đi, cô y tá xin thôi việc tại khu tạm giam Correction Center. Cô đã nhận việc mới và người ta không biết cô dọn đi đâu.

Tháng 8/ 01

* Thanh Lương Trà: Rowanberry

NHÂM NGỌ

LÊ ĐÌNH THÔNG

Tên cúng cơm của hắn là Nhâm Ngọ. Ông già hắn bị cận thị nặng, thích xem lịch đặt tên con. Trên cuốn lịch năm 1942 không còn chữ nào to hơn hai chữ Nhâm Ngọ. Ông đọc tên Nhâm Ngọ để bà mụ ghi vào giấy chứng nhận hộ sinh. May hắn là con trai. Đàn bà mang tên Nhâm Ngọ không dấu được tuổi. Tác giả *Ngày xưa Hoàng Thị* chỉ nói bâng quơ người thiếu nữ tên là Ngọ, có anh chàng trồng cây si lẽo đẽo theo cô nữ sinh tên là Hoàng Thị Ngọ lúc tan trường.

Từ Nhâm Ngọ (1942) tới Nhâm Ngọ (2002) là tròn vận niên lục giáp. Cuộc đời Nhâm Ngọ đã trải qua năm con giáp. Nếu chia cuộc đời hắn làm hai mảnh, hơn 30 năm đầu (Nhâm), hắn làm ăn tương đối khấm khá. «*Nam Nhâm nữ Quý*» mà! Gần 30 năm sau (Ngọ), cuộc đời chỉ còn là kiếp trâu ngựa. Sau 1975, hắn cầm tinh ngựa què, tối ngày quanh quẩn giữa rừng thiêng nước độc. Số kiếp hắn chẳng khác gì con ngựa. Con ngựa có tàu ngựa để ở. Còn hắn nằm chen chúc trong cái láng dài lợp lá. Một con ngựa đau cả tàu không ăn cỏ. Thân phận hắn hơi khác. Cho dù cả trại không ai ốm liệt giường, ai nấy vẫn đói meo như thường. .

Lệnh tạm tha biến con ngựa què cải tạo trở thành ngựa Hồ. Ra tù ít lâu, hắn đi xa lắm, xa quê hương một nửa tinh cầu. «*Hồ mã tê bắc phong.*» Hắn có phải là ngựa đâu mà hí. Hắn «hí» qua chữ ký «nhâm ngọ» (không viết hoa). Hắn cố tình kéo chữ «h» cao lêu nghêu, và chữ «g» ngụp sâu thăm thẳm. Hắn giải thích : *Nửa đầu lên voi nên chữ «h» cao nghều. Nửa cuối xuống chó khiến chữ «g» ngụp lặn khác thường.* Trên cõi đời này, có lẽ chỉ riêng hắn bộc lộ nhân sinh quan qua chữ ký. Hắn còn nói thêm: *Nếu cuộc đời không phải là vườn hoa thì đừng nên viết hoa tên tuổi.*

Trong cổ thi, có hai loài động vật mang kiếp tha phương : *Hồ mã* và *Việt điểu.* Hắn cầm tinh cả hai. Người xưa nói: *Hồ mã tê bắc phong, Việt điểu sào nam chi.* Lưu lạc nơi xứ người, hắn cũng *«hí» cũng «đậu,»* nhưng chỉ đậu trong tâm tưởng. Số kiếp ngựa Hồ làm hắn vất vả ngược xuôi. Sáng vác ô đi tối vác về trên chuyến tàu ngược xuôi. Khi đáp tàu, bao giờ hắn cũng ngồi cạnh cửa sổ. Hắn mải mê ngắm cảnh vật. Hắn bảo: Cảnh vật hầu như im lìm, nhưng ánh sáng biến hóa khôn lường. Trong bức tranh vô minh trộn lộn, đôi khi hắn gặp lại vài kỷ niệm.

Trong sáu mươi năm cuộc đời, nửa đầu Nhâm, nửa sau Ngọ. Nửa đầu «Nam Nhâm» của hắn che đậy sự yếu đuối trong tấm thân trai tráng khoẻ mạnh. Nửa đời còn lại, thân thể tuy mòn mỏi nhưng trái tim trở thành chai đá. Hắn thầm nghĩ đường đời nhiều khi rất giống nhau. Lối đi nào mà chẳng có đầu đường cuối đường, chỗ thẳng chỗ quẹo. Thì đường đời cũng bấy nhiêu lối. Hắn không tin tử vi. Tử vi «Nam Nhâm» ngon lành mà sao cuộc đời hắn lận đận. Hắn bèn đem cuộc nhân sinh đối chiếu với sách vở. Hắn lò mò kiếm các giải Nobel thơ văn trong mấy năm Ngọ, suốt từ Nhâm Ngọ (1942) trải qua Giáp Ngọ (1954), Bính Ngọ (1966), Mậu Ngọ (1978), Canh Ngọ (1990). Ông Buffon có lần tuyên bố: «Người làm sao theo lao vào truyện» (Le style est l'homme même). Hắn ráng kiếm xem các nhà văn lãnh giải Nobel trong mấy năm Ngọ có trùng hợp với số kiếp con rệp của hắn.

Hắn ra đời năm Nhâm Ngọ. Vào năm 1942, thế gian điên đảo vì chiến tranh. Thụy Điển tuy trung lập nhưng mấy ông hàn lâm Thụy Điển không còn bụng dạ đọc sách ngâm thơ. Năm 1942, Hàn Lâm Viện Stockholm không phát giải thưởng Nobel về văn chương. Năm 1942 vắng bóng trong văn học, nhưng lưu dấu trong điện ảnh với Summer of 42. Trên màn bạc, đạo diễn Robert Mulligan thuật chuyện ba thanh niên nghỉ hè trên một hải đảo. Ba chàng trai không lo lắng về gia đình, cũng chẳng bận tâm về chiến cuộc. Họ chỉ để ý mấy cô hàng xóm. Cả ba nhìn trộm một thiếu phụ xinh đẹp đang ôm hôn người chồng trên cồn cát. Một hôm, người chồng lên đường tòng chinh. Một trong ba chàng trai tên là Hermie tìm cách làm quen với người chinh phụ. Hai người yêu nhau say đắm. Một sáng, thiếu phụ nghe tin

chồng tử trận. Vào những năm 40, luật Hays còn rất khe khắt, cấm đoán nam nữ đủ điều, kể cả việc hôn nhau trên màn ảnh. Summer of 42 phá lệ, đem chút nắng ấm cho điện ảnh Holywood.

Năm Giáp Ngọ (1954), khi Ernest Hemingway (1899-1961) lãnh giải thưởng Nobel, Nhâm Ngọ là một cậu bé 12 tuổi. Người ta nói tới huyền thoại Hemingway: Cuộc đời Hemingway là một tiểu thuyết với nhiều tình tiết ly kỳ. Thân phụ Hemingway là bác sĩ, về sau tự vận. Cái chết của thân phụ ám ảnh Hemingway suốt đời. Năm 1917, Hemingway phá ngang, viết cho tờ Star ở Kansas City. Mấy tháng sau, nước Mỹ tham chiến. Hemingway sang Ý, lái xe cứu thương cho Hội Chữ Thập Đỏ. Bị thương nặng, ông trở về Mỹ. Năm 1919, ông kết hôn với bạn gái thuở nhỏ tên là Hadley Richardson. Sau đó, vợ chồng mới cưới dắt díu nhau sang Pháp, làm đặc phái viên cho tờ Star (Toronto). Ngoài nghề làm báo, ông khởi nghiệp viết văn. Trong sáu năm (1923-1929), *The Sun also rises* (Mặt trời vẫn mọc) và *A Farewell to Arms* (Giã từ binh nghiệp) tạo tên tuổi cho Hemingway. Năm 1927, Hemingway về Mỹ, ly dị Hadley, kết hôn với đồng nghiệp tên là Martha Gellhorn. Hemingway đề tặng vợ mới cưới tác phẩm *For Whom the Bell tolls* (Chuông gọi hồn ai). Năm 1944, Hemingway trở lại châu Âu, làm đặc phái viên cho tờ Collier's. Ông tháp tùng Sư đoàn Thiết giáp giải phóng Paris. Năm 1952, Hemingway viết *The Old Man and the Sea* (Lão ngư ông và biển cả): Ngày xưa có một ngư ông già tên là Santiago thả thuyền câu giữa dòng Gulf-Steam. Nhiều ngày trôi qua mà vẫn không câu được con cá nào. Sáng hôm sau, ngư ông già bơi thuyền ra thật xa. Tới trưa thì câu được cá lớn. Ông lão thì thầm: Cá ơi cá, ta thương mến cá lắm, nhưng thế nào rồi ta sẽ câu được ngươi. Con cá lặn sâu xuống lòng biển, lôi theo sợi dây câu. Tới ngày thứ ba mới trồi lên mặt nước. Thì ra là một con cá kiếm mầu bạc. Máu cá chảy lênh láng khiến bầy cá mập háu đói bu quanh, rỉa róc con cá kiếm. Ông lão chống trả với bầy cá suốt đêm, mệt lả. Sau cùng, bầy cá mập bỏ đi. Ông lão mang về bờ bộ xương cá, giữa đám ngư dân đang đợi ông về. Ngày 28-10-1954, Hemingway lãnh giải thưởng Nobel nhờ tác phẩm này. Hemingway còn sáng tác bài thơ viết về bầy ngựa rong ruổi giữa đồng nội như sau :

«Khi đã uống cạn xị ba xi đế (gin),
Chỉ có bầy ngựa, đàn ong và cỏ đồng nội
Thông cảm với sự nhọc nhằn và niềm vui chúng ta:
Hãy nói cùng bè bạn
Nhưng đừng thêm lời xua nịnh
Tiếng vó câu rộn rã
Trong trường đua cũng như khắp nẻo đường."
(...)

Mười hai năm sau, vào năm Bính Ngọ (1966), nhà văn Shmuel Yoseph Agnon (1888-1970), Do Thái, và nhà thơ Nelly Sachs (1891-1970), Đức gốc Do Thái, chia nhau giải Nobel về văn chương. Thơ văn hóa giải hận thù. Thi phẩm đầu tiên của Agnon viết bằng tiếng Đức của cộng đồng Do Thái (yiddish). Năm 1907, Agnon về sống ở Jaffa và Jérusalem (Palestine). Năm 1913, ông sang Đức dạy học và viết cho một tờ báo Do Thái bằng tiếng Đức. Năm 1924, Agnon định cư tại Jérusalem. Sau 1940, các tác phẩm của ông bắt đầu được công chúng đón nhận. Agnon phác họa cuộc hành trình gian khổ của các cộng đồng Do Thái, tiến tới việc thành lập Nhà nước Do Thái. Trong *Temol Shishom* (Ngày xưa), Agnon kể chuyện một người Do Thái tên là Kumer sang Đông Âu lập nghiệp.

Nelly Sachs sáng tác tập thơ *Fahrt ins Staublose* (Thoát hiểm sang cõi thanh tịnh). Từ 1933 tới 1941, Sachs sống ở Berlin với bà mẹ bệnh hoạn. Chồng và các con đều bị giết sạch. Năm 1940, nữ sĩ Sachs cùng mẹ trốn khỏi chế độ sắt máu Hitler sang Stockholm. Bà tâm sự : Đời tôi trăm đắng ngàn cay. Tôi ngụp lặn trong biển lửa để tìm những vần thơ. Thi tập *In den Wohnungen des Todes* (Căn nhà Tử thần) của Sachs viết về cái chết, sự lưu đầy và kỷ niệm. Sachs mang lại cho chuỗi ngày lưu lạc một sức sống mới, trong khi chờ ngày mai tươi sáng. Chủ đề thi ca của Sachs thường là sự chết và tinh tú, hạt cát và vĩnh cửu, nỗi nhớ quê và mầu nhiệm. Thơ của Sachs là sự day rứt về nỗi thống khổ của dân tộc Do Thái. Ẩn trong vần thơ là lời thì thầm cầu nguyện. Trong thơ của bà có vì sao. Sao trời, hình ảnh quê hương trong cõi xa xăm soi sáng vần thơ nữ sĩ.

Năm Mậu Ngọ (1978), một nhà văn Do Thái khác là Isaac Bashevis Singer (1904-1991) nhận giải Nobel. Ông sáng tác bằng tiếng Đức của cộng đồng Do thái (yiddish). Singer khởi nghiệp bằng nghề báo. Năm 1935, Singer sang Mỹ lập nghiệp. Singer viết về cái ác, tình dục, các tư tưởng ngoại nhập, nhị trùng bản ngã, sự hoang tưởng và quỷ thần. Một số tác phẩm khác viết về tình trạng mất gốc của những người Do Thái từ Đông Âu

sang Mỹ định cư. Năm Mậu Ngọ, Singer được giải Nobel nhờ tác phẩm *Forward* (Tiền phong), tiểu thuyết nhiều kỳ (feuilleton) đăng trên một nhật báo viết bằng tiếng Đức của người Do Thái ở New York. Singer có một truyện ngắn viết về ngựa, nhan đề là *Naftali The Storyteller and His Horse Sus* (Người kể chuyện tên là Naftali và con ngựa Sus): Từ nhỏ, Naftali thích hóng chuyện. Bà mẹ Bryna bao giờ cũng ru Naftali bằng một vài câu chuyện. Bryna có cả kho tàng cổ tích trong đầu. Bố Naftali tên là Zelig đánh xe thổ mộ. Năm lên sáu, Naftali biết đọc biết viết, rất ham đọc sách. Lớn lên, bố Naftali dạy con chăm sóc ngựa. Naftali ôm mộng bán sách rong, trên những chuyến xe thổ mộ chạy ngược chạy xuôi. Mười năm sau, Naftali trở nên một thanh niên dong dỏng cao nhưng ốm tong teo. Naftali đặt tên con ngựa là Sus. Mỗi khi tắm cho ngựa, Naftali hay làm cho ngựa nhột. Naftali đóng một cỗ xe, mua một cái roi nhưng chưa một lần sử dụng. Mỗi khi Naftali hỏi Sus có thích nghe kể chuyện không, Sus hí lên như muốn nói: Thích nghe lắm chứ ! Naftali đi hết thành phố này đến thành phố khác. Con nít rất thích Sus, mang vỏ khoai tây, nhiều loại rau cỏ, hoặc tán đường làm quà cho ngựa. Sus vẫy đuôi, lúc lắc cái đầu như muốn nói cám ơn. Nafrtali kể chuyện cho các em không biết đọc biết viết. Đối với em bé nhà nghèo không có tiền mua sách, Naftali cho không. Năm tháng trôi qua, bố mẹ Naftali đều đã qua đời. Naftali quen nhiều cô gái, nhưng không dám lấy ai, chỉ vì nhà nghèo. Một ngày kia, Naftali bán được nhiều sách cho một điền chủ giàu có tên là Falik. Falik ham đọc sách và thích nghe kể chuyện. Một hôm, Falis nói với Naftali: Vợ ta chết đã lâu. Ta già yếu. Các con đều xa nhà. Ta rất thích nghe kể chuyện. Nếu ngươi bằng lòng, ta sẽ sai người cất cho ngươi một căn nhà dưới gốc cây sồi. Ta sai làm cho Sus một chuồng ngựa. Sau khi xây xong căn nhà cho Naftali, Falis còn mở nhà in để in truyện cổ tích của Naftali và xây thêm một thư viện. Chuồng ngựa của Sus quá rộng. Falis cho nuôi thêm ngựa cho Sus có bầu có bạn. Mùa xuân năm sau, Sus bị bệnh, không chịu ăn cỏ. Naftali cắt cỏ non trộn lẫn hoa đồng nội, cố dỗ dành nhưng Sus vẫn không chịu ăn. Thế rồi một buổi chiều, Naftali không ngăn được nước mắt khi thấy Sus nằm chết. Naftali chôn Sus và cái roi chưa một lần sử dụng dưới gốc cây sồi. Trên mộ Sus, Naftali khắc trên mấy chữ: *Sống chết có nhau.*

Năm Canh Ngọ (1990), giải thưởng Nobel về tay nhà thơ Octavio Paz (sinh năm 1914), người Mễ. Thân phụ ông là luật sư và nhà báo. Năm 1937, Paz kết hôn với nữ sĩ Elena Garro, sang Tây Ban Nha sinh sống rồi quay về Mễ Tây Cơ. Năm 1945, ông làm việc ở bộ Ngoại giao và được cử sang làm việc ở Paris. Ông kết bạn với nhà thơ André Breton. Trong tạp chí Littétature (Văn học), lần đầu tiên Breton giới thiệu văn học siêu thực. Năm 1924, Breton công bố *Manisfeste du surréalisme* (Bản tuyên ngôn siêu thực). Theo ý Paz, một bài thơ là bản nháp cho bài thơ kế tiếp. Năm 1990, Octavio Paz nhận giải thưởng Nobel. Nhận dịp này, ông tuyên bố : Cánh cửa nhận thức hé mở một thời đại mới. Cái thực tìm thấy trong hiện tại và trong sự hiện diện. Trong *Corriente Alterna* (Xoay chiều), Octavio Paz hình như viết riêng cho những người Việt như Nhâm Ngọ: Các chữ chúng ta thường gọi là đồng nghĩa không có gì khác hơn là sự chuyển dịch hoặc những tiếng tương đương trong một ngôn ngữ: *nirvana* (niết bàn), *dharma* (pháp), *tao* (đạo), *zen* (thiền).

Như vậy, hơn nửa thế kỷ qua, các nhà văn nhà thơ lãnh giải Nobel vào năm Ngọ đều chung số kiếp thiên di. Năm Giáp Ngọ, Hemingway là nhà văn Mỹ tha phương cầu thực. Cũng như hầu hết người Mỹ khác, tổ tiên Hemingway từ châu Âu sang Bắc Mỹ lập nghiệp. Tới lượt Hemingway bỏ nước Mỹ lặn lội sang châu Âu làm báo viết văn. Hemingway ra đời rất sớm nên từng trải chuyện đời. Tác phẩm *For Whom the Bell tolls* (Chuông gọi hồn ai) được hình thành trên đất nước Tây Ban Nha loạn ly. Năm Nhâm Ngọ (1942), Hemingway xục xạo trong hải phận Cuba để phát hiện tầu ngầm. Năm 1944, Hemingway quay lại châu Âu làm báo, thường theo các phi vụ của Không lực Mỹ trên đất Pháp. Sau chiến tranh, ông sang Tây Ban Nha, rồi châu Phi. Có phải những lần đi đây đó và chiến tranh triền miên khiến nhà văn mang phong cách thi nhân. Đất nước ta có nhiều thi sĩ, vì lúc nào cũng loạn ly. M. Geismar từng nhận định: «Trước hết, Hemingway là một nhà thơ lãng mạn riêng tư, xa lánh thế nhân để ngụp lặn giữa danh vọng và thất vọng.» E. Wilson cho rằng : «Mặc dầu ưa chộng các cuộc tranh tài thể thao, các nhân vật trong tiểu thuyết Hemingway khi nào cũng thất bại và chỉ thắng thế về tinh thần.» Hemingway tiêu biểu cho các nhà văn lãnh giải Nobel trong những năm Ngọ, kể từ 1942 (Nhâm Ngọ). Hết thẩy ngụp lặn trong nhiều cuộc chiến tranh khác nhau, và đều tha

phương cầu thực. Agon, Sachs, Singer tuy mang quốc tịch khác nhau (Do Thái, Thụy Điển, Mỹ) nhưng đều gốc Do Thái. Octavio Paz là người Mễ. Định mệnh này có phải do ảnh hưởng oan nghiệt của những năm Ngọ ?

Xem người mà ngẫm đến ta. Nhâm Ngọ sót sa cho phận mình. Hắn giống nhân vật Santiago trong *The Old man and the Sea* của Hemingway. Tuy có đôi lúc lên voi,, nhưng hắn chỉ có tiếng mà không có miếng. Tài sản hầu như là bộ xương cá. Và cũng như Santiago, cuộc đời hắn chòng chành trên chiếc thuyền câu bé tẻo teo. Trước sóng gió, trôi giạt hải hồ.

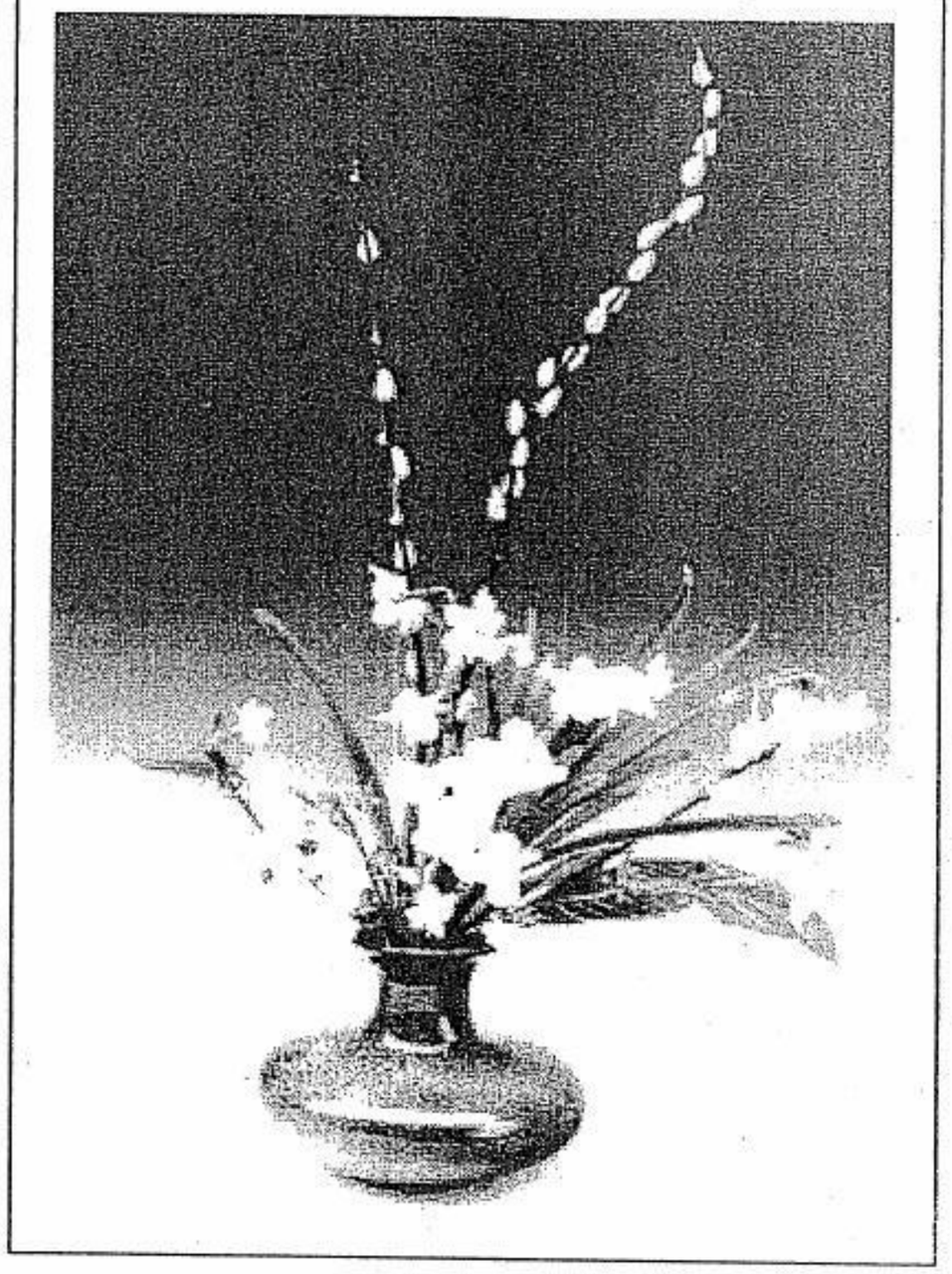

Tới mùa thu 2002, các ông hàn Thụy Điển sẽ công cố giải Nobel về văn học năm Nhâm Ngọ. Không biết thiên niên kỷ mới có làm xiêu vẹo số kiếp thiên di của những nhà văn lãnh giải thưởng Nobel trong năm Ngọ? Trong những ngày đầu năm Nhâm Ngọ (2002), Nhâm Ngọ tình cờ đọc cuốn sách *The Man Who Listens to Horses* (Người đối thoại với ngựa) của Monty Roberts. Người ta thường đề tặng tác phẩm cho người thân. Roberts oái oăm đề tặng *The Man Who Listens to Horses* cho Equus. *Equus ferus* là ngựa Hồ trong cổ thi :

Hồ mã tê bắc phong,
Việt điểu sào nam chi.
(Ngựa Hồ hí khi gió Bấc thổi. Chim Việt làm tổ ở cành Nam).

Nguyễn Huy Tự có câu thơ :

Người nhìn kẻ lại trông theo,
Ngựa Hồ chim Việt nhiều điều nhớ nhau.

Lưu lạc sang Đông Âu, ngựa Hồ mang tên là Tarpan, sống trong thảo nguyên nước Nga. Bên Mông Cổ, ngựa Hồ có tên là Przewalski (Equus ferus przewalskii poliakof). Vào năm 1887, nhà địa lý Ba Lan Nicola Przewalski lặn lội vào tận dãy núi Tachin Shara Nuru, nằm cạnh sa mạc Gobi (Mông Cổ), mang về da ngựa Hồ (mã cách): *Chí làm trai dặm nghìn da ngựa.* Các nhà khoa học bèn lấy tên Przewalski đặt tên cho ngựa Hồ. Hiện nay, giống ngựa Hồ còn sống hoang dã trong vùng sa mạc, có khả năng chịu đựng rất giỏi. Giống Przewalski gặm cây cỏ mọc trong hoang địa cằn cỗi. Tuy ngựa Hồ vóc dáng nhỏ nhắn nhưng chịu lạnh rất giỏi. Trong mấy tháng hè oi ả, lông ngựa Hồ mầu nâu vàng (isabelle). Khi đông về, bộ lông ngựa chuyển sang màu tuyết trắng. Ngựa Hồ sống trên cao độ 6 000 mét, lấy vó câu bới tuyết gậm cỏ. Một trăm năm về trước (1902), người ta bắt được cả thẩy 54 con ngựa Hồ. Tới nay, còn khoảng 200 ngựa Hồ sống sót, lưu lạc khắp nơi. Ngựa Hồ cổ ngắn, đầu to, bờm đen tuyền. Thân (garrot) dài khoảng 1,30 m. Vào mùa thay lông, ngựa hay nổi quạu. Ngựa hồ có 66 nhiễm sắc thể (chromosomes), trong khi các giống ngựa khác chỉ có 64. Mõm ngựa màu trắng sữa. Theo các nhà khảo cổ học, người xưa vẽ ngựa Hồ trong các hang động tiền sử (grottes préhistoriques). Bức tranh Tẩu vẽ trên lụa Thành Cát Tư Hãn (1167-1227) oai hùng cưỡi trên lưng ngựa Hồ. Các nhà khoa học dự tính mang giống ngựa Hồ về thả trong sa mạc Gobi để giống nòi liệt oanh ngựa Hồ khỏi bị tuyệt chủng.

Theo Monty Roberts trong *The Man Who Listens to Horses*, ngựa Hồ thích yên lặng. Người ta chuộng ồn ào mà quên mất thinh lặng: *Ai hãy làm thinh chớ nói nhiều* (Hàn Mặc Tử). Làm thinh là ngôn ngữ phổ thông nhất, số người sử dụng là toàn thể nhân loại. Trong lòng biển cả, cá cũng sử dụng ngôn ngữ này. Ngựa mẹ dạy ngựa con chỉ bằng thứ ngôn ngữ không lời. Ngựa đực nói

lời yêu đương bằng cách làm thinh. Roberts quan sát thâu đêm trong ánh trăng rằm để ghi nhận ngôn ngữ của loài ngựa. Giống ngựa Hồ diễn tả bằng thân mình và hướng đi. Vị trí của sống lưng và chân ngựa diễn tả tiếng nói thầm kín. Ngựa mẹ màu vàng sậm đứng trước ngựa con mầu đỏ hoe là muốn bảo ngựa con hãy đi chỗ khác. Khi ngựa con tần ngần xin lỗi, vị trí của ngựa mẹ cho ngựa con biết có được phép vui chơi trong bầy ngựa? Nếu ngựa mẹ đứng trước ngựa con, diễn tả bằng chân có nghĩa là ngựa mẹ không bằng lòng. Nếu ngựa mẹ diễn tả bằng lưng là ngựa mẹ bằng lòng bỏ qua. Nhưng trước khi tha lỗi, ngựa mẹ muốn ngựa con tỏ ra biết lỗi. Nếu ngựa con bước tới bước lui, đầu cúi xuống, là muốn nói với mẹ rằng con biết hối lỗi, từ nay con xin chừa. Nếu ngựa con diễn tả bằng thân mình là để nói lời xin lỗi. Ngược lại, nếu ngựa mẹ không nhìn mặt ngựa con có nghĩa là ngựa con có thể nhập bầy tiếp tục rong chơi.

Khi ngựa con lìa xa bầy ngựa để lo chuộc lỗi, đầu cúi xuống quay vòng vòng có nghĩa là: tụi nó đổ thừa cho con. Suy nghĩ một lúc, ngựa mẹ chứng tỏ có tin lời con hay không. Nếu ngựa con lè lưỡi, hàm răng cục cựa như đang nhai là muốn nói rằng: Mẹ ơi, con ăn cỏ thì làm sao mà dọa nạt được ai. Giống ngựa *mustang* trong thảo nguyên châu Mỹ cũng làm điệu bộ diễn tả những ý nghĩ rõ rệt.

Tháng 4-1989, Monty Roberts là khách của lâu đài Windsor. Roberts vào cửa cung điện chứng kiến cảnh chủ tịch Mikhail Gorbatchev và phu nhân Raissa xuống xe vào dùng đại tiệc do nữ hoàng Elisabeth II khoản đãi. Sáng hôm sau, trước sự hiện diện của nữ hoàng Elisabeth II, hoàng tế Philip và hoàng thái hậu, Roberts biểu diễn khả năng chế ngự con ngựa cái ương ngạnh của hoàng thái hậu. Roberts đọc thấy trong mắt ngựa sự e ngại. Vài phút sau, con *pouliche* (ngựa cái chưa trưởng thành) gửi tới Roberts những tín hiệu đầu tiên. Roberts chế ngự hoàn toàn ngựa chứng hoàng tộc. Sau 20 phút, con ngựa ngoan ngoãn để mặc cho Roberts buộc dây cương. Nữ hoàng bắt tay Roberts khen : *Tuyệt diệu !* Hoàng thái hậu không ngăn được nước mắt, nói với Roberts: *Thật là tuyệt ! Ta chưa từng thấy bao giờ.*

Những lời khen của hoàng gia Anh làm Nhâm Ngọ vui lây. Trong mười hai con giáp, chỉ riêng ngựa có khả năng diễn tả ý muốn bằng những bộ điệu. Loại ngôn ngữ không ồn ào và bất thành văn này có lẽ thành thực nhất. Khi mới yêu nhau, người ta còn rất thành thực nên nói với nhau bằng cách làm thinh ! Về sau, người ta chỉ có thể diễn tả bằng tiếng nói, ngày thêm to tiếng cho đến khi đoạn tuyệt. Nhưng đó lại là chuyện khác, không liên hệ gì đến thế giới của ngựa.

Hồ mã tê bắc phong. Gió bấc thổi lạnh thấu xương làm ngựa Hồ *Equus* hí buồn. Ngựa Hồ quen thuộc với Bắc phong thì cũng giống như Nhâm Ngọ thích ngâm nga Truyện Kiều, mê món canh cà chấm tương. Việt điểu quen khí hậu ấm áp nên làm tổ cành Nam. Người và vật đều tha thiết với cội nguồn. Nhất là khi quê hương cầy lên sỏi đá. Tác phẩm *Mémoires d'Outre-Tombe* (Hồi ký dưới mồ) của Chateaubriand (1768-1848) bắt đầu bằng bức tranh quê tuyệt đẹp. Trong lời tựa, Chateaubriand "mong muốn *Mémoires d'Outre-Tombe* được in ngay lúc chuông gọi hồn tôi" (mettre l'ouvrage sous presse sitôt que tintera mon glas). Lời văn không khác gì tựa đề tác phẩm của Hemingway ! Chateaubriand viết văn chỉ vì câu nói của người chị Lucile : Trong một lần dạo chơi, Lucile nghe tôi say sưa nói về sự cô đơn, bảo tôi : Em phải vẽ ý nghĩ này trên giấy. Sau này, Chateaubriand viết văn, vẽ lại những lần cưỡi ngựa rong chơi : Những con ngựa đeo lục lạc quanh cổ kêu leng keng. Tôi ngỡ ngàng về mỗi lần cưỡi ngựa, như người Do Thái lưu lạc nặng nợ giang hồ.

Ngựa trong thơ Hemingway, trong văn Singer hoặc Chateaubriand lang bạt kỳ hồ, vương vấn nhiều kỷ niệm. Mùa xuân năm nay liệu có gì khác với mùa xuân trong hồi ký Chateaubriand? «Xuân về trên miền Bretagne bao giờ cũng êm ả hơn ở Paris, hoa nở sớm hơn tới ba tuần lễ. Có năm giống chim báo tin xuân : chim én, chim vàng anh (loriot), chim cu cu (coucou), chim cút (caille), chim họa mi (rossignol). Chim vui ca trong gió xuân. Vào tháng giêng, mặt đất phủ đầy hoa cúc (margueritte), hoa *pensée*, hoa thủy tiên bấc (jonquille), hoa thủy tiên (narcisse), huệ dạ hương (hyacinthe), cây mao hương (renoncule) và cỏ non (anémone) xanh tận chân trời.» Nhâm Ngọ vừa thấy xuân về trên trang sách. Hắn định bụng năm nay sẽ về miền quê, để xem bức tranh của nhà văn lãng mạn Chateaubriand từ mấy thế kỷ trước có còn đúng với một năm Ngọ vừa thủ vĩ ngâm, lại vừa thuận nghịch độc.

Hắn thầm bảo: 2002 là một năm thủ vĩ ngâm: số đầu số cuối đều mang số 2. 2002 còn là năm thuận nghịch độc: đọc xuôi đọc ngược vẫn là 2002!./.

NGƯỜI CHẠY BỘ (II)

Truyện Thật Ngắn của

VÕ ĐÌNH

*[**Người Chạy Bộ** trước, có thể gọi là **Người Chạy Bộ (I)***
được đăng tải ở Hợp Lưu số 6, tháng 8 & 9 năm 1992,
và in lại trong "Lầu Xép" (Văn Nghệ, 1997)]

Nơi ông chạy bộ, có nhiều dấu mốc dễ nhận ra. Bụi bông giấy bên trái hàng rào gạch này, cây bàng con bên phải đường làng này, gốc tràm lớn trên bờ hồ này. Đã bao nhiêu ngày ông chạy quá chúng nó, đã bao nhiêu lần ông nhận thấy bông giấy nở quá độ, cây bàng ra lá non thật nhiều, gốc tràm trổ hoa trắng xóa.

Nhìn bụi bông giấy, cây bàng, gốc tràm, ông biết là mình đã chạy đến đâu và trong bao lâu. Thật ra, khi chạy, ông thường nhìn xuống. Bản năng tự nhiên: Nếu có thể vấp phải cái gì là thấy ngay. Nhìn xuống ông cũng thấy nhiều thứ khác, những thứ không làm ông té ngã. Rau *má dại* hoa vàng, *me đất* hoa hồng, *rau trai* hoa tím, *rau bướm bạc* hoa trắng... Những thứ rau cỏ dại hèn mọn, nếu không chạy máy xén thật sát đất là chúng tưng bừng nở hoa, những nhánh li ti nhỏ xíu mà màu sắc tươi rói, sáng ngời!

Những thứ hoa dại này, đông đúc quá không cách gì tránh khỏi dẫm lên chúng khi ông chạy. Thế là ông chặc lưỡi, dẫm bừa. Có bữa tò mò, ông quay lui mấy bước: thì ra ông dẫm mặc ông, ông chạy đi rồi, chúng lại từ từ ngóc đầu lên lại, như thể không có gì xảy ra.

Nhìn lên, ông thấy bông giấy, bàng, tràm. Nhìn xuống, ông thấy má dại, me đất, bướm bạc, rau trai. Mỗi bước chân ông đưa ra khoảng hai bộ: Những cỏ xanh, thứ cỏ *pensacola bahia* rất mượt, những hoa dại tuôn về sau trong khi thân hình ông phóng tới trước.

Hồi mới sang Mỹ, ông được đưa đến thăm người quen cũ đã định cư ở đây nhiều năm. Chủ nhân dắt ông xem nhà, xem vườn. Bước ra hiên sau, nơi có mái che mưa nắng, có lưới bao quanh để chận ruồi muỗi, ông thấy nằm chình ình một cái thật kỳ lạ. Hỏi, người quen nói máy tập thể dục. Hỏi nữa, người quen giải thích: Thì bước lên đây, lên chỗ cao-su đen có sọc ngang này, một tay vịn thanh sắt, một tay bấm nút cho máy chạy. Khi máy chạy thì chỗ cao-su đen này chạy lui. Mình không muốn chạy lui nên phải chạy tới. Bấm nút số nhỏ, máy chạy chậm. Bấm nút số lớn, máy chạy nhanh. Máy chậm thì mình bước. Máy nhanh thì mình chạy. Chạy một chốc, nóng lên, mình thở gấp, tim đập nhanh, tốt lắm. Bất kể thời tiết, khi nào mình cũng tập được vì máy ở trong nhà. Có cả bộ phận tự động đo nhịp tim, nhịp thở... Hay lắm.

Hỏi máy gọi là gì. Người quen bảo tên nó là *treadmill* , gọi tắt là TM. Tiếng Mỹ, Ti là Tê đó. Ti Em. Dễ nhớ quá chứ.

Ông nói cho ông thử xem cái Ti Em nó ra thế nào. Ông cởi áo ngoài, bước lên máy. Đi chậm, đi nhanh. Chạy chậm, chạy nhanh. Ông thử nhiều cách. Thú vị lắm. Cuối cùng, ông tắt máy, bước xuống, khen: Hay thật! Người quen vui vẻ đồng tình: Hay chứ! Rất hay. Rồi nói: Nghe đâu ở Mỹ có đến 90% nhà tư nhân đều có TM.

Khi ra về, ông đứng tần ngần khá lâu trước cửa rồi hỏi: Cái Ti Em hay thật. Nhưng chạy vậy thì có khác gì chạy tại chỗ đâu! Mình chạy tại chỗ không được à? Người quen cười: Được chứ. Ai cấm! Nhưng chạy trên cái TM này khác với chạy tại chỗ chứ. Nó cho mình *cảm tưởng chạy như thật*. Mình phóng tới trước, hệt như khi mình chạy trên đất. Cái chỗ mình đứng trên máy nó *chạy lui* cho nên mình phải *chạy tới*. Nếu không, mình sẽ tụt ra phía sau máy, rớt ra ngoài. Cái chỗ mình *chạy tới* lại cứ *chạy lui* cho nên rốt cuộc mình vẫn ở chỗ cũ. Ở chỗ cũ nhưng vì dưới chân mình nó *chạy lui* nên mình có *cảm tưởng là mình chạy tới trước*. Đó là chuyện chạy trên máy. Còn chạy tại chỗ thì mình *biết* là mình dẫm chân lên cùng một chỗ ấy, mà chỗ ấy lại ở nguyên... chỗ cũ. *Chán chết đi!*

Ông ra về, lòng thắc mắc về cái TM, cái Ti Em. Ông khen máy hay nhưng ông thuộc về cái số 10% còn lại không có máy. Ông vẫn chạy bộ đều đều. Chạy trên mặt đất. Và chạy thật, không chạy tại chỗ. Có khi ông chạy thật chậm. Có khi ông chạy nhanh hơn. Thân thể ông còn có khả năng điều chỉnh tốc độ như ông muốn. Nhìn lên, ông thấy bụi bông giấy, cây bàng, gốc tràm. Nhìn xuống, ông thấy, dù chỉ loáng thoáng thôi, những chấm vàng li ti của rau má dại, những chấm tím nhỏ rí của rau trai, những điểm hồng của me đất, những hạt nút trắng tí hon của hoa bướm bạc. Mệt, ông dừng. Đỡ mệt, ông lại chạy. Thân thể ông là một cái máy khá hữu hiệu. Cũng cũ lắm rồi. Nhưng còn "xài" được.

Ấy vậy mà sáng đó ông choáng váng, không tin được ở mắt mình. Ông chạy, những cỏ, những hoa loáng thoáng tuôn về sau, như thường, trong khi thân thể ông phóng tới trước, như thường. Chỉ có một điều khác thường, một điều làm cho ông kinh hoàng dừng lại. Ông đã chạy quá bụi bông giấy, ông chắc chắn như thế. Đáng ra, bây giờ, ông đã phải tới cây bàng rồi, như thường lệ. Vậy mà ông chẳng thấy cây bàng đâu cả. Ông đứng hẳn lại, nheo mắt nhìn ra con đường đất thẳng tắp. Đằng xa, chừng ba phần tư dặm, cây bàng nhỏ xíu, xanh um. Cây bàng, chính nó, đằng xa. Ông biết, sau cây bàng là quẹo phải, ngót một dặm nữa là cái hồ nhỏ, và trên bờ hồ là gốc tràm già, lá rậm lấp lánh bạc trong nắng gió.

Ông kinh hoàng nhận ra rằng mình đã chạy trên mặt đất mà chẳng khác gì chạy trên một cái TM. Mải miết chạy, chạy, nhưng không tiến tới đâu cả. Ông đã bỏ bụi bông giấy từ lâu mà nay vẫn chưa tới cây bàng.

Phi lý, phi lý, ông tự nhủ. Và ông lại chạy. Dưới chân ông, mặt đất thụt lui, thụt lui, hệt cái mảng cao-su có sọc ngang trên máy TM. Trong khi đó, ngước mắt nhìn, ông thấy tất cả chung quanh ông bất động, như thể ông vẫn chạy tại chỗ. Những nhúm đất, những viên sỏi, những bụi cỏ tuôn về sau, tuôn về sau, cho ông cái cảm giác mình tiến tới trước. Cảm giác thôi vì chạy mãi mà ông vẫn chưa đến chỗ cây bàng.

Ông chặc lưỡi, chửi thầm. Không thèm chạy nữa. Ông đi vậy. Mấy phút sau, ông đi quá cây bàng. Rồi quẹo phải. Lúc sau, ông đến chỗ gốc tràm, trên bờ hồ, cạnh cái ghế đá dài. Ông đứng ngắm gốc tràm một lúc, rồi lững thững quay về đường cũ. Qua cây bàng, ông dừng lại, đưa tay vỗ vỗ thân cây mấy cái. Có hai ba trái bàng rụng nằm lăn lóc quanh gốc cây. Ông cúi xuống, lom khom lượm, bỏ vào túi quần, dợm bước đi nhưng rồi lại moi chúng ra, vất trả gốc bàng.

Hai ba ngày liên tiếp, ông không bước ra khỏi nhà. Rồi một hôm, ông lại chạy. Ông lẩm bẩm một mình: Sợ cái gì?! Sợ cái con khỉ! Ông vượt quá bụi bông giấy, tới cây bàng, phom phom đến tận gốc tràm. Cái hiện tượng kỳ quái chạy mà chẳng tiến tới trước không xảy ra nữa. Ông tự nhủ: Cũng phải. Phi lý vừa thôi chứ.

*

Về sau, ông có đem chuyện này kể lại cho một hai người nghe nhưng không ai có ý kiến gì. Ông có cảm tưởng người ta nghĩ, hoặc ông bịa ra kể nghe cho vui, hoặc ông đã trở nên một người bất thường, một ông già lẩm cẩm. Không ai thật tình tin ông. Nhưng ông tin: Ông tin rằng sáng đó ông đã chạy nhưng không tiến tới đâu cả. Chạy trên mặt đất mà hệt như chạy trên một cái TM, trên một cái Ti Em. Khiếp quá!

Ông cũng có đi khám mắt. Bác sĩ khám thật kỹ rồi phán: Muốn đổi gọng kính thì đổi. Có lứa gọng mới về, đẹp lắm. Mắt thì cũng như năm trước, bình thường, không có vấn đề gì./.

2001

HÌNH ẢNH CON NGỰA VẼ TRÊN GỐM CỔ VỚT TẠI NGOÀI KHƠI HỘI AN

KIỀU QUANG CHẨN
Hội viên Viện Khảo Cổ Học Hoa Kỳ

Sự kiện văn hóa đáng kể nhất về đồ gốm Việt Nam năm 2000 tại Hoa Kỳ đã diễn ra tại nhà đấu giá Butterfield tại San Francisco. Nơi đây đã quy tụ những học giả hàng đầu về gốm Việt Nam , các chuyên viên đại diện cho các Viện bảo tàng quan trọng nhất trên thế giới, các thương gia cổ vật giàu kinh nghiệm và rất nhiều khuôn mặt lớn của giới sưu tập.

Do bị định chế bởi luật pháp nên các Viện Bảo tàng Việt Nam chưa được phép mang cổ vật ra nước ngoài trưng bầy. Vì vậy, đây có thể nói là cơ hội "ngàn năm một thủa" cho những người yêu mến văn hoá Việt Nam nói chung và gốm cổ Việt Nam nói riêng có cơ hội được "nhìn tận mặt, sờ tận tay" hàng ngàn món đồ tuyệt đẹp trong thời cực thịnh của nền gốm Đại Việt.

Tất cả những người có mặt trong buổi đấu giá đều ngạc nhiên đến sững sờ trước những họa tiết trang trí tuyệt mỹ trên các đồ gốm. Như chúng ta biết, vào thời kì này - thế kỷ 15, Trung Hoa là nước được coi là văn minh nhất thế giới, đồ sứ nhà Minh được mọi người ưa chuộng, gần như tôn thờ. Thế mà, hoạ sĩ vẽ gốm Việt Nam không bao giờ dùng gốm Trung Hoa làm khuôn vàng thước ngọc. Có thể có một số chủ đề có nguồn gốc Trung Hoa, nhưng nó đã qua "nẻo đường vòng của nhân tính" với cảm quan thẩm mỹ Việt, mỹ thuật Việt... khiến cho không bao giờ người ta có thể tìm thấy bất kỳ sự sao chép nguyên mẫu nào từ nền nghệ thuật mà nó tiếp thu. Thậm chí, các học giả và giới sưu tầm ngoại quốc còn công nhận gốm Tam Thái trên con tàu đắm đã vượt gốm Trung Hoa cùng thời về phương diện hội họa.

Nhân ngày xuân Nhâm Ngọ xin giới thiệu với

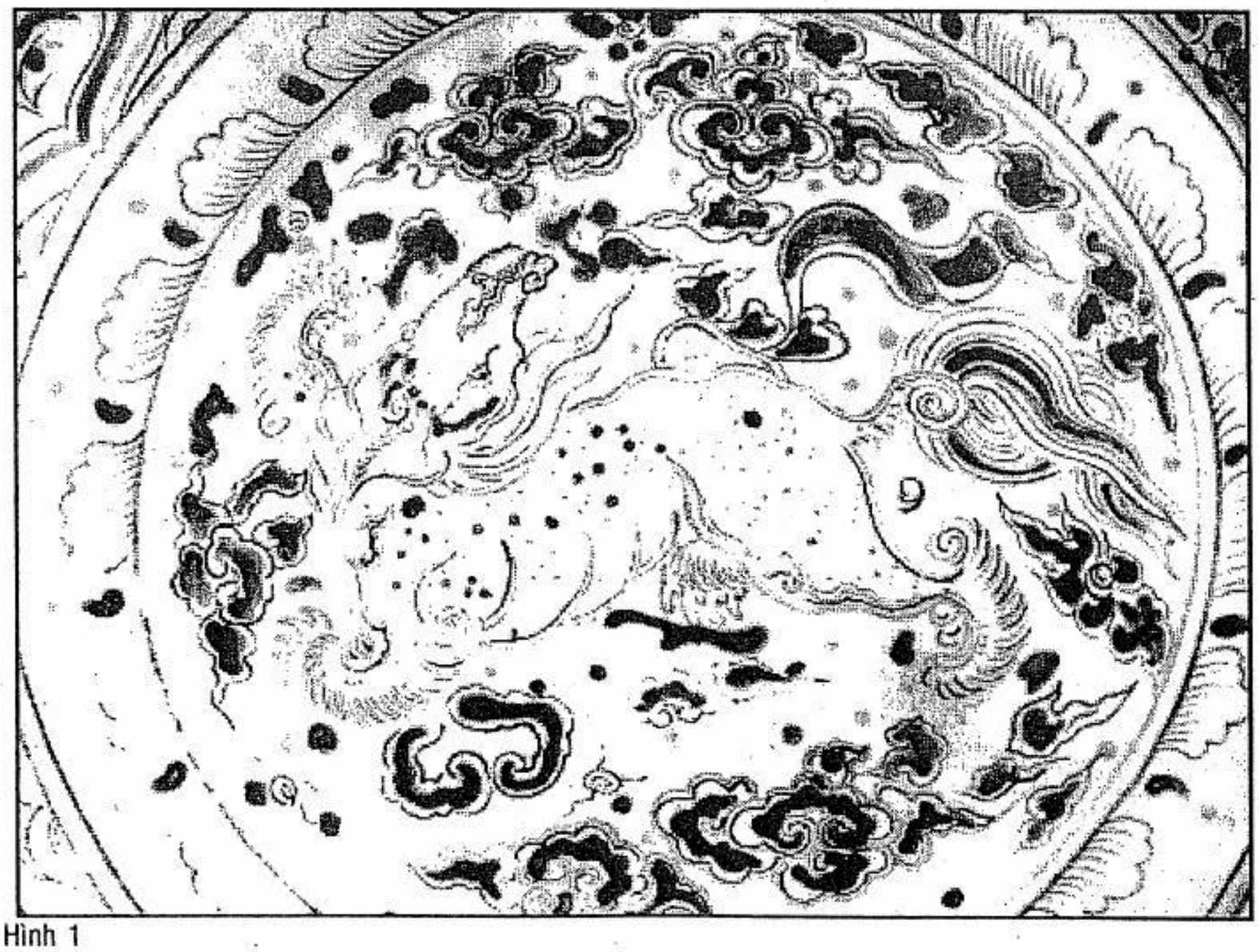

Hình 1

bạn một số "bức tranh" Ngựa trên đồ gốm của con tàu đắm ở Cù Lao Chàm đang được bán đấu giá.

Đĩa vẽ "Ngựa hóa lân." Đây là một đề tài không mấy quen thuộc vì theo truyền thuyết và trí tưởng tượng trong dân gian chỉ có "cá hóa long" hoặc "Ngựa hóa long." Chiếc đĩa khổ lớn, đường kính tới 48 phân vẽ một con Ngựa đang bay trên mây, cổ oằn ra như bị bẻ gẫy về phía sau, nanh vuốt đã xuất hiện. Vẻ mặt của Ngựa như đang trải qua cơn đau khổ tột cùng, giai đoạn cuối cùng để từ một con Ngựa tầm thường biến thành Lân, một trong tứ linh, nhiều quyền phép và sẽ sống bất tử. Tuy các mầu vàng, xanh, đỏ... đã bị nước biển bào mòn song dấu vết còn để lại đủ cho người sành gốm hình dung ra vẻ đẹp rực rỡ vốn có của nó. (Hình 1)

Hình 2

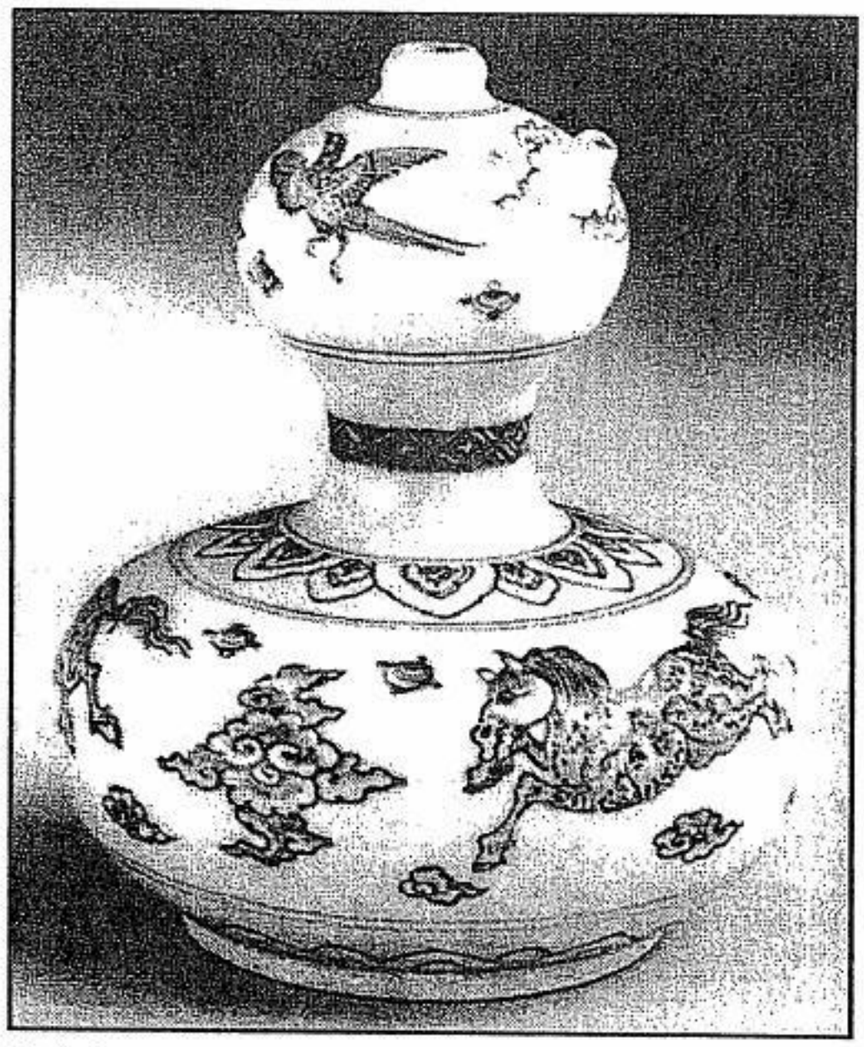

Hình 3

Một chiếc lớn đĩa khác đường kính 36 phân vẽ ***Ngựa thiêng có cánh*** "Pegasus." Trong buổi tiếp tân của các nhà bảo trợ (fellows) cho viện bảo tàng Bowers tại Santa Ana vào tháng 4 năm 2001, chiếc đĩa này được quan tâm nhiều nhất. Mấy ai có thể tưởng tượng cách đây đúng 500 năm, trong một làng quê gốm thuộc tỉnh Hải Dương, một nghệ sĩ đã vẽ một bức tranh "Ngựa có cánh" giống như một hoạ sĩ Hy Lạp với khoảng cách thời gian hàng 2000 năm về trước. Ta hãy nhìn từng bắp thịt của con thần mã, đôi cánh, bước sải vừa sinh động vừa hiện thực. Họa sĩ đã khéo léo nhấn mạnh bộ vó sau cho ta cảm giác Ngựa gần như bay thẳng vào trong không gian ngập tràn mây lửa. Nghệ nhân ta thời đó đâu đã biết hoặc được nghe kể về thần thoại Hy Lạp. Hẳn là nhà bác học Lê Quý Đôn, từng làm sách Bách Khoa hơn 200 năm sau cũng chưa chắc đã biết. Nữ giáo sư Irini Rickerson của Orange Coast College, một người Mỹ gốc Hy Lạp, khi nhìn thấy chiếc đĩa Pegasus của Việt Nam đã thích thú giơ hai tay lên và nói lớn "Không thể tưởng tượng nổi có một sự trùng hợp về óc sáng tạo cũng như phong cách mỹ thuật như thế này. Quả đã có sự gặp nhau giữa Đông và Tây" - giữa quê hương bà

và Việt Nam chúng ta. Đĩa được bầy nơi trang trọng nhất và cũng đã được chú ý nhiều nhất trong cuộc triển lãm tháng 10 và tháng 11 năm 2001 tại Orange Coast College của quận Cam. (Hình 2)

Nếu như các họa sĩ vẽ đĩa có vẻ như chịu ảnh hưởng của nền nghệ thuật "lo sợ khoảng trống" thì các nghệ sĩ vẽ bình, vò lại tỏ ra ưa chuộng các khoảng trống hữu thức hơn. Trên một chiếc bình quả bầu (double gourds) ta chỉ thấy có một ***chú Ngựa nhỏ xíu*** đang tung tăng trong khoảng trắng bao la của đất trời. Bầu trời đã vẽ nên chú hay chú là một điểm nhấn để cho ta nhận thấy bầu trời mênh mông thanh khiết đến không cùng. Phong cách này chỉ có các nghệ sĩ bậc thầy của nền hội họa Trung Hoa thời Tống mới có thể đạt được. (Hình 3)

Đĩa tiếp theo để tặng riêng cho quý vị thích tranh Tàu. Đĩa vẽ con ***ngựa chiến đang phi nước đại***, tai và bờm dựng đứng, đầu quay nhìn hẳn về phía sau, chân trái xoải thẳng ra phía trước, chân phải bám sát vào thân mình, hai chân sau song song trong tư thế nhấc bổng. Chỉ với một vài nét chấm phá, họa sĩ cho ta thấy bắp thịt và sức mạnh của ngựa. Để thay cho lời bình về chiếc đĩa này tôi xin mượn lời của John Guy, một trong những chuyên gia hàng đầu về gốm Việt Nam của viện bảo tàng Victoria and Albert, London: "Mặc dù đề tài mượn của Trung Hoa, người họa sĩ gốm đã mô phỏng lại một cách rất thanh thoát và hết sức tự nhiên, để lại những dấu ấn thuần Việt trong tác phẩm của mình." (Hình 4)

Độc đáo hơn cả là chiếc đĩa vẽ một chú ***ngựa trên lưng có một người cỡi*** - nhìn y phục, mũ đội và chòm râu có thể nhận ra anh ta là một thương nhân A-rập. Con ngựa được vẽ cách điệu chỉ với những đường nét chắt lọc nhất theo chiều bổ nghiêng, còn người cỡi nó - với chiếc roi trong tay giơ cao như thúc ngựa trong tư thế hoan hỉ cực độ, thân hình lại gần như quay ra chính diện. Lối thể hiện như thế rất gần gụi với lối vẽ trên tranh dân gian Việt Nam mà không thể tìm thấy trong nền nghệ thuật Trung Hoa vốn tôn trọng đến nghiêm ngặt luật xa gần và phép giải phẫu. (Hình 5)

Cho đến nay, chưa thấy ai làm thống kê xem có bao nhiêu con ngựa có mặt trên các đồ gốm của con tàu, song mới sơ bộ tôi cũng thấy có lẽ phải đến cả trăm. Đây có thể nói là cuộc hội ngộ lớn nhất của ngựa Việt Nam: có ngựa trong đời thường, ngựa non vui đùa, ngựa già trầm tư, ngựa nọc nhe nanh, đến những con ngựa thiêng có cánh bay trên không gian bao la, ngựa ẩn trong mây, ngựa bay trong lửa... không một con nào giống con nào.

Không chỉ đa dạng về hình, phong cách nghệ thuật thể hiện cũng vô cùng độc đáo. Hầu hết các thủ pháp của hội họa đều thấy có mặt: vẽ nét - cả nét mảnh và nét đậm; tô màu nền làm nổi hình trong những khoảng trắng của men, vẽ hoa lam kết hợp với ba màu tam thái... Không chỉ

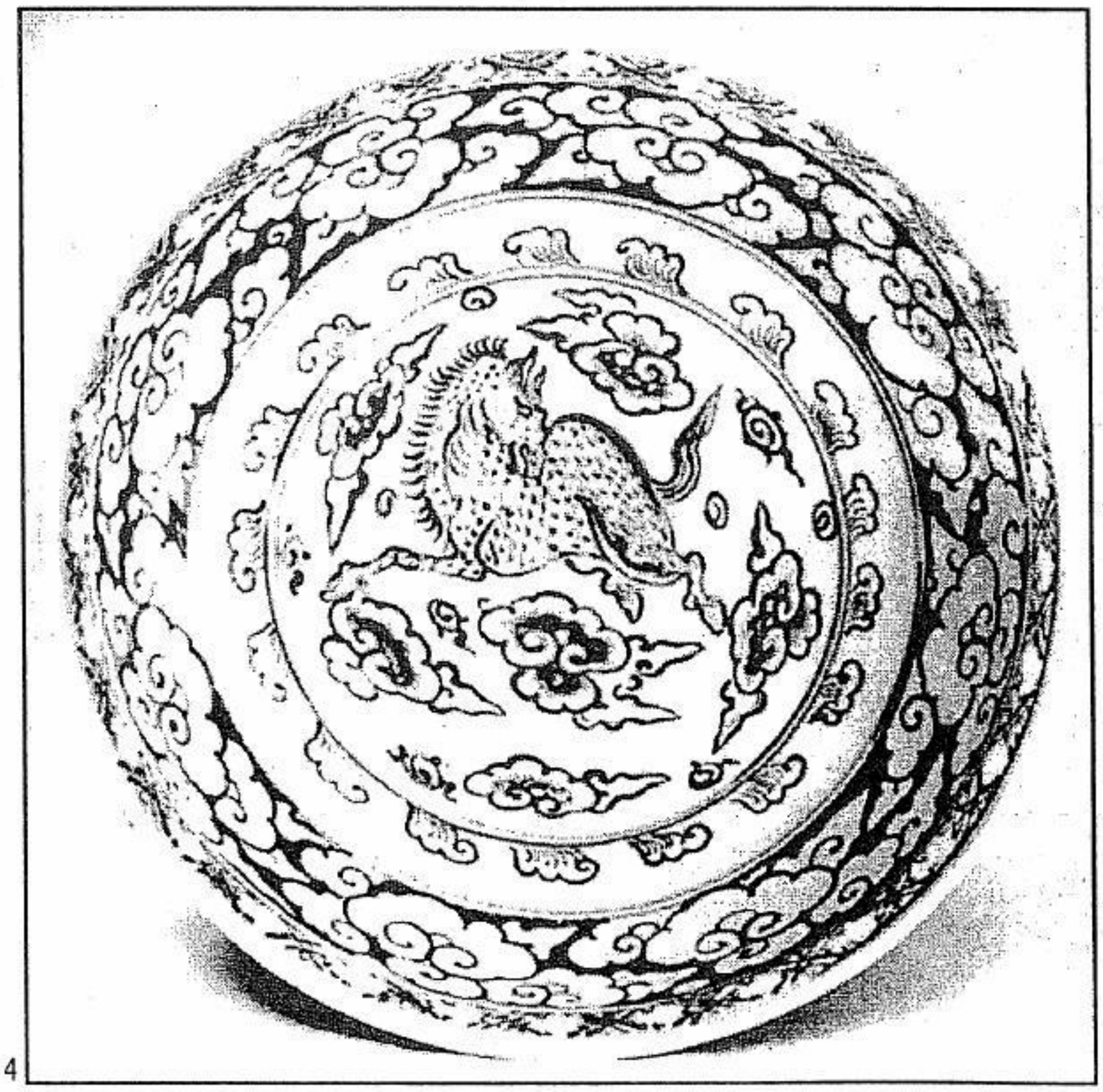

Hình 4

phong phú về hình, các nghệ sĩ vẽ gốm xứ Đông còn là những bậc thầy về bố cục. Có những bức ngựa bị bao bọc bởi mây lửa hoặc bị vây chặt trong những vòng tròn hữu hạn, nhưng có khi nó đứng một mình để tạo ra một điểm nhấn trong khoảng trắng mênh mông như đã nói.

Có thể nói những "bức tranh" ngựa vẽ trên gốm của con tàu Hội An là một bộ sưu tập tranh ngựa lớn nhất, phong phú nhất trong toàn bộ lịch sử nghệ thuật tạo hình Việt Nam.

Hình 5

Đề tài ngựa không chỉ được các nghệ nhân gốm ưa thích mà con ngựa còn có mặt trong nhiều lãnh vực khác của nền văn hoá truyền thống Việt Nam. Ngựa là một chủ đề lớn với sắc màu rực rỡ của tranh dân gian Đông Hồ; ngựa có mặt trong điêu khắc gỗ đình làng thế kỷ XVII - XVIII - một nền điêu khắc với thủ pháp nghệ thuật vượt lên thời gian; ngựa hồng - ngựa bạch một cặp đôi, đứng trầm tư ở các đền miếu để thực hiện nghi lễ rước thần trong hội Xuân của làng; ngựa đứng nghiêm cẩn bên các lăng tẩm vua quan, giữ yên giấc ngủ ngàn thu cho những người quá cố và đã trở nên bất tử trong thơ của Trần Nhân Tông trong lần về tế lăng mộ tổ tiên ở Tam Đường (Thái Bình) sau lần đánh bại giặc Nguyên Mông.

Xã tắc lưỡng hồi lao *thạch mã*
Sơn hà muôn thủa điện kim âu
(Đất nước hai phen phiền Ngựa đá
Non sông nghìn thủa vững âu vàng)

Như chúng ta đã biết, con ngựa không phải là con vật biểu tượng của nền văn minh lúa nước. Nếu như biểu tượng về phương tiện di chuyển của nền văn minh Đông Nam Á là con thuyền, thì Ngựa và Xe lại là vật tiêu biểu của nền văn minh phương Bắc. Nhưng trải hàng ngàn năm lịch sử trong quá trình gặp gỡ và đổi trao với các nền văn minh bên ngoài - đặc biệt với nền văn minh Trung Hoa, người Việt đã khôn khéo thẩm nhận những giá trị văn hóa ngoại sinh để làm giàu cho bản sắc văn hoá của mình và chứng tỏ khả năng không hề thua kém những giá trị nguyên mẫu. Đúng như Castagnol một học giả Pháp đã có một sự đánh giá rất chính xác về bản chất của nền văn hoá Việt "Nếu nét phảng phất của một nền thẩm mỹ khác là điều dễ hiểu ở đây, hoặc nếu có những chi tiết giống với một phong cách khác được phát hiện, thì trái lại, những tác phẩm ấy vẫn có những điều khác biệt rất lớn so với các tác phẩm nguyên bản của nền nghệ thuật này... Đó là các tác phẩm để lộ tính chất điển hình của nghệ thuật Việt Nam."

Mùa xuân này là khởi đầu của năm con Ngựa. Bạn đã có một con ngựa Việt Nam nào trong căn nhà của mình để nó có thể chở ấm no và hạnh phúc cũng như sự thăng tiến của bạn chưa?./.

TIẾNG CHIM

NGUYỄN HỮU CHUNG

Buổi sáng hôm nay tôi nghe tiếng chim lạ hót trong vườn. Một nốt thấp rồi ba nốt cao. Giai điệu đẹp quá, tôi tự nghĩ nếu tôi là một nhà soạn nhạc thì bốn nốt chim hót này sẽ mở đầu cho một bài. Sau khi huýt sáo giai điệu đó nhiều lần, tôi mới nhớ Dvorak đã viết một câu tương tự, mở đầu hành âm thứ hai trong giao hưởng khúc Tân Thế Giới. Giống hệt tiếng chim hót, nhưng Dvorak đã dùng ba nốt đầu, thay vì bốn nốt.... Tôi chắc ở xứ Tiệp Khắc phải có loài chim này. Hay ông đã nghe tiếng chim ở tân thế giới?

Đó là một đoạn trong bài Thơ Mình của nhà thơ Đỗ Quý Toàn mà tôi được đọc hôm kia. Nó làm tôi nhớ lại một tiếng chim năm năm về trước. Tôi đến xứ này vào muà xuân năm 1975, xa lạ, đêm đêm nằm nghĩ không biết tại sao mình đã đến đây, không biết làm gì, sinh sống ra sao. Không tiền bạc, người bảo trợ là thằng em vừa học xong bằng kỹ sư, đang thất nghiệp. Sống trong nhà tạm cư của chính phủ, ngày hai bữa chờ cơm. Vợ tôi chán đời cứ nằm lì trong phòng, tôi có nhiệm vụ đưa con gái đi công viên xem bồ câu ăn bánh mì. Tôi thầm nghĩ xứ này chắc chắn là không đói, có đói dành bánh mì với bồ câu thì cũng đủ no. Nhiều bà già biết chúng tôi là dân di cư mới tới, đến cười tình ra dấu ú ớ gợi chuyện và rất đỗi ngạc nhiên không hiểu tại sao tôi biết nói tiếng Tây. Có nhiều bà rất thích đứa con gái của tôi, trầm trồ khen "tuị dân này đẹp hơn Chinois," rồi móc túi lấy cho con nhỏ 25 xu. Con nhỏ chưa đầy hai tuổi, chưa biết mắc cỡ, cứ lấy tỉnh bơ. Khi tôi đem 50 xu mua cho con tôi một cây cà rem, tôi thầm nghĩ rằng bỗng chốc hai cha

con đã trở thành hành khất, tha phương cầu thực.

Rồi như có một phép lạ, mấy tuần sau vợ tôi tìm được việc trong một ngân hàng, làm những công việc mà các cô thư ký của bà ta làm ở Việt Nam trong tháng trước. Lương bổng chỉ vừa đủ sống, nhưng đó là cái phao đầu tiên mà tụi tôi vớ được trong lúc đang lênh đênh. Phần tôi, tìm việc mãi không ra nên phải rong chơi suốt cả mùa hè. Mùa thu đến, tôi cắp sách đến trường, trở lại kiếp sinh viên, ngày ngày gặm bánh mì, chiến đấu với chữ nghiã và những sự thèm muốn. Muà đông đầu tiên ở Canada để lại cho tôi những kỷ niệm khó quên, vì không có ai chỉ bảo cũng như không có phương tiện chống chỏi. Rồi muà hè lại đến, chấm dứt một năm học. Một cô bạn học đã tìm việc hè cho tôi, mang tôi vào làm chung với cô ở một hãng nhập cảng mỹ phẩm từ Pháp. Có được tiền, tôi đi mua một hệ thống âm thanh để nghe những bản nhạc của một thời đã mất mà thương nhớ chính mình. Vào niên học mới, một hôm có một giáo sư nghỉ vì bịnh, mấy đứa cùng lớp rủ nhau đi phố uống bia. Khi cả bọn kéo vô một tiệm bán đĩa hát cũ, cô bạn của tôi chỉ cái đĩa *Symphony of the New World* và hỏi tôi có nghe chưa. Tôi bảo rằng không. Cô ta bỏ ra hai đồng mua tặng tôi cái diã 33 tua, bảo rằng "bản nhạc này để dành cho những thằng tìm tới Bắc Mỹ xây dựng sự nghiệp như mầy." Về nhà nghe lần đầu, tôi có cảm tình ngay với bản nhạc, không phải vì được tặng bởi một người bạn gái mà vì âm thanh huyền ảo cuả nó, hơi khác nhạc cổ điển tây phương. Cái bao của đĩa nhạc cũng rất gợi cảm, một anh chàng xách hành trang, đứng trong sương mờ New York, trước mặt là cây cầu Brooklyn và toà nhà chọc trời Empire State Building. Cái bìa gợi lên trong lòng người những mơ mộng về một cuộc viễn du, những mơ mộng mà tôi từng ấp ủ trong những ngày còn đi học, những mơ mộng khi một buổi chiều nào đó chợt nghe bài hát Thuyền Viễn Xứ của Phạm Duy. Dĩa nhạc nầy đã làm tôi thích Dvorak khiến sau đó tôi đã mua nhiều dĩa nhạc khác của ông.

Mấy năm sau, khi tôi đã đi làm và đời sống đã ổn định, tôi đưa vợ con đi nghỉ hè lần đầu. Anh Đính, một người bạn làm ở *New York Times* mướn cho chúng tôi một cái nhà ở Fire Island, một hòn đảo nằm ngoài khơi New York. Hòn đảo xưa vốn là lãnh địa của những người khỏa thân, nay vẫn giữ được vẻ thiên nhiên và được luật lệ bảo vệ như một thiên đàng của chim chóc. Một buổi sáng thức dậy tôi nghe tiếng chim hót, giọng quen quen từng nghe ở đâu, lập đi lập lại nhiều lần. Tì ti tí, tì ti tí! Dường như là những nốt nhạc trong một bài nào đó của Dvorak, dường như là Overture In der Natur. Tôi lấy làm hứng thú và suy đoán rằng có lẽ Dvorak ngày xưa đã lấy tiếng chim này làm âm điệu cho bản nhạc của ông ta. Khi tôi ra tìm con chim thì trước sự ngạc nhiên của tôi, không đâu xa, ngay trên lùm mấy cây bàng thấp lè tè sau nhà, một chú chim tướng mạo phương phi ngực đỏ lưng xanh đang nhảy qua nhảy lại trên cành. Anh chàng rất đẹp trai, to cỡ con chim chìa vôi, cũng nhún nhẩy như con chìa vôi trống nhưng bộ lông đẹp hơn. Một chị mái đang đứng cạnh hai đứa con đang ở tuổi tập bay. Tôi thích thú vô cùng, phần vì vừa tìm thấy con chim hót hay, phần khác vì đã mấy chục năm không thấy cảnh này, từ ngày tôi bỏ vùng quê ra thị thành ăn học, rồi lăn lộn trong cuộc sống náo nhiệt của Sài Gòn.

Khi chúng tôi mua được một cái nhà trong một khu nhà cũ, yên tĩnh, có nhiều cây cối thì vào mùa xuân, trước sự ngạc nhiên của tôi, một cặp chim của hòn đảo nọ đã bay về làm tổ trên cây táo trong vườn nhà tôi. Tôi vừa có nhà mới, lại có một cặp chim của riêng mình, trong vườn nhà mình. Thật là kỳ diệu! Tôi vui sướng với chúng, theo dõi chúng đi về, nhìn chúng nhảy nhót trên cành mà quên đi tiếng hót của chúng, tiếng hót ngày nào đã khiến tôi đi tìm gặp chúng. Một buổi sáng thức dậy, tôi nghe tiếng chim hót, tiếng chim trên đảo. Chắc là những con chim của tôi đang hót. Lâu nay tôi quên để ý nghe. Tôi mở cửa ra sân sau. Buổi sáng mùa hè ấm áp, mặt trời đã lên tuy mới sáu giờ. Con chim mái đang nằm trong ổ, con chim trống mổ một con trùng trên mặt đất. Khi tôi đang nhìn chúng thì một giọng hót cất lên ở trên một chòm cây cao, thật cao. Tôi bàng hoàng. Không phải con chim của tôi hót? Giọng hót cất lên một lần nữa, ở trên cao, trong những chùm lá của một cây cổ thụ. Tôi cố gắng tìm xem con chim đó nhưng không thấy rõ, vì nó ở quá cao, chỉ thấy nó không giống loài chim của tôi. Rồi trong suốt muà hè năm đó tôi chỉ nghe thêm có một lần, cũng vào buổi sáng, giọng hót lảnh lót đó. A, thì ra! Từ lúc ở Fire Island tôi cứ đinh ninh rằng giọng hót kia là của mấy chú chim đỏ ngực này. Tôi đã vội vã tin như vậy vì tôi đã mê bộ lông của chúng trong lần đầu gặp gỡ. Rồi khi chúng làm ổ trong vườn nhà, tôi mải mê vui sướng vì sự hiện diện của chúng mà không hề nhớ tới tiếng hót ra làm sao. Tôi đã lầm, lầm từ hồi ở ngoải đảo Fire Island. Con chim này không có

tiếng hót, chỉ có tiếng kêu tầm thường. Nó còn tầm thường hơn con chim chìa vôi ngày xưa hay đậu chuồng heo ở quê nhà tôi. Tôi thất vọng. Nhưng nghĩ kỹ thì làm sao có giọng hót lảnh lót cao sang mỗi ngày, ở trong vườn nhà? Không có tiếng hót, nhưng giống chim này khá đẹp và lúc nào cũng có ở đó, trong vườn nhà tôi và nhà hàng xóm, khắp nơi. Nó tượng trưng cho sự trù phú của Bắc Mỹ, cho xe hơi, cho ti-vi, cho thịt bò, cho 'giấc mơ Mỹ quốc' của một người di dân. Tiếng hót lảnh lót kia thì như một tinh thần mơ hồ nào đó, như một lý tưởng gì đó về quê hương mà mỗi người trong chúng ta từng ôm ấp khi liều chết đi tìm tự do. Lý tưởng đó chợt đến rồi chợt đi trong khi mọi người chúng ta đều bận tâm với đời sống sung túc hàng ngày. Khi tôi than phiền về chuyện con chim không biết hót, đứa con gái tôi nó cười tôi, nó bảo chưa bao giờ để ý nghe một con chim hót, mà chim hót thì có gì hay, có gì quan trọng đâu. Tội nghiệp cho nó, có thể là nó chưa bao giờ được nghe chim hót, có thể là có tiếng chim hót bên tai mà nó không nghe, có thể là khi nghe tiếng chim hót nó chẳng thấy gì hay. Nó là một đứa trẻ Bắc Mỹ.

*

Vào muà thu năm rồi, khi tôi đang lựa mua một cái khăn quàng cổ trong một siêu thị thì tự nhiên tôi có cảm giác như ai đang trộm nhìn tôi, như một nhân viên an ninh của siêu thị đang coi chừng tôi. Tôi quay một tia nhìn thách thức về hướng đó thì quả nhiên thấy một người đàn bà đứng ở quầy hàng bên cạnh đang nhìn tôi. Tôi cúi xuống, tiếp tục lựa chọn. Không phải một người bán hàng. Nét mặt quen quen. Hàng xóm? Thư ký trong hãng? Tôi quay lại nhìn lần nữa. Người đàn bàn đang nói chuyện với người bán hàng cũng ngẩng mặt nhìn tôi. À, tôi biết rồi. Tôi tiến bước về phiá nàng thì nàng cũng mỉm cười tiến lại, nắm tay tôi.

- Chung!

- Danielle!

- Mầy còn nhớ tao sao?

- Cũng như mầy vẫn còn nhớ tao.

- Gần mười năm rồi!

- Ừ, gần mười năm rồi, nhưng mầy vẫn còn trẻ và đẹp. Đã giết chết bao nhiêu thằng trong mười năm qua?

NGUYỄN HỮU CHI

Xuân Về

Xuân về, hoa đào nở.
Gió ngàn có biết chăng
Mây buồn tìm quán trọ ?
Sen tàn ngóng hè sang ?

Qua bao kiếp luân hồi,
Thời gian biền biệt trôi.
Nắng hè đâu có biết
Hoa đào đã đi rồi !

Chiều thu buồn vời vợi,
Lá vàng theo kiếp người.
Hoa sen cùng Phật Tổ,
Giác ngộ cùng thảnh thơi.

Lặng nhìn bông tuyết bay,
Mùa đông ở xứ này,
Cô đơn, chờ xuân ấy
Én về, lại đi ngay !

Biết chăng bao tiền kiếp
Đắm đuối trong mộng si ?
Biết chăng vương vấn nghiệp
Vui, buồn ... tới rồi đi ?

Chuông chiều thoảng tiếng ngân,
Tràng hạt niệm bao lần,
Từ Bi cùng Hỉ Xả,
Xin thoát cảnh trầm luân!

Nàng cười ha hả, vẫn giọng cười ngày nào, vẫn điệu bộ năm xưa, cái mặt ngước lên, đôi mắt nhắm lại khi nàng cười thành tiếng. Nàng không già, tuổi tác chỉ làm nàng thêm vẻ đoan trang, mệnh phụ. Tôi rủ nàng đi uống cà-phê. Nàng cho biết sau khi học xong đã đi làm cho một công ty dầu hoả, nơi đó nàng gặp chồng, một thằng Mỹ có chức vụ chỉ huy trong hãng, giàu. Cưới nhau ít lâu, nó dẫn nàng về Houston. Có một đứa con gái. Đang ly dị. Nàng dẫn con về đây ở tạm với cha mẹ đã gần hai tháng.

- Bây giờ mầy định làm gì?
- Chưa biết.
- Làm sao sinh sống?
- Không thành vấn đề.
- Ở không chán lắm.
- Ừ, tao sẽ đi làm nếu ở lại đây, nhưng chưa biết, có thể sẽ theo ba má tao về Tây, ba tao đã nghỉ việc và sẽ trở về Pháp.

Tôi bỗng thấy chới với. Tôi nhớ ngày nào nàng hồ hởi về cái Bắc Mỹ này. Khi gặp tôi ở đại học thì gia đình nàng mới dọn sang chưa đầy một năm, cha nàng làm kỹ sư cho một hãng kỹ nghệ Pháp có cơ xưởng ở đây. Nàng đã trưởng thành, đã học xong đại học bên Tây và đậu cử nhân khoa học. Nàng khen métro ở đây mới và êm, nàng khen con người ở đây tốt, bình dị, nàng thích ở đây vì vào mùa đông mỗi tuần đều có thể đi ski, nàng yêu muà đông ở đây vì nó không ẩm ướt như ở Paris, v.v... Đột nhiên tôi nghe nản trong lòng lạ lùng. Với thời gian và không còn sự lựa chọn nào khác, tôi đã dần dần chấp nhận nơi đây làm quê hương và dần dần yên tâm rằng việc mình định cư ở đây là một may mắn. Gần đây, nỗi yên tâm ấy càng được củng cố hơn khi có nhiều người Việt đến cư ngụ tại thành phố này để tạo thành một cộng đồng Việt Nam đông đảo. Trong những ngày đầu của tôi ở đây, khi tôi mệt mỏi với mấy môn học và chán ghét mùa đông thì Danielle là một trong những người hiếm hoi đã cổ võ tôi bằng những lời ca tụng Canada, ca tụng những cơ may mà vùng đất này sẽ mang lại cho người di cư. Thì chính gia đình nàng cũng qua đây lập nghiệp. Khi nghe gia đình nàng sắp bỏ xứ này về Pháp, tôi cảm thấy như bị bỏ rơi. Tôi ngồi im không nói gì.

- Không, mầy đừng buồn cho tao, chính tao muốn ly dị chứ không phải Mike. Tao lựa chọn sai lầm. Tao muốn đi khỏi nước Mỹ.

Sự thật thì tôi cũng có thương hại nàng nhưng lúc ấy tôi buồn phiền cho tôi nhiều hơn vì cái tin nàng sẽ trở về Pháp. Tôi thật kỳ cục. Gần mười năm trời tôi không gặp nàng, nàng đi đâu tôi không hề biết, nàng chẳng dính líu tới đời sống của tôi. Vả lại hồi đó chính tôi quyết định không muốn gặp nàng. Lúc ấy, chúng tôi làm chung một đồ án, tôi, nàng và một thằng nữa. Ban ngày, mỗi đứa đi làm công việc riêng, chiều tối, tất cả hẹn gặp nhau trong một góc thư viện để làm việc chung. Xong việc, Danielle thường đưa tôi và thằng lõi kia ra métro vì nàng có xe và những buổi tối mùa đông, khi có gió, trời lạnh -10, -15 độ, đi từ trường ra métro là một cực hình. Khi dự án gần xong thì thằng lõi kia thường hay vắng mặt, cứ xin lỗi vì kẹt chuyện này, chuyện kia, đùn công việc cho hai đứa tôi. Thường lệ, khi Danielle đưa tụi tôi đến métro thi tụi tôi "mi" trên má nàng để cảm ơn và chúc "bonne nuit". Tối hôm đó, không có thằng kia. Tôi thật tình không hiểu đứa nào đã kiếm chuyện để níu kéo đứa kia để rồi chúng tôi đã ôm hôn nhau đấm đuối và rất lâu, không biết bao lâu, đến khi chiếc xe phía sau chớp đèn vì muốn đi ra, tôi mới mở cửa phóng vô métro. Ngồi trong métro, tôi như người say rượu, vừa lâng lâng sung sướng, vừa lo âu. Về tới nhà, đứa con gái bốn tuổi chưa chịu ngủ, chờ ba về. Vợ tôi đang chờ cơm, nghe chồng về vội hâm nóng nồi canh. Tôi thấy mình tội lỗi quá, tội lỗi đối với vợ con, với cả Danielle. Đêm đó tôi không ngủ được. Hôm sau, gặp nàng trong trường tôi đã xin lỗi nàng. Nàng tỏ vẻ ngạc nhiên, có vẻ không hiểu tôi muốn nói gì. Thật sự tôi cũng không hiểu tôi muốn xin lỗi nàng về chuyện gì, về chuyện tôi đã hôn nàng đêm qua hay là chuyện tôi không thể tiếp tục hôn nàng. Hôm đó tôi tìm cớ đi về sớm để không phải đi xe nàng ra métro. Tôi không có cái bản lãnh của ông bác sĩ Zhivago. Cái đồ án ba đứa làm đã sắp xong, tôi nhờ thằng kia viết phúc trình, viện cớ tôi mới tìm được việc làm buổi chiều. Tôi né tránh gặp nàng nhưng chúng tôi cũng có dịp gặp nhau vì còn mấy tuần mới hết khoá học và hai đứa lại có học chung một môn. Nàng rất tự nhiên, không biểu lộ một thái độ nào, tuy thỉnh thoảng tôi bất chợt bắt gặp nàng đang nhìn tôi. Không hiểu nàng nghĩ gì. Có thể nàng không suy nghĩ như tôi vì nàng có một văn hoá khác văn hoá của tôi, nàng có một nền giáo dục khác, có một quan niệm khác về tình yêu. Phần tôi, tôi không biết phải xoay trở ra sao. Tôi yêu thương vợ con tôi quá để có thể bỏ vợ con tôi chạy theo người khác. Những ngày cuối khoá học buồn vời vợi. Tuần chót tôi không vào

trường. Tôi điện thoại nhà nàng, cám ơn nàng về những việc nàng đã làm cho tôi, bảo rằng nàng là người bạn tốt nhất của tôi trong mấy năm sống ở đây. Sau đó, tôi không còn gặp Danielle nữa. Mấy năm sau, gặp một cô bạn cùng lớp, cô này cho biết nàng đã lấy chồng và theo chồng về Mỹ. Cô nầy ngạc nhiên khi thấy tôi không biết một chút tin tức gì về Danielle, cô ta tưởng tụi tôi bồ nhau vì "lúc nào tao cũng thấy hai đứa tụi bây đi với nhau." Tôi nghĩ sẽ chẳng bao giờ còn gặp lại Danielle. Nhưng nàng kia kìa, đang ngồi trước mặt tôi, đang nói, đang cười. Vẫn cái miệng xinh đẹp nồng nàn kia, cái cổ trắng được kéo dài ra khi nàng ngước mặt, vẫn mái tóc màu hạt dẻ đơn giản nhưng mượt mà, và nhứt là cái nhìn trìu mến. Tôi thích những người đàn bà có đôi mắt sáng nhưng cái nhìn chậm chạp, không láo liên, không liếc xuôi, liếc ngược. Đó là đôi mắt của Danielle, của Catherine Deneuve. Nàng đã uống hết cái café. Lấy đầu muỗng đè mạnh trên mặt bàn, nàng nói, không nhìn tôi:

- Tao không thể tiếp tục sống ở xứ Mỹ nữa, không hạp. Hồi đầu, tao cũng cố gắng hội nhập, cũng muốn có nhiều bạn bè, nhưng rồi tao không chịu nổi cái xã hội của chồng tao, tao cũng hết chịu nổi cả nó.

Danielle nói tất lâu về đời sống của nàng bên Mỹ. Nói một hồi, dường như đã hả dạ, nàng sực nhớ tới tôi, ngước nhìn tôi một hồi lâu rồi hỏi:

- Còn mầy thì sao, mọi việc tốt đẹp cả chứ? Có mấy lần tao muốn nói chuyện với mầy, hồi đó, nhưng không biết mầy ở đâu, chưa bao giờ mầy cho tao địa chỉ hay số điện thoại cả.

- Mầy thấy tao thế nào, thay đổi nhiều không?

Nàng có vẻ ngần ngừ nhưng rồi nói thẳng:

- Thay đổi nhiều. Nhưng tại sao vậy? Cái gì không ổn?

- Tại môi trường. Xứ sở này không phải của tao, xã hội này không phải của tao, khí hậu này không phải của tao, mùa đông dài quá.

- Còn công việc làm?

- Mầy cũng biết, tao không phải là một thằng da trắng, không có cách nào khác hơn là tối ngày rị mọ với mấy con số và cái máy điện toán để kiếm sống.

- Bộ làm việc cực lắm sao?

- Không cực, nhưng không thích. Ở Việt Nam tao làm chánh trị, làm báo, tao sống trong lòng xã hội, mỗi ngày là một sự thách đố. Rồi lại có vô số bạn bè. Ở đây, tao sống bên lề xã hội, lại không có bạn bè. Không phải làm việc mệt nhọc, nhưng vấn đề là trong sở làm hay ngoài xã hội chỗ nào tao cũng thấy mình chỉ là một người khách. Điều khôi hài là khi đã đi làm có tiền rồi tao mới thấy thiếu nhiều thứ để sống. Tao đã quay về chuyện Việt Nam, với những thảm trạng của bà con, bạn bè. Thật là tai hại. Nhưng bây giờ tao bắt đầu ra khỏi những cái đó. Hy vọng rồi tao sẽ tìm được sự bình an.

- Mầy giống như ông nội tao. Ba tao nói rằng cho đến khi chết ổng vẫn còn mơ đem quân về Petersbourg.

Danielle người Nga, giòng họ Perekrestow. Ông nội nàng đã bỏ nước Nga ra đi sau khi phe của ông bị người Bolchevick đánh bại. Ông nội nàng và những người Nga lưu vong khác đã lập những tổ chức chánh trị, những tổ chức quân sự và có cả một trường võ bị ở Yougoslavia để huấn luyện con cháu họ, chờ ngày đem quân trở về. Trong thế chiến thứ hai, vì muốn đánh Cộng sản Nga, họ đã liên kết với Phát Xít Đức, đã chiến đấu dưới cây cờ của Phát Xít, và đã bại trận lần thứ hai.

- Ba mầy có bao giờ về thăm nước Nga không?

- Không. Ổng chưa có cơ hội. Ổng cũng muốn về lắm. Ổng ra đi hồi bốn, năm tuổi nên có những kỷ niệm mơ hồ về quê ổng. Ổng rất giỏi tiếng Nga.

- Còn mầy, bao giờ thì mầy về thăm quê hương?

- Tao về hoài. Thường tao về vào mùa thu để thăm bà ngoại và cậu tao. Tao thích nhất là dẫn con heo theo cậu tao đi tìm truffe.

- Ở đâu vậy?

- Midi, cách Toulouse chừng 50 cây số. Bà ngoại tao có mấy chục mẫu đất rừng.

- Tao nói về nước Nga kìa, Petersbourg.

Danielle nhún vai:

- Không biết bao giờ. Nghe nói có nhiều cảnh đẹp, nhưng tao không có liên hệ gì với nước Nga, ngoài cái tên. Tao là người Pháp.

- Ba mầy Pháp hay Nga?

- Nửa nầy, nửa kia. Nhưng thường thì Pháp, thỉnh thoảng mới Nga. Nghe nói ông bà nội tao vẫn Nga trăm phần trăm.

- Tao vẫn là người Việt Nam một trăm phần trăm.

- Không ai cấm mầy chuyện đó. Nhưng những vọng tưởng hay những níu kéo về quá khứ sẽ gây nhiều thiệt hại vì ở chung quanh mầy ai cũng đang chạy về tương lai.

- Thiệt hại! Mầy thấy tao già lắm hả?

- Có nhiều thay đổi nhưng không già lắm. Mầy

ở cái tuổi của mầy, không như hồi mới gặp, tao cứ tưởng mầy chừng 25 tuổi, đến khi đánh máy dùm cái xivi cho mầy mới biết mầy đã 37 tuổi.

- Như vậy, mầy muốn nói là trong mười năm tao già đi hai mươi tuổi tuổi?

Nàng có vẻ ngại ngùng vì đã lỡ lời:

- Chung, không phải tao muốn nói vậy. Năm tháng trôi qua, ai cũng già, nhưng tao cảm thấy e ngại cho mầy khi thấy mầy không vừa ý với đời sống ở đây. Mầy nên suy nghĩ lại, mầy sống bên Mỹ hay bên Tây thì còn tệ hơn, mầy không có sự lựa chọn nào khác đâu.

- Ừ, tao không có sự lựa chọn nào cả. Uống với tao một cái cognac nhé.

Nàng gật đầu, tôi gọi hai cái cognac.

- Mầy còn nhớ hồi đó mầy mua cho tao cái đĩa hát *Symphony of the New World* không?

Nàng gật đầu mỉm cười.

- Mầy có biết vì sao ông Dvorak viết bản nhạc đó không? Không phải viết để ca tụng xứ Mỹ hay để nói lên nỗi hạnh phúc của một thằng di dân như người ta tưởng đâu. Viết vì nhớ quê hương đó! Khi cho trình tấu bản nhạc lần đầu ở New York, ông ta đặt cho cái tên đó để làm vui lòng người Mỹ và nói rằng điệu nhạc mượn từ âm điệu dân nhạc Hoa Kỳ, nhưng sau đó, trong một bức thư viết cho một người bạn ở Đức quốc, ông ta bảo rằng mình đã nói dối, nó chẳng ăn thua gì tới tân thế giới cả. Ông ta nhớ Tiệp Khắc và viết lên nỗi nhớ nhung đó. Sau ba năm làm việc ở Mỹ với số lương vĩ đại, ông ta đã từ chối ký thêm khế ước và đã xuống tàu về Tiệp. Dvorak đã có thể lựa chọn giữa nước Mỹ và Tiệp Khắc. Ba mầy có thể lựa chọn giữa Canada và Pháp. Phần tao, tao không có sự lựa chọn nào cả.

Chúng tôi ngồi im khá lâu, thỉnh thoảng Danielle nhướng mắt nhìn tôi, không nói gì. Tôi thấy con nhỏ nầy đẹp thật, hơn 10 năm ở đây không thấy đứa nào đẹp bằng. Nhưng sao tôi chẳng thấy có ham muốn trong lòng. Nhưng tôi lại muốn ôm lấy nó và được nó ôm tôi. Như ôm một người thân thương trong một cơn biến động? Tôi đứng dậy, bảo:

- Thôi, chúng mình chia tay.

- Mầy cho tao số điện thoại và địa chỉ để có dịp tao liên lạc với mầy. Nhớ tao nhé!

- Ừ, tao sẽ luôn nhớ mầy. Nếu một ngày nào tao đi nơi khác sống, khi nhớ lại thành phố nầy thì người đầu tiên tao nhớ tới sẽ là mầy.

Nàng mỉm cười, cúi đầu, nét mặt dịu dàng, buồn rười rượi. Ra tới đường, tôi ôm nàng thật lâu. Tôi không hôn Danielle, nhưng đã áp má tôi vào má nàng, để nghe hơi ấm của nàng chuyền sang mặt tôi. Chúng tôi bối rối chia tay. Mấy tháng sau, tôi nhận được thơ Danielle gởi từ Montpellier, nàng viết: "Khi mầy có dịp nhớ tới nước Pháp thì hãy nhớ tới tao."

Montreal, mùa thu 1986.

Sách của nhà xuất bản ANH EM ở Na-Uy đã có bán tại Little Saigon

NỔI SÓNG

Truyện dài của NGUYỄN THỊ VINH

BỜ BÊN KIA

Tiểu thuyết Thiền, hai tập, của NGUYỄN HỮU NHẬT

DÃ ĐỜI

Thơ của NGUYỄN HỮU NHẬT

CÕI TẠM

Thơ của NGUYỄN THỊ VINH

Sách in trên giấy quý, trình bày mỹ thuật.

Liên lạc:

Nhà sách Văn Nghệ

9351 Bolsa Ave. Westminster CA 92683 - USA

Tel: (714) 934-8574 - vannghe@pacbell.net

Nhà xuất bản Anh Em

Helgesensgata 72 - 0563 Oslo Norway

Tel: 47 22 3828 53 - anhem01@frisurf.no

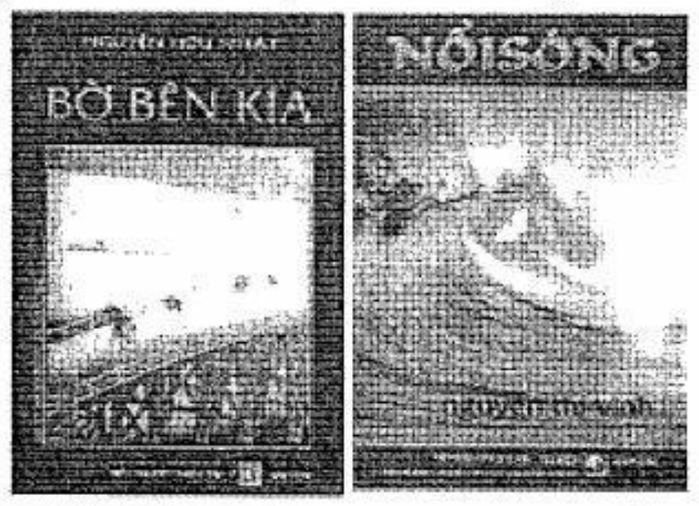

ẢI NAM QUAN

NGUYỄN VĂN THÀ

Chớm xuân, sáng sớm chủ nhật, có con chim đậu trước nhà ánh ỏi. Vợ ông Kha đã đi làm giờ phụ trội từ sáng sớm; còn ông, ông vẫn nằm lim dim nghe xuân. Xuân xưa nhiều hơn xuân nay. Có con chim gì đó mấy bữa nay sáng nào cũng réo tình nhân trước cửa: "Chù, chú, chù... chu mán!"; tiếng chim quấy rầy giấc ngủ nướng của thằng Tám, con út ông. Nó cáu tiết giật tủ lạnh, lấy cà chua, mở cửa sổ, ném, xua: *Fuck your mother!* Cái con chim bị *đù má mày* đó hót y như tiếng con chim hôm nọ đã hót khi anh Kha gởi nụ hôn đầu tiên trên mái tóc người tình riêng. Nói là hôm nọ, nhưng cái hôm nọ dễ chừng đã gần mười năm.

Ông Kha là một người thích làm thơ, và báo chí Việt ngữ ở nước ngoài đăng thơ ông khá đều. Tôi chỉ đáng vai đệ tử của ông. Phải đợi đến hôm nhậu lai rai được mấy xâu, tôi mới dám đưa chuyện Tàu ra cà khịa với tôn sư:

"Vậy chớ, ông bô của ông thày muốn ông thày làm thích khách hay sao mà lại đặt cái tên Kha vậy ông thày?"

Ông Kha nhấp thêm một ngụm bia, khà một tiếng thiệt dài:

"Không phải dzậy đâu Tư à! Tui tên cha sanh mẹ đẻ là Kha huyền khà."

Ông kể thêm: Khi lớn lên thấy cái tên kỳ cục quá bèn hỏi nguyên do, thì được chính ba ông cho biết là, sau chén rượu rắn hổ mang ngâm chung với toa thuốc của nhà thuốc bắc Tế Thế mà bà má rót cho, ông ba khà một tiếng dài, và, sau giờ phút linh hiển đó thằng cu từ muôn cõi ta bà đầu thai trong lòng bà bô, như một câu thơ trong bài *Sáu Mươi* của chính nhà thơ Yên Kha: *Khà chưa dứt tiếng hài nhi vào đời.*

Cha mẹ cu Khà là con cháu thợ cày thợ cấy từ bao đời, có lẽ từ thời chúa Nguyễn Hoàng vào Nam dựng nghiệp. Có điều tổ tiên ông vốn là dân không được một mảnh đất cắm dùi ở Đàng Ngoài, nên khi xuôi vào Đàng Trong, tới Phan Rang thấy đất đai rộng rãi, là mừng rơn. Và họ định cư luôn ở đó. Nhưng Phan Rang không phải là vùng đất màu mỡ, do đó dân làng MT, không bao giờ giàu lên nổi; họ chỉ đủ ăn, đủ mặc là cùng. Học hành càng là một chuyện khó, dù rằng thuở trước cũng có mấy anh sinh đồ mạt vận còm cõi kéo lê Tứ Thư, Ngũ Kinh, Bách Gia Chư Tử cho qua ngày đoạn tháng. Nhưng rồi chính cả nơi chốn kinh kỳ đô hội chữ nghĩa thánh hiền cũng phải đến lúc mạt vận, như lời than của một hàn sĩ tài hoa: *Cái học nhà Nho đã hỏng rồi. Mười người đi học, chín người thôi*, thì cái chữ nghĩa ông đồ ở làng MT rồi cũng lùi hẳn vào trong những miễu đền tàn phai. Nhưng truyền thống trọng kẻ có chữ vẫn còn nằm trong lòng những người nông dân nghèo khổ. Tuy nhiên đến giai đoạn chữ quốc ngữ đã chiếm ngự hoàn toàn nước Việt, cha mẹ ông Kha vẫn không dám mơ ước một tương lai nào sáng sủa cho thằng út: Thằng Khà chữ nghĩa một bụng. Ông bà lại là những người thích câu vè câu vạn, như bao nhiêu lớp người cực khổ trên trái đất này, cũng như trên mảnh đất nhỏ bé, đìu hiu của làng MT; ông bà chỉ ước mơ làm sao có ai đó đọc cho mình nghe Lục Vân Tiên, những buổi tối ngơi nghỉ, nhất là những đêm mưa rả rích. Cái ước mơ cỏn con ấy ông bà đặt vào thằng cu Khà. Và may thay có một anh học sanh thông làu quốc ngữ, vốn dân thị tứ thuộc vào loại dở thầy dở thợ, phải lòng một chị trong làng hay quảy củi ra phố bán, bèn tếch gánh giang san về quê vợ, thế là cu Khà thành học sanh đầu tiên của thày. Người đời hay nói: *Con út trút bồ lúa*: cha mẹ của út Khà trấu chẳng có dư, làm chi có lúa mà trút; nhưng ông bà đã trút lên cu Khà cái ước mơ chữ nghĩa Lục Vân Tiên của mình; và có lẽ nhờ thế mà chú Khà, chỉ qua mấy mùa học, cho thấy là một học trò thông minh. Chú chẳng những bắt đầu đọc lõm bõm được Lục Vân Tiên mà còn viết được số Ả Rập và làm được cộng trừ nhân chia, đỡ công mẹ, chân thủ quỹ của làng, khỏi

phải bốc hạt bắp để tính sổ sách cho những chi tiêu khao vọng. Khi ông giáo làng đã hết chữ là lúc chú Khà chuẩn bị lấy cái bằng đầu tiên. Và chú đậu. Ghê chưa! Vào lúc này thì chú đọc Lục Vân Tiên không những làu làu mà còn lên cung xuống giọng nghe mùi chẳng thua gì đào kép cải lương.

Lòng tham thì vô đáy, và các đấng sinh thành xứ Việt quả là những kẻ tham lam nhất trần gian trong việc cho con cái vốn chữ nghĩa. Đầy một bụng cũng chưa thỏa. Chú Khà, sau khi đậu được bằng tiểu học, cái thành tích mà chính thần hoàng của làng, một nho sĩ, cũng phải cúi đầu (chính mẹ chú Khà đã thấy như thế khi họ đem lễ vật ra báo hỉ và tạ lễ), chú Khà được cha mẹ cho đi tỉnh học. Chú bụng càng đầy chữ nghĩa, bố mẹ thân xác càng tàn tạ, nhưng trái tim họ vẫn tràn máu đỏ đức tin. Đúng vậy, cả tới khi chú Kha (lúc này đã tự ý bỏ dấu huyền) ra tỉnh học được năm sáu năm, cha mẹ tuy có phần nhăn nheo gió nắng mà nụ cười xem chừng rạng rỡ hơn xưa. Chữ nghĩa của con là thuốc bổ, là sâm, loại hồng sâm của nhà thuốc bắc Tế Thế cũng không làm gì bằng. Lúc này, tuy đã leo lên được những bậc thang học vấn ngất ngưỡng khác, những dịp nghỉ hè, cậu vẫn nằm võng, chẳng những đọc Lục Vân Tiên, truyện Kiều và các chuyện Tàu khác, cậu còn chơi luôn tuồng Lơ Xít của Phú Lang Sa, hoặc ngay cả tuồng Rôméo và Giuliettà của Anh Cát Lợi mà chú đọc qua bản Pháp ngữ. "Ở đau thì cũng có chiện đao lòng đức ruộc."- Bà mẹ chép miệng; hoặc những câu chửi rất hào hứng của cha chú Khà, như: "Mẹ cha, cái anh thày tu đi chi mà chạm dzậy trời!", khi tới cái đoạn anh thày dòng Phanxicô được ông cha Lôrăng sai đi báo tin về cơ mưu của mình cho Rôméo, mà cứ đi cà rịch cà tang, trong khi chàng Rôméo nghe tin dữ, đã từ nơi lưu đày, phóng ngựa như bay về với người yêu dấu, với lọ thuốc độc là hành trang duy nhất.

Anh Kha là một người hay chuyện, ấy là lời nhận xét của cô Long hàng xóm thường cứ đứng thấp thoáng sau hàng dậu dâm bụt để nghe anh Kha kể truyện. Những lúc như thế lòng cô nhấp nhánh những vì sao xanh còn hơn khung trời Venezia đêm Giuliettà đợi tình gấp bội. Văn chương chữ nghĩa nó hay ho quá cỡ như vậy mà cớ làm sao lại có cái câu kì cục: *Chữ nghĩa văn chương không bằng cái xương cá trích?* - Cô Long mỉm cười áy náy. Có những bữa thấy con nhỏ Long cứ lấp ló bên kia, bà Hai, mẹ của anh Kha, phải kêu vào ngồi trên chõng cạnh bà, dựa lưng vào vách mà nghe vì "Chiện tràng giang đại hải như dzậy thì đứng mỏi chưng chịu sao thấu, coong!" Cô Long sợ run, không dám, đã thế ông Hai còn chêm một câu sấm sét: "Chà, coong Long khong biếc thích nghe tuồng hay lại phải lòng thằng Kha đay!?"

Và cô nhỏ ù té chạy như ma đuổi.

*

Ông Kha phải đi cải tạo thật lâu, vì ông làm lớn, nhưng cũng như khá nhiều ông lớn khác, ông cứ khà khà cho qua chuyện ở một thời thế cần có những thanh Hạp Lư sinh tử sang sông. Cho nên, gặp thời thế, thế thời vào rọ. Cả duộc. Đỏ hoe con mắt cả mười mấy năm. Cái khí phách mượn của Trần Bình Trọng xem ra cũng nhạt phai dần theo tiếng kẻng xua trâu. Một số người chính khí lắt lay; một số lại cần một cái triết lý hèn để sống; phần ông Kha đã có cái triết lý *khà* của ông từ ngày dựng thai trong lòng mẹ. Cái triết lý ấy vốn được trạng Bún đời Mạc, mà người đời xưng tụng là người hiền, dạy: "Khôn chết; dại chết; biết sống."

Ông Kha là người biết sống.

Khi chuyển đến trại AZ được mấy bữa, ông được phân ra toán tự giác. Ông và mấy chục anh khác được sung vào toán chuyên đốn củi cho trại và họ được ở ngay trong các chòi, trên một ngọn đồi trông xuống thung lũng ST. Dĩ nhiên họ có cán bộ quản giáo theo dõi cho đúng bài bản. Nhưng vào lúc ấy chẳng ai dại mà trốn trại sau khi đã có cái vốn mười mấy cuốn lịch, tuy tới lúc đó họ vẫn chẳng biết ngày nào sẽ được thả. Họ được giao chỉ tiêu củi, thoạt đầu, khá nặng, nhưng rồi cũng quen dần và cọng với lối xếp củi mánh mung, thì công việc cũng không đến nỗi nào. Dư giờ họ đi kiếm chai phà, thỉnh thoảng kiếm được trầm lại mang ra chợ gần trại bán. Thường cũng đủ để mua thuốc rê, thuốc lào, hoặc vài xị rượu sắn nhâm nhi; có anh lại *chính chị* hơn mua chai dầu xanh Mỹ biếu cán bộ quản giáo. Vào thời gian này họ có thời giờ để nhìn lên trời đôi khi; và khi thong thả, có nghĩa là cứng gân cứng cốt chút đỉnh thì người ta lại bắt đầu lơ mơ mỹ nữ. Trong những buổi *thưa chuyện đêm khuya* các anh ít nói về gà rô ti, vịt quay, bia lon Mỹ... hơn trước, mà bắt đầu tán chuyện đàn bà. Và, đùng một cái, các đấng bề trên xuống phước: Hễ có vợ thăm nuôi thì vợ được ngủ lại và được ngủ chung. Ở các trại khác nghe nói là phải lao động tốt, học

tập tốt mới được vào ngủ *nhà hạnh phúc*, nhưng nhóm đốn củi vốn đã được ban cho cái tước tự giác, thì mấy cái thứ *tốt* đó đương nhiên đã qua mặt từ khuya; và cái ân huệ ấy các anh dư sức được hưởng! Cái *nhà hạnh phúc* chính là mái chòi của các anh. Có anh vợ vượt biên, có anh vợ bỏ, nhưng đa số vẫn còn vợ chất chiu tháng tháng, quảy mồ hôi nước mắt lên nuôi chồng; nay các anh lại sắp được má ấp môi kề, quả còn sướng gấp trăm lần động phòng thời xuân sắc, tuy người vợ thanh xuân đã tàn phai nhiều theo nghiệt ngã thời gian và tàn nhẫn thế sự, áo cơm. Ông Kha tất nhiên là còn vợ, và vợ rất chăm chỉ thương chồng, lo cho chồng từng li từng tí, từ lon gô ruốc sả cho tới chai dầu xanh. Nói là tất nhiên vì vợ ông chính là cô thôn nữ tên Long ngày xưa ấy, cô Long mà những ngày ở tù cảm động tấm lòng chân quê, son sắt của bà, ông Kha đã chêm chữ Châu trước tên Long, thành ra Châu Long. Châu Long ngày xưa nuôi Lưu Bình thi đậu trạng nguyên, còn Châu Long làng MT lại nuôi ông Kha hơn cả chục năm nay, những mong chồng đậu được cái bằng vĩ đại nhất của một thời mê loạn máu xương, đó là giấy phóng thích. Mười mấy năm đủ xây dựng nên nghiệp lớn ở bất cứ phương trời còm cõi nào, mà ở nơi xứ sở của *vừng trời đông ánh hồng tươi sáng bừng lên* này vẫn chưa đủ để đưa chồng bà ra khỏi đầm cát lún mà mấy ổng lấp liếm gọi là những giòng thác chi đó. Mặt trời thiệt phiền! Thác lũ, thác oan!

Khi bà Long nhận được *hỉ tín* về cái ơn phước đó của các đấng bề trên từ miệng của người chồng mà ngày xửa ngày xưa mình được diễm phúc kết tóc xe duyên, thì bà đỏ mặt. Và bà vùng vằng đứng dậy đòi về. Và bà về thật. Mấy người bạn cùng chòi khi biết tin động trời đó, giật thột. Có kẻ tán ra tán vào: "Có lẽ tại chị ấy sợ bầu bì, thêm kẹt." "Có lẽ chị ấy thẹn, đằng gì chị ấy cũng không phải là dân thành thị, phải không nào?" hoặc có anh lại nghiêm trang nghĩ ngợi: "Đàn bà khi họ không nói, là nói rất nhiều." "Đàn bà là lớp người bị áp chế từ bao nhiêu đời, nên họ có cái nhìn thế sự khác cái bọn đàn ông chúng mình." Riêng anh chàng Khắc, vốn rất hãnh diện với cái nền hướng đạo của mình, lại chỉ cười mỉm. Ông Kha nhìn chằm anh Khắc, cáu sảng:

"Sung sướng gì mà cừi dzậy cha! Dụt cha cái ông thánh của oong đi!"

"..."

Và với máu ngoa ngôn thi sĩ có sẵn, ông bồi thêm một màn hàm tiếu diễn nghĩa:

"Tui thấy nơi nụ cừi của oong chạy dài hàng chữ 'Nếu khoong được đứng trên đồi làm cây thông hùng dzĩ, thì hãi là cây hoa hòng dứi thung lũng' của thằng cha hướng đạo nào đó!"

"Câu đó là của tổ hướng đạo Baden Powell.

CỔ NGƯ

Tuyết bay ngang sông,
Khói vươn từ sóng,
Nụ hoa nào nở giữa trời không,
Một thoáng hồng, tin vui nhỏ nhẹ
Nhen từ em, vừa đủ tim nghe.

Khe khẽ
Từng chồi non mở lá,
Sương giá không làm rã những đài hoa,
Xòe cánh trắng ra, gió bừng lộng hiển,
Khói lên, khói lên,
Khói mùa xuân hiền.

Nắng viền óng ả cuối mây,
Thơ nhạc chiều nay đang bay đầy lối,
Vậy nào,
Xin mời em cùng anh ra mở hội
Đón xuân khôi, chồi biếc, khói xanh.

Choisy-le-Roi
Tết Tân Tỵ, 02.2001

và tôi chỉ nói một lần trong bữa uống trà tán chuyện cổ kim đã lâu mà tới nay anh còn nhớ dữ a! Thôi, chị còn đó! Dịp sau, hỏi khéo chị thử. Có chi mà to tiếng, mất vui."

Đêm hôm đó dĩ nhiên ông Kha mần răng mà ngủ cho đặng, nhưng bạn đọc chớ nghĩ bậy bạ cho ông, vì quá nửa đêm, khi anh bạn cùng chòi Đỗ Khắc đã ngủ khò, ông Kha lay Khắc, thì thào:

"Khắc, Khắc ơi, dạy, tui nói cái nài cho nghe..."

Khắc giọng ngái ngủ:

"Gì vậy anh Kha...a...?"

"Thôi rồi, mấy cái chiện Lục Dân Tiêng, Lơ xit, Rôméo đã làm hại tui!"

*

Những đoạn trích từ một cuốn nhật ký mà công an Cao Lạng tịch thu được trên đường biên giới Việt - Hoa, trong khi đuổi bắt bọn buôn lậu.

Ngày... tháng... năm...

Đã tắt kinh cả tháng nay. Chắc là có thai mất rồi. Anh Nông lại mới chết. Ở trong B không sao, phục viên về làng lại chết. Chết vì lạc đạn bọn bành trướng. Nhưng cái bụng của mình mà chướng lên thì thà bị lạc đạn còn hơn. Hồi trước, ở nơi cái bản, cái làng này, có thai ngoại hôn hay không thì chẳng có gì quan trọng. Người Tày nhiễm dần những lối tư duy và tập tục của người Kinh, mà người Kinh tính đảng lại càng gắt gao cái chuyện giai gái. Họ dùng cái từ gì nghe mà kinh: Hủ hoá. Chỉ có mẹ mình biết; bà cuống lên, chỉ vì sợ anh cả Hào. Đàng gì anh ấy cũng đang phấn đấu, phấn đấu đủ thứ. Mẹ nói: Cái miệng người Tày bắt đầu như cái miệng người Kinh, chua như mẻ mất rồi!

Ngày... tháng... năm...

Cái mảnh đất miền Cao Bằng cằn cỗi bao đời, gió chướng quanh năm, chẳng có gì vui. Các Mác nói thế mà đúng: Vật chất quyết định tinh thần. Nghèo thì khó mà vui được. Ở đây chỉ còn chuyện giai gái là vui. Hôm nay mẹ lại lo lắng, than vãn. Cha chỉ biết tìm vui trong thuốc phiện. Nhìn cuộc đời của một người đàn bà như mẹ mà cứ nghĩ lại mình. Cuộc đời như thế có đáng sống không...? Chữ nghĩa thiệt phiền. Giá mình đừng có phấn đấu đi học có lẽ mình sẽ đỡ khổ hơn. Chừng này tuổi mà đã bắt đầu cự nự với cuộc đời khá nhiều. Mấy ngày nay, không biết sao vô số chấm hỏi cứ bay lơ lửng trước mặt mình. Chắc không phải chỉ vì mình suy dinh dưỡng...

Mình nghĩ tới chuyện nạo thai.

Ngày... tháng... năm...

Lâu rồi, nay mới viết nhật ký lại được. Sau vụ nạo thai, mình mệt lã người. Cũng may lúc này cái loa trước ngõ bị hư. Chỉ chút hương hồi trong gió là bạn, và cuốn nhật ký. Trang giấy nhật ký như người bạn tâm tình duy nhất của mình. Coi vậy chữ nghĩa không chỉ làm phiền ta. Nó giải phóng tâm hồn.

Ngày... tháng... năm...

Mấy ngày nay cứ băn khoăn. Mình mới mượn được mấy cuốn tiểu thuyết *đồi trụy* của các tác giả Miền Nam của một anh bạn học cùng lớp đi B mới về. Chẳng mang về được xe, đài, chỉ một ba lô toàn sách báo *đồi trụy*. Nếu như cái ông gì đó nói: *Văn chương phản ánh hiện thực*, thì hiện thực *đồi trụy* quả là một hiện thực thích thú.

Trong ấy, người ta hay nói tới nắng, mây trắng, và tình yêu giai gái... cả trong chiến tranh, và ít nói tới chuyện đói. Ở đây, từ câu hò câu hát cho đến sách vở cứ ra rả chuyện chiến đấu, đấu tranh, phấn đấu... Sao mà nhiều kẻ thù đến như thế! Nếu cứ lấy thành tựu vật chất mà đo lường những nỗ lực của con người, thì mình thấy cái gọi là chiến thắng, gọi là giải phóng Miền Nam là một sự vô ích. Vô ích đến rợn người.

Và tại sao người ta cứ chê cái chuyện *đồi trụy* nhỉ, khi *đồi trụy* mang lại hạnh phúc cho con người? Mình yêu cái miền Nam *đồi trụy*. Hình như mấy cái xứ nghèo người ta hay nói chuyện đạo đức. Mình có điên không vậy?

Mình đã bắt đầu khoẻ lại. Chắc lại cũng nhờ sức con gái nó lướt đi. Nhưng bao lâu? Phải kiếm cho mình một lối thoát. Đất nghèo, lại nằm sát biên giới. Lâu lâu bên kia lại bắn qua mấy quả súng lớn. Hậm hực. Nhà nước lại động viên dân làng cứ giữ vững lòng tin vào Đảng và chính phủ. Bám đất bám làng. Chẳng có gì mà bám. Mấy chục năm chiến tranh chưa đủ sao? Toàn miệng lưỡi của những *ông cố đạo đỏ*. Và đôi mắt của những con người *tiến bộ* cứ nhìn mình như nhìn một con đĩ.

Ngày... tháng... năm...

Vào Nam. Làm công nhân nông trường cà phê ST được mấy tháng nay. Việc khá nặng, được cái tự do hơn ngoài Bắc. Nhưng mấy cái loa thì vẫn inh ỏi như ngoài ấy, vì người trong nông trường thì cũng từ những cái bụng loa đó mà chui ra cả. Chỉ khoác lác gượng.

Mình thèm quen người Miền Nam, người có hơi Ngụy. Nhưng cứ thấy bộ dạng của người ngoài Bắc, nhất là cán bộ công nhân, thì họ lại ái ngại, hoặc có vẻ xem thường.

Mới đọc được mấy cuốn sách *đồi trụy* khác của anh chàng Khoan, trưởng đồn công an biên phòng CR, anh chàng có mái tóc phiêu bồng, cho mượn. Hắn nói sách hắn tịch thu trong nhà một anh thuyền chài. Cả mấy trăm cuốn. Truyện của họ viết thật tuyệt. Truyện tình của Hoàng Ngọc Tuấn đọc mà nuốt nước miếng, cứ sợ hết trang. Văn của Minh Đức Hoài Trinh tình thì quần quại, mà lại man mác chuyện cổ kim. Lại còn thơ của cái ông Nguyên Sa: táo bạo, tươi tắn mà sâu. Còn Phạm Thiên Thư, thơ càng đọc càng hay; mỗi lần đọc, ý mới lại nảy sinh... Người và lòng người đẹp đến như thế ư? Cớ sao đã có một mâm thức ăn ngon lành như vậy mà lại đổ đi, và cứ nhất định ăn cho được sắn, được bo bo mới chịu. Không thích làm người mà cứ thích hạ mình xuống làm súc vật. Đối với người Miền Nam, người ngoài Bắc, nhất là mấy anh cán bộ hợm hĩnh, là những sinh vật phiền toái.

Ngày... tháng... năm...

Nghe nói nhà nước sắp đưa một số tù cải tạo về giam gần nông trường. Cái nhà nước này thiệt thâm: Họ tính toán là các công nhân của nông trường sẽ là những người chỉ điểm, những tai mắt cho họ ở vành ngoài? Vả lại họ cũng cần tù về đây làm kinh tế cho họ. Một loại xây dựng kinh tế kinh người! Không biết sao lòng mình lại vui. Lòng người quả là có nhiều ngõ ngách lạ kỳ.

Ngày... tháng... năm...

Sáng nay, mình đang ngâm chân bên suối trong xanh, mát rượi từ miền cao đổ về; một chút hương rừng; đôi tiếng chim. Không biết sao mình cứ muốn cởi hết áo quần; mình cần vuốt ve của gió, của nước, của thiên nhiên hiền hoà. Thiên nhiên ngày càng lùi xa con người. Và người lại cũng đang xa người. Đang lơ mơ như thế, nghe có tiếng đàn ông sau lưng, giọng Miền Nam: "Chào cáng bộ!" Mình giật mình. Mình đoán là tù cải tạo được ra tự giác. "Đôi chưng cô đẹp lám. Cứ y như chưng coong chúa Bặc Tiếc." Công chúa nào mà chẳng đẹp, nhưng tại sao anh ta lại chỉ nói về đôi chân. Ở miền Bắc người ta chưa dám nói tới cái đẹp của đôi chân.

Trong tờ Văn mà mình coi lén hôm qua, có ông thi sĩ lại còn ví đôi chân của người tình hôm ân ái lần đầu tiên là đôi đũa ngọc. Tại sao người ta lại thơ mộng đến như thế được nhỉ?

Mình ngủ không được.

Ngày... tháng... năm...

Mình lại ra bên bờ suối. Mang theo mấy bó rau muống non cải thiện. Tù ai mà chẳng khổ. Tự giác thì cũng thế thôi. Có bà bỏ chồng tù tội, như cái bà Oanh, nghe nói là vợ thiếu tá Nguỵ, bây giờ đang cặp với lão bí thư nông trường. "Biếu anh ít rau..." Anh Kha, người tù cải tạo hôm qua, có vẻ cảm động "Cô thiệt là tử tế. Lần đầu tiên tôi được một người, nhất là một người của nhà nước cho tôi quà như thế này." (Anh ta nói giọng Bắc!) Mình nghĩ anh còn dè dặt chưa nói ra hết cái ý nghĩ xúc động của anh. Dân ngoài Bắc đã

ném đá những người tù như anh.

Mình biếu anh bó rau vì lòng tốt chăng? Hôm qua mình vừa hái rau vừa cười vui trong lòng. Tử tế không làm cho người ta vui kiểu vui lạ thế.

Anh Kha lôi trong túi quần ra tặng mình chai dầu xanh còn nguyên chưa bóc chỉ; sợi chỉ vàng lóng lánh.

"Phải cảnh giác!" - Mình mỉm cười.

Ngày... tháng... năm...

Bôi chút dầu xanh giữa ngực. Nhớ nhân vật nữ Katêrina trong cuốn Dương Liễu của Bưnốp, cũng xức thuốc thơm khi ra ven sông Volga vin cành liễu vọng về mặt trận miền Tây nhớ người yêu. Mình có yêu anh ta không? Hay là đây chỉ là một phản xạ tự nhiên giống như bao nhiêu thú vật, côn trùng, trước con khác giống. Côn trùng, thú vật có hàng triệu loại hương hoa khác nhau, không hẳn là thơm, nếu xét theo khứu giác của loài người. Nhưng khứu giác giữa người Miền Nam và Miền Bắc chẳng khác là bao. Mùi dầu xanh lại làm mình nhớ mùi hương hồi. Mộ của anh Nông nằm trên đồi hồi. Thương anh. Tội nghiệp cho anh. Nhưng mình còn phải sống, còn phải ngửi những làn hương mới. Làn hương nói cho mình biết cuộc đời mỏng manh, ngắn ngủi; chính vì thế cuộc đời mới trĩu nặng đam mê.

Vĩnh biệt một quá khứ thơ mộng ngắn ngủi.

Đắm say.

Ngõ cụt.

Ngày... tháng... năm...

Cái giọng nói, cái lối nói chuyện, và những điều anh tù nói, những từ anh dùng làm cho mình cảm thấy bình yên, khác hẳn ngôn từ trong nông trường, lại càng khác hẳn những cái bầu không khí ngôn ngữ ngoài Bắc. Lời anh như bến cảng ôm lấy thuyền lòng mình. Thuyền mong manh.

Ngày... tháng... năm...

Ngôn ngữ anh ấy như cánh gà mẹ ôm ấp lấy mình. Mình ngã vào chiếc nôi ngôn ngữ, mình phó mình trong đôi tay ngôn ngữ anh vì khao khát. Khao khát lời bình yên từ một tấm lòng thành. Mấy anh chàng ở ngoài Bắc cũng như ở trong nông trường này thích và tán mình. Họ cũng buông lời ong bướm đó chứ, nhưng giọng nói của họ sao giống như giọng của những cái loa mà mình thù ghét từ bé. Những cái loa truyền nhiễm. Cái liến láu ấy bao nhiêu năm đã khoét rỗng lòng. Mình mệt mã trống trải, như sau khi đã nôn tháo những thức ăn không thích hợp; và lời anh, lời anh, như một tô cháo đậu xanh. Lại là cháo đậu xanh pha chút đường kính. Anh ấy không còn trẻ lắm nữa. Và chắc là có vợ rồi. Mình vẫn cứ để cho ngã, kể chi. Hay là mình lại có ảo tưởng. Khốn khổ cho người đàn bà là đôi khi phải ôm lấy ảo tưởng. Để vớt lại một chút đời qua.

Ngày... tháng... năm...

Anh ấy hôn mình. Hôn nhẹ sau gáy. Rồi hôn má, hôn môi. Nhớ cái hôm ấy: "Bàn chưng của Man ai mờ hôn được, sống thọ trăm tuổi!" Tại sao lại hôn chân? Mình đã run bắn người lên. Có phải vì bàn chân chính là toàn thân người thu nhỏ, nơi tập trung những huyệt đạo có khả năng thức tỉnh cả cơ thể, như trong lý thuyết châm cứu mà mình có biết qua? Hay là vì anh độc đáo, biết nhìn những chuyện phía dưới. Cả một thế hệ chỉ thích những chuyện sang cả, những chuyện đội đá vá trời mà quên đi những viên sỏi bên đường. Không phải vậy sao?

Ngày... tháng... năm...

Sáng nay trở lại rừng ân ái
Một thoáng hương đưa đủ quên đời
Lững thững xuân về lòng thoải mái
Ngọn cỏ giọt sương, trời đất ơi!

Anh Kha sáng nay tặng mình bài thơ. Mấy cái anh Miền Nam thiệt đáo để! Mình cứ nhớ lần đầu tiên anh ấy yêu mình: Hạnh phúc về như muôn vàn mũi kim mềm vi tế. Luồn tới đầu ngón chân thì sung sướng bùng vỡ như thác lũ. Nhưng giòng thác lũ ấy không trôi ra xa mà quay lại ôm, ướp lấy thể xác và linh hồn mình. "Linh hồn? Tại sao lại duy tâm như thế!" - Có tiếng cảnh giác trong đầu, như một ngọn dao chặt đứt giòng hoa lạc. "Tổ sư cái thằng Các Mác!" - Mình nghiến răng chửi thầm. Lúc này mình hiểu tại sao người mẹ trong tác phẩm Người Mẹ của Pearl Buck, đã cởi quần trùm đầu tượng thần hoàng khi bà làm chuyện vụng trộm trong miếu.

.....

Ngày... tháng... năm...

Bữa qua bị kẹt họp hành. Hôm nay đi lao động về, sợ anh ấy trông, mình vội ra chỗ hẹn. Chẳng thấy anh đâu. Chỉ thấy chiếc búa anh để lại trong lùm cây dùng làm nơi hẹn hò cả mấy tháng nay. Chuyện lạ. Hay là anh ấy bị chuyển trại? Bị ốm? Hoặc là được phóng thích? Tại sao anh không để lại cho mình vài chữ? Không thể như thế được, anh ấy rất cẩn thận, sợ bị lộ chuyện. Chuyện giai gái đã đành, mà chuyện một tên tù cải tạo đi hủ hoá một cán bộ nhà nước, thì hậu quả khó mà lường, nhất là khi mình cho anh biết, cái thằng cha trưởng trại cải tạo cũng đang *dê* mình. Gớm, làm như hễ là cán bộ thì đương nhiên thuộc vào

hàng thần thánh, hay ít nhất cũng là hàng quý tộc! Bắt đầu dân gian lại gọi mấy bố là quý tộc đỏ. Đúng là cái vòng luẩn quẩn.

Ngày... tháng... năm...

Lâu rồi chẳng viết được giòng nhật ký nào. Cứ đọc đi đọc lại cho đỡ sầu. Thấy chữ nghĩa, lối hành văn của mình bây giờ sao có vẻ giống như tiểu thuyết *đồi trụy*, như ngôn từ của anh ấy. Mình *lai căng* mất rồi. Nói theo lối nói của nhà văn Nga nào đó: Mình đã đính hôn với ngôn ngữ trái tim. Chàng hoàng tử đã thức công chúa tỉnh giấc trăm năm với nụ hôn ngôn ngữ của chàng.

Ngày... tháng...năm

Nghĩ tốt về anh ấy. Nghĩ xấu về anh ấy. Đầu óc mình cứ như cơn bão tràn về. Chán chường mệt mỏi; chẳng thể đi lao động được. Sao mình yếu ớt thế? Hạnh phúc mong manh và ngắn ngủi đến thế sao? Nhịp sống trở về với những tiếng kẻng, những thi đua tất tả. Giả dối cùng khắp. Mình đã vất vả đi kiếm những khoảng trời mới. Thì ra chẳng có khoảng trời nào mới cả. Mẹ nhắn mình trở về quê. Bố chắc cũng chẳng sống bao lâu nữa. Bây giờ, đâu cũng thế thôi!

Ngày... tháng... năm...

Về được mấy hôm thì bố mất. Chẳng buồn bã gì nhiều. Thực ra bố đã chết từ bao nhiêu năm nay rồi. Hôm chôn cất bố, lão chủ tịch xã bảo tháo bảng tuyên dương anh hùng của bố xuống. Người anh hùng của khói súng Bắc Kạn và lão già héo hắt thuốc phiện đang nằm đó, trước mắt mọi người đời, có vẻ đối nghịch, nhưng mình nghĩ khói súng hay khói thuốc phiện thì cũng như nhau thôi! Sa lầy cũng thú vị chứ! Sống thật phiền!

Ngày... tháng... năm...

Tính chôn cất bố xong sẽ vào lại nông trường, nhưng mình lại cảm thấy mỏi mệt quá! Mỏi mệt như những sợi thừng vô hình, chúng cứ trói chặt mình xuống đất. Dù là đất chết. Cuộc sống ở quê nhà nào có gì đổi mới. Vẫn nghèo đói. Chỉ có những người buôn lậu biên giới là còn có thể sống được. Đất đai ngày càng cằn cỗi, vì khai hoang, vì xói mòn. Khu rừng sau nhà mình, mới đi hai năm đã bị chặt bằng. Dân làng chỉ còn là những bóng ma dật dờ giữa sương khói đồi trọc. Chỉ còn chút hương hồi vẫn còn thơm. Có một số đàn bà đi buôn chuyến rồi không về. Người ta đồn là có cô như cô Trìu còn vượt qua được tới Hồng Kông.

*

Ông Kha là một nhà thơ, cho nên hồn ông thế nào mà chẳng vương đôi chút cổ kính Trung Quốc: nào là lầu Hoàng Hạc bên sông khói sóng; nào là trăng rụng, quạ kêu Hàn San thành ngoại... cho nên khi hạ qua, thu về, du lịch Trung Hoa đại hạ giá, ông Kha quyết đi một chuyến, vì biết đâu mai đây tuổi già, bệnh hoạn bất tử, phải ngồi xe lăn, thì mộng sông hồ kể như đi đứt.

Khi đổi máy bay ở Luân Đôn, ông tình cờ gặp lại người bạn tù cũ ở Mỹ cũng đang đợi chuyến bay sang Trung Quốc, lại cũng sẽ bay một chuyến với ông. Ông bạn trước đây nguyên là kiến trúc sư làm trưởng ty Kiến thiết; khi sang Mỹ vẫn thích nghiên cứu về kiến trúc, đặc biệt kiến trúc Việt Nam xưa. Một số bài báo của ông đăng trên tạp chí *Asian Architecture Review* rất được chú ý. Chuyến đi này, ngoài chuyện xem Tử Cấm Thành do một kiến trúc sư người Việt bị Trương Phụ đời Minh bắt đưa qua Tàu, vẽ đồ án, ông bạn Nguyên Đề còn có mục đích tìm tài liệu củng cố cho một loạt bài viết mới về kiến trúc Việt Nam. Nghe bạn nói thế, ông Kha vỗ đùi khà một tiếng, và ông quyết theo bạn chứ không theo đoàn du lịch nữa. Đi thăm thú Bắc Kinh với một người có thẩm quyền về kiến trúc Trung Quốc nói riêng và văn hoá Tàu nói chung như thế, thì không còn gì bằng. Về thắng cảnh Trung Quóc thì đã có nhiều thiên du ký thật thú vị, thơ mộng đăng trên một số báo chí hải ngoại thời gian gần đây, nên tôi nghĩ không cần phải tả ra đây. Chỉ có một chi tiết là sau những ngày ngoạn cảnh Bắc Kinh và vùng phụ cận, ông Đề hẹn ông Kha tiện thể xuống thăm luôn vùng Hoa Nam; đặc biệt ông muốn đến thăm ải Nam Quan mà ông đã có lần được xem thoáng qua trong loạt phim du lịch các nước ven Thái Bình Dương của đài BBC.

Hai ông đến ải Nam Quan vào một chiều thu. Sương khói lan man. Màu xanh núi rừng biên giới chỉ kéo dài thêm nỗi mênh mông. Ải có dáng của một tráng sĩ, trong một thế tấn vững chãi, đang trấn giữ biên cương. Và theo kiến trúc sư Nguyên Đề thì ải này đặc biệt có bốn chân hơi choãi, đơn sơ mà bề thế, hài hoà mà mạnh mẽ, vốn là những nét đặc thù của các cổng tam quan Việt Nam được xây từ thế kỷ thứ mười sáu trở về trước. Ở Việt Nam chỉ còn sót lại một vài cái như thế. Đa số những cổng tam quan đời sau có cái dáng hoa hòe, lỏng khỏng của các cổng tam quan Trung Quốc.

Nghe bạn kể thế, ông Kha bèn góp chuyện là ông có quen một người Việt gốc Hoa trước có dạy chữ Hán ở đại học Văn khoa. Ông giảng sư

ấy có kể là ông có đọc được một tài liệu trong thư khố đại học Đài Bắc đề cập đến một nhân vật Việt Nam có tên là Nguyễn Án, chứ không phải Nguyễn An. Sau khi xây cất xong Tử Cấm Thành, vua nhà Minh đã hỏi ông Nguyễn Án muốn vua ban cho ân huệ gì, ông Án bèn xin vua cho phép được xây cất lại ải Nam Quan lúc ấy đang độ phế tàn; được như thế, ông sẽ được gần cố quốc hơn. Nhà vua cảm khái lòng nhớ nước thương nhà của Nguyễn Án nên đã chuẩn y lời thỉnh cầu, mặc cho Cao Ban, cháu năm đời của tay phong thủy Cao Biền, đã khuyên can, vì Cao Ban sợ ông Án sẽ nhân đó trấn yểm huyệt địa đầu, như thế cái mộng mở mang bờ cõi của thiên triều có cơ bị chặn đứng. Nhưng nhà vua lại là một người đã thấm nhuần cái triết lý lè phè tri túc tri chỉ, nên ông Án được rộng tay xây ải.

"Tôi thấy ải có vẻ hơi chúi về phía Việt Nam, kiểu người biệt xứ trông vời cố quốc!" - Ông Kha buột miệng.

Ông Đề giật mình.

Phải chăng nhà thơ hay có những cái nhìn không giống ai? Hoặc khi nhìn mông về vùng đất núi đồi choài về bên kia nước Việt, nên nhận ra ải có cái dáng nghiêng nghiêng như thế? Hoặc giả ải Nam Quan đang chùng xuống theo lòng ông? Mảnh linh hồn ông sao không chùng cho được khi sát bên kia biên giới là quê hương của người tình tuyệt vời. (Tuyệt vời đến nỗi ông đã thót cả bụng, khi cán bộ quản giáo báo cho biết ngày mai ông được về đoàn tụ với gia đình.)

Khi qua được nước ngoài, ông vẫn cứ tiếc là, sau khi về với vợ, ông đã không trở lại thăm nàng con gái người Tày đó được, vì giấy tờ bảo lãnh đã đâu vào đó; ông phải lên máy bay ngay tuần sau. Nhưng ông cũng đỡ áy náy chút đỉnh, vì sau khi nhận được giấy phóng thích, ông đã kiếm cách chạy ra lùm cây hẹn hò, bỏ lại chiếc búa như một lời từ biệt. Nàng có thể hiểu được một phần lý do của sự chia tay vội vã, nhưng nàng làm sao hiểu được cắc cớ của chuyến đi viễn xứ mù khơi của người tình chung.

Lòng ông Kha ray rứt, giòng thơ ông lai láng tình sầu:

Anh vẫn nghe lòng em đau thiếp
Trăn trở gã tù nhân đốn củi năm xưa
Và ở đây anh cũng thấy hạt mưa
Từ khoé mắt em
Chảy về cửa rừng chiều tím

"Ở đây" là ở Na Uy, và tuy đang ở trong một nước nơi cực bắc địa cầu, ông Kha vẫn thấy giòng nước mắt của người tình phương Nam vời vợi tím ngát màu chiều.

Và có lẽ ở đây, cạnh chiếc ải trông vời cố quốc này, giọt lệ trong thi ca của ông đã thực sự nhỏ xuống.

Thực ra nước mắt đã chảy giòng trong lòng ông từ lâu rồi. Khi qua được Na Uy, ông có viết thư ngay về nông trường nhưng chẳng nhận được thư trả lời; lúc có người bạn thân về Việt Nam ông cũng nhờ tìm, nhưng chỉ được biết là cô Chu Man ấy không còn ở nông trường nữa.

Biết đâu ông bạn ấy muốn cho ông Kha *yên bề gia thất* nên đã nói khéo như vậy. Hay nàng đã về lại quê lấy chồng, chăm sóc cha mẹ già?

Ông Kha đã có lúc nghĩ ngợi lan man như thế như bất cứ người tình già nào trên thế gian này.

Khi ông Nguyên Đề và ông Kha đi dạo phố Côn Minh, họ thấy ở đó có một vài cái cao lâu Việt Nam. Ông Kha rủ ông Đề vào làm một chầu. Vào đến bên trong, họ thấy một đám đàn ông đang đấu khẩu ồn ào bằng tiếng Việt. Nhìn cách ăn mặc, tóc tai biết ngay họ là du khách, và cộng với lối nói năng của họ, thì thấy bọn họ có lẽ là dân anh chị gốc Little Saigon. "Tụi nó qua đây vừa để hút thuốc phiện người Miêu bán, vừa chơi điếm; hai thứ.đó ở đây rẻ rề." Quả đúng như lời ông Đề, bàn đằng góc một tay đầu gấu, sau khi đưa nguyên chai Hennessy lên tu xong, la lớn:

"Đụ má, đêm qua, tao hên được mấy thằng Chệt dẫn vào một ổ điếm toàn các ả người Tày! Cái nàng sơn nữ của tao có cái hang Pác Pó thơm tho, hai trái đồi Các Mác nây nẫy. Đã hết sức! Mẹ, nhậu xong phải lạng lại câu đại bác thêm vài cú nữa trước khi chẩu về Mẽo!" Cả bọn cười hà hà.

"Nghe mà tức ói máu! Muốn dộng cho mấy cái vào mặt!" - Ông Kha bỗng giận sảng.

Chẳng lẽ ông lại muốn dạy cho cái đám trời đánh thánh đâm đó một bài học như cụ Đặng Tiểu Bình; hay là ông, một cựu tù nhân cải tạo, mà lại theo phe nón cối bênh *bác* Hồ!?

Oslo, 6. 2001

Chú thích: (theo thứ tự xuất hiện)

(*) Lơ xít: Bi hài kịch Le Cid của Pierre Corneille (1606 - 1684), Pháp. Trong vở này, chuyện tình giữa hai người yêu Don Rodrigues và tiểu thư Chimène vừa diễm lệ vừa cao thượng, như các cặp Roméo - Julitettà, Lục Vân Tiên - Kiều Nguyệt Nga. Đặc biệt qua các mẩu đối thoại.

(*) *Sáng nay...*: Thơ của Nguyễn Văn Thà

(*) *Và ở đây...*: Thơ của Nguyễn Văn Cường

THƯ TÌNH GỬI LỠ
CHUYẾN ĐÒ THỜI GIAN

NGUYỄN TUYỂN

Thu Hương,

Chẳng còn mấy ngày nữa là tới tết Nhâm Ngọ. Thêm một vòng quay nữa của quả đất quanh mặt trời, tôi với nàng sẽ chẵn sáu bó. Quí mùi trước của thế kỷ 20 gặp quí mùi sau đầu thế kỷ 21 trong cách tính thiên can thập nhị chi, sáu bó.

Thật bồi hồi và ngạc nhiên khi nhận được cú điện thoại viễn liên nàng hỏi thăm sức khỏe ở chỗ đang phải trả nợ áo cơm, giọng nàng trong và ngọt. Ấm cúng.

Có đến gần 40 năm mới được nghe lại giọng nói chim khuyên ấy. Tôi chỉ mơ hồ biết nàng sống ở miền Tây bắc, ra đường, mùa đông phải quấn chăn cho khỏi chết lạnh.

Lần sau cùng, nếu trí nhớ không phản bội, tôi gặp nàng trên sân trường Văn Khoa. Vành mắt nàng hoe đỏ kể lể một nỗi oan ức.

Trên cõi đời này, có mấy cậu học trò nhà quê thời những năm đầu thập niên 60 ở cõi Sài Gòn bình tĩnh ôm lấy cô bạn học, xoa tấm lưng thon vài vòng, vỗ bồm bộp ít cái theo kiểu Mỹ kèm theo ít câu đãi bôi ba phải: "Kệ thiên hạ, mình không phải thứ như vậy thì sợ gì ai! Cứ ngửng cao đầu mà sống."

Cậu bạn học nhà quê chiều nắng rực rỡ hôm đó chắc làm nàng thất vọng. Vụng về, lúng túng giữa đám đông.

Tại sao chiều hôm ấy lịch sử không diễn tiến như thế này:

Trong ánh nắng vàng rực rỡ, Hương chu mỏ nhắm mắt đợi một phát chạm điện. Quỷnh run run tiến sát cái sự chờ đợi lịch sử nhưng lại nghe trong lỗ tai nóng lùng bùng có tiếng gọi: "Quỷnh ơi, về coi em cho mẹ đi chợ. Thoắng cái là đi chơi mất thôi. Nhanh lêêêênnn." Quỷnh ba chân bốn cẳng bỏ chạy như bị ma đuổi. Hương đợi lâu quá, đoán điện có lẽ bị đứt cầu chì bất ngờ đâu đó nên mở mắt ra. Không thấy Quỷnh đâu cả. Nàng giậm chân thủng đất, lẩm bẩm khấn tiền nhân tiên tổ mấy câu rồi bỏ đi...

Rồi nàng đi theo tiếng gọi của trầu cau. Tôi bị cuốn hút trong thảm kịch chung của đất nước. Lên rừng xuống biển.

Mới đó mà đã ngót 40 năm. Ngày ngày, tôi đọc tờ báo từ sau ra trước. Xem trong những bản cáo phó phân ưu có tên ai quen thuộc không. Có. Gặp nhiều người quen và bạn bè.

Quay qua quay lại chúng ta đã gần sáu bó với những định mệnh khác nhau. Tôi không thấy thời

gian chồng chất như nhiều người. Tôi thấy thời gian có ở đằng trước và bị cắt cụt liên tục không ngừng nghỉ ở đằng sau, không giằng co xin xỏ điều đình gì được với ông tặc thiên. Và nó biến vào hư vô tuyệt đối.

Tôi không quen ông Mai Thảo. Một số bạn bè của tôi thân với ông, thỉnh thoảng ôm tới ông một chai cổ nhắc chén chú chén anh. Rất nhiều buổi sáng hoặc buổi chiều, lúc ông còn sống, tôi thấy ông chậm rãi bước chân trên phố Bolsa. Nhiều khi ông kẹp một chai rượu bọc trong một bao giấy. Nét mặt ông không giấu nổi những ưu tư nội tâm.

Có lần, tôi định ghé nhà ông hỏi thăm xem ông nghĩ gì về cái chết, về thời gian đi qua đời một con người như ông. Nhưng khi thấy ông cho xuất bản tập thơ "Ta thấy hình ta những miếu đền," tôi không tìm đến nhà ông nữa. Ông đã trả lời chung mọi người.

Một ngày, tôi thu xếp công việc phải làm cho xong trong buổi sáng. Buổi chiều, tôi chạy lên nhà Lê Đình Điểu, ngồi cùng Điểu suốt buổi trong căn phòng khách đơn giản với vài giò phong lan.

Tôi và Điểu chỉ nói với nhau có mấy câu ngắn gọn khi tội mới tới. Chúng tôi ngồi yên lặng gần hết chiều nhìn ra vạt nắng sau hè. Vạt nắng tàn dần. Tôi ra về. Điểu nói: "Vợ tôi sắp về, cậu ở lại ăn cơm với bọn tôi." Tôi lắc đầu lững thững bước ra xe khi không còn chút nắng nào trên sân cỏ. Vài tuần sau tôi cùng bạn bè tiễn chân Điểu vào phòng hỏa táng một buổi trưa nắng Cali thật trong thật đẹp.

Điểu có một đời sống giản dị mực thước từ thời còn trẻ cho tới những ngày cuối đời. Điểu không hút thuốc lá, không uống rượu, không hay la cà như hầu hết bạn bè trong đó có tôi. Thời còn những ngày đầu ghềnh cuối bãi, thuốc lá ngày một hai bao. Có nhiều hơn một lần chia rượu uống bằng nón sắt với nhiều người khác, gần những nơi còn vương mùi khói súng. Rượu nón sắt có khi là một món xà bần cả bia, rượu đế, Vĩnh Tồn Tâm Ông Già Bật Ngửa, Johnny Đi Bộ có gì đổ chung uống chung. Ngồi vòng tròn, đứa trước không uống bị đứa sau chửi. ĐM. Mày không uống ngay là tao bị mang tiếng không phải bạn rượu tử tế, không đáng để hầu rượu mày.

ĐM. Uống rượu giết thì giờ chớ có bị bắt uống nước đái đâu mà vội vã. Và còn nhiều thứ bừa bãi hơn nữa trong chuỗi ngày tháng các kẻ thanh niên không được tự chọn lấy tương lai. Đúng ra đám chúng tôi phải đi trước Điểu mới phải.

Cái đầu tôi thường bị vướng những ý nghĩ về ánh nắng và thời gian. Có khi mất ngủ. Trong những lúc đó, có hai người thỉnh thoảng quay lại trong trí tưởng. Một người không bận tâm về ngày tháng thời gian và một người thì ngược lại quá bận tâm về ngày tháng và thời gian. Người trước là Bùi Giáng và người sau là Từ Thức. Người trước thì nhiều ngày tôi gặp ở Sài Gòn khi tôi còn trẻ và ông là trung niên thi sĩ nói năng đảo điên điên đảo. Còn người sau là bằng hữu quí hóa của chung chúng ta đến từ huyền thoại.

Bùi Giáng làm thơ thật nhanh, thật khỏe. Xin ông một bài thơ, chữ viết ra liền với ý trên giấy. Không nghĩ ngợi cắn bút. Ý tưởng và nhịp điệu đặc biệt đến kinh hoàng. Trần Tuấn Kiệt cũng là người làm thơ thật nhanh hiếm có trên đời qua hơi rượu như tôi được biết. Thật ra, có mấy khi có ai không thấy Kiệt mặt đỏ vì rượu. Nhưng thơ Kiệt không thể đem ra bàn chung với thơ Bùi Giáng.

Hỏi tên, rằng biển xanh dâu
Hỏi quê, rằng mộng ban đầu đã xa;
Gọi tên, rằng một hai ba...
Đếm là diệu tưởng, đo là nghi tâm! (BG)

Heidegger chẻ sợi tóc thời gian ra làm trăm mảnh để luận bàn trong khi Bùi Giáng viết về tư tưởng Heidegger với cái đầu thi sĩ. Tôi không nghĩ cả hai gặp nhau ở chỗ bất bình thường. Heidegger lẩm bẩm nói với mình về những thắc mắc thời gian trong khi Bùi Giáng có khi nào lấy thời gian làm đề tài. Ông đánh mất thời gian. Ông sống ngoài thời gian. Mấy bác triết gia, trước hết và trên hết, có bác nào không lẩm bẩm nói với mình. Thời gian. Hiện sinh sinh hiện.

Giáng Hương chỉ là cái cớ để quan tri huyện Từ Thức từ nhiệm mà đi tìm ý nghĩa của thời gian.

Sao Từ Thức bỏ Giáng Hương, bỏ động Phù Lai về trần thế? Những thắc mắc về thời gian đã không có câu trả lời. Đất Tống Sơn tỉnh Thanh Hóa 60 năm sau của một năm mặn nồng ân ái trên tiên cảnh đã thay đổi hoàn toàn. Câu trả lời của đứa cháu đời thứ ba khiến Từ Thức thất vọng bỏ lên núi Hoành Sơn và biệt tích từ đó khi đã là năm thứ năm hiệu Duyên Minh đời vua thứ ba nhà Lê.

Khi chàng cởi áo gấm đền nhà chùa (phải chăng người kể chuyện lấy bối cảnh chùa Dâu tỉnh Bắc Ninh đã có từ ngàn năm nay, nơi Từ Thức làm tri huyện?) cho nhành mẫu đơn bị Giáng

Hương lỡ tay làm gẫy, lúc đó mới năm Quang Thái triều đại nhà Trần. Chẳng lẽ tiên cô không biết búng tay làm một chút phép mọn?

Khi nàng bẽn lẽn bưng khay trầu mời quan viên hai họ, tôi không nhớ ngày nào tháng nào. Nhưng khoảng năm này, có một ngày tôi ăn cháo cóc ở trong Đồng Tháp Mười.

Tại cái ốc đảo gần biên giới Miên Việt bốn phía nước vây quanh, người ta bán cóc từng xâu. Cóc bán trăm, không bán chục. Con cóc da xù xì gớm ghiếc, làm các cô gái thành thị như Thu Hương hãi hùng nếu có người dọa, được xâu bằng những sợi giây kẽm bán ở chợ. Gọi là chợ, thật ra chỉ là chỗ tụ tập bán hàng thường xuyên của một vài người. Không ăn cóc, ăn chuột, chỗ hẻo lánh cách biệt nghèo khổ này kiếm gà kiếm vịt cũng khó dù có tiền.

Cóc xào lăn. Cóc xào xả ớt. Cháo cóc. Cháo cóc ngon lắm ạ.

Cóc lột da, bỏ lòng bỏ đầu xào với gia vị, với cà ri cho thơm rồi cho vào bát cháo nóng. "Đói bụng, cháo cóc ngon hết ý". Người đãi tôi bữa cháo cóc nói.

Gần chục năm sau, tôi lại có dịp vào lại đúng chỗ này và được ăn lại món cháo cóc từ một người khác. Bây giờ, chỗ đó còn không, người ta còn ăn cháo cóc trong Đồng Tháp Mười hay không, tôi không biết. Mới đó, đã 30 năm.

Đọc trên báo, tôi thấy hàng năm tỉnh Đồng Tháp có ít ra ba bốn chục ngàn người thiếu đói thường xuyên. Dân ở đây nghèo lắm, cơm không đủ ăn, áo không đủ mặc. Rất nhiều gia đình phải đi làm thuê làm mướn quanh năm cho người khác để có miếng ăn. Hai năm qua, nước sông Cửu Long làm ngập lụt các tỉnh Hậu giang, trong đó có tỉnh Đồng Tháp bị nặng nhất. Lụt từ khoảng tháng 8 đến gần hết năm mới rút. Một phần lớn dân tỉnh Đồng Tháp mất nhà mất cửa chạy dạt lên vài con đê cao. Số người đói tăng lên nhiều hơn nữa. Mỗi khi đọc các tin tức như vậy, tôi lại nhớ đến những người tôi đã gặp mấy chục năm trước và những bữa cháo cóc. Và bùi ngùi cộng chung với phẫn nộ.

NGÔ TỊNH YÊN

CÓ HỀ CHI!

Có hề chi một chiếc lá rơi...
thiếu một chiếc mùa thu vẫn đẹp
người ta gặp gỡ - chia phôi
không lưu luyến, chẳng hề hối tiếc

Có hề chi một cánh hoa rơi...
thiếu một cánh mùa xuân vẫn thắm
người ta vẫn cứ sống, cứ vui
như chẳng có gì quan trọng lắm

Có hề chi! một ánh sao băng...
thiếu một ánh trời đêm vẫn sáng
người ta vẫn đứng dưới mặt trời
hạ vẫn chan hòa muôn tia nắng

Có hề chi! một người ra đi...
thiếu một người cuộc đời vẫn thế!
sao kỷ niệm êm đềm năm tháng cũ
Tim ta những sớm đông về? vẫn buốt.

Seattle vẫn còn lạnh tê tái nhưng chỗ tôi ở, trong vườn, thủy tiên, daffodil đã nở đầy. Nhụy vàng cánh hoa trắng muốt. Từng khóm. Từng khóm. Thân thủy tiên, daffodil xanh đậm nhỏ bé nhưng vươn thẳng đứng ngạo nghễ bên những tảng đá.

Trời Cali trong xanh trong nắng ấm. Tôi hình dung ra nụ cười đẹp rực rỡ của cô bạn học cùng trường. Suối tóc óng ả đó có người mải mê ve vuốt. Giếng mắt thủy tinh kia có người vui vẻ chết đuối.

Thời gian và không gian quyện vào nhau làm một hay là hai ở vô cực, tôi nghĩ chỉ có Bùi Giáng là người tốt số. Từ Thức và tôi là hai tên dở hơi thấy mình bất hạnh. Lục lọi lại gia phả, thấy ông tổ nhiều đời nhà tôi luân lạc tha hương, đổi họ Từ sang họ Nguyễn./.

MÁI CHÙA

HOÀNG KHỞI PHONG

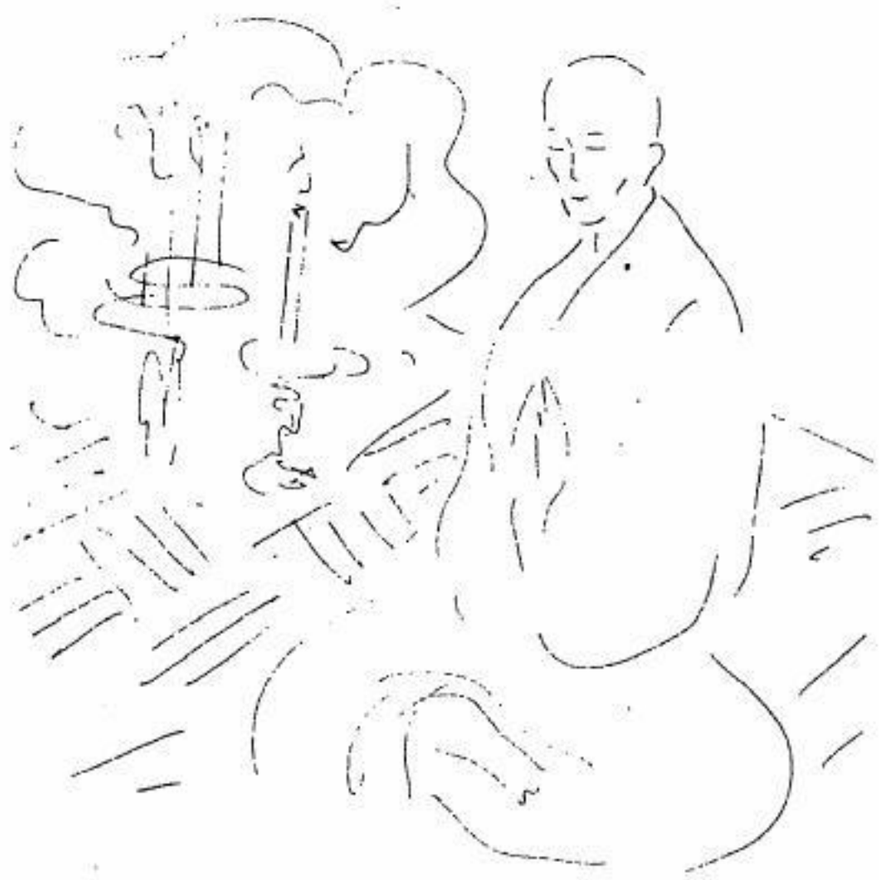

Sau đây là một trích đoạn từ quyển thứ hai của bộ tiểu thuyết lịch sử ***Người Trăm Năm Cũ*** *gồm sáu cuốn của Hoàng Khởi Phong.*

Quyển Một (xuất bản năm 1994) và Hai (2002) nói về cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế, được tác giả coi như đại diện cuối cùng của lớp sĩ phu Nho học đối kháng. Quyển Ba và Bốn (sẽ xuất bản) đề cập đến các vận động giành độc lập của lớp Tây học. Hai quyển cuối (Năm và Sáu, sẽ xuất bản) tái hiện lịch sử từ 1963 đến hiện tại.

Tựa đề của trích đoạn này do tòa báo đặt.

Đến ngày giờ hẹn, Đề Thám và Cả Trọng cải trang như những người dân buôn bán tại mạn ngược, đường đường chính chính đi ngay trên đường cái. Cả hai cha con cắm cúi đi, chỉ khi nào nhìn thấy đồn Tây thấp thoáng xa xa, mới phải rẽ vào những con đường mòn trong rừng, vòng qua những địa điểm nguy hiểm.

Đến sông Thương thì trời đã về chiều, hai cha con ông Đề trà trộn với những người đi buôn lên một chiếc đò dọc đi xuôi về hướng hạ lưu sông Thương. Tới bến hai cha con trả tiền cho người lái đò xong lên bờ, đi tắt một thôi đường rừng để tới được sông Soi, một con sông nhỏ quanh co giữa vùng rừng núi, chẩy ngang qua địa phận Phồn Xương.

Ở đây nghĩa quân Yên Thế vẫn thường cất dấu những chiếc thuyền nan, đan bằng cật tre, tráng bằng một loại nhựa sung, nhựa cậy xong phết vài lần sơn ta, để nước sông không rỉ được vào trong khoang thuyền.

Lúc bấy giờ bên này sông Thương, đồn bót của quân Pháp dựng lên như nấm. Lính Tây, lính Ta đi lại rầm rập trên đường. Hai cha con ông Đề ngồi thuyền vừa tránh được phải đi đường bộ dễ lộ hình tích, mà lại còn rút gọn được một thôi đường.

Trong nắng chiều, Cả Trọng nhìn thấy cảnh đìu hiu hai bờ sông, thấp thoáng ẩn hiện một vài mái nhà. Ngày Tết mới qua chưa được bao lâu, vẫn còn dấu vết của những cây nêu chưa kịp hạ. Cả Trọng dùng sào đẩy con thuyền men theo bờ tả ngạn, anh nhìn thấy thấp thoáng trong rừng thưa, thỉnh thoảng nhô lên vài cội hoa đào khoe sắc thắm trong nắng chiều.

Những làn khói lam bốc lên từ những mái tranh

nghèo nàn, đã khiến cho Cả Trọng nhớ tới vợ con. Vợ con anh giờ này chắc hẳn là đang sửa soạn ăn cơm chiều, và trong bóng tối của một căn nhà miền quê ở Từ Sơn, chắc hẳn Huệ cũng có lúc buông đũa tưởng nhớ tới anh.

Không biết giờ này vợ con anh đang làm gì? So với Cai Sơn, Đội Hổ và Cai Cụng, trong bốn người cùng làm rể Bắc Ninh, vợ chồng Cả Trọng mắn con nhất. Hai vợ chồng lấy nhau đã được gần mười năm, Huệ mỗi năm một lần sinh. Bẩy lần sinh bỏ mất hai đứa chết dại, nên giờ đây Huệ chưa đầy ba chục mà dưới nách một đàn con ba trai hai gái.

Cả Trọng đang miên man nghĩ ngợi gần xa, thì một tiếng súng đơn lẻ vọng lên từ phía cuối sông, đã khiến cho Cả Trọng lơi nhịp chống con thuyền xuôi xuống dưới dòng. Anh khẽ lách cho con đò cập gần bờ, trong lúc chờ quyết định của Đề Thám:

-Thưa cha, mình đi tiếp hay là kiếm chỗ nào cây cối um tùm, nghỉ một lúc rồi hãy đi.

-Đêm nay trăng mồng chín phải không? Vừa đủ sáng cho cha con mình nhận biết đường đi. Con chống lại khúc ngã ba sông phía trước mặt, cha con ta làm một miếng cơm nắm cho chắc bụng rồi hãy đi.

-Không hiểu tại sao con thấy nóng ruột quá?

-Chắc là từ sáng tời giờ mày không ăn uống gì cả, nên xót bụng chứ gì?

-Không phải, thỉnh thoảng con vẫn uống nước sông. Mà lạ thật, từ trước tới nay con chưa bao giờ bị nóng ruột như thế này.

-Mày lại thần hồn nát thần tính chứ gì?

-Cha này, hay là mình...

-Hay là cái gì? Hôm nay tao thấy mày làm sao ấy?

Cả Trọng tặc lưỡi, chống cây sào xuống nước, đẩy con thuyền nhỏ tiến vào trong một khóm lau rậm rạp mọc lấn xuống dòng nước.

Chỗ hai cha con Đề Thám neo thuyền, dòng sông lượn như một cánh cung. Hoàng hôn chiếu xuống mặt nước những đám mây vàng mầu mỡ gà. Từ trong những khóm lau sậy này, cóc, nhái, ễnh ương cùng những loài côn trùng khác bắt đầu tấu khúc nhạc chiều.

Cắm con sào áp lại mạn thuyền giữa đám lau sậy xong, Cả Trọng ngồi thụp xuống, vục nước sông lên rửa mặt. Nước sông trong buổi cuối đông ấm hơn bầu không khí trên mặt nước. Rửa tay xong, Cả Trọng lui cui mở bọc hành lý, mang ra một gói xôi lạc, một gói cơm nắm đã được cắt sẵn bằng một sợi chỉ, cùng một gói muối vừng bọc trong một miếng lá chuối khô.

Ông Đề ngồi ở mũi thuyền khỏa tay xuống dòng nước rửa tay. Cả Trọng cất tiếng mời:

-Cha ăn tạm một miếng xôi cho đỡ đói.

-Cứ ăn trước đi, tao còn hút điếu thuốc.

Cả Trọng không cảm thấy đói, trái lại bụng anh tức anh ách, mà lại ngang ngang. Anh vẫn cảm thấy có một điều gì bất ổn đang rình rập đâu đây trong chuyến đi này. Suốt đời Cả Trọng chưa bao giờ sợ chết, chưa bao giờ nghĩ tới cái chết. Ngay từ khi mới lớn lên, cho tới khi thành trai tráng, Cả Trọng đã cầm cây giáo, đã đeo dao nhọn bên hông, theo cha như bóng với hình. Anh đã từng xông pha nơi mũi tên hòn đạn, đã cùng cha xung trận hàng trăm lần, đã biết thế nào là cái chết, do đó anh không bao giờ nghĩ tới cái chết, bởi vì cái chết lúc nào cũng lảng vảng trong đời sống Cả Trọng.

Chiều nay nơi bờ sông vắng, trong lau sậy đìu hiu, trong nắng chiều bảng lảng, lòng tưởng nhớ vợ con đã khiến Cả Trọng thấy bâng khuâng trong dạ.

Ông Đề đã tỉnh cơn say thuốc lào, quay lại thấy Cả Trọng còn ngồi tư lự nhìn ra chân trời vội giục:

-Cái thằng này sao không ăn đi, còn chờ đợi phép tắc làm gì? Chèo với chống cả nửa ngày trời rồi còn gì nữa?

-Con không thấy đói, cứ ngang ngang dạ làm sao ấy.

Tự nhiên ông Đề nhìn vào mặt Cả Trọng, và nhận thấy một quầng tối, ám nơi đôi mắt Cả Trọng. Cái tối ám không phải vì bóng chiều đang ập xuống, mà là cái tối ám do sắc diện, vận số nơi mỗi con người. Tự nhiên lòng thương con cháu dạt dào ập đến. Ông Đề dịu dàng nói với Cả Trọng, cách nói từ ái này hiếm thấy nơi ông Đề:

-Ăn một miếng đi Cả, ăn xong cha con mình nghỉ một lát chờ trăng mọc rồi cha con mình đi cũng vừa. Còn xa lắm không Cả?

-Thưa cha, qua khúc sông này mình sẽ lên bờ. Từ đó chỉ còn một thôi đường ngắn nữa là tới địa phận Phồn Xương.

-Nếu thế thì đợi khuya hãy lên bờ Cả ạ. Cha cũng nóng ruột làm sao ấy.

Hai cha con cắm cúi ăn. Gió thổi luồn qua những khóm lau tạo thành những âm thanh xào xạc. Bóng chiều mỗi lúc một nhạt nhòa, đã có vài vì sao hôm lấp lánh trên bầu trời. Một vài cánh cò trắng phau lờ lững trao đi trong gió. Thấp

thoáng đằng sau những khóm lau, một con đê thấp nổi bật lên trên mặt bãi cát bên kia sông. Đằng sau con đê này, những lũy tre của một ngôi làng nào đó nghiêng ngả trong gió chiều.

*

Giữa đêm lính Tây, lính Ta ập vào chùa. Sư cụ đang lóng ngóng mở cái then cài, thì mấy người lính đã đá vào cánh cổng tam quan của chùa rầm rầm.

Qua khe hở giữa hai cánh cổng, sư cụ nhìn thấy lố nhố cả chục người lính, đa phần là Tây cao lớn, vạm vỡ. Những cái mũi lõ gồ hẳn lên trên khuôn mặt, nổi bật dưới ánh trăng. Nhà sư già tuy mắt kém, nhưng cũng thấy ngoài những người lính đang đứng xúm xít trước cổng tam quan, còn có cả mấy chục người lính khác đang bổ vây chung quanh chùa.

Sư cụ đã đi tu từ ngày còn nhỏ, trải qua gần suốt một đời người nghe kinh, đọc kệ, đã thấm nhuần Phật pháp, đã hiểu rõ lẽ sinh tử của mỗi con người, nên không có gì là sợ hãi, hấp tấp trước những cú đá rầm rầm vào hai cánh cổng.

Cái chốt cổng vừa được đẩy qua một bên, nhà sư chưa kịp mở cánh cổng, thì một người lính Tây đen xì như đít nồi gang đã xô cánh cổng đập vào mặt nhà sư, khiến cho sư loạng choạng muốn ngã xuống đất. Những người lính đi đầu túa vào, gạt sư cụ ra một bên. Hàng chục người lính xông vào xục xạo trong chùa.

Một người Pháp oai vệ chắp tay đằng sau đít đứng ngay dưới cổng tam quan, nhìn sư cụ từ đầu tới chân, rồi lại từ chân lên tới đầu. Sư cụ nghĩ thầm, người này chắc là tên cầm đầu. Nếu y hỏi bằng tiếng Tây thì mình biết đằng nào mà trả lời bây giờ.

Người đứng chắp tay sau đít, đi đi lại lại trước sân chùa chính là Đại Uý Pagès, hiện đang chỉ huy đồn Nhã Nam. Mới cách đây vài giờ đồng hồ, tên Thân người nhà Lê Hoan làm nội ứng trà trộn trong nghĩa quân Yên Thế, không biết nghe tin từ đâu đã báo cho Đại Úy Pagès biết, đêm qua hai cha con Đề Thám, Cả Trọng, đã hẹn gặp hai anh em Cả Tuyển, Cai Sơn tại chùa này.

Tên Thân sợ bị lộ dạng, nên không đi theo cuộc hành quân lục soát chùa, chỉ có một người thông ngôn cùng với vài viên lãnh binh Việt Nam dẫn thân binh đi theo, và đang bủa vây bốn mặt chùa. Đại Úy Pagès quay lại vẫy người thông ngôn lại gần. Pagès hất hàm nói, bằng một giọng trịch thượng, viên thông ngôn dịch lại nhanh như máy:

-Bọn mấy thằng Đề Thám còn trong chùa không?

Nhà sư già nhìn thẳng vào mặt Đại Úy Pagès trong khi trả lời, người thông ngôn dịch sang tiếng Pháp:

-Không, ông Đề với vài người thuộc hạ đã đi từ sáng nay.

-Tại sao mày dám chứa chấp quân phản loạn?

-Nhà chùa mở cửa cho mọi người tới lễ Phật.

Người thông ngôn nghếch cặp mắt lên nhìn sư cụ, trước khi dịch câu nói của sư cụ, gã thông ngôn chỉnh lại:

-Sao ông trả lời với quan lớn bằng giọng xách mé như thế. Phải thưa Cụ Quan Ba cho có lễ độ.

Sư cụ quay lại từ tốn nói với người thông ngôn:

-Ông quan Tây này còn trẻ, bắt người già cả gọi bằng cụ không sợ tổn thọ hay sao?

-Chả tổn thọ thì đừng, người Tây tài như giời sợ gì tổn thọ.

Gã thông ngôn quay lại dịch cho Đại úy Pagès biết là Đề Thám và Cả Tuyển đã rời khỏi chùa từ buổi trưa. Pagès nhắc lại câu hỏi:

-Tại sao chùa dám chứa bọn phản loạn?

-Tôi có muốn không cho ông Đề vào cũng không được nào. Ông Đề cũng có súng, có quân trong tay. Chùa chỉ có hai thầy trò lo tụng kinh niệm Phật, có muốn cản người có vũ lực vào chùa cũng không được.

-Tại sao cho thằng Đề Thám ngủ lại trong chùa?

-Tôi đã thưa với Quan Lớn là ông Đề cũng có súng trong tay, đã vào chùa rồi thì ai mà cản được.

Đại Uý Pagès quay lại người thông ngôn hỏi:

-Chùa này có bao nhiêu sư?

Gã thông ngôn hỏi lại sư cụ:

-Chùa ta có bao nhiêu sư bác trụ trì?

-Chỉ có tôi và sư Tâm mà thôi.

-Nếu như Quan Lớn mà tìm được một tên giặc Yên Thế nào thì sư cụ tính sao?

-Tôi đã nói với Quan Lớn là Đề Thám có vào đây chiều qua, ngủ lại một đêm sáng ra đã đi mất rồi.

-Bọn chúng có mấy người cả thẩy?

-Tôi già cả lại là người tu hành, thấy bất cứ quân lính của ai cũng sợ, thành thử tôi không dám ra khỏi buồng, nên không biết họ có mấy người.

-Mày nói láo, bọn chúng hẹn gặp nhau ở đây, nói chuyện cả một đêm thì mày phải biết có mấy người chứ?

-Tôi thấy lố nhố năm bẩy người.

-Có những ai mày biết mặt?

-Có ông Đề Thám, ông Cả Tuyển là hai người tôi biết mặt vì trước đây hai người này thỉnh thoảng có lên chùa.

-Có thằng nhà buôn Sự không?

-Nhà buôn Sự nào nhỉ, tôi không biết.

-Mày đừng có giả vờ, khôn hồn thì khai ra. Tao mà tóm được một thằng nào ở đây thì tao đốt chùa, mà mày thì đi tù Côn Đảo.

Nhà sư già chợt cao giọng, nhìn thẳng vào mặt Đại Uý Pagès:

-Nhà chùa có tội tình gì đâu mà Quan Lớn muốn đốt chùa.

Người thông ngôn nhắc khéo sư cụ:

-Sư cụ ơi, Quan Lớn nói cái gì cũng đừng có đối lời mà hối bất cập đó.

Đại Uý Pagès lững thững đi vào trong chùa. Nơi chánh điện pho tượng Phật cao hơn đầu người, tạc bằng gỗ sơn son thiếp vàng để trên bệ thờ, đã bị lính Tây khiêng vất qua một bên, để xem bên dưới bệ thờ có đường hầm hay không.

Lính Tây, lính Ta xục xạo mọi xó xỉnh, chân đèn, lư hương, chuông, mõ, kinh kệ vất vương vãi khắp mọi nơi. Hoa quả, oản chuối để trên bàn thờ bị lính mang xuống ngoạm dở dang, rồi bỏ lại. Đại Úy Pagès quay lại hỏi sư cụ:

-Chùa này còn một thằng sư trẻ nữa đâu rồi?

-Thưa Quan lớn, trưa nay sau khi mấy người của ông Đề bỏ đi, sư Tâm sợ quá đã xin phép tôi về nhà vài ngày.

-Trước khi đi, tao biết là bọn Đề Thám còn ở đây. Thằng sư trẻ dẫn bọn Đề Thám đi trốn phải không?

-Quan Lớn không tin xin cứ rỡ cả mái chùa, moi cả nền đất lên mà tìm.

Người thông ngôn nghe thấy vậy lại nhìn vào mắt sư cụ nhắc chừng:

-Sư cụ đã già chưa sao mà lú lẫn quá thể vậy. Nhẹ không ưa lại muốn

NGUYỄN TƯỜNG GIANG

LA DERNIÈRE ROSE DE L'ÉTÉ

Tặng Nguyễn Mạnh Tường

Buổi sáng đã có người mặc áo len
ngồi trong phòng đợi - khách sạn M. ở Hà Nội
mặt bàn vuông
một chiếc bánh lưỡi liềm óng mật
ly cà-phê đen bốc khói
đóa hoa hồng đỏ như một đốm lửa
kỷ niệm vang đầy trong nắng
một ngày hè rất muộn
bâng khuâng

Người đàn bà ngồi trong chiếc ghế bành
nệm nhung đỏ
hai bàn tay xếp dịu dàng trên áo lụa
mượt mà
một chút phấn hồng trên má
một chút son trên môi
đường lông mày kẻ chì rất đậm
và đôi mắt mơ hồ nhìn vào đĩ vãng
Tưởng có hương thơm của phấn
hương thơm của thịt da
hương thơm của đôi ta
ngọt ngào trên đầu lưỡi...

Một ngày rất xa, tôi đã hôn em
Một ngày rất xa
em
đã
xa tôi.

15-11-01

ưa nặng phải không? Sư cụ không cần thách, nếu cần Quan Lớn sẽ cho người rỡ mái chùa, đào móng tường lên xem bọn Đề Thám có trốn chui dưới đó hay không?

Đại Úy Pagès hỏi người thông ngôn coi xem sư cụ nói cái gì. Gã thông ngôn sau khi dịch xong, đứng nhích qua một bên chờ trận lôi đình của Đại Uý Pagès ập xuống. Nhưng Đại Uý Pagès chỉ nhìn sư cụ chằm chặp từ đầu xuống chân, rồi lại từ chân lên đầu. Chặp sau Pagès nói với gã thông ngôn:

-Dịch cho nó biết là tao không rỡ mái chùa, nhưng tao sẽ cho quân đóng lại tại đây vài ngày.

*

Ngôi chùa này được xây cất vào cuối triều Lê, trước khi họ Trịnh bị nhà Tây Sơn diệt, đến nay đã được trăm năm có lẻ.

Chùa được xây trong những năm có nhiều binh biến, giặc giã nên khi cất chùa vị sư trụ trì đầu tiên, đã cho làm một chỗ ẩn bí mật ngay sau hậu liêu của chùa. Chỗ ẩn bí mật này thường chỉ có các sư trụ trì biết, bằng cách truyền miệng từ đời nọ sang đời kia. Chính sư cụ trụ trì hiện thời, cũng chỉ được biết chỗ trú ẩn này, trước khi vị sư tổ đời trước viên tịch một thời gian ngắn, và cũng chưa hề đặt chân sang chỗ trú ẩn này một lần nào.

Khi quân Pháp bất ngờ ập đến, sư cụ dẫn mọi người kể cả sư Tâm vào trong phòng trú ẩn. Gọi là căn phòng thì không đúng, thật ra nó chỉ là một bức tường kép, độn giữa hai căn phòng. Quân Pháp khi xô pho tượng Phật qua một bên để kiếm đường hầm dưới chân tượng, đã không chú ý đến một cái vòm thông lên mái nhà, để lấy không khí và ánh sáng ngay trên đầu tượng Phật. Cha con ông Đề và anh em Cả Tuyển được sư Tâm dẫn thoát qua ngả này.

Đêm qua quân Pháp đến chùa đã quá nửa đêm, sau khi cho quân lục soát qua loa, Đại Úy Pagès cho lính dọn sạch cái bàn nơi trai phòng để làm chỗ ngủ. Chính trai phòng này, hơn một tháng trước khi quân Pháp đại tấn công vào Phồn Xương và Hữu Nhuế, vợ con ông Đề, vợ con Cai Sơn và Xuyến đã từng trốn tránh nơi trai phòng này.

*

Trời đất còn mờ mờ ảm đạm, những đám sương muối mùa đông còn bao phủ trên những thảm hoa lau, sư cụ đã thức dậy. Suốt đêm qua sư cụ chỉ chập chờn, mắt nhắm mắt mở. Cứ nghĩ tới pho tượng Phật trên chánh điện bị lật đổ, là sư cụ lại một phen căm hận quân cướp nước. Đã tu suốt một đời người, tới hôm nay sư cụ mới biết giữ cho được cái tâm phẳng lặng của một vị cao tăng đắc đạo, không phải là một điều dễ dàng. Bọn giặc muốn hành hạ sư cụ như thế nào sư cụ cũng cam chịu, nhưng xúc phạm tới pho tượng kim thân của Đức Phật thì không thể được.

Đêm qua trong lúc quân Pháp ập vào chùa, sư cụ biết rằng chùa sẽ gặp một cơn kiếp nạn. Sư cụ ngẫm lại thái độ của mình, cùng những lời đối đáp với viên quan Pháp, cũng như thái độ của tên thông ngôn. Sư cụ nhủ thầm trong bụng, mình không nên găng quá. Bọn chúng có thể đốt chùa như chơi.

Đêm qua trong lúc đối đáp với viên chỉ huy người Pháp, đã có nhiều lúc sư cụ thấy gan mình như sôi lên, mà xem chừng như tên thông ngôn này cũng không phải là quân vô lại. Thỉnh thoảng tên thông ngôn còn nhắc khéo sư cụ, đừng chọc giận quan Tây.

Sư cụ nghĩ thầm không nên găng quá. Chúng mà đốt chùa, thì người có lỗi đầu tiên chính là sư cụ. Phải nhũn hơn nữa để giữ cho ngôi chùa hơn trăm năm này không bị hỏa thiêu. Chúng đến đây chỉ cần có cớ để đốt chùa, nhưng sư cụ thì có bổn phận giữ cho kỳ được ngôi chùa. Nhũn nhưng không được khiếp nhược. Cái giống cướp nước thời nào cũng vậy, càng khiếp nhược chúng càng tác oai tác quái.

Tiếng gà rừng vọng từ một cõi mơ hồ nào đó vẳng tới tai sư cụ. Nếu không có quân Pháp đột nhập vào chùa đêm qua, thì giờ này hai thầy trò sư cụ đang tụng một thời kinh. Nghĩ đến việc tụng kinh, sư cụ ngồi nhỏm dậy thắp một nén hương trầm, cắm vào bình hương trên vách. Mùi hương trầm buổi sáng giúp cho sư cụ tỉnh táo hơn.

Mùi hương trầm xông ra trai phòng, đánh thức Đại úy Pagès. Viên chỉ huy người Pháp nằm nướng lại trên chiếc bàn tại trai phòng, tận hưởng mùi trầm hương tinh khiết trong buổi sáng mai. Đêm qua trước khi đi vào giấc ngủ, Đại Úy Pagès đã định bụng sáng nay phải moi móc mọi xó xỉnh của ngôi chùa này.

Tên chỉ điểm của Lê Hoan đã cho biết, buổi chiều trước khi nó lên đồn báo cáo, bọn Đề Thám còn trong chùa. Thế mà thằng sư già này lại nói bọn Đề Thám ra đi từ buổi sáng. Chỉ một câu trả lời đó đã cho thấy thằng sư già này khai dối.

Đại Úy Pagès còn đang lơ mơ, thì một tiếng chuông từ chánh điện vẳng sang trai phòng. Tiếng chuông ngân chưa kịp tắt, tiếng kinh cùng tiếng

mõ đã tiếp theo. Pagès bật dậy xỏ chân vào đôi giầy đinh, bước sang chánh điện.

Dưới ánh sáng của hai cây bạch lạp trên bệ thờ, Đại Úy Pagès nhìn thấy pho tượng Phật đổ nằm ngang trên mặt bệ, nhà sư ngồi theo thế kiết già dưới đất, mắt thành kính ngước nhìn lên. Một tay lần tràng hạt, một tay cầm dùi, thỉnh thoảng gõ vào cái chuông nhỏ trước mặt.

Đại Úy Pagès tò mò muốn coi cho hết một buổi cầu kinh của một tôn giáo khác. Pagès tiến lại gần, ngồi tựa lưng vào một cái cột gỗ tròn, đối diện với nhà sư. Sư cụ thản nhiên như không nhìn thấy Đại úy Pagès hiện diện trong chánh điện. Đôi mắt thành kính của sư cụ chiếu thẳng vào pho tượng Phật đổ nằm ngang trên bệ thờ.

Đột nhiên Đại Úy Pagès bước lại bệ thờ, nhẩy phốc lên ngồi chắn ngang pho tượng. Sư cụ vẫn tiếp tục tụng cho hết một thời kinh. Lúc đó trời đã bắt đầu rạng, tiếng chân người đi lại ngoài sân chùa vọng vào trong chánh điện. Tên thông ngôn đã có mặt trong đám lính Tây, lính Ta đứng lố nhố thập thò ngoài cửa chánh điện.

Mấy chục con mắt đổ dồn vào chánh điện, khi sư cụ tụng kinh xong, cúi rạp mình xuống đất đảnh lễ đức Phật. Nhưng trước mắt những người lính Tây và Ta, thì sư cụ đang lạy cụ quan ba Pagès, đang ngồi vắt vẻo trên bệ thờ.

Vài người lính khố xanh, thân binh người Việt quay đi, có người muốn ứa lệ. Lạy xong sư cụ tiến đến bệ thờ thắp hương, thì Đại úy Pagès ngoắc viên thông ngôn lại, hất hàm nói:

-Mày nói cho thằng sư già này biết hôm nay tao sẽ khám chùa.

Sư cụ vẫn tiếp tục cắm nén hương vào bát xong, quay lại từ tốn nói với tên thông ngôn:

-Nhờ ông dịch hộ tôi là bọn Đề Thám và Cả Tuyển đã rời chùa từ hôm qua, xin mời quan lớn cứ cho lệnh khám.

Đại Úy Pagès không chờ người thông ngôn dịch xong câu nói của sư cụ, bước ra ngoài sân. Hai trung đội lính đã tập họp sẵn trong ánh sáng ban mai chờ lệnh. Sau một cái lệnh ngắn ngủi, kèm theo một cái hất hàm của Đại Úy Pagès, những người lính túa ra từ sân chùa.

Một trung đội lục soát ngoài hàng rào, do một giám binh người Pháp chỉ huy. Trung đội còn lại chia làm hai toán, một toán lục soát trong chùa, và một toán lục soát ngoài sân chùa.

Ngoài hàng rào và trong sân chùa, những người lính Pháp gắn lưỡi lê lên đầu mũi súng. Những cái lưỡi lê dài cả hai gang tay, trũng ở giữa để sau khi đâm ngập vào thân thể kẻ địch, khi rút ra vết thương tự khép lại và không chẩy máu. Những cái lưỡi lê đen và dài như một cái dùi nhọn, được quân Pháp xỉa vào hai đống rơm sau chùa, xăm trên những lớp đất mới phủ trên những luống rau.

Một người lính Ta sốt sắng tìm kiếm, vén quần lên tới tận bẹn, nhẩy ùm vào một cái bể nước mưa sau chùa. Bể nước mưa có xây một cái vòm che, khiến cho người lính này không nhìn thấy rõ phía trong cùng của bể nước.

Những cây phong lan sư cụ treo rải rác trong sân chùa bị đập tan hoang trên mặt đất. Những bụi chuối bị phạt gẫy gập, nhựa ứa ra một mùi hăng hắc. Lính Ta xục cả vào trong chuồng xí, quần nát những luống rau cải còn non, nhổ bật những dây khoai chưa có củ.

Hai con chó vá của chùa quen thói đánh hơi những người dân quê tới lễ chùa, lân la lại gần đám người lạ mặt, bị một tên lính da đen kịt như đít chảo gang, đá giầy đinh vào mạng mỡ. Con chó văng ra xa cả thước, kêu ăng ẳng. Sau cú đá như trời giáng, hai con chó cụp đuôi chạy một mạch vào núp trong gầm phản rên ư ử.

Bên trong chùa, những người lính Tây và Ta xục xạo không chừa một xó xỉnh nào. Hai con chó vá mới bị một trận đòn đau ngoài sân, chạy vào núp trong gầm phản chưa kịp hoàn hồn, thì đã bị một cái gậy tre, thọc ngay vào bụng, khiến cho chúng hộc lên chạy vội ra ngoài, và kỳ này thì chạy thẳng ra khỏi cổng chùa, không dám ngoái cổ lại.

Cả một khu vườn sau chùa bị hơn một chục người lính xăm xoi, đào bới. Những dàn mướp, chen kẽ với dàn bầu, bị giật xập. Trước đó, những trái mướp còn non, những trái bầu chưa định hình còn xanh mầu ngọc thạch, đã bị vặt xuống, bổ đôi. Làm như bọn Đề Thám, Cả Tuyển có phép thu mình lại chui vào trong những quả mướp, quả bầu bé bằng nắm đấm.

Một cây mít trĩu quả, từ dưới gốc lên tới những cành cao chót vót trên ngọn cây, bị vài người lính Ta leo lên, hái xuống vất đầy mặt đất. Nhựa mít mầu trắng đục như sữa còn đang ứa ra nơi miệng các vết thương.

Từ lúc lính lục soát, sư cụ ngồi lim dim bất động trong chánh điện, trước bệ thờ. Viên thông ngôn lúc nào cũng bám sát theo Đại Uý Pagès, anh ta chỉ sợ cách ngồi kiết già, nhắm mắt lại của sư cụ khiến cho Đại Uý Pagès ngứa mắt, nổi trận lôi đình.

Những người lính moi móc từ nhà bếp lên

phòng trên, từ trai phòng sang chánh điện. Họ xục xạo từ trong mọi gầm giường, nóc chạn. Chuông, mõ, kinh, kệ, áo cà sa bị gom lại một chỗ đặt trước mặt Đại úy Pagès.

Trong gian phòng bí mật, nhóm người của Đề Thám, Cả Tuyển và Sư Tầm nín hơi chờ đợi. Tới buổi trưa cuộc lục soát tạm xong. Đại Uý Pagès sai người thông ngôn kêu sư cụ tới nói chuyện.

-Mày dịch cho thằng sư già này, bảo nó khai ra chỗ bọn Đề Thám trốn tránh. Nếu nó biết điều thì nước Pháp sẽ tưởng thưởng cho nó.

Nhà sư già sau khi nghe người thông ngôn dịch lại lời Đại Uý Pagès, nhìn thẳng vào mặt viên sĩ quan người Pháp, thong thả trả lời:

-Thưa Quan lớn, tôi thực tình không biết bọn Đề Thám trốn tránh ở đâu. Quan lớn cứ cho lục soát kỹ lại trong chùa, nếu có thì tôi xin chịu mọi hình phạt.

-Dịch cho thằng sư già này biết: Nếu nó không khai ra tao sẽ bắt nó về đồn.

-Quan Lớn muốn bắt thì chúng tôi đành chịu chứ biết làm thế nào. Chúng tôi biết là chứa chấp Đề Thám và Cả Tuyển, đối với nhà nước bảo hộ là một tội không thể tha thứ được. Nhưng đó không phải là lỗi của chúng tôi, nếu như họ có súng ống, cứ ập vào chùa.

Đại Uý Pagès bỗng nhiên nhẩy chồm tới trước, xỉa vào mặt sư cụ rồi rít lên:

-Tao biết là chùa này chứa chấp bọn Đề Thám. Tao được báo cáo là nhà chùa đã thổi cơm cho bọn giặc ăn. Thằng sư trẻ, còn đích thân ngồi tiếp khách.

-Tôi đã thưa với Quan Lớn là không tiếp họ cũng không được nào. Họ cũng có súng như Quan Lớn vậy. Còn chuyện nấu cơm cũng vậy, không nấu cũng không xong được nào. Chúng tôi là dân lành, phải phục thị bất kỳ ai có súng.

-Thằng sư trẻ của chùa này đâu?

-Thưa Quan Lớn, sau khi bọn Đề Thám bỏ đi, sư Tầm sợ tai bay vạ gió nên đã xin phép về quê thăm nhà, chờ mọi việc đâu vào đó mới quay lại chùa.

-Không phải. Thằng sư trẻ chiều qua còn có mặt tại chùa. Người do thám của tao báo cáo là chiều qua nó còn thấy thằng sư trẻ đi ra đi vào trong sân chùa.

-Thưa Quan Lớn, có lẽ người do thám của Quan Lớn nhìn nhầm chăng? Tôi nhớ là mặt trời vừa quá ngọ là sư Tầm đã đi rồi.

Đại Uý Pagès quay lại nói với người thông ngôn:

-Bảo nó mang theo một bộ quần áo, đóng cổng chùa lại rồi theo tao về đồn.

Người thông ngôn nói khẽ với sư cụ:

-Sư cụ ơi, Quan Lớn muốn mang sư cụ về đồn để tra hỏi. Nếu bọn Đề Thám còn ở đây thì sư cụ cứ khai ra đi. Già cả như sư cụ mà bị giam giữ, tra hỏi thì không tốt lắm đâu.

-Ông nói vậy thì tôi cảm ơn, nhưng thật sự tôi không biết bọn Đề Thám trốn ở đâu. Nếu biết thì tôi đã thưa thật với Quan Lớn ngay từ đầu. Tôi cũng không màng được thưởng, chỉ mong được yên ổn tu hành cho hết tuổi trời mà thôi.

Người thông ngôn quay lại thưa với Đại Uý Pagès những điều sư cụ mới nói với anh ta. Đại Uý Pagès lại nhìn sư cụ từ đầu xuống chân, rồi từ chân lên đầu.

-Mày dịch cho nó biết, tao hỏi nó một lần cuối cùng. Bọn thằng Đề Thám trốn ở đâu?

-Thưa Quan Lớn, trốn ở đâu thì tôi không biết. Nhưng trước khi họ đi tôi nghe loáng thoáng là Cả Tuyển sẽ mang quân qua sông, hợp làm một với quân Đề Thám.

-Họ có nói là sẽ đi đâu không?

-Thưa Quan Lớn không.

-Mày còn nghe được những gì khai hết ra.

Người thông ngôn có vẻ muốn dẫn dụ sư cụ khai càng nhiều càng tốt, biết đâu chừng Đại Uý Pagès sau khi nghe được vài tin tức chính xác sẽ không bắt sư cụ về đồn.

Sư cụ nhìn ra ngoài sân nắng, cảnh tan hoang của cây cối trong vườn, cũng như đồ đạc, chén bát, nồi niêu, chuông khánh vất đầy mặt đất làm cho sư cụ nôn nao trong dạ. Ngẫm nghĩ một hồi sư cụ ngẩng mặt lên nói với người thông ngôn:

-Nhờ ông thưa với Quan Lớn, chúng tôi là dân đen không dám làm bất cứ điều gì trái với ý của những người có súng. Tôi chỉ biết có một điều là Cả Tuyển sẽ mang quân qua sông, hợp với Đề Thám làm một. Hiện giờ thì quân của Cả Tuyển vẫn còn lẩn tránh trong khu vực Rừng Phê. Quan Lớn mang quân tới đó có khi bắt được bọn Cả Tuyển, chứ còn đóng quân ở trong chùa này thì không bắt được ai đâu.

Người thông ngôn dịch một tràng dài tiếng Pháp, Đại Uý Pagès nghiêng xuống một bên tai nghe, mắt vẫn nhìn về phía nhà sư trụ trì. Pagès suy tính thầm trong bụng: Đem thằng sư già này về đồn không có lợi. Bề gì thì nó cũng là một người tu hành. Bắt nó về đồn chỉ gây căm phẫn cho những người hàng ngày vẫn tới lễ chùa. Chi bằng cứ để nó yên, cho một toán quân bí mật

cấm trại gần đây, và một tên do thám kín đáo rình mò. Hễ bọn Đề Thám ló đầu ra là ập tới vây bắt cấp kỳ.

Đại Úy Pagès dẫn đầu toán lính tiến ra khỏi chùa. Trên thềm, sư cụ trụ trì đứng yên lặng, ngẩn ngơ nhìn theo cho tới khi bóng người lính cuối cùng mất hút trên con đường rẽ vào chùa.

Sư cụ cứ đứng ngẩn ngơ như là trời trồng trên bực thềm. Những lời quát tháo của Đại Úy Pagès không làm cho sư cụ sợ. Tuy nhiên những lời này cho sư cụ biết một điều, lính Tây lúc nào cũng có người rình mò mọi hành vi cử chỉ của sư cụ.

Đằng nào thì bây giờ cũng đã tạm yên, cha con ông Đề, anh em Cả Tuyển và sư Tâm đã trốn lánh được một ngày một đêm trong đó, chờ cho trời tối hẳn hãy gọi mọi người ra. Ra bây giờ nhỡ bọn do thám cho Tây trông thấy, thì công lao mọi người thành ra công cốc.

Trông đám mây bay về phía xa xa, sư cụ chợt thấy mọi việc trên cõi đời này có khác gì mây trắng. Cuộc đời của sư cụ chẳng qua chỉ còn tính từng ngày. Chỉ thấy thương cho những người như cha con ông Đề, anh em Cả Tuyển. Không biết họ còn chống đỡ được tới bao giờ?

Sư cụ cũng nghĩ tới việc phải giữ cho được ngôi chùa này, không thể vì hành vi sơ xuất của mình mà người Pháp có cớ để đốt chùa. Sư cụ bước xuống sân, từ tốn đi ra ngoài cổng tìm hai con chó vá về, miệng lẩm bẩm nói cho mình nghe:

"Không biết hai con chó nhép này chạy đi đâu. Thật là đến thú vật còn sợ bạt vía, huống chi là con người?"

Sư cụ vừa đi vừa ngẫm lại mọi việc, từ lúc lính Tây ập vô chùa, cho tới khi họ kéo đi. Đến thì đùng đùng như sét đánh bên tai, mà đi thì tan hoang nhà cửa, vườn tược. Sư cụ ngạc nhiên thấy mình khá bình tĩnh, đối đáp với người chỉ huy của lính Tây không có vẻ gì là khiếp nhược. Chẳng những thế có đôi lúc lại xỏ ngầm.

Cứ vừa đi sư cụ vừa gào tên hai con chó. Nếu có tên do thám còn lởn vởn đâu đây nó cũng đỡ sinh nghi. Sư cụ như có linh tính biết có người đang rình mò, nên thơ thẩn gọi chó một chốc rồi quay về chùa.

Từ cổng chùa đi vào, sư cụ ngước nhìn lên nóc chùa thấy hai con rồng tranh nhau một quả châu. Nắng chiều chiếu vào đôi mắt rồng làm bằng mảnh sứ, khiến cho sư cụ hoa mắt, tưởng chừng như hai con rồng thật. Mái chùa rêu phong cổ kính, bốn góc chùa cong lên như bốn cánh cung. Những hình trạm trổ vươn lên cao trong nắng chiều.

Chưa bao giờ sư cụ thấy ngôi chùa đẹp như buổi chiều nay./.

Tìm đọc bộ trường thiên tiểu thuyết gồm sáu quyển

NGƯỜI TRĂM NĂM CŨ

của

HOÀNG KHỞI PHONG

Đã xuất bản: **quyển Một và Hai** nói về cuộc khởi nghĩa chống Pháp của Hoàng Hoa Thám ở Yên Thế. Một tiểu thuyết lịch sử bi hùng dựng lại cuộc kháng chiến cuối cùng của tầng lớp Nho sĩ nước ta chống Pháp xâm lăng.

Sẽ xuất bản:

- Quyển Ba và Bốn đề cập đến các vận động giành độc lập của lớp Tây học
- Quyển Năm và Sáu tái hiện lịch sử từ 1963 đến hiện tại

Nhà xuất bản **NGƯỜI VIỆT**
14891 Moran Street
Westminster, CA 92683 USA
Tel: (714) 892-9414

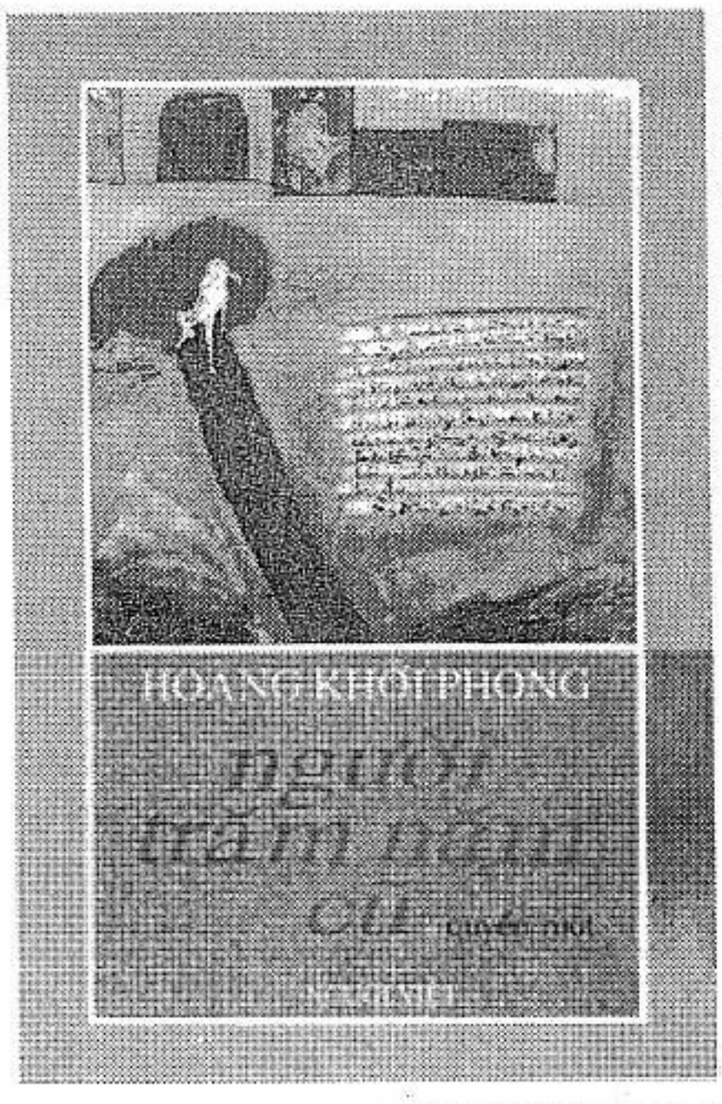

NHÂN NĂM NHÂM NGỌ, TẢN MẠN VỀ NGỰA

NGUYỄN VĂN TUẤN

Năm Tỵ qua và năm Ngọ đang đến với hình ảnh tượng trưng là con ngựa, một con con vật quí tộc (noble animal) đối với người Tây phương. Người Việt chúng ta có thói quen mỗi dịp Tết về là xem tử vi để biết số mệnh của mình ra sao. Theo thuyết tử vi, những người nào sinh năm ngọ (tức là 1906, 1918, 1942, 1954, 1966, 1978, 1990, và 2002) thường được xem là những người độc lập, thông minh, thích tự do, nhưng khó tính (hay nóng tính) và kiểu cách. Họ cũng là những người có quyết tâm cao, làm việc để đạt cho được mục tiêu, rất cẩn thận với tiền bạc, thích đi đây đi đó, và thích thám hiểm những vùng xa xôi. Nói chung là một mẫu người năng động. Điểm qua những người nổi tiếng cầm tinh con ngựa, chúng ta thấy có Trần Tú Xương (nhà thơ), Trần Qúy Cáp (nhà cách mạng), Phan Thanh Giản (quan chức), Neil Armstrong (phi hành gia), Barbara Streisand (ca sĩ), Rachel Welch (diễn viên điện ảnh), Fryderyk Chopin (nhà soạn nhạc), Theodore Roosevelt (tổng thống Mỹ), Rembrandt (họa sĩ), v.v.

Người khó tính và thạo về tử vi có lẽ sẽ cười ngả nghiêng về cách tả chung chung và đơn giản như trên đây về những người cầm tinh con ngựa (vì tử vi thực ra phức tạp hơn thế rất nhiều), nhưng phải nói ngay rằng những cá tính này có lẽ cũng không khác mấy so với loài ngựa. So với các con vật khác như lợn, gà, dê, v.v. thì ngựa quả là năng động hơn nhiều. Thật vậy, nói đến con ngựa, người ta nghĩ ngay đến một con vật mạnh khỏe, chạy nhanh, sống cuộc sống khá tự do hơn các con vật khác. Có lẽ do đặc tính này mà phần lớn những chiếc xe thể thao đắt tiền ở Tây phương thường được biểu hiện bằng, hay đặt tên gắn liền với, loài ngựa. Có lẽ vì tính năng động này mà con ngựa đóng một vai trò cực kỳ quan trọng trong việc phát triển kinh tế, và văn minh nhân loại. Trong Công viên Ngựa thuộc tiểu bang Kentucky (Mỹ), người ta khắc hàng chữ "Lịch sử từng được viết trên lưng ngựa" (History was written on the back of the horse). Có sử gia đã từng phát biểu [đại khái] rằng nếu chó thường được xem là một người bạn trung thành của con người, thì ngựa là một con vật được xem là có công lớn trong việc gầy dựng nền văn minh hiện đại.

Ngựa trong quá trình phát triển văn minh con người

Một số dữ kiện khảo cổ và cổ sinh vật học (paleontology) cho thấy loài ngựa được con người thuần hóa vào khoảng 5000 năm trước đây, tức là sau nhiều năm con người đã thuần hóa các loài gia súc khác. Vào thời đó (tức khoảng 3,000 năm trước Dương lịch), loài chó đã là bạn con người cả 9000 năm dài, và con người cũng từng biết chăn nuôi cừu, dê hơn 5000 năm. Tuy loài ngựa tiếp xúc với con người hơi muộn, nhưng nó lại có khả năng thay đổi cuộc sống con người nhiều nhất. Để hiểu rõ công trạng của loài ngựa trong quá trình tiến bộ của con người, ta hãy thử xét qua những hoạt động của con người xem sao. Phần lớn các hoạt động của con người có thể chia thành bốn lĩnh vực: đánh nhau (chiến tranh), đi lại, lao động, và giải trí. Trong bốn lĩnh vực hoạt động này, con người đều cần đến sự giúp đỡ của loài ngựa.

Trong chiến tranh thời xưa, không ai chối cãi rằng ngựa quả đóng một vai trò cực kỳ quan trọng, vì nó là con vật nhanh nhẹn nhất, linh động nhất trong việc vận chuyển quân lính. Bò và lừa không có khả năng như ngựa trong chiến trường, vì chúng quá chậm chạp. Người Hittites, hay Hyksos từng sáng chế ra cỗ xe ngựa để chinh phục vùng Lưỡng hà (Mesopotamia) và Ai Cập vào khoảng 1800 tr. DL. Cỗ xe ngựa vận chuyển hai người: một người điều khiển xa, và một người chiến đấu. Sự xuất hiện của con ngựa và cỗ xe trong thời kỳ

này ắt hẳn làm khiếp đảm đám quân chân đất, như ngày nay chúng ta khiếp sợ mỗi khi ghe nói đến bom hydrogen. Trong lịch sử chiến tranh Việt Nam, Trung Quốc, Mông Cổ, v.v., con ngựa cũng là một phương tiện cực kỳ quan trọng, giống như những chiến xa ngày ngay. Ngựa trận gọi là chiến mã.

Trước thế kỷ 19 (khi mà máy chạy bằng hơi nước và điện tín mới được sáng chế), ngựa là một phương tiện di chuyển và liên lạc. Người Ba Tư sống vào thế kỷ thứ 5 trước Dương Lịch (trDL) từng chiếm đóng nhiều vùng đất rộng lớn, và họ cần phải dùng ngựa cho công việc đi lại, cai trị . Cùng lúc, trong cuộc sống hàng ngày ở Âu châu, người ta cần phương đi lại, và ngựa là một con thú. Có thể thao tức phải dẫn đến thi đua. Và muốn thắng trong các kỳ tranh tài, người ta phải nghiên cứu tìm hiểu nhiều hơn về con ngựa, để ngày càng thuần hóa nó. Người Ba Tư và Hy Lạp là hai sắc dân tổ chức đua ngựa đầu tiên. Cuốn cẩm nang "The Art of Horsemanship," do nhà sử học người Hy Lạp, Xonophon (sống vào khoảng 430 trDL), soạn thảo là cuốn sách cổ nhất về kỹ thuật thuần hóa ngựa được biết đến ngày nay. Ông là trưởng nam của một gia đình chuyên nghề nuôi ngựa ở Athens. Thời trai trẻ, ông phục vụ trong quân đội, và học hỏi kỹ thuật nuôi cũng như cưỡi ngựa từ quân đội. Về hưu, Xenophon viết một sách chỉ dạy về cách cưỡi ngựa, và cuốn sách này vẫn còn được dùng cho đến ngày

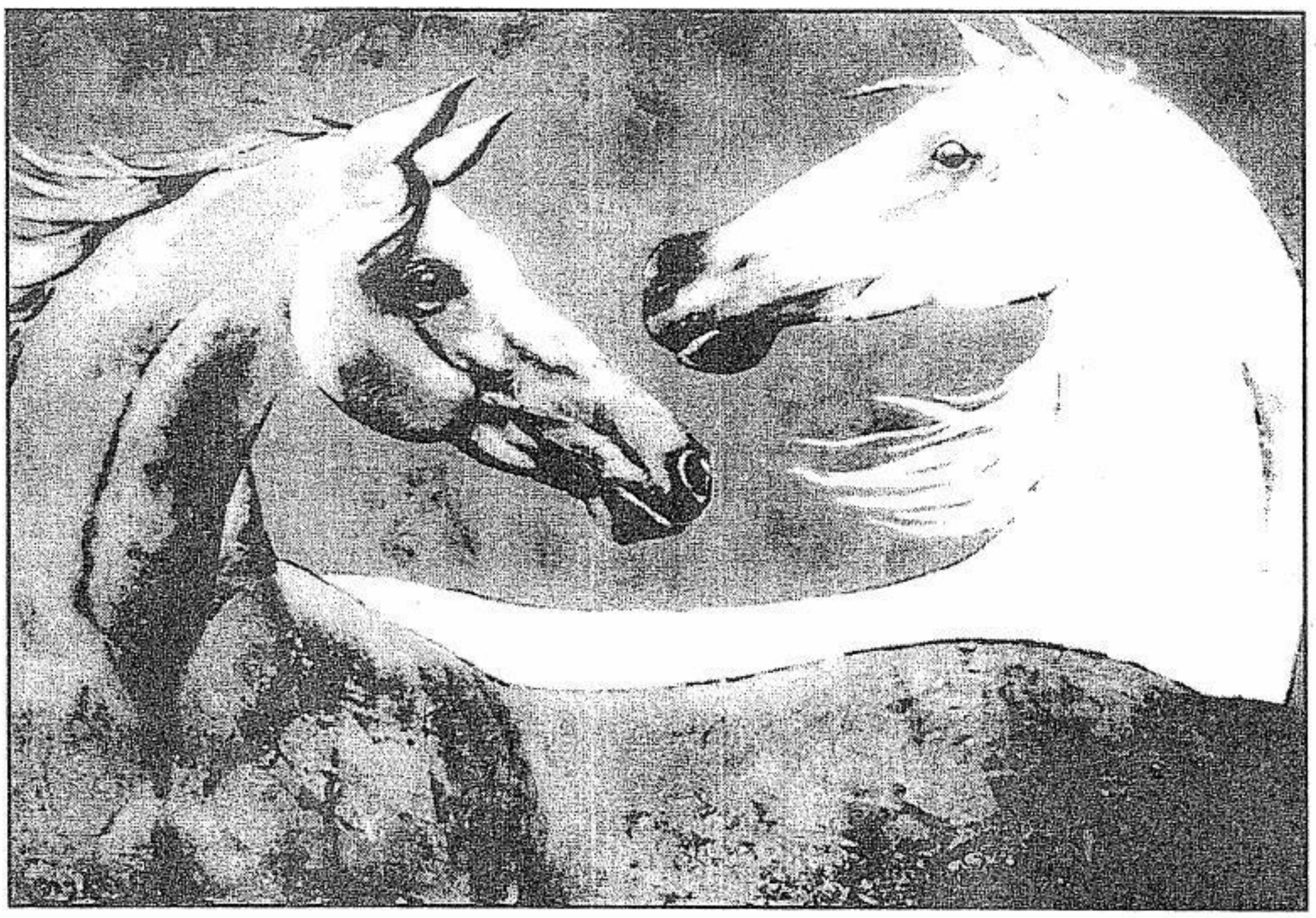

vật lí tưởng. Ngựa chở họ đi chợ, thăm đồng, v.v. Nhu cầu này dẫn đến việc phát triển đường xá tiện lợi cho ngựa. Và khi đường xá cải tiến, có thể đi xa, người ta cần bộ yên ngựa để việc đi lại thoải mái hơn. Qua đi lại, giao lưu với các sắc dân khác, tư tưởng được trao đổi và phát triển, nền văn minh từ đó được thành hình. Thành ra, có thể nói không ngoa rằng một phần lớn văn minh ngày nay có công sức của loài ngựa.

Trong thời bình, người ta thấy công dụng của ngựa trong việc giải trí, tiêu khiển. Khi tập cưỡi ngựa, người ta nhận ra đó một bộ môn thể thao lý nay.Trong thời hiện đại, đua ngựa là một bộ môn thể thao giải trí mà giá trị thương mại lên đến hàng tỷ đô-la.

Sau khi đã tận dụng loài ngựa trong chiến trường, đi lại, và giải trí, con người lại đã dùng chúng trong lao động suốt một thời gian dài. Thời đại Hy Lạp, Hellenistic La Mã và Trung cổ ở Tây phương, bò và lừa là hai con vật hữu dụng nhất trong việc đồng án và lao động. Thời đó, ngựa còn quá nhỏ, chưa đủ khả năng để cạnh tranh với bò trong việc kéo cả tấn hàng hóa. Hơn nữa, ngựa thường đắt đỏ hơn bò và lừa, ít người

có thể mua ngựa, một con vật có thời được cho là xa xí phẩm. Ngoài ra, hệ thống tiêu hóa của ngựa kém hiệu suất cũng là một bất lợi (vì chúng phải được cho ăn nhiều lần hơn bò và lừa). Ngay cả khi giống ngựa to con được nuôi dưỡng và giới thiệu vào các nước Tây phương thì công dụng của chúng vẫn là chiến tranh, và sở hữu của những người giàu có, quí tộc. Nhưng cuối cùng thì ngựa cũng được trưng dụng trong lao động hàng ngày. Nhiều nước Âu châu cày bằng ngựa. Cho đến khi xe lửa chạy hơi nước được dùng phổ biến, ngựa đóng vai trò chủ yếu trong việc chuyên chở hàng hóa trên bộ, trong khi ghe thuyền, tàu thủy làm nhiệm vụ đó trên sông, trên biển. Dấu ấn của ngựa còn lưu truyền cho đến ngày nay khi mà sức mạnh của máy cơ khí được đo bằng "mã lực" (horsepower). Có thể nói vai trò của ngựa trong thương mại ngày xưa cũng quan trọng như vai trò của dầu hỏa trong nền kinh tế ngày nay.

Thực ra, trước khi ngựa được trưng dụng trong chiến tranh và các hoạt động của con người, chúng được dùng để ăn thịt và lấy sữa. Những hình vẽ trong các hang động ở Pháp cho thấy rõ ràng rằng ngựa là nguồn thức ăn căn bản của con người thời Đồ Đá. Khi thời đại Đồ Đá chấm dứt, và thời đại Đồng Thiếc bắt đầu, con người ở Âu châu và Á châu đã có kinh nghiệm nuôi gia súc qua nhiều thế hệ, nhất là đã thành công trong việc chăn giữ trừu và dê. Họ cũng có khả năng nuôi ngựa, nhưng chủ yếu lấy thịt và sữa. Con người lúc đó bắt đầu bỏ cách sống du mục, và định cư trong các cộng đồng cố định, rồi dần dà biết cách trồng trọt cây lúa. Đến khoảng 3000 trDL, thức ăn trở nên đầy đủ, con người bắt đầu nhận thức được các giá trị khác của loài ngựa hơn là chỉ nuôi lấy thịt và sữa.

Nguồn gốc và quá trình tiến hóa

Lai lịch của ngựa khởi nguồn từ thời Eocene, tức là khoảng 60 đến 50 triệu năm về trước. Thủy tổ của loài ngựa ngày nay là con vật có tên Eohippus, còn gọi là "Ngựa Bình Minh" (Dawn Horse), có mặt ở những vùng bán nhiệt đới thuộc miền Trung Tây nước Mỹ ngày nay. Ngựa Bình Minh chỉ bằng một con chó cốc Tây Ban Nha, vai rộng khoảng 36 cm (hay 14 inches), và cân nặng chỉ 2.6 kg (12 pounds). Đặc điểm loài ngựa này là chân trước có bốn móng nhưng chân sau chỉ có ba móng. Với đặc điểm này, Ngựa Bình Minh có thể di chuyển dễ dàng trên mặt đất ướt. Thức ăn chủ yếu là lá cây thấp.

Đến thời kỳ Oligocene, khoảng 38 triệu năm trước đây, loài Eohippus tiến hóa thành loài Mesohippus và Miohippus. Lúc bấy giờ, kích thước của loài Mesohippus và Miohippus đã lớn bằng chó "German Shepherd" ngày nay, tức là nặng hơn và cao hơn loài Ngựa Bình Minh. Qua một giai đoạn tiến hóa dài, loài ngựa Mesohippus và Miohippus đã có răng dài và mạnh hơn, chúng có thể ăn cỏ và lá cây trong rừng, thậm chí trong những đầm lầy. Một đặc điểm quan trọng khác là phần chân trước lúc bấy giờ chỉ còn ba móng như chân sau.

Nhưng bước ngoặc tiến hóa quan trọng của loài ngựa xảy ra vào thời Miocene, tức khoảng 26 triệu năm trước đây, thời kỳ mà loài ngựa rời địa bàng rừng rậm và đầm lầy, di chuyển qua những vùng đồng bằng. Trong khi thích nghi với môi trường mới, cổ và đầu ngựa trở thành dài hơn, răng cửa chìa ra phía trước sọ và hình dáng cũng như vị trí của mắt bị thay đổi để chúng có thể nhìn xa hơn trong khi tìm thức ăn. Chân ngựa cũng trở nên dài ra để chúng có thể chạy nhanh, hầu thoát thoát khỏi những mãnh thú ăn thịt. Thời kỳ này, ngựa có tên là Parahippus và Merychippus, và chúng có thể đứng vững với một móng chân.

Loài ngựa một móng có tên là Pliohippus, được tiến hóa vào khoảng bảy triệu năm trước đây (tức là thời đại Pliocene). Thời này, móng chân cạnh trở thành xương mác như ngựa ngày nay. Đây là loài ngựa mẫu đầu tiên cho loài Equus, loài ngựa mà ta thấy ngày nay. Loài Equus được tiến hóa vào thời Pleistocene, tức là hai triệu năm trước đây. Equus có hai xương sống cứng, với bắp thịt ngắn, mạnh nằm dọc theo chi trên (upper limbs), và bắp thịt thon thả phía chi dưới (lower limbs). Trong thời kỳ này, ngựa Equus đã "trưởng thành" trong đời sống đồng bằng, và có khả năng tự vệ chống lại một số kẻ thù.

Có bốn giống ngựa được chăn nuôi trong thời kỳ này: Pony I phát triển ở vùng Tây bắc Âu châu, da rất dầy, màu nâu và chịu nước rất giỏi. Pony II phát triển ở vùng Âu Á (North Eurasia), nặng ký hơn Pony I, màu kem, có sọc, và chịu lạnh rất hay. Horse III, thường thấy ở các vùng Trung Á châu và Tây Âu châu, đầu cao, nhỏ, cổ dài, tai dài, có khả năng chịu nóng rất hay. Sau cùng là giống Horse IV, rất phổ biến ở vùng Tây Á châu, hình dạng giống Horse III, chịu nóng hay và là tổ tiên của loài Arabian. Tất cả bốn giống này thường được lai giống để sinh ra giống mới.

Chẳng hạn như giống Ponies là lai hai Pony I and Pony II; Ngựa Draft lai giống Pony II và Horse III; Ngựa Light lai giống Horse III và Horse IV, v.v.

Đặc tính sinh lí của các giống ngựa đều, một phần lớn, tùy thuộc vào môi trường sinh sống và thời tiết. Ở các vùng lạnh, ngựa thường được xem là có "máu lạnh" và thường điềm tĩnh, với da dầy, và nhiều lông. Ngược lại, ở các vùng nóng, ngựa có "máu nóng," thân thể thường to hơn, dài hơn, da mỏng, và năng động hơn loài sống ở vùng lạnh.

Cho đến nay, ngựa có mặt trên khắp thế giới. Tuy nhiên, tập trung nhiều nhất vẫn là ở các vùng có đồi núi ở các nước thuộc Âu châu và Á châu. Trung Quốc có khoảng 11 triệu con, kế đến là Ba Tây (Brazil) với dân số ngựa khoảng 6.8 triệu, Mễ Tây Cơ (6.1 triệu), Nga và các nước trong khối Liên bang Xô-viết cũ (5.8 triệu), Mỹ (3.3 triệu), Á Căn Đình (3 triệu), Mông Cổ (2 triệu) ... Ở Việt Nam, chưa có thống kê chính thức về số ngựa, tuy nhiên, chắc không nhiều như các nước trên đây. Điều này cũng dễ hiểu, vì trong sinh hoạt hàng ngày ở Việt Nam, ngựa không phải là một con vật chủ yếu.

ĐẠM THẠCH

Chiều Cuối Năm

Tháng chạp câu thơ còn chấp vá
Bện mùa Xuân còn lỗ chỗ mùa đông
Mai đâu nở trên miền đất lạ
Thơ cũng buồn lìa đất tổ cha ông.

Đâu có tưởng hơn phần tư thế kỷ
Người ra đi còn bám rễ lưu vong
Cây đã bứng khỏi cội nguồn dân tộc
Mọc lắt lay hút lấy mật lòng!

Vo nỗi nhớ cuộn tròn nỗi đợi
Ngồi hắt hiu mọc lặn vầng trăng
Guốc thời gian đã vẹt mòn cả phố
Ngày rất xa hun hút nẽo trầm thăng.

Cơn gió bấc thổi về mạnh ngọn
Dấu mùa đông lê lết mùa Xuân
Chiều cuối năm trước mâm đời đã chọn
Khấn tổ tiên nước mắt cứ rưng rưng.

Ngựa trong văn hóa Việt Nam

Thực vậy, nếu có một cái gì khác biệt giữa nền văn hóa Việt Nam và văn hóa Trung Quốc thì con ngựa là một biểu hiện rõ rệt nhất. Nói một cách ngắn gọn, văn hóa Việt Nam là một nền văn hóa mang tính định cư, với sắc thái sông nước, nhiệt đới là đặc điểm chính; còn văn hóa Trung Quốc là văn hóa mang tính du mục [1]. Tính định cư của văn hóa ta thiên về trồng trọt lúa nước ở các vùng đồng bằng, ẩm và thấp; trong khi tính du mục của văn hóa Trung Quốc thiên về trồng lúa khô, tiểu mễ, chăn nuôi ở các đồng cỏ vùng cao, và khô. Vì thế, người Trung Quốc hay chăn nuôi ngựa, cưỡi ngựa, và dùng ngựa trong sinh hoạt hàng ngày và chiến tranh; trong khi đó, người Việt Nam dùng thuyền bè làm phương tiện giao thông chính. Trong chiến tranh, người Trung Quốc lấy ngựa và chiến xa làm sức mạnh, còn chúng ta lấy thuyền bè làm chủ lực. Thực ra, sự khác biệt này còn thể hiện khá rõ ngay trong nước Việt Nam: người miền Trung hay dùng ngựa vận chuyển, nhưng đối với người dân miền Nam thì xuồng bè là phương tiện chính trong việc đi lại.

Đối với người Trung Quốc, ngựa là một sở hữu cao quí vì đắt tiền, và chủ của chúng thường là những người có chức quyền trong xã hội. Người ta không ngạc nhiên khi thấy rải rác trong sách sử Trung Quốc có giai cấp "kị sĩ". Mã Viện từng ăn cướp trống đồng Việt Nam, nấu thành đồng để đúc tượng ngựa. Nhưng trong văn hóa Việt Nam, con ngựa không được nhắc đến thường xuyên. Hay có nhắc đến, nhưng cũng chỉ vì ảnh hưởng văn hóa Trung Quốc. Những cách nói như da ngựa bọc thây (từ "Mã cách quả thi"), nhìn theo đầu ngựa nghe theo chỉ huy ("Mã thủ thị thiêm"), bốn ngựa theo không kịp ("Tứ mã đại nan truy"), v.v. đều xuất phát từ cách nói của người

Hán. Cũng có lẽ vì chịu ảnh hưởng của văn hóa Trung Quốc mà con ngựa ở Việt Nam cũng được xem là tài sản của người có quyền thế hay giàu có. Thực vậy, con ngựa ngày xưa ở Việt Nam có thể sánh như chiếc xe ô-tô ngày nay, chỉ có người có tiền hay có quyền mới làm chủ được. Ngay cả người học sinh ngày xưa cũng mơ đến ngày thi đỗ để được cưỡi ngựa về làng vinh qui báo tổ, để có cảnh "ngựa anh đi trước, võng nàng theo sau."

Trong thế giới Tây phương, con ngựa còn là một biểu tượng của quyền uy và luật pháp. Ngày xưa ở La Mã, nhà nước xử tội, trừng trị phạm nhân thường dùng ngựa để xé xác hoặc giày xéo lên thân thể họ. Có lẽ vì thế mà trong các phiên tòa ngày nay người ta thấy các bị can chỉ đứng trong vành móng ngựa. Vành này được đóng theo khuôn mẫu của móng ngựa, do đó mới gọi là "vành móng ngựa." Thành ngữ "trước vành móng ngựa" có lẽ dùng để nói lên "trước tòa án", "trước pháp luật" và chịu sự phán xử và trừng phạt của pháp luật.

Tuy được xem là con vật cao sang, nhưng trong văn hóa Việt Nam, con ngựa được dùng làm biểu tượng cho những câu chửi ác độc. Chúng ta có câu "thân trâu ngựa" để nói đến những thân phận thấp hèn trong xã hội. Không những là biểu tượng của thấp hèn, ngựa và trâu còn là biểu tượng của sự bất lương, dùng làm ví von trong các câu chửi hàng ngày: "Đầu trâu mặt ngựa," "Đồ đĩ ngựa," "Loài khuyển mã", v.v.

Trong nhiều nền văn hóa trên thế giới, ngựa là một con vật mang chút dáng dấp siêu nhiên và huyền bí. Trong những câu chuyện thần thoại Mỹ châu, các thánh thần cưỡi ngựa bay ngang qua nhiều vương quốc. Riêng người Việt chúng ta có huyền thoại về Thần ngựa trắng (Thần Bạch Mã). Theo truyền thuyết, thần cưỡi ngựa trắng đi từ Đông sang Tây, rồi lại quay về Đông và biến mất trong đền, để lại các vết chân ngựa trắng. Vua Lý Thái Tổ dựa theo các vết chân ngựa mà xây đắp thành Thăng Long, tức Hà Nội ngày nay, và đền Bạch Mã vẫn còn lưu lại ở Hà Nội cho đến ngày nay.

Cố nhiên, chúng ta còn có một huyền sử liên hệ mật thiết với con ngựa sắt của Thánh Gióng (tức Phù Đổng Thiên Vương), một thân một ngựa đánh tan giặc Ân, cứu lấy nước nhà [2]. Cứu nước xong, người anh hùng vô danh đó không cầu danh, không kể công, hay cần lợi lộc, mà cùng với con ngựa biến đi ngay: Ông Giống cưỡi ngựa sắt bay lên trời. Đó là một chuyện lãng mạn về nhân vật Phù Đổng Thiên Vương, một cậu bé lớn nhanh "như thổi," một mình một ngựa xông ra trận tuyết diệt giặc cứu nước.

Tóm lại, ngựa là một con vật năng động, có quan hệ mật thiết với nền văn hóa du mục và Tây phương, đã góp phần đáng kể trong quá trình văn minh nhân loại. Nhưng đối với văn hóa Việt Nam và môi trường sông nước, ngựa là một con vật kém thông dụng./.

Chú thích:

[1] Xem "Tìm về bản sắc văn hóa Việt Nam" của Trần Ngọc Thêm, Nhà xuất bản Thành phố Hồ Chí Minh, 2001.

[2] Theo truyền thuyết, vào đời vua Hùng Vương thứ VI (Hùng Huy Vương), dân cư đang sống trong cảnh thái bình thì bỗng giặc Ân từ phương Bắc vô cớ đem quân sang xâm lấn nước ta. (Giặc Ân bên Tàu đây chỉ là một nước nhỏ trong số 800 nước ở Trung hoa lúc đó dưới thời Đông châu liệt quốc). Vua Hùng bèn cho quan quân rao truyền khắp nước tìm nhân tài đứng ra chống giặc. Lúc bấy giờ, ở làng Gióng (thuộc tỉnh Hưng Yên bây giờ), có một cậu bé mới ba tuổi, nhưng vẫn chưa biết nói, biết cười, cả ngày chỉ nằm một chỗ mặc dầu vẫn khỏe mạnh, như là bị tật bẩm sinh. Khi quan đến, cậu bé bỗng nói chuyện và kêu bố mẹ mời quan vào, và đợi mẹ dọn cơm ăn. Cậu ăn một hơi hết nồi cơm, nhưng vẫn kêu đói, đòi thêm cơm. Đồng thời cậu còn lớn lên như thổi sau nhiều nồi cơm! Cậu quay lại nói với quan triều đình là cậu cần một con ngựa sắt thật to, to hơn cả con trâu cổ trong làng để cậu cỡi và một cây gậy cũng bằng sắt và cũng thật to (và dĩ nhiên rất nặng) to như cây cột đình làng Gióng vậy để cậu cầm ra đánh nhau với giặc! Nghe chuyện lạ tai, quan quân triều đình cũng lấy làm nghi kỵ lắm nhưng rõ ràng trước mặt, cậu bé vẫn còn than đói. Nhà không còn gạo, hai vợ chồng van xin hàng xóm thêm cơm, hàng xóm nấu cơm mang sang, mang bao nhiêu sang là cậu bé ăn hết sạch bấy nhiêu và qua mỗi nồi cơm là cậu lại to thêm lên. Quan quân triều đình vội về lo chuẩn bị đúc rèn ngựa sắt và gậy sắt cho cậu vì cậu bé cho biết giặc đã gấp rút như vậy sao còn cứ chần chừ! Khi ngựa và gậy đã đúc xong đưa đến làng Gióng thì cậu bé ba tuổi, không ăn nói gì cả hôm trước nay đã to lớn dình dàng. Cậu leo lên lưng ngựa sắt, tay cầm cây gậy nặng kinh hồn mà thúc vó ngựa. Ngựa sắt phun lửa ào ào tung vó xông ra trận địa. Chỉ một trận đánh long trời là giặc Ân đã tan như xác pháo. Tàn quân giặc rút chạy về bên kia biên giới ... Giặc tan, cậu bé làng Gióng cho biết cậu là tướng Trời sai xuống để giúp nước, nay xong việc rồi thì cậu phải trở về chầu Trời, sau khi lạy cha mẹ cậu để cám ơn dưỡng dưỡng cậu ba năm, cậu cỡi ngựa sắt, cầm gậy sắt bay thẳng lên Trời và biến mất. Tục truyền ngày cậu về Trời là ngày mồng 9 tháng 4 và dân ta tôn xưng cậu là Thánh Gióng hay là Phù Đổng Thiên Vương (tướng nhà Trời xuống giúp nước).

BÙI HÀNG

Tác giả: BÙI HÌNH
Bản dịch của: PHẠM XUÂN HY

Trong sao châu nhỏ duềnh quyên
Ấm sao hạt ngọc Lam Điền mới đông

Năm Trường Khánh đời Đường Mục Tôn có người tú tài tên là Bùi Hàng đi thi không đậu, đến du ngoạn ở Ngạc Chử, tiện đường ghé vào thăm người bạn cũ là Thôi Tướng Quốc, được Thôi tặng cho hai chục vạn quan tiền, bèn thuê một chiếc thuyền lớn, theo đường sông Tương Giang và Hán Thủy để trở về kinh sư.

Đi chung thuyền với Hàng có thiếu phụ là phu nhân họ Phàn, trông nhan sắc mặn mòi diễm tuyệt, nói năng lại dịu dàng khả ái. Bùi đem lòng cảm mến, có ý muốn làm quen, nhưng không cơ hội nào tốt để gặp nàng. Nhân thế mới bỏ tiền ra mua chuộc người tỳ nữ của phu nhân là Niễu Yên, nhờ Niễu Yên đem một bài thơ của mình tặng cho nàng.

Bài thơ rằng:

Đồng vi Hồ Việt do hoài tưởng
Huống ngộ thiên tiên cách cẩm bình
Thảng như ngọc kinh triêu hộ khứ
Nguyện tùy tiên hạc nhập thanh vân

Thơ gửi đã lâu, Bùi mãi vẫn không nhận được hồi âm của nàng, mới cố gặng hỏi Niễu Yên, thì nó bảo:

- Nương tử đã xem thơ của tướng công, nhưng hình như chẳng để ý gì cả, biết làm thế nào?

Hàng vô kế khả thi, bèn nhờ người mua loại rượu ngon nổi tiếng và những thứ quả hiếm quý ở ngoài chợ về để biếu nàng. Nàng bèn gọi đứa thị tỳ Niễu Yên cho mời Hàng đến gặp.

Lúc Hàng vén rèm bước vào khoang thuyền của thiếu phụ, quả nhiên thấy nàng lộng lẫy diễm kiều, mặt hoa da ngọc, tóc xõa buông như mây trải, đôi lông mày dài cong như loan nguyệt, dáng điệu cử chỉ thong dong nhã nhặn như tiên nữ ngoài trần thế. Hàng bụng bảo dạ, người đẹp như thế này, há lại chịu kết bạn với kẻ phàm phu tục tử sao?

Rồi Hàng lần bước tới, chấp tay vái chào thiếu

phụ, hai mắt đăm đắm nhìn nàng, xác hồn ngơ ngẩn một lúc lâu, như bị nhan sắc của nàng thu bắt mất.

Thiếu phụ bảo với Hàng:

- Chồng thiếp làm quan ở Hán Nam, muốn từ quan về núi ở ẩn, nên cho gọi thiếp để từ biệt. Thiếp lúc này tâm chí rối bời phiền não, chỉ sợ không đến được đúng hẹn gặp chồng thiếp, thì còn bụng dạ đâu mà lưu luyến hay chú ý đến người nào khác. Như thế, thật là điều thất lễ, không phải? Song le, thiếp rất lấy làm vui, được chung thuyền đồng hành với công tử. Xin công tử đừng cười thiếp vì những lời lẽ quê mùa này nhé!

Hàng đáp:

- Không dám!

Rồi cạn chén, đi ra, trở về khoang thuyền của mình. Bụng lại bảo dạ, con người thủ tiết như băng sương, ắt không thể mạo phạm được.

Sau đấy, thiếu phụ bảo thị nữ đem đến tặng Hàng một bài thơ.

Bài thơ rằng:

Nhất ẩm quỳnh tương bách cảm sinh
Huyền sương đảo tận kiến vân anh
Lam Kiều tiện thị thần tiên quật
Hà tất khi khu thướng Ngọc Thanh

Hàng đọc thơ của nàng xong, cảm thấy xấu hổ, và khâm phục trong lòng, dầu chẳng hiểu hết hàm ý của bài thơ.

Từ đấy, hai người không có dịp gặp lại nhau lần nào nữa.

Thiếu phụ cũng chỉ gởi lời hỏi thăm Hàng qua đứa thị tỳ mà thôi.

Khi thuyền đến Tương Dương, thiếu phụ cùng thị nữ thâu thập hành trang dụng cụ, rồi chẳng một lời từ biệt, rời thuyền đi mất. Đồng thuyền, chẳng ai biết nàng đi đâu.

Hàng tìm kiếm, hỏi thăm khắp nơi, nhưng tăm hơi biền biệt, tuyệt vô tông tích, đành sắp sửa hành trang trở lại kinh thành.

Lúc đi gần đến vùng phụ cận trạm dịch Lam Kiều, Hàng cảm thấy khát nước chịu không nổi, bèn xuống ngựa tìm nhà xin nước uống. Chỉ thấy mấy gian nhà cỏ vừa thấp lại vừa hẹp. Một bà lão già đang đứng se sợi gai để làm dây.

Hàng hướng bà lão chắp tay vái chào, hỏi xin nước uống.

Bà lão quay vào trong nhà lớn tiếng gọi:

- Vân Anh! Có khách muốn xin nước mau mang nước ra mời khách.

Hàng nghe bà lão nói thế, lòng vô cùng ngạc nhiên. Chợt nhớ đến hai chữ Vân Anh, trong bài thơ của thiếu phụ đã tặng cho chàng trước đây, nhưng nhất thời, không hiểu hết nghĩa. Một lát, chàng thấy từ sau chiếc rèm lau, một người con gái có đôi tay trắng như ngọc, cầm một bát nước đưa cho Hàng. Hàng bưng lấy, uống một hơi cạn hết. Thật là ngọc dịch quỳnh tương, một thứ tiên dược, hương thơm ngào ngạt sực mùi, tỏa lan ra đến tận ngoài cổng.

Hàng nhân cơ hội trả lại chiếc bát, thình lình vén vội chiếc rèm lau lên. Chỉ thấy một người con gái như hoa sớm ngậm sương mai, dung quang rạng rỡ như tuyết trắng, da dẻ mịn màng như ngọc thạch. Tóc như ô vân, mượt mà trao chuốt. Nàng thấy Hàng thì thẹn thùng bẽn lẽn, lấy tay che mặt, nép thân lẩn tránh. Tư thế, bộ điệu sao mà diễm tuyệt, ngay cả đóa lan rừng ẩn tàng trong u cốc, cũng không sao sánh bằng.

Hàng vô cùng ngạc nhiên, dán mắt nhìn nàng, người đờ đẫn bất động, chân như mọc rễ, bước đi không nổi, bèn bẩm với bà lão:

- Thưa cụ, gã bộc nhân của cháu cùng con ngựa bị đói quá, xin cụ cho nghỉ ngơi tạm ở đây, thì sau này cháu xin hậu tạ.

Bà lão đáp:

- Mời công tử cứ tự nhiên!

Rồi đi lấy cơm và cỏ cho người bộc nhân và ngựa của Hàng ăn.

Sau đó một lúc lâu, Hàng lại bảo với Bà lão:

- Cụ ơi! Vừa rồi cháu thấy tiểu cô nương đẹp quá, tư dung diện mạo hơn người, trên đời này cháu chưa từng thấy bao giờ, cho nên cháu do dự trù trừ, quyến luyến không đi ngay, cháu muốn đem hậu lễ đến để xin hỏi nàng làm vợ có được không?

Bà cụ đáp:

- Ấy, cháu tôi đã có chỗ rồi, chưa về nhà chồng đấy thôi. Tôi nay tuổi già đa bệnh, có mình nó để nhờ cậy. Tối qua có ông tiên cho một tễ linh đan, dặn là phải dùng chầy ngọc mà giả trong một trăm ngày mới được uống, thì có thể trường sinh bất lão. Công tử muốn lấy cháu tôi, thì phải đem chầy ngọc đến, tôi sẽ gã cháu cho. Còn như vàng bạc gấm vóc, tôi đâu có dùng làm gì?

Hàng chấp tay bái tạ, nói:

- Cháu hẹn trong một trăm ngày sẽ đem chầy ngọc đến, xin cụ đừng gả cô ấy cho người khác nhé! Bà lão gật đầu ưng chịu.

Bấy giờ Hàng mới buồn buồn lên đường.

Chàng về đến kinh đô, chẳng còn lòng dạ nào để ý đến chuyện thi cử nữa, chỉ suốt ngày lang

CAO TIÊU

BẠCH MAI

Trần Hồng Châu thi hữu nhã lưu

Khắc khắc thời thời hạnh phúc lai
Hồng châu quang chiếu nhật sơ khai
Tình như bích thủy, xuân như liễu
Khởi hứng đề thi tụng bạch mai.

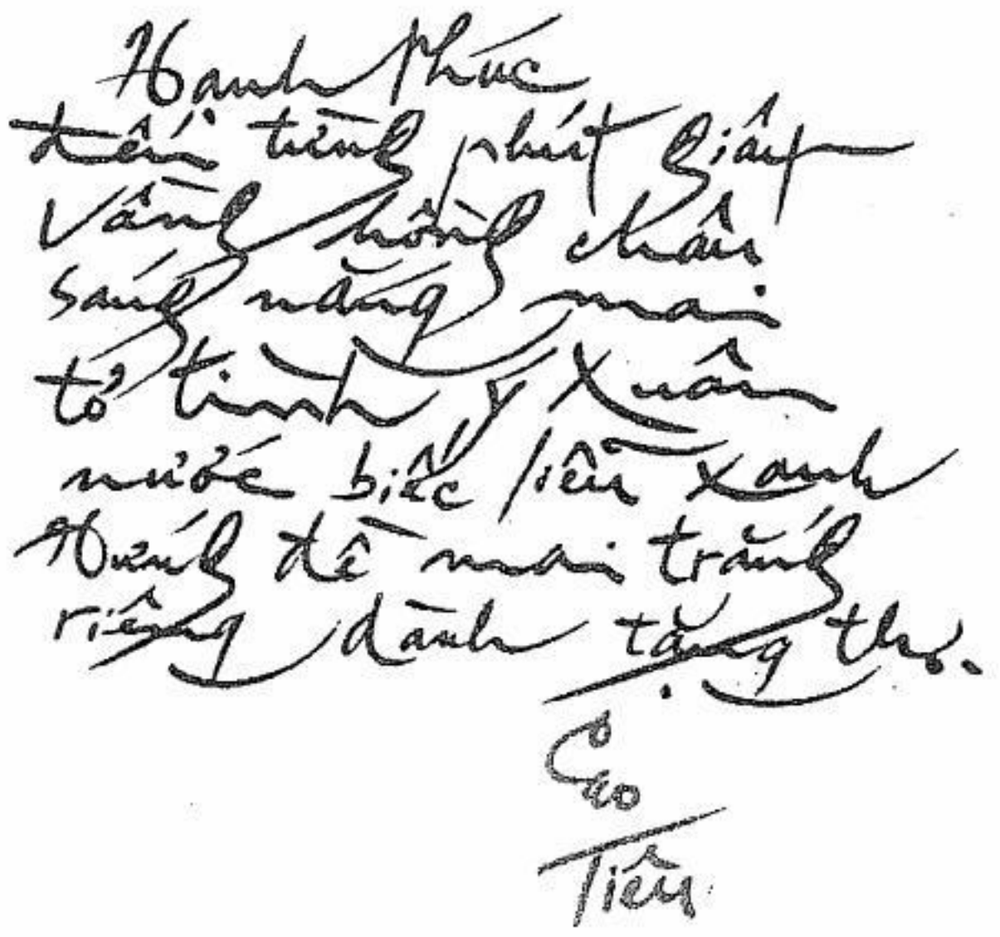

Hạnh Phúc Đến Từng Phút Giây là tên một thi phẩm của nhà thơ Trần Hồng Châu

thang ở chỗ phố phường thị tứ, ồn ào náo nhiệt, lớn tiếng cao giọng tìm mua chầy ngọc. Nhưng tuyệt, không thấy âm hao gì. Bằng hữu có ai gặp, thì tỏ ra không quen biết. Họ đều cho chàng là điên.

Vài tháng sau, Hàng gặp một ông già buôn bán ngọc, ông ta bảo với chàng:

- Gần đây lão nhận được thơ của người bạn tên là Biện, bán thuốc ở Quắc Châu, cho biết là có chầy ngọc bán, nếu cậu cần gấp, lão sẽ viết thơ giới thiệu để cậu liên hệ.

Hàng mừng rỡ cảm kích bội phần. Rồi đến Quắc Châu, tìm đến tiệm bán thuốc của người họ Biện.

Người bán thuốc bảo rằng:

- Muốn mua chầy ngọc phải hai ttrăm mân tiền, chúng tôi mới bán.

Hàng bèn dốc hết túi tiền, lại thêm bán cả đầy tớ lẫn ngựa mới đủ số. Mua xong, Hàng cầm chầy ngọc vội vã đi thẳng đến Lam Kiều.

Bà lão thấy chàng đến, vui vẻ cười lớn, nói:

- Sao lại có người giữ chữ tín như cậu đến thế nhỉ? Ta lẽ nào lại vì quá yêu đứa cháu gái mà không đền bù công lao vất vả của cậu?

Người cháu gái cũng tủm tỉm cười, nói:

- Tuy thế, cũng phải thay cháu giã thuốc một trăm ngày, rồi mới nghị hôn được.

Bà lão bèn lấy thuốc dất ở dây lưng ra. Hàng lập tức giã ngay. Ngày giã, đêm nghỉ.

Ban đêm bà lão đến lấy thuốc đem vào trong nội thất. Hàng nghe có tiếng giã thuốc, nhân thể, lén nhìn trộm. Chỉ thấy một con thỏ ngọc đang cầm chầy giã thuốc trắng bạch như tuyết, quang mang chiếu sáng khắp nhà. Trông rõ cả sợi lông nhỏ. Càng khiến Hàng quyết tâm lấy cho được người con gái.

Như thế, Hàng giã đủ trăm ngày, thì bà lão lấy thuốc uống bảo chàng:

- Ta phải vào tiên động thông báo cho họ hàng thân thích biết, để họ sửa soạn trướng màn cho cháu làm lễ cưới.

Rồi dất người cháu gái cùng đi vào núi. Lại dặn dò thêm Hàng:

- Cậu ở đây chờ một chút nhé!

Thoáng chốc, đã thấy bộc tông xa mã đến đón Hàng ra đi.

Đến nơi, chàng thấy một tòa phủ đệ hoằng vĩ, cao ngất mây xanh, cửa son đỏ chói, lấp lánh dưới ánh mặt trời, thập phần hoa lệ. Bên trong nội thất, bầy biện bình phong trướng gấm, thủy

phí trân châu, cái gì trông cũng quý phái sang trọng, rất là đẹp mắt. Rõ ra một thế gia đại tộc.

Hàng được một đám tiên đồng ngọc nữ, dẫn đưa vào phía trong màn trướng để làm lễ thành thân.

Hôn lễ xong, Hàng sụt sùi cảm động, tạ ơn bà lão. Bà lão nói:

- Bùi lang! Cậu là con cháu của Bùi chân nhân, số tất siêu phàm thoát tục, việc gì phải cảm ơn lão.

Rồi dẫn Hàng ra chào tân khách. Đa số đều là thần tiên cả.

Sau đấy, chàng gặp một tiên nữ, búi tóc hoàn kết, mặc áo nghê thường xưng là chị vợ của chàng. Chàng chắp tay thi lễ, tiên nữ hỏi:

- Bùi lang không nhận ra thiếp à!

Hàng đáp:

- Lúc trước chưa là họ hàng, thật tình không nhớ nổi đã gặp nhau ở đâu nữa!

Tiên nữ nói:

- Chàng không nhớ người đi đồng thuyền với chàng từ Ngạc Chữ đến Tương Dương à!

Bùi vô cùng kinh dị, thành khẩn hết lời tạ lỗi.

Sau, dò hỏi bọn thị tòng đồng bộc, thì chúng thưa:

- Đó là chị ruột của tiểu thư, gọi là Vân Kiều phu nhân, vợ của Lưu Cương Tiên Quân, đã tu trì đắc đạo thành tiên, nay đang là nữ quan của Ngọc Hoàng Đại Đế.

Bấy giờ bà lão bảo Hàng dắt vợ vào Ngọc Phong Động, sống trong lầu quỳnh gác tía, lại cho Hàng uống một loại tiên đan, khiến chàng cảm thấy thân thể nhẹ nhàng, không còn những tạp dục nữa. Tóc và lông cũng biến thành đỏ quạch. Chàng biến hóa thần kỳ, siêu phàm thoát tục, trở nên một bậc thần tiên.

Đến năm Thái Hòa đời Đường Văn Tông, người bạn của Hàng là Lư Hạo, ngẫu nhiên gặp chàng ở dịch trạm phía tây Lam Kiều, được chàng kể cho nghe việc đắc đạo, lại cho mười cân ngọc quý Lam Điền. Suốt ngày hôm đó, hai người cùng đàm đạo cựu tình. Hàng nhờ Hạo chuyển thơ về hỏi thăm thân thuộc bằng hữu. Nhân thể, Hạo mới hỏi:

- Huynh đã đắc đạo thành tiên, liệu có thể chỉ giáo cho đệ cách nào được không?

Hàng đáp:

- Lão Tử nói rằng: Người ta muốn thành tiên, thì lòng phải hư không, không còn dục vọng nào cả, còn bụng phải được no nê đầy đủ, vậy mà con người ngày nay tâm lý chỉ đầy những tạp niệm, làm sao hiểu được thuật đắc đạo thành tiên cơ chứ!

Hạo nghe nhưng không hiểu hết nghĩa, Hàng phải giải thích thêm:

- Trong lòng quá nhiều những vọng tưởng, mà tinh hoa trong đầu lại đổ tháo cả đi, như thế điều hư, điều thực nó rõ ra đấy. Phàm đã là người ta, thì thuật trường sinh bất tử đã có sẵn rồi, cả phép luyện đan nữa. Bây giờ huynh chưa nên học, đợi sau này đệ sẽ truyền cho.

Hạo biết không thể hỏi được gì nữa, uống xong rượu bèn giã từ ra đi.

Từ đấy về sau, không có ai gặp Hàng nữa./.

Về tác giả: *Theo "Toàn Đường Thi" và "Đường Thi Ký Sự" thì vào năm Hàm Thông đời Ý Tông nhà Đường, Bùi Hình từng giữ chức Chưởng Thư Ký, gia Thị Ngự Sử cho Cao Biền, lúc đó làm Tĩnh Hải Tiết Độ Sứ (thuộc Lãnh Nam đạo, trị Giao Châu). Đến năm Càn Phù ngũ niên đời Hy Tông, từ Ngự Sử đại phu, Bùi Hình được thăng làm Tiết Độ Phó Sứ Thành Đô. Ông soạn bộ "Truyền Kỳ" gồm ba quyển, thuật những sự tích kỳ lạ, biến ảo. Lời văn mỹ lệ tinh vi, làm say mê người đọc. Tại các triều Đường, Tống, sách của ông được phổ biến rộng rãi. Vì thế, người thời Tống gọi những tiểu thuyết thần tiên hư ảo đời Đường là "Truyền Kỳ."*

Sách "Lĩnh Nam Chích Quái" trong truyện Nam Chiếu, thuật là "Niên hiệu Hàm Thông thứ sáu, vua Ý Tông nhà Đường sai Cao Biền sang làm Đô Hộ, đem binh đánh Nam Chiếu, bèn đặt đạo quân Tĩnh Hải ở thành An Nam và cho Biền làm Tiết Độ Sứ. Lỗ Tấn đặt ra câu hỏi là "Việc Biền là ham thích những việc thần tiên, chẳng hiểu có quan hệ gì đến Bùi Hinh không?"

Trường Khánh: Niên hiệu của vua Đường Mục Tông gồm bốn năm từ 821 đến 824 công nguyên.

Thôi Tướng Quốc: *Thôi Quần, từng nhậm Trung Thư Môn Hạ Bình Chương Sự, vì mâu thuẫn với Hoàng Phủ Bác, bị điều làm quan sát sứ Hồ Nam, được bái tướng đời Hiển Tông vì thế gọi là Thôi Tướng Quốc.*

Lam Điền: *Tên núi, ở phía đông nam Lam Điền huyện, tỉnh Thiểm Tây, nơi sản xuất những loại ngọc quý. Trong truyện Kiều của Nguyễn Du có câu:*

Trong sao châu nhỏ duềnh quyên
Ấm sao giọt ngọc Lam Điền mới đông

Truyện Bùi Hàng của Bùi Hinh trên đây, lại được tiểu thuyết gia nổi tiếng đời Minh là Phùng Mộng Long soạn lại trong tập Tình Sử, có thay đổi chi tiết nhỏ.

Ngọc dịch quỳnh tương: *Theo đạo gia, dược thủy do họ chế luyện để được trường sinh bất tử gọi là ngọc dịch Quỳnh Tương, tức tiên thủy, sau dùng để chỉ rượu ngon.*

Lão Tử: *Họ Lý tên Nhĩ, tự Bá Dương, là triết gia thời Xuân Thu, người khai sáng ra đạo giáo. Ông viết "Lão Tử" tức Đạo Đức Kinh. Ông cho rằng "đạo" là căn nguyên của vũ trụ vạn vật. Vì ông họ Lý cùng họ với Lý Uyên, người sáng lập ra Đường triều, nên được nhà Đường tôn sùng, coi là ông tổ và được phong là "Thái Thượng Huyền Nguyên Hoàng Đế."*

LỖ HỔNG

MAURO SENESI
TRẦN DOÃN NHO *dịch*

(Mauro Senesi là một khuôn mặt lớn trong văn giới Ý hiện đại. Ông sinh ở Volterra Tuscany vào năm 1932, nhưng sống ở Florence. Ông là một nhà văn sung sức viết nhiều và viết về mọi đề tài. Truyện ngắn "The Breach" (Lỗ hổng) sau đây được đăng trên tạp chí "The Atlantic", Hoa Kỳ).

Con đường đi vào nghĩa trang hẹp và mấp mô. Gần đây, người ta phủ một lớp nhựa đường mới và ngày đưa đám Alderman trời lại mưa, nên con đường trở nên bóng láng như gương đến nỗi người ta có thể soi mình vào được. Vì thế, nên các cô gái của Viện Mồ Côi cứ nhìn trộm mãi bóng mình trong đó. Tôi cũng thế, tôi nhìn hình dáng phản chiếu của các cô gái lộn ngược chống lại một nền trời đầy mây xám, với những bím tóc đong đưa như cái đuôi diều.

Thế rồi cơn mưa lớn dần khiến các bà nữ tu phải bảo các cô mở dù ra che.

Các cô được điều đi phục vụ trong mọi tang lễ - thị trấn chúng tôi nhỏ, nhưng ngày nào cũng có người chết - ngoại trừ tang lễ của những người nghèo không đủ tiền để trả chi phí cho Viện Mồ Côi. Các cô gái xếp từng hai cô một, ngoằn nghoèo thành một dãy dài, những cô nhỏ nhất đi đầu, tay cầm những bó hoa huệ, còn các cô lớn thì xếp ở những hàng phía sau. Những người đứng cuối cùng hầu như đều đã ở tuổi trưởng thành, và dưới cái áo choàng đen mỏng manh, người ta có thể thấy rõ đường nét của những cặp vú.

Giọng hợp xướng thánh ca của các cô vang lên đều đặn buồn tẻ và mệt mỏi nhưng hơn hết thảy, chính cái nhìn chằm chằm của các cô làm tinh thần ta bối rối. Hình như ta có thể bắt gặp một điều tương tự khi nhìn bầu trời lúc rạng đông, bầu trời thực sự trống rỗng, không màu sắc mà ta có cảm giác y như đang rơi vào trong đó. Chắc chắn là các cô không hề có đôi mắt như đôi mắt của chúng ta khiến ta tưởng như những nữ tu đã mang chúng từ các bức tượng trong viện bảo tàng về gắn vào cho các cô.

Người chết nằm im lìm trong chiếc xe ngựa sơn màu vàng như mạ vàng còn các cô gái mỗi ngày đi theo nó giống như đàn cừu cứ phải đi theo lối đi đầy cỏ của chúng. Thỉnh thoảng, bắt chước những con cừu, các cô cũng thử phản kháng bằng cách đứng lì tại chỗ, miệng lẩm bẩm những

điều ngớ ngẩn. Các cô ngậm miệng lại không chịu đọc kinh hoặc bỗng nhiên cười lớn với nhau. Ai mà biết được vì sao các cô làm như thế ở đám tang, trong khi những cô gái lớn cứ nhìn chằm chằm vào bọn con trai chúng tôi với cái vẻ van nài khẩn khoản khiến chúng tôi phải đỏ mặt.

*

Một ngày sau tang lễ của Alderman, chúng tôi mới thực sự biết đến mùa xuân. Bầu trời xanh tươi và thị trấn chúng tôi như mới hẳn, nhưng trên đỉnh đồi, khu nhà chỉ còn hình dáng bên ngoài, nhiều bức tường đã sụp xuống thành từng mảng do ẩm ướt và cũng do quá lâu đời.

Chính vì thế mà anh chàng thợ nề đến gọi tôi. Năm nào cũng vậy, anh ta kéo tôi đi làm thợ phụ. Tôi xếp gạch và trộn vữa cho anh ta, thỉnh thoảng, tôi cũng giúp anh ta xây tường. Đây là một công việc tôi rất thích vì ta có thể tiếp tục nhìn thấy thành quả của mình để ước tính bao lâu thì xong.

Công việc đầu tiên là sửa chữa lại bức tường cuối khu vườn của Viện Mồ Côi - một bức tường cao, dáng khum khum như cái lưng gù với cây cỏ mọc đầy ở trên. Phía bên kia bức tường, thực sự đó là một xứ sở rộng mở, một khoảng đất với nhiều cây ô liu oằn xuống. Tường hư hỏng nhiều chỗ nên anh thợ nề nói với Mẹ Bề Trên rằng để làm cho chắc thì phải xây lại hoàn toàn từng mảng một.

Mẹ Bề Trên là một nữ tu dáng người nhỏ nhắn, da nhăn nheo, khô khốc. Khuôn mặt bà hầu như chẳng có gì ngoài đôi mắt, bên trong thì sáng còn bên ngoài được viền bằng những đường tối. Bà nói:

- Chúng ta phải tin cậy được ở bức tường, tôi nhân danh Đức Chúa Trời khẩn nài anh làm cho tốt.

Bà nhìn một cách muộn phiền vào những cây ô liu nằm rải rác dưới chân đồi y như chúng là những kẻ thù sắp hàng sẵn sàng tấn công khu vườn.

Đây quả là một nơi lý thú để làm việc. Buổi sáng, chúng tôi nghe ở phía sau là tiếng đọc kinh và phía trước là những cây ô liu với cành lá đong đưa trong làn gió xuân dịu. Đầu tiên, chúng tôi kéo đổ một khoảng tường. Anh thợ nề dùng cuốc chim để cuốc, còn tôi thì lượm đá sắp thành từng chồng ở bên trong khu vườn. Khu vườn nhỏ hẹp tối tăm nhưng khi lỗ hổng được mở ra thì ngọn gió mùa xuân cũng len được vào bên trong.

Ít hôm sau, các cô gái cùng ba nữ tu giám sát cũng đi vào khu vườn. Tất cả đứng thành một vòng tròn chung quanh lỗ hổng của chúng tôi, nhìn một cách thèm thuồng ra phía ngoài. Các cô là những người đã đi trong đám tang Alderman. Tôi nhận ra các cô người nào người nấy đều có một vẻ mặt giống nhau y như tất cả đều là con gái của cùng một bà mẹ duy nhất, to lớn và kỳ quái. Nhìn gần, chúng tôi thấy các cô đều xấu xí, dáng điệu cứng đờ như thể thuộc về người của thế hệ trước.

Ngay cả những cô nhỏ nhất cũng chẳng muốn chơi dù rằng có nhiều viên đá tròn trong khu vườn và rải rác đây đó là những bông hoa xanh vàng đẹp đẽ từ những bắp cải nhú ra - những bông hoa mà các cô phải hái vì bây giờ là mùa xuân. Nhưng tất cả các cô đều mặc bộ áo quần đen nặng nề sát đến tận cổ và có lẽ vì vậy mà các cô cũng chẳng cảm thấy muốn chơi đùa.

Ba cô nữ tu cố bắt các cô nối nhau thành một cái vòng và các cô vâng lời một cách lơ đãng. Khi quây thành vòng tròn, các cô đều quay đầu về phía lỗ hổng, nhất là những cô lớn. Anh thợ nề nói với nụ cười nhăn nhó: "Tôi biết đó là cái duy nhất mà họ có thể làm."

Các nữ tu, thay vì hát và quây thành vòng tròn, bắt đầu im tiếng và đứng lặng đi một cách buồn bã. Trong lúc đó, tôi bắt đầu trộn vữa và hai trong số các cô gái đến thọc ngón tay vào trong thùng vữa. Tôi nói với các cô là vữa sẽ làm cháy tay đấy, nhưng hai cô gái vẫn giữ ngón tay trong thùng, thậm chí còn nhúng vào sâu hơn cho đến khi một nữ tu nắm vai hai cô kéo đi.

Trời quá nóng, anh thợ nề phải cởi áo ra. Ngực anh ta vẫn còn gầy gò và trắng vì thời gian nghỉ đông. Thấy vậy, các nữ tu vội vàng dẫn các cô gái đến cuối khu vườn, nhưng các cô cũng cố ngoái nhìn chúng tôi, nhất là cái nhìn của một trong những cô gái lớn, có lẽ là lớn nhất trong tất cả. Cô ta có bím tóc nâu với dải ru-băng cột ở cuối và một khuôn mặt đầy mụn đỏ.

Tên cô là Letitia. Chính cô đã nói cho anh thợ nề biết như thế vào một trong những ngày kế tiếp khi các nữ tu bắt đầu quen thuộc với sự hiện diện của chúng tôi và các cô gái có thể lân la đến phần có lỗ hổng - cái lỗ hổng từng khoảng một tiếp tục đóng lại rồi mở ra dọc theo bức tường. Một lúc nào đó, ba hoặc bốn cô đến nhìn chúng tôi rất kỹ trong khi những cô khác đánh lạc hướng các nữ tu.

Chỉ có Letitia đến thường xuyên hơn vì cô ta chẳng đợi đến phiên, và khi cô đến thì anh thợ nề

thường cố tình mở nút áo ra để lộ những nhúm lông ngực đen ngòm mặc dù anh ta đã bị Mẹ Bề Trên bắt phải mặc áo đàng hoàng trong suốt thời gian làm việc

Cũng có đôi điều trong khu vườn mà tôi không tài nào hiểu được, đó là một cái gì nặng nề đang cố thoát ra hoặc chui vào xuyên qua lỗ hổng, dù thực ra, Mẹ Bề Trên có nói là bà đòi hỏi chúng tôi đoan chắc lỗ hổng phải được đóng lại cẩn thận mỗi buổi chiều khi xong việc.

Nhưng điều phi lý và khó hiểu nhất đã xảy ra vào một buổi chiều khi Mẹ Bề Trên nhìn vào trong khu vườn, vỗ đôi bàn tay nhỏ nhắn, nhợt nhạt của bà để gây tiếng động đủ để xua đuổi bầy chim đậu ở những cây ô liu gần nhất bay đi. Hình như rằng sau đó, một đám mây che phủ cái mặt trời mờ nhạt vốn từ lỗ hổng của chúng tôi chiếu lên khuôn mặt của các cô gái. Mắt của các cô trở nên buồn thảm và bất động, hình như tất cả vụt trở nên rỗng không nhưng nếu ta nhìn các cô gần hơn, ta sẽ có thể nói, chúng chứa đầy sợ hãi và hận thù.

Tôi cảm thấy có một nỗi thúc bách phải di chuyển khỏi cái lỗ hổng để các cô tự do lang thang rong chơi giữa các cành ô liu trên dải đất sáng có những đường nứt. Hình như anh thợ nề cũng thế, anh cảm thấy một nỗi thúc bách như tôi bởi vì anh vẫn còn giữ cái bay giữa khoảng không, mắt nhìn Letitia một cách nghiêm trọng.

Mẹ Bề Trên tiến tới chỗ chúng tôi, làm dấu thánh giá, và nói cùng một câu như thường lệ: "Này các con hãy gắng lên, vì Chúa đã gọi đến với Người một trong những ân nhân đáng yêu nhất của chúng ta và chúng ta

LUÂN HOÁN

CÙNG XUÂN LÀM... THƠ

dễ chừng hồn vía mùa xuân
đứng ngoài cửa sổ nhón chân ngó vào...

thấy tôi mở mắt chiêm bao
giữa mai, thược dược, cúc, đào, thủy tiên...
khói trà Mai-Hạc bén duyên
lên ngòi bút thả đàn tiên xuống trần
tay đìu nét chữ lâng lâng
pháo giao thừa khắp châu thân nổ dồn
trầm hương dự trữ trong lòng
sáu mươi năm sổ cánh bồng bềnh bay

tôi rơi thanh thoát xuống ngày
tiền mừng tuổi giữ thơm tay thăm chừng
trái tim lựng chựng đi cùng
hương nếp bánh tét bánh chưng quanh làng
tiếng gà-kéo hụt hơi...vang
vờn bong bóng lợn nhuộm vàng nhuộm xanh
ngọn cờ phướn gió bọc quanh
dành nhau xô cả nắng hanh vàng cờ
con bài trùng đợi bao giờ
mê ai chẳng tới, tôi chờ... chờ suông

phất phơ mưa ướt cỏ vườn
mười lăm mười sáu... xuân dường như xa
cành mai chậu cúc đã là
một đường mắt liếc một tà áo bay
hâm tám cúi mặt cởi giày
chặt đi một đoạn chân đầy cỏ hoa
xuân nằm trên bụng băng ca
nghe trời đất bỏ sót da thịt thừa
câu thơ úng đọt nước mưa
còn chưa thủ phận, buồn chưa hỡi người ?

dễ chừng mùa xuân với tôi
có hàng trăm đứa con rơi trong đời
nhìn từng sợi tuyết dong chơi
lòng xuân nên gặp xuân thôi, dễ dàng

vui tay dọn trống góc bàn
rước em nằm xuống mơ màng với ta...

luân hoán (09-12-2001)

phải theo Người đi vào nước trời vinh quang của Người."

"Thưa mẹ, con đau chân", một trong các cô gái nói. Một cô khác nói cô đau đầu nhưng Mẹ Bề Trên biết các cô nói dối nên nhìn các cô một cách nghiêm khắc với đôi mắt trắng dã bên trong cái vòng tròn tím của những vết nhăn. "Người ta phải biết ơn những ân nhân của mình," bà nói, "sự vô ơn sẽ dẫn đến hỏa ngục."

Khu vườn đã trống không và cái lỗ hổng của chúng tôi trở nên vô dụng. Anh thợ nề và tôi vội vàng dùng đá lấp kín để ngăn không cho cái chết đi vào khu vườn. Nhưng cái chết cũng cứ vào. Cái chết như được ghi khắc trên những cái nhìn của các cô gái khi họ trở lại với chúng tôi. Từ nơi các cô gái toát ra mùi sáp ong và mùi những đóa hoa thối rữa trong khi da của các cô sáng và căng ra trên những cái trán vồ thấp y như từ rất lâu các cô đã phải mang trên đầu một cái gì rất nặng nề.

Các cô đứng túm tụm vào với nhau chung quanh cái lỗ hổng và thầm thì nói chuyện khi các cô trở lại. Lúc đầu, thật không thể biết các cô nói những gì, nhưng rồi chúng tôi cũng biết ra là các cô đang nói xấu những người chết. "Ông kia nằm đó với cái miệng méo xẹo" và "Ông này thì lại chẳng biết đến cả khép mắt lại." Giọng các cô the thé và chứa đầy sự thù ghét. Họ nói: "Cậu có để ý cái gã kia không, hắn ta bốc lên cái mùi sao sao ấy!"

Chúng tôi ở lại hầu như suốt ngày, tai vễnh lên nghe ngóng và rồi khi có tiếng chuông chậm chạp vang lên thì chúng tôi cảm thấy rùng mình vì điều đó có nghĩa là có thêm một kẻ thù nữa cần phải đối phó. Mỗi người chết đều có một kẻ thù mới.

Các cô gái Viện Mồ Côi cứ mỗi ngày một héo hon đi, những cô nhỏ tuổi thì không thấy lớn dù đang là mùa xuân. Ngay cả những nốt mụn trên má của Letitia cũng hầu như lặn xuống, nhưng hơn tất cả mọi thứ, cái chết như cứ hút cạn dần sinh lực bên trong của các cô gái từng ngày từng ngày qua các đám tang khiến cho họ trở nên như vô hồn.

*

Tôi biết mọi chuyện rồi cũng có lúc kết thúc. Chúng tôi đã làm đến đoạn cuối của bức tường và như thế thì sau đó, chúng tôi phải vĩnh viễn đóng kín cái lỗ hổng của chúng tôi, con đường duy nhất mà mùa xuân có thể đi vào khu vườn ủ rũ của Viện Mồ Côi.

Tôi chẳng rõ anh thợ nề có cùng ý nghĩ như tôi không, nhưng hôm đó, một buổi chiều, cả hai chúng tôi ra về mà vẫn để lỗ hổng mở rộng. Trời đã mờ mờ, mặt trời xuống ở chân trời, thấp hơn ngọn đồi, đang dọi những tia sáng của nó xuyên qua lỗ hổng tràn vào trong khu vườn. Tuy nhiên, chỉ một khoảng thời gian ngắn sau, bóng tối tràn đến và Mẹ Bề Trên không để ý là bức tường đã hoàn toàn để ngõ, hướng đến các cành ô liu vui vẻ.

Tôi đến núp sau một cây ô liu còn anh thợ nề núp ở một cây ô liu khác, mình mặc cái áo sơ mi trắng, không gài nút. Chúng tôi lặng lẽ đợi, lòng rộn ràng trong một buổi chiều thoang thoảng mùi hương đầy tiếng dế kêu và lá non. Bỗng nhiên, hồi chuông báo tử ngân lên và tiếng dế vụt im bặt.

Anh thợ nề và tôi băn khoăn chờ đợi và trước khi tiếng chuông buồn thảm ngưng lại thì có một cái gì lay động ở lỗ hổng của chúng tôi.

Những cái bóng nhỏ lưỡng lự chun ra khỏi lỗ hổng, bóng này kế tiếp bóng kia và một khi đã ở bên ngoài rồi, những cái bóng chạy ùa xuống đồi đầy cả những cành ô liu.

Bây giờ các cô gái chạy một cách thoải mái giữa các cây ô liu giống như bầy cừu ra khỏi chuồng lúc rạng đông, sung sướng đến nỗi toàn vùng ngập tràn tiếng la của các cô để rồi cũng từ lỗ hổng, một, hai, ba, năm nữ tu mặc đồ trắng chạy đuổi theo, tay vẫy vẫy như những con quỷ.

Đây là một cuộc săn đuổi kỳ lạ trong đêm. Anh thợ nề cũng tham dự vào đó. Những cô gái vừa chạy vừa cười từ cây ô-liu này đến cây ô liu kia, còn các nữ tu thì vừa đuổi vừa thở hổn hển nhưng chính họ cũng hạnh phúc khi được chạy trên khoảng đất đầy hương.

Cuối cùng thì họ cũng bắt được tất cả các cô gái, chỉ trừ có một người, đó là Letitia. Chính anh chàng thợ nề đã giữ được nàng lại. Suốt đêm dài, các nữ tu vẫn tiếp tục gọi Letitia giọng ngân nga như đọc kinh, để rồi mất hút trong bản hợp xướng vang vang của bầy dế.

Sườn đồi đầy các bước chân của các nữ tu áo trắng mảnh khảnh đang lom khom dò tìm trong các nương rãnh. Và thị trấn của chúng tôi, vốn nằm ở vị trí cao nhất trong vùng, đêm đó, chẳng biết bao nhiêu đèn đuốc được thắp lên, tạo nên một bầu không khí của lễ hội và phép lạ.

Nhưng rồi hôm sau, tôi phải tự mình đóng kín lỗ hổng trên bức tường của Viện Mồ Côi./.

DI NGÔN LẠ

TÂM THANH

Diệu có hẹn với Minh Đức, con bạn từ Trondheim xuống chơi bằng xe lửa. Vì xe tới trễ nửa giờ đồng hồ, Diệu lên đại sảnh chơi. Cái vòm nhà ga cao ngút, những cửa hàng bán đồ kỷ niệm rực rỡ ánh đèn, và cảnh người tấp nập đi lại hoặc chờ đợi, bao giờ cũng là một cái thú cho một cô gái có lần sống bốn năm trong rừng u tối của khu kinh tế mới, ngày ngày nhìn những chuyến xe lửa vàng đèn lao qua.

Bỗng cô thấy một người đàn bà sang trọng đứng lục bóp, rồi lục túi xách. Các bà các cô lục túi giữa đường giữa chợ là chuyện thường, quên chìa khóa xe, tìm điện thoại, tìm địa chỉ hẹn... nhưng nhìn một bà sang trọng như thế kia mà đi lục túi một cách cuống quít trước cầu tiêu công cộng thì nhất định không phải là chuyện thường. Khi bà bắt đầu giậm chân như đang nhảy quick step thì Diệu đã hiểu hết nội tình ngoại lý, và không nghĩ ngợi thêm nữa, cô bước tới, dúi vào tay bà đồng năm kroner. Bà không kịp cám ơn, lật đật nhét đồng tiền vào lỗ khóa. Nhưng có lẽ khi con mắt nhìn thấy cánh cửa cầu tiêu, các loại cơ vòng, cơ nhíu trong bà tưởng giờ giải phóng đã điểm, không chịu nổi sự kềm kẹp của thần kinh hệ trung ương nữa, bàn tay bà run lẩy bẩy, nhét đồng tiền không lọt. Đồng tiền rớt ra ngoài, lăn tới chỗ Diệu đứng. Diệu vội vàng nhặt đồng tiền, nhét vào lỗ khóa giùm bà. Bà mở cửa, nhào vô. Diệu hy vọng bà chạy... kịp.

Trong lúc bà làm cái việc mà người thanh tao gọi là "việc cần," Diệu đứng ngoài mỉm cười, lẩm bẩm:

"Nhất định đây là đối tượng lý tưởng của di chúc!"

Một cái di chúc kỳ cục.

Cách đây chín năm, lúc mới ở đảo sang, Diệu bị lao phổi, phải nằm bệnh viện Glittre, một bệnh viện bài lao cũ kỹ nằm trên núi, phía bắc Oslo. Diệu nằm chung phòng với một bà già người bản xứ cô độc. Mặt bà nhỏ teo như một trái táo héo, nhưng tươi cười. Diệu cũng cô độc, em trai chết vì mìn, cha mẹ chết vì vượt biên, cô sang Na-uy một mình. Hai người cô độc, đồng bệnh dễ trở thành bạn. Bà thích ăn cùng lúc với Diệu trên cái bàn con đặt gần cửa sổ nhìn ra rừng thông. Ăn xong, bà thường rủ Diệu ra coi chương trình truyền hình thiếu nhi, rồi trở về phòng ngồi kể chuyện "hồi đó". Có điều gì bất mãn với "thời nay," ví dụ ngày nay người ta chỉ biết đồng tiền, bọn trẻ không biết nhường bước cho người già, người giầu chạy sang Venezuela và Tây-ban-nha trốn thuế, người nội trợ phơi quần áo ngày chủ nhật... bà thường nói:

"Thiệt tình! Không biết mắc cỡ!"

"Bệnh lao là bệnh của người nghèo. Ngày nay, nước Na-uy giầu có mà để còn bệnh lao. Thiệt tình! Không biết mắc cỡ!"

"Vương quốc Na-uy mắc cỡ hay... bà mắc cỡ?"

Bà cười. Trái táo dúm dó một cách... tươi tắn.

Vừa kể chuyện, bà vừa nắn bóp cánh tay cho Diệu, như là để "cầm" người nghe chuyện. Khi cửa phòng mở và có người khác qua lại, Diệu thấy ngượng, nhưng phân tích mãi không biết tại sao lại phải ngượng, cô để yên cho bà thoa bóp như bà ngoại nắn xương cốt cho mấy đứa nhỏ.

Sau thời gian trên nửa năm điều trị, Diệu lành bệnh. Ngày chia tay, cả hai bà cháu cùng khóc. Bà nói:

"Cháu bóp tay cho bà một chút!"

Diệu cầm cánh tay khẳng khiu của bà thoa nắn, thấy mặt bà thư giãn, khoan khoái. Lúc đó Diệu mới hiểu thoa bóp là một món quà mấy tháng nay bà chỉ cho mà không được nhận. Diệu không biết bà cần.

Trở về đời sống bình thường, bận học hành. bận vớt vát lại thời gian mất mát vì bệnh tật, và nhất là tại cái tính lần khần, Diệu không trở lại thăm người bạn già. Một lần đi trượt slalom trên Geilo, Diệu dừng chân trên đỉnh núi, nhìn trời xanh và ánh sáng chói lọi trên tuyết, cô sực nhớ tới bà già, và bỗng nhận ra một điều: hai ba năm nay cô ngần ngại trở về núi Glittre có lẽ trong thầm kín không muốn trở lại những tháng ngày u ám.

Mặc cảm "trâu chậm uống nước đục" khiến Diệu cố gắng hết sức, nhờ thế cô được điểm cao

trong kỳ thi tốt nghiệp trung học. Lòng Diệu nhẹ lâng lâng, một tương lai rực rỡ hiện ra trước mắt: cô sẽ xin vào học một ngành "đắt" nhất, sẽ ra trường và làm thật nhiều tiền. Với chức vị "sĩ" và một trương mục năm sáu con số, cô sẽ ngẩng mặt lên với đời. Giấc mộng đẹp đó cô không biết chia sẻ với ai, bỗng nhớ tới bà già, người thường nói với cô "Con đừng lo gì cả, den tid den sorg."* Cô lên bệnh viện tìm thì được biết bà chết rồi. Bà chết vì sưng phổi. Thấy Diệu khóc nức nở, các cô y tá chạy đi tìm bà y tá tên Marit ngày xưa thường chăm sóc cho cả hai người, Diệu và bà già. Marit đưa lại cho Diệu một bức thư do bà già gởi. Thư đề địa chỉ tạm của Diệu, đóng dấu bưu điện: "Trả lại - Không rõ người nhận." Marit nói:

"Tôi giữ cái thư này, hy vọng có ngày cô trở lại... May quá cô trở lại thật!"

Bức thư viết về những việc nhỏ bé xung quanh căn phòng bệnh, như thói quen của bà khi còn sống:

"Glittre ngày...

"Diệu thân mến,

"Sao lâu quá con không trở lại thăm bà? Chắc con bận học? Con có khỏe không? Có giữ ngực ấm không? À, ở đây bà vẫn khỏe. Con Fin, con sóc trên cây thông gần cửa sổ phòng mình đó, con nhớ không? có thêm một con bạn. Cây xương rồng bà quên tưới ba bốn tháng, vậy mà hôm lễ Phục sinh, nó ra một chùm hoa đỏ thắm. Con mà ở đây thì tha hồ ngắm và ngạc nhiên. Các cô y tá tới, bà khoe, họ trầm trồ khen, nhưng khi bà đề nghị tặng thì ai cũng từ chối. Con nhớ cái đồ xỏ kim con cho bà không? Tiện quá, nhưng tay chân bà thế này còn khâu vá gì nữa, bà cho chị lau nhà, chị ta cũng không lấy, nói mất còn tỏ. Bà buồn vì bà không có gì để cho. Cái buồn khác trong bệnh viện là những người vô sau họ lại về trước mình. Như vậy có nghĩa là bà sẽ ở lại đây vĩnh viễn, cho tới khi Chúa tới rước đi. Trước khi chết, bà chỉ thắc mắc một điều: Có thể nào người nghèo giúp đỡ người giầu được không? Con thấy đó: người giầu, nếu muốn, làm vui lòng người nghèo, dễ quá. Nhưng ngược lại thì sao? Con còn sống thêm nhiều năm tháng, con thử trả lời câu hỏi trên cho bà. Bà không có người thân trên đời. Sáu tháng ở chung phòng, con đã thành người thân duy nhất của bà, bà để lại tất cả tài sản của bà để con làm việc này:

Giúp cho những người giầu kẹt tiền.

Con hãy coi đây là di chúc của một bà già lẩm cẩm.

Con ở lại bình yên.

Solveig

PS: Kèm theo 10 kr."

Làm sao, với mười đồng, người ta có thể "giúp cho những người giầu kẹt tiền"? Diệu ngồi xuống cái ghế bành mà bà Solveig thường ngồi coi chương trình truyền hình thiếu nhi.

"Marit, bà nghĩ tôi phải làm gì?"

"Đưa mười đồng cho Frelsesarméen" *

"Frelsesarméen chuyên giúp người nghèo, tôi sợ không hợp với tinh thần di chúc Solveig. Nếu giúp người nghèo thì đâu có gì rắc rối."

"Bà Solveig này cũng rắc rối thật đó."

"Lúc còn sống bà ấy hay đùa trẻ con lắm. Có thể bà viết di chúc đùa không?"

"Theo cách viết trong thư thì bà ấy nói nghiêm nghị. Tôi nghĩ bà ấy muốn nhắn gởi gì đó cho riêng cô."

"Vâng, tôi cũng nghĩ thế. Nhưng dù sao tôi nghĩ tôi phải làm theo lời di chúc, tới đâu hay tới đó."

Bà Marit bỏ đi giúp một người đẩy cái xe lăn vào thang máy, rồi trở lại nói:

"Tôi nghĩ ra rồi: cô đem cho Hội Hồng thập tự là xong."

"Sao vậy?"

"Hồng thập tự là một hội có quỹ cả trăm triệu, tức là giầu; nhưng lúc nào cũng kẹt tiền."

Diệu nghe nói hợp lý, cầm tờ giấy bạc đưa cho bà Marit:

"Vậy bà cầm và đưa cho Hồng thập tự giùm."

"Không được, di chúc đề đích danh cô, cô phải thi hành."

Diệu nửa đùa nửa thật:

"Giữ lá thư, bà cũng đã vô tình dính vào vụ này rồi... Vậy tôi xin giữ tiền, nhưng đề nghị bà là kiểm soát viên của cái quỹ... gọi là quỹ gì?"

"Quỹ di tặng," bà cười nói tiếp "Nhiều người trước khi chết, để lại gia tài cho một một công cuộc từ thiện, một lý tưởng. Giải Nobel là một trong các quỹ này. Na-uy có hằng chục ngàn quỹ di tặng. Có quỹ lớn hằng chục triệu, có quỹ nhỏ mươi ngàn, nhưng theo tôi biết, chưa có quỹ nào nhỏ như cái quỹ này - mười đồng!"

"Tôi không ngờ Solveig nghèo thế."

"Cô biết tại sao bà ấy hết tiền không? Tiền hưu mỗi tháng bà cho các cơ quan từ thiện hết, chỉ để lại chút tiền tiêu vặt. Điều này, bà chết rồi người ta mới biết. Mười đồng này là 'đồng bạc của bà góa' trong Thánh Kinh đây."

"Vậy mười đồng cuối cùng này, chúng ta càng

phải trân trọng hơn. Bà giúp tôi quản lý cái quỹ này, nhé?"

"Cũng được."

Xuống núi Glittre, Diệu mua hoa đi thăm mộ bà Solveig. Cô vuốt cây thánh giá bằng xi-măng mà tưởng tượng đang vuốt cánh tay bà già, nước mắt cô tuôn ra.

Do một động lực vô hình, Diệu không tặng mười đồng cho hội Hồng thập tự, mà giữ trong người. Lúc nào cô cũng để mười đồng trong bóp, lúc đầu là chính tờ mười đồng của bà già, sau Ngân hàng Quốc gia thâu hồi tiền giấy, phát hành đồng cắc, cô cất tờ giấy làm kỷ niệm, và mang tiền cắc. Lúc nào cũng rình chờ... cơ hội. Nhiều lần Diệu tưởng làm xong nhiệm vụ tới nơi, ví dụ cái lần gặp một ông đi Mercedès, không có tiền lẻ đậu xe, Diệu đưa tiền, ông không lấy mà còn trợn mắt ngạc nhiên; lần khác, hồi điện thoại lưu động còn hiếm, một bà sang trọng cần điện thoại công cộng mà không có tiền lẻ, Diệu xăng xái lấy đồng mười của mình, thì máy nó lại không nhận. Diệu có một bà bác ở Mỹ, có ba tiệm "neo," ngày thu vào khoảng mười ngàn đô, nhưng lúc nào cũng than kẹt tiền, Diệu tính hay là đổi mười đồng Na-uy ra một đồng mốt Mỹ gởi sang cho bà ấy đỡ kẹt; nhưng sợ bà ấy chửi cho, Diệu không dám. Cứ thế, Diệu không làm sao thanh toán cái của nợ đi được. Trừ một điều là Diệu học được thói quen chú ý tới những nhu cầu nhỏ bé của người khác, những nhu cầu đáng giá khoảng mười đồng krone, đồng mốt đô Mỹ.

Hôm nay Diệu hy vọng đã gặp đối tượng "giầu mà kẹt tiền" rồi. Người đàn bà đang ở trong cầu tiêu, trông có vẻ giầu sang, không giám đốc, cũng bác sĩ, luật sư hay thương gia, Diệu nhất định phải chờ bà ra.

Cửa nhà vệ sinh mở, bà sang trọng đi ra, mặt mày nhẹ nhõm, sảng khoái. Thấy mặt Diệu, vẻ sảng khoái biến ngay ra vẻ ngạc nhiên, rồi chỉ một giây, bà vỡ lẽ:

"À! Cô chờ tôi? Tốt lắm, cô chờ tôi chút, tôi đi rút tiền ở minibank trả lại cô."

Diệu không kịp cải chính, cứ lẽo đẽo theo sau bà, như một mụ đi đòi nợ. Bà nện giầy cao gót vững chãi tới minibank, che thật kỹ trong lúc bấm mật mã, rút tiền và mua một tờ *Financial Times* trong quán Narvesen. Bà đưa đồng tiền năm đồng cắc cho Diệu với một vẻ hơi hơi khinh thị:

"Cám ơn đã cho mượn."

"Không có chi, nhưng tôi không lấy lại tiền đâu. Tặng bà đó."

"Tại sao vậy?"

"Bà bị kẹt."

"Lúc nãy tôi kẹt, nhưng bây giờ tôi có tiền rồi."

"Tôi tính lúc nãy thôi. Dễ gì một người như bà có lúc kẹt, cần đến năm đồng bạc."

Người đàn bà nở một nụ cười rất ư cao thượng, chứng tỏ bà biết rằng không gì cao thượng bằng để cho một kẻ tầm thường tưởng họ cao thượng. Bà tung đồng tiền lên bắt lại, cử chỉ thật trẻ trung, thể thao:

"Vậy thì cám ơn cô."

NGUYỄN NAM AN

Nhớ Xa Xưa Nhỏ

Mẹ sinh con đâu có du côn
Con lớn vào đời đâm ra cà chớn
Nhưng yêu nước non mình những ngày khôn lớn
Như thương con xóm buồn lúc đầu núi cô đơn

Là lúc hoàng hôn xuống muộn lưng đồi
Có mái poncho chống trời che đất
Có trái mìn đêm gài ngăn che bất trắc
Nằm nhớ Sài Gòn ai mắt trên vai

Ai mắt trên vai sao ngại nhớ về
Anh uống rượu say đứng bên thành giếng
Soi mặt sạm đen của thời chinh chiến
Thấy xa xưa còn đôi mắt xanh không

Chẳng biết nữa nhưng đêm trăng đồi chốt
Biết tình còn thức dậy lúc cô đơn
Anh cọ quậy trên võng nằm ngó xuống
Thoáng mùa đời côi cút nhỏ trăng buông

Mẹ sinh con đâu muốn con buồn
Con lớn con đi tìm hoài không thấy...

(24.03.02)

"Tôi phải cám ơn bà... Nhưng xin bà giúp tôi một việc..."

Bà nhíu mày:

"Gì nữa đây?"

Diệu nghĩ phải khoe với "kiểm soát viên" Marit:

"Xin bà ký nhận giùm."

Diệu đang loay hoay tìm một mẩu giấy và cây viết thì bà ta thảy đồng tiền cắc vào túi áo khoác cô, nói:

"Khùng!"

Thế là quỹ còn nguyên 10 kr, không suy suyển. Diệu nghĩ: tiêu mười đồng một cách chính đáng khó hơn tiêu mười ngàn.

Đúng lúc đó, loa phóng thanh báo xe lửa Trondheim tới.

Đêm đó, đi ăn và đi disco về, Diệu và Minh Đức nằm chung giường nói chuyện tới sáng. Phần lớn là chuyện bồ bịch và những kỷ niệm hồi mới sang Na-uy, nhưng có lúc sang chuyện đời, rồi sang chuyện bà Solveig, về lời di chúc. Diệu chưa kịp nói di sản lớn bao nhiêu, Minh Đức đã chồm lên mình bạn, như kẻ cướp khảo tiền bà già:

"Vậy thì đưa tiền đây cho tao!"

"Mày ăn gì mập như con heo, ngộp thở tao... Tại sao phải đưa tiền cho mày?"

"Tao đang tính sang cái kiosk mà kẹt tiền."

"Tao quên chưa nói cho mày biết: quỹ chỉ có mười kroner thôi."

Minh Đức lăn xuống nệm, thất vọng:

"Cái gì!? Mày học đếm chưa? Không mười triệu thì cũng phải mươi vạn, mười ngàn, làm gì có mẹ khùng nào có mười tiền mà cũng bày đặt viết di chúc?"

"Mày đừng nói hỗn, mích lòng người quá cố, bạn thân của tao đó."

"Nếu bả có tình cảm với mày như thế, chỉ cần viết cái thư thăm hỏi mày được rồi, bày đặt di chúc làm chi?"

"Gia tài bả chỉ có mười đồng khi nhắm mắt, để hết lại cho tao, còn đòi gì nữa? Mày là cái đồ tham tài bỏ ngõi!"

"Vậy sao mày không đem mua vé số quách. Biết đâu bà ấy chết thiêng phò hộ trúng số, chia đôi, mày xí một nửa, một nửa làm phước cho... tao."

"Bả đâu có ý cho ai tiền bạc. Có lẽ bả muốn nhắn khéo tao điều gì."

Diệu nhoài người, kéo ngăn bàn ngủ, lấy bức di chúc đưa cho bạn, tiếp:

"Biết đọc không? Đọc đi!"

Minh Đức đọc xong, "bình giảng" ngay:

"Cái di chúc này không bao giờ thực hiện được. Tao đố mày tìm được một người giầu mà không kẹt tiền! Tao đây mới nghĩ tới làm tiền đã thấy kẹt tiền rồi. Trước khi có ý tưởng sang kiosk tao không thấy thiếu tiền..."

Do kinh nghiệm về bà bác, Diệu biết bạn nói đúng, nhưng miệng phản đối một cách yếu ớt:

"Mày nói ngược đời lắm."

"Sao lại ngược? Này nhé: người giầu, một trăm người, chín mươi chín người muốn có thêm tiền, chín mươi chín người lúc nào cũng than kẹt tiền. Nhà giầu ai cũng... túng hết, nhưng họ túng bạc triệu, không ai túng bạc chục. Muốn lấp đầy những túi tham đó, một tỉ tỉ đô-la cũng như muối bỏ biển. Bà già Ba Tri của mày để cho mày một 'impossible mission'."

"Thì tao... kẹt với mười đồng của bà cả chục năm nay."

"Nhưng không sao, tao có kế cho mày..."

"Kế gì, đứng đấn thì nói, cà chớn, dẹp."

"Đứng đấn hẳn đi chớ... Mày thủ đồng tiền với chai dầu Cù-là trong bóp, gặp tên nhà giầu trúng gió, mày đè nó ra cạo, thế là cứu mạng nó."

Minh Đức ở chơi mấy ngày, ăn nói bạt mạng, lại còn đá lông nheo với bạn trai của Diệu, nhưng nó làm Diệu vui vẻ suốt một tuần lễ. Khi nó đi, Diệu cảm thấy trống trải. Ngồi trên xe điện về nhà mà lòng buồn rười rượi.

Bỗng nghe trên xe thơm lừng mùi bánh kẹp tàng ong và cà-phê. Diệu đã chứng kiến cảnh bán hàng rong khi đi xe đò ở Việt Nam. Mỗi khi xe ngừng ở bến chính hay bến phụ, người ta bu quanh xe mời: Nước mía đây! Trà đá đây! Bưởi đây! Ổi dầm đây! Dứa ngọt đây! Cơm sườn đây!... Không thiếu giống gì. Có người nhảy lên xe rao thuốc sâu răng, đau bụng, nhức đầu và thuốc trị bá chứng. Nhưng ở Na-uy, bán cà-phê và bánh kẹp trên xe là một hiện tượng lâu lâu mới xảy ra, như sao chổi hay nhật thực vậy. Thường các học sinh làm vào sáng sớm lúc xe buýt, xe điện đầy người đi làm, đi học.

Diệu nghe mẹ con hai người hành khách ngồi đối diện nói chuyện với nhau. Đứa bé gái chừng sáu bảy tuổi, lông mi cong và dài như lông mi giả:

"Thơm quá, má."

"Ờ, thơm."

Hai cô học sinh giới thiệu mục đích việc bán bánh là để gây quỹ giúp người tị nạn Phi Châu.

"Mình mua không, má?"

"Con ăn sáng rồi mà."

"Không phải con mua để ăn."

"Chứ để chi?"

"Để giúp người tị nạn."

"..." người mẹ nói rất nhỏ vào tai con, Diệu không nghe, nhưng đứa con cứ bô bô:

"Con có năm đồng."

"Bánh và cà-phê mười lăm đồng lận."

Diệu biết người Na-uy ít khi mang nhiều tiền mặt trong túi. Nhưng không mang nổi mười lăm đồng thì thật là quá... cỡ. Lỡ đạp bánh tráng người ta, tiền đâu mà đền?

"Ma...á!"

"Gì?"

"Má nói phải giúp đỡ..."

"..."

"Con phải giúp!"

Bà mẹ cúi xuống nói nhỏ một cách kiên nhẫn. Con bé thì cứ oang oang:

"Nhưng mà mấy chị đó sẽ buồn..."

Thật là một đứa bé có lòng, Diệu nghĩ. Hai em nữ sinh đã bưng cà-phê và bánh tới giữa toa xe, chỉ còn hai hàng ghế nữa là tới hàng hai mẹ con và Diệu. Cô định bụng sẽ mua ủng hộ. Cô nhìn đôi mi của đứa bé, nghĩ "Chị sẵn sàng đổi một trăm cái bánh kẹp lấy đôi mi của em." Sợ cái ý nghĩ ngộ nghĩnh của mình biến thành nụ cười không hợp lúc, Diệu cúi xuống. Và khi cúi xuống, cô chợt nảy ra một ý. Cô kín đáo móc túi lấy mười đồng bửu bối đặt xuống sàn xe. Khi hai cô học sinh tới, Diệu mua hàng và cố ý nhích đầu gối ra để con bé mi đẹp có thể nhìn thấy đồng tiền dưới sàn. Quả nhiên, con bé hô lên:

"Má!"

"Gì nữa? Má nói rồi!"

Nó chỉ ngón tay xinh xắn, có móng đỏ xuống sàn. Bà mẹ nhìn thấy đồng tiền, hỏi Diệu:

"Tiền của cô?"

"Dạ không."

Người mẹ thở dài:

"Thì con lượm đi!"

Con bé hí hửng lượm mười đồng và moi túi lấy năm đồng, đưa cho hai cô gái. Hai học sinh đưa cà-phê và bánh với một tờ giấy. Nhưng con bé bảy tuổi lắc đầu:

"Em không uống cà-phê, không ăn bánh."

"Các chị này đi bán hàng chứ không đi lạc quyên. Con phải lấy bánh đi. Má sẽ trả lại mười đồng bằng cách khác."

Con bé lấy bánh ăn, bà mẹ cầm cà-phê. Thái độ ngay thẳng mà phóng khoáng của họ khiến Diệu cảm thấy thư thái. Đồng thời cô cũng nghĩ biết đâu hôm nay là ngày mình làm tròn được lời di chúc kỳ lạ của bà già. Cô kín đáo quan sát y phục của hai mẹ con, thấy đồ rẻ tiền, không chứng tỏ được là một gia đình giầu có. Trừ phi họ là nhà giầu... giả dạng thường dân.

Giống như Diệu, hai mẹ con đi tới trạm chót mới xuống. Diệu đi được mấy bước, nghe gọi đàng sau:

"Cô!"

Quay lại, Diệu thấy bà mẹ. Đứa con, hình như, do lệnh của mẹ, đứng xa xa, đưa tay nghịch mấy bông hồng dại trên dốc.

"Cám ơn cô, nhưng cô không cần phải làm như thế."

"Bà muốn nói gì, tôi không hiểu?"

"Cô cấy mười đồng trên sàn xe."

Diệu buồn cười về chữ "cấy." Tuy nhiên trước mặt người đàn bà ngay thẳng này Diệu không thể chối cãi được:

"Tôi làm một việc khờ, bà tha lỗi."

"Không sao. Tôi biết cô có thiện ý. Nhưng tôi sẽ trả tiền lại cho cô."

Diệu coi đây là dịp may để tìm hiểu về gia cảnh người đàn bà.

"Không giấu gì bà..." cô bắt đầu kể chuyện về lời di chúc.

Rồi không ngần ngại hỏi thẳng:

"Câu chuyện đầu đuôi như thế đó. Bây giờ xin bà giúp tôi cho xong vụ này. Bà có... giầu không?"

"Tôi đi làm, lương tháng vừa vặn trả tiền nhà, tiền chợ, xe cộ, quần áo. Tôi phải tính thật kỹ từng đồng để khỏi thiếu hụt."

Diệu thất vọng vì một lần nữa không gặp đối tượng. Cô hỏi vớt:

"Có bao giờ bà cảm thấy thiếu thốn gì không?"

"Không bao giờ. Lúc nào chúng tôi cũng cảm thấy hoàn toàn đầy đủ. Con gái tôi lúc nào cũng hạnh phúc. Cô coi nó kìa! Thực sự chúng tôi cảm thấy mình giầu có. Chúng tôi chỉ cảm thấy 'thiếu' khi muốn giúp người khác..."

Diệu cảm động sung sướng, biết rằng mình vừa hoàn thành di chúc. Phần đầu./.

Chú thích:

* Den tid den sorg: (Tục ngữ Na-uy, nguyên văn: Tới đâu âu đó) Thời gian nào có đủ lo âu cho thời gian đó.

* Frelsesarmé: (Salvation Army) Đạo binh Cứu Thế, chuyên làm việc từ thiện, cứu tế.

TIẾU HOA

MIÊNG

Bà làm việc cật lực, nhưng chẳng phải vì tiền. Tại cái số nó vậy. Ai đời tên cúng cơm bà là Hoa, Tiếu Hoa, nên lúc nào môi miệng cũng tim tỉm, lại có ông chồng tên Nga (chính ra ông có tên Ngang, vì ông sinh ngược. Bố ông cho tên Ngang không sang, đặt Ngân cho nó kêu. Chừng đi làm giấy khai sinh, cái anh làm giấy là con bà tiệm may thường có thói quen xẻo bớt chút rẻo, nên anh cũng xẻo bớt một phần, chỉ còn lại là Nga. Trong khai sinh tên ông có đội mũ). Tên hai ông bà toàn là tên các cái nôi cách mạng vĩ đại cả, thành ra số bà là phải lao động mới vinh quang.

Bà đã sáu mươi hơn, ấy vậy mà cứ mạnh cùi cụi. Thoắt một cái là chạy ra chợ khuân về một đống nào thịt nào đậu xanh nào hành củ hành lá, tha hồ ai muốn đặt bao nhiêu cái bánh chưng thì đặt. Ăn bánh bà phát ghiền, phần vì rẻ phần vì ngon. Rẻ đến nỗi thiên hạ đùa nhau là thịt chuột. Ngon tới nỗi chất nếp mịn màng như không phải nếp hột, vừa độ dẻo ôm lấy cái lưỡi háu ăn, đậu xanh vừa bùi vừa thơm, bở ra trong đóc họng, thịt vừa độ mặn nhạt và rệu đến nỗi chỉ cần ấn nhẹ đôi hàm răng (dù giả) là thịt thà đã chui ngay xuống cổ. Tới trạm chót của bao tử rồi mà cái mùi lá chuối xanh, mùi tiêu, mùi hành, mùi mắm dân tộc hãy còn cứ phưỡng ở mũi. Tuyệt vời !

"Bác ơi, chu cha, nặng vầy làm sao bác bưng cho nổi?"

"Tôi có bưng đâu, cứ vớt ra từng cái, xả nước thì mở cái vòi đây nè. (Cười cảm động) Tội quá, ý tứ quá, biết lo cho bác."

"Còn cái cối như vầy làm sao bác bưng chận lên bánh được?"

"Cứ dần nó tới, dễ lắm, không sao."

Tôi nhìn một đống cối đá, nhăn mặt dạy đời :

"Sao bác không nhờ người làm cái cần quây lên quây xuống cho đỡ nặng?"

"Thôi thôi, như vậy thành kỹ nghệ rồi, đâu ngon lành gì nữa. Mỗi cái bánh chận lên ít nhất cũng phải hai mươi ký chớ ít sao. Mà thôi đừng lo, tội quá. Bữa đó cô đặt mấy cái?"

"Cháu đặt tám cái."

Bà quát :

"Chi mà lắm thế. Tôi chỉ còn ba cái đây này."

"Chết, không đủ bác ơi. Còn phải mang tới cho bà mẹ chồng..."

"Ối giời, mẹ chồng với chả mẹ chồng! Mang cho bà ấy mấy cái?"

"Bốn cái."

"Mẹ chồng già rồi mà ăn chi lắm thế. Mang cho bà ấy một cái thôi, còn cô hai cái. Thôi hết rồi đấy. Tôi chịu, làm bao nhiêu cũng không đủ!"

Chẳng ngạc nhiên gì vì bà Nga không hề có mẹ chồng, chỉ có bố chồng. Mà ông bố chồng thấy thằng con bẽn lẽn dắt về một cô Việt Nam xinh đẹp hiền thục thế kia thì cưng còn hơn cưng cái nhà từ đường. Gia đình bà Nga hồi đó cũng muốn gả cho ông Nga cho rồi, vì mới mười bảy tuổi đầu mà trông bà cứ phơn phớn đẹp, mắt mũi cứ tròng trành ướt át, người ngợm cứ tươn tươn lên bát ngát. Đám con trai Tàu ngày ngày lượn lờ trước cửa, khối thằng nhà giàu ra gì, nhưng bố mẹ bà lại ưng ý đám ông Nga hơn, dù sao cũng là giòng dõi con rồng.

"Mai bác còn nấu nữa không, cho cháu ít cái nữa."

"Không, mai tôi nghỉ đi chùa. Mai làm lễ cho nhà tôi đấy."

"A dạ !"

Mua bánh mà toàn dùng ngôn ngữ ăn mày. Đã nói là bà làm không phải vì tiền mà, bà bỏ công ra bố thí cho nhân loại đấy. Chớ nội căn nhà tổ bố phía trước cách nhà sau chỉ một cái sân nhỏ mà có bao giờ bà đặt chân ra đâu. Có, nhưng chỉ thỉnh thoảng để lau chùi. Nội cơ ngơi phía sau đủ bà hành nghề làm phước rồi. Mà nào bà có cần nhiều chỗ, cái nhà phía sau bày chai lọ để đựng nước mắm cho khách, bao ny lông thì treo dọc treo ngang chiếm hết ba phần tư căn nhà. Bà chỉ còn lại một khoảng nhỏ đặt cái bàn và vươn tay trái rút cái bao ny lông, vươn tay phải bốc bánh hay chả chiên hay thịt kho bỏ vào bao, rồi túm đầu bao lại, là đủ rồi, cần gì phải thênh thang? Bà lại thường đứng ngay cửa, tức khách đứng

ngoài, cần gì rộng hơn? Và nếu vì tiền, bà chỉ việc cho thuê hay bán phía trước đi rồi lúc thúc ở nhà sau nhai hoài tới hết đời vẫn chưa hết của mà!

Lúc nào bà cũng lịch sự tươm tất. Chắc trước khi hấp hối mà chưa kịp trang điểm thì bà không chịu nhắm mắt xuôi tay cho đặt xác vào hòm. Tới nhà bà dù chín mười giờ tối, và dù chỉ thắp cái đèn bóng tròn nho nhỏ mờ mờ, dù bà chỉ một mình, vẫn thấy bà áo dài truyền thống, phấn son chỉnh tề ra mở cửa. Hai cườm tay mang bốn cái vòng ngọc chạm vàng. Ngón tay nếu biết nói, chúng sẽ kiện bà về tội bóc lột sức lao động. Hẳn bà tiếc sao trời không cho thêm bà ít ngón nữa. Và nếu bà cần tiền, cứ lột mấy ngón tay ra cũng đủ có nhai có để rồi. Còn tai, may là già rồi chớ còn trẻ hẳn bà dám đục thủng nhiều lỗ dọc vành.

Nghe nói hồi cưới bà, ông Nga chẳng có gì nhiều, mà bà thì sính nữ trang từ nhỏ nên phụ thân ông cũng ráng lo cho bà đủ bộ lệ. Bà chẳng đòi hỏi gì lắm đâu, chỉ cái nghe lời con nhỏ bạn người Tàu, gì gì cũng phải có đôi: hai đôi bông tai, hai đôi vòng, hai nhẫn, hai cái áo cưới, hai đôi hài thêu. Ông người Việt bên Lào đã ba đời nên thiệt thà như đếm và nói tiếng Việt không rành. Hồi mới quen nhau, mỗi lần tới là ông cúi sát đất như lạy bố mẹ bà. Ngắm nghé con gái người ta có khác.

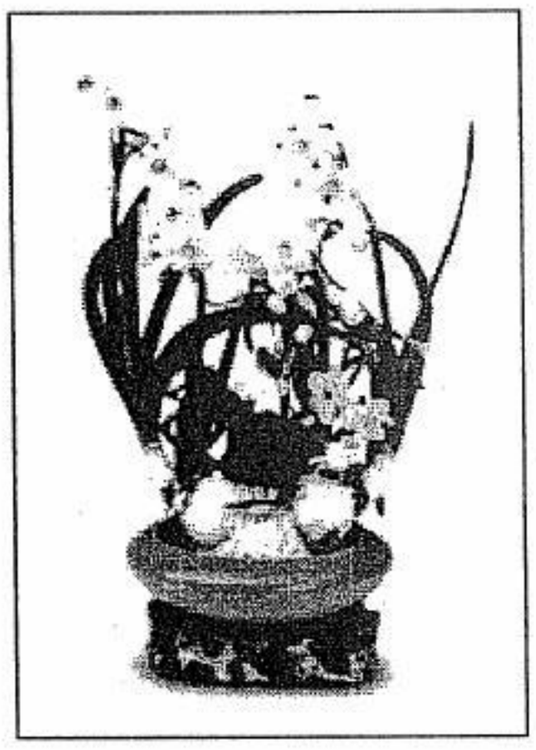

Về sau có lúc tâm sự với bạn bè, ông nói ông mê đôi mắt bà. Ông không tả gì nhiều nhưng ai cũng thấy ông nghệ sĩ đáo để. Vì dù bây giờ già rồi, đôi mắt bà vẫn tròn trịa với cái nhìn rất long lanh như mới nhỏ thuốc, thẳng thắn ngây thơ, hồn nhiên như nai. Đôi chân mày thì nằm ngang phè phè trên đôi mắt bồ câu ấy, tạo cho khuôn mặt bà một vẻ ngổ ngáo duyên dáng lạ lùng. Mới đầu thiên hạ cứ kháo nhau cười, nói không hiểu hồi mới đầu và sau khi cưới, ban đêm ban hôm ông tán tỉnh bà cách sao, chớ với nam phụ lão ấu gì ông cũng gọi bằng "anh" tuốt hết. Khi ông đem bánh trái giao tận nhà, chị bạn tôi ra nhận, ông "chào anh." Chị bạn nhìn trước nhìn sau tưởng chồng mình hiện hồn về đứng bên cạnh, còn ông Nga là người có cái gì nhỉ, ờ có lẽ là cái "thấu thị" với thế giới bên kia, chị đâm ra rờn rợn mỗi lần gặp ông Nga. Tới một hôm thấy ông cười cười hỏi con bé hàng xóm: "Chào anh, anh phẻ?" chị mới an lòng.

Từ ngày cưới, được cái vợ chồng cùng tuổi nằm duỗi mà ăn, huống chi hai ông bà chẳng hề nằm duỗi, cứ mở mắt ra là đấm đuối lao động nên chẳng những nhà cửa mọc cao lớn lên mà hai tay bà càng lúc càng chớp nháy. Tay bà càng chớp nháy thì chùa chiền đình miễu càng mờ mịt khói hương. Nhưng mãi mãi cũng chỉ rặn ra được một mụn gái. Qua Pháp làm ăn lậu chẳng thuế má gì, hai tay bà lại càng ngày càng nặng. Và mụn gái càng ngày càng bước theo tiếng nhạc nhiều hơn bước chân tới trường. Lúc đầu ông bà cũng buồn buồn. Riết rồi quen đi, bà bảo là cái gì cũng có số cả, chớ hồi tui còn trẻ, thiên hạ biểu đi đóng phim chớ học hành chi cho khổ. Mà cha mẹ tui gả chồng sớm quá chớ biết đâu... Cái số hết đấy mà.

"Bác có gì nữa cho thêm cháu."

"Có sẵn chả chiên đây. Lấy nhé?"

Bà Nga cúi nhặt mấy bao ny lông rơi vãi, xong vừa gãi đầu vừa kêu:

"Khổ, cô coi, thiên hạ cứ đặt hết thứ này tới thứ kia, chẳng có thì giờ mà gội cái đầu. Cô lấy một ký nhỉ?"

"Dạ. Là mấy cục hở bác?"

"Viên, mấy viên, có phải cứt đâu mà cục. Một ký mười viên. (Tay gãi đầu bây giờ bốc chả) Hai, bốn..."

"Cháu nghe nói bác trai..."

"Sáu. Phật gọi ông ấy đấy cô à, chớ thiếu gì chỗ trượt chân lại không chịu trượt mà phải đợi vào chùa, đợi lúc đi dạo hầu Thầy mới trượt? Mấy rồi nhỉ, ờ tám. Cô thấy đúng không nào? Mười. Ngon lắm. Thế là sốt chút xíu rồi đi đấy cô à, êm ái lắm."

"Dạ êm ái thiệt. Đi được như vậy là tốt quá !"

"Đã bảo Phật gọi mà! Ờ, cô đạo gì nhỉ?"

"Cháu đạo Thiên Chúa."

"Ừ, thế cũng tốt. Đạo Chúa thì chả tin gì sất nhỉ? Thế cô có tin là ông nhà tôi Phật gọi không?"

"Dạ không, chắc là Chúa gọi."

"Chúa gọi cái quỷ gì, người ta đạo Phật mà Chúa cô lại gọi là nghĩa làm sao. (Tay bốc chả bây giờ đếm tiền) Này, thối lại cô ba chục. Thôi về đi, dấm dớ!"

Paris, Septembre 1999.

TƯỞNG NHỚ
NHƯ PHONG LÊ VĂN TIẾN

ĐOÀN VIẾT HOẠT

Tối 18 tháng 12 năm 2001 khi còn đang ở Cali thì tôi được tin anh Như Phong Lê Văn Tiến đã mất rồi. Thật là một tin đau đớn bất ngờ dù trước sau gì mỗi người đều phải lìa xa cõi đời này. Bởi tôi vẫn luôn tin rằng anh sẽ thọ, rất thọ. Khi anh còn sống tôi vẫn thường nói đùa với anh rằng anh sẽ sống ít nhất đến 90 tuổi hoặc có thể tới 100 tuổi. Anh cũng đùa lại và nói với tôi rằng "sao cậu lại bớt đi của tôi những 26 năm." Nhưng anh Tiến ạ, 126 tuổi hay 78 tuổi cũng chỉ như một cơn gió thoảng, "như gió" đã đến đây và nay lại ra đi. Hay nói đúng như anh đã di chúc lại: "Tôi được 'Trở Về' nơi mà từ đó tôi đã đến với cõi đời này". (*)

Như Phong Nguyễn Văn Tiến

Tôi không hề biết anh trước 1975. Mặc dù ngay khi còn học trung học tôi và cả gia đình tôi đều là độc giả trung thành của nhật báo Tự Do do anh trách nhiệm. Sau này khi gặp anh trong tù tôi mới biết anh chính là linh hồn của tờ nhật báo nổi tiếng của miền Nam trước 1975. Sau 1975, vào tù cộng sản tôi mới có cơ hội gặp và quen biết anh, một người tôi hằng kính trọng và thương mến như một người anh, hơn thế nữa, như một bậc đàn anh nhiều kinh nghiệm và hiểu biết. Để tưởng nhớ anh, tôi xin trích lại từ Hồi Ký (sắp xuất bản) vài kỷ niệm nhỏ với anh trong cả hai lần tù cộng sản.

Đầu tháng 9 năm 1979 tôi bị đưa từ trại giam khám Gia Định (số 4 Phan Đăng Lưu) qua Chí Hòa. Đi chung xe với tôi có khoảng hơn mười người toàn xa lạ. Chúng tôi bị còng tay vào nhau, hai người chung một còng số tám. Xe chạy vào đường Hòa Hưng, chui qua cổng khám lớn Chí Hòa, vào thẳng một khu giam giữ. Xuống xe tôi thấy đã có nhiều tù nhân đang đứng ngồi lổn nhổn ở đó. Tất cả khoảng độ 3, 4 chục người. Khi chúng tôi tập trung xong, cán bộ bắt đầu kêu tên và phân phối mọi người vào các buồng giam tập thể ở khu BC.

Tôi và bốn người nữa được dẫn lên buồng 17 ở lầu ba. Trong buồng đã có khoảng hơn hai chục người nằm thành ba dẫy. Góc buồng có một cầu tiêu và một khu rửa chén, có hai cái vại xành đựng nước. Cầu tiêu xây cao hơn chỗ nằm, có vài bực thang để bước lên. Anh em trong buồng phải chăng giây treo một mảnh chiếu làm cửa che cầu tiêu cho đỡ trống trải.

Bốn người cùng vào buồng với tôi là các ông Như Phong Lê Văn Tiến, Nguyễn Toản, Cao Dao Nguyễn Trần Huyên và Đào Văn. Ông Như Phong là nhà báo lão thành, chủ trì tờ nhật báo Tự Do, tờ báo nổi tiếng mà trong thời kỳ Ngô Đình Diệm gia đình tôi vẫn đọc mỗi ngày. Ông Nguyễn Toản là Chủ Tịch Hội Đồng Tỉnh Quảng Ngãi một thời gian, một trong những lãnh tụ Quốc dân Đảng ở Quảng Ngãi. Cao Dao cũng là một nhà báo và một người có nhiều quen biết với giới chính trị gia và ký giả ở

Saigon. Còn Đào Văn là một luật sư, là đàn em của ông Lê Quang Luật, cả hai cũng đã từng theo Lý Đông A hoạt động một thời gian.

Trong nhóm năm người này thì tôi còn trẻ nhất, năm đó mới vừa 40 tuổi. Số phận chúng tôi, nhất là giữa tôi và ông Như Phong Lê văn Tiến, sẽ gắn bó với nhau một thời gian khá dài –gần 9 năm- ở Chí Hoà, nhà tù lớn nhất Việt Nam, và có

lẽ lớn nhất Đông Nam Á. Lúc đó chúng tôi cũng chưa ai biết, mà chắc chắn cũng chẳng ai nghĩ tới điều đó. Chúng tôi cũng như những người tình cờ gặp nhau trên một con tầu mắc nạn lênh đênh giữa trùng dương mênh mông không bờ bến. Chỉ có điều khác biệt là lúc đó cả năm người chúng tôi cũng như nhiều tù nhân chính trị khác trong nhà tù cộng sản đều vững tin rằng ngày tự do của chúng tôi sẽ đến. Bao giờ và như thế nào thì không ai biết được. Nhưng niềm tin vào sự tất thắng của lý tưởng Tự Do, của Nhân Phẩm hầu như đã cố sẵn trong huyết quản chúng tôi. Và nhờ đó chúng tôi thản nhiên đón nhận hiện tại, dù lúc đó chúng tôi chưa hề lường trước được hết những cam go khổ nhục của cuộc sống ở Chí Hòa trong gần một thập niên sau đó. Mà nếu được chiếu cho xem trước cuốn phim quay thời gian mười năm sau đó thì chắc không ai trong chúng tôi có thể dễ dàng chịu đựng được.

Chúng tôi ở buồng 17 khu BC đến sau Tết ta thì bị đưa xuống buồng 14 và ở đó cho tới đầu năm 1982. Đây là thời gian chúng tôi chịu nhiều khổ nhục nhất. Xẩy một chút là bị nhốt kỷ luật ngay. Tôi bị hai lần. Một lần bị bẩy ngày vì lên men rượu chuối để giỗ Tổ Hùng Vương. Năm nào vào ngày 10 tháng 3 âm lịch chúng tôi cũng tổ chức giỗ tổ. Mỗi năm tổ chức khác nhau tùy hoàn cảnh. Năm đầu tiên mới ở buồng 14 chúng tôi tổ chức thành công nhất. Nhờ sự giúp đỡ của ông Nguyễn Toản và một số anh em trẻ trong buồng, kể cả trưởng buồng. Hôm đó đúng buổi họp kiểm điểm buồng. Nhờ dặn nhau trước nên ngay trước khi họp buồng mọi người đã mặc quần áo tề chỉnh đứng nghiêm để làm lễ giỗ Quốc Tổ Hùng Vương. Trong lúc mọi người đứng nghiêm tôi bắt nhịp cho các bạn trẻ hát bài Giỗ Tổ, tôi nhớ lời nhưng không nhớ tác giả. Bài hát có những câu:

"Bốn ngàn năm văn hiến, cháu con Lạc Hồng một lòng xây đắp nhà Nam... Nay chúng con xum vầy bái dâng tâm hồn cùng khói hương say."

Hát xong buổi lễ chấm dứt mọi người bắt đầu họp buồng. Không thể làm dài hơn vì sợ cán bộ đi kiểm tra bắt được. Tuy ngắn nhưng ai cũng trang nghiêm rất cảm động.

Năm sau chưa kịp làm đã bị cán bộ vào xét buồng bắt được hũ rượu chuối đang ngâm đã lên men khá mạnh. Chúng tôi chắc bị báo cáo, vì cán bộ vào buồng là tới thẳng đầu giường chỗ tôi nằm lôi ra hũ rượu chuối. Tôi bị nhốt buồng kỷ luật ngay dưới gầm cầu thang mất bảy ngày đêm. Đi kỷ luật chỉ được mặc một quần đùi, mang theo một khăn rửa mặt nhỏ. Một chân bị còng vào một thanh sắt dài, ngồi tựa lưng vào tường. Mỗi ngày được phát một ca nước lã, mỗi bữa một bát cơm nhỏ không có canh hay rau gì. Trong buồng có một bô nhỏ để tiêu tiểu, không có nắp đậy và không có gì để chùi rửa. Phải xé dần cái quần đùi ra để chùi. Vì một chân bị còng vào thanh sắt nên mỗi lần muốn tiêu tiểu phải kéo cái bô về gần chỗ ngồi cố nhỏm người lên mà tiêu tiểu. Đêm ngủ rất khó nằm vì thanh sắt ở xát tường nên khi nằm chân bị chéo, còng cọ vào xương chân rất đau.

Lần kỷ luật thứ hai cực khổ hơn nhiều. Lần này bị tới hai tuần lễ. Nguyên nhân vì mấy thanh niên trong buồng đánh một tên ăng ten. Tên này chuyên báo cáo mọi việc trong buồng, kể cả những việc anh ta bầy ra cho các anh em trẻ trong buồng làm rồi ra báo cáo với cán bộ. Các bạn trẻ này chịu không được, một hôm hè nhau đè tên ăng ten này ra đánh một trận. Tất nhiên các bạn trẻ này bị đưa đi kỷ luật. Trước khi vào kỷ luật họ bị mấy tù nhân hình sự theo lệnh cán bộ đánh cho một trận nhừ tử. Về phần tôi họ thấy tôi thân với các bạn trẻ kia, nhưng vì không có bằng chứng gì nên cuối cùng bắt tôi về tội "mê tín dị đoan" vì lấy hộ các lá số tử vi để các ông Nguyễn Toản và Đào Văn coi. Hai ông này cũng bị vạ lây cùng đi kỷ luật với tôi.

Chúng tôi tất cả năm người, tôi, anh Toản, và ba bạn trẻ cùng bị còng chung một thanh sắt. Buồng kỷ luật chật chội, thanh sắt lại xát tường nên năm người chúng tôi phải ngồi dựa tường xát vào nhau suốt 15 ngày đêm, không có chỗ để nhúc nhích. Mỗi đêm tôi đều cố gắng đứng dậy nhiều lần để lấy chỗ cho bốn người kia ngủ. Anh Toản thì già yếu, ba bạn trẻ thì bị đánh ê ẩm tím bầm cả mình mẩy. Tội nhất là Thành đầu bạc, vốn gầy yếu sẵn. Tôi phải xoa bóp khắp cơ thể cho Thành chóng tan các vết bầm. Nhiều đêm tôi vừa đứng vừa ngủ gục ngã đè lên các bạn. Cũng có đêm chúng tôi lục đục mãi không ngủ được tên cán bộ đi tuần mở cửa rọi đèn pin vào vừa chửi vừa đá túi bụi vào một bạn trẻ nằm ngay cửa. Sau hai tuần kỷ luật về người nào cũng bẩn thỉu, gầy trơ xương và vết muỗi đốt khắp thân thể. Riêng các bạn trẻ yếu và mệt nhiều vì đói và bị đánh đập. Mọi người trong buồng góp nhau mỗi người một ít mì vụn, đường thẻ, "bồi dưỡng" cho họ.

Ông Như Phong cũng không thoát khỏi cảnh

bị đầy đọa này. Một hôm chúng tôi được ra ngồi tắm nắng và hứng gió nơi hành lang trước cửa buồng. Chúng tôi ngồi cạnh nhau nói chuyện, hai chân thòng qua song sắt để thõng ra ngoài trời. Nhìn xuống sân lúc đó đang có buồng xuống tắm. Ông Như Phong trông thấy một thanh niên đang tắm, trước ở chung buồng. Ông chỉ tay nói với tôi:

— Này trông thằng Thịnh, sao giờ nó gầy yếu thế. Chắc gia đình khó khăn không có tiền nuôi rồi.

Tôi chưa kịp trả lời thì tên cán bộ trực đang canh ở đầu dẫy bước nhanh tới sẵng giọng nói với ông Như Phong:

— Anh kia liên lạc với ai đó? Ra đây.

Sau đó ông Như Phong bị làm biên bản vi phạm điều lệ trại cấm quan hệ liên lạc với các phạm nhân khác. Ông bị phạt kỷ luật 15 ngày đêm có còng chân. Tội nghiệp ông già yếu, lại bị bệnh loạn nhịp tim. Tôi thỉnh thoảng có bắt thử mạch ông, thường thấy tim ông đập lỗi nhịp. Chúng tôi lo lắng cho ông. Ông thản nhiên vào cát sô kỷ luật không một lời than vãn. Khi còn ở Phan Đăng Lưu lúc bị nhốt cát sô ông đã nổi tiếng vì nhịn ăn hơn mười ngày. Y tá lấy kìm nậy răng ra để đổ sữa vào làm ông bị gẫy một răng cửa.

Chưa đầy một tuần sau chúng tôi được lao động cho biết ông Như Phong bị đưa đi bệnh xá. Gần trưa thì thấy ông được đưa trở lại buồng giam. Thì ra ông bị lỗi nhịp tim, nghẹn thở, phải đưa đi cấp cứu. Họ quyết định ngưng thi hành kỷ luật ông vì lý do sức khỏe.

Và cứ thế ngày tháng qua đi đều đặn và quen thuộc. Sáng sớm tôi dậy trước giờ kẻng thức của trại. Làm vệ sinh tiêu tiểu cho tỉnh táo. Xong vào trong màn bắt đầu ngồi thiền. Tôi dùng việc tập trung vào hơi thở để vừa an định tâm thân, vừa phát huy tác dụng dưỡng sinh của lối thở bụng, thở "4 thì", thở sâu và chậm. Thở xong tôi chuyển sang tập yoga. Sau nhiều năm tập Yoga tôi mới khám phá ra một bí quyết về Yoga mà nhiều sách dậy Yoga không nói đến. Đó là yếu tố quyết định của hơi thở. Hơi thở phải gắn liền và gắn đúng với vị trí của các thế Yoga. Khi chuẩn bị vào thế thì hít vào. Khi vào thế là lúc phải ngưng thở. Và khi xả thế là lúc thở ra. Mỗi thế Yoga đều nhằm tác động lên một điểm huyệt cụ thể trên cơ thể. Vì vậy khi vào thế chính là lúc điểm huyệt này được tác động trực tiếp. Chính lúc đó cần ngưng thở để "khí" (tức năng lượng) dồn vào ngay điểm huyệt đó và tạo tác dụng mạnh nhất. Do đó nếu khi tập không hoà nhịp được giữa "khí" và "thế" như thế thì tác dụng giảm đi một nửa và có khi không còn tác dụng nữa.

Tập Yoga xong tôi đi tắm. Vì buồng 2ED ở dưới đất có vòi nước và bể nước nên được tắm ngay trong buồng. Thường giờ này ít người tắm nên không phải "đăng ký". Chỉ có buổi chiều sau giờ nghỉ trưa là có lệ đăng ký tắm. Ai muốn tắm phải vắt một khăn mặt trên sợi giây treo trước cửa buồng tắm, đợi đến phiên mình mới vào tắm. Riêng đi tiêu thì luôn luôn phải đăng ký bằng cách để một sô hoặc một ca nước trước cửa lên chỗ đi tiêu. Đi tiêu ở Chí Hòa bắt buộc phải dùng nước rửa chứ không được dùng giấy hay vải để chùi vì sẽ làm kẹt ống vệ sinh. Khi còn ở các buồng trên lầu, vì ít nước nên mỗi người chỉ được dùng một ca nhỏ đựng nước để rửa khi đi tiêu. Lúc đầu chưa quen thật khó mà rửa sạch được, nhưng rồi cũng quen dần và cũng phải thấy sạch như thường! Vả lại ăn uống cũng chẳng có gì, bụng dạ thường cũng khô ráo, sạch sẽ nhẹ nhàng thôi!

Ông Như Phong cũng chăm tập luyện như tôi, mặc dù ông tập theo phương pháp riêng. Sau giờ tập luyện chúng tôi cùng ăn sáng. Thường là mì vụn ngâm nước lã, vì đã từ nhiều năm nay Chí Hòa không có nước sôi nữa. Sau này có nước sôi nhưng phải mua! Chúng tôi phải chia mì vụn cho đều để đủ dùng hai tuần, và luôn luôn có dự trữ "gối đầu" giữa hai kỳ nhận quà để đề phòng trường hợp đau ốm hoặc vì lý do gì không được nhận quà nuôi hoặc phải di chuyển đi trại khác bị cắt đứt liên lạc với gia đình. Ăn trưa và tối thì phải đếm các miếng thịt và cả những hột đậu phụng kho muối để chia đều ăn cho đủ bữa.

Ăn sáng xong tôi ngồi chuyện trò với vài bạn tù thân thiết, hoặc đọc các sách báo chưa đọc. Nhiều người trong buồng được gia đình gửi sách báo, chúng tôi truyền tay nhau cùng xem. Không có sách báo thì chơi domino. Nhiều người thích chơi cờ tướng. Riêng ông Như Phong thường chỉ ngồi chơi cờ tướng một mình. Một mình bầy quân cờ ra, đi quân cho cả hai bên. Ông thản nhiên sống những năm tháng trong tù như thế.

Mặc dù bị cô lập với xã hội bên ngoài như thế, chúng tôi cũng tìm mọi cách để có tin tức. Từ những tờ báo Pravda bằng tiếng Pháp do cán bộ bị mua chuộc lén đưa vào cho chúng tôi, đến các bản tin do những bạn tù các buồng gần đó chuyển đến cho chúng tôi. Tôi cũng có một nguồn tin riêng quan trọng khác nữa. Đó là mật thư mà

trong tù chúng tôi gọi là "sớ" do nhà tôi gửi vào, dấu trong thức ăn. Cách dấu thư thì ông Như Phong đã dặn một trong những bạn tù trẻ của chúng tôi trước khi anh được tự do. Khi được thả anh đã tới gặp nhà tôi và chỉ cho nhà tôi biết. Từ khi chúng tôi bị chuyển sang buồng 2 khu ED mỗi hai tuần một lần chúng tôi đều được nhận quà nuôi trong đó có một bản tin ghi lại từ các đài BBC, VOA. Bản tin này do một người bạn của tôi, cũng là anh họ nhà tôi, là anh Trần Huy Phong, chưởng môn Vovinam đời thứ ba, nay đã qua đời, ghi chép. Bản tin chính xác và đầy đủ này đã giúp tôi nắm vững được tình hình thế giới nói chung và tình hình ở Mỹ và Liên Xô nói riêng. Trong buồng lúc đó tôi chỉ cho hai ông Như Phong và Nguyễn Toản biết có bản tin này. Một hai người khác thật thân cũng được thông báo nội dung các bản tin này nhưng sau đó cả tuần lễ để đánh lạc hướng chú ý về nguồn gốc của những tin tức đó. Nhờ giữ kín như thế nên tôi tiếp tục nhận được những bản tin này cho đến lần nuôi cuối cùng trước khi được trả tự do, tức là tới tháng 2 năm 1988, khi mà tình hình Liên Xô đã trở nên khá rõ ràng.

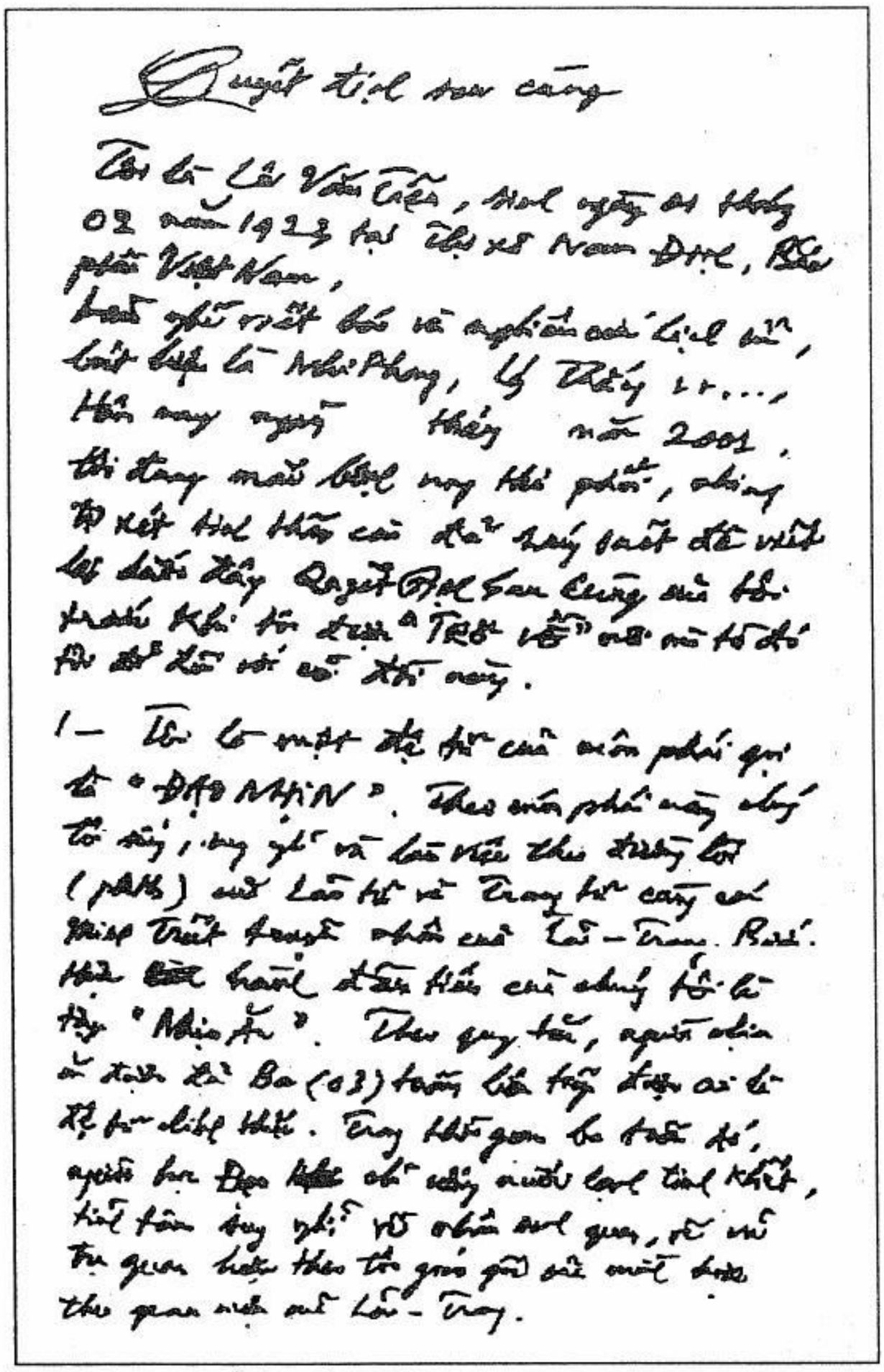

Những dòng chữ cuối cùng của Như Phong

Buồng giam của chúng tôi từ 1983 trở đi là buồng 2ED ở dưới đất nhưng tường cao, rất kín, chỉ có một khung cửa sổ nhỏ, và một khoảng ngắn ở cửa ra vào có song sắt bên trên. Chúng tôi chỉ quanh quẩn trong buồng, ít khi có dịp nhìn ra ngoài trời, vì nếu đứng cửa sợ cản ánh sáng và gió làm buồng giam thêm tối và bí hơi hơn. Chỉ đến năm cuối cùng chúng tôi mới được ra sân tắm nắng mỗi tuần một lần, mỗi lần chừng 15 phút, còn thì mỗi năm chúng tôi chỉ được ra khỏi buồng một vài lần, hoặc đi gặp mặt gia đình (mỗi năm một lần trước Tết ta, mỗi lần 15 phút), hoặc đi "làm việc". Buổi tối càng ảm đạm hơn nữa vì cả buồng chỉ có một ngọn đèn lù mù. Hơn ba mươi con người chúng tôi ngày này qua ngày khác, tháng nọ qua tháng kia, năm này qua năm khác, cứ thế trôi đi gần một thập kỷ, những cuộc sống không hình thù, không chuyển động.

Riêng tôi với ông Như Phong Lê Văn Tiến, kể từ năm 1983 trở đi khi chuyển sang buồng 2 khu ED, cán bộ tình cờ lại sắp chúng tôi nằm cạnh nhau. Để từ đó chúng tôi trở nên thân thiết, ăn chung mâm, nằm chung màn. Dù thuộc hai lớp tuổi khác nhau, tính tình chưa hẳn đã hợp nhau, tư tưởng cũng nhiều điểm chưa đồng, nhưng cả

hai chúng tôi chia xẻ với nhau nhiều điều, mà thường là những điều không hề và không cần nói đến. Tôi coi việc ở tù là chuyện đã lỡ rồi có lo âu buồn bã cũng không giải quyết được gì. Nên tôi luôn sống tích cực nhưng không "lên gân". Ngày tháng trôi đi coi như cơn gió thoảng qua ngoài song cửa. Không chút áy náy, nuối tiếc và đợi chờ. Luôn tự nhủ lòng cuộc sống là ở đây ngay chỗ này, trong từng giây phút này. Hãy sống tự nhiên và trọn vẹn. Tôi nghĩ có lẽ ông Như Phong cũng ở tù với tâm trạng và phong thái như thế. Cả hai chúng tôi lúc nào cũng ăn ngon ngủ kỹ, dù thức ăn thường chỉ có muối mè, với vài hạt đậu phụng rang muối. Nằm xuống là ngủ một giấc tới sáng. Và chẳng thấy lo âu buồn giận gì, lại luôn hồn nhiên vui vẻ. Khiến nhiều lần bị các bạn tù khác la mắng là vô tâm, vô tánh, ở tù mà lúc nào cũng nhởn nhơ, không biết lo lắng gì. Thật ra chúng tôi đang cố tập cách tự đưa tâm thức mình vượt ra khỏi cảnh tù đầy. Để giữ cho tâm thức mình luôn được sống tròn đầy và sinh động dù thân xác có bị giam hãm như thế nào.

Từ ngày ăn chung tôi giao toàn bộ quà nuôi của tôi cho ông Như Phong "quản lý". Ông là người quyết định mỗi bữa mỗi người được ăn gì và ăn bao nhiêu để duy trì được đều đặn lượng lương thực tối thiểu cho cơ thể mỗi người. Chúng tôi phân công, ông Như Phong "làm bếp", tức pha chế thức ăn, còn tôi rửa bát. Ông có tài chế biến thức ăn, dù chẳng có gì, ăn cũng thấy ngon miệng hẳn lên. Ông làm công việc này rất cần mẫn và cẩn thận. Mỗi bữa ăn sau khi được buồng chia cơm, ông ngồi nhặt hết sạn và thóc trong cơm. Đây là một công việc mất nhiều thời giờ vì cơm lúc nào cũng đầy sạn và thóc. Tôi lười biếng nên chỉ nhặt đại khái những hạt sạn to trông thấy rõ, còn thóc thì để nguyên, vì như tôi thường đùa với ông Như Phong là: "con gà nhờ ăn thóc mà khoẻ đấy ông ạ." Rồi cứ thế và vội vào mồm nhai truệ trạo rồi nuốt mà thôi. Còn ông Như Phong thì không thể thế được. Ông bị bệnh bao tử, dư chất cường toan, nên phải nhai thật kỹ trước khi nuốt. Ông nói với tôi mỗi miếng cơm ông nhai đúng 100 lần rồi mới nuốt. Không biết có đúng một trăm lần không, nhưng quả nhiên ông nhai rất kỹ, ăn rất chậm. Tôi vốn tính ăn nhanh, lại gặp cơm đầy sạn không dám nhai nhiều nên ăn lại càng nhanh hơn. Ăn xong ngồi chờ ông xong để rửa bát nhiều hôm cũng sốt ruột. Nhưng cũng tội nghiệp ông, già yếu lại đau bao tử phải giữ gìn cẩn thận. Cũng nhờ thế mà ông đã chữa được căn bệnh hiểm nghèo này. Tôi học được ở ông tính kiên nhẫn và nhiều đức tính tốt khác. Ông cũng dậy tôi cách nhịn ăn vì ông theo "đạo nhịn". Mỗi năm tôi cố gắng nhịn ăn một lần mỗi lần một "thất". Như rửa sạch được thân thể mình khỏi mọi uế tạp, nhờ vậy thấy khoẻ mạnh, ít đau ốm, dù những năm về sau bị cao áp huyết và sạn thận. Dù tuổi tác cách xa nhau hơn một con giáp, chúng tôi vẫn giữ được mối quan hệ tương thân tương kính suốt những ngày ở chung Chí Hòa cũng như cho tới tận hôm nay. Ông là một trong những người mà nếu không ở tù chắc tôi khó có cơ hội gần gũi và thân thiết. Chúng tôi ở tù chung một buồng với nhau như thế từ cuối năm 1979 đến đầu 1988, gần 10 năm trời. Ngày 8/2/1988 ông Như Phong và một số anh em trong buồng được thả và ngày hôm sau, 9/2, tôi cũng được thả cùng với những người còn lại trong buồng.

Ra khỏi tù được độ hơn một năm, vào khoảng đầu năm 1989 tôi lại bắt đầu hoạt động và chuẩn bị ấn hành tờ báo "chui" *Diễn Đàn Tự Do*. Trước đó ông Như Phong trực tiếp giới thiệu tôi với anh Phạm Đức Khâm. Tôi và anh Phạm Đức Khâm Khâm quyết định không cho ông Như Phong biết việc chúng tôi làm để ông khỏi bị liên lụy gì. Nhưng tôi chắc ông vẫn được nhiều anh em khác cho biết về công việc của chúng tôi vì một hôm ông nói với tôi và anh Khâm đại ý: "Các cậu táo tợn lắm nhé."

Trước khi nhóm *Diễn Đàn Tự Do* bị lộ tôi có hai buổi họp mặt quan trọng. Một là bữa ăn phở buổi chiều tối do ông Như Phong mời, có mặt anh chị Khâm, ông Như Phong, ông Nguyễn Mậu, tôi và nhà tôi. Tôi nhớ bữa đó chúng tôi ăn phở ở một tiệm phở chỗ ngã tư Phan Đình Phùng - Nguyễn Thiện Thuật, tiệm phở mà ông Như Phong nói là có phở áp chảo ngon nhất Saigon. Sau đó tôi mới được anh Khâm cho biết mục đích là để giới thiệu tôi với ông Nguyễn Mậu, một đồng chí Quốc Dân Đảng của anh Khâm. Thực ra tôi chưa hề quen biết ông này, và đây là lần đầu tiên mà cũng là lần cuối cùng tôi được gặp ông. Sau buổi ăn sáng đó ông đi Canada ba tháng thăm thân nhân. Khi trở về thì ông cũng bị bắt và ghép vào tội hoạt động với nhóm *Diễn Đàn Tự Do*, liên quan trực tiếp với anh Khâm. Ông bị bệnh nặng và được đưa về nhà chừng một tuần sau thì mất.

Cuộc họp mặt thứ hai xẩy ra tại nhà tôi đúng ba ngày trước khi những người đầu tiên thuộc nhóm Diễn Đàn Tự Do bị bắt giữ. Đó là vào

buổi chiều tối ngày thứ bẩy 10 tháng 11 năm 1990. Hôm đó chúng tôi tổ chức bữa cơm tiễn đưa anh Hoàng Xuân Hào sắp lên đường đi Mỹ. Tôi mới gặp anh Hào vài ba lần nhưng chưa nói chuyện gì cụ thể với anh cả vì biết anh sắp đi Mỹ. Trước năm 1975 tôi có nghe tên tuổi anh vài lần. Anh là Thượng Nghị Sĩ, sau 1975 bị đi cải tạo tới 1987 mới được về. Bữa đó ngoài vợ chồng tôi, vợ chồng anh Hào với hai người con, còn có ông Như Phong, vợ chồng anh Khâm và anh Mai Văn Lễ. Sau bữa ăn, ông Như Phong và anh Lễ ra về. Tôi và anh Khâm nói chuyện với anh Hào về *Diễn Dàn Tự Do* và đề nghị anh khi qua được Mỹ thì tìm cách cho bạn bè biết về các hoạt động của chúng tôi ở trong nước để sẵn sàng hỗ trợ khi cần thiết. Anh hứa làm điều đó. Sau khi chúng tôi bị bắt anh tích cực vận động cộng đồng người Việt hải ngoại và dư luận Mỹ ủng hộ chúng tôi.

Ngay tuần lễ sau, sáng thứ ba, anh Khâm bị bắt. Tôi bị bắt sau đó bốn ngày, chiều thứ bẩy 17/11. Suốt hơn hai tuần lễ đầu tôi hoàn tòan không nhận bất cứ việc gì liên quan tới tờ *Diễn Đàn Tự Do*. Công an dọa: "Chúng tôi sẽ bắt giữ 'ông già' mà anh cố bảo vệ." Lúc đó tôi đã nghĩ ngay tới ông Như Phong vì chúng tôi thường gặp nhau, dù ông không hề liên hệ gì đến những việc chúng tôi làm. Thế rồi một hôm, qua khung cửa gió của buồng biệt giam, tôi thoáng nhìn thấy ông Như Phong đi theo cán bộ ra ngoài. Như vậy là họ đã bắt giữ ông bạn già của tôi. Họ vẫn cho rằng ông Như Phong mới là người lãnh đạo, hay ít nhất cố vấn của chúng tôi. Thực ra ông bị bắt oan. Tôi và anh Khâm hoàn toàn không muốn ông dính líu gì vào vụ *Diễn Đàn Tự Do* cả. Chúng tôi thấy ông đã già yếu nên sợ nếu bị bắt lần này ông sẽ không đủ sức khoẻ để chịu đựng được nữa. Sau đó, bất cứ khi nào có dịp gặp chấp pháp tôi đều cực lực phản đối việc họ bắt giữ ông Như Phong.

Sáu tháng đầu khi mới bị bắt chúng tôi bị giam tại trại số 3 Bạch Đằng, tức trụ sở Trung Ương Tình Báo của VNCH trước đây. Tôi bị giam ở buồng giam phía ngoài, sau bị đổi vào buồng giam sâu hơn ở bên trong. Một hôm trong lúc cán bộ đi các buồng để cho tù nhân ghi mua hàng cần dùng mỗi tuần, tôi chợt trông thấy ông Như Phong ở ngay buồng đối diện. Chúng tôi nhìn thấy nhau qua lỗ cửa gió. Tôi mỉm cười chào ông. Ông gật đầu đáp lại. Ngay buổi trưa hôm đó chúng tôi đứng ở cửa gió nói chuyện nhỏ đủ cho nhau nghe. Tôi cho ông hay tôi khai rằng ông không biết gì về công việc của tôi và anh Khâm. Tôi cũng cho ông biết tôi phản đối về việc ông bị bắt. Ông cho biết ông bị bắt vì nhiều việc phức tạp không tiện nói ở đây chứ không phải chỉ vì vụ *Diễn Đàn Tự Do*. Sau bữa đó chúng tôi không nói chuyện với nhau nữa mà chỉ thỉnh thoảng trao đổi thư từ thôi. Chúng tôi dùng que diêm đốt thành than viết vào bao thuốc lá xong để trong hộp diêm, cột vào một cục đá nhỏ, với tay qua lưới kẽm gai giăng ngoài sân nhỏ trước cửa buồng giam và thẩy mạnh qua sân trước cửa buồng. Chúng tôi thường được ra sân nhỏ trước buồng giam tắm nắng.

Bị giam một mình có nhiều thì giờ suy nghĩ, tôi tập trung chuẩn bị những lý lẽ bác bỏ những lời buộc tội của chấp pháp. Một buổi trưa tôi viết bản "lý đoán"—tức bản cãi trước tòa—để trong hộp quẹt và liệng sang cho ông Như Phong xem để ông góp ý. Mọi lần tôi liệng rất chính xác thường rơi ngay giữa sân buồng ông. Hôm nay không hiểu sao tôi đợi mãi cũng không thấy ông Như Phong ra cửa gió báo hiêu cho tôi biết như thường lệ. Tôi bèn lên tiếng gọi ông ra chỗ cửa gió để hỏi xem ông ta có lượm được hộp quẹt không. Ông cho biết không thấy gì. Như vậy là rơi ra ngoài hay sang buồng bên cạnh rồi. Thật tai hại.

Trưa hôm sau lúc đang ngồi rửa bát ngoài sân tôi thấy cán bộ trực khu đi qua đi lại trước cửa buồng. Anh ta nói to hình như cố ý cho tôi và ông Như Phong nghe thấy:

— Cho các anh ra ngoài sân cho thoải mái các anh không biết giữ nội qui lại liên lạc thư từ với nhau. Tôi sẽ đóng cửa buồng giam các anh lại.

Tôi thản nhiên ngồi rửa chén chờ xem thế nào nhưng anh ta bỏ ra ngoài không hỏi han gì cả. Sáng hôm sau tôi bị kêu ra làm việc. Một anh chấp pháp trẻ lần đầu tiên tôi gặp hỏi tôi:

— Thế nào, anh thư từ viết lách cái gì?

— Viết lách gì đâu, tôi chỉ chuẩn bị để ra tòa tự bênh vực mình thôi.

— Có phải cái này của anh không? Anh ta đưa cho tôi mảnh giấy tôi đã viết.

Tôi gật đầu nhận ngay. Anh ta bảo tôi chép lại xong ký tên ở dưới. Anh ta nói đáng lẽ cho tôi gặp mặt gia đình lần đầu tiên nhưng tôi vi phạm nội qui trại giam nên không cho gặp mặt được. Sau đó anh ta bảo tôi trở về buồng giam. Ngay buổi chiều ông Như Phong bị kêu ra làm việc. Buồng tôi ở cuối dẫy biệt giam nên ngay đằng sau buồng là khu làm việc của chấp pháp. Tôi nghe rõ tiếng ông Như Phong trả lời cán bộ:

"Tôi không biết." Ông lập đi lập lại nhiều lần hình như cố ý cho tôi nghe thấy. Sau buổi làm việc đó chúng tôi không bị hỏi thêm gì nữa. Từ đó tôi chỉ được mở cửa buồng buổi sáng thôi, đến giờ phát cơm trưa là phải vào buồng, cửa buồng bị khóa lại.

Sau sáu tháng bị biệt giam tại trại số 3 C Bạch Đằng, tôi và toàn bộ nhóm *Diễn Đàn Tự Do* bị chuyển qua trại giam số 4 Phan Đăng Lưu. Trại giờ đây đổi khác, khu C1,C2 chỉ còn lại mỗi khu bốn buồng. Ngày 22/8 năm 1991 ở trại Phan Đăng Lưu là một ngày đáng ghi nhớ. Hôm đó nhằm ngày gặp mặt. Anh Trần Huy Phong lần đầu tiên theo nhà tôi vào thăm tôi. Anh thông báo cho tôi biết tin đảng cộng sản Liên Xô đã bị giải tán sau khi đảo chính Gorbachov không thành. Cả trại Phan Đăng Lưu sau đó như mở hội, các buồng thay nhau hò hát những bài ca hùng tráng.

Như Phong, những ngày cuối trong bệnh viện

Nhưng không lâu sau khi được tin vui về biến chuyển ở Liên Sô nhóm *Diễn Đàn Tự Do* bị gọi ra làm việc. Lần lượt từng người một được đọc cho nghe bản kết cung của chấp pháp. Ông Như Phong không những bị ghép vào chung một vụ với chúng tôi mà còn bị đưa lên làm "thủ lãnh" nhóm, tôi tụt xuống thứ nhì. Theo bản kết cung này thì *Diễn Đàn Tự Do* chỉ là phương tiện truyền thông của một âm mưu "phản động" lớn liên quan tới hàng mấy chục người cả trong nước lẫn hải ngoại. Tôi không biết và cũng không nhớ hết tên những người được nêu ra trong bản kết cung, nhưng hình như hơn một nửa những người này lúc đó đang ở hải ngoại. Rõ ràng là phe bảo thủ trong đảng cộng sản muốn làm lớn vụ này, muốn dùng vụ án của chúng tôi để củng cố quan điểm chính trị cứng rắn của họ. Theo danh từ chuyên môn của công an thì vụ *Diễn Đàn Tự Do* được "nâng quan điểm" trở thành một vụ án "điển hình". Có nghĩa là sẽ bị xử rất nặng.

Hầu hết anh em trong nhóm đều phản đối bản kết cung, và ghi rõ những ý kiến phản bác trước khi ký biên bản. Tôi tiếp tục phản đối việc bắt giữ những người không liên can tới *Diễn Đàn Tự Do*, đặc biệt là ông Như Phong Lê Văn Tiến. Tôi nhận lãnh mọi trách nhiệm về tờ báo *Diễn Đàn Tự Do* và yêu cầu trả tự do ngay cho ông Như Phong.

Trong khu C1 những người liên quan tới vụ án của tôi bị giam rải rác ở cả bốn buồng. Buồng 1 có tôi và anh Phạm Thái Thủy. Buồng hai có các anh Hồ Nam và Hoàng Cao Nhã. Ông Như Phong và anh Nguyễn Văn Thuận ở buồng 3. Còn buồng cuối cùng có anh Tô Thùy Yên và ông Nguyễn Xuân Đồng. Khác với mười năm trước đây buồng nào cũng chật ních người, giờ đây buồng nào đông nhất cũng chỉ có độ hơn mười người. Nhờ đó chúng tôi sống tương đối thoải mái hơn. Những tin tức về tình hình Liên Xô, về sự tan rã của đảng cộng sản Liên Xô, lại cung cấp cho chúng tôi thêm những món ăn tinh thần đầy phấn chấn.

Đầu năm 1992, từ ngày rằm tháng giêng, ông

Như Phong Lê Văn Tiến bắt đầu nhịn ăn. Lúc đó ông đang ở buồng 3. Một buổi chiều tối sau giờ làm việc, anh lao động, một người có thiện cảm với chúng tôi, trở vào buồng đưa cho tôi một lá thư của ông Như Phong gửi. Giở ra xem là bản nháp tờ đơn gửi ban giám thị trại. Chữ ông Như Phong, viết trên giấy hút thuốc rê. Đó là "Đơn xin Phép Tĩnh Tâm Và Nhịn Ăn." Trong đơn này ông cho biết ông nhịn ăn và tĩnh tâm để cầu nguyện cho các nhà lãnh đạo đảng cộng sản và chính quyền được sáng suốt để "trả lại cho bẩy mươi triệu người Việt Nam chúng tôi Quyền Sống, Quyền Làm Người, Quyền Mưu Cầu Hạnh Phúc với đầy đủ những Tự Do đã được minh định trong bản Tuyên Ngôn Quốc Tế Nhân Quyền của Liên Hiệp Quốc..." (**) Sau này gặp lại tôi ông Như Phong cho biết ông cũng chép lại một bản tờ đơn này đưa cho anh Tô Thùy Yên ở buồng số 4 xem. Lúc còn ở Chí Hòa với ông trong lần tù trước ông Tiến cho tôi biết ông đã tập được phương pháp nhịn ăn từ lâu, và có thể nhịn ăn được bảy thất, mỗi thất bảy ngày, tức 49 ngày. Nay ông quyết định sẽ nhịn ăn tới chín thất tức 63 ngày, không biết ông có chịu nổi không. Tôi lo ngại cho ông, nhưng hy vọng quyết tâm của ông sẽ khiến công an phải suy nghĩ lợi hại để thả ông ra. Ông có nhiều bạn bè ở nước ngoài, đồng thời cũng được nhiều cơ quan nhân quyền quốc tế can thiệp, trong đó có Văn Bút Quốc Tế và Hội Ân Xá Quốc Tế.

Ngay sáng hôm sau chúng tôi thấy ông ra làm việc với cán bộ trại. Sau này gặp lại ông bên Mỹ tôi được biết hôm đó ông ra chính thức viết đơn xin nhịn ăn. Ông cũng cho tôi biết ông đã chuẩn bị việc này khá kỹ. Trong dịp gặp mặt gia đình trước Tết ta ông đã báo cho gia đình biết dự định của ông và dặn gia đình ngay sau khi ông nhịn ăn phải tìm cách thông báo ra ngoại quốc cho bạn bè và các tổ chức nhân quyền quốc tế biết. Cuối tháng hai tin tức về việc ông Như Phong nhịn ăn đã dược cô Đinh Thơ Thơ, người nhà của ông Như Phong, loan báo ra ngoài. Ngày 28 tháng 2 năm 1992 cơ quan nhân quyền Human Rights Watch đã ra thông cáo báo chí về việc ông Như Phong nhịn ăn và yêu cầu chính phủ Việt Nam trả tự do ngay cho ông. Ngày 10 tháng 3, một số dân biểu Hoa Kỳ gửi thư cho ông Võ Văn Kiệt yêu cầu trả tự do ngay cho ông Như Phong.

Phần tôi, không biết rằng ông Như Phong đã chuẩn bị trước, tôi tìm cách cho bên ngoài biết việc ông đang nhịn ăn. Tôi nhờ anh lao động nhắn về cho nhà tôi biết. Anh này cứ hai tuần lại được gặp mặt một lần. Nhưng chưa kịp nhắn về nhà thì chỉ vài ngày sau khi nhịn ăn ông Như Phong bị chuyển sang khu A

Chừng một tuần lễ sau khi ông Như Phong rời khỏi khu C1 tôi bị kêu ra làm việc. Nhân viên của Viện Kiểm Sát tới hỏi cung lại. Tôi xác nhận ông Như Phong không biết gì về các việc tôi làm. Tôi tiếp tục phản đối việc ông bị bắt giữ và yêu cầu trả tự do cho ông cùng những người khác không liên can đến sự việc của chúng tôi. Tôi được biết anh Khâm cũng bị gọi ra làm việc. Sau đó không lâu, khoảng giữa tháng Ba, tôi được các anh lao động từ khu A khiêng cơm nước sang cho biết ông Lê Văn Tiến đã được thả. Tôi mừng cho ông vì tuổi ông đã cao sợ không chịu được cảnh tù đầy lâu hơn nữa. Ở ngoài ông sẽ tạo thêm một tiếng nói có trọng lượng hỗ trợ cho chúng tôi ở trong tù.

Việc nhịn ăn của ông Như Phong cùng kết quả tốt đẹp của hành động này đã giúp nâng cao tinh thần tù nhân trong trại. Chúng tôi nhìn rõ những khác biệt của lần vào tù này với lần trước. Điều quan trọng là chúng tôi thấy được thế mạnh của chúng tôi và thế yếu của những kẻ đang giam giữ chúng tôi. Họ vẫn nắm trong tay toàn bộ quyền lực và sức mạnh vật chất. Lực thì họ vẫn còn, nhưng thế và thời đang vuột dần khỏi sự chi phối của ho. Mười năm trước đây một hành động như của ông Như Phong đã bị đàn áp thẳng tay. Lần trước ông đã gẫy một chiếc răng vì quyết nhịn ăn. Rồi ông cũng bị kỷ luật chỉ vì nhìn một người bạn tù cách xa cả chục thước. Thế mà lần này viết thư công khai thông báo nhịn ăn với giọng điệu thách thức chế độ như thế mà không những không bị kỷ luật còn được trả tự do ngay. Đang bị giam giữ trong nhà tù cộng sản mà được chứng kiến những chuyện như thế làm sao không lên tinh thần được. Nhất là sau những gì đã xẩy ra ở Liên Xô. Những gì ông Như Phong đã làm giúp chúng tôi ở tù thản nhiên hơn, vững tin hơn, đúng như ông vẫn thường nói vui với tôi, "'Như gió' đã vào tù rồi 'như gió' sẽ lại ra thôi."

Nay Như Gió đã "trở về" nơi Như Gió đã đến. Anh Như Phong ơi, chúng tôi hẹn sẽ "trở về" với anh ở nơi đó nhé —sau khi đất nước được thanh bình.

Hoa Thịnh Đốn
31/12/2001

(*) "Quyết Định Sau Cùng." Lê Văn Tiến. Bản viết tay dặn dò trước khi mất, không đề ngày tháng

(**) Đơn Xin Phép Tịnh Tâm và Nhịn Ăn", ngày 18-2-1992. (Tài liệu riêng do chính LVT nhớ chép lại)

ĂN NĂN

NGUYỄN ĐỨC TƯỜNG

Nhân đọc Tổ Quốc Ăn Năn

"Xin lỗi, chúng tôi không bán mấy thứ đó ở đây. Anh phải đến kiếm ở tiệm thuốc tây cuối phố."

Cô học trò trẻ bán hàng trong tiệm sách nhà trường, má ửng đỏ, ngượng, lúng túng trả lời. Tôi ngượng, lúng túng, không hiểu câu tiếng Anh ngập ngừng nhưng được phát âm một cách cẩn trọng của tôi, *"I would like to buy a rubber"* - tôi muốn mua một cái tẩy - có chỗ nào sai trật? Trong quầy hàng của cô, sờ sờ một hộp tẩy. Tôi đang tính chỉ hộp tẩy cho cô thì một giọng nói quen thuộc vang lên sau lưng,

"Bạn tôi muốn mua một cái tẩy - *my friend wants to buy an eraser*."

"Ồ, một *cái tẩy*." Cô hàng nét mặt giãn ra, như cất được gánh nặng, tươi cười mở tủ lấy tẩy cho tôi.

Tôi trả tiền, cảm ơn cô rồi quay đi. Kim đứng ngay sau lưng tôi, đang toét miệng cười. Kim cắt nghĩa: ở đây, chữ "rubber" dùng để chỉ bao cao su ngừa thai. Tôi vỡ lẽ, thì ra thứ tiếng Anh tôi học, dù được phát âm rất Việt chăng nữa, vẫn là thứ tiếng Anh của Nữ Hoàng, mà đây là Tân Thế Giới, tiếng nói có đôi chút khác nhau; như *rubber* không là cái tẩy. Tôi hỏi làm sao Kim biết, nó mỉm cười không trả lời.

Kim và tôi là đôi bạn thân, thoạt tiên vì hoàn cảnh gần gũi, về sau, vì có nhiều điểm giống nhau như cùng ham tìm tòi, đọc sách, tuy mỗi người một cách nhưng thường chia sẻ với nhau những điều mình học được. Khi còn ở Sài Gòn, học cùng trường, song những khi gặp nhau, chúng tôi chỉ gật đầu chào hỏi qua loa. Sau đó hoàn cảnh sinh sống gia đình đưa đẩy mỗi đứa đi một nơi, đến ngày đi Hoa Kỳ, cả hai lại tình cờ đi chung một máy bay. Gia đình tôi thuộc diện HO, còn Kim đi với em và mẹ, do bố Kim bảo lãnh. Ở Woodlawn High, chúng tôi là thứ học trò "ngoại khổ". Học xong trung học đã được mấy năm, hai đứa lớn hơn bạn cùng lớp ít nhất là hai tuổi. Mục đích duy nhất của chúng tôi ở năm cuối của trường trung học là để làm quen với chương trình Mỹ và để học thêm tiếng Anh. Kim đã được nhận vào một trường đại học miền Đông và có một học bổng, còn tôi vào một trường đại học miền Tây. Mấy đứa bạn cùng lớp gọi chúng tôi là *twin* - anh em sinh đôi. Như một cặp bài trùng, đi đâu cũng có nhau, tranh luận cả giờ về mọi vấn đề nhưng cuối cùng, bao giờ cũng vậy, vẫn là những vấn đề liên quan tới Việt Nam. Bình thường, Kim gọi tôi một cách thân mật là "Cu". Đôi khi tôi nói nhiều, gần như độc thoại, nó gọi tôi là chính trị gia vênh váo, đại ngôn. Kim điềm đạm, ít nói hơn, và khi nói thì đắn đo, chừng mực, tôi cho nó cái tên Khổng Tử Đất. Thế nào chăng nữa, hai đứa bổ túc cho nhau hoàn toàn, và, trong thâm tâm, tôi luôn luôn nghĩ nó như là tiếng nói của lương tri, nhắc nhở tôi những khi tôi hăng hái quá, đi trệch ra ngoài.

Đối thoại của chúng tôi đôi khi giống như đối thoại của những người khùng. Khi tôi hăng say nói không ngừng, Kim làm như không nghe, một tay để trước ngực, một tay khẽ gõ mặt bàn như người gõ mõ, miệng ê a đọc kiểu sư ông tụng kinh:

"Thiên giời địa đất cử cất tồn còn tử con tôn cháu lục sáu tam ba gia nhà quốc nước *ơ ơ ơ* tiền trước hậu sau ngưu trâu mã ngựa cự cựa nha răng *ơ ơ ơ*..."

Đang ê a, Kim đột nhiên dừng lại, một tay dơ lên ra hiệu rồi nói "vì đã nghe nhiều về người Mỹ xấu xí, người Tầu xấu xí nên từ mấy ngày nay tao không ngạc nhiên nghe Cu nói tràng giang đại hải về người Việt xấu xí." Theo Kim, người Việt mình chỉ xấu xí ở mức trung bình, nghĩa là cũng giống đại đa số những dân tộc khác trên thế giới. Nó cho rằng lý luận của tôi về quốc gia, dân tộc, tổ quốc, v.v. nếu không quá khích thì cũng

rất sai cứ điểm. Tôi nói dân mình không có khái niệm gì về quốc gia dân tộc, rằng khái niệm này chỉ mới có gần đây mà thôi, và hơn nữa, dân Việt mình không bao giờ biết yêu nước.

"*Bull!* Các cụ ta không họp Hội Nghị Diên Hồng để quyết định người nào được cái phao câu. Rất có thể những danh từ như 'quốc gia,' 'dân tộc,' 'tổ quốc,' v.v. ngày đó chưa có ai dùng nhưng văn học chính thống của ta đã có câu: Nam quốc *sơn hà* Nam Đế cư! Áp dụng một vài danh từ với những định nghĩa được nhào nặn ở thế kỷ thứ 20 cho sự việc đã xẩy ra cách đây năm bảy trăm năm là vô lối. Không những thế, ngôn ngữ thay đổi nhiều với thời gian, còn hành động như họp Hội Nghị Diên Hồng, trước sau, rõ rệt đã chỉ diễn tả một ý nghĩ, đó là bảo vệ quê hương, 'quốc gia,' 'dân tộc,' 'tổ quốc,' *la patrie, motherland, fatherland,* và chắc còn nhiều cách gọi khác nữa.

"*L'état, c'est moi,* 'Đảng là tao!' Đó là một vài định nghĩa tục tĩu nhưng ngắn, gọn, cũng nhằm định nghĩa quốc gia, chủ quyền, dưới một nhãn quan khác. Nhân tiện nhắc đến Đảng, có thể như Cu nói, trên lý thuyết, cộng sản vô tổ quốc. Trong thực tế, cộng sản vẫn dính liền với con người, do đấy nó rất "dân tộc," nếu tao hiểu đúng nghĩa hai chữ "dân tộc" (mà dân tộc thì gắn liền với đất nước hay tổ quốc). Cộng Sản Stalin đã chẳng tiếp tục thực hiện công việc của Nga Hoàng, Cộng Sản Mao Trạch Đông, công việc của Tần Thủy Hoàng, đấy sao? Và vì vậy mới có chuyện đánh nhau ở biên giới Nga-Tầu, Tầu-Việt, và bây giờ, những tranh chấp ở hải phận Việt Nam. Cũng nhân tiện, Việt Nam xua quân sang Cao Mên không phải vì lý do sức khỏe của đồng chí Lê Duẩn do đấy, dù đúng hay sai thì trước mắt, đã cứu sống được cả triệu dân Cao Mên và giúp cho nhóm lãnh đạo Pol Pot tránh được ít nhất là một nửa số tội ác diệt chủng, trong khi đó, thế giới tự do luôn luôn đúng, chỉ đứng ngoài cùng reo *rah rah,* trỏ ngón tay kết tội Việt Nam xâm lược, hiếu chiến, v.v. Nghĩ đến tình cảnh éo le của nước mình, tao không muốn kết án mà chỉ động lòng trắc ẩn..."

"Mày lý luận như một tên Việt Cộng có mười lăm năm tuổi đảng..." tôi kêu to.

"Còn Cu lý luận như một người quốc gia chính nghĩa cùng mình!" Kim cười khẽ, trả lời rồi tiếp, "bọn mình tiểu tư sản, *phản động* đến tận chân tóc, bố tao đã từng là lính dù lại đi tù cải tạo bao nhiêu năm, tao không có máu Việt Cộng trong người, có muốn làm Việt Cộng cũng chẳng được."

Câu chuyện lai rai như vậy. Tôi chưa bao giờ thấy Kim lý sự nhiều đến thế. Nó nói gì gì lý thuyết cộng sản, cũng như nhiều lý thuyết khác, chứa đủ mâu thuẫn để tự động sụp, hay cách đây cả nửa thế kỷ Milovan Djilas, một nhân vật cộng sản cao cấp Nam Tư, đã phản kháng, viết cuốn sách Giai Cấp Mới - *The New Class* - ý ông muốn nói giai cấp thống trị mới. Nó bảo tôi ra thư viện kiếm mà đọc, sách tuy viết đã lâu nhưng còn hiện đại lắm.

Nó còn nói những điều tôi trình bày không thể là một lập luận có tính thực tiễn vì chứa nhiều khẩu hiệu quá, lại càng không thể làmột tuyên ngôn chính trị sáng giá vì kinh viện quá. Làm chính trị như vậy là làm chính trị trong chân không. Kim tiếp:

"Hình như mày quan niệm văn minh tiên tiến và làm giàu là một. Giả dụ bây giờ ta áp dụng tất cả những định luật, những đề nghị của Cu, với những điều kiện hiện có, liệu nước mình, dân mình, có thể làm bá chủ thế giới được không? Hoặc nhè nhẹ một tí nhé, liệu có thể tiến lên đến hàng thứ năm trên thế giới được không?"

Tôi đang lúng búng, định phản đối là câu hỏi không công bình (*unfair* - từ ngày sang đây, Kim trở thành vô địch trong sự bảo vệ những điều gọi là công bình) thì nó nói:

"OK, tao nhận là câu hỏi như vậy không lương thiện, thiếu thiện chí, thiếu công bình, nhưng nhìn cách khác, nếu quả thực tâm lý dân mình táo bón..."

"Chữ đã dùng là *tâm lý bế tắc*," tôi sửa.

"Nếu tâm lý dân mình bế tắc, tính tình dân mình bệ rạc, bẩn thỉu, như Cu nói, thì nước mình đi *đoong* từ lâu rồi chứ còn đâu tồn tại đến bây giờ? Cái gì thái quá thì bất cập, Tây có chữ *"tout excès est mauvais"* là thế. Diễn tả cực mạnh một thực tế với mục đích gây tiếng vang, cả ngày hô khẩu hiệu cũng là thiếu lương thiện. Bố tao nói ông đọc Nguyễn Bách Khoa luận về chữ hiếu của Kiều cách đây hơn bốn mươi năm, cả một cuốn sách dầy mà bây giờ ông chỉ còn nhớ: *Không, một trăm lần không, một ngàn lần không, Thúy Kiều là một con đĩ, một con đĩ!"*

Kim nói đoạn sau cùng như hô khẩu hiệu rồi dơ nắm tay đấm lên trời, miệng hô to: "Đả đảo!" Đả đảo xong, nó tiếp: có lẽ vì ông chỉ nhớ khẩu hiệu mà không nhớ lý luận nên bây giờ Kiều vẫn chưa trở thành con đĩ, và có lẽ sẽ không bao giờ trở thành con đĩ. Nay lý luận của tôi cũng có nhiều điều hay nhưng vì hô nhiều khẩu hiệu quá khiến người ta quên mất hết lý luận; tôi cứ la lối um

sùm "Quang Trung là *pê -đê*" thì có quá lố không?

"Tao không nói Quang Trung là *pê -đê*. Quang Trung không thể cấp tiến, hiện đại như vậy được. Đã học lịch sử thì phải học cho nghiêm túc. Quang Trung chỉ là một tên giặc cỏ và chuyện Quang Trung đại phá hai chục vạn quân Thanh là chuyện phịa, có bé xé ra to. "

"Mày không nên khắc nghiệt với cha ông mình quá như thế. Vả lại, ngay cả các nước tiên tiến cũng thường bóp méo lịch sử cho tiện việc đấy! Thí dụ như trận chiến 1812 giữa Mỹ và Canada, tùy nơi trẻ con đi học mà Mỹ thắng hay Canada thắng, hay như theo sách sử của Quebec viết bởi những người Quebec 'quốc gia,' muốn cho Quebec ly khai khỏi Canada, viết cho trẻ con Quebec học thì dân *'anglos'* là những con đỉa hút máu dân Quebec...

Nếu bây giờ mà vẫn còn có người nói Holocaust là chuyện phịa thì việc vua Quang Trung đại phá quân Thanh cách đây hơn hai trăm năm có thể là chuyện phịa được lắm. Thôi, bây giờ ta hãy đồng ý việc vua Quang Trung đánh thắng quân Thanh ở gò Đống Đa là có thật, còn việc 'đại phá' thì tao chỉ dám xin đưa ra một thứ lịch sử so sánh - *comparative study* - sau đây. Năm 1945, sau Đại Chiến thứ II, tướng Tầu Lư Hán đem quân sang Việt Nam để tước khí giới quân đội Nhật. Tao nghe nói ông tướng này đi đến đâu là có quân lốc thốc đi theo đến đó. Khi đến Việt Nam thì có lẽ non nửa dân số của tỉnh Vân Nam đã thành lính của ông, chân thì phù thũng, bị sâu quảng đục ruỗng ra, dòi bọ lúc nhúc, hôi thối ầm trời, kinh lắm, mày ạ! Không phải tự nhiên, không thấy gì, biết gì mà trẻ con hồi đó hát "Đoàn quân Tầu ô đi..." nhại theo điệu Tiến Quân Ca. Quân tướng địch như vậy thì khả năng "đại phá" của quân ta trăm phần trăm phải được chứ, chưa kể rằng quả nhiên chỉ bốn năm sau, những quân tướng ấy đã phải lốc thốc kéo nhau ra ở ngoài hải đảo. Như vậy, mày phải nhận rằng việc vua Quang Trung đại phá quân Thanh là chuyện rất khả hữu, không huyền thoại đâu!

"Nhưng mà thôi cha nội ơi, Cu quá lo xa, ngày mai trời sẽ không sụp và răng con bò bao giờ cũng trắng. Nước nào mà chẳng có những tủi nhục, xấu hổ? Cha ông mình đã nhiều lần uống cạn những chén tủi nhục đó, phần còn lại, cũng có đôi chút vinh quang, như vua Quang Trung đánh tan quân nhà Thanh trong một đêm, hay ba lần phá quân Mông Cổ trong khi cả một Âu Châu cỏ không mọc được, chết khô dưới chân ngựa của chúng. Đã vậy, lại còn làm 'nghĩa vụ quốc tế,' xuất cảng sang Triều Tiên ông tướng để giúp đánh thắng quân Mông Cổ luôn.

Tao không dám bảo đảm là dân mình yêu chuộng hòa bình, không hiếu chiến nhưng Cu kết tội dân mình ưa bạo động thì oan cho dân mình quá. Người ta đem bạo động đến đầy nhà mình là quá đủ rồi, cần gì phải đi đâu! Mình có tìm sang Tầu đánh nhau với quân Mông Cổ đâu? Cầu Paul Doumer cũng đâu có xây qua sông Seine! Ông Nguyễn Thái Học và mười hai đồng chí của ông thì có bạo động thật nhưng chả lẽ mình nói các ông ấy bị đưa lên đoạn đầu đài để chịu xử chém là đáng lắm ư? Trái lại, một sự việc có thể chứng minh lòng yêu chuộng hòa bình của dân mình, ấy là việc ông tướng Lý Thường Kiệt lẩm cẩm đem quân đi chiếm Châu Ung, Châu Liêm, may mà xếp của ông là người khôn ngoan, không hiếu chiến, gọi ông về cho xuống lon, chứ không thì bây giờ có khi bọn mình đã thành Tầu con hết.

Cái gì đã qua, đã qua. *Post mortem,* nếu cho tao cầm quân đánh lại những trận như trận đánh với Francis Garnier v.v., tao cam đoan với Cu tao sẽ diệt xong mấy con đười ươi ấy trước bữa cơm trưa. Mình không thể đốt giai đoạn được. Lịch sử nước mình, dân tộc mình chỉ đứng vào bực trung bình so sánh với các nước văn minh, tiên tiến mà Cu nhắc đến rất nhiều lần, tao muốn nói những sự việc như đã kể trên hay như việc cấm đạo, giết đạo ở nước mình. Hơn một trăm ngàn người theo đạo bị bách hại, như Cu nói, qua ba đời vua, nhắc lại mà thấy như có tro than trong miệng. Mình còn phải học hỏi các nước đàn anh tiên tiến nhiều lắm. Những hành vi tra xét người - *Inquisition* - ở Tây Ban Nha, những Thánh Chiến với Thập Tự Quân, v.v. Nước mình không có những cuộc đốt người ngoạn mục, đầy ý nghĩa như ở bên Ý, đóng hàm sắt cho Bruno *"to shut him up"* - cho hắn câm miệng đi - rồi đem đốt ở Công Trường Hoa, cũng không có bà thánh Jeanne d'Arc trên dàn lửa nhưng mình có cái khác, theo lời Cu kể, như tru di tam tộc cụ công thần Nguyễn Trãi, chuyện loạn dâm đời nhà Trần. Ấy, đại loại là như vậy qua những bước thăng trầm của lịch sử, bây giờ mà lý luận xem những sự việc đã xẩy ra có cần thiết phải xẩy ra như thế không là quá muộn, là vô ích, tao chỉ biết chắc một điều, chúng là tài liệu cho những bài học lịch sử. Và vì vậy, *for anthropic reasons,* lịch sử sẽ tiến triển theo chiều hướng khác, không là lịch sử như ta biết nếu những gì đã xẩy ra không xẩy

ra..."

"Cái gì là *anthropic reasons?*" Tôi hỏi, và ngạc nhiên thấy Kim ngơ ngác rồi bẽn lẽn trả lời, "Tao phải về xem lại đã."

*

Tai ương thường đến bất ngờ và vô tình. Như đi đá bóng chỉ có ý định xô gôn chơi nhẹ thôi, chẳng may đâm đầu vào cột gôn để rồi ngớ ngẩn cả đời. Kim không xô gôn, mà cũng chẳng đá bóng, vậy mà cũng lãnh đại họa. Đôi khi tôi tự hỏi cần phải có một thử thách, một kích thích ở mức độ nào để khiến cho một con người mực thước, vừa phải, có đầy đủ lý trí, có thể hành động một cách vô trách nhiệm, hoàn toàn phi lý? Câu chuyện xẩy ra vào một buổi chiều không có gì đặc sắc, bình thường như tất cả những buổi chiều khác. Có lẽ chiều hôm ấy hơi nóng hơn thường lệ, hay đứng gió hơn...

Woodlawn High là một trường trung học có chừng một ngàn học sinh. Trường được xây trên mấy mẫu đất, có đầy đủ tiện nghi, nghĩa là có một thư viện khá tốt và một phòng tập thể dục lớn, cũng dùng để làm sân chơi bóng rổ và bóng chuyền. Ngoài ra, giống như bất cứ một trường cùng hạng khác, trường không thể thiếu một bãi đá bóng rộng ở phía sau, ở đó dân bản xứ đá bóng Mỹ - *football* - còn dân nhập cư đá bóng - *soccer* - thứ trò chơi mà mọi nơi trên thế giới đều chơi. Phía sau trường, sau bãi đá bóng, là một công viên lớn, cây cối um tùm, có suối nước, có lối đi, được chăm nom cẩn thận, rất đẹp mắt, ở công viên này Kim và tôi thường hay ngồi chơi, tán gẫu sau giờ học.

Nước Mỹ là một nước mà quá nửa dân số thuộc giai cấp trung lưu, nhưng cũng có trung lưu thượng và trung lưu hạ. Woodlawn High thuộc loại trung lưu trung. Giai cấp được đo bằng lợi tức hàng năm, khu trung lưu trung này có chừng nửa dân số là Mỹ bản xứ, phần còn lại là dân nhập cư phần lớn gồm dân gốc Mễ Tây Cơ và Việt Nam, được chia khá đều. Gia đình dân Mỹ bản xứ có nhiều lắm là hai lợi tức, còn dân nhập cư thì có thể có tới hai, ba lợi tức, vì một người có thể làm tới hai việc toàn thời gian; tính đổ đồng gia đình nào cũng thuộc thành phần trung lưu khá, nhà cửa khang trang, trong nhà thường được trang bị với máy truyền hình cỡ lớn, loại 48 inches hay hơn nữa, cùng với một hệ thống âm thanh nổi rất tân kỳ.

Tỷ lệ phân phối giữa các sắc tộc trong đám

TRẦN VẤN LỆ

SÁNG XUÂN VIỄN XỨ

Buổi sáng. Trời êm, rất đỗi êm. Con sông Los chảy cũng êm đềm. Biển không gợn sóng, nhìn như ruộng; nhớ quá quê nhà, nhớ quá em!

Buổi sáng nào, xưa. Rất đỗi xưa, trời không báo hiệu chút gì mưa, con sông Tiền chảy như không chảy và biển Gò Công nước lặng lờ... Em thăm ruộng sớm, sương đùa áo, những cánh cò bay trước mặt em. Đời đẹp làm sao khi súng lặng, thanh bình ao ước kéo dài thêm!

Buổi sáng nào như giấc mộng thôi! Chiến tranh có ít những ngày vui! Quê Hương tạm bợ từng hơi thở. Khói lửa bay trên những xác người... Lính hóa tù binh không ngước mặt, dân thành mây gió lạc thinh không. Con sông Tiền chẳng êm đềm mãi và biển Gò Công hứng bão dông!

Từ đó... thì mình lạc mất nhau. Nhiều năm ngưng chiến, em về đâu? Xong thời Cải Tạo, anh sang Mỹ, ngó biển tìm em một bóng sao! Sáng nay, êm ả, trời im gió, Xuân ngẩn ngơ lòng kẻ viễn phương...

Quả thật sáng nay trời rất đẹp (trời thường vẫn đẹp những ngày Xuân). Anh nhìn sông Los, nhìn Long Beach, thấy giải mây hồng ngỡ tóc em, thấy biển êm và anh tưởng ruộng, ước gì ai thả một bầy chim! Thuở nào em bước trên bờ lúa, trên tóc cò bay sải bốn phương, anh đứng nhìn theo mơ ước hão: một mai Tổ Quốc hóa Thiên Đường...

Ôi chao! Tất cả là mơ mộng! Buổi sáng nay anh bỗng thở dài. Em vẫn Gò Công hay đã chết theo con thuyền lạc bến tương lai?

học sinh của Woodlawn High phản ảnh tỷ lệ dân số trong khu, nghĩa là một nửa là học sinh Mỹ bản xứ, phần còn lại chia khá đều giữa Mễ Tây Cơ và Việt Nam. Cũng có mấy băng đảng nhỏ, chia theo cùng tỷ lệ, gồm những cô cậu trẻ - *punks* - mà nhà trường là chỗ ngồi chờ tạm thời để qua tuổi vị thành niên. Băng đảng Mễ và Việt nhỏ hơn nhưng dữ tợn hơn. Được cái, vì lý do nào đó, các băng đảng tránh đụng độ với nhau nên không thấy xẩy ra những vụ lôi thôi lớn. Nhưng *punk* là *punk*, băng đảng là băng đảng. Nó giống như những con chó nhà vô chủ, đói, ở những miền hẻo lánh của Canada: đơn độc, những con chó này thường một mình cụp đuôi đi kiếm ăn ở mấy thùng rác; một đàn, chúng trở nên rất hung dữ và ác độc, cứ lâu lâu lại thấy báo chí đăng tin một em bé bị đàn chó cắn chết, ăn thịt.

Băng Việt gồm chừng bốn năm đứa. Chúng tự lấy tên là Tép, có lẽ vì mấy đứa hơi nhỏ con, nhưng hành vi của chúng không tép chút nào. Tôi nghe nói chúng nó thường dọa nạt đòi tiền hay thứ gì đẹp đẽ như giầy hay quần *jean* có nhãn hiệu đắt tiền của mấy học sinh Việt khác. Riêng với Kim và tôi, chúng chưa gây sự bao giờ, có lẽ một phần vì chúng tôi lớn tuổi hơn hẳn, lại không tỏ ra có cử chỉ e dè nào đặc biệt, một phần vì tôi khá to con. Giờ ăn trưa, bọn Tép thường ngồi ở cái bàn cạnh máy bán nước ngọt. Gần đây tôi nhận thấy hình như bọn chúng nói gần xa chòng ghẹo. Thí dụ như khi có hai đứa tôi ngồi gần đấy, đáng lẽ nói *mother f... ing* như thường lệ, tôi thấy chúng nó bắt đầu nói thứ tiếng Việt không bỏ dấu *đu ma, đu ma* ầm ĩ. Và mới hôm trước đây chúng nghe được ở đâu câu chuyện về lai lịch của dân tộc Việt, bà Âu Cơ đẻ ra một trăm quả trứng, nở ra một trăm người con rồi cho năm mươi người lên núi, năm mươi người xuống bể, v.v. Tôi nghe thấy chúng bàn tán um sùm.

Trưa hôm đó, tôi phải gặp Catherine ở bàn giấy của cô. Catherine là cô giáo dậy tiếng Anh mà chúng tôi rất mến. Cô lớn hơn chúng tôi chừng hai tuổi, đối xử như bạn, vì chúng tôi là thứ học sinh "tạm bợ" - *on transit* - già dặn không giống những học sinh khác, học xong trung học đã lâu và đã từng vật lộn kiếm sống. Cô thường khuyến khích Kim và tôi viết tiếng Anh bình luận về một vấn đề nào đó. Cô đặc biệt thích lối hành văn của Kim, giản dị, mạch lạc, và nếu tiếng Anh của nó có thiếu hay không thích hợp thì ý tưởng của nó rất giầu và độc đáo. Tôi có cảm tưởng sự mến thích cô Catherine của Kim phức tạp hơn là sự mến thích bình thường đối với một cô giáo trẻ, và hình như tình cảm ấy không chỉ một chiều.

Không thấy tôi trong *cafeteria*, Kim ngồi một mình chờ tôi ở bàn ăn như thường lệ. Lúc bấy giờ *cafeteria* đã vắng người, chỉ còn lại bà thu ngân viên, Kim, và ở phía bên kia, cách một bàn, gần máy bán nước ngọt là bọn Tép, năm sáu đứa, đang bàn luận cũng sôi nổi lắm. Vấn đề vẫn là bà Âu Cơ và một trăm quả trứng.

"*Đu ma*... Một trăm đứa con! Ngày ấy không có sữa bình, bà Âu Cơ phải có bầu sữa lớn gấp mấy bầu sữa của con bò Holstein loại tốt."

Tép nhỏ nhất phát biểu; một đứa khác tục tĩu tiếp theo,

"Mà cho một trăm con bú, chắc phải mất cả ngày. *Đu ma*... vú bà Âu Cơ phải dài ra như quả mướp giống khổng lồ sau vườn nhà tao. Ít nhất là hai *feet!*"

"*Đu ma*... Còn điều này, không đẻ ra con, mà đẻ ra trứng. Không biết lúc trứng nở ra nó có giống con thằn lằn con không nhỉ?"

"Còn điều này nữa, nở ra từ quả trứng, dân Việt Nam không thể có rốn!"

Bọn *punks* sinh đẻ ở đây, nói thứ tiếng Anh của dân bản xứ, bàn luận về dân Việt một cách bình thản như thể trong người của chúng có dư thêm một cặp nhiễm sắc cho tóc *blonde* hay mắt xanh. Cãi nhau vòng quanh một hồi về vú bà Âu Cơ ngắn hay dài, dân Việt có rốn hay không có rốn mãi cũng chán, Tép lớn nhất nảy ra một trò chơi mới cho thay đổi không khí,

"*Đu ma*... Ta chờ thằng Mike đến đây, lột quần ra khám xem nó có rốn hay không."

Cả bọn nhao nhao đồng ý. Mike là một học sinh gốc Việt gia đình mới sang được mấy năm, người bé nhỏ, hiền lành mà bọn *punks* đã quen bắt nạt. Chờ mãi Mike không đến, Tép lớn sốt ruột, đưa mắt liếc nhìn Kim ngồi ở bàn bên kia. Kim vẫn mải mê đọc sách không biết gì. Ánh mắt Tép lớn trở nên ranh mãnh và hung hiểm, nó nói, "tại sao không phải là ông Khổng Tử ngồi kia?" Hóa ra bọn chúng cũng ngầm đặt cho Kim cái tên giễu Khổng Tử do cách đi đứng đạo mạo và dáng vẻ thông thái của Kim. Mấy đứa khác còn đang ngần ngại thì Tép lớn đã nhẩy sang đến bàn Kim và những đứa khác đồng loạt nhẩy theo. Bị tấn công bất ngờ với bốn đứa tiểu yêu khóa chặt chân tay Kim không sao cựa được.

Khi Catherine và tôi vào đến *cafeteria* thì Kim đã bị mất quần và đang nằm vùng vẫy trên mặt sàn, bà thu ngân viên không biết chạy đâu. Tôi

nhẩy đến đẩy Tép lớn bắn vào chân tường, cả bọn quay ra định xúm lại đánh nhau với tôi nhưng có lẽ vì thấy tôi lúc đó, cũng hung dữ không kém gì chúng, và cũng có thể vì Catherine đứng đó, chúng ùa nhau chạy hết. Kim, nước mắt ròng ròng trên má, tránh nhìn Catherine, đứng dậy kiếm quần mặc rồi bỏ đi. Tôi định theo ra ngoài an ủi nó, nhác thấy mặt nó lầm lì một cách dễ sợ. Hình như nó nói với lại "chúng mày sẽ biết tao!" trước khi rứt khoát rảo bước đi hẳn. Tôi bỏ ý định, không đi theo Kim nữa, nghĩ nó cần có một chút thì giờ cô độc để bình tĩnh lại.

Đi cùng với Catherine về bàn giấy của cô, tôi thấy cô tư lự, không nói. Mãi mãi Catherine mới nói vài câu bâng quơ cho bầu không khí bớt nặng nề, rồi cô bàn đến chuyện phải báo cáo với bà hiệu trưởng. Tôi chợt cảm thấy bất an, nhớ lại chưa từng bao giờ thấy ánh mắt của Kim dữ tợn đến thế. Rồi câu dọa của nó. Nó thường bảo tôi dọa nạt là rất hạ sách nếu không dám sẵn sàng thi hành điều mình dọa. Vậy nó có thể làm gì? Một linh cảm khủng khiếp xâm chiếm ý tưởng tôi. Ở Colorado, vừa mới tuần trước xẩy ra vụ một học sinh đem tiểu liên đến trường, phục kích bắn chết bao nhiêu bè bạn và cô giáo để trả thù một việc chẳng đâu vào đâu. Tôi biết nhà Kim có cả một kho súng đạn. Bố Kim, nguyên là một sĩ quan cao cấp say mê binh nghiệp, từ ngày sang đây, thú vui giải trí của ông là làm sưu tập súng. Thỉnh thoảng những ngày nghỉ, ông đến hội quán hay lái xe vào sa mạc bắn chơi. Ông thường ca tụng khẩu tiểu liên Uzi của Israel, vừa ngắn, vừa nhẹ, chính xác và không bao giờ hóc. Tôi lý luận rằng Kim là một người duy lý, không bao giờ làm điều gì hấp tấp. Tôi cố xua đuổi ý nghĩ ghê gớm trong đầu mà không nổi; cuối cùng tôi bầy tỏ với Catherine nỗi nghi ngại của tôi. Catherine cũng rất băn khoăn, cô nghĩ mãi rồi đồng ý phải nói chuyện với bà hiệu trưởng mặc dù những điều tôi e ngại chưa xẩy ra và cũng có thể sẽ không bao giờ xẩy ra.

Trong khi tôi ngồi đó, cố cắt nghĩa nỗi lo ngại của tôi cho bà hiệu trưởng thì Kim trở lại trường, và đúng như điều tôi lo sợ, với khẩu tiểu liên Uzi trong nách áo. Nó bắt gặp bọn Tép ở gần phòng thể dục. Bọn này chưa biết phản ứng thế nào thì đã thấy Kim lôi ra khẩu tiểu liên. Chúng sợ quá, bỏ chạy như vịt, cuống cuồng nấp sau bàn giấy của Catherine. Kim đuổi theo vào đến nơi, bắn hết cả băng đạn. Không phải là tay thiện xạ, đạn nó bắn chỉ hớt một mảng tóc cắt theo kiểu tóc người da đỏ Mohawk của tên Tép lớn nhất, mấy tên khác không việc gì, điều rủi ro là Catherine bị một viên đạn ghim giữa ngực, nằm thoi thóp trên vũng máu. Trong lúc Kim bàng hoàng đứng nhìn Catherine thân yêu của nó đang chết dần thì mấy tên *punks* vùng chạy mất, phân và nước tiểu lũng bũng trong đũng quần.

Chưa đầy mười lăm phút sau, đội cảnh sát chống bạo lực đến nơi, tư thế sẵn sàng vì việc xẩy ra ở Colorado hãy còn sôi động. Bên cạnh Catherine, Kim vẫn đứng trơ trơ như tượng gỗ. Khi cảnh sát hô to, "Dơ tay lên! Buông súng xuống!" nó chưa biết phải dơ tay trước rồi mới buông súng hay buông súng trước rồi mới dơ tay thì mấy băng đạn đã ghim vào người nó. Những viên đạn bắn đến từ ba phía giữ Kim đứng nhảy múa trong giây lát rồi mới ngã khuỵu xuống.

Khi tôi vào đến nơi, đã thấy Kim nằm gục gần Catherine, như một đống giẻ rách, bầy nhầy những máu. Rồi một người nào đó đem tấm chăn trắng phủ lên thi thể họ. Kim, *twin* của tôi, tiếng nói của lương tri tôi, đã chết không hương vị gì, trong một buổi chiều không có gì đặc sắc. Nước mắt tôi chan hòa, mặt tôi đẫm ướt, tôi thấy tôi nức nở,

"Kim ơi, việc mày làm sẽ có tiếng vang lớn lắm, nhưng phí phạm quá và không cần thiết!"

Aylmer 14-01-2002

NHỮNG CON DÊ KHÔNG BAY ĐƯỢC

TAHAR BEN JELLOUN *

PHAN THỊ TRỌNG TUYẾN dịch

Sáng nay thầy Abid giáo sư Pháp văn trung học cấp I của chúng tôi đến trường muộn. Mọi khi thầy vào lớp trước giờ, thầy viết lên bảng ngày tháng và môn học hôm đó rồi đứng nơi cửa chờ bọn tôi vào lớp.

Trễ đến mười lăm phút. Thầy thở hào hển, vẻ mặt không bằng lòng, thầy nói ngay :

«Hôm nay các em không viết, không đọc gì cả, thầy trò ta chỉ thảo luận, nói chuyện với nhau thôi. Thầy vừa chứng kiến một trận đánh nhau ở ngoài vàm sông, thầy rất bị xao động. Nhưng trước khi kể lại chuyện ấy cho các em, thầy muốn tất cả hãy trả lời câu hỏi này, một câu hỏi nhưng giống như một câu đố.»

Chúng tôi nhìn nhau ngạc nhiên, ngơ ngác không biết phải nghĩ sao về sự thay đổi chương trình đột ngột này. Thầy Abid của chúng tôi xuất thân từ một làng nghèo, thầy vẫn nhắc nhở chúng tôi điều đó. Thầy yêu nghề và dạy học với rất nhiều đam mê. Thầy nhỏ con, ốm yếu và cận thị. Nhưng bọn tôi đứa nào cũng kính yêu thầy. Chúng tôi đồng thanh :

«Thưa thầy, chúng em sẵn sàng rồi ạ!»

«Hãy suy nghĩ cho kĩ rồi trả lời. Theo các em, điều gì tệ hại nhất trên đời này ? Thầy muốn nói điều gì đem tới bất hạnh, hủy hoại con người và điều xấu ấy lan tràn phổ thông khắp thế giới, khiến con người trở nên nguy hiểm, ham gây chuyện.»

«Đó là **cái chết**, thưa thầy!»

«Không, ở đời rồi thì ai cũng chết, đó là chuyện tự nhiên. Người ta không sống với cái chết. Khi nó tới ta không thấy nó, khi ta sống nó không thấy ta. Chuyện chết, tự nó không dữ không lành. Chết là chết, vậy thôi.»

«Thưa thầy thế thì là : **bệnh hoạn**!»

« Bệnh hoạn đôi khi khủng khiếp, và gây nhiều đớn đau quá mức, nhưng người ta có thể chữa lành bệnh. Y học, khoa học không ngừng tiến triển. »

«Nạn đói!»

«Ừ, nhưng đói kém cũng không phải là một thứ định mệnh đã an bày.»

«Định mệnh an bài là gì, thưa thầy?»

«Là điều gì phải đến nó sẽ đến. Người ta nói ấy là do trời định, nói cách khác là không ai chống đối được định mệnh mình. Nhưng người ta có thể làm được nhiều việc để tránh đói kém. Nạn đói

là chuyện xấu, là thứ tai ương khó lòng chấp nhận, nhưng không phải là vấn đề nan giải.»

« Vậy là **bão cát**!»

«Nhưng người ta có thể tránh bão, với lại đâu phải trời lúc nào cũng có bão.»

«**Bò cạp** này, **rắn độc**, **sài lang**... nữa, thưa thầy!»

«Đấy là những loài thú dữ, nguy hiểm, nhưng chúng ta có thể tránh hoặc có thể chẳng bao giờ gặp chúng.»

«**Chiến tranh** ! Thưa thầy, điều tệ hại nhất trên đời là chiến tranh!»

«Ừ, nhưng cái gì đưa đến chiến tranh ? Cái gì sinh ra chiến tranh và gieo rắc nó mọi nơi?»

«Chắc là **Hận thù**!»

«Chưa đủ, bởi vì người ta có thể thù hận nhau mà không đến nỗi gây ra chiến tranh. Và những chiến binh khi đánh nhau nơi mặt trận, họ không hẳn chất chứa nhiều thù hằn đối với quân địch. Hận thù là thứ tình cảm xấu xa, nhưng thường thường hận thù là mặt trái của tình yêu.»

«Hay là **sợ hãi**, thưa thầy!»

«Sợ hãi, đó cũng là thứ tình cảm rất con người, tuy không dễ chịu nhưng chưa phải là điều tệ hại nhất.»

«Thế thì là **điên loạn** vậy!»

«Thì cũng là một thứ bệnh, và người ta có thể chữa được bệnh điên, tuy mất nhiều thì giờ hơn nhưng đó không phải là điều nguy hiểm nhất trên đời.»

«A, thưa thầy, "tệ hại nhất" không đồng nghĩa với "nguy hiểm nhất" sao?»

«Cái đó tuỳ theo lời giải đáp mà các em sẽ tìm ra...»

«Vậy thì là **bất công**!»

«Đó là một phần của điều tệ hại nhất đời...»

«**Chế độ nô lệ**! Thưa thầy!»

«Nhưng chế độ nô lệ không còn nữa, trên khắp thế giới người ta đã bãi bỏ chế độ nô lệ, dù nó vẫn ít nhiều tồn tại dưới những hình thức khác. Trong quá khứ, nó đã là một trong những cái tệ hại nhất đời.»

«Sự **phản bội**, thưa thầy!»

«Nó là hậu quả của điều tệ hại nhất thế gian.»

«**Dối trá**!»

«Gần đúng rồi đó.»

«**Đạo đức giả**!»

«Cũng là một hình thức của điều tệ hại nhất.»

«**Độc ác**!»

«Cũng như phản bội và đạo đức giả, độc ác cũng là một hậu quả do điều tệ hại nhất đời mang tới.»

«**Trộm cắp**!»

«Trộm cắp xấu lắm, nhưng cũng như bệnh tật, ta có thể chữa trị được thói ấy.»

«**Kì thị chủng tộc**, thưa thầy!»

«Gần đúng rồi ! Bọn kì thị chủng tộc hay dựa vào điều tệ hại nhất đời để tác quái.»

«**Ngu xuẩn**?»

«Không, người ta có thể vừa ngu đần, mà không kì thị, không xấu tính.»

Chúng tôi đồng thanh :

«Vậy thì thưa thầy, điều tệ hại nhất trên đời này là cái gì?»

Giáo sư Abid im lặng, rồi gỡ đôi kính ra. Thầy vẫn hay tháo kính mỗi khi có chuyện nghiêm trọng, thầy lấy khăn giấy lau trán, rồi nói :

«Người xưa, tổ tiên chúng ta, thầy chúng ta,

những người đi trước chúng ta, từng kinh qua bao thử thách bao điều lành điều dữ,

những người đã nghĩ suy rất nhiều tuy chưa bao giờ học rộng,

những người đã đọc sách, đã tìm ra giải đáp trong sấm truyền, trong mây mù, rừng rú,

những người biết đọc lời vỏ cây, hiểu được ánh mắt mẹ hiền, suy đoán ra tiếng ca của gió,

những người không có những điều tin tưởng lớn,

những người nói 'có lẽ' 'có thể' 'chỉ trời mới biết' 'chờ xem' 'kiên nhẫn nào' 'hãy từ từ suy nghĩ' 'hãy nhìn xem nước chảy qua cầu' vân vân...

những người không bao giờ khẳng định điều gì,

những người mà thầy gọi là người xưa, đã từng nếm trải thời gian và qua đó tìm thấy khôn ngoan

những người đã sống và đã khổ đau

những người khiêm nhường, giản dị, đứng đắn nghiêm trang

những người không bao giờ chặn lối đưa đến trường học và kiến thức,

những người đã chuyển lời thánh hiền đấng tiên tri nói rằng cần phải có tri thức cho dù phải đi đến tận bên Tàu.

những người không hề đào rễ mình để cắm vào chỗ đất khô cằn.

tất cả những người thiên cổ ấy nói rằng điều tệ hại nhất trên cõi đời này, không phải là chết chóc, sợ hãi, hay bệnh hoạn mà chính là sự **dốt**

nát.

Tất cả chúng tôi đồng thanh :

«Sự dốt nát ! Mà thưa thầy tại sao lại là dốt nát?»

«Dốt nát là mẹ đẻ của mọi thứ tệ hại.»

Chúng tôi sững sờ nhìn nhau, rồi cùng ồ lên một tiếng. Thầy nói :

« Dốt nát thường có **ngạo mạn** và **cuồng tín** đi kèm.»

«Thầy ơi, 'ngạo mạn' là gì? 'cuồng tín' là sao ạ?»

«Ngạo mạn, là xấc xược, là tự phụ, đôi lúc khinh người. Kẻ ngạo mạn là kẻ dằng dai đòi hỏi cho được cái gì không phải thuộc về họ. Mọi kẻ dốt nát đều như thế. Họ không biết ngờ vực, họ luôn luôn mạnh mẽ khẳng định bất cứ chuyện gì, họ là kẻ cuồng tín, nghĩa là kẻ không bao giờ chấp nhận những tư tưởng khác với tư tưởng của chính họ.

Để các em hiểu được tai hại do ngu dốt đem lại, thầy kể cho các em nghe chuyện của hai người bạn cãi nhau rồi đánh nhau mà thầy chứng kiến khi nãy.

«Hai người bạn đang tán chuyện đời, bất ngờ anh 'A,' chúng ta tạm gọi như thế, anh 'A' kêu lên: 'Tôi vừa thấy một con dê bay qua, con dê với đôi cánh, một con dê màu trắng…' Anh 'B' điềm tĩnh trả lời: «Nhưng dê có phải là chim đâu, những con dê không hề bay.»

«Bay thật mà, anh tưởng rằng lũ dê không bay được, nhưng con dê của tôi, con dê mà tôi vừa thấy lúc nãy quả thật là nó bay được! Nó lùi một bước lấy đà rồi nhảy lên như thể bị hút vào khoảng không, nó bay lên cao và rồi nó giang đôi cánh và ngay lúc này đây nó đang lượn trên đầu chúng ta, anh không thấy ư? Vậy là hoặc anh mù hoặc anh không muốn tin tôi vì tôi nhỏ con hơn anh và tiếng nói tôi không giá trị như tiếng nói của con nhà quan, con chủ làng!»

«Không thể nào có chuyện đó được, anh bị ảo giác đấy, chuyện thường tình thôi, có người còn thấy cả ma nữa, chính tôi còn thấy cha tôi sau khi ông đã chết, thấy ông đứng trước nhà mà không ai ra mở cửa cho ông, thật ra đấy là một cơn mơ hay một ảo giác. Phải nhìn nhận một điều là dê, cũng như bò, không bao giờ bay được. Chỉ có thế thôi và chẳng ăn nhằm gì đến chuyện con nhà quan hay chẳng quan.»

«Không, tôi nào nói chuyện lạ lùng gì, tôi chỉ nói với anh rằng, cách đây năm phút, một con dê trắng đang gậm cỏ trước mặt chúng ta, cất cánh bay đi như một con hạc lớn.»

«Đừng nói khùng nữa, anh đâu phải trẻ con, anh là người lớn mà…»

«Nhưng, anh phải nhìn nhận rằng con dê đã bay đi, nếu không, anh không còn là bạn tôi nữa.»

«Tôi không thể nhìn nhận một sự việc vô lí với lí do duy nhất là để khỏi làm mất lòng anh. Đừng cứng đầu nữa!»

«Không, tôi chẳng đặng đừng cứng đầu, đây là vấn đề danh dự : hóa ra tôi là đứa nói dối à?»

«Không, anh không nói dối, anh chỉ phịa chuyện, đặt chuyện, một cách vô ích, bởi vì anh không thể khiến tôi tin được rằng con thú khốn khổ ấy đã giang đôi cánh tưởng tượng ra và bay được như chim. Không. Và không. Thật vô lí, tôi biết anh không phải lúc nào cũng biết điều, nhưng ở đây anh thật quá trớn. Dê đực, dê cái, cừu lớn, cừu con, cả đám thú ấy, không thể bay được. Đó là chuyện hiển nhiên. Tôi bực anh lắm, anh cứng cổ cuồng tín. Anh nhận lỗi đi, rồi mình cùng nhau bàn sang chuyện khác.»

«Anh không còn là bạn tôi, chúng ta chẳng còn chuyện gì để cùng làm nữa. Anh không tin chuyện tôi kể, anh nghi ngờ lí trí của tôi vậy anh không phải là một người bạn.»

«Anh lì lợm thật! Cứng đầu như lừa!»

«Hả, tôi hả, như con lừa hả ? Thì anh là con cóc tía! Ai cũng biết, thứ con quan thằng nào cũng là đồ cóc tía, sử sách ghi rành rành!»

«Tôi không phải cóc nhái gì cả, tôi là con người biết phải trái và tôi nói với anh rằng không có con dê nào bay được, chỉ có thế thôi.»

«Không, anh cãi tôi vì anh cho rằng làng tôi nghèo hơn làng anh! Bởi thế cái gì tôi nói ra anh cũng coi thường, khi dễ. Anh cậy thế bố anh là quan chủ tỉnh…»

«Tôi cóc nói đến làng anh, còn bố tôi chẳng dính dáng đến chuyện này; tôi nhắc anh lần nữa: dê không bay bao giờ. Anh không tin thì mình có thể hỏi ý kiến người qua đường.»

«Có, dê bay được, có chứ, có dê biết bay, anh mới là kẻ nói dối, anh tìm cách hạ nhục tôi vì tôi nghỉ học sớm, trong khi anh vẫn tiếp tục đến trường. Vì vậy, anh không thèm nhìn nhận những gì tôi nói, những gì tôi thấy. Anh phải biết rằng con dê nó bay lên thật, tôi thề với anh, tôi thề với Thượng đế, với đấng tiên tri, vào ngày Tận thế!»

«Quá đỗi vô lí, anh điên thật rồi!»

«Hả? Tao điên hả? Này, lãnh một quả vào mồm này! Thằng chó chết, đồ con hoang, du đãng,

theo đạo mẹ mày, này, tao đập vỡ mặt mày ra, thứ đồ con nhà giàu...»

Thế là hai bên lăn xả vào nhau chửi bới đấm đá, tưng bừng trong bụi mù. Chẳng may, anh 'A' trượt chân, rơi tòm xuống sông. Anh 'B' cố cứu bạn. Nhưng nước chảy xiết. Anh 'A' vùng vẫy lung tung nhưng rồi chìm nghỉm. Trước khi chết, thầy còn nhìn thấy bàn tay anh ta giơ lên hai ngón hình chữ V chiến thắng. Hai ngón ngo ngoe nhắc nhở rằng có con dê bay trong không gian.

Đấy, đầu đuôi câu chuyện khiến thầy vào lớp trễ và đặt câu hỏi cho các em. Bởi vì sự dốt nát nó độc hại lắm, nó ru ngủ đầu óc, nó thu hẹp trí thông minh, khi con người không còn biết đặt câu hỏi vì chỉ có toàn là niềm tin vững chắc. Con người ấy trở nên khép kín, cuồng tín. Con người ấy chỉ dung dưỡng những niềm tin của chính mình, chối bỏ tất cả những gì đến từ người khác, trở nên ngu ngốc như con lừa đi mãi một con đường. Người ta có thể chết vì thế. Có người đấu tranh hay ngay cả chết, cho những giá trị, những tư tưởng mạnh mẽ, cao thượng, đại lượng. Cũng có người chết một cách ngu đần cho những thứ tư tưởng chật hẹp, nhỏ bé, vì ngu dốt. Ngu dốt là cái tệ hại nhất trên đời.»

Chiều về nhà, bọn chúng tôi đều kể lại thảm kịch trên cho gia đình nghe. Thiên hạ trong làng bàn tán mãi. Một số cho biết anh 'A' có tiếng là cứng đầu và ưa đánh nhau. Những người khác thì nói tại anh nghiện mà thiếu thuốc hút. Để tưởng niệm linh hồn anh, những ông hàng thịt trong làng bày bán thịt dê trên quầy 'gà vịt'./.

TẠ TỴ

MỘT LẦN NỮA

Một lần nữa, thêm một lần lỗi hẹn
Đưa em về thăm lại mảnh vườn xưa
Nơi quê cũ, có cây đào đầu ngõ
Mỗi Xuân về, hoa nở dưới màn mưa

Trí còn nhớ, em khỏi cần phải nhắc
Từng nhịp cầu rún rẩy dưới chân đi
Dòng nước chảy êm êm như ngái ngủ
Cảnh vật vô tri, đâu ước mơ gì?...

Anh vẫn biết, tự đáy lòng nuối tiếc
Mắt em buồn, đôi hàng lệ long lanh
Vì hy vọng đã trở thành ảo ảnh
Muốn quên đi nhưng lòng vẫn không đành

Rồi cứ thế, năm này qua năm khác
Anh tưởng lầm, đánh cuộc với thời gian
Đâu có biết, Xuân về đời ngắn lại
Tóc phai màu, theo ngày tháng gian nan!

Gốc đào cũ, rồi già theo năm tháng
Đến Xuân nào sẽ chẳng có màu hoa
Vì nhớ mong, cây cũng sầu cũng tủi
Với thời gian, nhan sắc cũng phai nhòa!

Bờ đê cũ, sông Hồng Hà xuôi chảy
Mỗi Xuân về, mặt nước lại bình yên
Không cuồng nộ như giữa mùa mưa lũ
Sắc nước đỏ au như chuyện dị thường

Anh hiểu lắm, nhưng cũng đành chịu vậy
Biết nói gì đây để thấy em cười
Thôi lại hẹn, sang năm mùa Xuân mới
Đưa em về, nhìn lại cánh đào tươi

Những ngày tháng lãng du đâu có mỏi
Cánh chim trời bay lượn khắp không gian
Một năm nữa, có lâu gì em nhỉ?
Hãy vui đi đừng cất tiếng phàn nàn!

(Trong tập truyện ngắn nhiều tác giả *Jardins d'enfance*, p. 27-35, nxb Cherche midi, Hội từ thiện *La Voix de l'enfant* - Tiếng nói Trẻ thơ -giữ bản quyền) Phạn Thị Trọng Tuyến dịch cho Thư, Thi, Dương, Mi, Lý, Lâm và Trúc, làm quà năm mới 2002.

* Tahar Ben Jelloun sinh năm 1944 tại Fès (Ma Rốc), giải Goncourt (Pháp)năm 1988, các tác phẩm thơ, truyện xuất bản : *Harrouda* (1973) , *Moha le fou, Moha le sage* (1978), *La Prière de l'absent* (1981) , *L'Enfant de sable* (1985), *L'Aube des dalles* , *Homme sous linceul de silence* (Casablanca, 1971). *Cicatrices du soleil* (1972), *Le Discours du chameau* (1976), *Les amandiers sont morts de leurs blessures* (1976), *A l'insu du souvenir* (1980), *La Remonte des cendres* (1991)...

NỤ CƯỜI

VĨNH HẢO

Ai mà chẳng muốn cười. Cười là biểu hiện của sự vui vẻ, của niềm hạnh phúc trên đời. Vậy thì phải cười. Nhưng tiếng khóc và nụ cười đâu phải là thứ hành động do mình điều khiển. Hễ mình đau khổ cùng tột hoặc xúc động mạnh, thì nước mắt tuôn. Hễ mình vui sướng tột độ thì cái miệng tự nhiên nhe ra mà cười toe cười toét. Thế thì, "muốn hạnh phúc trên đời thì *phải* cười," là một tiền đề lạ lùng, nghịch lý. Đáng lẽ mỗi người tự chăm lo cái hạnh phúc cho mình, cho người khác thì tự dưng mọi người sẽ cười. Đàng này, ông đạo Cười chủ trương ngược lại. Ông cho rằng con người phải cười, thì tự dưng sẽ mang lại niềm vui cho chính họ và cho người khác.

Như thế đấy. Ông chỉ giảng tới giảng lui dăm ba lý thuyết về hạnh phúc và khổ đau, cười và khóc, giặm thêm những câu chuyện về vui và khổ, đặc biệt thích thú kể chuyện tiếu lâm, rồi mở những lớp dạy cười, rồi tung ra xã hội những đạo quân cười. Chủ trương của ông không phải là không hợp lý đâu. Vì nếu nó vô lý, không áp dụng được, thì người ta đã chẳng kéo đến học đạo Cười của ông đến cả ngàn người, tạo nên thanh thế lẫy lừng của ông như là một giáo chủ, một sứ giả của hạnh phúc, một đạo sư lỗi lạc có thể tạo nên thiên đường trần gian ngay trong đời hiện tại.

"Chẳng gì khó hiểu đâu mày ạ. Cứ theo tao tới nghe ông thuyết trình một lần, thậm chí mày chỉ cần nhìn mặt ông, thấy nụ cười của ông, là mày cảm thấy hạnh phúc, nhẹ nhõm, thoải mái ngay lập tức. Rồi từ đó, mày sẽ thấy cuộc đời mày thay đổi, thăng hoa."

"Thực vậy sao! Nghe mày nói tao cũng ham, muốn đi ngay cho biết. À, ông ta cũng là tu sĩ hả?"

"Xì, tu sĩ gì! Ông ta cũng có vợ con như mọi người thôi. Người ta gọi ông ta là ông đạo Cười chứ thực tình ông ta chỉ muốn là người bạn đường hướng dẫn mình hạnh phúc thôi. Có bữa ông ta còn nói rằng ở đời đâu cần phải làm tu sĩ, và cũng không cần mấy ông bà tu sĩ nữa đó."

"Thật à! Lý do sao mà ông nói vậy?"

"Thì... ổng nói rằng mấy tôn giáo có mặt trên đời cũng chẳng làm gì khác cái chuyện ông ấy đang làm. Nghĩa là làm cho mọi người hạnh phúc,

làm cho mọi người cười. Nhưng mày có thấy không, trên thực tế thì những người tu sĩ của các tôn giáo thường tỏ vẻ khắc khổ, nghiêm trang, mặt mày lúc nào cũng đăm đăm khó chịu, khẩn trương, như thể là đang ráo riết truy tìm chân lý vậy! Cho nên tiếp xúc với những tu sĩ khổ hạnh ấy, người ta chỉ thấy trước sự rầu rĩ thôi chứ cười chẳng nổi. Còn gặp ông đạo Cười đó hả, chắc chắn phải cười thôi. Ông ta mang lại nụ cười tức khắc cho những ai ông gặp. Đi theo ông, mình cũng chẳng bị mất mát gì cả. Chẳng cần phải ép mình ăn chay nằm đất, chẳng cần phải tự nguyện sống độc thân suốt đời, chẳng cần phải giữ gìn những giới luật hay điều răn này điều răn nọ cho đời thêm nặng gánh. Chỉ cần cười, cười, cười mà thôi!"

"Ha, cũng hay nhỉ. Vậy chứ khi nào mày đưa tao đi gặp ổng?"

"Chủ nhật tới, được không?"

"Được, hứa chắc nghe."

Chủ nhật, Trâm lái xe đến nhà Thủy, chở bạn đến chỗ ông đạo Cười.

Trên xe, Trâm kể sơ cho Thủy biết chỗ ở chính của ông đạo Cười là ngôi biệt thự khiêm nhường với bốn phòng ngủ—một cái dành cho vợ chồng ông, ba cái còn lại dành cho ba đứa con, phòng khách rộng, nối với phòng ăn, chứa đến bốn bộ ghế nệm bọc da và một dãy bàn lớn trên hai mươi ghế ngồi dùng để hội họp. Sau lưng ngôi biệt thự, các đệ tử ông đạo góp tiền xây thêm hai dãy nhà có lầu, gồm khoảng 50 phòng, mỗi phòng có thể ngủ qua đêm được bốn người. Hai dãy lầu ấy hoàn toàn dành cho người học đạo phương xa đến nghe giảng có thể ở lại đêm để thực tập hoặc tham dự các khóa thực tập dài hạn. Ngoài hai dãy lầu ấy, người ta còn xây cả một hội trường rộng phía bên hông ngôi biệt thự của gia đình ông đạo, có thể chứa khoảng 600 người. Khu đất bao quanh ngôi biệt thự khá rộng, chiếm trọn ngọn đồi cao, ngày xưa là rừng phong, nay được một vài môn đồ chuyên nghiệp làm vườn của ông đạo phác họa, thiết kế, phá rừng làm thành vườn, trồng cây cảnh và cây kiểng, làm thảm cỏ, lập vườn hoa, tráng nhựa các lối đi bao quanh khu đất..., tạo nên một cảnh trí đẹp đẽ, mát mắt—một khu vườn khang trang, sang trọng được chăm sóc tỉ mỉ của một gia đình thượng lưu giàu có.

Cổng sắt của biệt thự mở sẵn. Trâm lái xe thẳng vào trong. Một vài môn đồ của ông đạo đang rảo bộ trên lối đi tráng nhựa, thấy xe vào thì đưa tay vẫy chào, miệng mỉm cười.

"Cha, khu đất này lý tưởng quá, nhưng mà... cảnh trí có vẻ nhân tạo quá. Không có chút vẻ thiên nhiên nào cả," Thủy nói với bạn.

"Đó là chủ ý của ông đạo mà. Ông cho rằng con người có thể tự tạo lấy thiên đường của mình, cho nên cảnh trí, nhà ở, vườn tược, cũng phải theo cái cảm quan của mình, chứ không thể để cho thiên nhiên lấn lướt."

"Chủ ý gì mà lạ vậy! Bộ cảnh nhân tạo kiểu này có thể thay thế được cảnh đẹp thiên nhiên sao? Tao thấy có cái gì gượng gạo nơi khu đất này đó mày ạ. Cả một cái vườn rộng như vậy mà như thiếu cái gì đó. Tốt hơn là nên làm cái rừng hơn là làm cái vườn."

"Là sao, ý mày muốn nói gì?"

"Làm cái vườn chỗ này thì chỉ mới lập được cái *tiểu viên* thôi; phải làm thành rừng thì mới gọi được là *tiểu lâm*."

"Suỵt, mày lúc nào cũng nói cà rỡng, vô tới chỗ người ta rồi mà còn nói đùa. Vậy chứ mày muốn tới đây tìm cái gì đây?"

"Thì tìm niềm vui, tìm nụ cười. Nhưng..."

"Mày sẽ tìm thấy mà, đừng lo."

"Nhưng mấy cái người kia, xem họ cười kìa..."

"Hê, họ đang thực tập đạo Cười đó mà."

"Nhưng... cười lạ lắm! Giống như cười theo thói quen."

"Suỵt, nói nhỏ mậy. Chứ mày muốn ai gặp mày cũng méo miệng, khóc lên à?"

"Chẳng phải vậy. Cười thì tốt hơn chứ. Nhưng những nụ cười này thì cũng giống nụ cười xã giao của dân bản xứ khi gặp nhau thôi chứ gì."

"Nói tầm bậy. Cười vậy mà cười xã giao à! Người ta cười tươi như vậy, rõ ràng là đã đạt đạo một phần rồi đó. Đó, mày thấy chưa, xem hai ông bà già kia kìa, họ đang ở cấp I đó."

"Cấp I, là sao mậy?"

"Cấp I là trình độ vừa cười chào người lạ vừa tự nhìn vào lòng mình, xem niềm vui có hiện hữu không."

"Nếu có thì sao, không thì sao?"

"Có thì làm cho nó tăng lớn lên, không thì làm cho thành có. Nhưng dù có hay không thì cũng đang ở trong cấp I."

"Sao mày biết họ đang ở cấp I?"

"Dễ thôi, vì mới cười chào mình xong là họ nhắm mắt lim dim đó. Nhắm mắt lại để dò xét tự tâm."

"Vậy khi tao cười xã giao với họ mà mắt không nhắm lại thì tao đang ở cấp mấy?"

"Mày chưa được cấp nào cả. Mày cũng như

bao nhiêu người đứng ở ngoài cửa đạo thôi."

"Hê, vậy tao làm bộ cười xong rồi nhắm mắt thì mày cũng nghĩ là tao đang ở cấp I hả?"

"Cái đó thì... cũng khó nói lắm. Chỉ người trong chăn mới hiểu được chăn có rận hay không thôi. Mày giả đò thì tự dưng nét mặt mày nó khác với người làm thiệt."

"Vậy sao! Đạo Cười cũng khó quá há. Tao tưởng chỉ đến đây rồi cười thả giàn, cười lăn lóc, cười hả hê... chứ đâu biết cũng chia cấp này cấp nọ. À, mà mày đang ở cấp mấy vậy?"

"Bí mật, bí mật."

"Nói đi, đạo Cười chia làm mấy cấp. Đến cỡ ông đạo thì cấp mấy?"

"Khoan, để tao đậu cho xong cái xe đã. Đậu chỗ này chút nữa có muốn rút về sớm đi shopping theo ý mày thì cũng dễ. Okay, hồi nãy mày hỏi gì, à, nhớ rồi, mày hỏi đạo Cười có mấy cấp. Đơn giản thôi. Ông đạo chia đạo Cười làm ba cấp. Cấp I mày biết rồi. Cấp II là giai đoạn mà tiếu giả đã tự biết rõ..."

"Khoan, tao ngắt lời mày một chút. *Tiếu giả* là gì vậy?"

"*Tiếu* là cười, *giả* là người. *Tiếu giả* là người cười, là người đang thực hành đạo Cười đó mà."

"Ô, chứ không phải *giả* là giả tạo sao?"

"Mày cứ nói tầm bậy không à. Để tao nói tiếp. Ở cấp II, tiếu giả đã tự biết niềm vui bên trong của mình là có thật cho nên nỗ lực đem nụ cười của mình mà ban phát hạnh phúc cho tha nhân."

"Có nghĩa là gặp ai cũng cười thoải mái, cười mở mắt, không cần nhắm lại một chút như mấy tiếu giả ở cấp I hả?"

"Ở cấp I không phải là tiếu giả mà là *tiếu sinh*—tức chỉ mới là đạo sinh đang còn thực tập thôi. Còn tiếu giả ở cấp II thì đang hành đạo. Tiếu giả gặp ai cũng cười, cười thoải mái, không cần nhắm mắt lại để tự tra cứu nội tâm nữa. Chính những tiếu giả này là những sứ giả mang lại nụ cười cho khắp thế giới. Nụ cười đối với họ không còn là biểu tượng nữa mà chính là niềm hạnh phúc. Họ cười với ai là ban hạnh phúc đến người đó."

"Nhưng làm sao để đạt đến cấp II?"

"Phải thực tập cười một thời gian khá dài ở cấp I chứ. Thời gian thực tập, mày có thể tập cười với cây cỏ, đất đá vô tri, rồi tập cười với người lạ, rồi tập cười với người mà mình thù ghét."

"Cứ mỗi lần thực tập cười một cái là sau đó nhắm mắt lại kiểm điểm tự tâm?"

"Đúng. Vượt qua giai đoạn này rồi, mới bước vào cấp II, làm tiếu giả."

"Ai sẽ là người chứng nhận trình độ cười của mình?"

"Thì ông đạo chứ ai."

"Nhưng mà... nếu bây giờ gặp ai tao cũng cười vì trong lòng tao vui quá, thì ông ta có cho tao lên cấp II không?"

"Cái đó thì khác à. Vì mày chưa từng ở cấp I, chưa từng trải thời gian thực tập cười thì làm sao nhảy lên cấp II được! Ít nhất mày cũng có những giờ thực tập chung, có mặt đầy đủ trong những giờ ông đạo thuyết trình cũng như vào những giờ hội thảo và những đại hội cười, rồi mày mới có được giấy chứng nhận cho mỗi cấp chứ. Hơn nữa, cái niềm vui của mày chỉ là niềm vui nhất thời thôi. Khi mày hết vui thì mày đâu có cười được nữa. Trong khi đó, nụ cười của tiếu giả cấp II là nụ cười thường trực, đầy kinh nghiệm, nhuần nhuyễn, có thể áp dụng ở bất cứ trạng huống nào."

"Có nghĩa là... cho dù họ đang buồn, giận, khổ đau, mất mát, thua lỗ gì gì đi nữa thì vẫn cười?"

"Đúng, đúng vậy đó. Họ lấy chính nụ cười của họ để giải tỏa những đau khổ hay bất mãn ở nội tâm."

"Đó là giải tỏa cho chính họ. Vậy chứ thấy người khác đau khổ, mất mát, họ cũng giải tỏa cho người ta bằng cách cười toe toét à?"

"Mày dùng chữ bậy bạ quá, chẳng đúng tí nào. Ai lại cười toe toét! Nụ cười của đạo là nụ cười an lạc, hạnh phúc, thảnh thơi, nhẹ nhàng... chứ ai lại toe toét bao giờ. Nếu người khác đau khổ, họ đến cười thì người đó giảm bớt khổ đau thôi."

"Thực không đó, hay là chỉ chọc cho họ quạu lên, họ dộng cho một đấm vào miệng! Ha ha ha ha. Sao tao tức cười quá!"

"Đó thấy chưa, vào trong thế giới này là mày có ngay những nụ cười thoải mái!"

"Không phải! Tao tức cười... hức hức," Thủy ôm bụng, gập người xuống, cười rúc rích một hồi, "là vì cái đạo Cười có cái gì buồn cười quá chứ không phải nhờ bước vào đây mới được hưởng nụ cười!"

"Suỵt, mày không tin thì cũng để người ta tin với chứ. Nói tầm bậy tầm bạ không à. Nếu mày không thích thì tao đưa mày về ngay, khỏi mất công mày cười chế nhạo."

"Hê, chẳng phải cười kiểu của tao cũng là một loại cười hàm chứa hạnh phúc sao chứ. Mày trong đạo Cười thì mày phải vui khi thấy tao cười chứ, cho dù nụ cười đó là nụ cười chế nhạo ngay chính cái đạo của mày, phải không?"

"Cái đó thì... ở trình độ của ông đạo kia, tức là phải ở cấp III, chứ ở cấp I và II mà thấy mày cười kiểu đó thì họ rượt uýnh mày khóc không kịp nữa chứ đừng có ở đó mà cười!"

"Ê, vậy chứ đạo Cười của mày chỉ dạy ban cho niềm vui thôi chứ không dạy sự nhẫn nhục, chịu đựng sao? Bộ không vừa ý chút xíu là nhăn mặt nổi sân si lên à?"

"... cứ cười và làm cho niềm vui tự tâm phát triển thật mạnh, thật sâu, thật cao, rồi tự dưng ba cái chuyện lẻ tẻ như buồn, giận, cau có, bẳng gắt, nóng nảy... sẽ biến mất ngay."

"Nói thấy dễ quá nhưng thực tế chẳng biết có được vậy không."

"Tao không muốn nhiều lời. Mày cứ gặp ông đạo xong cái đã, rồi sau đó tự dưng mày sẽ có quyết định thích đáng."

"Khoan vào đã, tao thấy nhiều người còn đứng bên ngoài kìa. Mày chưa nói tao nghe về cấp III. Có phải cấp này thì ngang hàng với ông đạo không? Chứ không phải là ông ta đạt đến một trình độ siêu cấp, vượt ngoài những cấp đặt ra cho môn đệ sao?"

"Cái đó chính là cái khiêm nhường của ông đạo. Ông không tự cho mình là siêu cấp cười gì cả. Ông nói ông cũng chỉ ở cấp III thôi, không có cấp nào cao hơn thế nữa. Cao hơn thì là thánh thần rồi. Ông ta chỉ là người thường, là ông đạo, là kẻ thực hành đạo Cười mà thôi. Nhưng dù ông nói vậy, trên thực tế thì ngoại trừ ông ra, chưa có ai trong đám môn đệ đạt đến cấp III cả."

"Thế à! Sao mà khó dữ vậy?"

"Bởi vì... ở trình độ này, tiếu đạo—người đã đạt đến cấp III thì không gọi là *sinh* hay *giả* nữa, mà gọi là *đạo*—trong lòng đã hoàn toàn hạnh phúc, không thấy buồn khổ đau đớn gì như thế nhân nữa, còn ngoại diện thì nụ cười không bao giờ tắt."

"Là sao? Là cười mãi?"

"Ừ, cười mãi, ngay cả khi đang nói, đang ăn, đang uống, đang ngồi trầm tư, đang làm việc... thậm chí đang ngủ."

PHẠM CÂY TRÂM

NHỚ QUÊ

Suốt năm thơ vớ vẩn
cùng bạn rượu say mề
giật mình nghe năm hết
buồn chất ngất, tái tê...

Ráng gỡ tờ lịch cuối
chưa hết đời xa quê
soi gương thấy tóc bạc
trắng lấp lối quay về.

Sực nhớ rượu bạn tặng
rót uống say hả hê
bên ngoài mưa gió lạnh
nghe ai lo Tết về.

Ta mười năm viễn xứ
tròn mười năm nhớ quê.

"Ô, thật lạ nhỉ, tao chưa từng nghe thấy chuyện này bao giờ. Quái chiêu thật!"

"Đó, mày thấy sợ chưa. Cho nên tao mới nói là mày hãy gặp ông đạo một lần thì tự dưng thay đổi hết quan điểm, bỏ hết những nghi ngờ chế nhạo. Thôi, vào được chưa?"

Nói vậy nhưng rồi cả hai cũng ngồi lại trên xe một lúc để soi lại mặt mũi, sửa lại mái tóc. Rời xe, họ men theo con đường trải sỏi, tiến về hướng hội trường. Nơi đó, người ta đã tụ tập, ngồi kín gần hết ghế. Trên bốn vách của hội trường, đầy những bích chương và biểu ngữ. Một số biểu ngữ đọc nghe quen như ở những tờ báo chuyên viết truyện cười. Một số bích chương có vẽ những hình ảnh quen thuộc như ở phòng mạch nha sĩ, một số khác trông giống quảng cáo thuốc đánh răng. Trâm kéo Thủy tiến về hàng ghế đầu gần chỗ

diễn giả nhất. Thủy ngạc nhiên thấy ai cũng cười chào Trâm rồi dạt ra hai bên, tránh đường cho Trâm đi một cách kính cẩn. Trâm chỉ cười đáp lại, chẳng nói gì. Đến hàng ghế đầu, không còn chỗ trống, hai vợ chồng trẻ nào đó tự động đứng dậy nhường chỗ cho Trâm và Thủy. Trâm cũng chỉ cám ơn bằng nụ cười, chẳng từ chối, kéo Thủy ngồi xuống chỗ ghế vừa được nhường.

Ngồi một lúc, Thủy hỏi nhỏ:

"Sao mọi người có vẻ trọng vọng, ưu tiên cho mày dữ vậy? Thấy họ nhường ghế, tao ái ngại quá à."

"Không sao, mày là bạn tao thì mày phải được ưu tiên chứ. Chẳng giấu gì mày, bây giờ tao nói thật nhé, tao đang ở cấp II, thuộc loại kỳ cựu, được ông đạo tin tưởng, đi ra đi vào tự do ngay trong tư thất của ông ấy nữa kia. Mấy người mới học đạo thấy tao là né, là nhường thì đúng rồi. Có lần ông đạo còn mớm ý trước đám đông cử tọa rằng có thể tao là người có khả năng thay thế ổng nếu một mai ổng lên tiên, nhưng với điều kiện là tao phải phấn đấu cười nhiều hơn và khuyến dụ thêm nhiều môn đồ vào đạo nữa. Một lát, sau buổi thuyết trình, tao đưa mày vào thăm gia đình ổng."

Thủy chỉ biết trố mắt nhìn bạn mình, không nói nên lời. Vừa lúc đó, có tiếng người điều khiển chương trình phát lên:

"Xin mời tất cả tiếu giả, tiếu sinh, tiếu khách cùng đứng dậy, chuẩn bị đón tiếu đạo."

Mọi người đứng dậy. Tiếng ghế kéo, tiếng áo quần, tiếng tằng hắng, rộn cả lên một lúc rồi chìm vào im lặng, trang nghiêm. Ông đạo bước vào.

Ông thấp người. Béo tròn béo trục. Tóc để dài ngang vai, uốn quăn từng lọn, xịt keo kỹ lưỡng. Khi ông bước đi, hai cánh tay có vẻ như dang ra hai bên vì bị cấn thịt mỡ ở hông. Chân ông cũng đi hàng hai có lẽ cùng lý do tương tự: mỡ ở hai bắp đùi nhiều quá. Ông mặc một thứ áo may cắt kiểu gì lạ lắm: nó giống một cái khăn quàng có cổ thì đúng hơn. Đại khái là một miếng vải màu mỡ gà, rộng, khoét một cái lỗ tròn, chui cổ vào đó, rồi bằng một cách nào đó, gài nút hay thắt giây, để ló hai cánh tay ra ngoài miếng vải nhùng nhằng ấy. Trang phục nhìn qua thì đơn giản, nhưng nhìn kỹ lại thì thấy cũng cầu kỳ thay. Nó cho người ta cảm giác rằng ông ấy cũng hơi đặt nặng vấn đề phục sức bề ngoài và có tính chưng diện như đàn bà khi xuất hiện trước đám đông. Thấp thoáng dưới cái lớp áo choàng tha thướt ấy, người ta thấy cái quần lụa trắng mỏng của ông cũng rộng xùng xình từ trên xuống, bó lại ở cổ chân bằng một dải lụa màu hoàng kim; bên ngoài còn bọc thêm một vài cái kiềng vàng lủng lẳng, khi chuyển động thì kêu lên leng keng. Chân mang đôi hài trắng, loại vải, không xỏ giây, vớ màu mỡ gà tiệp màu với cái áo choàng. Không những kiềng chân, ông còn mang cả kiềng tay ở cánh tay phải, 7, 8 cái, cũng bằng vàng y sáng loáng. Tay trái thì mang đồng hồ điện tử đa năng với dây đeo bằng vàng, dày cộm. Quần áo xênh xang xống xếnh xùng xình như vậy cho ông cái vẻ yểu điệu dịu dàng của phái yếu, mà cũng phảng phất cái dáng vẻ của một gã thượng lưu ở xứ Ấn hay một xứ nào đó của Trung-đông. Da mặt ông đỏ au mà lại bóng lưởn, giống như một người say mới rửa mặt thoa kem. Trán khá cao, cũng bóng lưởn như xức vaseline. Hai mắt híp lại như hai con đỉa đói đứng chầu một cái mũi lân thật bự. Đặc biệt là cả khuôn mặt đều không hiện lên vết nhăn nào cả, cũng chẳng thấy dấu chân chim cuối đuôi mắt. Cho nên, nói ông gần 60 tuổi thì cũng khó tin lắm. Ông có khuôn mặt của một thanh niên công tử con nhà được chiều chuộng ưu đãi, thích ăn ngon mặc đẹp và ít vận động. Và đặc biệt nhất vẫn là nụ cười của ông. Ồ, nụ cười lạ lắm. Đúng là nụ cười không tắt. Hai môi không dày không mỏng. Hai khóe miệng có khuynh hướng đưa lên thành ra lúc nào cũng trông như cười. Có vẻ như là hai môi ông bất động nhưng thực ra thì cũng có mấp máy, giãn ra mím lại chút đỉnh. Người ta luôn thấy hàm răng trắng ngời của ông qua nụ cười không tắt ấy. Nhìn chung thì ông lúc nào cũng cười. Ông hơn mọi người ở chỗ đó. Người ta có ham cười thích cười gì đi nữa thì cũng có lúc muốn nghỉ ngơi, để cho quai hàm, cho các thớ thịt quanh vùng miệng được thư giãn, chứ cười hoài thì cũng mệt lắm chứ. Còn ông đạo thì cứ cười suốt. Cười ngay cả trong lúc đang nói. Chính Trâm còn nói là ông cười luôn trong lúc đang ngủ nữa kia. Hừ, cái đó ai mà biết được có thật hay chăng, ngoại trừ bà vợ của ông thôi!

Hôm nay ông đứng trên bục giảng một lúc khá lâu, chỉ nhăn răng ra cười. Mọi người im lặng nhìn ngắm nụ cười của ông. Một lúc, ông mới bắt đầu khai đề:

"Nếu quí vị nhìn tôi cười mà thấy được niềm an lạc, có nghĩa rằng quí vị đã tiến được một bước trên con đường đạo rồi đó... Cái đạo của hạnh phúc chẳng gì đâu xa cả, nó ở ngay nơi phút giây hiện tại này đây. Có nghĩa rằng khi làm bất cứ điều gì, nói bất cứ điều gì, nghĩ bất cứ điều gì, ta

cũng luôn thể hiện cái đạo của ta. Thể hiện như thế nào đấy à? Là hưởng thụ thôi. Hưởng thụ cái hạnh phúc. Bằng cách nào ấy à, đơn giản thôi, cứ việc cười. Đúng, cười, cười, hãy cười lên. Chỉ có nụ cười mới mang lại hạnh phúc cho mình và cho người khác. Cái chuyện nó đơn giản đến như vậy mà lâu nay chẳng ai thấy được cả. Chẳng thấy được nên cứ buồn khổ mãi. Cuộc đời này có chi đâu mà buồn mà khổ. Hây, có cái đạo đó mở miệng ra cứ nói *đời là bể khổ* rồi bắt người ta phải giữ gìn giới luật, ăn chay, sống đơn giản, tiết giảm mọi hưởng thụ... Tôi không đồng ý quan điểm đó chút nào. Đối với tôi, cuộc đời không thể là bể khổ mà phải là một thế giới của niềm vui, của hạnh phúc, của nụ cười. Khi tôi có mặt, khi các tiếu sinh, tiếu giả, tiếu đạo của tôi có mặt, thế giới này sẽ chuyển mình, sẽ biến thành thiên đường. Kể từ hôm nay, ngay từ bước chân này, ngay từ giây phút này, đạo Cười sẽ lan tỏa và mang lại niềm thương yêu hạnh phúc cho cả thế gian, chấm dứt những chuỗi dài khổ đau của nhân loại. Thế gian này không phải là trường khổ đau nữa. Thế gian này là trường hạnh phúc, là trường cười. Đạo Cười là trên hết. Nụ cười là trên hết."

Nói đến đó thì ông đạo đưa cả hai tay lên trời. Cử tọa vỗ tay rào rào, không ngớt. Ông đạo ngúc ngúc cái đầu, rời bục giảng, bước xuống đi qua đi lại, vỗ vai, bắt tay, xoa đầu, nựng má, ôm choàng những người môn đồ thân cận nhất của ông. Những người khác ngồi ở các dãy ghế xa hơn, giành lấn nhau để đến gần ông hơn. Họ xúm xít bao quanh ông, mong được ông sờ hoặc chính tay mình sờ ông một cái để được tiếp xúc với niềm hạnh phúc an vui tuôn chảy từ nội tâm ông. Thủy đứng né một bên nhường chỗ cho mọi người hướng về ông đạo. Nhìn quanh thấy ai cũng nở nụ cười. Cả một rừng cười. Trâm nói nhỏ với Thủy:

"Mày muốn được ông đạo xoa đầu thì tiến lên đi chứ."

Thủy lắc đầu. Nhưng liền lúc đó, ông đạo sấn tới ngay trước mặt hai người. Ông và Trâm ngó nhau một lúc, cùng cười với nhau thật lâu, rồi hai người ôm nhau. Sau đó ông xoay qua Thủy, miệng vừa cười, cằm vừa hất lên, như muốn hỏi Trâm 'ai đây?'. Trâm nhanh ý trả lời:

"Một người bạn thân. Một tiếu khách mới do em đưa tới đó."

Ông đạo quay qua phía Thủy, mở rộng vòng tay ý chừng cho phép Thủy sà vào lòng ông. Nhưng Thủy cứ đứng im, cứng ngắc một chỗ. Ông đạo Cười lỏn lẻn, đầu ngúc ngúc rồi đưa tay cho Thủy bắt. Bàn tay ông mềm mại và nhão những mỡ, nhưng nóng hâm hấp.

Thủy kéo Trâm rời hội trường. Trâm dùng dằng muốn nán lại.

"Tao còn phải theo ông đạo qua tư thất của ổng nữa."

"Chi vậy? Chứ không phải đã xong rồi sao. Về chứ, còn đi shopping nữa mà!"

"Ừ thì về, nhưng tao phải qua đó thăm riêng ông một lúc. Mày muốn đi với tao vào tư thất của ổng cho biết không?"

"Mày có chuyện thì mày đi đi. Đưa chìa khóa xe đây, tao ngồi ngoài xe chờ mày."

Trâm vừa moi xâu chìa khóa trong xắc tay vừa nhìn Thủy ái ngại:

"Mày có vẻ không hài lòng? Chắc tại mày chưa quen. Rồi mày sẽ thấy, ông ấy tuyệt diệu lắm. Gần gũi ông tự dưng thấy cuộc đời này nó mầu nhiệm làm sao!"

"Đưa chìa khóa đây. Nhớ là tao chờ mày ngoài xe, đừng có đi lâu quá à nghe!"

Thủy ngồi ngoài xe, chờ Trâm khoảng 20 phút. Trâm ra xe mang theo nụ cười và một vẻ hể hả tự mãn.

"Ông đạo có hỏi thăm về mày. Hỏi sao không đưa mày vào tư thất của ông."

"Bộ ai cũng vào tư thất của ông được hết sao? Lạ như tao cũng vào được à?"

"Thì tại mày đi với tao mới được cái ưu tiên đó chứ những người khác dễ gì."

"Tao không ngờ bạn tao cũng có uy dữ há! Nhưng tao nói thật mày nghe, mày đừng giận, hình như tao không hợp lắm với đạo Cười. Tao vẫn thấy một cái gì gượng gạo làm sao ấy. Ngay từ cảnh trí bên ngoài cho tới những nụ cười trao nhau, những cái bắt tay, những vòng tay ôm nhau... tao thấy giống như đóng kịch làm sao ấy!"

Trâm im lặng, mặt hơi sầm xuống. Thủy ái ngại nhìn qua bạn một lúc rồi nói khi Trâm đang cho xe từ từ rời khoảnh sân rộng để ra cổng:

"Tao xin lỗi mày nếu tao làm mày tự ái. Nhưng mày biết tính tao rồi, nghĩ sao tao nói vậy. Mày cũng nên lưu ý những cảm nhận của tao, của một người khách mới tới quan sát sinh hoạt của đạo mày lần đầu."

"Không sao, không sao. Mày chưa hiểu nên mày mới có cảm nhận kiểu đó. Sau này sinh hoạt chung quen rồi, mày sẽ hiểu hơn, sẽ thấy được những mầu nhiệm, những tuyệt vời trong từng lời nói, từng nụ cười, từng cách biểu lộ cảm tính của

những tiếu sinh và tiếu giả ở đây. Tất cả đều tỏa ra niềm bình an hạnh phúc mà mày sẽ không tìm thấy được ở bên ngoài hay ở những đạo sư khác..."

"Tao chỉ sợ tao không còn cơ hội nào để tìm hiểu nữa."

"Thật à? Mày không có ý trở lại đây dịp khác nữa sao?"

"Mày nghĩ là tao vẫn còn hứng thú à?"

Cả hai im lặng. Không khí nặng nề bao trùm trên xe suốt một đoạn đường dài, đến nỗi họ bỏ luôn cả chuyện đi shopping như dự tính. Rồi chia tay nhau nặng trĩu.

Quả nhiên, Thủy không bao giờ theo Trâm đến chỗ ông đạo Cười nữa. Thỉnh thoảng hai người bạn cũng gặp mặt nhau, hoặc gọi điện thoại nói chuyện vui vẻ, thăm hỏi, cười giỡn với nhau một lúc, nhưng chẳng ai muốn đưa vấn đề đạo Cười ra nữa.

Cho đến một hôm—khoảng hai năm sau lần họ cùng đến chỗ ông đạo—sau khi tắm định lên giường đọc sách, Thủy bỗng nhận điện thoại của Trâm gọi tới:

"Thủy à, mày có thể chạy qua chỗ tao được không, gấp lắm!"

"Chuyện gì vậy? Nói đi!"

"Híc, híc... Mày qua chở tao đi, tao lái xe không nổi. Hu hu..."

"Trâm à, có gì thì nói mau đi, chuyện gì vậy?"

"Ảnh chết rồi, mày qua chở tao đi."

"Ảnh? Ảnh là ai vậy?"

"Hic, thì ông đạo chứ ai."

"Ô, vậy sao! Thôi được rồi, để tao qua chở mày đi. Chờ tao khoảng nửa tiếng nghe, tao còn phải thay đồ nữa đó."

Thủy cúp máy, thay đồ thật vội. Nhưng chưa xong thì lại nghe điện thoại reo.

"Thủy à, tao nè. Thôi mày khỏi đi. Tao đã điện thoại qua đó, sắp xếp mọi thứ rồi. Mai có phái đoàn đến đây rước tao. Hic, hic... Bây giờ tao tâm sự với mày một chút được không?"

"Ừ, nói đi. Mày có sao không vậy?"

"Bị sốc hơi nặng một tí. Tao không ngờ chuyện xảy ra nhanh như vậy. Mày biết không, khi nãy vừa cúp điện thoại với mày xong thì hội đồng quản trị của làng đạo có gọi tao, nói rằng đạo không thể thiếu tiếu đạo được. Cho nên, sáng sớm ngày mai, sẽ có phái đoàn đến tận nhà, rước tao vào vườn đạo. Tao có nói mày nghe rồi phải không? Các khu đất cũng như những biệt thự chung quanh đều được mua lại để lập vườn Cười. Bây giờ, quanh đó đều là nhà của các tiếu sinh hay tiếu giả. Gần một dặm vuông của khu đó gọi là vườn Cười đó mày. A, trở lại vấn đề, sáng sớm ngày mai họ rước tao qua đó, vừa là để cử hành nghi thức an táng ông đạo đồng thời làm lễ đăng quang cho tao chính thức kế thừa ông đạo mà dẫn dắt đạo Cười. Ha, mày không tin hả?"

"Ờ, ờ, tin chớ, tin chớ. Chúc mừng mày... mà cũng chia buồn với mày về chuyện ông đạo. Ổng thọ bao nhiêu tuổi vậy?"

"61. Còn trẻ quá phải không, tiếc quá!"

"Hơn bọn mình trên 30 tuổi rồi mà trẻ gì nữa. Vậy cũng tạm coi là thọ rồi. Mà sao ông mất, bệnh hả?"

"Thứ bệnh quái ác. Cao máu. Mà thôi, bệnh gì cũng là bệnh thôi. À, mà tao định nói với mày cái gì nhỉ? Phải rồi, nói về một chuyện khó xử trong đám tang của ông đạo. Mày biết không, có một điều bí mật trong đời ông đạo mà chỉ có hai người biết thôi..."

"Ừm, hừm... chuyện gì nghe hấp dẫn vậy. Ơ, xin lỗi mày, tao quen giỡn với mày nên... mày tiếp đi. Chỉ hai người biết thôi à, chuyện gì vậy?"

"Số là... số là... ông đạo mà lâu nay xuất hiện giữa quần chúng là ông đạo giả."

"Cái gì?! Giả à? Vậy ông thật đâu?"

"Suỵt, đừng có la lên như vậy mày. Thì ông đạo thật cũng là ổng đó, nhưng..."

"Nhưng sao? Sao gọi là giả chứ?"

"Là vì... là vì ông đeo mặt nạ."

Thủy thả người xuống nệm, bưng ly nước lạnh nơi bàn đèn, tợp một ngụm:

"Có nghĩa là... lâu nay ông cười với mọi người bằng cái mặt nạ? Có nghĩa là... ông chẳng có đạt đến một trình độ cao siêu nào cả trong chuyện cười? Ô, té ra chỉ là giả tạo hết thôi? Xin lỗi mày, tao hơi nóng... tại tao thấy mày đi theo ông ấy lâu nay, đặt hết niềm tin nơi ổng, cho nên tao tức giùm cho mày, chứ bản thân tao thì có mất mát gì đâu, tao đâu có thất vọng vì tao có bao giờ đặt kỳ vọng hay ngưỡng vọng gì nơi ông ấy! Ô, tao nói gì vậy, tao xin lỗi mày. Mày nói tiếp đi. Sao ổng đeo mặt nạ vậy?"

"Mày đừng trách ảnh làm gì, dù sao thì ảnh cũng mất rồi; vả lại, chuyện ảnh làm cũng đâu có hại gì ai, vẫn là mang lại hạnh phúc an vui cho kẻ khác đó mà. Nói mày nghe, sở dĩ ảnh mang mặt nạ là vì mặt thật của ảnh không được đẹp lắm. Nói rằng xấu thì cũng không đúng. Nhưng ảnh cũng có cái lý của ảnh. Mày thử tưởng tượng xem, con người ở đời này buồn nhiều vui ít, sống một đời sống đầy những căng thẳng, muộn phiền,

phải có những người như ảnh mang lại nụ cười cho người ta thì đời cũng bớt khổ đi nhiều rồi, phải không? Cho nên, dù thế nào đi nữa thì chuyện đeo mặt nạ của ảnh cũng là một nghĩa cử đẹp để dâng tặng cuộc đời."

"Vậy chứ mặt thật của ổng thế nào mà phải đeo mặt nạ?"

"Tao nói rồi, không phải là xấu, nhưng... đau khổ lắm. Một khuôn mặt khổ đau một cách tội nghiệp. Một khuôn mặt đầy những dấu ấn của bất bình, bất mãn, bất an, bất hạnh, bất nhẫn, bất tài, bất lực, bất túc, bất toàn, bất đắc chí... Một khuôn mặt của con người đầy khắc khoải ưu tư, tham vọng đầy trời mà chẳng đạt được gì cả nên muốn chết đi cho rồi, nhưng vì muốn cứu giúp kẻ khác nên phải gượng mà sống. Đó mày xem, một con người như thế chẳng phải là đáng yêu lắm sao!"

"Ưm, ưm... nhưng đâu nhất thiết phải làm như vậy... Ý tao muốn nói, cho dù thế nào đi nữa, ổng chỉ cần vui vẻ, dạy người ta vui vẻ... đâu cần phải mang mặt nạ."

"Đã nói với mày rồi, mang mặt nạ là vì thiên hạ thôi chứ bản thân của ảnh thì đâu cần! Ảnh chỉ vì người ta mà thôi. Nhưng mà, tao kể cho mày không phải để bàn chuyện đó. Điều tao muốn nói với mày ở đây là cái khó xử trong đám tang của ảnh. Mày biết không, bà vợ lớn của ảnh cứ nằng nặc đòi phải lột mặt nạ ảnh ra khi liệm và cho mọi người đến thăm viếng phúng điếu."

"Thì đúng rồi, liệm thì phải lột mặt nạ ra chứ. Hơn nữa, lúc sống mình vì giao tiếp mà mang mặt nạ, bây giờ chết đi thì phải trở về với mặt thật của mình, vậy là phải rồi. À, bộ ổng còn mấy bà vợ nhỏ nào nữa sao khiến bà lớn không nắm quyền quyết định được?"

"Hờ, ảnh đâu có nhiều bà, đã nói với mày khi nãy rồi, chỉ có hai người biết chuyện ổng đeo mặt nạ thôi. Là bà lớn... với tao đó!"

"Cái gì? Mày nói gì? Có mày nữa à?"

"Thì tao nữa. Tao cũng là... người không chính thức của ảnh trên giấy tờ, nhưng trên thực tế thì mọi sinh hoạt, mọi quyền quyết định đối với vườn giả đâu."

"Cái này không thể gọi là giả. Mày dùng chữ hơi quá đáng!"

"Mặt nạ, ở bất cứ phương diện nào, vẫn là giả chứ còn gì nữa."

"Vì mọi người mà đeo mặt nạ, vì hạnh phúc an vui, vì đem lại nụ cười cho kẻ khác mà mang một cái mặt nạ mấy chục năm, đó là một hy sinh to lớn, vĩ đại... là một cống hiến thầm lặng với một mục đích cao cả, không thể gọi là giả được."

"Nhưng dù với mục đích nào đi nữa, mặt nạ vẫn là mặt nạ. Nói xin lỗi, có vẻ như là một vụ lừa gạt. Mày đừng giận, mày hỏi ý tao thì cho tao đạo thì tao có ảnh hưởng mạnh hơn bà lớn, vì mọi người trong vườn đạo đều tin tưởng và nghe lời tao."

"Dữ vậy đó!" Thủy kẹp cái điện thoại cầm tay nơi cổ, dùng hai tay mở toang cánh cửa sổ, chồm người ra ngoài, "mày tiến nhanh không ngờ há. Vậy vấn đề bây giờ của mày là gì?"

"À, tao đã quyết định rồi, về chuyện đeo mặt nạ hay lột mặt nạ đó, nhưng vẫn muốn hỏi thêm ý kiến của mày, một người bàng quan đối với vườn đạo nhưng lại rất thân thiết với tao, để xem tao làm vậy có chính đáng không. Theo mày thì nên lột mặt nạ ảnh như bà vợ lớn muốn hay là cứ giữ mặt nạ đó như ý tao?"

Thủy ậm ừ, đi ra đi vào, vẫn giữ cái điện thoại giữa cổ và vai, vừa nói vừa thay quần áo ngủ:

"Chờ tao chút, chờ tao chút... à, à... chuyện này thật đơn giản đối với tao, nhưng nếu tao nói ra thì không đơn giản với mày đâu. Bởi vì, mày biết tánh tao rồi, tao không bao giờ thích cái gì

nói thật. Tao thấy như là hàng vạn người đi theo ông ta đều bị gạt. Họ sống trong cái ảo tưởng về hạnh phúc, an vui, mà kỳ thực thì chỉ là giả tạo tuốt luốt. Cái vườn đạo đó chẳng khác nào một hí trường được điều khiển khích động bởi một anh hề. Cười rộn rã vui nhộn với nhau chẳng qua chỉ là những cái cười tạm bợ, nhất thời: rời khỏi hí trường thì chẳng còn gì cả. Mỗi người trở về tự sống, tự chiến đấu với cuộc sống riêng đầy bất an, biến động, khổ đau, phiền tạp... của mình. Cái gốc của khổ đau còn đó thì có cười suốt ngày, cười suốt đời cũng chẳng ăn nhằm gì cả. Còn cái gốc của đạo Cười đấy à, chỉ là một cái mặt nạ thôi, thì làm gì mang lại hạnh phúc an vui thực sự! Cho nên, theo ý tao, mày nên nghe lời bà lớn, lột bỏ phứt cái mặt nạ ấy đi. Trâm, mày nghe tao không vậy, giận hả?"

"À, nghe chứ. Tao không giận đâu mày ạ. Dù gì thì bây giờ tao cũng là tiếu đạo, đứng ra thay thế ảnh rồi, tao phải bản lãnh một chút chứ. Trở lại vấn đề, tao cho mày biết, cái chuyện bà lớn muốn lột mặt nạ ảnh hoàn toàn không có cái mục đích giống mày đâu."

"Là sao? Tại sao khác?"

"Bả muốn lột mặt nạ ảnh chỉ vì muốn lấy lại cái hình ảnh thật của ảnh mấy mươi năm trước khi lập đạo thôi. Cái hình ảnh ban đầu đó đối với bà, mới là hình ảnh của người chồng thật sự, còn con người đeo mặt nạ, chỉ là con người của đạo. Cái ý muốn của bả chỉ đơn giản như vậy. Còn cái ý của mày đó à, nó thâm hơn. Mày muốn lột mặt nạ ảnh là vì muốn phơi trần sự thực, muốn đánh thức hàng vạn cái đầu u mê đã từng đặt hết niềm tin vào ảnh cũng như cái lý thuyết cười của ảnh, phải vậy không?"

"Mày giận tao hả?"

"Không, Thủy à, mình chơi với nhau lâu, hiểu tánh nhau mà. Thực ra khi hỏi ý mày, tao đã đoán biết phần nào những gì mày sẽ nói với tao đó Thủy à. Nhưng tao vẫn muốn nghe. Vì ngoài mày ra, chẳng ai sẽ nói thực với tao những lời đó."

"Vậy mày biết rõ là hàng vạn người khác, cũng như chính mày, đang vật vờ sống trong ảo tưởng của hạnh phúc?"

"Biết rõ chứ, biết là mọi người đang u mê tưởng rằng họ có hạnh phúc. Còn riêng tao, đĩ nhiên là tao tỉnh chứ! Tao đã tỉnh từ khi ảnh chọn tao. Một tiếu đạo thì không thể u mê được mày ạ."

"Hờ, giống như tên hề trên sân khấu đó phải không?"

"Ừ, có thể nói như vậy. Hì hì, nói chuyện với mày nhiều lúc tức ói máu, nhưng sao tao vẫn thích. Nói mày nghe, khi tao được ảnh để ý và chọn, tao đã bước ra khỏi cái vòng u mê ấy. Mày đừng vội trách ảnh, đừng vội trách tao. Thử nghĩ lại xem, ở cuộc sống này, con người chỉ quần quật từ nhỏ đến lớn, hết đi học rồi đến đi làm, suốt đời chạy đuổi theo những món nợ của tiền, của tình, của ân nghĩa... Niềm vui, nụ cười có được, chẳng bao nhiêu cả. Cho nên, vẽ ra một khung trời ảo tưởng cho họ dật dờ đắm mình trong đó, hít thở hưởng thụ những giây phút hạnh phúc hữu hạn, chẳng phải là điều hữu lý sao! Bây giờ họ đã nghiện cái khung trời đó, đặt hết niềm tin và kỳ vọng vào khung trời đó, làm sao tiếu đạo như ảnh và tao có thể nhẫn tâm phá vỡ đi được!"

"Có nghĩa rằng ông đạo và mày đều có chủ ý trong việc chăn dắt một đám người u mê, ảo tưởng? Biết rằng chỉ là giả tạo, vẫn cứ làm?"

"Chứ còn cách nào khác nữa đâu? Đã lỡ rồi, không đi lùi được nữa."

"Vậy rồi mày cũng sẽ đeo một cái mặt nạ khác?"

"Không, tao thì khỏi cần, vì mọi người đều đã biết mặt tao rồi. Bây giờ họ theo tao vì tin tưởng ảnh. Bà lớn thừa hưởng tất cả tài sản của ảnh nhưng tao thì thừa hưởng tất cả niềm tin của tiếu đồ và thế giới ảo tưởng mà anh ấy để lại. Vả lại, tao có nụ cười cũng khá độc đáo, mày chẳng thấy sao, cho nên không cần mặt nạ. Còn ảnh, bỏ cái mặt nạ ra thì chẳng nói lên được cái gì hay ho cả: ảnh sẽ hoàn toàn biến thành một biểu tượng của khổ đau. Vả lại, khi mọi người đã quen với cái mặt nạ rồi, lột bỏ nó đi, làm sao người ta còn có thể nhận diện được ảnh là ai hử? Người ta còn tin theo đạo Cười là nhờ cái mặt nạ đó mà thôi, mày hiểu không? Đó là lý do mà tao muốn ảnh đeo luôn cái mặt nạ đi vào lòng đất."

"Tại sao! Đã biết là giả, đã lỡ trớn lừa gạt người ta một thời gian, một đoạn đường, thì bây giờ là cơ hội để mày đánh thức họ chứ. Chỉ có mày mới làm được chuyện đó thôi, tại sao không làm! Phải lột mặt nạ ổng đi, mày ạ!"

"Hứ, mày lại suy nghĩ theo cảm tính, hời hợt quá mày ạ! Mày không tưởng tượng được rằng một khi vỡ lẽ thần tượng của mình đã đeo mặt nạ cười suốt mấy chục năm, hàng vạn người sẽ điên loạn lên, mất hướng đi, mất luôn lẽ sống, hàng ngàn người sẽ tự tử... và cả khung trời êm đềm hạnh phúc với bao nụ cười tươi mát sẽ sụp đổ tan tành hết hay sao! Mày không thấy được cái tai họa lớn lao đó à?"

"Thà là vậy còn hơn kéo dài mãi một kiếp sống giả tạo, giả tạo, toàn là lừa gạt, điên đảo!"

"Thôi, thôi, đủ rồi, tao nghe ý kiến mày như vậy đủ rồi. Mày đừng nói nữa."

"Nghĩa là sao? Nghĩa là mày sẽ giữ cái mặt nạ cho ổng, rồi chính mày vẫn tiếp tục đi con đường đó, tiếp tục bảo vệ cái đạo Cười nhố nhăng tầm phào ấy?"

"Ha ha, Thủy à, mày là con người chân thật ngây thơ lắm, tao biết. Nhưng cái chân thật ngây thơ của mày chẳng mang lại được lợi ích gì cho cuộc đời này cả. Dù sao tao cũng cám ơn những lời xỉ vả, chỉ trích của mày... ha ha. Ủa, Thủy, mày còn đó không vậy? Có nghe tao nói không vậy mày?"

"Hừ, nghe chứ. Thôi, mày muốn làm gì thì làm, tao hết lời rồi. Nhưng... tao vẫn còn muốn hỏi mày một câu, được không?"

"Được chứ, tao vẫn là bạn thân của mày mà, phải không Thủy?"

"Ừ. Tao hỏi mày, tại sao bà lớn không là tiếu đạo thay thế ổng mà lại là mày?"

"Bà lớn và ảnh không bao giờ hạp nhau. Họ gây gổ cãi lộn với nhau suốt ngày. Theo lời ảnh kể là như vậy. Đó cũng là lý do khiến ảnh tìm kiếm và rồi khai sinh ra cái đạo Cười. Cuộc đời ảnh, thất bại mọi thứ, từ tình yêu đến công danh sự nghiệp. Cho đến lúc lập ra đạo Cười, ảnh mới thực sự là một nhân vật. Cuộc đời ảnh đi lên từ đó, nhờ sáng kiến về cái mặt nạ. Ảnh hạnh phúc khi nấp đàng sau cái mặt nạ đó đến nỗi càng lúc chiếc mặt nạ đối với anh không còn là mặt nạ nữa mà là mặt thật. Rời nó đi thì chẳng còn ý nghĩa nào cho cuộc đời ảnh. Ủa, mà mày hỏi tao cái gì vậy? À, tại sao không phải là bà lớn mà lại là tao đứng ra thừa kế tiếu đạo? Là vì bà lớn chẳng bao giờ cười được, mà bà ấy cũng như ảnh, lớn tuổi rồi, đâu có đủ thời gian để luyện tập cười. Còn tao, tao vượt hơn cả ảnh nữa, vì đời tao chẳng gặp chuyện gì đáng phàn nàn, tao lại được huấn luyện cười đúng phương pháp... cho nên, tao thành tiếu đạo là phải rồi. Rốt cuộc tao rút được bài học này Thủy à: ở cuộc đời này, chỉ có hai vấn đề then chốt thôi, đó là hạnh phúc và khổ đau; nhưng hạnh phúc thì mong manh, hiếm hoi lắm, còn khổ đau thì bất tận. Cho nên, muốn nổi danh thật nhanh, muốn thu nạp được nhiều môn đồ ngưỡng mộ một cách dễ dàng, chẳng có con đường nào hiệu quả hơn là tạo ra cái thiên đường hạnh phúc tạm thời nhưng tức khắc, ngay trong đời sống hiện tại. Một bài học khác nữa, tao nghĩ là mày nên nhớ lấy để áp dụng cho mày sau này. Đời mày cứ rề rề mãi chẳng thấy tiến bộ gì là vì mày sống thực quá. Mày chẳng làm sao hiểu nổi được là chính cái giả mới là cái thực nhất đó! Cái giả khi được tập luyện, sẽ trở thành cái thực. Mà trên thực tế, với kỹ thuật tinh xảo, với sự tập luyện đúng mức và có phương pháp, có khi cái giả còn tuyệt hơn cái thực nữa kia."

"Cám ơn, cám ơn. Xin cho tao được bình yên, Trâm ạ. Nói thật với mày, khi nghe chuyện cái mặt nạ, tao thấy tởm lợm ở trong họng. Tao chỉ mong mày đứng ra làm cái việc giải ảo, đánh thức tất cả những tiếu đồ cuồng tín u mê kia. Nhưng mày không muốn làm điều đó, mày chỉ muốn nối gót ổng để tiếp tục một vụ lường gạt to lớn, táo tợn... Ôi, Trâm à, mày làm tao thất vọng quá. Tao thấy tội nghiệp mày hết sức. Mày bị mê rồi mày có biết không? Thế rồi mày sẽ đóng tuồng đóng kịch suốt đời? Mà trên thực tế mày có hạnh phúc thực sự bởi nụ cười của mày không?"

"Hạnh phúc à? Có chứ, nhưng không phải ở nụ cười đâu, mà ở cái hào quang danh vọng mà những tiếu đồ khác ngưỡng vọng đặt lên trên người tao. Mày chẳng thấy rằng kẻ có chí lớn thì chỉ hạnh phúc với danh vọng tột đỉnh chứ đâu có bằng lòng với những niềm vui nhỏ nhoi có được từ những nụ cười, phải không? Ha ha."

"Trâm à, mày không còn giống mày chút nào nữa. Tao không dám cản trở mày nữa đâu. Tao chỉ hi vọng một ngày nào đó, mày thức tỉnh, công khai giải thể cái đạo Cười lừa gạt của ổng và mày. Nếu không giải thể sớm thì đến cuối đời cũng được, sau khi mày hưởng thụ trọn vẹn cái bã danh vọng suốt những năm dài... tao yêu cầu mày hãy cất lên tiếng nói của sự thực."

"Ố, hi vọng của mày đó hả, ha ha, chỉ là ảo vọng thôi. Sau tao, còn có một nhân vật khác toàn hảo hơn," Trâm đưa tay xoa cái bụng căng tròn, "đó là sự kết hợp hoàn mỹ nhất mà ảnh để lại cho cuộc đời. Ôi, nó sẽ vượt hơn cả cha mẹ nó trên mọi phương diện, vì nó đi vào đời không cần mặt nạ, cũng không cần tập luyện gì cả. Thiên đường đã vẽ ra rồi, niềm tin của mọi người đã lậm sâu rồi, nó mặc nhiên thừa hưởng tất cả, không cần chút cố gắng nào. Tất cả cái giả đều trở thành cái thực một cách tự nhiên. Tất cả cái thực đều không còn đất đứng. Tương lai của thế giới, hạnh phúc an vui của thế giới, ở trong bụng tao nè Thủy ạ. Ha ha ha ha... Thủy, mày còn đó không vậy?"

Thủy cúp điện thoại, rúc mình sâu vào trong chăn. Bóng tối đè xuống nàng, thật nặng./.

ĐỌC LẠI NHỮNG BÀI BÁO XƯA CỦA VŨ TRỌNG PHỤNG

PHẠM XUÂN ĐÀI

Chúng ta thường biết Vũ Trọng Phụng qua các tác phẩm văn học của ông, đặc biệt là *Số Đỏ* và *Giông Tố*, chứ ít biết ông là một nhà báo với rất nhiều thiên phóng sự xã hội. Điều này cũng dễ hiểu, các bài báo thường chỉ để đáp ứng một nhu cầu xã hội nhất thời, trong khi văn học không lệ thuộc vào thời sự, có thể mang một giá trị lâu dài, nếu tác phẩm thực sự có giá trị. Giá trị những tác phẩm văn học của Vũ Trọng Phụng thì đã được khẳng định từ lâu trong nền văn họcViệt Nam. Tại miền Nam các tác phẩm của ông đã được in đi in lại nhiều lần, đã có nhiều công trình nghiên cứu về ông, những câu thời danh của ông trong Số Đỏ như "Biết rồi, khổ lắm, nói mãi!" hoặc "Tội nghiệp, thế là tốt lắm!" có thời đã biến thành một lối nói trong xã hội gần như một thành ngữ. Trong khi đó tại miền Bắc, từ khoảng cuối thập niên 1950 không hiểu lý do gì và nhân danh cái gì, đảng Cộng sản đã ra lệnh cấm toàn dân không được đọc Vũ Trọng Phụng, cấm sách của ông không được lưu hành, và đĩ nhiên dẹp bỏ luôn cả việc nghiên cứu, tìm hiểu tác giả này. Mãi ba mươi năm sau, vào cuối thập niên 1980, ông mới được "cởi trói," các tác phẩm của ông mới được chính quyền cộng sản cho tái bản, và vài ba năm gần đây cùng với phong trào làm tuyển tập, Vũ Trọng Phụng cũng được làm tuyển tập.

Nhưng vào cuối năm 2000, sau khi Tuyển Tập Vũ Trọng Phụng đã thành hình thì nhà xuất bản Hội Nhà Văn ở Hà Nội lại cho ra đời một cuốn sách mang tựa đề *Vẽ Nhọ Bôi Hề* gồm một số truyện, tiểu phẩm, bài phóng sự... của Vũ Trọng Phụng, với câu giới thiệu ngoài bìa sách: **Những tác phẩm mới tìm thấy năm 2000.** Đọc câu này người ta có thể nghĩ ngay rằng đây là những bản thảo của nhà văn Vũ Trọng Phụng trước nay chưa hề được công bố nay mới tìm thấy. Nhưng thực ra không phải vậy. Đó chỉ là những bài đã đăng trên các báo Hà Nội trong thập niên 1930, được tom góp lại. Và vì những bài mới tìm thấy này, chữ "Toàn tập" không còn hoàn toàn đúng nữa.

Nhưng người tìm thấy lại các bài này lại là một người Mỹ chứ không phải những vị có trách nhiệm sưu tầm cho Toàn Tập Vũ Trọng Phụng. Theo Lời Giới Thiệu của ông Lại Nguyên Ân ở đầu tập *Vẽ Nhọ Bôi Hề* thì người Mỹ ấy có tên là Peter Zinoman, giảng viên môn sử Việt Nam tại đại học Berkeley ở California. Đoạn trích sau đây lời giới thiệu của ông Lại Nguyên Ân giải thích tại sao ông Peter Zinoman lại đi sưu tầm Vũ Trọng Phụng:

"Đề tài luận án Peter Zinoman chọn là chế độ nhà tù của thực dân Pháp ở Việt Nam. Mà nghiên cứu sử học Âu Mỹ hiện giờ rất chú trọng tìm các dữ liệu thông qua báo chí, văn chương, nghệ thuật. Anh đọc đủ loại tài liệu liên quan từ xa đến gần, về văn học thì không bỏ qua những hồi ký cách mạng trong đó có nói đến giam cầm, tù đày, cũng không thể bỏ qua những sáng tác truyện, tiểu thuyết có nói đến nhà tù. Và vì thế anh đã tìm đọc Người Tù Được Tha...

Đi tìm, thông qua sự thể hiện văn học, một đề tài lịch sử, anh bắt gặp một nhà văn. Sáng tác của ông thu hút anh. Anh tìm đọc hầu hết tác phẩm của ông, qua những cuốn sách mới in lại từ 1987 trở lại đây, lại cũng tìm đọc hầu hết những bài phê bình ngiên cứu về Vũ Trọng Phụng.

(...) Peter Zinoman đã đến Thư viện quốc gia Pháp ở Paris tìm đọc vi phim (microfilm) kho sách báo tiếng Việt trước 1945. Trên hai chục tác phẩm của Vũ Trọng Phụng được anh tìm ra từ nguồn lưu trữ ấy."

Và ông Peter Zinoman đã chuyển những gì mới tìm thấy cho các nhà nghiên cứu ở Hà Nội, tất cả các bài ấy đã được xuất bản dưới nhan đề *Vẽ Nhọ Bôi Hề*, có lẽ như một bổ túc cho Toàn Tập Vũ Trọng Phụng. Nhưng người ta có thể tự hỏi tại sao các nhà nghiên cứu tại Hà Nội lại không thấy những bài này trong Thư viện quốc gia Việt Nam, vì tại đây sách báo trong thời Pháp

thuộc chắc chắn còn rất nhiều, nếu không nói là toàn bộ, mà phải chờ đến công sức của một người Mỹ lục lọi trong thư viện Pháp tận Paris? Đoạn trích sau đây của ông Lại Nguyên Ân lại cho thấy một phần thực trạng của giới sưu tầm nghiên cứu Việt Nam:

"Có thể nói, tính từ khoảng 1956, tức là từ khi tác giả Vũ Trọng Phụng trở thành một đối tượng nghiên cứu thực thụ, đây là lần bổ sung đáng kể nhất vào những thống kê về tác phẩm của tác giả này. Hồi 1987, khi tác phẩm của nhà văn lại bắt đầu được tái bản rộng rãi sau 30 năm vắng bóng, người ta cũng chỉ biết phạm vi tác phẩm của nhà văn này như phạm vi mà các nhà nghiên cứu biết về ông, hồi giữa và cuối những năm 50. (...) Người ta biết rằng tác phẩm của Vũ Trọng Phụng còn nhiều hơn, nhưng hình như các nhà nghiên cứu cảm thấy có tìm kỹ chắc cũng không có gì sánh được Giông tố, Số đỏ, *mà đi tìm thì sách báo cũ hư nát, mất mát ngày càng nhiều, các nhân viên thư viện thì hay giở giọng cửa quyền, cho nên, ngay những tác phẩm đã biết nhan đề, biết nơi đăng tải, người ta cũng bỏ qua. Không riêng gì Vũ Trọng Phụng, nhiều tác gia thuộc diện đối tượng làm tuyển tập cũng thường hay được giới nghiên cứu đối xử như vậy. Thay vì đạt đến một danh mục đầy đủ, cụ thể, người ta chỉ cần dùng đến chữ "v.v." và những dấu chấm lửng."*

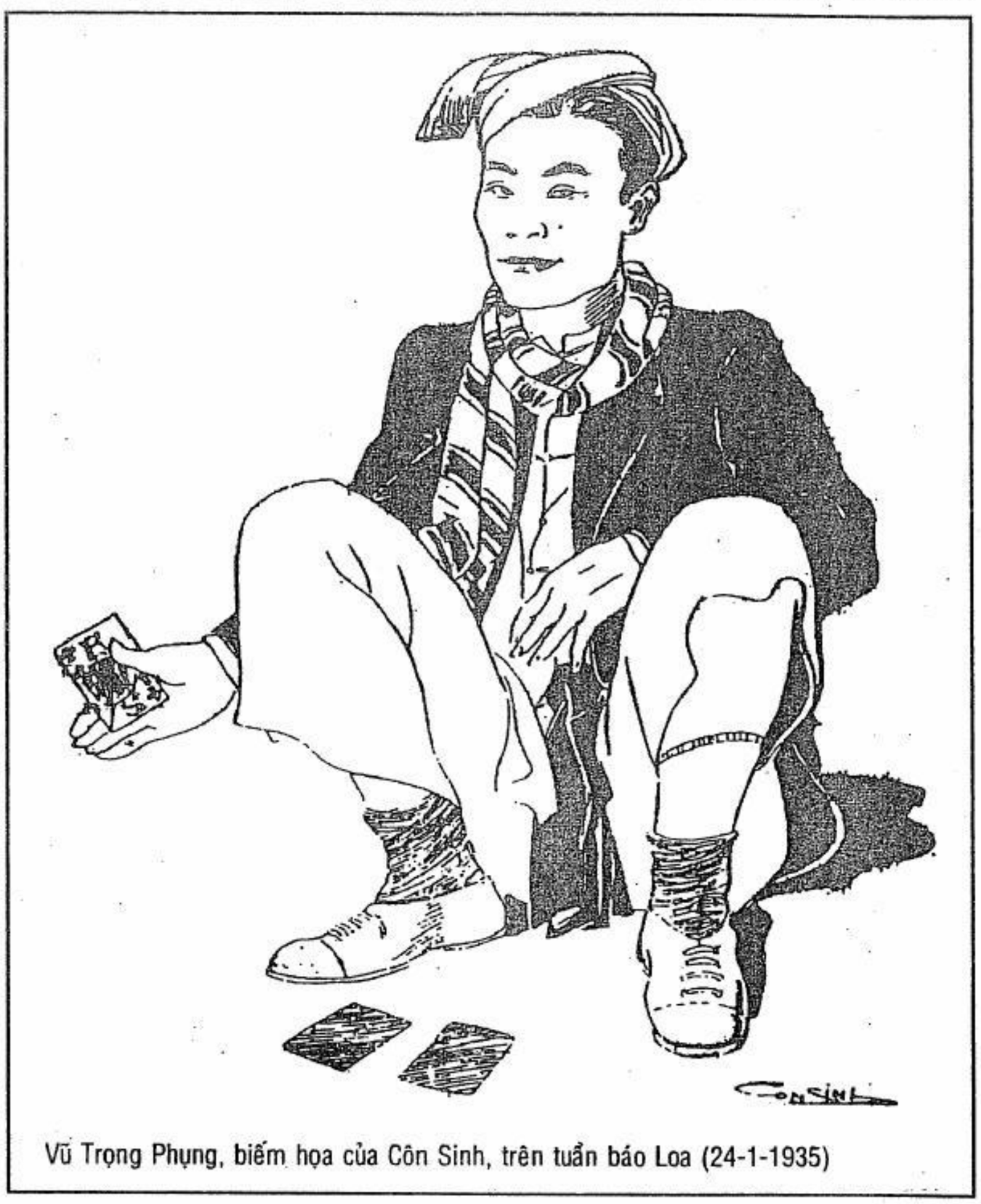

Vũ Trọng Phụng, biếm họa của Côn Sinh, trên tuần báo Loa (24-1-1935)

Sách *Vẽ Nhọ Bôi Hề* gồm 22 bài "mới tìm thấy," ký tên thật Vũ Trọng Phụng, hoặc V.T.P., hay là bút danh Thiên Hư, có khi ký tắt T.H., trước kia đã đăng trên các báo *Hải Phòng tuần báo* (1934), *Loa* (Hà Nội, 1934, 1935), *Tiến Hóa* (Hà Nội, 1935), *Tiểu thuyết thứ năm* (Hà Nội, 1938, 1939), *Phụ nữ thời đàm* (Hà Nội 1934), *Đông Dương tạp chí* (Hà Nội, 1937, 1938). 'Vẽ nhọ bôi hề' là tên một phóng sự về ngành sân khấu đăng trên tờ *Phụ nữ thời đàm* năm 1934. Đọc những bài này, người ta dễ dàng nhận ra phong cách Vũ Trọng Phụng, và cũng nhận ra điều này: các điều tra, phóng sự báo chí của ông cách đây 70 năm so với bây giờ vẫn không thấy cổ lỗ chút nào. Đó là chưa kể cách viết kỹ lưỡng, lối điều tra có lương tâm và sự nhiệt tâm của ký giả thì chưa chắc giới báo chí Việt Nam bây giờ đã qua được ông.

Để mang lại ít nét của xã hội Hà Nội ngày xưa, chúng tôi đăng lại dưới đây vở kịch vui *Chín đầu một lúc*, ký bút danh Thiên Hư, đăng trên báo *Loa*, ngày 15.3.1934. Chúng ta đã biết nhiều về những truyện dài, truyện ngắn, phóng sự của Vũ Trọng Phụng, nhưng rất ít có dịp đọc kịch của ông. Hy vọng nét châm biếm trào lộng rất Vũ

Trọng Phụng phảng phất trong vở kịch đem lại cho chúng ta vài nụ cười nhân buổi đầu xuân.

CHÍN ĐẦU MỘT LÚC

HÀI KỊCH

Sen I

Giữa phố hàng Thúng, trước cửa một tòa nhà không to, nhưng những miếng gạch hoa, những ống máng với kính đủ các màu làm thành ra đồ sộ, một anh xe đứng nghênh ngang chờ... Một bác thợ cạo đi qua.

ANH XE - Thợ cạo! Thợ cạo!

THỢ CẠO (vội chạy lại) - Ra ngõ gặp giai có khác, rõ may quá!

ANH XE - Lấy bao nhiêu một đầu?

THỢ CẠO - Vẽ chuyện mặc cả nữa! Vào nhà cụ Chín Hoặc, chẳng được cao giá hơn thì cứ giá thường ngày chứ gì.

ANH XE - Nhưng cụ tôi bảo tôi phải mặc cả. Ba xu một người mà cạo luôn chín người một lúc đấy, có bằng lòng thì vào.

THỢ CẠO - Ba xu? Những ba xu? Thế thì bác vào thưa với cụ bác là có thằng thợ cạo kia nó bảo rằng ba xu thì nó thà để thì giờ nó cạo lông chân của nó nhé.

ANH XE - Không bằng lòng thì bước! Lôi thôi gì?

THỢ CẠO - Chả bước thì dễ vào à?... Giầu nhất Hà thành đấy! Ba xu!

Nói xong đi. Đến lượt một người thợ thứ hai đi qua.

ANH XE - Này, cạo không? Lấy bao nhiêu một người?

THỢ CẠO THỨ HAI - Cạo cho bác hay cho chủ bác?

ANH XE - Không! Cạo cho chín cô với cậu, con cháu ông chủ.

ANH XE - Ồ những chín người một lúc à? Thôi được, để cụ cho bao nhiêu thì cho, không phải mặc cả.

ANH XE - Nhớ nhé.

THỢ CẠO - Được, được, (*nhìn cái mã nhà tin lắm*). Cụ cho bao nhiêu cũng xin vâng.

Sen II

Phòng ngủ với phòng khách một nhà giầu, đồ đạc bầy theo lối mỹ thuật của bà Bé Tý. Tất cả chín đứa vừa giai vừa gái, tuổi từ 5 đến 12 đứng biểu tình quanh cái sạp gụ khảm bên trên có ông và bà Chín Hoặc, đang ngồi đếm giấy bạc với văn tự cạnh cái tủ bạc to.

CẢ CHÍN ĐỨA - Khổ quá, đầu con như cái bờm sư tử thế này, đi ăn cưới làm sao?

- Tóc dài quá, cháu ngứa đầu quá đi mất.

- Con đến đau mất mất!

ÔNG CHÍN - Gớm làm gì mà nheo nhéo thế! Chúng bay xếp hàng một, lần lượt cúi cổ giơ gáy cho tao xem nào...

(bọn trẻ theo lời; ông Chín khám một lượt). Chết thật chứ bọn này rồi mai sau phá gia chi tử! Tóc mới thế mà đã đòi cạo rồi!

BỌN TRẺ - Chúng con cạo đã ba tháng nay rồi còn gì nữa. Không cho cạo thì chúng con không đi ăn cưới đâu.

BÀ CHÍN - Thôi! Cứ im! Tao bảo thằng xe ra trông thợ cạo rồi!

ÔNG CHÍN - Bà có dặn nó mặc cả cẩn thận đấy không?

BÀ CHÍN - Có, tôi đã bảo rồi.

BỌN TRẺ - Lại còn mặc cả làm gì cho nó lâu ra.

ÔNG CHÍN - Thế chúng bay vội cái gì chứ! Chín đứa cạo một lúc mà không mặc cả thì để sạt nghiệp hay sao?

BÀ CHÍN - Thôi, thợ đây kia rồi, không phải eo sèo gì nữa.

Sen III

Thêm thợ cạo

THỢ CẠO - Lạy cụ lớn ạ.

ÔNG CHÍN - Được! Thế nó đã mặc cả chưa?

THỢ CẠO - Bẩm cụ lớn cho thế nào chúng con cũng xin vâng, được vào cửa cụ lớn đã là phúc lắm.

ÔNG CHÍN - Bác này thật biết điều, sau này chắc bác sẽ giàu to. Thằng xe lấy thau nước nóng ra đây để bác phó rửa tông đơ đi nhé.

THỢ CẠO - Bẩm rửa nước sợ gỉ mất ạ.

BÀ CHÍN - Được, rửa xong bác lau ngay thì việc gì.

ÔNG CHÍN - Không rửa nhỡ chín đứa trẻ này hắc lào hay ghẻ lở thì tôi bắt đền ai?

THỢ CẠO - Vâng thế thì xin rửa. Chính ra thì phải hơ đèn cồn kia đấy ạ.

ÔNG CHÍN - Thời buổi này phải vệ sinh, bác không có đèn cồn là lỗi ở bác chứ. Húi rõ cao cho chúng nó nhé!

Thợ cạo rửa tông đơ rồi bắt tay vào cạo. Đồng hồ đánh 8 tiếng. Ông Chín và Bà Chín vẫn ngồi

soạn văn tự, đếm giấy bạc. Đến lúc đồng hồ đánh 12 tiếng thì cái đầu thứ chín cũng cạo xong.

ÔNG CHÍN - Đã xong rồi à? Chúng bay lại gần đây tao xem bác ấy làm ăn thế nào mà chóng quá thế.

THỢ CẠO - Bẩm, con cạo kỹ lưỡng lắm đấy ạ.

MỘT ĐỨA TRẺ - Kỹ quá hóa hỏng! Húi *ca rê* mà bác húi cho tôi trọc lốc y như đầu thằng tù!

MỘT ĐỨA KHÁC - Để rẽ lật mà bác làm đầu tôi thành ra cái bàn chải ngựa!

THỢ CẠO - Cụ lớn đã dặn tôi húi cao mà lại.

ÔNG CHÍN - Phải, chính thế. Chúng mày đừng có lôi thôi! Húi cao càng mát! Này đây, bác cầm lấy tiền.

THỢ CẠO - (*sau khi đếm tiền*) - Bẩm hai hào bẩy tất cả.

ÔNG CHÍN - Phải. Có thiếu, thừa trinh nào không?

THỢ CẠO - Bẩm cụ lớn cho thế thì thiệt con quá.

ÔNG CHÍN - Thiệt? Còn đòi bao nhiêu nữa?!

THỢ CẠO - Bẩm giá thường thì cứ 5 xu một cái đầu mà cụ cho thế, chúng con thành ra thiệt những hào tám.

ÔNG CHÍN - Được rồi, nhưng bác nên biết rằng bác được cạo luôn chín cái đầu một lúc, không mất công đi rụng chân ngoài phố, giữa mùa mưa này mới được chứ. Bác phải biết bác được bước vào cái nhà này là một nhà như thế nào mới được chứ!

THỢ CẠO - Đến chúng con cạo cho cu-ly cu-leo, bắt-tê, họ cũng trả cho được đúng 5 xu một cái đầu...

ÔNG CHÍN - Anh nói ngu lắm!... Thằng xe đâu? Xe!

Sen IV

Thêm thằng Xe

BÀ CHÍN - Sao mày không mặc cả hở thằng khốn nạn kia.

THẰNG XE - Thưa cụ, anh ta đã nói cho bao nhiêu cũng làm mà.

BÀ CHÍN - Thế mồm anh hay là sẹo gỗ.

ÔNG CHÍN - Có nó làm chứng đấy nhé. Anh đã kêu được vào nhà này là phúc, cho bao nhiêu cũng làm, tôi cho hai hào bẩy lại chưa đủ phúc cho anh ư?

THỢ CẠO - Ông thử đi hỏi khắp Hà Nội này

NGUYỄN VĂN THỰC

Bốn Mùa Nhớ Vợ

Tặng MM

Em của anh mùa xuân
Những giọt sương đôi mắt
Em suối mới chảy quanh
Ôm đời anh chật vật

Em của anh mùa hạ
Nắng đổ uống no nê
Lòng trời ngực em lạ
Tinh tú vỡ đam mê

Em của anh mùa thu
Nắng vàng mật lá đổ
Ơn em tay võng ru
Mỉm cười thu anh ngủ

Em của anh mùa đông
Tiếng cười lăn tuyết trắng
Bên anh em lửa hồng
Thơm tho niềm thầm lặng

Bốn mùa của bảy năm
Nhìn nhau chùi nước mắt
Bốn mùa của bảy năm
Chẳng mấy khi gặp mặt

Na Uy, 28.10.01

xem có thằng nào lấy ba xu một cái đầu không?

ÔNG CHÍN - Thôi anh câm đi! Rõ đồ không biết điều! Rồi vạn kiếp anh cũng đến làm thợ cạo!

THỢ CẠO - Tôi có ăn không của ai đâu mà giầu có được.

ÔNG CHÍN - Anh là đồ ngu! Chúng bay ra đây!... (Bọn trẻ chạy ra). Anh trông lũ con cháu tôi xem. Anh húi chúng nó thành ra một lũ ăn cắp mà anh lại cả gan mở mồm ra đòi thêm nữa à?

THỢ CẠO - Ông dặn tôi húi thế nào mới được chứ?

ÔNG CHÍN – Thí cho nó thêm một xu nữa.

THỢ CẠO – Một xu thì để ông bà mua thuốc bổ. Tưởng cho thì ít ra cũng cho hơn 5 xu một người hoặc không thì thôi chứ lại trả kém cả bọn phu gạo!

ÔNG CHÍN – Đừng láo mà lên Cẩm tức khắc bây giờ (*lảng vào*).

THỢ CẠO – Thằng nào chứ thằng này sợ lên Cẩm chắc?

BÀ CHÍN – Thôi thôi, đây, một xu (*nói khẽ*). Bác cứ ra ngõ kia chờ tôi trả thêm.

Sen V

Thợ cạo đứng chờ một mình để bà Chín vờ dọn dẹp đâu ra đấy xong mới ra. Đồng hồ đánh một tiếng.

BÀ CHÍN – Này đây, hai xu nữa là đúng ba hào. Thôi, bác đi.

THỢ CẠO – Chết thật chứ tôi chờ một giờ đồng hồ mà giả thêm được ba xu ư?

BÀ CHÍN - Chết! Nói khẽ chứ!...

ÔNG CHÍN (*từ bên trong*) – Chết thật, lại còn trả thêm nó nữa thì bà giết tôi!

BÀ CHÍN (*chạy vào*) – Không, tôi có trả thêm đâu?

ÔNG CHÍN – Bà đừng chối nữa! Biết làm thế nào bây giờ? A! Xe! Mau chạy ra bắt nó vào ngoáy thêm hai lỗ tai cho tao vậy.

Thợ cạo cắm đầu chạy.

HẠ MÀN

THIÊN HƯ

Loa, 15.3.1934

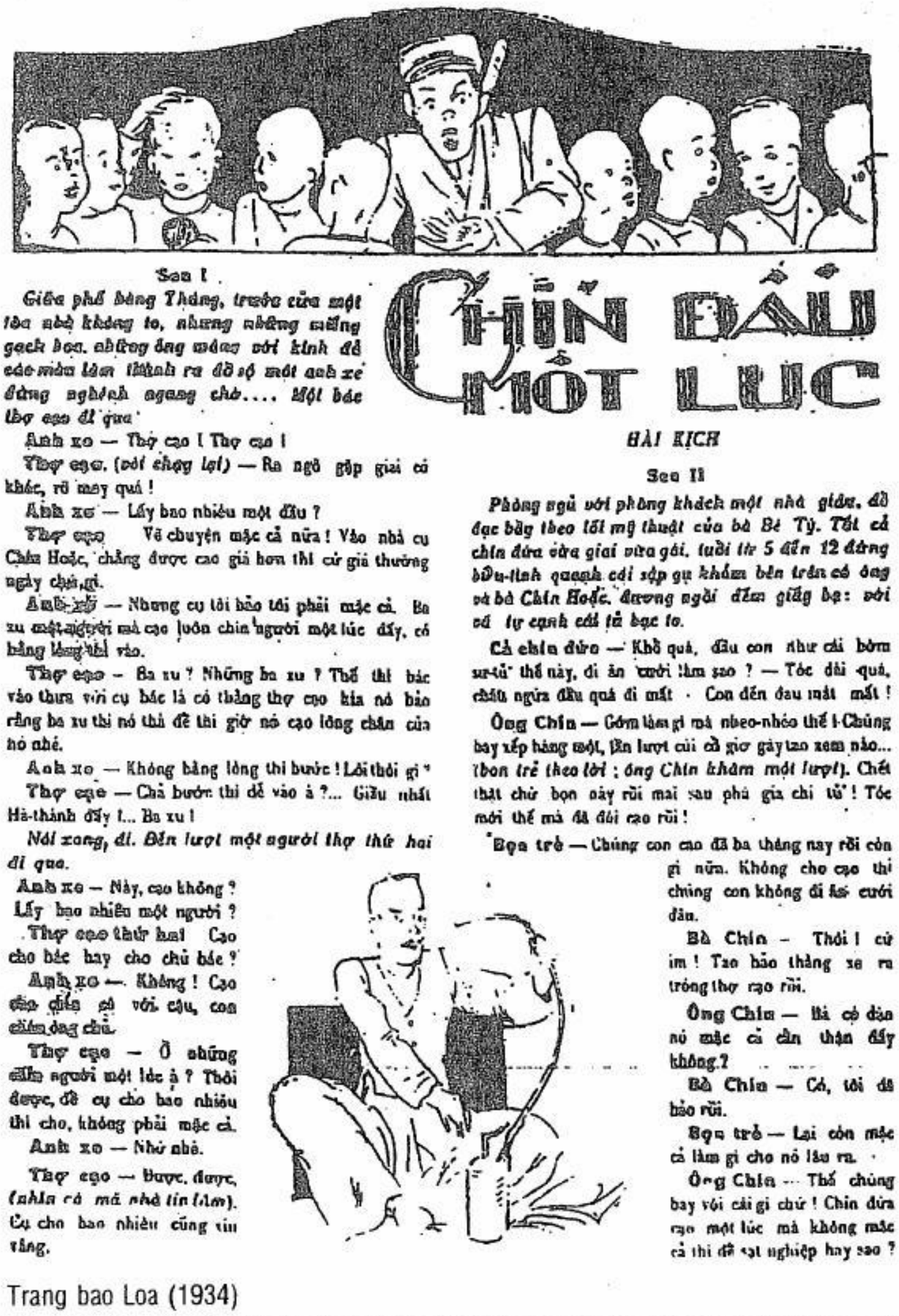

Sen I

Giữa phố hàng Thùng, trước cửa một tòa nhà không to, nhưng những miếng gạch hoa, những ống máng sơn xanh đỏ các màu làm thành ra đồ sộ một anh xe đứng nghênh ngang chờ.... Một bác thợ cạo đi qua.

Anh xe — Thợ cạo ! Thợ cạo !

Thợ cạo. (vui chạy lại) — Ra ngõ gặp giai có khác, rõ may quá !

Anh xe — Lấy bao nhiêu một đầu ?

Thợ cạo — Vẽ chuyện mặc cả nữa ! Vào nhà cụ Chín Hoặc, chẳng được cao giá hơn thì cứ giá thường ngày chứ gì.

Anh xe — Nhưng cụ tôi bảo tôi phải mặc cả. Ba xu một người mà cạo luôn chín người một lúc đấy, có bằng lòng thì vào.

Thợ cạo — Ba xu ? Những ba xu ? Thế thì bác vào thưa với cụ bác là có thằng thợ cạo kia nó bảo rằng ba xu thì nó thà để thì giờ nó cạo lông chân của nó nhé.

Anh xe — Không bằng lòng thì bước ! Lôi thôi gì ?

Thợ cạo — Chà bước thì dễ vào à ?... Giầu nhất Hà-thành đấy !... Ba xu !

Nói xong, đi. Đến lượt một người thợ thứ hai đi qua.

Anh xe — Này, cạo không ? Lấy bao nhiêu một người ?

Thợ cạo thứ hai — Cạo cho bác hay cho chú bác ?

Anh xe — Không ! Cạo cho chúng nó với cậu, con chúng đông chú.

Thợ cạo — Ở những chín người một lúc à ? Thôi được, để cụ cho bao nhiêu thì cho, không phải mặc cả.

Anh xe — Nhớ nhé.

Thợ cạo — Được, được, *(chỉ cả mặt nhẻ tin lắm)*. Cụ cho bao nhiêu cũng tin tưởng.

CHIẾN ĐẤU MỘT LỤC

HÀI KỊCH

Sen II

Phòng ngủ với phòng khách một nhà giàu, đồ đạc bày theo lối mỹ thuật của bà Bé Tý. Tất cả chín đứa vừa giai vừa gái, tuổi từ 5 đến 12 đứng bâu-tinh quanh cái sập gụ khảm bên trên có ông và bà Chín Hoặc, đương ngồi đếm giấy bạc: với cái tự cạnh cái tủ bạc to.

Cả chín đứa — Khổ quá, đầu con như cái bờm sư-tử thế này, đi ăn cưới làm sao ? — Tóc dài quá, chấu ngứa đầu quá đi mất · Con đến đau mất mất !

Ông Chín — Gớm làm gì mà nheo-nhéo thế ! Chúng bay xếp hàng một, lần lượt cúi cả giơ gáy tao xem nào... *(bọn trẻ theo lời ; ông Chín khám một lượt)*. Chết thật chứ bọn này rồi mai sau phú gia chi tử ! Tóc mới thế mà đã đòi cạo rồi !

Bọn trẻ — Chúng con cạo đã ba tháng nay rồi còn gì nữa. Không cho cạo thì chúng con không đi ăn cưới đâu.

Bà Chín — Thôi ! cứ im ! Tao bảo thằng xe ra trông thợ cạo rồi.

Ông Chín — Bà cẩn dặn nó mặc cả cẩn thận đấy không ?

Bà Chín — Có, tôi đã bảo rồi.

Bọn trẻ — Lại còn mặc cả làm gì cho nó lâu ra.

Ông Chín — Thế chúng bay với cái gì chứ ! Chín đứa cạo một lúc mà không mặc cả thì để cạo nghiệp hay sao ?

Trang báo Loa (1934)

5 Star Printing

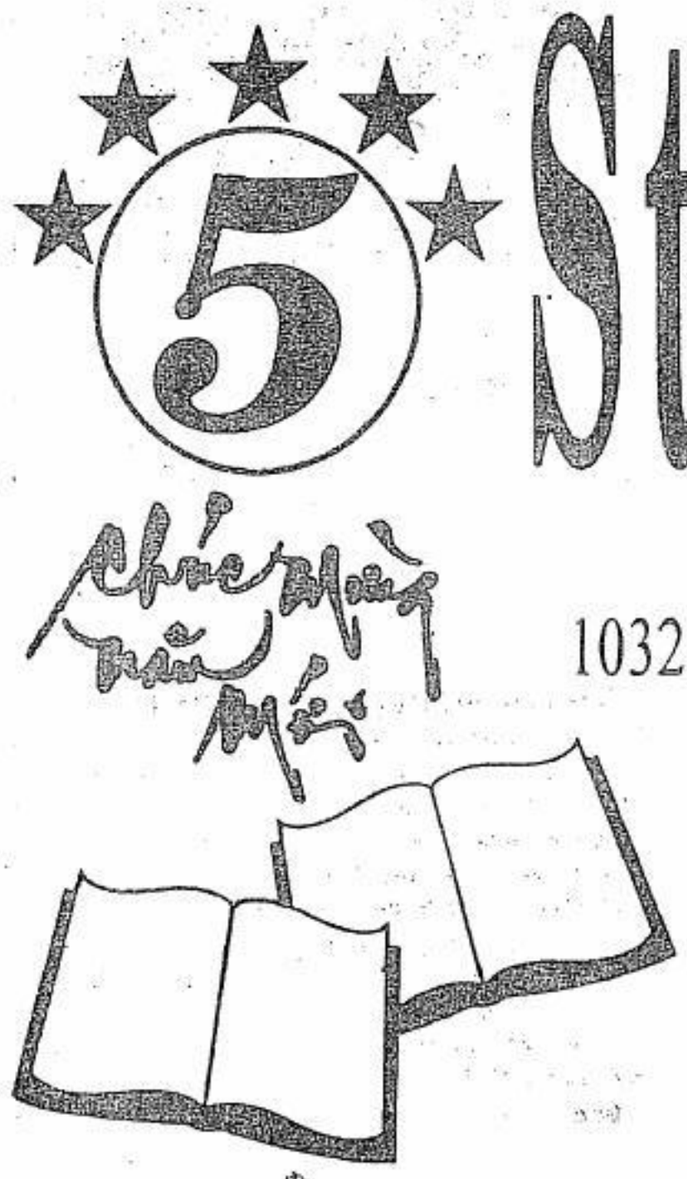

10322 Trask Ave. #B., Garden Grove, CA 92843

Tel: (714) 638-8800

Cel: (714) 715-8172

Fax: (714) 638-2377

CHUYÊN IN:

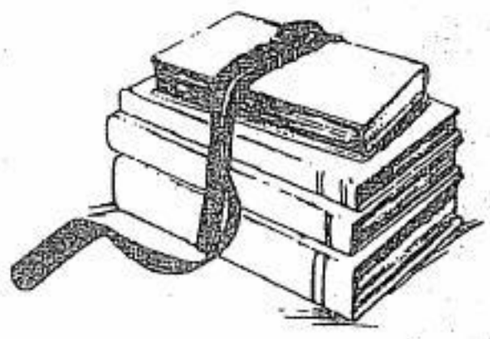

- KINH - SÁCH - FLYERS - BUSINESS -

- CARDS - ENVELOPES - LETTER HEADS - INVOICES

(NCR) - BROCHURES - NEWSLETTERS - MAGAZINES -

MEDICAL FORMS AND ETC. ...

- 1-2- hoặc 4 màu -

ĐẶC BIỆT:
KINH - SÁCH
Giá Rẻ Không Đâu Bằng

BẢO ĐẢM
RẺ - ĐẸP - NHANH
ĐÚNG HẸN

jewelry

HÙNG SƠN

9200 BOLSA AVE. # 128 - WESTMINSTER, CA 92683

Tel: (714) 897-6600 Fax: 714-897-6065

Em Yêu

Anh Muốn Nói

Hãy thể hiện Tình Yêu
bằng một cách chân thành nhất,
Người Yêu của bạn đang chờ đó...

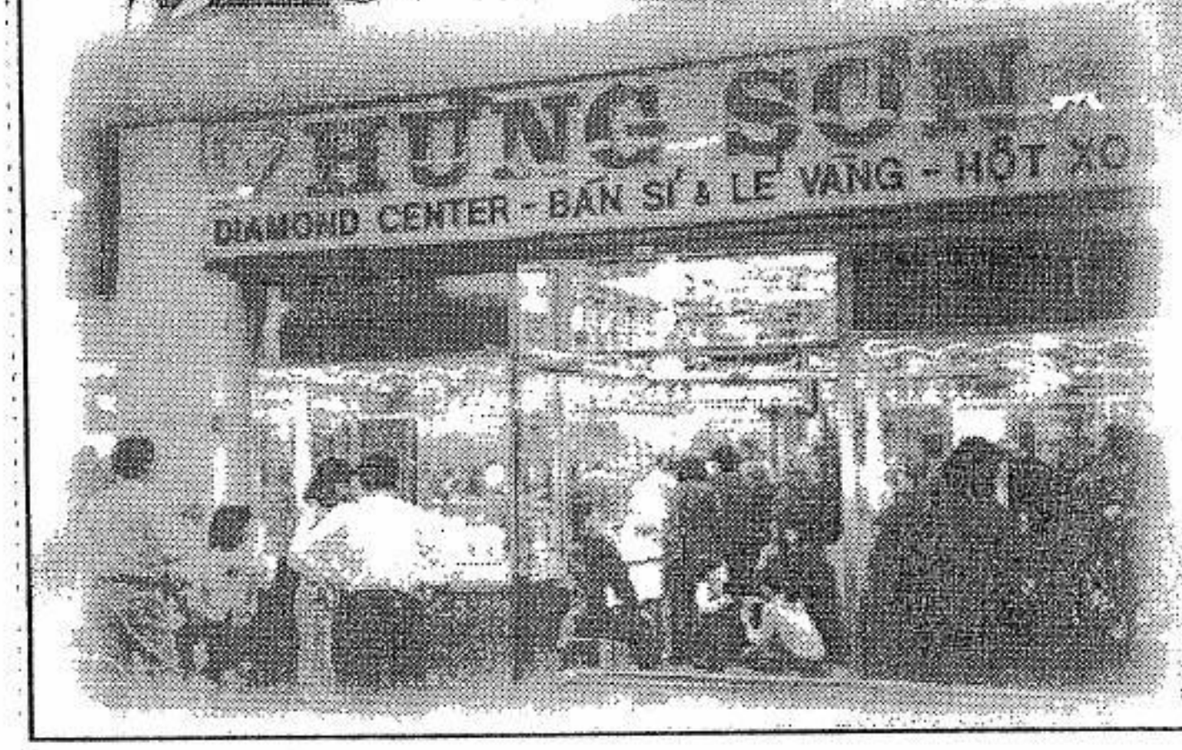

Bước vào thềm Năm Mới Nhâm Ngọ 2002, Tiệm Vàng Hùng Sơn với hơn 50 năm trong ngành, xin gửi lời Cung Chúc Tân Xuân đến quý thân chủ, quý đồng hương, kính chúc quý vị một năm mới Nhâm Ngọ: An Vui, Thịnh Vượng và Hạnh Phúc.

GOLDEN E.Z. TRANSLATOR INC.

Chuyên bán các loại máy tự điển điện tử và computer software Vietnam.
Điện tử Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh.
Có bán Video tự học tiếng Anh.

9200 Bolsa Ave. #226, Westminster, CA 92683
(Trong khu vực Phước Lộc Thọ, lầu 2)

714 897 9808

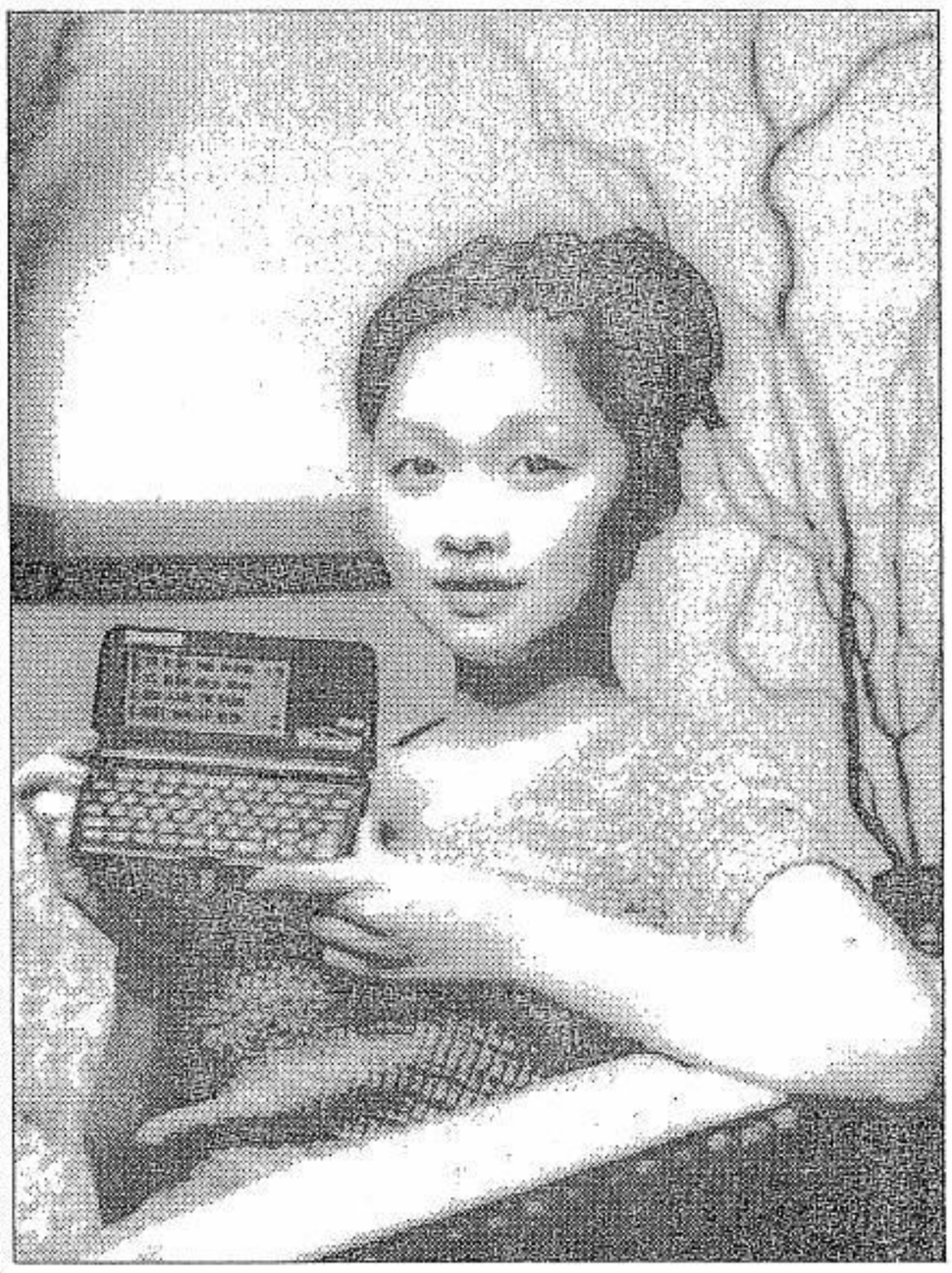

EV-2001

3 bộ tự điển căn bản:
Anh Việt, Việt Anh, Anh Anh

10 bộ tự điển chuyên ngành:
Toán - Kinh Tế - Pháp Luật
Du Lịch - Vật Lý - Y Khoa
Kiến Trúc - Thẩm Mỹ
Tin Học - Điện Tử

7 Đại Tự Điển trong một máy

ANH - VIỆT
VIỆT - ANH
PHÁP - VIỆT
VIỆT - PHÁP
HOA - VIỆT
VIỆT - HOA
ANH - ANH

EV 586

Với 2 bộ tự điển chính yếu
Anh Việt (200.000 từ)
Việt Anh (100.000 từ)

Và nhiều tính năng ưu việt
không máy nào có được
Đặc biệt: Luyện thi TOEFL,
Luyện thi nhập tịch Mỹ,
Luyện thi thẩm mỹ,...

Kim Phú®

CÔNG TY CHUYỂN TIỀN HỢP PHÁP
UY TÍN VÀ NHANH CHÓNG NHẤT HIỆN NAY

GIAO DOLLAR TẬN NHÀ
LỆ PHÍ THẤP

San Jose
1716 Tully Road
(Góc Tully & King, gần chợ Lion Plaza)
Tel.: (408) 528-9860

El Monte
9611 E. Garvey Ave., #118
(Khu Garvey Center, gần nhà hàng Mỹ Hạnh)
Tel.: (626) 444-5588

San Gabriel
120 E. Valley Blvd., Ste. H
(Góc Valley & Del Mar, khu chợ Hawaii,
kế bên Dvd Số 1)
Tel.: (626) 571-8707

Westminster
8860 Bolsa Ave., Ste. 9
(Góc Bolsa & Magnolia, khu chợ
ABC, kế bên Bank of America)
Tel.: (714) 899-3825

San Diego
4654 El Cajon Blvd.
(Bên cạnh nhà hàng Dưỡng Sơn)
Tel.: (619) 283-8700

TOLL FREE: 1-888-546-7489

Cần nhiều Đại Lý khắp các Tiểu Bang
Đại Lý cho Kim Phú sẽ được làm giấy tờ hợp
pháp cho khắp các Tiểu Bang tại Hoa Kỳ

ESGLE TATOOS STUDIO & SCHOOL

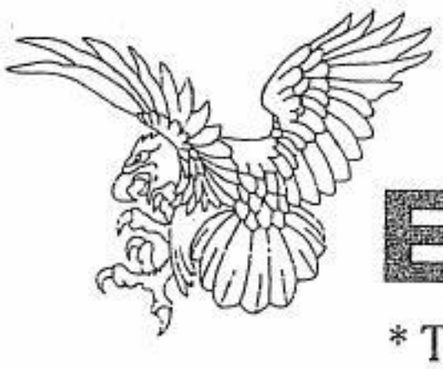

Xâm Mình và Dạy Xâm

Licensed Health Dept Approved

EAGLE NGUYEN

* Tốt nghiệp Đại Học Thẩm Mỹ California 1990.
* Tốt nghiệp Body Art Tattoo Italy 1992.
* Tốt nghiệp Xâm Thẩm Mỹ Virginia 1998.
* Hội viên Câu Lạc Bộ Xâm Mình Mỹ Quốc 1999.

6051 E. Arlington Blvd., Fall Church, VA 22044

Cell: (703) 981-3995 • Office: (703) 533-2988

Email: hanguyen @ earthlink. net

XÂM MÌNH:

- Trên 20,000 hình xâm để chọn lựa.
- Hoàn toàn thay kim mới cho mỗi khách hàng.
- Đồ nghề sát trùng đúng tiêu chuẩn y khoa.
- Việc làm cẩn thận, đẹp, vệ sinh.

DẠY XÂM:

- Dạy học viên khóa căn bản bảo đảm đạt kết quả không cần phải biết vẽ.
- Chương trình giảng dạy dễ hiểu, rõ ràng, dễ làm ai cũng học được.
- Chuyên nghiệp, tận tâm, uy tín.
- Cấp bằng tốt nghiệpsau khi mãn khóa.

ĐẶC BIỆT NHÂN DỊP XUÂN VỀ
CHO QUÝ VỊ NÀO MANG COUPON
NÀY ĐẾN GHI DANH HỌC:

- Body Art Tattoo	$2,500
- Permanent Make up	$1,500
- Body Piercing	$ 500
	$4,500

3 Lớp Học nhưng chỉ
Lấy 1 giá tiền $2,500 và được
*tặng thêm *1 bộ đồ nghề như trong hình dưới đây:*

Coupon này có giá trị cho đến: 30-04-2002

VISA MasterCard

Thứ Ba - Thứ Năm: 12PM - 8PM
Thứ Sáu - Thứ Bảy: 11AM - 9PM
Chủ Nhật: 11AM - 6PM: Thứ Hai nghỉ

EAGLE TATTOOS STUDIO & SCHOOL

Đã được Đài Á Châu Tự Do **Radio Free Asia** phỏng vấn và phát đi trên toàn thế giới vào ngày Thứ Năm 24/05/2001 và chúng tôi sẽ phát lại trong bộ Video Xâm Mình sắp phát hành nay mai

*** FREE THE SUPER KIT:**

- 5 Sheets 11" x 17" Full Color Flash W/Outlines.
- 5 Sheets 11" x 17" Black & White
- 1 Lightweight Outline Machine
- 1 Lightweight Shader Machine
- 1 Outliner Tube.
- 1 Footswitch.
- 5 Outliner Needles
- 8-1 Oz Bottles Of Ready-Mixed Tattoo Colors.
- 1 Box 100 Latex Gloves.
- 1 ink Cap Holder.
- 1 Shader Tube.
- 1 Professional Power Supply.
- 5 Shader Needles.
- 1 Package of 100 #9 & #16 Ink Caps.
- 5 A&D Ointments.

Nhân Dịp Xuân Về Eagle's Tattoos Studio & School Xin Kính Chúc Quý Độc Giả Vui Hưởng Mọi Sự Tốt Lành

EAGLE NGUYEN

LƯU Ý! LƯU Ý! LƯU Ý LƯU Ý! Các vùng **POMONA, CORONA, SAN BERNADINO, RIVERSIDE, WESTMINSTER, GARDEN GROVE, SANTA ANA Và CÁC VÙNG PHỤ CẬN.**

TRUNG TÂM NHÃN KHOA

EZ VISION CARE
OPTOMETRY

10161 Bolsa Ave., Ste 104C
Westminster, CA 92683
(Trong khu Lily's Bakery)
COMING SOON

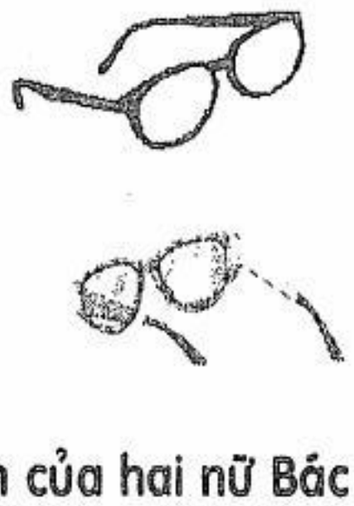

POMONA
OPTOMETRY

1101 E. Holt Ave. Ste D
Pomona, CA 91767
(Trong khu chợ Pomona Supermarket)
Tel: (909) 620-4546

Với sự điều hành của hai nữ Bác Sĩ Nhãn Khoa:

ĐINH VŨ THÙY LINH, O.D. — TÔNNỮ KIỀU TIÊN, O.D.

- *Hội viên California Optometric Association (COA). American Optometric Association (AOA). Rhio-Hondo Optometric Society, Beta Sigma Kappa (BSK)-honor Society*
- *Board Certified in Treatment and Management of Ocular Disease.*

* **KHÁM MẮT TỔNG QUÁT:**
  Khám mắt đỏ, ngứa khô hoặc bị nhiễm trùng
  Khám mắt cườm, glaucoma (nhãn xuất cao), tiểu đường
  cho toa thuốc chữa bệnh mắt nếu cần.
* **PHÒNG MẠCH:**
  Trang bị máy móc rất tối tân để truy tầm và chẩn đoán các bệnh mắt cho quý vị.
* **LÀM ĐỦ LOẠI KÍNH:**
  Cận, viễn, loạn, lão và kính safety glasses.
  Kính đổi Màu, Kính mỏng cho độ cao. Kính hai tròng có lằn hoặc không lằn.
* **CÓ NHIỀU LOẠI CONTACT LENSES:**
  Trong hoặc màu, contact lenses mềm hoặc cứng, cận, viễn, loạn hoặc lão.
* **ĐỦ KIỂU THỜI TRANG:**
  Hàng ngàn gọng kính thời trang, nổi tiếng của Ý, Nhật, và Mỹ.

TẬN TÂM, KINH NGHIỆM VÀ KỸ LƯỠNG LÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH NGHỀ CỦA HAI BÁC SĨ THÙY LINH VÀ KIỀU TIÊN.

Kính Mời!!!

***** NHẬN MEDICAL, MEDICARE VÀ CÁC LOẠI BẢO HIỂM *****

COMPUTERIZED ACCOUNTING & OFFICE SUPPORT.

ACCREDITED MEMBER

- Khóa học 4 tháng rưỡi sẽ có chứng chỉ Thư Ký Phụ Tá Văn Phòng hoặc Computer Technician.
- Học 6 tháng sẽ có chứng chỉ PC Network Engineer.
- Học 8 tháng rưỡi sẽ có chứng chỉ Thư Ký Kế Toán hoặc PC Technician & Network Engineer.

Authorized PROMETRIC TESTING CENTER

Microsoft Certified Professional Systems Engineer

Cisco Systems — Empowering the Internet Generation

Lớp Bao Gồm:

MSCE
MCDBA CORE
CISCO (CCNA)
INTERNET & WEBMASTER
WINDOWS 2000 PROFESSIONAL
PEACHTREE ACCOUNTING
QUICK BOOKS.

MONTEREY PARK COLLEGE — SINCE · 1991

- Có lớp ngày và đêm
- Có trợ giúp của chính phủ cho học viên nếu được hội đủ điều kiện.
- Hướng dẫn tìm việc làm sau khi tốt nghiệp.

TRA / WIA / Veterans and Rehabilitation

MPC College

Để biết thêm chi tiết và địa điểm gần nhất, xin quý vị gọi cho John Lê Tại số miễn phí.

1-877-Want-MPC
1-877-926-8672

- *Stanton*
- *Walnut*
- *Monterey Park*

COMPUTING TECHNOLOGY INDUSTRY ASSOCIATION — A+ CERTIFICATION

MCSE WINDOWS 2000
(Microsoft Certified Systems Engineer)
A+ Certification and CCNA

TRUNG TÂM WORLD

Xin trân trọng giới thiệu đến Quý thính giả
2 CDs mới rất tuyệt vời nhất trong năm 2001

CD "Nhạc Hòa Tấu Phiêu Lãng 2"

&

CD "Chút Hương Cho Gió 4"

được quy tụ nhiều tiếng hát, quý vị sẽ được thưởng thúc những bài hòa tấu du dương và những tiếng hát đang được nhiều cảm tình nhất. Quý Vị sẽ thoải mái với 2 CDs này và quện đi những muộn phiền chồng chất của năm 2001.
Trung tâm World hy vọng quý bạn sẽ thích thú và làm quà tặng nhau trong dịp Lễ sắp đến....

Đã Phát Hành Khắp Nơi...

1. BÂY GIỜ THÁNG MẤY	Nhạc bà lời: Từ Công Phụng	Lưu Hồng
2. ĐÂU PHẢI BỜI MÙA THU	Nhạc bà lời: Phú Quang	Tuấn Hùng
3. EM ƠI HÀ NỘI PHỐ	Nhạc bà lời: Phú Quang	Nguyên Khang
4. MƯA	Nhạc Hòa Tấu	
5. ĐÊM GIÃ TỪ	Ý Vân	Lưu Hồng
6. TÌNH NỮ KHÓC THAN	Lời nhạc: Khúc Lan	Ngọc Bích
7. EM CÒN NHỚ HAY EM ĐÃ QUÊN	Nhạc bà lời: Trịnh Công Sơn	Lê Phong
8. TIẾNG DƯƠNG CẦM	Nhạc Hòa Tấu	
9. TÓC GIÓ THỔI BAY	Nhạc và lời: Trần Tiến	Tuấn Hùng
10. MÙA THU ẤY	Lời nhạc: Khúc Lan	Ngọc Bích
11. HÀ NỘI Mùa Vắng Những Cơn Mưa	Thơ: Bùi Thanh Tuấn, Nhạc: Trương Quí Hải	Nguyên Khang
12. THUYỀN HỒNG	Nhạc Hòa Tấu	
13. TRÁI TIM SẮT ĐÁ	Lời nhạc: Phạm Duy	Julie
14. ĐỢI CHỜ	Nhạc và lời: Phạm Đình Chương	Lê Phong
15. VÌ TÌNH CÒN ĐÂY	Lời nhạc: Hoàng Trọng Thụy	Nguyên Khang
16. NGƯỜI ĐÀN BÀ Trong Tình Yêu	Nhạc Hòa Tấu	

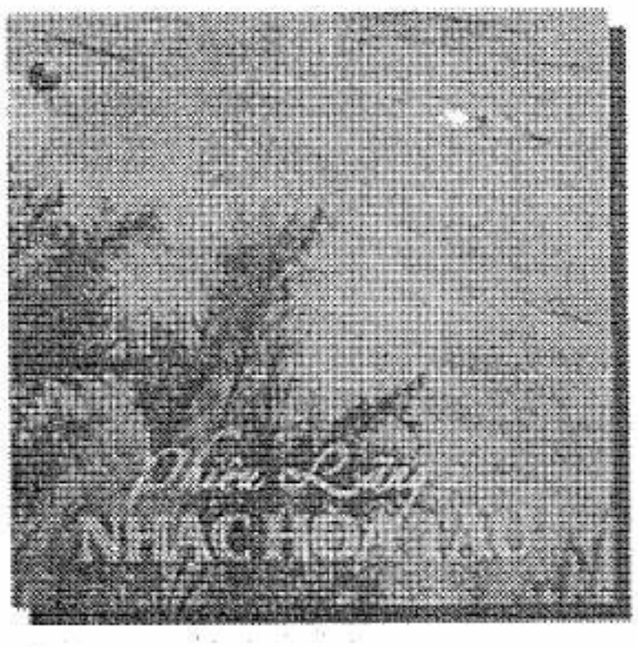

1. MƯA THÀNH PHỐ	Nhạc Ngoại Quốc
2. MỘT MÌNH	Lam Phương
3. KHÚC NHẠC THAY LỜI	Nhạc Ngoại Quốc
4. EM ĐẸP NHƯ MƠ	Lời nhạc trong CD Chút Hương Cho Gió 2
5. CHIẾU MỘT MÌNH TRÊN BIỂN VẮNG	Nhạc Ngoại Quốc
6. TÌNH MÃI NGU NGƠ	Lời nhạc trong CD Một Lần Tiễn Chân Người
7. ĐÊM YÊU	Nhạc Ngoại Quốc
8. ĐỒI ĐÁ VÀNG	Vũ Thành An
9. CON ĐƯỜNG VÀ TÔI	Nhạc Ngoại Quốc
10. RIÊNG MỘT GÓC TRỜI	Ngô Thụy Miên
11. BÊN NHAU MÙA PHƯỢNG NỞ	Nhạc Ngoại Quốc
12. MỘT LẦN NÀO CHO TÔI GẶP LẠI EM	Vũ Thành An
13. CÁNH BUỒM HẠNH PHÚC	Lời nhạc trong CD Em Xin Cảm Ơn Đời
14. ÁO LỤA HÀ ĐÔNG	Ngô Thụy Miên
15. TÌNH THIÊN THU	Lời nhạc trong CD Tình Thiên Thu
16. TIỄN NHAU LẦN CUỐI	Lời nhạc trong CD Em Xin Cảm Ơn Đời
17. HÃY YÊU NHAU	Nhạc Ngoại Quốc

Thực Hiện và Chọn Nhạc: **NGUYỄN VĂN THÀNH** - L/L World Productions (714) 897-0823
Hòa Âm: Quốc Thắng & Lê Văn Thiện / Photo, Make-up & Hair Design: Nguyễn Cao Kỳ Duyên
Đại Diện Phát Hành tại vùng Los Angeles, San Diego & Orange County - Liên Lạc: **(714) 531-3862**

Trung Tâm Quang Tuyến
MAGNOLIA IMAGING & ADVANCED RADIOLOGY

Trung tâm quang tuyến do những bác sĩ có bằng chuyên môn thực thụ BOARD CERTIFIED rất giỏi, kinh nghiệm, tận tâm phục vụ cộng đồng từ năm 1987. Văn phòng được trang bị máy móc tối tân nhất trong cộng động hiện nay để định bệnh bằng quang tuyến, siêu âm và phóng xạ.

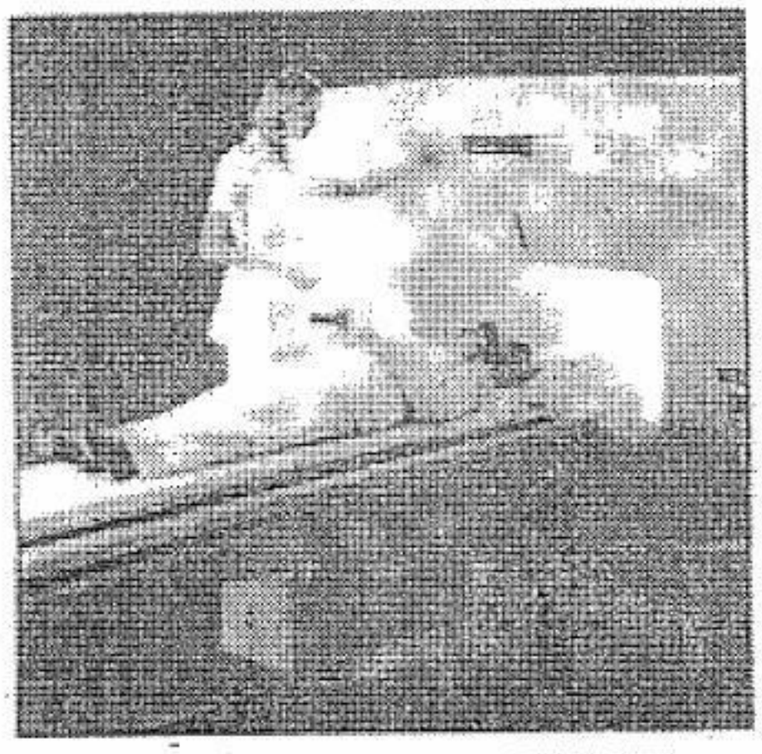

- X-RAY
- COLOR ULTRASOUND
- CAT SCAN
- MRI
- MAMMOGRAPHY
- NUCLEAR MEDICINE

ĐẶC BIỆT CHO PHÁI NỮ

Do nữ chuyên viên đảm nhận

- Chụp ngực kỹ thuật mới rất ít phóng xạ
- Có máy siêu âm mầu để rà bướu tử cung và ngực rất rõ ràng tránh định bệnh sai

ĐẶC BIỆT CHO PHÁI NAM

- Có máy siêu âm mầu đặc biệt chuyên rà ung thư nhiếp hộ tuyến (Prostate)

- Máy mới đặc biệt đo độ sốp xương (BONE DENSITY) chính xác tránh được nhiều bệnh như đau lưng, cụp xương sống, gãy xương do thiếu chất vôi.
- Có máy siêu âm mầu chụp mạch máu cổ để ngừa bị nghẽn gây ra liệt, bán thân bất toại (Tai biến mạch máu não - STROKE)

Máy móc của trung tâm được điều chỉnh, bảo trì và cải tiến thường xuyên, phẩm chất phim ảnh tốt nên rất rõ ràng và chính xác. Chúng tôi đã tìm được nhiều bệnh mà các trung tâm khác không tìm ra và được sự tín nhiệm của rất nhiều bác sĩ

CHÚ Ý: *Quý vị có quyền tự do lựa chọn bác sĩ quang tuyến*

Giờ mở cửa:
Thứ Hai - Thứ Sáu: 9AM - 6PM
Thứ Bảy: 9AM - 3PM

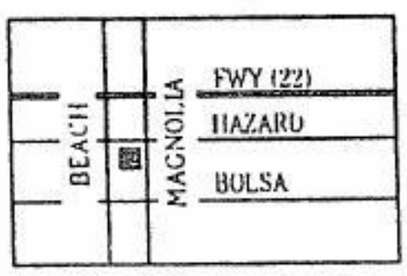

14571 MAGNOLIA #101 WESTMINSTER, CA 92683
Tel (714) 893-1915 Fax: (714) 898-8142

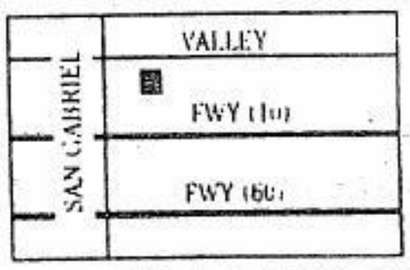

808 E. VALLEY BLVD. SAN GABRIEL, CA 91776
Tel (626) 280-0431 Fax (626) 280-6840

NHẬN HẦU HẾT CÁC LOẠI BẢO HIỂM, MEDICAL, MEDICARE, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT CHO QUÝ VỊ TRẢ TIỀN MẶT

Regent West

Nhà Hàng Buffet Việt Nam Kiểu Las Vegas
Độc Nhất Vô Nhị Tại Little Saigon

Muốn Có Tiệc Cưới

Sang Trọng

tại **Trung Tâm Little Saigon**

Xin mời đến # REGENT WEST

4717 W.First Street *(Euclid & Newhope)*
Santa Ana, CA 92703

Schedule & Price

From Monday through Sunday
We apologize for some Wedding Saturdays
DIMSUM: 9:30 am 2:30 pm
Order Items
From Monday to Sunday: Breakfast and Lunch
BUFFET: Monday to Friday
Lunch: $5.95 + $1 unlimited Drinks 11 am 3:00 pm
Dinner: $8.95 + $1 unlimited Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Saturday & Sunday
Special Brunch: $8.95 + $1 Drinks 11:00 am 3:00 pm
Special Dinner: $8.95 + $1 Drinks 5:00 pm 10:00 pm
Featuring Buffet "All You Can Eat"

LIVE MUSIC AT WEEKEND

Regent West có những đặc điểm sau đây:

* Thực đơn Việt Tây Tàu
* Buffet hoặc ăn cơm thổi
* Đầu bếp tàu 5 sao từ Hồng Kông, Bắc Kinh mới sang
* Phòng ăn sang trọng, sàn nhảy lộng lẫy
* Âm thanh nổi, hiện đại
* Ánh sáng tân kỳ với Laser Lights
* Sân Khấu 3D
* Bãi đậu xe rộng rãi, an ninh
* Có phòng trang điểm cho cô dâu
* Free bánh cưới Tiramisu độc nhất vô nhị
* Trang trí lộng lẫy
* Free Wedding consultation

Nhận tất cả các tiệc, thuê phòng hội họp, ra mắt CD, trình diễn kịch nghệ và cải lương.

Mọi chi tiết xin liên lạc

Toll-Free 1 877 Yến Tiệc hoặc 1 877 936 8432 và (714) 531 5798

Bolsa Medical Center

10362 Bolsa Ave., Westminster, CA 92683 - (714) 531-2091

THUỘC TỔ HỢP Y TẾ HMO: **AMVI MEDICAL GROUP**
CHƯƠNG TRÌNH CALOPTIMA: **AMVI/PROSPECT 27**

Trung Tâm Y Tế Toàn Khoa

Trung Tâm Giải Phẫu Ngoại Chẩn, Phòng Điều trị Khẩn Cấp & Quang Tuyến

Các bạn đi làm hay trong chương trình CalOptima xin hãy chọn các Bác Sĩ:

Bác Sĩ Gia Đình:
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Bùi Thị Lãm Thúy, M.D.
Lưu Lợi, M.D.
Trần Lauren Yến Châu, M.D.

Bác Sĩ Nội Khoa & Người Già
Nguyễn Hữu Hùng, M.D.
Nguyễn Anh Tuấn, M.D.
Nguyễn Song Anh Tú, M.D.
Nguyễn Hữu Vượng, M.D.

Bác Sĩ Sản Phụ Khoa
Phạm Đặng Long Cơ, M.D.
Vũ Quốc Định, M.D.
Hoàng Thảo Christine, M.D.

Bác Sĩ Nhi Khoa
Nguyễn Văn Lộc, M.D.
Hoàng Quý Minh, M.D.
Nguyễn Thanh Thùy, M.D.

Bác sĩ Giải Phẫu Tổng Quát
Văn Kỳ Chương, M.D.

Bác Sĩ Đau Nhức & Gây Mê
Paul Phạm Việt Anh, M.D.

Bác Sĩ Tim Mạch
Nguyễn Phúc Vĩnh Khiêm, M.D.

Bác Sĩ Đau nhức, Chỉnh Xương, Tai nạn Lao động
Hinh Chris, M.D.

* Trung Tâm được trang bị với các dụng cụ y tế tối tân nhất trên thị trường hiện nay, chuyên về các trường hợp giải phẫu mà bệnh nhân có thể về nhà không cần ở lại đêm.

* Trung tâm được công nhận bởi cơ sở y tế địa phương và tiểu bang.

* Đầy đủ các máy Siêu Âm, Máy Tâm Đồ, Máy Đo Tim, Máy Đo Độ Cứng của Xương để phòng ngừa và truy tầm triệu chứng rỗng xương, một trường hợp rất nguy hiểm cho quý vị.

* Chuyên trị các bệnh Nội, Ngoại thương, Sản Phụ Khoa, Nhi Khoa, Bệnh Người Già. Đau Nhức, Tê Thấp, Mất Ngủ, Tiểu Đường, Cao Máu, Cao Mỡ, Tai Mũi Họng, Bệnh Ngoài Da, Dị Ứng, Truy Tầm Ung Thư.

* Khám tổng quát định kỳ hàng năm, khám nhập học, nhập tịch, khám sức khỏe về VN kết hôn.
* Mời quý vị đón nghe Chương Trình của Tổ Hợp Y Tế Bolsa Medical Group hàng tuần vào mỗi trưa thứ tư, từ 2:15 - 3:15 P.M. trên băng tần 106.3 FM VNCR. Chúng tôi sẽ giải đáp tất cả những vấn đề liên quan đến sức khỏe của quý vị.

Trung Tâm Y Tế Bolsa nhận Medi-Cal, Medicare, CalOptima, và các bảo hiểm PPO.POS, EPO sau đây:

* AETNA
* BLUE CROSS/BLUE SHIELD
* BPS HMO
* CALIFORNIA CARE
* CIGNA
* FOUNDATION HEALTH
* HEALTH NET
* INTERVALLEY HEALTH PLAN
* MAXICARE
* ONE HEALTH PLAN
* PACIFIC CARE
* PRO-PATIENT
* PRUDENTIAL/PRUCARE/PRU PLUS
* SECURE HORIZON'S
* TOWER HEALTH
* UNITED HEALTH
* UNIVERSAL CARE

AMVI Medical Group, affiliated with Fountain Valley Regional Hospital & Medical Center a TENETH HEALTH SYSTEM

PRESORTED
STANDARD
U.S. POSTAGE PAID
SANTA ANA, CA
PERMIT No 63

Truc Lâm Thiền Viện.com

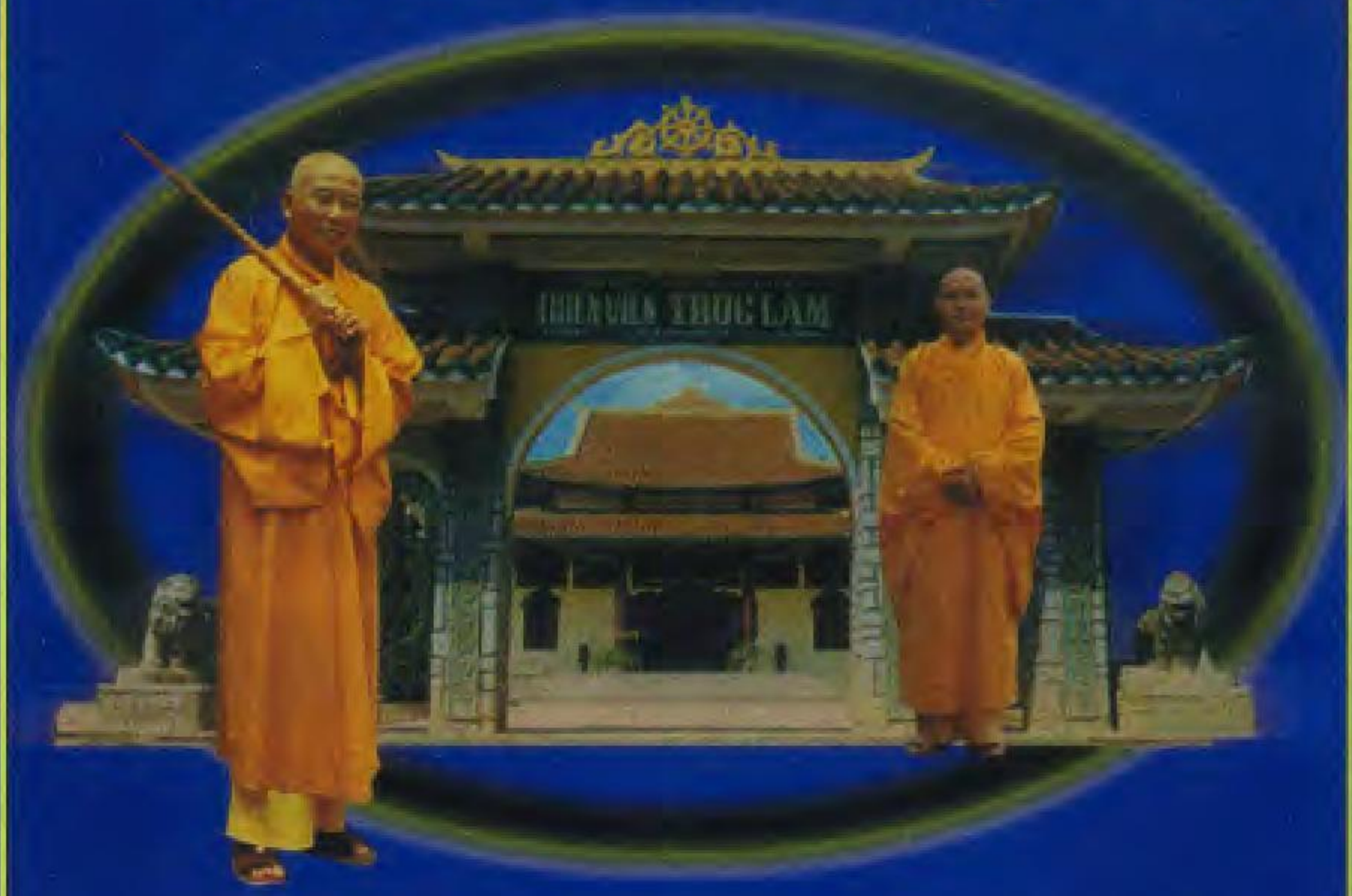

Thiền sư Thích Thanh Từ

Thiền Sư Thích Nhật Quang

Xuân Đến Xuân Đi Một Cành Mai

Biết vọng không theo *Đối cảnh vô tâm*
Không kẹt hai bên *Hằng sống với lẽ thật*

Là phương pháp tu do Thiền Sư Thích Thanh Từ, Viện Chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt sáng lập để hướng dẫn cho Tăng Ni & Phật Tử tu theo pháp môn Thiền Tông Việt Nam cuối Thế Kỷ 20, đầu Thế Kỷ 21.

Chúng tôi có phát hành Video, Cassette, CD học Phật của Thiền Sư Thích Thanh Từ & Thích Nhật Quang.

Xin liên lạc **Tâm An: (714) 839-6704**

9455 Bolsa # E, Westminster, CA 92683

hay **www.TrucLamThienVien.com**

Web Site: ThienTongVietNam.HuongSen.com

Ấn Phí: 9 Mỹ Kim